

VIÊN GIÁC

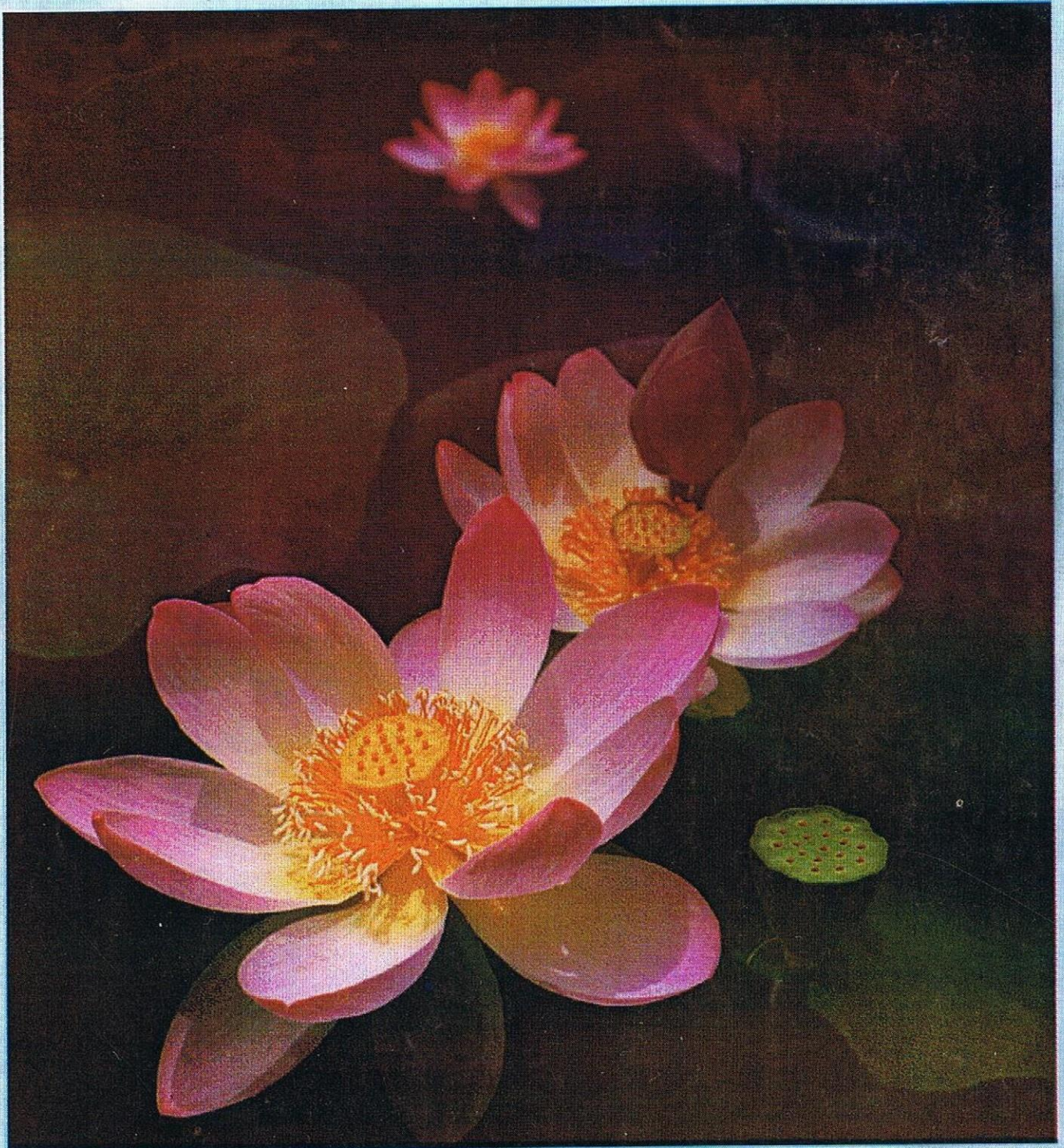


SỐ - NR.
105

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL. 2542 ■ NĂM THỨ 20 ■ THÁNG 6 ■ JAHRGANG 20. ■ JUNI 1998 ■ AUSGABE IN VIETNAMESISCHE & DEUTSCH



KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2542



Đức Đạt Lai Lạt Ma thường hay nói rằng: "*Khi người ta tu hành theo pháp Phật đúng phép thì càng ngày người ta phải tự biết mình không có cái gì cả*". Câu nói ấy tuy ngắn ngủi; nhưng rất đầy đủ ý nghĩa về triết học của Tánh Không và đặc biệt là Trung Quán luận.

Vì sao vậy? Vì đã là người Phật Tử, rất nhiều người học Phật; nhưng ít hành Phật. Không hiểu rõ lời Phật dạy. Nếu ai đó biết nhận chân về sự vô thường, khổ, không và vô ngã một cách tuyệt đối, thì sẽ thấy mình không là gì cả.

Có nhiều người Phật Tử, ở đây nói chung, không phân biệt một giống dân nào cả, khi chưa hiểu đạo thì tìm đến đạo để học hỏi, sau một thời gian học hỏi hiểu biết ít nhiều giáo lý của Đạo Phật lại tự thấy mình là quan trọng, rồi đem sự hiểu biết ấy trao truyền lại cho tha nhân, mang hạnh Bồ Tát, nhưng trên thực tế công việc làm ấy nó chỉ mang tính chất vị ngã nhiều hơn là vị tha. Do chưa hiểu rõ tinh thần vô ngã của Đạo Phật. Từ đó sinh ra chấp có rồi chấp không, chấp không rồi chấp có. Cuối cùng cũng chỉ lẫn lộn trong chuyện có không, không có mà thôi.

Nếu ai cũng hiểu rằng cuộc đời này vốn tướng đối, không có cái gì tuyệt đối ngoài chân lý cả. Do vậy dưới mắt mọi người, phải nhìn sự thật, con người trong ý nghĩa tướng đối ấy thì chính ta cũng không bị khổ não nó dày vò mà tha nhân, người đối diện cũng sẽ không bị khổ lây. Chúng ta tự vẽ cho chúng ta và vẽ cho tha nhân một hình vuông, một hình tròn nào đó và tự đóng khuôn vào những loại hình mẫu mực mà chúng ta đã vẽ ra đó. Nếu ai đi sai mẫu mực mà mình tự vạch ra đó, thì ta cho họ là sai, qua cái cố chấp của mình. Bởi vì còn chấp, còn nghi là chưa xả bỏ, mà tu theo Đạo Phật là phải phá chấp, phá nghi, diệt trừ vọng tưởng, ấy mới là điều căn bản để được vào cửa ngõ đạo.

Ngược lại người tu càng lâu bao nhiêu lại tự thấy bản ngã của mình lớn bấy nhiêu. Do vậy mà khổ đau, thất vọng, sầu não cứ vây quanh chính đương sự và không có lối ra. Do đó chư Phật và chư vị Bồ Tát ra đời, mang tử bi, lợi tha đến cho tha nhân. Tử Bi, Trí Tuệ và Lợi Tha không bị đóng khung vào hình vuông hay hình tròn cố chấp, mà giải phóng con người ra khỏi sự nô lệ của tự ngã ấy. Cái nhìn

của cố chấp đóng khung là cái nhìn của tù hãm, cái nhìn của sự bảo thủ của bản ngã. Khi nào chúng ta tu hành theo phép Phật mà tự giải thể tự ngã của mình bằng con đường diệt ngã, chính đó mới là lối tu đúng đắn nhất.

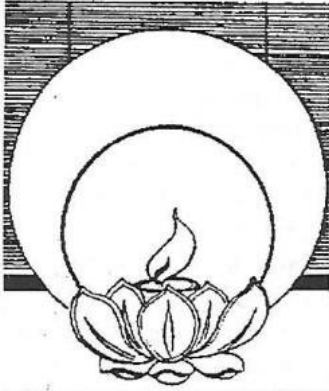
Qua khóa học giáo lý ngắn hạn tại Bá Linh từ ngày 21 đến ngày 24 tháng 5 năm 1998 vừa qua, đến phần giải đáp thắc mắc, có một học viên hỏi rằng: Làm sao để được an lạc? Câu hỏi tuy ngắn gọn; nhưng câu trả lời phải trải qua một thời gian tu hành có thể ở nhiều giai đoạn khác nhau mới có ý nghĩa trọn vẹn được. Câu trả lời được đáp như sau: Nếu quý vị muốn có sự an lạc nơi nội tâm, phải quay lại nơi chính mình thực hành lời dạy của chư Phật như sau thì sẽ được an lạc. Ví dụ làm sao chịu đựng nổi khi người ta chửi mình không giận, khi người ta chê mình không buồn, khi người ta khen mình không tự mãn v.v... điều này không dễ; nhưng nếu tâm ta được an thì chúng ta không bị lệ thuộc vào sự khen, chê, còn, mất, được, hơn, vinh nhục ấy, mà thủ gió bát phong kia đã làm cho chúng ta rơi vào ở nhiều đời nhiều kiếp rồi. Chúng ta đa phần bị lợi danh nó làm mờ của Đạo. Có bố thí cúng dường đó; nhưng chỉ là danh tướng mà thôi. Có làm việc đạo giúp người đó; nhưng chỉ là hình thức thôi. Khi nào tu học mà chỉ mang tính cách hình thức như vậy thì không thể nào đánh đổ cái bản ngã kia được. Muốn chiến thắng nó ta phải tự luyện tập sức nhẫn chịu và tự nhìn lại nơi nội tâm của mình, để tạo cho mình có một ý thức nội tại, nhằm kiểm điểm con đường tu học của mình qua suốt một quá trình đã dẫn thân. Bằng ngược lại, chỉ tốn công vô ích thôi. Thay vì dụng công để diệt trừ tự ái, ngã mạng thì chúng ta càng nâng cao chúng lên và tô vẽ cho sự hiểu biết của mình là đúng đắn, thì hóa ra học đạo đối với những người này chỉ là món đồ trang sức mà thôi.

Chúng ta tu học phải thấy cái lợi ích của nó. Nếu không cũng giống như người đầu tư vào một cơ sở kinh doanh mà không biết tính toán của nhịp độ cung cầu. Dĩ nhiên kết quả của sự tu học không sinh ra lời bằng tiền, mà sinh ra cái lợi được hiểu mình, hiểu người. Có vậy mới làm cho chính mình và người khác an lạc được. Nếu không làm vậy, hóa ra sự dụng công cho Đạo thật là vô bổ, cũng giống như nhà đầu tư kia tuy có làm việc đầu tư; nhưng không có khả năng lường biết kết quả của nó là gì.

Chúng ta là Phật Tử đã tu học, đường tu học và sẽ tu học phải luôn luôn thực hành đúng với đường lối này. Nếu không, chúng ta sẽ dễ rơi vào con đường không tuồng. Cuối cùng rồi đầu cũng chẳng vào đâu, mà muốn vậy phải hạ thủ công phu, soi rọi tâm mình ngay từ lúc này, để việc thực hành lời dạy của Đức Phật được kết quả mỹ mãn hơn.

Chấp tay nguyện cầu cho con người phải hiểu biết nhau hơn, mà muốn có được vậy phải tự hiểu mình trước, phải quay về với chính mình trước, thực hành phép tu tự thể và soi rọi quán chiếu nơi tự thân, để từ đó ánh sáng trí tuệ sẽ được rọi soi, qua sự chuyên chở của lòng từ, thì bờ giác nào chúng ta cũng có thể cập bến được và sẽ vực hết sinh linh qua khỏi cảnh khổ của sinh tử luân hồi. Mong lắm thay!

☐ Ban Biên Tập Báo Viên Giác



LUẬN VỀ ĐỜI TIẾP NỐI ĐỜI

Nguyên tác: Reflections on Life After Life
Tác giả: Dr. Raymond A. Moody, Jr.

Người dịch: Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyên

CHƯƠNG VIII - PHỤ LỤC

(Tiếp theo và hết)

III. PHƯƠNG PHÁP KHOA HỌC

Điểm khó khăn của việc xem các báo cáo kinh nghiệm cận tử như là bằng chứng của kiếp sau ở chỗ các báo cáo này có tính cách giai thoại (anecdotal reports). Phương pháp khoa học giới hạn chặt chẽ việc sử dụng lời khai như là một bằng chứng. Ít nhất có 3 lý do chính đáng:

1. Thiên hạ đôi khi nói dối.
2. Thiên hạ đôi khi nhỏ lộn hoặc hiểu sai việc xảy đến với họ.
3. Thiên hạ đôi khi có ảo giác, ảo tưởng, nhất là lúc thần kinh căng thẳng.

Thực vậy nếu cho rằng các báo cáo của con người thường sai lầm, người ta có thể báo cáo báo cáo mà tôi sưu tập chẳng chút giá trị gì.

Tuy nhiên các nhận xét ngược lại cũng cần được nêu ra. Thứ nhất, khoa học đã nhiều lần lầm lẫn vì không lắng nghe các lời khai. Thí dụ mãi cho đến các thập niên đầu của thế kỷ 19, khoa học bác bỏ sự hiện hữu của thiên thạch (những khối đá từ ngoài tầng không gian rơi xuống trái đất). Tuy nhiên chuyện cổ dân gian vẫn hay kể về đá từ trên thiên đường rơi xuống, dù các khoa học gia củ khẳng khẳng là chuyện này đâu thể có. Họ lập luận rằng trên thiên đường đâu có đá để mà rơi. Cuối cùng hai Giáo sư ở Princeton chứng kiến một thiên thạch rơi và lượm các mảnh vụn về trường để nghiên cứu.

Như vậy, một cách tổng quát, việc bác bỏ lời khai như là bằng chứng giống như con dao hai lưỡi. Giả dụ như quả thực chúng ta có thể tránh lầm lẫn khi không chấp thuận những lời khai như là bằng chứng vì người đời thường điêu ngoa, hiểu lầm, v.v... Thế nhưng quả tình chúng ta có thể bỏ lỡ sự thực bởi chẳng chịu lắng nghe những gì họ nói.

Hơn nữa đối với một số vấn đề đôi khi ta chỉ có những lời khai để làm việc trong một thời gian. Về tử coi chết hẳn nhiên nằm trong số đó. Dĩ nhiên các báo cáo của những người từng đến ngưỡng cửa tử sinh không thể là bằng cứ hay chứng cứ là có đời sống sau khi chết. Cho nên vì tò mò, tốt hơn hết là ta cứ hỏi những người chết hết kể chuyện đó. Nếu các báo cáo riêng rẽ của họ đều giống nhau và quả có như vậy, ta có quyền xem đó là chuyện có thật, dù không phải là chứng cứ. Chót hết, nếu một hiện tượng phổ quát không được các phương pháp khảo cứu khoa học hiện nay và các hệ thống dựa trên các khái niệm đối xử tốt, ta chớ vì thế mà bác bỏ nó. Thực tế đó phải khiến ta cố gắng đạt được những khái niệm mới, những kỹ thuật mới để khám phá, chúng không mâu thuẫn mà trái lại xây dựng trên và vượt qua các khái niệm, kỹ thuật đã có.

Tôi là người đầu tiên nhìn nhận rằng công cuộc khảo cứu của tôi không hoàn toàn có tính cách khoa học vì nhiều lý do. Trước hết, các mẫu đối tượng nghiên cứu không được phỏng vấn một cách tinh cò, mà được chọn vì nhiều yếu tố. Thứ nữa, như ta biết, cuộc khảo cứu này gồm toàn những chuyện kể, không thể xem là chứng cứ khoa học.

Vài yếu tố trong đó có thể sửa chữa được. Vì bắt nguồn từ tài nguyên và thời gian có giới hạn của tôi. Thế nhưng còn có các vấn đề khác phát xuất từ bản thể của đề tài nghiên cứu mà ta khó thực hiện một cuộc khảo cứu khoa học không thể tranh cãi, trong những điều kiện thực nghiệm có kiểm soát thích ứng. Dĩ nhiên ta đâu thể trưng ra các con số thống kê to lớn và số người được công bố là đã chết để có thể ghi nhận cảm tưởng của họ về việc đã được may mắn cứu sống!

Các trường hợp lâm sàng đã xảy ra không phải là những thí nghiệm có kiểm soát mà là những trường hợp cấp cứu. Nhiệm vụ trước tiên của Bác sĩ, nhân viên y tế trong những hoàn cảnh này nhất thiết phải là lo chữa trị, hồi sinh bệnh nhân. Họ

chẳng có nhiệm vụ làm các cuộc thí nghiệm về bản chất và giá trị của các kinh nghiệm cận tử.

Cho nên có lẽ điều duy nhất được xem hợp luân thường đạo lý là việc thu thập những dữ kiện căn cứ vào sự việc xảy ra.

Các dữ kiện thường hiện ra trong lúc cấp cứu, không phải với chủ tâm sưu tập chúng vì mục đích khoa học, mà vì đó là kết quả thủ yếu của việc chữa trị hoặc chẩn bệnh. Chẳng hạn các hồ sơ lâm sàng thường ghi vì lý do nào một người đã "chết" hay cận kề với cái chết, người này ở trong trạng thái đó bao lâu, nhờ đâu lại hồi sinh, khi sống lại người đó phản ứng như thế nào, những thuốc gì đã được dùng, v.v... Ngoài ra có thể còn là những điện não, điện tâm đồ, những bản ghi nhiệt độ, huyết áp, kết quả các thủ nghiệm được thực hiện trước hay sau khi cấp cứu, v.v... Các kỹ thuật hồi sinh hay dụng cụ tối tân ắt hẳn khiến các dữ kiện này càng đáng tin và dễ có được trong tương lai.

IV. ĐỀ NGHỊ SƠ KHỞI CHO VIỆC KHẢO CỨU TRONG TƯƠNG LAI

Giả dụ như dễ dàng có được các dữ kiện loại này như vừa nói cũng như các loại khác, việc khảo cứu hiện tượng cận tử sẽ như thế nào? Một việc có thể làm là lập một nhóm khảo cứu liên khoa trong đó các vị đại diện thuộc nhiều lĩnh vực sẽ cùng nhau làm việc. Các lĩnh vực đó là y, dược, sinh lý, triết lý, tâm lý, thần kinh bệnh học, nhân chủng học, tôn giáo học đối chiếu, thần học, giáo đoàn.

Nhóm này đảm trách nhiều công việc, trong số đó có:

A. Việc sưu tập có phương pháp và tổ chức các kinh nghiệm cận tử. Chẳng hạn các Bác sĩ, nhân viên y tế được liên lạc và yêu cầu hỏi những bệnh nhân được hồi sinh là họ vừa có được các kinh nghiệm gì để rồi báo cáo cho nhóm khảo cứu. Hay là cho phép một toán điều tra đến bên bệnh nhân để hỏi có chuyện gì xảy ra cho họ hay không. Ghi chú: Các trường hợp chẳng có chuyện gì xảy ra cũng phải được ghi nhận vì nó quan trọng cho việc khảo cứu đối chiếu.

B. Các hồ sơ lâm sàng thuộc loại "căn cứ vào sự việc đã xảy ra" nêu trên về kinh nghiệm cận tử có thể được thu thập càng nhiều càng tốt. Và lại chúng có giá trị bổ túc nếu đó là kinh nghiệm của một người đã "chết" hay gần chết. Hơn nữa, các dữ kiện này khiến ta có thể thu thập được một mẫu thống kê điển hình đáng tin cậy về

tin, trạng sức khỏe của những người có kinh nghiệm cận tử và giúp ta thấy được vì sao họ chết, tuổi tác của họ, các phương cách hồi sinh, v.v... Một mối tương quan tốt đẹp hơn về phương diện thống kê (hơn điều mà tôi có thể thực hiện) ắt hẳn là thời lượng người này bị khủng hoảng sinh lý và mức độ sâu cạn của kinh nghiệm cận tử.

C. Một cuộc khảo cứu có thể được thực hiện nhằm thu thập nhiều chứng cứ về một loại kinh nghiệm cận tử nào đó. Thí dụ thành lập những trường hợp "lý tưởng" của loại kinh nghiệm cận tử này song song với những trường hợp tương tự.

(1) Trong phòng cấp cứu, ông A bị bệnh nặng được các Bác sĩ, nhân viên y tế chữa trị. Vì việc chữa trị đã được thực hiện liên tục trong một khoảng thời gian nên các máy móc y tế được sử dụng một cách cẩn thận và đúng đắn để toán y tế có thể theo dõi tình trạng bệnh nhân. Máy đo cho biết huyết áp, sự hô hấp, hoạt động của tim (nhờ điện tâm đồ) và óc (nhờ điện não đồ). Nếu ghi nhận cẩn thận ta thấy vào một thời điểm nào đó ông A bị ngừng tim và tắt thở. Ngoài ra còn có thể thấy và ghi nhận rằng móng mắt của ông nở to ra, thân nhiệt của ông bắt đầu tụt giảm. Lập tức các phương cách hồi sinh được thực hiện và sau một thời gian nào đó, ông được cứu sống và bình phục.

Sau đó ông A kể cho các Bác sĩ nghe ông đã trải qua một kinh nghiệm kỳ lạ lúc ông "chết". Ông thấy dường như đã thoát xác, chứng kiến cảnh thiên hạ lo hồi sinh ông. Ông còn cho biết trong khi ở trạng thái hôn ông đã rời khỏi phòng, đến một nơi khác để chứng kiến một chuyện kỳ lạ xảy ra và ông mô tả một cách chi tiết.

Không những các nhân viên y tế đồng ý ông A kể rất chính xác về những gì họ làm để hồi sinh ông, mà việc kiểm tra tức thì về chuyện ông cho rằng đã chứng kiến bên ngoài phòng đó cho biết quả thực có xảy ra ở đâu và như thế nào. Hơn nữa có thể thấy rằng sự việc xảy ra đúng vào lúc ông A đã "chết" vì điện não đồ và điện tâm đồ đều có những lần vạch phẳng.

(2) Giả sử có hai hay nhiều người cùng "chết" một lượt rồi sau đó được cứu sống. Điều này có thể xảy ra vì họ tự tử tập thể chẳng hạn hoặc ngẫu nhiên có hai hay nhiều người "chết" cùng một lúc tại một bệnh viện. Giả dụ thêm là ngay sau khi hồi sinh họ đều thuật (dù ở các phòng riêng rẽ) là họ đã liên lạc với nhau trong trạng thái xuất hồn. Nội dung sự liên lạc này có thể được ghi nhận riêng rẽ từng người. Nếu kiểm lại thấy đúng, điều này chắc chắn có ý nghĩa và đáng lưu ý.

Song ở cả hai loại trường hợp nêu trên, chẳng có loại nào có thể dùng làm chứng cứ là có đời sống sau khi chết. Trí giác ngoại giác quan có thể là cách giải thích cho cả hai loại này. Người ta có thể nêu rằng các đối tượng nghiên cứu có khả năng quan sát những gì họ làm, không nhất thiết phải xuất hồn, mà nhờ có thần giao cách cảm nên "thấy" được tư tưởng của các quan sát viên đang có mặt tại đó.

Tôi cũng không cho rằng các nhà khảo cứu có thể tìm thấy được các trường hợp đầy đủ như các trường hợp nêu trên. Tôi chỉ đề nghị các nhà điều tra nên lập ra một loạt mẫu lý thuyết. Dùng các mẫu này làm tiêu chuẩn, quý vị điều tra có thể so sánh những trường hợp thực sự xảy ra với các mẫu này, so sánh những trường hợp đó với nhau và lập ra một cây thước đo để xếp loại.

D. Các nhà điều tra có kiến thức tâm lý học ắt hẳn có thể thực hiện những cuộc phỏng vấn có chiều sâu với những người từng suýt chết. Nhiều chỉ dấu rất giá trị có thể được tìm thấy, chẳng hạn kinh nghiệm cận tử đó đã thay đổi bản thân bệnh nhân như thế nào, việc bệnh nhân dịch dịch kinh nghiệm cận tử đã bị bản chất và quá trình đào tạo của y ảnh hưởng như thế nào, v.v... So sánh các kết quả có thể cho thấy các người thuật lại kinh nghiệm cận tử đều khác biệt nhau và họ cũng khác với toàn thể nhân loại.

E. Các yếu tố riêng rẽ của kinh nghiệm cận tử có thể được nghiên cứu và hoặc giải thích riêng rẽ. Chẳng hạn tiếng kêu "vo vo" mà thiên hạ báo cáo nghe được lúc cận tử được giải thích theo sinh lý học. Nó đâu có nghĩa là các yếu tố khác của kinh nghiệm cận tử (như việc gặp các thân bằng quyến thuộc quá cố) cũng thuộc một lối giải thích.

F. Cuộc khảo cứu rộng rãi về các kinh nghiệm cận tử có thể được thực hiện ở những nơi bên ngoài xã hội Tây phương tân thời. Có thể nhờ các nhà nhân chủng học sưu tập các kinh nghiệm cận tử trong các nền văn hóa rất khác biệt. Cẩn thận xem lại các tác phẩm viết về những chuyện có thật trong lịch sử ắt làm lộ rõ những trường hợp của xã hội Tây phương. Một chuyên gia về tôn giáo học đối chiếu chắc nêu ra được các điểm tương đồng trong nhiều tôn giáo trên thế giới. Triển vọng tràn trề.

G. Có thể tập hợp những người có kinh nghiệm cận tử thành các nhóm nhỏ để

thảo luận về các kinh nghiệm của họ. Tôi đã và đang làm như vậy nhiều lần và thấy rất hữu ích. Cho đến nay đa số những người có kinh nghiệm cận tử đều nghĩ rằng chỉ có họ mà thôi; hoặc các trường hợp của họ hiếm đến nỗi để gì tìm được kẻ đồng cảnh ngộ.

Cảm tưởng này chắc chắn tan biến đi khi họ gia nhập nhóm. Sự khó diễn tả cũng được khắc phục phần nào. Họ báo đây là lần đầu họ cảm thấy gặp được người thực sự hiểu và thông cảm, dù gặp trở ngại về ngôn ngữ. Vào cuối buổi họp nhóm, một người đã phát biểu: "Đây là một buổi tối tuyệt nhất đời tôi. Tôi đã thảo luận về những điều mà tôi không thể nói ra". Tôi cũng thấy với tư cách một quan sát viên của các nhóm đó, tôi có thể hiểu nhiều hơn trước rằng kinh nghiệm cận tử nó như thế nào.

Tôi xin góp ý hai điểm. Theo thiên ý, một nhóm gồm ba người có kinh nghiệm cận tử là tốt nhất. Nếu người phối ngẫu của tham dự viên cũng có mặt thì càng hay. Bản thân họ thường chẳng hiểu nổi cái thú kinh nghiệm mà vợ hay chồng họ đã trải qua. Nghe người khác kể về những kinh nghiệm tương tự chắc cũng có ích đấy chứ.

H. Sau hết tôi thấy cần lưu ý đến mấy lập luận của những kẻ cho rằng hiện tượng này có thể dùng các nguyên nhân tự nhiên hay các khái niệm khoa học mà ta đã biết để cắt nghĩa, thí dụ: hoạt động điện còn sót lại của não bộ. Nó diễn ra mà không cần nói rằng khoa học tự nhiên đã đưa chúng ta tiến rất xa trong việc tìm hiểu vũ trụ.

Đồng thời tôi nghĩ rằng ta chớ dễ dãi chấp nhận những sự giải thích theo khoa học tự nhiên mà không đem ra trắc nghiệm. Tôi nghe nhiều người bảo rằng có hiện tượng cận tử vì óc thiếu dưỡng khí (cerebral anoxia). Thật dễ dàng có được khối cách giải thích theo khoa học tự nhiên thuộc loại này một cách thiếu cân nhắc. Thiếu thực nghiệm chứng minh đặc biệt cho thấy giải thích như vậy là đúng. Như đã nêu rõ trong quyển "*Đời Tiếp Nối Đời*", điều làm tôi nghi ngờ các cách giải thích quá đơn giản này là tôi có thể tìm thấy ở một số kinh nghiệm cận tử các cách giải thích đó chẳng phù hợp với những sự thực đã xảy ra hoặc hoàn cảnh lúc có kinh nghiệm cận tử.

Rốt lại "giải thích" và "giải thích cho xong chuyện" rất khác nhau. "Giải thích cho xong chuyện" là co ép một hiện tượng mới chung loại với một hiện tượng cũ hoặc cho rằng hiện tượng mới này chỉ là một

trường hợp đặc biệt của những hiện tượng mà ta quen thuộc (hoặc ngỡ rằng ta quen thuộc). Theo tôi ít ra ta nên luôn phóng khoáng, nghĩ là những hiện tượng có vẻ mới có thể là những sự kiện bất thường thực sự - những hiện tượng không phù hợp với các quan điểm mà thế giới đã đưa ra trước đây. Chính tinh thần phóng khoáng đối với những chuyện kỳ lạ xảy ra là một trong những động cơ to lớn nhất làm cho kiến thức nhân loại tiến bộ.

V. VÀI NHẬN ĐỊNH SAU CÙNG

Xin kết thúc chương bàn về phương pháp này với vài nhận định biết đâu ích lợi cho những ai muốn khảo cứu hiện tượng này. Trước hết tôi nghĩ rằng nhà khảo cứu không nên có khuynh hướng cho rằng các hiện tượng cận tử là những chủ đề không đáng nghiên cứu chỉ vì vài yếu tố của chúng đối lập với các giả định mà người ta hằng ôm ấp về bản chất của thế giới.

Tôi cũng thừa nhận rằng hiện tượng cận tử có những khía cạnh khó hiểu nổi với nhãn quan hiện nay. Thí dụ sự bất nhất về vấn đề thời gian. Quan điểm Tây phương hiện nay về thời gian: nó là một yếu tố gắn liền với vũ trụ hữu hình, nó trôi chảy mãi theo một đường kẻ. Thế nhưng những người có kinh nghiệm cận tử lại cho rằng "thời gian lúc đó lắng đọng".

Tôi chẳng thể trả lời cho những ai hỏi về chuyện rõ ràng kỳ lạ này. Điều chắc chắn là khá nhiều nhà vật lý, triết gia hẳn đồng ý rằng khái niệm thông thường về thời gian phát sinh nhiều nghịch lý ngay trong chính nó, dù không đếm xỉa đến những gì nhiều người thấy lúc thập tử nhất sinh. Việc cứu xét các kinh nghiệm cận tử càng làm nó lâm vào cảnh khó xử chẳng khác chi thêm một giọt nước vào cái ly đã gần tràn.

Tôi cũng khuyên các nhà khảo cứu nên tránh khuynh hướng cho rằng một người đã "chết" và có kinh nghiệm cận tử tất nhiên y phải biết mọi chuyện xảy ra ở thế giới bên kia. Không ai sống lại và cảm thấy rằng mình biết chính xác, thông suốt mọi sự về kiếp sau vì mình có kinh nghiệm cận tử. Đa số tỏ ra thực sự bối rối về nhiều chuyện họ kinh qua. Nói cách khác, nếu một người không hề sai lầm trước khi y có kinh nghiệm cận tử, thì ta không thể cho rằng y sẽ chẳng hề sai lầm sau khi về tử cõi chết.

Sau hết, sự hiểu biết của chúng ta về tâm thức con người sẽ tiến bộ hơn nếu các nhà khảo cứu về kinh nghiệm cận tử chỉ giải quyết từng khía cạnh một của vấn đề. Tôi cảm thấy một công cuộc khảo cứu quy

mô nhằm mục đích chứng minh là có đời sống sau khi chết qua việc nghiên cứu kinh nghiệm cận tử là không đúng và có tham vọng lộ liễu ở mức độ hiểu biết hiện nay của chúng ta. Tôi thấy rằng chỉ riêng trong bối cảnh khoa học, nó không bao giờ là bằng chứng của đời sống sau khi tử trần.

Mặt khác, tôi tin rằng một số lớn chương trình khảo cứu cá nhân, mỗi cái nhằm trải nghiệm một giả thuyết thực nghiệm đặc biệt và giới hạn ắt hẳn cung cấp nhiều dữ kiện khoa học khả dụng về kinh nghiệm cận tử. Hơn nữa tôi tin rằng kết quả sau cùng của sự tích lũy các mẫu kiến thức đặc biệt của các nỗ lực cá nhân và khó nhọc thì vấn đề "có hay không có đời sống sau khi chết" sẽ mờ dần mà không ai đưa ra một bằng chứng khoa học nào.

Tôi xin minh họa bằng một chuyện tương tự. Dù đa số chúng ta tin là có các nguyên tử, nhưng theo tôi không có một bằng chứng nào về sự hiện hữu của nó. Thực ra đây là một sự phát triển có tính cách lịch sử lâu dài của ý nghĩ về các giả thuyết của nguyên tử. Trước Công nguyên mấy trăm năm, các triết gia Hy Lạp như Democritus đưa ra lý thuyết nguyên tử của vật thể. Họ nêu ra liên đề về sự hiện hữu của một đơn vị vật chất rất nhỏ và "không thể chia cắt được". Họ làm vậy một phần dựa trên cơ sở lý luận trừu tượng, diễn dịch và siêu hình, một phần trên cơ sở của những quan sát thực nghiệm của họ về nhiều hiện tượng thiên nhiên như sự khuếch tán và sự mòn dần rất chậm chạp của các vật to lớn. Qua bao thế kỷ phát triển, khái niệm về nguyên tử được cải sửa, và các kỹ thuật xác minh sự hiện hữu của nó cũng thay đổi, kết quả là lý thuyết về nguyên tử dần dà được chấp nhận một cách rộng rãi.

Tương tự như vậy, tôi cho rằng nó nằm trong lĩnh vực của khả hữu, hầu như ai rời ra cũng có thể chấp nhận, dù đâu có bằng chứng hiển nhiên, rằng *có một cõi giới với chiều không gian khác biệt mà khi lia đời thì linh hồn sang bên đó*. Xin nhớ cho chính chúng ta lo âu về việc "chết có phải là hết" biểu lộ qua việc ta thách đố người trải qua kinh nghiệm cận tử hãy *chứng tỏ* là có đời sống sau khi chết.

Đa số những ai có kinh nghiệm cận tử dường như chẳng quan tâm đến việc chứng tỏ điều này với thiên hạ. Một nữ bác sĩ thần-kinh bệnh-học từng chết đi sống lại đã bảo tôi: "Những ai trải qua các kinh nghiệm này đều BIẾT. Còn những ai chưa kinh qua thì nên CHỜ". HẾT ●

ĐÓN XEM KỶ TỐI KHỎI ĐĂNG QUYỂN :

KỀ CẬN TỬ QUANG

NGUYỄN TÁC: CLOSER TO THE LIGHT
TÁC GIẢ: DR. MELVIN MORSE

Chuyện gì xảy ra khi lia đời?

Trước đây trong hai quyển sách khảo cứu công phu và trở thành những tác phẩm cổ điển là "Đời Tiếp Nối Đời" (Life After Life) và "Luận Về Đời Tiếp Nối Đời" (Reflections on Life After Life), Tiến sĩ triết học kiêm Bác sĩ y khoa Raymond A. Moody, Jr. nêu ra chứng cứ về các kinh nghiệm cận tử phá vỡ những thành kiến của các bác sĩ và của cả những người không chuyên môn.

Một thập niên sau, Bác sĩ nhi khoa MELVIN MORSE, một trong các nhà nghiên cứu nổi tiếng trong lĩnh vực này trưng ra nhiều bằng chứng khoa học đáng ngạc nhiên rằng **kinh nghiệm cận tử là những chuyện có thực**.

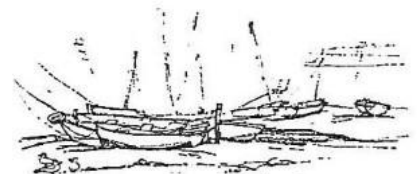
Thu thập lời kể của các trẻ em quá nhỏ nên chưa hấp thụ những thái độ có tính cách văn hóa về sự chết, quyển **kề cận tử quang** nêu các chứng cứ luôn mô tả cảnh an lạc lúc lâm chung, rằng nó đáng mừng hơn là đáng sợ, và là một "kinh nghiệm bên Đấng Tử Quang".

Nhiều người lớn từng chết đi sống lại lúc thiếu tuổi bảo rằng các ấn tượng của Đấng Tử Quang không bao giờ nhạt phai trong tâm họ.

Trong quyển sách vừa có tính cách khoa học và làm dịu lòng người này, Bác sĩ Morse tự hỏi có phải kinh nghiệm cận tử của người lớn khác với kinh nghiệm cận tử của trẻ em, có phải một trung khu nào đó của não bộ can dự vào, hay là vì những đặc tính di truyền. Tác phẩm này có thể làm thay đổi nhãn quan của độc giả về sự tử vong vào phút lâm chung.

Đạo Hữu Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn xin cố gắng dịch trọn quyển sách này (chủ không lược dịch như nhiều người thường làm) nhằm cống hiến quý vị một tài liệu giá trị.

■ VIÊN GIÁC



tìm hiểu ngày sinh của ĐỨC PHẬT THÍCH CA

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

Tháng Mười Một năm 1997, Thông Tấn Xã Reuters của Anh Quốc thông báo tin ông Thống Đốc mới Đổng Kiến Hoa người Trung Hoa của lãnh thổ Hồng Kông đã duyệt ký và công bố đạo luật do Hội Đồng Lập Pháp Hồng Kông biểu quyết chấp thuận lập Ngày Đản Sinh của Đức Phật Thích Ca thành một ngày lễ chính thức của nhân dân Hồng Kông. Từ nay trong ngày Đức Phật Đản Sinh, suốt trên lãnh thổ Hồng Kông dân chúng được nghỉ như ngày Giáng sinh của Đức Chúa Ki-Tô Cơ Đốc Giáo, công sở và trường học đóng cửa, công nhân các hãng kỹ nghệ và công nghiệp được nghỉ việc hưởng tiền lương.

Đối với người theo Đạo Phật, tin tức này phải được xem là một biến cố trọng đại. Lễ ra thì các chùa chiền trong cộng đồng người Việt tại quận Orange, California chẳng hạn, là nơi tập trung người Việt di cư đông đảo và phồn thịnh nhất, phải treo đèn kết hoa thiết lễ vui mừng, đánh dấu một kỷ nguyên mới trong đời sống tôn giáo và xã hội của nhân dân Đông Nam châu Á. Trên thực tế, chỉ thấy tin tức được đăng tải trên tờ báo lớn và có uy tín là Việt Báo Kinh Tế - trên đầu trang một- và không thấy một cơ quan thông tin nào khác nhắc tới; sinh hoạt trong các chùa chiền cũng tịnh không rao giảng đến biến cố này. Chắc ta phải hiểu đó là một nét đặc thù của tín đồ tôn giáo Đức Thích Ca, tin vui hay buồn cũng tiếp nhận trong trầm lặng và bình thản. Cũng có thể hiểu một cách tiêu cực hơn là ngày nay đời sống vật chất dễ dàng nói quê hương mới đã lấn át quá nhiều đời sống thiêng liêng khiến người đồng hương chúng ta không còn chút thiết tha với những gì xảy ra cho Tổ Giáo của họ.

Bài sưu khảo nhỏ này tìm hiểu về lối người xưa xác định Ngày Đản Sinh của Đức Phật. Chúng ta sẽ không tránh được phải nhắc tới các điểm trầm luân trong sinh hoạt tôn giáo người Á Đông và Đông

Nam Châu Á mà Đạo Phật đã là một yếu tố tiềm tàng và năng động nhất. Để hướng việc tìm học Đạo Phật vào hệ thống, ngữ vựng trong bài này sẽ dựa vào cuốn *Phật Học Từ Điển* của thầy Minh Châu (nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1991). Các danh từ chung hay riêng sẽ được cố gắng giữ hình thức chữ sanskrit (S.) hay Pali (P.), dịch một lần qua chữ Hán hay tiếng Việt đặt trong vòng đơn, trừ trường hợp những danh từ quá thông dụng. Như vậy, sẽ giúp người đọc dễ theo dõi, so sánh, tra cứu với các tài liệu bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức... ngày nay rất phong phú tại các thư viện, trong khi tài liệu bằng Hán văn đã trở thành khan hiếm, không còn trong tầm tay của bạn trẻ.

Trong một cơ hội trước, tác giả của bài này đã có dịp trình bày về năm sinh của Đức Phật (*Tìm hiểu Năm sinh xác thật của Đức Phật Thích Ca*, Tạp chí Hoa Sen, và Giao Điểm, California; Bán nguyệt san Ngày Nay, Texas; Hương Sen, Paris...). Như ta đã thấy, truy tìm năm sinh của Đức Phật rất khó, sự cách biệt giữa các con số dễ ra và chứng minh bằng lý thuyết xa nhau đến cả chục năm, vì trong số lượng khổng lồ kinh sách Phật, chưa ai tìm ra được một dữ kiện chính xác, khó chối cãi được về năm sinh của Đức Thích Ca. Về ngày sinh của Đức Phật cũng vậy. Ta sẽ thấy ở sau là sự việc chỉ dựa trên *truyền thống*. Nguyên ủy sự việc có thể giải thích, nhưng khó mà chứng minh được bằng dữ kiện. Điểm này không phải chỉ riêng của Đạo Phật, mà ngay trong tôn giáo lớn và giàu mạnh trên thế giới ngày nay là đạo Cơ Đốc, năm sinh và ngày sinh của Chúa Jesus cũng chưa hề được xác định (Độc Nguyễn Hoài Vân: *Tìm hiểu Ngày Giáng Sinh*, Thế Kỷ 21, số 104, tháng Mười Hai, California 1997).

Một điểm khác cần được lưu ý là Đạo Phật trường *Mahayana* (Đại Thừa, Phật Giáo của dân Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng, Việt nam v.v...) thiết lễ Đản Sinh riêng biệt, khác với các ngày lễ khác của Đức Phật như lễ Thích Ca thành đạo, lễ Thích Ca nhập Niết bàn. Đạo Phật trường *Theravada* (Nguyên thủy, còn gọi là Tiểu Thừa mà một số tín đồ tránh dùng danh từ này, xem là có ý nghĩa khinh nhẹ, của các sắc dân Nam Ấn-Độ, Tích Lan, Miến Điện, Cao Miên, Ai Lao...), thiết lễ Đản Sinh chung với các lễ Thành Đạo và Nhập Niết Bàn, gọi là đại lễ *Visakha*, danh từ Hán-Việt là *Tam Hợp*. Việc này liên hệ với quan niệm giáo lý Theravada, ta sẽ có dịp nói ở sau.

■ TÀI LIỆU CỔ NHẤT VỀ LỄ ĐẢN SANH

Sau thế chiến hai, Hội *The Pali Text Society* ở Luân đôn là tổ chức sưu khảo về Đạo Phật quy mô nhất, tiếp tục chương trình nghiên cứu và cộng tác với Viện Đại Học Colombo ở Tích Lan để dịch thuật, giảng giải các tài liệu cổ văn Pali trên các bia đá, lá cốt... tại các chùa. Năm 1972, học giả tỳ kheo Isabel Horner, Chủ tịch Hội *The Pali Text Society* công bố một số tài liệu mới tìm được trong quốc sử *Mahavamsa* của nước Tích Lan. Một tài liệu nói về lễ cầu mưa *Gangarohana* là một tập tục của dân Tích Lan theo Đạo Phật ngày nay còn tồn tại từ vùng quê đến thành thị. Một tài liệu khác quan trọng hơn nói về lễ Đản Sinh của Đức Phật. Dưới triều vua *Dutthagamani* (101-77 trước Tây nguyên), *quốc sử ghi chép lễ Đản Sinh* do nhà vua thiết lễ cầu nguyện, có cuộc rước kiệu tượng Đức Phật do một nghìn thanh niên cầm cờ kéo liền đi hộ tống.

Thế nhưng theo tài liệu này về lễ Đản sinh không thể xem là tài liệu cổ nhất học giả đạo Phật tìm kiếm ra được. Ta phải trở lại các trụ đá *Asoka* (Đại đế A Dục). Đức Phật mất (nhập Niết Bàn) năm 544 trước Tây nguyên. Hai trăm năm mười năm sau, nước Ấn Độ có vua *Asoka* hoàng đế đạo Phật. Vua cho khắc trên trụ đá và vách đá các bốn ngự chỉ tuyên dương sự tích và những lời răn dạy của Đức Phật. Cho đến bây giờ, các nhà khảo cổ đã tìm ra được 35 di tích ngự chỉ, đánh số, khám đọc, và giải thích cận kề. Ngự chỉ số Bốn, tìm được tại núi Kandahar, ngày nay thuộc đất Afghanistan, ghi lời dạy của nhà vua cho con cháu phải tiếp tục phụng thờ Đức Phật và dặn dò *mỗi năm ngày lễ Đản Sinh, phải tổ chức trọng thể, thiết lập cuộc rước kiệu Đức Phật*. Ngự chỉ số Sáu ở núi girnar, miền Tây Ấn Độ ghi rõ hơn cách lập kiệu để rước tượng và di tích Đức Phật, *khí tổ chức lễ Đản Sinh*. Như vậy, lễ Đản Sinh Đức Phật đã được thiết *hơn hai ngàn ba trăm năm trước*, đặc biệt huy hoàng dưới triều đại vua *Asoka* là người đã dựng lên 84.000 ngôi tháp thờ Phật.

■ LỄ ĐẢN SANH TẠI CÁC QUỐC GIA TÂY VỰC

Dưới thời Đại đế *Asoka*, đạo Phật đi vào các quốc gia ở miền Vịnh Địa trung Hải và các quốc gia ở miền Bắc và Tây Bắc nước Ấn độ. Từ Ấn Độ sang Trung Hoa, phía Đông Bắc có dãy núi Hy Mã Lạp sơn là một bức tường thành bằng thép ngăn cản lưu thông. Phía Tây Bắc, dọc theo sườn núi Kunlun (Cửu Long) sát vào hồ lớn Alma Ata là một số đô thị như Kashgar, Yarland, Chokkuta và Khotan. Cao hơn trên phía Bắc, dọc theo sườn núi

Tienshan (Thiên sơn) là đất Thổ Nhĩ Kỳ tư-thàn (Chinese Turkestan), gồm 4 tiểu quốc cùng chung văn hóa là các nước Aksu (còn gọi là Baruka), Kucha, Karashar (ngày nay là quận Yen-Ki thuộc Trung Hoa), và Turfan (ngày nay gọi là Kao Chang). Các quốc gia này kết thành một trục gọi là con Đường lụa, trục giao thông cần bản giữa Trung Hoa và các nước Phương Tây ngày đó. Từ đầu thế kỷ Hai Mươi, các phái bộ khảo cổ Tây phương khai quật các động đá nằm trên trục Đường lụa như Huân Tước Aurel Stein, Albert Grunwedel, Paul Pelliot (thuộc Trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội, ta rất quen thuộc), và các công trình khảo cổ này phát xuất từ hai quan điểm tranh đua nhiều khi đi gần đến chỗ thù nghịch của hai trường khảo cổ La Tinh và Anglosaxon, lại cũng đã đi tới một số kết luận rất giống nhau. Những điểm kết luận đó có thể tóm tắt làm 3 mục: Thứ nhất là các dân tộc sống trên con Đường lụa từ hai mươi thế kỷ trước đã thấm nhuần đạo Phật rất sâu sắc; thứ hai là đạo Phật của các sắc dân này mang nặng tập tục Đại Thừa Mahayana; và thứ ba -điều quan trọng đối với người tìm học Phật ngày nay như chúng ta- là các tài liệu văn tự của các bậc cao tăng Trung Hoa "đi Tây Vực tìm học đạo, đã quan sát tận chỗ, viết thành sách" để lại, đã được chứng minh là những tài liệu rất sát với sự thật, gần như là sự "thật khoa học" ta quan niệm ngày nay.

Bởi lẽ đó mà ta phải lục soát trong tài liệu văn tự của các nhà sư Trung Hoa đi Tây Vực (Ấn độ) thỉnh kinh nói về lễ Đàn Sanh. Các nhà khảo cổ tìm được tài liệu cổ nhất liên hệ tới lễ Đàn Sanh trong cuốn sách của Thầy Pháp Hiển (Fa-Hsien). Thầy là một vị cao tăng người Trung Hoa lần đầu tiên hành hương qua đất Phật ở Ấn Độ vào cuối thế kỷ thứ Bốn, ở lại 16 năm học đạo (399-414 TL), để lại cuốn sách *Pháp-Hiển truyện*, còn gọi là *Phật quốc ký*, có bốn dịch tiếng Pháp của Abel Remusat (*Foe Koue Ki ou Relation des Royaumes Bouddhiques*, Ernest Leroux, Paris, 1836).

Thầy Pháp Hiển theo con Đường lụa, đến đất Khotan mà thầy phiên âm là Cổ Sơn, ngày nay là thủ đô của khu tự trị Tân Cương (Uighur). Khi ghé qua Khotan, thầy được tham dự buổi lễ Phật Đàn được tổ chức rất trọng đại. Dân chúng chuẩn bị lễ Phật Đàn từ ngày Mồng Một tháng Tư (thầy dùng âm lịch Trung Hoa), kéo dài tới ngày 29 tháng Tư. Cuộc rước kiệu rất vĩ đại, xe kiệu cao mười mét, trần thiết lộng lẫy, ở giữa đặt tượng Đức Phật hài đồng, có Vua và Hoàng Hậu đất Khotan theo nghênh giá.

Thầy Pháp Hiển tiếp tục hành trình xuống đất Ấn Độ vào thành Patalipatra (thầy phiên âm là thành Ba-tra-li phất) ngày nay gọi là thành phố Patna (Hoa Thành). Một nghìn năm trước nơi đây là kinh đô của vương quốc Maghada (Ma Kiệt Đà), lăng giềng của quê hương Đức Phật, sáu trăm năm trước, đây là nơi đóng đô của Đại đế Asoka. Thầy Pháp Hiển được chứng kiến và tả lại đầy đủ chi tiết một buổi lễ Phật Đàn, vào ngày mồng tám tháng Hai âm lịch. (Đọc Nguyễn Phúc Bửu Tập: *Tim Hiểu Lễ Rước Kiệu Phật và Lễ Tắm Phật*, Hoa sen số 23, California 1994).

Cũng trong kho sách Đại Thừa ở Trung Hoa, một tài liệu có liên hệ đến lễ Đàn Sanh tìm thấy trong cuốn *Đại Đường Tây Vực Ký* của thầy Huyền Trang. Thầy tả lễ Đàn Sanh thầy được tham dự ở Kucha (tiếng Pháp viết là Koucha, cách phiên âm mới là KuChe). Kucha ngày xưa là một ốc đảo lớn nhất nằm ngay trên con Đường lụa, là một trục chánh con đường đạo Phật du nhập vào đất Tàu. Thầy Huyền Trang gọi đất Kucha là Dao Tần; ông có cảm tình với đất này vì nơi đây là quê hương của Cứu Ma Thập (Kumarajiva), người đã đóng góp nhiều nhất trong việc phiên dịch 400 bộ kinh từ chữ Sanskrit sang chữ Hán (thế kỷ thứ Năm TL). Lễ Phật Đàn tại Kucha cử hành vĩ đại, có cuộc rước kiệu gồm một nghìn chiếc xe hoa dựng tượng Phật. Ngày lễ Đàn Sanh tại Kucha lại thiết vào ngày thu phân, tháng Chín, ngày 22. (Mỗi năm có hai ngày đặc biệt trong đó thời gian giữa ngày và đêm bằng nhau, gọi là xuân phân và thu phân; lễ Đàn Sanh ở Kucha được chọn vào ngày thu phân).

Tại Tây Tạng (Tibet), trước khi bị Trung Hoa cộng sản cưỡng chiếm, nơi đây là đất Phật. Tây Tạng có một nền văn minh riêng, căn bản là giáo lý nhà Phật. Niên lịch Tây Tạng ghi ngày lễ Đàn Sanh là ngày 15 tháng Giêng âm lịch, là ngày quốc lễ lớn nhất trong năm, gọi là lễ Son lan chen po (Lễ Đại Nguyên), liên hoan từ ngày mồng bốn cho đến ngày 21 tháng Giêng. Đêm Đàn Sanh, tại thủ đô Lhasa, mỗi cơ sở công hay tư, mỗi gia cư đều treo đèn, kết hoa. Đức Hoạt Phật (Phật sống, Đạt Lai Lạt Ma) ngồi trên kiệu có ban quốc nhạc và đội binh bảo giá tháp tùng, đi viếng và chấm điểm từng đôn vị trong thủ đô, nơi nào có trần thiết lễ. Dân chúng từ mọi nơi trong nước, và cả ở ngoài nước như Mông Cổ, kéo về thủ đô tham dự lễ Đại Nguyên, cầu xin Đức Phật ban ơn một năm đầy hạnh phúc.

■ LỄ ĐÀN SANH TẠI TRUNG HOA

Nước Trung Hoa cổ, có bộ môn sử ký chép sự việc theo nguyên tắc trung thực và theo thời gian. Theo thủ tự năm tháng, ta đọc trong *Pháp Uyển Châu Lâm*, vào đời Đông Tấn (318-420 TL) có người Thái Kiêu đúc năm tượng Phật hài đồng để dùng vào lễ Rước Kiệu, trong ngày lễ Đàn Sanh. Một tư liệu cổ khác tìm thấy trong sách *Cao Tăng truyện*, viết vào thời Ngũ Hồ, cũng tại Đông Tấn (319-351 TL), có người mộ đạo tên là Thích Lộ, mỗi năm vào ngày mồng tám tháng Tư đến chùa làm "lễ chiêm bái Đức Phật ra đời", bằng cách tắm tượng Phật bằng nước cam lồ. Học giả đạo Phật Trung Hoa cho là truyền thống đàn sanh tại nước Tàu bắt đầu từ các chi tiết này.

Kể đến, trong sách *Ngụy Tấn Nam Bắc triều luận tập* có đoạn ghi vua Thái Võ Đế nhà Ngụy (408-452 TL) nhân ngày Đàn Sanh, ngự giá ra ngoài thành, thiết lễ kiệu Phật. Vua và Hoàng Hậu đứng trên đài rai hoa lên tượng Phật hài đồng lúc đoàn kiệu đi qua. Một tư liệu cổ khác, theo thủ tự thời gian, đọc được trong *Phật Tổ Thống Ký*, kể chuyện vua Cao Tổ Võ Đế nhà Tống tên là Lưu Dũ, năm 462 TL, ngày mồng tám tháng Tư, thiết lễ Đàn Sanh ngay trong cung điện nhà vua. Cũng trong *Phật Tổ Thống Ký*, ta lại thấy vua Hiếu Võ nhà Tây Ngụy (467-499 TL) cho lệnh rước tượng Phật trên kiệu từ các ngôi chùa lớn ở Lạc Dương vào cung đình, dâng hương hoa làm lễ Đàn Sanh ngày mồng tám tháng Tư, và ra lệnh mỗi năm từ đó phải thiết lễ Phật Đàn như vậy. Lại sách *Lạc Dương Già Lam Ký*, mỗi năm trước một hôm ngày Phật Đàn mồng tám tháng Tư, các chùa trong vùng Lạc Dương phải rước tượng Phật trên kiệu đến Thanh Minh thiền viện, tất cả hơn một nghìn tượng Phật để cử hành đại lễ ngày hôm sau. Buổi lễ được cử hành rất tưng bừng náo nhiệt đến nỗi một nhà sư từ Tây Vực đến viếng Lạc Dương kể lại là "(ngày Phật Đàn) hoa vàng ngời sáng dưới ánh dương, lọng hoa lợp kín như mây phủ, cờ phướn giăng lên như rừng cây, trầm hương xông lán dày đặc như sương phủ, tiếng kinh và tiếng nhạc rung chuyển đất trời" (Kenneth Chen: *Buddhism in China*, Princeton 1973, trang 279).

Đời nhà Đường ở Trung Hoa là thời đại hoàng kim của Đạo Phật tại Châu Á. Ta theo dõi được là dưới đời nhà Đường (được ghi chép trong *Đại Đường Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng truyện* của thầy Nghĩa Tịnh (T Tsing, 635-713 TL) và qua đời nhà Tống (được ghi chép trong *Đại Tống chính biên*) tức là từ năm 618 đến năm 1279, lễ Đàn Sanh được thường xuyên cử hành tưng bừng trong các chùa lớn, nhỏ trong dân gian.

Sách Phật Tổ Thống Ký thuật là dưới đời Đường, vua Hỷ Tông năm 873 TL, ngày tám tháng Tư, thiết lễ Phật Đản bằng cách rước kiệu di tích Đức Phật từ Phụng Hoàng Pháp Môn về Lạc Dương. Vua và Hoàng Hậu ngự ra của An Phúc đón vồng Phật vào nhà Thái Miếu; dân chúng hân hoan nổi nhạc, đốt pháo vui mừng. Dưới đời Đường, lúc Đạo Phật cực thịnh, người ta đem từ Ấn Độ sang ít nhất *năm di tích xá lợi* của Đức Phật. Chùa Pháp Môn ở phía Bắc kinh thành Lạc Dương có một lóng xương tay của Đức Phật; bốn chùa khác trong thành mỗi chùa thờ trên tháp một chiếc răng của Đức Phật. Mỗi năm, vào ngày Phật Đản hay ngày rằm tháng Bảy, di vật này được trưng bày cho dân gian lễ bái chiêm ngưỡng. Riêng di tích xá lợi lóng xương tay ở chùa Pháp Môn thì hằng năm, ngày lễ Phật Đản, lại được rước trên kiệu vào cung đình cho nhà vua hành lễ. Mỗi lần rước kiệu lễ Phật Đản là một cơ hội đình đám quá lớn, dân chúng tham gia quá sức náo nhiệt, lắm khi thành hỗn loạn. Vì lý do đó, Hàn Dũ, một nhà Khổng học bảo thủ, quá khích chống đạo Phật, năm 819 viết bài sớ xin nhà vua bãi lễ Phật Đản (Kenneth Chen, đã dẫn, trang 280).

Đầu thế kỷ thứ Mười TL, tại Huệ Lâm thiền viện phủ Khai Phong, vị trụ trì là Đại sư Nguyên Chiêu, muốn làm giảm mối căng thẳng giữa đạo Nho và đạo Phật nên chán chính nghi lễ của đạo Phật, đặt ngày Phật Đản, lễ Tắm Phật (còn gọi là Quán Phật) vào ngày mồng tám tháng Tư. Lễ Rước Kiệu cũng chỉ làm trong khuôn viên chùa. Chi tiết sự việc đều ghi trong sách *Đông Kinh Mộng Hoa lục chú* (Đông Kinh là phủ Khai Phong).

Dưới đời Nguyên, người Mông Cổ vào đất Trung Hoa là những người mộ đạo Phật, nên vẫn giữ tục lệ thiết Phật Đản lớn vào ngày tám tháng Tư. Người khai sáng ra nhà Minh, Chu Nguyên Chương, lúc thiếu thời đi tu ở chùa, nên khi lập quốc, tôn thờ và chính đốn đạo Phật. Dưới đời Thanh, người Mãn Châu vào chế ngự Trung Hoa cũng là những người mộ đạo Phật, nên giữ các tập tục làm lễ Phật Đản đã có từ nghìn năm trước, cho tới khi tiếp xúc với Tây phương.

Nghi lễ của đạo Phật tại Trung Hoa, từ cuối thế kỷ Mười Chín cho đến cuộc Cách Mạng Cộng Sản được một nhà học giả phương Tây Holmes Welch mô tả kỹ càng trong sách *The Practice of Chinese Buddhism 1900-1950* (Harvard University Press, 1973). Trước Đại Hội Kết Tập Sangiti lần Sáu (ta sẽ nói ở sau), người Trung Hoa cử hành lễ Phật Đản vào ngày tám tháng Tư, tại chùa có đông đức thiện nam tín nữ tham dự, nghi thức được tả rõ

trong sách Holmes Welch (sách đã dẫn, trang 109 và tiếp theo). Nghi lễ tại các chùa lớn tại Trung Hoa ngay cả trong thời kỳ Dân Quốc, đều cử hành theo quy luật ghi trong sách *Bách Trượng Thanh Quy* có từ đời Tống, và được thay đổi ít nhiều dưới triều Minh, gọi là sách *Chính Huấn Bách Trượng Thanh Quy*, dùng làm khuôn thước lễ nghi.

■ LỄ ĐẢN SANH TẠI NHẬT BẢN

Nước Nhật Bản tiếp nhận đạo Phật vào thế kỷ thứ Sáu và người Nhật phát huy đạo Phật vững mạnh cho tới ngày nay. Theo Sử ký Nhật Bản *Nihonshoki*, buổi lễ Đản Sanh đầu tiên được thiết vào ngày mồng Tám tháng Tư năm 606 TL (người Nhật dùng dương lịch, nhưng các lễ Phật nhiều lúc vẫn theo âm lịch Trung Hoa). Nữ Hoàng Suy cơ (Sui-Ko, 593-628 TL) và chồng là Thánh Đức Thái tử (Shokoku) rất mộ đạo Phật, ra lệnh cho tất cả các chùa, trong dịp lễ Đản Sanh phải thiết lễ và phát chẩn. Trong các chùa lớn và đền Thần Đạo tại Nhật ngày nay, một số tượng Phật Đản Sanh (hình tượng đức Phật lúc mới sanh, một tay chỉ xuống đất, một tay chỉ lên trời, miệng đọc câu "duy ngã độc tôn"), tạc từ thời đại Nại Lương (Nara) vẫn còn giữ được nguyên vẹn, làm bằng chứng là lễ Phật Đản đã được cử hành trong các thế kỷ Bảy, Tám tiếp theo. Từ thế kỷ Tám đến thế kỷ Mười Hai (triều đại Bình An, Hei-An 749-1185 TL), đạo Phật ảnh hưởng mạnh vào sinh hoạt xã hội và văn hóa nước Nhật, các buổi lễ Phật càng được cử hành lớn, dựa vào hoàng gia và quý tộc.

Qua triều đại Kiếm Thương (Kamakura, 1185-1335) Phật giáo Nhật Bản bắt đầu nhận chân những mối bất lợi vì lễ bái cúng tế hào nhoáng gây ra và trường Thiền trở nên hưng thịnh. Thêm vào đó là mối cạnh tranh với Thần Đạo bấy giờ có nhiều khuynh hướng thực tiễn và ái quốc, nên Phật giáo phải nhẹ việc phô trương thanh thế bên ngoài, vì vậy càng giúp cho trường Thiền này nở mạnh hơn, và các buổi lễ Phật phải cử hành đơn giản hơn. Ta nhận thấy sự kiện này trong một *tập ký ức của Koka Shiren*: "Trong nhiều năm, ngay tại thủ đô, người ta thiết lễ Phật Đản vào ngày mồng Sáu để tránh ngày lễ lớn Thần Đạo vào ngày mồng Tám tháng Tư. Trông một bốn *Đại Tự Nhật ký* của chùa Kenchoji do *Đạo Lan Đan Khê* (Doryu Rankei) viết năm 1249, rõ ràng và hàm ý châm biếm cách thức thiết lễ Đản Sanh nhuộm màu Thần Đạo: "(Năm nay) ngày Phật Đản, lễ Tắm Phật do các vị phu nhân "shoguna (vợ của các vị chính quyền tướng quân) phụ trách, gây ra nhiều điều

lạ mắt. Ngày xưa (vào lễ Phật Đản) có bao nhiêu chi tiết đẹp ý đẹp lòng, như lễ cắm hoa. Ngày nay kiểu cách mới được đem vào chùa, làm lạ tai lạ mắt người theo Phật". Sau đó, có lẽ chính quyền Võ sĩ đạo muốn tránh quần chúng dị nghị, nên từ thế kỷ Mười Ba, tổ chức buổi lễ Thần Đạo vào ngày mồng Chín, dành ngày mồng Tám cho các chùa và dân chúng làm lễ Đản Sanh. Gần đây hơn, ta đọc được trong *Nhật Bản Niên Giám Ký Sự 1953* một đoạn viết về lễ Đản Sanh: "Mỗi năm trên toàn quốc, vào ngày mồng Tám tháng Tư (lễ Phật Đản) dân chúng đi hái mọi loại hoa rừng, cắm vào cành tre vót nhọn, làm lễ Phật. Các bó hoa này gọi tên là *hoa hưởng thiên đường* (tentobana), hay là *hoa tôn quý* (takahana)". Cũng vì tục lệ đẹp dễ này mà tại Nhật, ngày Tám tháng Tư còn gọi là ngày *Lễ Hoa*. Ta cần nhắc thêm là người Nhật mộ đạo tin là nhân loại sẽ được hoàn toàn cứu rỗi trong tương lai khi đức Phật Di Lặc ra đời, và nếu mỗi năm thành tâm thiết lễ Phật Đản, thì ngày đức Phật Di Lặc hiện đến sẽ gần hơn. Vì vậy, mà ngày Tám tháng Tư lại có thêm tên là *ngày Nguyên Cầu* (ryu-ye-e), tên của một tông phái tại Nhật thờ Phật Di Lặc.

Một biến cố Phật Đản liên hệ đến tổ chức *Gia Đình Phật Tử Nhật* cần nhắc lại đây. Gia Đình Phật Tử Nhật gồm thiếu nhi và thanh niên hoạt động rất mạnh. Trong cuộc canh tân nước Nhật, cuối thế kỷ Mười Chín do Đại đế Minh Trị Thiên Hoàng lãnh đạo, đạo Phật vì tôn chỉ chuộng hòa bình, bị nghi ngờ là chống giới quân phiệt, lực lượng nòng cốt ủng hộ nhà vua. Gia Đình Phật Tử Nhật, nhờ hoạt động khéo léo đã làm mối dây liên lạc giữa đạo và phong trào quốc gia võ sĩ đạo. Năm 1912, ngày Phật Đản mồng Tám tháng Tư, Gia Đình Phật Tử cử hành lễ tại công viên Asakusa Park, hội họp tất cả đại biểu đoàn viên trong nước, lấy tên buổi họp đoàn là *Hanamatsuri*. Từ đó, Hanamatsuri được tổ chức mỗi năm, ngày họp bạn của nhi đồng và thanh niên toàn nước Nhật, nhân ngày lễ Phật Đản.

■ LỄ ĐẢN SANH TẠI CÁC NƯỚC THỜ PHẬT GIÁO THERAVADA

Tại các nước thờ Phật Giáo Nguyên Thủy, ngày Phật Đản gọi là *Visakha Puja* (chữ Sanskrit viết là Vaisakha; Tích Lan: Vesak; Cao miên: Vissakh bochea; Thái Lan: Vaishaka Puja; Lào: Vixakha bouxa). Lễ này kỷ niệm ba biến cố quan trọng trong đời đức Phật: Đản Sanh, Thành Đạo, và Nhập Niết Bàn vào một ngày... Chữ Nho ta gọi là *lễ Tam Hợp*. Người Phật Tử phái Nguyên Thủy tin là đức Phật đã chọn sanh ra đời, thành đạo và mất vào cùng

một ngày. Nói chung, tại Đông Nam Á Nguyên Thủy, Visakha là ngày quốc lễ nhưng được thiết trong khuôn viên chùa (vat, wat). Lễ được thiết vào ngày trăng tròn, giữa tháng Tư và tháng Năm dương lịch. trong dịp lễ, dân chúng tụ họp tại chùa, đọc kinh, nghe thuyết giảng về đời sống của Thích Ca.

Tại Thái Lan, chẳng hạn, buổi thuyết giảng *pathama-sambodhi*, bắt đầu từ trưa, kéo dài suốt đêm. Bài giảng kể lại lễ thành hôn của Vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Maya (vương phụ và vương mẫu của đức Phật), đời sống lúc trẻ của đức Phật, quyết định đi tu cho tới khi thành đạo, hoàng Pháp và nhập diệt. Bài giảng kết luận nêu lên các nguyên do đạo Phật bị tru diệt tại Ấn Độ, để cho tín đồ suy nghĩ đứng phạm vào lỗi lầm cũ mà mất đạo.

Tại Ai Lao, lễ Tam Hợp còn gọi là ngày *Buon Bang Fay*, có nghĩa là Hội Pháo. Trong năm, Hội Pháo là ngày lễ vui nhộn nhất. Các chùa thi nhau làm pháo, cùng một loạt ban đêm đốt lên, xem chùa nào đẹp nhất lãnh thưởng, làm trò vui cho dân chúng.

Tại Nepal (người Tàu phiên âm là Nê-bạc-nhĩ) đạo Phật pha trộn gần bó với Ấn Độ Giáo, nhưng Phật Đản vẫn là một ngày quốc lễ, gọi là *Bahiravajatra*, thiết vào ngày trăng tròn tháng Năm dương lịch. Vào ngày lễ, dân chúng mổ trâu bò làm tiệc, và nhảy múa suốt đêm ngoài lộ.

Tại Sri-Lanka (Tích Lan), lễ Phật Đản gọi là Vesak, là ngày quốc lễ trọng đại nhất trong năm, vào ngày trăng tròn tháng Năm. Như trên đã nói, sử Tích Lan Mahavamsa chép là "lễ Đản Sanh được thiết từ ngày đạo Phật được Hoàng tử Mahinda, con trai của Đại đế Asoka vâng lệnh vua cha đem đạo của đức Thích Ca vào nước Sri-Lanka. Bắt đầu từ thế kỷ thứ Bốn, lễ được chính thức cử hành mỗi năm, có cuộc phát chẩn lớn cho dân nghèo và cuộc dâng y bát cho người tu sĩ. Người Anh đến thôn tính nước Sri-Lanka năm 1815, chịu áp lực của các giáo hội truyền giáo Tây phương, ra lệnh bỏ tục lệ Vesak, làm cho dân bị trị mất tục lệ cúng Phật. Cuối thế kỷ Mười Chín, một nhóm phong trào kháng Anh do Phật giáo đề xướng, lấy chủ đề là Chấn Hưng Phật Giáo. Buổi lễ Vesak lần đầu tiên được tái lập sau bảy mươi năm bị chính quyền Anh cấm đoán, cử hành vào ngày 17 tháng Tư năm 1885. Một người Hoa Kỳ thờ Phật giáo, Đại tá Henry Steele Olcott, trong cuốn ký ức *Old Diary Leaves* thuật lại là phong trào có sáng kiến lập một lá cờ Phật Giáo gồm sáu màu sắc thoát ra từ hào quang chiếu áo đức Phật, dùng để tượng trưng ý niệm hợp đoàn của người theo đạo Phật. Lá cờ

này từ đó được Phật Giáo thế giới nhìn nhận là lá cờ của Đạo Phật, dùng trong mọi quốc gia, đặc biệt vào ngày Phật Đản. Tại Nam Việt Nam, tám mươi năm sau, có lẽ vì không để ý tới cái lý do tượng trưng thiêng liêng này của lá cờ Phật Giáo mà một số người trách nhiệm đã gây ra sự sụp đổ của nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Phật Đản tại Sri-Lanka gồm ba lễ lớn: *atasil* là lễ cầu nguyện; *dan-sai*, lễ cúng thực phẩm cho Tăng Ni và phát chẩn cho đại chúng; và thứ ba là đại lễ liên hoan: treo cờ, kết hoa, vui chơi mấy ngày đêm trong nhà, ngoài phố. Ở Sri-Lanka còn có một tục lệ rất đẹp là mỗi năm vào ngày Phật Đản Vesak, mỗi người gởi thiệp chúc mừng thăm viếng nhau, tương tự như tục trao đổi thiệp mừng của người theo đạo Cơ-Đốc, nhân ngày đức Chúa Christ giáng sinh.

Ta đã duyệt qua các truyền thống lựa chọn ngày lễ Phật Đản của hai phái Đại Thừa và Nguyên Thủy. Mỗi thắc mắc ngày mùng Tám tháng Tư có đúng là ngày sanh của Đức Phật hay không cũng được giải tỏa. Nước Ấn Độ không dựa vào hệ thống biên niên để viết sử nên ta không tin tưởng vào ý niệm ngày tháng của Ấn Độ. Người Trung Hoa vốn chuộng thực tiễn, lại có tinh thần phân tích nhiều hơn, cũng đã chấp nhận truyền thống Ấn Độ hoàn toàn vì đức tin. Ta có thể dẫn chứng có trong *Ngọc Phật Cung Tự Kinh* của thầy Nghĩa Tịnh (l Tsing, đã dẫn ở trên):

"Ly do (người xưa) đã lựa mùng Tám tháng Tư làm ngày Phật Đản, vì qua mùa xuân cho đến mùa hạ, mọi tai ương đều chấm dứt, tạo vật thức tỉnh sống lại, không còn chuồng vật nào ngăn chặn nảy nở; và khí trời cũng vậy, không lạnh quá không nóng quá. Cho nên ngày đó là ngày thích hợp nhất để làm lễ Đản Sanh".

Như vậy, đọc lại lịch sử và nhận định qua các truyền thống, ta có thể kết luận không sợ sai lạc nhiều là ngày Đản Sanh đã được lựa chọn để thiết lễ, và chưa ai chứng minh được ngày nào đích là ngày sinh nhật đích xác của đức Phật. Thật ra, không chỉ riêng với đạo Phật mà đối với một tôn giáo trẻ hơn đạo Phật và được soi sáng nhiều hơn bằng các dữ kiện khoa học, như đạo Cơ-Đốc, ngày sanh của đức Chúa Christ cũng đã được chứng minh từ lâu không phải chính xác là ngày người Tây phương làm lễ Giáng Sinh (Encyclopedia of Religion and Ethics; Nguyễn Văn Hoài, đã dẫn ở trên). Thiết tưởng vấn đề trọng đại là cử hành lễ, chi tiết ngày tháng người xưa không cố chấp xem là quan trọng.

Một điểm cuối để kết luận bài khảo sát nhỏ này về mặt triết lý, siêu hình và hướng

linh là việc giải thích vì sao ngày trăng tròn tháng Vassa của lịch Ấn Độ (từ giữa tháng Tư sang giữa tháng Năm dương lịch) được chọn làm lễ Đản Sanh. Trước tiên là vì truyền thống này đã có từ lâu trong trường Nguyên Thủy Theravada. Như trên đã nói, người theo Phật Giáo Nam Tông tin là đức Phật đã chọn ngày ra đời, thành đạo, và nhập niết bàn cùng vào một ngày. Giáo lý lại còn nhiều lý do để giải thích việc lựa chọn. Lý do thiết thực hơn cả là vì niên lịch Phật Giáo thiên về âm (mặt trăng) và ngày xưa Visakha là ngày đẹp nhất trong năm. Mùa mưa bắt đầu, Tu sĩ phải tập họp vào một nơi để tu học, và ngày Visakha là ngày khởi đầu giai đoạn hợp đoàn. Lại nữa, mưa bắt đầu, cỏ cây sống lại, sinh vật cũng bắt đầu nảy nở, người Tu sĩ phải tránh đi chuyển để tránh sát sinh.

Còn một lý do nữa, siêu việt hơn được dẫn trong giáo lý thâm cao của nhà Phật là sự phối hợp âm dương. Giáo lý trên bình diện siêu hình, răn dạy phải tránh phối hợp hai yếu tố âm dương, vì sự phối hợp này là nguyên nhân chính tạo ra nghiệp. Mùa xuân giữa thiên nhiên là yếu tố âm; người Tu sĩ mang yếu tố dương, phải tránh tội lỗi bằng cách khép mình, xa tránh môi sinh năng động. Visakha khởi đầu cuộc chuẩn bị vào hạ, người Tu sĩ Theravada sẽ an cư kiết hạ sau Visakha, tránh các cuộc sinh hoạt náo nhiệt.

*

Sau Thế Chiến Hai, biến cố trọng đại nhất trong lịch sử thế giới là việc hình thành các quốc gia đã thoát ra được ách thực dân của người phương Tây. Một trong những ước vọng tiềm tàng của các dân tộc mới thâu hồi được tự do là tái lập vị thế tôn giáo cổ truyền của họ, đã bị chính quyền người Tây phương hiếp đáp quá nhiều trong hơn một trăm năm trước. Mọi tôn giáo muốn tồn tại trong sinh hoạt dân gian, phải được tổ chức, và tín đồ phải biết khép cánh hỗ trợ. Vì lẽ đó mà trong thập niên năm mươi, tín đồ Phật Giáo đã tổ chức Đại Hội Kiết Tập (Sangiti) lần Sáu tại Miến Điện. Sangiti là đại hội quy tụ các nhà lãnh đạo Phật Giáo để san định kinh sách và quyết định cương lĩnh cấp thời của đạo. Đại hội chọn lá cờ Phật Giáo và quyết định lấy ngày trăng tròn từ giữa tháng Tư sang giữa tháng Năm dương lịch làm ngày Khánh lễ Đản Sanh Đức Phật Thích Ca. Tất cả quốc gia tham dự Đại Hội Sangiti lần Sáu đều thỏa thuận quyết định thiết lễ Visakha vào ngày trên. Tục lệ tại Việt Nam cũng đã dần dần hướng tới dùng ngày Visakha làm ngày lễ Đản Sanh của Đức Phật ●

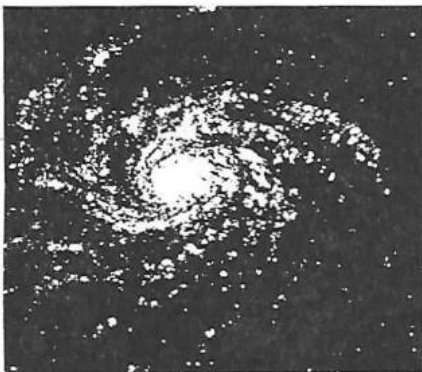
Thời điểm trong khoa bói toán

■ ĐOÀN VĂN THÔNG

Bói toán từ ngàn xưa cho đến ngày nay quả thật đã không giảm thiểu mà còn tăng trưởng phát triển mạnh song song với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học hiện đại.

Các nhà khoa học, nhất là các nhà thiên văn học, ngay cả thời đại cực thịnh của Cộng Sản Nga cũng không hiếm những nhà thiên văn học nổi tiếng như Tiến sĩ Điện Toán nổi danh Mikhail Levin, Tiến sĩ Tamara và Paven Geloba, là những nhà khoa học lỗi lạc đã đi sâu nghiên cứu về khoa bói toán và đã mạnh dạn nêu ra những suy đoán của mình về tương lai Nga Xô và cả thế giới... Những suy đoán ấy lại chính xác đến độ giới khoa học Nga phải quan tâm. Theo những nhà bói toán nổi danh này thì Thời điểm là dữ kiện giữ vai trò quan trọng trong khoa bói toán. Tính được chu kỳ thời gian qua tổng hợp của sự vận hành trong vũ trụ, con người có thể suy đoán những gì sẽ xảy ra cho cả thế giới, cả quốc gia, dân tộc, thậm chí cho cả mọi sự, mọi vật trong không gian vũ trụ kể cả quả đất và từng con người.

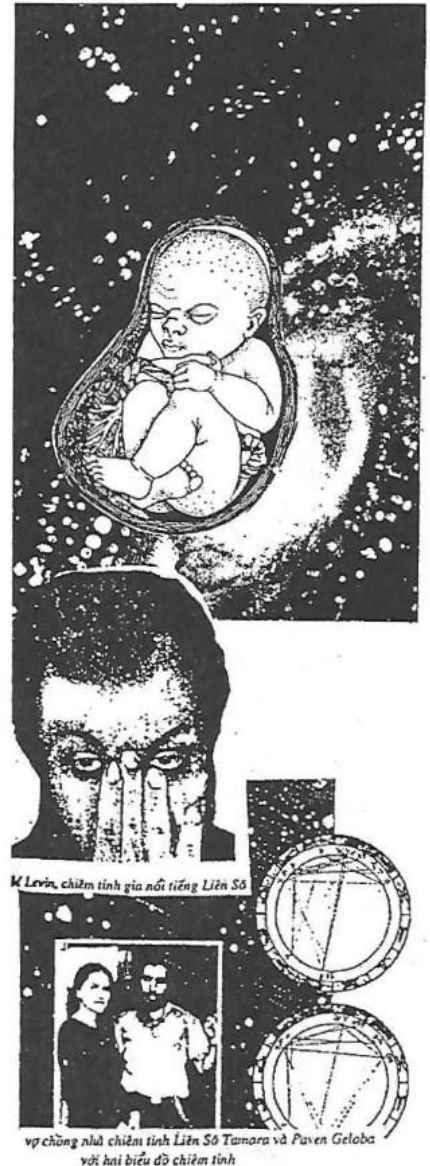
VAI TRÒ QUAN TRỌNG VỀ THỜI ĐIỂM HAY CHU KỲ THỜI GIAN



Đối với Khoa Chiêm Tinh Học thì Chu Kỳ thời gian vô cùng quan trọng vì đánh dấu kết quả của sự kiện xảy ra vào giai đoạn nào đó.

Theo nhà Chiêm Tinh nổi tiếng Nga là P. Geloba thì: "Hiện nay con người đang

sống trong tầm ảnh hưởng của mặt trời và các tia vũ trụ. Những tia này phát ra từ các thiên thể. Khoa Chiêm Tinh được xem như là một bộ môn khoa học thuộc lãnh vực Sinh học Vũ trụ..." - Nhà Chiêm Tinh Tamara thì cho biết thêm rằng: "Đối với mỗi cá nhân, mỗi con người khi sinh ra đã theo đúng một thời điểm nào đó như ngày sinh, giờ sinh, tháng sinh, năm sinh... Như vậy chính vào thời điểm đã định đó, họ trực tiếp liên hệ, tiếp xúc với tình trạng của môi trường nơi họ đã sinh ra. Cùng thời điểm ấy xét rộng hơn, thì quả đất đang ở tại một vị trí nào đó trong Thái Dương hệ và rộng hơn nữa là cũng cùng thời điểm, cả Thái Dương hệ cũng đang ở vị trí nào đó trong vũ trụ. Mọi sự vật trong vũ trụ không bao giờ đứng yên một chỗ mà luôn luôn biến đổi theo chu kỳ thời gian. Như vậy, xét riêng mỗi con người thì khi họ chào đời sẽ có những ảnh hưởng tác động khác nhau từ các tác nhân bên ngoài như các tia vũ trụ, các bức xạ mặt trời theo những cường độ mạnh, yếu khác nhau. Sự sắp xếp, chuyển động của các hành tinh đã giữ vai trò quan trọng ảnh hưởng lên mỗi con người ngay từ lúc chào đời. Suy rộng hơn thì một tập thể, một xã hội, một dân tộc, một quốc gia hay toàn thế giới khi ở vào một giai đoạn chu kỳ của vũ trụ thì cũng chịu sự ảnh hưởng tác động để phát sinh ra những hậu quả nào đó. Chính các biến động quốc tế phát sinh cũng từ các thời điểm đã định. Khoảng các năm 1974 - 1975, nhà Chiêm Tinh Nga là P. Geloba sau khi đã tính toán rất chi li vận hành của các hành tinh trong Thái Dương Hệ đã đưa ra một kết luận gây sôi nổi không những ngay tại Nga Xô mà cả thế giới - Lời dự đoán ấy đã làm Điện Cẩm Linh vô cùng ngỡ ngàng bởi rối vì không thể ếm nhem được. Sự kiện đó là lời tiên đoán rằng thế giới sẽ có nhiều biến chuyển lớn lao, nhất là tại Nga Xô khoảng năm 1987 trở đi. Vì sẽ có cuộc diễu hành của các hành tinh để sắp theo một đường thẳng từ ngày 13 tháng 11 năm 1982. Đến năm 1994 và 1995 thì sự diễu hành chấm dứt để liên kết với Thiên Vương Tinh và Hải Vương Tinh... Cơ quan Tinh báo Hoa Kỳ tiếp nhận sự kiện đó với sự hững hờ vì 2 lý do: Thứ nhất là có sự sắp đặt nào đó trong nội bộ Đảng Cộng Sản Nga bởi không thể nào một nước Cộng Sản mạnh như Nga Xô lại vô ý để một nhà Thiên Văn nổi tiếng nêu ra một vấn đề trọng đại bất lợi cho nước Nga. Thứ hai là dù thế nào lời tiên đoán của P. Geloba cũng chỉ là lời suy đoán của một nhà Chiêm Tinh, bói toán mà độ tin cậy không bảo đảm (sự đánh giá này là một nhầm lẫn sai sót lớn mà FBI cũng như CIA trước đây đã phạm phải khi bà Dixon, nhà nữ Chiêm Tinh nổi tiếng của Hoa Kỳ cho



M. Levin, chiêm tinh gia nổi tiếng Liên Xô

vợ chồng nhà chiêm tinh Liên Xô Tamara và Paven Geloba với hai biểu đồ chiêm tinh

biết là Tổng Thống Kennedy sẽ bị ám sát chết trong một chuyến công du nhưng không ai chịu tin vì cho đó là lời suy đoán giạt gân để quảng cáo mà thôi). Kết quả của lời suy đoán mà nhà Chiêm Tinh Nga tiết lộ như vừa kể trên đã được chứng minh rõ ràng và chính xác qua các sự kiện: Bức tường Bá Linh sụp đổ kéo theo các sụp đổ dây chuyền của chính thể Cộng Sản ở Đông Âu. Sau đó, ngay cả nước Nga vĩ đại với chế độ Cộng Sản vững chắc và hùng mạnh trong suốt 70 năm dài huy hoàng tưởng không bao giờ bị suy yếu thì bỗng nhiên chuyển hóa chế độ một cách mau chóng còn hơn một phép lạ.

Nhà Chiêm Tinh M. Levin cho rằng: Lịch sử mỗi quốc gia không phải là lịch sử của mỗi dân tộc. Bởi vì mỗi quốc gia có những chính quyền và chính thể khác nhau xuất hiện vào một giai đoạn thời gian nào đó chớ không phải vĩnh viễn. Không có một chế độ nào gọi là lâu bền ở mỗi quốc gia. Do đó muốn biết vận mệnh một quốc gia thì nên suy đoán sự hưng thịnh

hay suy vi của một chính quyền. Mỗi đất nước có một ảnh hưởng mạnh hay yếu của hành tinh tương ứng như Nga Sô có hành tinh chủ động là Thiên Vương Tinh, hành tinh này có chu kỳ thời gian là 84 năm. Do đó nếu làm một phép tính trừ để biết thời điểm xảy ra sự kiện nào đó ta sẽ có được kết quả khả quan bằng sự loại suy. Ví dụ muốn biết vào năm 1989, Nga Sô biến chuyển ra sao thì lấy năm 1989 trừ cho chu kỳ 84 năm của Thiên Vương Tinh sẽ thấy quay lại vòng chu kỳ của năm 1905. Lịch sử nước Nga vào năm 1905 là những xáo trộn dữ dội thì vào năm 1989 trở đi Nga Sô cũng lại đi vào giai đoạn thời điểm đó giống như lý thuyết về Luân Hồi của Phật Giáo.

CHU KỲ THỜI GIAN, THỜI ĐIỂM THEO QUAN NIỆM CỦA Á ĐÔNG

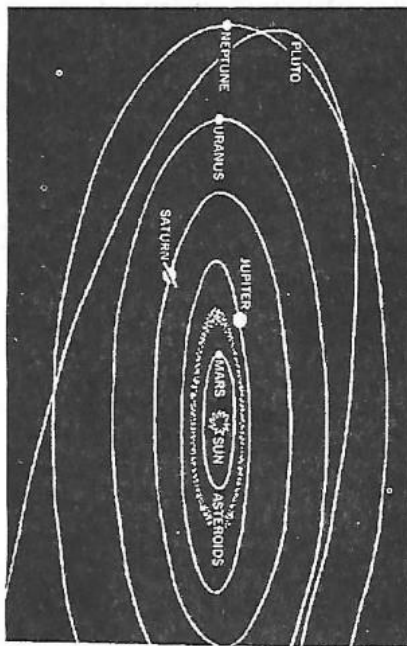
Đối với người Đông Phương thì chu kỳ thời gian rất quan trọng, đó là khởi điểm cho một hay nhiều biến cố nào đó. Mỗi sự vật đều có chu kỳ thời gian tác động. Ngay cả một cái ghế, cái ly là vật chất tầm thường nhưng cũng có thời điểm của nó, đó là thời điểm sinh ra (chế tạo ra nó), thời điểm hư hại, sút mẻ hoặc thời điểm hủy hoại. Nhà toán số lừng danh chuyên về Dịch Lý là Thiệu Khang Tiết đã chứng minh sự kiện này như sau:

Một hôm đang ngồi bên cửa, tự nhiên ông đứng dậy lật ngựa cái ghế đang ngồi rồi ghi vào đó mấy dòng chữ như sau: "Cái ghế này tới ngày... giờ... tháng... năm... sẽ có người tử phương xa lại ngồi lên ghế và lúc bấy giờ cái ghế bị gãy đổ". Quả nhiên đứng vào ngày giờ tháng năm đó sự việc xảy ra không sai một mảy.

Các tài liệu ghi lại khả năng tuyệt vời của cụ Trạng Việt Nam có một câu chuyện cho thấy tài biết trước thời điểm xảy ra sự cố của nhà tiên tri nổi danh này như sau:

Một hôm đang ngồi uống trà, cụ Trạng như sực nhớ ra điều gì, vội vã viết mấy chữ vào giấy báo người nhà mang sang nhà bên cạnh trao cho chủ nhà báo là việc khẩn cấp. Chủ nhà nhận giấy mở ra đọc thấy mấy chữ như sau: "Mời Bác qua gấp nhà tôi có việc quan trọng". Người chủ nhà đọc xong vội vã chạy sang nhà cụ Trạng ngay thì cụ Trạng cười và bảo: "Hôm nay có loại Trà ngon, tôi muốn mời Bác qua uống một tách cho vui". Uống xong tách trà thì có người tử nhà bên cạnh chạy qua hốt hoảng báo: "Bác mới ra khỏi nhà một lát thì cái sà ngang trên trần nhà rơi xuống ngay chỗ Bác ngồi! Thật may quá!". Lúc bấy giờ cụ Trạng mới cười nói: "Tôi chúc mừng Bác đó, nếu đọc giấy tôi gửi mà Bác

qua chậm hay không qua thì nguy hiểm cho Bác vô cùng..."



Từ thời xưa cổ đến nay, ở Việt Nam và Trung Hoa có rất nhiều nhà tiên tri bói toán biết trước được thời điểm về các biến cố sắp xảy ra. Cơ sở chính yếu giúp họ có được khả năng này ngoài khả năng Thiên phú còn là nhờ thông qua các bộ sách quý về Bói Toán và nhất là bộ Kinh Dịch.

Kinh Dịch là bộ sách cổ xưa xuất hiện cách đây khoảng 5, 6 nghìn năm. Bộ sách tối cổ thâm sâu vi diệu này đã chú trọng nhiều vào chu kỳ thời điểm. Vũ trụ hoạt động đầy vẻ trầm lặng và như bất biến nhưng luôn luôn chuyển không ngừng theo một dòng triều kỳ diệu, đó là dòng thời gian. Mỗi mốc thời gian là khởi điểm hay chấm dứt của một hay nhiều sự vật sự kiện trong vũ trụ càn khôn. Vũ trụ còn thì thời gian còn, thời gian tuy trôi nhưng thường lặp lại theo các Chu Kỳ. Như vậy, rõ ràng

Đông Tây đã gặp nhau về ý niệm thời điểm, chu kỳ thời gian. Vì thế không lạ gì khi có những nhà nghiên cứu chính xác chỉ li về các thời điểm đã xác định được các biến chuyển xảy ra trong tương lai cho mỗi con người, mỗi quốc gia hay cả thế giới.

MỘT SỐ SỰ KIỆN SẼ XẢY RA TRÊN THẾ GIỚI THEO CHU KỲ THỜI ĐIỂM

Dưới đây là một số sự kiện được nêu ra từ các nhà Chiêm Tinh và Bói Toán nổi tiếng thế giới về những gì sẽ xảy ra trong tương lai.

Trước hết xin nêu các ghi nhận của nhà Toán Số về Dịch Lý (Kinh Dịch) Thiệu Khang Tiết như sau:

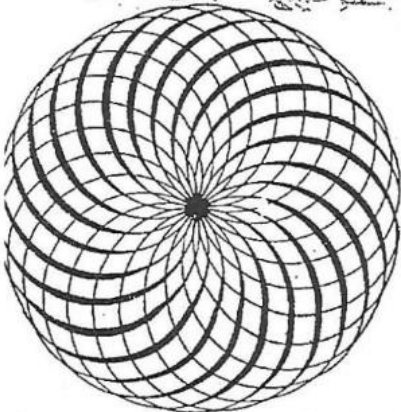
Vũ trụ rộng lớn vô thủy vô chung nhưng có một biên giới về thời gian nào đó có thể nghiên cứu phân định như cú 129.000 năm được gọi là một Nguyên. Trong một nguyên như vậy gồm đủ thịnh suy tăng trưởng hay giảm thiểu tàn tạ. Kinh Dịch gọi hiện tượng này là Tiêu và Trưởng. (Âm tiêu thì Dương trưởng và khi Âm trưởng thì Dương lại tiêu - đó là chu kỳ. Một Nguyên có 12 Hội (gồm 10.800 năm), một Hội gồm 30 Vận (mỗi Vận 360 năm) mỗi Vận gồm 12 Thế (mỗi Thế 30 năm). Theo lý giải của họ Thiệu thì quả đất chúng ta đang ở không phải là vĩnh cửu vì tới một giai đoạn, khi chu kỳ vũ trụ đi vào hội Tuất đến hội Hợi thì sẽ tiêu vong để rồi biến thành vật thể mới khác và chu kỳ lại tiếp diễn từ sinh thành tới hủy hoại rồi lại thành...

Đối với các nhà Khoa Học Thiên Văn, Địa Chất không gian vũ trụ thì rõ ràng họ cũng đi đến kết luận là các hành tinh trong vũ trụ không phải là bất biến, trường cửu, quả đất rồi cũng đến thời kỳ tiêu vong, mặt trời tỏa sức nóng sáng vĩ đại nhưng rồi cũng tới giai đoạn tắt lịm và tối đen.

Đối với tôn giáo thì vấn đề này cũng rõ nét qua thuyết Luân Hồi của Phật Giáo về sự Thành trụ, Hoại, Không...

Đối với các nhà Chiêm Tinh nổi tiếng thế giới như Nostradamus, Hades, Malachi, Tamara, Levin, Geloba, Dixon, Quily, Soleil... thì luôn luôn tính theo thời điểm chu kỳ để biết các sự cố xảy ra. Nostradamus thì quan tâm đến giai đoạn chu kỳ 1000 năm vì thế ông suy đoán tận sau năm 2000 về các biến cố mặc dầu ông ra đời từ năm 1503. Ông gọi chu kỳ 1000 năm là thiên niên kỷ. Ở thiên niên kỷ thứ nhất Âu Châu đã xảy ra nhiều biến cố trọng đại. Theo Nostradamus thì tới năm 2000 là thiên niên kỷ thứ 2 thế giới sẽ có nhiều thay đổi lớn, nhất là tại Âu Châu sẽ có nhiều sự kiện xảy ra qua nhiều lãnh vực như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh... Đặc

biệt là thiên tai. Có lẽ vì thiên tai quá tàn khốc nên cổ nhân đã dùng đến chữ mà hậu thế cho là Tận Thế, nhưng theo nhà tiên tri Nostradamus thì năm 2000 không phải tận thế như nhân loại đã nghĩ vì theo Sấm Ký của Nostradamus thì ông cho rằng nhân loại vẫn còn hiện hữu trên quả



đất mãi đến năm 6000. Điều đáng lưu ý là qua Sấm Ký của Nostradamus và của nhà tiên tri Hadès thì sau năm 2000 trở đi loài người càng trở nên ích kỷ, vật chất lấn áp tinh thần mạnh mẽ khiến con người trở nên tôn sùng vật chất nhất là đổ xô vào các lợi nhuận đến quên cả Thượng Đế. Quyền uy của Vua chúa hay Tổng Thống dần thay vào đó là quyền lực của các tập đoàn tài phiệt. Khoa học và công nghiệp phát triển quá mức để phục vụ lãnh vực vật chất cho con người nên thiên nhiên bị bào mòn và tận diệt trong khi nhân loại sống xô bồ hối hả trong sự bao phủ của từng lớp không khí nhuộm đầy chất hóa học và chất phế thải. Kết quả là thiên tai khủng khiếp và tật bệnh dị kỳ phát sinh khiến nhân loại chìm đắm một thời gian dài trong các biến cố kinh hoàng...

Chu kỳ thời điểm dài hay ngắn đều nằm trong một chu kỳ giới hạn nào đó. Do vậy mà có nhiều nhà tiên tri đã tính thời điểm xảy ra sự cố cố khi gần như Trịnh Nguyễn Bình Khiêm - nhà tiên tri nổi tiếng Việt Nam-. Trong tập tài liệu về Sấm Ký của Trịnh Trình có một đoạn thơ gồm 7 câu trong đó mốc thời gian rất gần nhau, chỉ cách nhau một năm về thời điểm mà thôi và mỗi thời điểm sẽ xuất hiện sự cố quan trọng. Các sự cố này đều xảy ra tại Việt Nam. Dưới đây là nguyên văn các câu thơ như sau:

*Chuột sa chính gạo nằm chơi,
Trâu cày góc lại chào đời bước ra.
Hùm gầm khắp nẻo gần xa,
Mèo kêu rộn tiếng Quỷ Ma tới bờ.
Rồng bay 5 về sáng ngời,
Rắn qua sứa soạn hết đời Sa Tăng.
Ngựa Hồng Quý mới nhân rắng!*

Đọc 7 câu thơ trên có thể nhận ra ngay 6 con vật tiêu biểu cho 6 năm. Đó là:

1) Năm Tý (Chuột); 2) Năm Sửu (Trâu); 3) Năm Dần (Hùm); 4) Năm Mão (Mèo); 5) Năm Thìn (Rồng); 6) Năm Tỵ (Rắn); 7) Năm Ngọ (Ngựa).

Nếu xét ý nghĩa, nội dung các câu thơ trên thì nên lật lại tài liệu về tài suy đoán tương lai của học giả Hồ Hữu Tường (năm 1965 - Sài Gòn) như sau khi lý giải 7 câu thơ này:

Bảy câu thơ trên là diễn tiến của các biến cố lần lượt xảy ra tại Việt Nam vào các năm: *Bính Tý (1996), Đinh Sửu (1997), Mậu Dần (1998), Kỷ Mão (1999), Canh Thìn (2000), Tân Tỵ (2001) và năm Nhâm Ngọ (2002).*

Các diễn biến được giải thích như sau:

1. Năm 1996 tại Việt Nam, nạn tham nhũng lan tràn và hoành hành khắp nơi từ các cấp trong chánh quyền lúc bấy giờ. Lợi nhuận tha hồ đổ vào cho những người đặc quyền đặc lợi như: *"chuột sa vào hủ nếp"*.

2. Năm 1997 người dân quê (Trâu cày) cảm nhận được rằng họ trở thành kiếp trâu cày không vườn lên được. (Họ cảm thấy mình cần phải đứng lên - chào đời bước ra -)

3. Năm 1998: Năm Mậu Dần có nhiều biến chuyển lớn xảy ra nhiều nơi tại Việt Nam, tiếng vang về các biến cố lan khắp thế giới (*Hùm gầm khắp nẻo gần xa*).

4. Năm 1999 là năm Kỷ Mão, đây là giai đoạn xáo trộn lớn xảy ra. Ai đã từng nghe tiếng Mèo hỗn chiến xé nhau và kêu gào trong đêm khuya thì mới cảm nhận nổi ghê rợn ấy. (*Mèo kêu rộn tiếng quỷ ma tới bờ*).

5. Đến năm 2000, Thiên niên kỷ thứ 2 này, các tôn giáo tại Việt Nam như Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo bắt đầu trở lại thời kỳ huy hoàng qua biểu hiệu: năm sắc tòa



TRỊNH TRỊNH NGUYỄN BÌNH KHIÊM

rạng sáng ngời. Điều đặc biệt là vào giai đoạn này tại Việt Nam có cuộc Khổng vận lớn xảy ra không phải vì chiến tranh hay đổ quân mà là sự cứu trợ hay tái thiết.

6. 2001 là năm Tân Tỵ, năm này khốn đốn cho những kẻ đã và đang ở vào giai đoạn suy vi, hết thời, kể cả những nhân vật đầy quyền thế trước đó. Có người được bảo trợ đến sống ở nước ngoài để bảo toàn tánh mạng và tài sản.

7. Năm 2002 Việt Nam qua một khúc quanh lịch sử mới với thể chế chính trị mới với những bộ mặt mới...

Trên đây là một vài sự kiện liên quan đến vấn đề Thời Điểm trong sự suy đoán tương lai. Năm Mậu Dần đã đến, hy vọng những gì mà thời điểm này sẽ xảy ra như các suy đoán từ 7 câu Sấm Ký sẽ không gây tang tóc đau thương và xáo trộn cho con dân nước Việt vốn đã nhiều đau khổ và lam than. Hy vọng Tự Do và Hạnh Phúc mau trở lại trên đất nước thân yêu... ●

AUF DEUTSCH

BUDDHISMUS DES LAUTEREN LANDES

- Dialog mit alten Meistern -
(Übersetzt und mit
Anmerkungen versehen von
Meister Thich Thien Tam;
Copyright der deutschen
Übersetzung Tu Xung Roland
Berthold)

ANHANG

(Auszüge aus „Buddhism of
Wisdom and Faith“ von
Meister Thich Thien Tam)

(Fortsetzung und Schluß)

b) Äußere Dämonen

„Äußere Dämonen“ sind solche, welche die Form verschiedener äußerer Geister und Gottheiten annehmen. Wenn der Übende eine bestimmte Ebene der Verwirklichung erreicht hat, wird er als Prüfung dämonisch gestört. Die äußeren Dämonen können in drei Gruppen eingeteilt werden :

1. Furchterregende Dämonen

Dies sind Geister, welche die Menschen erschrecken und in Furcht versetzen. Sie nehmen gewöhnlich die Gestalt von Tigern, Wölfen, Schlangen und anderen wilden Tieren oder halluzinatorischen teuflischen Erscheinungen an, um den Übenden zu verstören. Sie verändern unablässig ihre Form. Sie sind kopflos oder besitzen viele Köpfe, Hände und Augen oder einen halb menschlichen, halbtierischen Körper. Sie schwingen Waffen oder spucken Feuer. Wenn sich der Übende fürchtet, verliert er sein rechtes Denken und wird oftmals wahnsinnig.

Im Angesicht solcher Geschehnisse sollten wir erwägen, daß alle Formen und Merkmale illusorisch sind, und daß Dämonen nur den illusorischen Körper zerstören können, nicht jedoch den wahren Geist. Auf diese Weise meditierend, sollten wir ruhig und furchtlos bleiben und uns auf die Rezitation des Buddha-Namens oder eines

Mantra konzentrieren. Dann werden die Dämonen von selbst verschwinden.

2. Dämonen des Begehrens und des Anhaftens

Dies sind Dämonen, die eine Fülle von Gefühlen erregen, von sexueller Lust bis zu verblendetem Haften an den Fünf Arten des Staubes (d.h. an dieser Welt). Sie nehmen die Gestalt verlockender nackter Männer und Frauen an, oder die von Eltern, Geschwistern oder nahen Angehörigen wie auch die von Buddhas und Bodhisattvas mit schönen, geschmückten Merkmalen, um den Übenden zu verführen. Wenn er gutes Essen mag, werden diese Dämonen ihm wohlgeschmeckende, wohlduftende Speisen bringen. Wenn er Diamanten und Gold liebt, nehmen sie die Gestalt fremdartiger Tiere an, die in ihren Mäulern als Geschenk kostbare Edelsteine tragen. Sie bringen alles hervor, was der Übende begehrt. Sie können sogar ihre psychischen Kräfte benutzen, um ihn in einen falschen Samādhi, zu falscher Weisheit und Beredsamkeit zu führen, und ihm die mystische Kraft verleihen, Vergangenheit und Zukunft zu kennen. Jene, die dies nicht durchschauen, werden den Fehler begehen, diese Geschehnisse als Beweis dafür anzusehen, daß der Übende schon Erleuchtung erlangt hat, und deshalb an ihn glauben und ihm Vertrauen entgegenbringen. In Wirklichkeit jedoch ist der Geist dieses Übenden verwirrt, und er benutzt all seine Zeit für falsche, dämonische Praktiken, um die Welt zu täuschen. Es gibt da den Fall eines vietnamesischen Mönches, der sich in einem einsamen Tempel in Laos kultivierte. In einer seiner Meditationssitzungen sah er eine Gruppe schöner, ätherischer Frauen, allesamt nackt, sich an den Händen haltend und im Reigen tanzend. Der Mönch war unfähig, seinen beunruhigten Geist zu zähmen. Deshalb rezitierte er unverzüglich den Namen des Buddha in aller Aufrichtigkeit. Erst dann verschwand diese Szene.

Eine andere Geschichte : Es gab einmal einen Mönch in China, der Meditation praktizierte. Als er froh und hungrig war, entstand in seinem Geist der Gedanke an Nahrung. Sogleich sah er eine Frau, die ihm ein Speiseopfer anbot. Die Frau kniete nieder, gab Nahrung in seine Almosenschale und bat ihn ehrfürchtig, sofort zu essen, bevor die Speisen kalt und ihren Geschmack verlieren würden. Der Mönch war sehr hungrig und wollte sofort essen. Aber dann erinnerte er sich daran, daß es noch nicht Mittag war. Er bat sie deshalb, die Schale vorerst zur Seite zu

stellen. Die Frau verließ ihn darauf offenkundig ärgerlich und aufgebracht. Als der Mönch zur Mittagszeit seine Schale abdeckte, sah er, daß sie voller Würmer war, die in ihr herumkrochen. Er begriff, daß sein falscher Gedanke an Nahrung die dämonische Erscheinung herbeigerufen hatte. Durch seine Kraft der Konzentration konnte er es vermeiden, die unreine Nahrung zu essen und dadurch die Regel gegen das Töten zu verletzen.

Dann gab es da den Fall eines Ch'an-Mönchs, der in den Bergen praktizierte. Einsam und isoliert hegte er trügerische Gedanken. Er hoffte auf einige Mitübende, die gemeinsam mit ihm praktizieren würden, um das Leben erträglicher zu gestalten. Sogleich erschien eine alte Frau von nirgendwo mit zwei schönen jungen Mädchen an der Hand, von denen sie behauptete, daß sie im Dorf unten im Tal leben würden. Sie sagten, daß sie gekommen seien, um Führung auf dem Weg zu suchen. Der arglose Mönch begann sogleich, der Gruppe den Dharma darzulegen. Nach vielen solcher Besuche bat die alte Frau ehrfürchtig darum, daß die beiden Mädchen dem Mönch aufwarten und ihm bei seinen täglichen Hausarbeiten helfen dürften. Als der Mönch dies hörte, wurde er mißtrauisch. Er tadelte die alte Frau streng und wies das Angebot zurück. Die drei Frauen verließen ihn zornig und beschämt.

Neugierig folgte der Mönch ihnen vorsichtig, bis sie hinter einer Straßenbiegung verschwunden waren. Als er die Stelle erreichte, sah er, daß dies eine Sackgasse war. Dort gab es weder eine Behausung noch irgendetwas sonst außer drei sehr alten Bäumen, einem hohen und zwei kleineren. Er dachte nach und erkannte, daß er „geprüft“ worden war. Der flüchtige Gedanke stieg in ihm auf, die Bäume zu fällen, ein Feuer zu entzünden und sie dann zu verbrennen. Da erschienen drei Personen, die Reue bekundeten und ihn baten, ihnen zu vergeben und ihr Leben zu schonen.

Deshalb sollte der Übende bedenken : Wenn der Geist ruhig ist, sind alle Bereiche ebenfalls still. Wenn Täuschung entsteht, werden Dämonen geboren.

3. Quälende Dämonen

Diese Art von Dämonen belästigt und stört den Übenden ständig. Es gibt eine gewisse Art von Geistern, die vielfach unterschieden werden können und von denen jede Art zu einer bestimmten Tageszeit erscheint. Allgemein gesagt, gehören zu jeder Stunde drei Arten von Geistern... So nehmen sie beispielsweise in der Zeit von sieben bis neun Uhr am Morgen die Gestalt von Drachen, Fischen und schlangengleichen Geschöpfen an..

Im Kommentar „Konzentration und Visualisation im Ch'an“ wird ein Typ von Dämonen mit einem Gesicht wie eine

birnenförmige Gitarre, mit vier Augen und zwei Mündern erwähnt, der Übende sehr gern stört. Er wartet, bis man zu üben beginnt und nimmt dann die Gestalt von Würmern und Raupen an, die über das Gesicht kriechen und in Mund, Nase, Augen und Ohren eindringen oder in die Achselhöhlen oder auf den Bau kriechen, um dann dort zu beißen. Zu anderen Zeiten schreit er laut in die Ohren des Übenden und schafft auf solche Weise eine große Störung und verursacht Kopfschmerzen. Oder er umringt den Übenden unverhofft. Wenn der Übende ihn dann packen will, ist niemand da. Dieser quälende Dämon verursacht auch Szenen des fünffachen Staubes, entweder schön oder beklemmend, oder weder schön noch beklemmend. Derartige Verwandlungen sind zahllos und können den Übenden unruhig werden lassen. Da er nicht weiß, wie er damit umgehen soll, verliert er seine Sammlung. Der allgemeine Weg, diese Plagegeister zu unterwerfen, ist, den Geist in rechter Konzentration zu "sammeln" oder eifrig Mantras oder den Buddha-Namen zu rezitieren. - Dann werden sie alle verschwinden.

Allgemeiner gesprochen, umfaßt die Kategorie der "äußeren Dämonen" auch jene Dämonen, die zu Kulturen und anderen falschen, quasi-buddhistischen Sekten gehören. Nach den Beobachtungen des Autors und vieler seiner Kollegen, neigen Übende dazu, die in diesem oder in früheren Leben anderen Kulturen angehört haben, aber jetzt zum Buddhismus übergetreten sind, wie auch jene, die selbst Buddhisten sind, aber aus Familien kommen, die früher in anderen Glaubensrichtungen und Kulturen aktiv waren, von äußeren Dämonen geplagt zu werden. Dies ist so, weil die Übungsmethoden der Andersgläubigen sich im Bereich der weltlichen Befleckungen befinden und von Stolz, Ich-Verhaftung, Macht und Ruhm verunreinigt sind. Deshalb heften sie sich an sie und möchten nicht, daß mit ihnen verbundene Menschen anderen Lehren folgen.

Ein Freund des Autors, ein buddhistischer Mönch von freundlicher und friedvoller Sinnesart, wurde während seiner Übung unablässig von andersgläubigen Dämonen gestört. Aufgrund seiner "andersgläubigen" früheren Samen wandte er sich nicht von ganzem Herzen dem Buddha-Dharma zu, sondern wanderte stattdessen von Ort zu Ort, um Hilfe bei Andersgläubigen zu suchen. Schließlich wandte er sich jedoch völlig vom Buddhismus ab. Obwohl er die äußere Erscheinung eines buddhistischen Mönches beibehielt, verbrachte er alle seine Zeit mit der Übung des "In das Gleichgewicht bringen der Energieströme des Körpers". Demgegenüber lehnte er die Übungen der Niederwerfung vor dem

Buddha und der Rezitation von Sūtras als Haften an Formen ab... Jene, die früher anderen Glaubensvorstellungen anhängen und später zum Buddha-Dharma zurückkehrten, sollten über die beschriebenen Beispiele nachdenken und Vorsicht walten lassen.

c) Himmlische Dämonen

Dies bezieht sich auf jene Art von Dämonen, die den Sechsten Himmel bewohnen, der auch "Himmel der Ungehinderten Freude an den Emanationen Anderer" genannt wird. Diese Art von Dämonen besitzt Verdienste und Segnungswirkungen und erfreut sich der höchsten himmlischen Wonne im Bereich des Begehrens (von dem unsere Welt nur ein kleiner Teil ist). Diese Dämonen mißverstehen jenes Glück und jene Wonne als endgültig und möchten niemandem ihrem Einfluß entfliehen lassen. (Himmlische Dämonen stehen für Begehren und Macht; sie nehmen die Gestalt von Unterdrückung bei mächtigen Menschen an.)

Wenn ein Übender eine ziemlicher hohe Ebene des Kultivierens erreicht hat, entfaltet sich das Licht seines Geistes und scheint bis hinauf in den Bereich des Sechsten Himmels. Es wird dann von den himmlischen Dämonen entdeckt, die sein Kultivieren hemmen wollen. Solches Wirken kann vielfältige Formen annehmen, bedrohend oder schmeichelnd, sogar den Übenden zu falschem Samādhi, Weisheit und Geisteskräften führen, um ihn letztlich in die Irre zu führen. Diese Dämonen wechseln einander in der ununterbrochenen Beobachtung des Übenden ab und warten auf einen geeigneten Augenblick. Wenn der Übende einen täuschenden Gedanken hegt, stürzen sie sich auf ihn oder steuern ihn gegen Hindernisse auf dem Weg. Die lebenslange Übung des Kultivierens ist dann in jeder Hinsicht verloren.

In seiner "Abhandlung über die Erweckung des Glaubens" mahnt der Patriarch Asvagoṣha :

"Es gibt einige Schüler, deren Wurzeln der Verdienste noch nicht gereift sind, deren Geisteskontrolle schwach ist, und deren Kraft der Anwendung begrenzt ist, und die dennoch ernsthaft in ihrem Bestreben sind, Erleuchtung zu erlangen. Diese werden zeitweise von Māras und üblen Einflüssen bedrängt und verwirrt, die ihren gute Absichten zerstören wollen.

Solche Schüler, die verführerische Anblicke wie anziehende Mädchen und starke junge Männer schauen, müssen sich unablässig daran erinnern, daß all solche versuchenden und verlockenden Dinge geistgeschaffen sind. Und wenn sie dies tun, wird jene versuchende Macht verschwinden, und sie werden nicht länger belästigt. Oder wenn sie Visionen von

Göttern, Bodhisattvas und Buddhas in himmlischer Glorie haben, sollten sie daran denken, daß auch diese geistgeschaffen und unwirklich sind. Oder wenn sie durch das Hören geheimnisvoller Dhāranīs, von Vorträgen über die Pāramitās und von Erläuterungen der großen Prinzipien des Mahāyāna erhoben und erregt werden, sollten sie daran denken, daß diese ebenfalls leer und geistgeschaffen sind, daß sie in ihrem Wesen Nirvāna selbst sind. Oder wenn sie Andeutungen empfangen, daß sie solche übernatürlichen Kräfte erlangt haben, wie ihre früheren und künftigen Leben überschauen oder die Gedanken anderer lesen zu können, oder die Freiheit, andere Buddha-Länder zu besuchen, oder große Kräfte der Beredsamkeit, können alle diese sie in Versuchung führen, können sie begierig nach weltlicher Macht, Reichtum und Ruhm werden. Oder sie können von extremen Emotionen überwältigt werden, einmal zornig, ein anderes Mal fröhlich, manchmal gütig und barmherzig, zu anderen Zeiten das genaue Gegenteil, manchmal wachsam und zielbewußt, zu anderen Zeiten träge und stumpfsinnig, zu anderen Zeiten voller Vertrauen und Eifer in der Praxis, wieder zu anderen Zeiten von anderen Dingen beansprucht und nachlässig.

Alle (diese) werden sie schwanken und manchmal eine Art von unechtem Samādhi erfahren lassen, wie sich dessen die Andersgläubigen rühmen, jedoch nicht den wahren Samādhi. Oder später, wenn sie fortgeschritten sind, gehen (sie) einen, zwei oder sogar sieben Tage lang in Versenkung ein, nehmen keine Nahrung zu sich, sondern werden von der inneren Nahrung ihres Geistes genährt, werden von ihren Freunden bewundert und fühlen sich sehr behaglich und sind stolz und selbstzufrieden. Später werden sie unberechenbar, essen manchmal nur wenig, ein anderes Mal gierig, und ihr Gesichtsausdruck verändert sich fortwährend.

Wegen all solcher fremdartiger Erscheinungen und Entwicklungen im Verlaufe ihrer Praxis, sollten die Schüler unablässig auf der Hut sein, ihren Geist immer unter Kontrolle zu halten. Sie sollten weder die vorüberziehenden und substanzlosen Dinge der Sinne und Begriffe und Stimmungen des Geistes weder ergreifen noch an diesen haften. Wenn ihnen dies gelingt, werden sie sich von allen Hindernissen des Karma fernhalten." (Übers. von Wei-tao, A Buddhist Bible, p. 402-403)

Zusammengefaßt und weiter verallgemeinernd kann gesagt werden, daß es nur zwei Arten von Dämonen gibt: innere und äußere. Himmlische Dämonen gehören zur Kategorie der äußeren Dämonen. Ich habe sie jedoch gesondert

beschrieben, um den Übenden auf die gefährlichen, subtilen Verwüstungen aufmerksam zu machen, die sie verursachen können. Neben den Dämonen der Befleckungen, den äußeren Dämonen und den himmlischen Dämonen, die oben beschrieben wurden, erwähnen die buddhistischen Sūtras auch „Krankheitsdämonen“ und den „Todesdämon“. Ein Anfall von Krankheit wird die Anstrengungen des Übenden gewöhnlich schwächen, während der Tod inmitten des Kultivierens ihn zurückfallen lassen kann. Deshalb werden Krankheit und Tod Dämonen genannt. Im Allgemeinen stellen sie jedoch Hindernisse auf dem Weg dar, die den Körper beeinträchtigen, den Bodhi-Geist im wahren Sinne des Wortes „Dämon“ jedoch weder verletzen noch zerstören können. Aus diesem Grunde werden sie hier nur am Rande erwähnt und nicht ausführlich behandelt.

Wenn wir die Ebene des Kultivierens der Übenden in der Gegenwart betrachten, dann werden sie üblicherweise nur von Dämonen der Befleckungen oder äußeren Dämonen geplagt. Solche Übenden sind nicht fortgeschritten genug, um Widerstand von himmlischen Dämonen hervorzurufen. Wenn diese jedoch jemanden zerstören wollen, hat jener Mensch nur wenig Hoffnung, Leiden auszuweichen, wenn sein Kultivieren nicht musterhaft ist.

Im Sūrangama-Sūtra empfiehlt der Buddha aus Mitempfinden für die Übenden, die sich auf dem Weg zahllosen Gefahren ausgesetzt sehen, jenen, die meditieren, gleichzeitig auch Mantras zu rezitieren. Dies ermöglicht ihnen, sich auf die Macht des Buddha zu verlassen, um Schaden durch Dämonen zu vermeiden und rechte Vertiefung zu erlangen. Der Großmeister Yin-kuang hat gesagt: „Auf den ersten Blick scheint es, als ob das Sūrangama-Sūtra einen anderen Standpunkt als das Lautere Land einnehmen würde. Jedoch bei genauerem Hinsehen preist und empfiehlt das Sūtra in seiner Essenz die Schule des Lauteren Landes. Warum ist dies so? Da selbst jene, welche die dritte Stufe der Arhatschaft erlangt haben, einen durch Dämonen verursachten Rückfall erleiden können, erkennen wir die entscheidende Bedeutung der Buddha-Rezitation und der Wiedergeburt : im 'heimholenden' und helfenden Licht des Buddha Amitābha gibt es keine Gefahr von Dämonen mehr.“

Während sie so den Weg beschreiten, jedoch noch nicht wiedergeboren sind, können Übende des Lauteren Landes deshalb auf dämonischen Hindernisse treffen. Dies geschieht in den meisten Fällen nur deshalb, weil der Übende den Dharma nicht versteht und beim Zügeln seines Geistes nicht geschickt ist und innere Dämonen 'entstehen' läßt, die

ihrerseits äußere Dämonen anziehen können. Wenn er seinen Geist ruhig und still halten kann und zusätzlich den Namen des Buddha rezitiert, werden äußere Dämonen machtlos sein, und alle Befleckungen werden ebenso allmählich verschwinden. Deshalb sind dämonische Hindernisse, selbst wenn sie erscheinen, für die Übenden der Schule des Lauteren Landes nicht häufig.

Die Übenden des Ch'an andererseits begegnen vielen dämonischen Geschehnissen, denn sie verlassen sich nur auf ihre eigene Stärke und die eigene Kraft. Ein Ch'an-Übender sollte die folgenden fünf Bedingungen erfüllen, um Erfolg zu haben : erstens sollte er die Regeln strikt beachten; zweitens sollten seine Natur und seine Wurzeln „geschwind“ und erleuchtet sein; drittens sollte er ein klares Verständnis des Buddha-Dharma besitzen, geschickt das Rechte vom Abweichenden, das Wahre vom Falschen, unterscheiden können; viertens sollte er in seinem Entschluß fest und unbeirrbar sein; und fünftens sollte er von einem guten Lehrer geführt werden, der ein gründliches Verständnis der Sūtras und viele Jahre der Erfahrung in der Meditation besitzt. Wenn der Übende diese fünf Bedingungen nicht erfüllt, wird er leicht ein Opfer jener Dämonen.

Die Alten haben gesagt, daß es „in der Ch'an-Praxis viele Gelegenheiten gibt, in die Irre zu gehen“. Um deshalb in der Meditation erfolgreich zu sein, ist es notwendig, eine Person mit hohen Fähigkeiten und Einsicht zu sein. Große Ch'an-Meister der Vergangenheit haben bei der Weitergabe des Dharma an ihre Schüler diese wiederholt gewarnt : „Versprecht nicht, jemanden als Schüler anzunehmen, der nicht die tiefsten guten Wurzeln besitzt.“ Diese Worte sollten als Beweis für die beschriebene Beobachtung dienen.

In der „Abhandlung über die Erweckung des Glaubens“ fügt der Patriarch Asvagosha, nachdem er die grundlegenden Punkte der Mahāyāna-Lehre dargelegt und den Pfad der Kultivierung erläutert hat, hinzu :

„Stelle dir nun vor, daß es da einen Mann gibt, der diese Lehre zum ersten Mal erfährt und nach dem rechten Glauben strebt, dem es aber an Mut und Stärke fehlt. Weil er in dieser Welt des Leidens lebt, fürchtet er, daß er nicht ständig den Buddhas begegnen und sie persönlich verehren kann. Und weil es schwierig ist, den Glauben zu vervollkommenen, wird er dazu neigen, zurückzufallen.

Er sollte wissen, daß die Tathāgatas ein ausgezeichnetes Mittel besitzen, durch welches sie seinen Glauben beschützen können : durch die Kraft aufrichtiger Buddha-Meditation/Rezitation, wird er in Erfüllung seiner Wünsche in dem

jenseitigen Buddhaland geboren werden können, um unablässig den Buddha schauen zu können und auf immer von den üblen Daseinszuständen getrennt zu sein. Es ist, wie es das Sūtra sagt : 'Wenn jemand von ganzem Herzen über den Buddha Amitābha in der Welt des Westlichen Lauteren Landes meditiert und in jener Welt geboren zu werden wünscht und alle das Gute, das er kultiviert, diesem Ziel widmet, wird er dort geboren werden.' Und weil er den Buddha immerwährend schaut, wird er niemals mehr zurückfallen... (Wenn ein Übender diesem Pfad folgt), wird er am Ende dort geboren werden können, denn er weilt im rechten Samādhi.“ (The Awakening of the Faith, by Asvagosha, übers. mit Kommentar von Yoshito S. Hakeda, New York und London : Columbia University Press, 1967, p. 102).

Wie oben erläutert wurde, ist die eifrige Buddha-Rezitation ein wundervolles Mittel, um dämonischen Gefahren zu entrinnen und schnell die rechte Vertiefung zu erlangen.

„Während wir noch den Pfad der Übung beschreiten und noch nicht die Stufe der Vollkommenen Erleuchtung erlangt haben, sind alle Methoden und Schulen geschickte Mittel : die Buddha-Rezitation ist ein geschicktes Mittel, ebenso Ch'an und alle anderen Methoden... Eifrige Buddha-Rezitation führt wie Ch'an zum Erwachen; jedoch ist die hauptsächliche Ziel der Schule des Lauteren Landes die Wiedergeburt... (Einmal „wiedergeboren“, wird man niemals mehr zurückfallen. Und alle werden schließlich die Buddhaschaft erlangen und den Lebewesen helfen.“ („Buddhism of Wisdom and Faith“, Kap. V, Abschn. 29)“

(Ende)

Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik
Deutschland

Verlag

c/o Viengiac Pagode,
Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963

Herausgeber :

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirch e.V

Redaktion :

Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-
Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : 6 mal Jährlich

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.
Nach druck nur mit schriftlicher Genehmigung
der Redaktion erlaubt.



Đóa hoa tâm

□ THÍCH NHƯ ĐIỂN

Hoa là một loài thực vật tượng trưng cho vẻ đẹp của thiên nhiên mà loài người thường hay trân quý, nhất là những loài hoa hồng, hoa cẩm chướng, hoa mẫu đơn, hoa mai, hoa cúc, hoa huệ...

Cũng có rất nhiều người mến hoa, thưởng hoa nhưng cũng có nhiều người ghen tặc với sắc đẹp của hoa; nên bắt hoa phải nở theo lệnh của mình, nếu hoa nào không chịu nở đúng kỳ hạn, sẽ bị dày như Tử Hy Thái Hậu lúc sanh tiền đã xử trí như thế.

Đặc biệt trong các vườn chùa ở Việt Nam hay ở ngoại quốc, nơi nào cũng trồng được một số cây cảnh mang màu sắc quê hương. Lúc chưa xa quê, ai cũng muốn hướng tới một phương trời cao rộng khác, nơi đó có tự do hơn, có cảnh đẹp hơn, giàu có hơn...; nhưng khi cuộc sống đã an ổn rồi, những khi nhàn rỗi, ai trong chúng ta cũng chạnh lòng hoài cố. Do vậy mà những tập tục cổ truyền, những lễ hội, ngay cả văn hóa của sự ăn uống tại xứ người chúng ta cũng đều muốn mang từ quê hương sang đây. Ví dụ trong một bữa cơm của mỗi gia đình Việt Nam nơi hải ngoại, đầu ở tại Canada, Mỹ, Úc, Nga, Pháp, Đức, Tunisie... lúc nào cũng có rau thơm và những mùi vị khác của quê hương. Cho hay cái tinh thần dân tộc đã ăn sâu vào lòng người là thế.

Tôi đi nhiều nơi, đến nhiều chỗ trên thế giới, chùa Việt cũng như chùa ngoại quốc, trông thấy nơi nào cũng mang một vẻ đẹp hiền hòa, trang nhã, gói ghém văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc vào ngôi chùa ấy qua cách kiến trúc, tạo hình và trang trí trong cũng như ngoài chùa.

Bài viết này, đặc biệt chỉ lưu ý đến các loài hoa và đi xa hơn nữa là một loại hoa nở không bao giờ tàn. Đó là đóa hoa giác ngộ nơi tâm thức của con người.

Tại sao người ta lại trân quý loài hoa như vậy? Dầu cho đó là loại hoa gì đi nữa, có lẽ câu trả lời đúng nhất phải dành riêng cho từng người một trong chúng ta; nhưng

tựu trung, hoa tượng trưng cho vẻ đẹp, thanh cao và hoa vừa có hương lẫn có sắc, làm cho nhiều người ưa thích hơn. Người đầu khó tính đến đâu đi chăng nữa, khi ngắm hoa cũng không thể nào trút giận hờn vào hoa được, ngoại trừ những người có lý do đặc biệt như Tử Hy Thái Hậu.

Các vị Thiền Sư cũng ngắm hoa, văn nhân thi sĩ cũng viết về hoa, vịnh về hoa. Người bình dân cũng thưởng thức hoa. Do vậy mà hoa mang một ý nghĩa rất đa dạng.

Thiền Sư ngắm hoa dưới nhãn quan của người liễu đạo; nên bảo rằng:

"Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiêm tạc dạ nhất chi mai"

"Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết

Đêm qua sân trước, một cành mai"

Đây cũng là đóa hoa tâm, đóa hoa giác ngộ ở trong mỗi người của chúng ta. Khi đông đến xuân đi, vạn vật đang thay màu đổi sắc. Trong khi đó chỉ còn một đóa hoa mai duy nhất nở một cách muện màng khi mùa xuân đã trôi qua trong buổi xế chiều của một mùa đẹp nhất trong bốn mùa và đóa hoa ấy cũng đã cố gắng nở ra, như đóa hoa giác ngộ kịp tỉnh thức sau bao nhiêu sự chiến đấu từ nội tâm cho đến ngoại cảnh.

Người xưa có câu:

Người trồng cây hạnh người chơi

Ta trồng cây phước (đức) để đời về sau.

Hoa, dầu là hoa gì đi chăng nữa, có nở, ắt sẽ có ngày tàn. Do vậy mà sắc đẹp này không bền bỉ. Qua thời gian phải bị đổi thay. Chỉ có cây phước đức, sẽ trở hoa nhân nghĩa và giác ngộ, loại hoa này sẽ không bao giờ phai sắc, dầu cho không gian có thay đổi, lòng người có băng hoại đi chăng nữa, thì đóa hoa tâm này vẫn luôn luôn hiện hữu ở thế gian này trong hai mặt của một cuộc đời.

Trong các vườn chùa tại Việt Nam thường hay trồng những cây hoa sứ, có nơi gọi là hoa đại. Thân cây sần sùi, lá cứng nhưng khi trở bông màu trắng hay tím có

hương thơm ngát cả sân chùa. Ở ngoại quốc ngày nay chẳng thấy nơi nào trồng được. Có lẽ vì khí hậu là vấn đề chính.

Chùa Thiện Minh tại Lyon, Pháp, nơi Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt trụ trì có một vườn hoa trong sân chùa rất tuyệt vời, không thể dùng viết để viết, dùng giấy để tả được, mà ai đó là người Phật Tử, nếu có dịp sang Âu Châu, nên đến đây để thưởng ngoạn một công trình có một không hai tại xứ này. Tại đây có đủ loại hoa, nhất là hoa đào Hà Nội và hoa đào Trung Quốc. Mỗi năm cứ vào độ cuối tháng ba đầu tháng tư dương lịch, cả hàng trăm cây hoa đào đủ màu khoe sắc thắm. Màu tím như hoa giấy, màu đào lợt như hoa cẩm chướng, màu bạch ngọc như hoa hải đường. Đặc biệt hoa đào Việt Nam khi trở hoa, không bao giờ có lá, giống như Sakura của Nhật Bản. Sakura (anh đào) của Nhật Bản cũng rất đẹp; nhưng hoa đào của Nhật có sắc mà chẳng có hương; nên đã nhiều lần, tôi ví người Nhật Bản giống như loại hoa này. Hoa đào Nhật có chừng tám cánh, mười cánh hay mười hai cánh là cùng; nhưng hoa đào Việt Nam, đặc biệt là hoa đào Hà Nội và hoa đào Trung Quốc đang khoe sắc thắm tại chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp, mỗi đóa hoa có đến hai mươi cánh. Có lúc tôi đếm kỹ hoa đào tại đây đến ba mươi cánh. Nhiều hoa hợp lại khiến cảnh hoa nặng trĩu những đóa hoa tuyệt mỹ, mà trong đời tôi, đây là lần đầu tiên mới thấy một loài hoa đẹp như thế; mà tại hải ngoại này chỉ có thể tìm thấy nơi vườn chùa Thiện Minh ở Pháp mà thôi. Trong vườn chùa này có tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cao hơn năm thước, tạc bằng đá cẩm thạch nguyên chất từ Ý mang về, sau đó Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt cho thếp vàng khiến cho ngôi chùa lung linh thêm nhiều hình ảnh khác nhau, khi khách hành hương về đây lễ Phật và viếng cảnh.

Bên cạnh những đóa hoa đào tuyệt mỹ ấy còn có những đóa mẫu đơn, nở lớn như một loài hoa vương giả ngự trị tại chốn thiền môn này. Hoa mẫu đơn cũng có nhiều màu, có hương thơm; nhưng chóng tàn. Duy chỉ có hoa đào mỗi khi nở kéo dài cả một tháng. Nếu không có những cơn gió vô tình đùa đẩy qua, thổi vào trong không gian ảm áp ánh nắng xuân ấy, thì hoa đào hay mẫu đơn còn tồn tại lâu hơn nữa với thời gian của một mùa xuân đẹp đẽ của xứ trời Âu.

Tựa vào các vách đá, những đóa hoa nhỏ li ti như mũi kim, hoặc lớn hơn chút nữa như đầu cây tăm cũng đua nhau khoe nhiều sắc màu lộng lẫy, nào vàng, nào tím, nào trắng, nào xanh... đã dệt nên những gấm hoa, tạo thành một tấm thảm

thiên nhiên tuyệt mỹ, nhằm trang trí cho cảnh vật nơi đây để cúng dường lên Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Sau lưng chùa không phải là hoa, mà là một loài trúc. Trúc rất ít khi ra hoa; nhưng nếu trúc trở hoa, tức trúc sắp tàn và mọi cây trúc khác cũng sẽ chết theo. Tại đây có nhiều loại trúc khác nhau, nào thanh trúc, bạch trúc, tử trúc và hoàng trúc. Những cây trúc đứng thẳng mình như những đấng trượng phu lặn xả vào cuộc đời không ngại bởi tiếng thị phi của nhân thế. Năm rồi, Thượng Toa Tánh Thiệt có cho tôi một bụi trúc thật đẹp, đem về chùa Viên Giác bên Đức để trồng; nhưng nay thì trúc đã chết. Năm nay (1998) Thầy thấy tôi trân quý hoa đào, nên Thầy đã cho tôi hai cây đào con để mang về trồng. Theo lời Thầy bảo thì sang năm sẽ trở bông; nhưng tôi thì khó tin điều đó. Vì qua kinh nghiệm, dẫu là loài hoa nào đẹp tuyệt vời đi chăng nữa, qua sự chăm sóc của tôi, cây sẽ chết vào một ngày nắng hạ hay thu sang nào đó, ít có cây nào sống qua khỏi một mùa xuân. Tôi chẳng biết tại sao? Nếu là người, dẫu người đó có hủ nét đến đâu đi chăng nữa, tôi cũng có thể giúp họ trở lại con đường chốn chánh, tu học đứng đắn, nhưng loài hoa, có thể tôi thiếu nhân duyên chăng?

Gần đến hè, cả một vườn hồng đua nhau nở rộ, mỗi nhìn như một bức thảm đỏ trải dài ra để đón rước một bậc giác ngộ nào. Hồng, dẫu sao đi nữa cũng có lấm gai; nhưng lại nhiều người thích. Điều ấy chẳng hiểu tại sao. Có lẽ vì đặc tính của hoa hồng là: sớm nở tối tàn chăng?

Mùa thu đến, hoa cúc vàng, một loài hoa vương giả thay thế vị trí của hoa hồng khi mùa hạ đã qua đi, mang đến cho con người nhiều sự nghĩ suy về sự thay đổi của cuộc đời. Không những thế, bạch cúc, hồng cúc, tử cúc cũng đã nở rộ vào lúc thu sang làm cho cây cảnh vườn chùa càng thêm nhiều hưởng sắc.

Hoa trà mi, hoa ngọc lan, hoa vạn thọ... cũng đã nở vào nhiều thời điểm khác nhau, khiến cho ai nấy khi đến chốn này đã nhỏ lại cội nguồn của tâm linh và đặc biệt, là người Phật tử khi xem hoa thường ngoạn cảnh đẹp, thấy rằng đóa hoa tâm, tức đóa hoa giác ngộ cũng sẽ nở được như thế, để con người có thể thâm nhập vào thế giới giải thoát của chư Phật và chư vị Bồ Tát

Trong cây có hoa, trong đá có lửa. Đó là nguyên tắc tự ngàn xưa; nhưng hoa chỉ nở khi nào khí hậu ấm áp và đặc biệt nhân duyên của người chăm sóc hoa cũng không kém phần quan trọng. Trong đá có lửa; nhưng nếu chúng ta để hai viên đá xa

nhau, chắc chắn rằng lửa sẽ không bao giờ phát sinh. Từ đó chúng ta có thể kết luận rằng: đóa hoa tâm cũng thế. chỉ nở khi nào chúng ta làm tròn bổn phận của một người Phật Tử biết tu phước và tu huệ trọn vẹn.

Nhân chuyến đi Bắc Mỹ kỳ này từ 14 đến 29.4.1998 tôi đã ghé qua Raleigh, Chicago, Montréal và Ottawa để viếng thăm chùa Vạn Hạnh, Phật Bảo, Quan Âm và Từ Ân. Ở đâu cũng nói Pháp cho Phật Tử nghe và tại chùa Phật Bảo, Chicago, có một Phật Tử Mỹ đến quy y với tôi và sau giờ quy y anh ta có hỏi tôi một vài câu cũng có ý nghĩa, nên chép vội ra đây để quý độc giả lãm tưởng.

- Thừa Thầy, bây giờ tôi đã trở thành Phật Tử, thì cái nhìn của những người Mỹ lân cận không thân thiện mấy, vậy tôi phải xử trí ra sao đây?

- Anh hãy bảo với họ rằng: Phật Giáo giống như một loại y dược, có thể chữa nhiều thủ bệnh khổ của nhân sinh. Ví dụ lâu nay anh dùng thuốc Aspirin khi bị đau đầu, thì bây giờ anh cũng có thể dùng Optalidon, là loại thuốc khác để trị bệnh ấy kia mà.

- Nhiều người Mỹ họ hiểu rằng: Phật Giáo ngày nay đã có chân đứng tại Mỹ và Âu Châu. Họ không muốn tôn giáo truyền thống của họ bị mất đi quá nhiều tín đồ. Thầy nghĩ sao về vấn đề này?

- Phật Giáo như một bông hoa đẹp, nếu mang bông hoa ấy trồng vào vườn hoa tâm linh thuộc lãnh vực văn hóa, tôn giáo của xứ này, chẳng khác nào chúng ta điểm tô thêm ngôi nhà ấy một nét đẹp mỹ miều hơn. Trong một ngôi nhà, một ngôi vườn, nếu có nhiều đóa hoa tâm linh, đóa hoa giác ngộ nở rộ, chắc chắn rằng vườn hoa ấy sẽ đẹp đẽ hơn, có phải thế không?

Sau khi đã nghe lời giải thích của tôi như thế, anh ta vui vẻ ra về và anh ta hãnh diện là một người Phật Tử. Thế là một đóa hoa lòng, một nụ hoa tâm linh mới vừa hé nở. Phật Giáo đi vào lòng người một cách rất nhẹ nhàng. Không giáo điều, không bi quan, không theo uy quyền để mang mọi người vào đạo, mà ai, nếu muốn học hỏi hạnh xả ly của đạo Phật thì hãy vào chùa để cho đóa hoa tâm của mình mỗi ngày càng bùng nổ.

Mỗi một ngôi chùa Việt Nam tại ngoại quốc đã trồng nhiều đóa hoa xinh xắn tại vườn chùa. Nay lại có những đóa hoa biết đi, biết nói, biết cười, biết tu học hạnh giải thoát của Như Lai, điều ấy quả thật là điều cần phải triển khai nơi nội tâm của mỗi chúng ta nhiều hơn nữa. Những đóa hoa trà mi, hoa hồng, hoa thuộc dược, hoa cúc, hoa đào... dẫu cho đẹp đẽ bao nhiêu đi

chăng nữa, nở lâu dài mấy tháng đi chăng nữa, chắc chắn có ngày sẽ tàn tạ theo năm tháng của tạo hóa đã an bày. Chỉ có đóa hoa giác ngộ nơi tâm thức của mọi người sẽ không bao giờ bị tàn phai hưởng sắc và loài hoa này sẽ không bị chi phối bởi gió sương giống như trong Kinh Pháp Cú đã nói:

"Hương thơm dầu là hương của loài hoa chiền đản đi nữa cũng không thể bay được ngược gió. Chỉ có hương của người đức hạnh dầu ngược gió vẫn bay khắp mười phương"

Vì diệu thay loài hoa ấy và mong rằng những Phật Tử chúng ta hãy giữ lấy đóa hoa tâm này nơi mỗi người để tự tìm đến một hướng vị giải thoát cho cuộc đời của mình.

Quê hương là gì, đó ai định nghĩa được. Nhưng khi xa rời người ta mới ngoạn mặt lại để đoái hoài. Khi xa rời người ta mới có cơ hội để tìm lại cội nguồn của Tiên tổ. Loài ngỗng trời của Canada mỗi năm vào mùa lạnh, chúng bay đến Mỹ Tây Cò, đến Nam Mỹ, đến Panama. Có loài còn bay xa hơn, đến tận các đảo của Ấn Độ để trốn cái lạnh khắc nghiệt của mùa đông tại xứ này; nhưng đến khi xuân sang vào cuối tháng tư mỗi năm tại vùng Baie de Febre, cách Montréal về hướng Bắc chừng 150 km, bên dòng sông St. Laurent, những con ngỗng trời đủ loại, từ các nơi xa xôi ấy lại bay trở về, như tìm lại tổ ấm của ngày xưa. Người ta đến xem chim rất nhiều. Riêng tôi đến Canada và Bắc Mỹ cả gần hai mươi lần; nhưng lần này mới có cơ hội đi xem loài ngỗng trời này. Nghe đâu loài ngỗng này cũng rất đoàn kết, khi một con bị bệnh hay vì bất cứ một lý do nào đó, sẽ có hai con khác hộ tống lo lắng cho con bị bệnh đến khi lành, chúng diu nhau bay theo hướng mũi tên để tìm đàn mà về lại với nhau. Xem ra chúng sống với nhau còn có nghĩa như vậy, không biết khi người ta đi xem chim có được ý niệm này chăng? Riêng tôi lúc nào cũng hướng về cố quốc, như loài chim Di, chim Lạc đã mấy ngàn năm bay từ miền Bắc đến miền Nam và ngày nay bay tứ tung ra bốn phương trời ở hải ngoại, rồi có ngày cũng sẽ bay về nơi đất Mẹ thân yêu để tìm lại tổ ấm xưa của cội nguồn dân tộc.

Loài cá Hồi cũng thế, khi mùa lạnh, cá đi, khi xuân sang, cá lại ngược dòng lội về nguồn, trên đường đi ấy gặp biết bao nhiêu chướng ngại. Ví dụ như bị gấu bắt ăn thịt, nước chảy không xuôi dòng... nhưng cá Hồi vẫn một mực trở về lại nguồn gốc của

minh tận nơi những dãy non xanh ở những nơi cao nguyên muôn thuở ấy.

Ở Phi Châu có những đàn trâu nước mỗi lần di chuyển đến cả mấy chục ngàn con. Chúng di chuyển thành từng đàn. Mỗi khi có nạn như cọp hoặc sói bắt con của chúng lại, thì hai hoặc bốn con trâu lớn trong đàn sẽ tách rời ra để bảo vệ đánh đuổi cọp, beo, sói dữ, cứu trâu con cho đến khi nào trâu con thoát nạn mới thôi. Như những con trâu mẹ chiến đấu cho và vì con của mình, nếu ai có lòng tử bi và độ lượng, chắc chắn phải cảm động trước sự bảo vệ cũng như sự hy sinh cao cả ấy.

Những thú vật là những loài không tri giác như chúng ta vẫn thường hay hiểu như thế. Nhưng chắc chắn nơi chúng cũng đã nở rộ những đóa hoa lòng, ít nhất là thể hiện nơi đồng bọn khi bị hoạn nạn, lâm nguy. Do vậy mà Đức Phật vẫn thường dạy rằng: Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Điều ấy vẫn không sai một mảy ly nào.

Những sự sinh hoạt của thú vật, sự trưởng thành của cây cỏ, sự có mặt của muôn loài nơi quả đất này, chúng ta phải hiểu rằng đó là một sự bổ sung cho nhau, một gia tài văn hóa chung của nhân loại, mà mỗi chúng ta cần có bốn phận phải giữ gìn, vun bồi, bón phân, tưới nước. Không vì bất cứ một lý do gì mà sát hại lẫn nhau, cấu xé nhau và nhất là chà đạp những đóa hoa, vốn mang đến cho chúng ta nhiều màu sắc xinh đẹp để trang điểm cho cuộc đời.

Con người là chúa tể của muôn loài, kể cả loài hoa. Nhưng nếu loài người không ý thức củi mồi tranh bá đồ vương, lòng gặt lẫn nhau và sát phạt lẫn nhau, tạo nghi ngờ cho nhau thì sẽ không bằng những động vật hoang dã khác. Vì chúng không hấp thụ nền văn hóa, văn minh trong hiện đại; nhưng chúng đã thể hiện tình đồng loại và sự nở rộ của đóa hoa tâm. Trong khi đó con người chúng ta được xưng tụng là một động vật có trí tuệ cao cả nhất trong muôn vật, chắc chắn chúng ta cũng sẽ không quên cội nguồn và con đường hoán chuyển của nội tâm luôn hướng về bên trong để đóa hoa giác ngộ, đóa hoa tâm, đóa hoa của cõi lòng được chuyển hóa một cách có định hướng để được thành tựu viên mãn.

Cầu nguyện cho mọi loài, mọi người đều có được một tâm hồn thành thực, tử bi và lợi tha để cho muôn vật được nhờ.

Viết tại Chùa Quan Âm, Montréal, Canada
Ngày 28 tháng 4 năm 1998

ngày hội quê hương TRÊN ĐẤT KHÁCH QUÊ NGƯỜI

NGÔ LINH PHƯƠNG

Hôm mười năm về trước, khi Chùa Viên Giác còn đơn sơ nằm ở phía bên kia con đường nhỏ, trong một căn phòng có lẽ tiền thân là một nhà kho, hoặc là một bộ phận sản xuất của một hãng xưởng nào đó. Lúc ấy khu đất mà Chùa hôm nay tọa lạc đang còn là một bãi đất hoang bừa bộn, um tùm cỏ mọc không người chăm sóc. Ngoài nơi thờ phượng trang nghiêm trong căn phòng nói trên, sinh hoạt của Phật Tử trong những ngày lễ lớn, tất cả đều nằm trên vỉa hè dọc theo hai bên đường, lấn ra ngoài qua khỏi ngã tư hơn vài trăm mét về tứ phía. Ban Trị Sự Chùa đã tất bật trong bối cảnh "xâm canh" này. Người ta đã thấy đội trật tự vất vả với nhiều loa phóng thanh đã chiến đấu để tìm cách ổn định cho ngày hội với nhiều nghìn người từ khắp nơi Âu Châu về tham dự, đồng thời giải quyết tại chỗ những ứ đọng lưu thông và phiền toái có thể đến với hàng xóm láng giềng lân cận.

Hôm nay người về tham dự Lễ Chùa trong một quang cảnh hoàn toàn khác. Ngôi Chùa khang trang có kiến trúc Á Đông uy nghi nằm giữa khu đất rộng xấp xỉ 5.000 mét vuông. Bảy tầng tháp Chùa sừng sững, đằng trước là sân rộng lát xi-măng sạch sẽ, có hồ nước với hòn non bộ thờ mộng, chung quanh khuôn viên Chùa được bao bọc bởi những bờ tường kiên cố có cổng trạm trổ, mái vòm ngói cong đỏ. Cây cối đã bắt đầu lên cao tạo thêm vẻ màu nhiệm cho không gian ngôi Chùa, những tầng cây xum xuê rợp những bóng mát sẵn sàng che chở khách hội về dưới những cơn nắng mùa oi ả đang đến.

Ngày Lễ Phật Đản năm nay (1998), tôi có dịp tháp tùng một cơ sở kinh doanh về Chùa tham dự. Chúng tôi đã đến từ chiều thứ năm để "lên mái" quây hàng. Đây là một cơ hội mà tôi không nghĩ ra trước khi đi, lúc này chỉ có rất ít khách ở Chùa, ngoài những Phật Tử công nào việc nấy trăm mặc thấp thoáng đi lại lo việc ngày

mai sắp đến, không khí trong khuôn viên Chùa hoàn toàn im lặng và yên tĩnh.

Vừa bước vào sân Chùa, tôi có cảm giác đây không phải là vùng trời của một nước Đức văn minh tấp nập xe pháo. Đây chính là khung cảnh trước đây 30 năm của tôi và bạn bè trang lứa thời niên thiếu, của tuổi học trò hồn nhiên trên Quê Hương mà chúng tôi thường hay rủ nhau hẹn hò trong những ngày cuối tuần hoặc lễ nghỉ. Ở đây, Chùa Viên Giác chỉ thiếu tiếng ve sầu của miền nhiệt đới ri rả và tiếng suối róc rách chảy ngang, ngoài ra không khí hoàn toàn tĩnh mịch và gợi cảnh nên thơ. Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ so sánh táo bạo là tại sao trước đây tôi đã không chọn đường tu, phải chăng tôi đã không "lãng mạn" đủ vào tuổi lãng mạn. Tiếng ối gọi cơm của anh bạn làm tôi giật mình trở về thực tại. Chúng tôi lo chọn chỗ dựng quây hàng phía sau Chùa, bắt chuyện vu vơ với một số ít người đã có mặt, rồi bắt đầu dọn chỗ nghỉ ngơi. Hoàng hôn mùa Xuân về trễ nhưng cũng về và trời tối dần.

Sau một đêm gần như mất ngủ vì ban đêm ngoài trời lạnh hơn như tôi đã dự đoán. Với một chiếc chăn mỏng tôi muốn và đã ngủ tại lều, mong tìm lại không khí cắm trại ngoài trời mà tôi đã luôn nô nức mong đợi khi còn thiếu thời, trong sinh hoạt của Phong Trào Hướng Đạo mà tôi đã có điều kiện hằng say tham gia lúc còn trẻ. Tôi đã mất ngủ, nhưng không cảm thấy mệt mỏi vì tôi đã được dịp qua đêm dưới mái lều thấp lè tè, hồi tưởng lại được quá khứ của tuổi trẻ ở Quê Hương với bạt ngàn kỷ niệm vui buồn nhỏ nhưng. Trời giữa Xuân bắt đầu lờ mờ sáng từ lúc 5 giờ, tôi mừng bật dậy ngay từ những âm thanh lạ lạ đầu tiên, tôi nghe những tiếng lách cách đứt quãng, có lẽ là của các Phật Tử trong Chùa bắt đầu lo nhiệm vụ, đầu đây phía sau Chùa, ở những tầng cây cao trên khu đất bên cạnh cũng có tiếng chim thánh thót gọi sáng bình minh. Tôi pha cà-phê uống xong, và đi về phòng vệ sinh nằm ngay hông trái Chùa. Khu Phòng vệ sinh nam sạch sẽ, đầy đủ tiện nghi với một dãy nhiều phòng Toilette, nhiều bồn rửa có gương trang điểm trước mặt, có phòng tắm, có máy giặt với bảng chỉ dẫn cách sử dụng, và đầy đủ những ổ điện để sử dụng dụng cụ cá nhân. Tôi đoán chừng khu Vệ Sinh Nữ ngay bên cạnh, chắc tiện nghi không có lý do gì để kém hơn, ngoài những bồn tiểu lạ đời của nam giới. Trong lúc trở về căn lều mất ngủ, tôi được một "người hàng xóm" trạc tuổi chưa từng quen biết mời cà-phê sáng. Tôi nhanh nhẹn như đã chờ sẵn, làm thêm một cử nữa, lại có dịp để thổ lộ cuộc "xuất hồn" của một "đêm mất ngủ". Anh bạn mới quen và tôi bỗng đứng gặp nhau tại nhiều kỷ niệm của

thời thơ ấu, rồi đến bản khoả của hoàn cảnh sống hiện tại, rồi lại bàn luận sôi nổi đến những thăng trầm của đời sống Người Ty Nạn và tương lai Quê Hương. Anh phán thêm một kinh nghiệm đây mình là từ trưa nay tôi sẽ hết có dịp mở mộng vì khách về Chùa sẽ bắt đầu đông.

Tiếng Chuông Chùa gõ nhẹ vào buổi sáng tinh mơ làm tôi cảm thấy du dương huyền hoặc. Tôi lắng nghe những đù 3 tiếng và sau đó hoàn toàn im bật. Tôi thêm nghe lại và có ý định đề nghị xin gõ lại, nhưng tôi biết chắc là không được, vì đây là những tiếng báo hiệu tuần tự công việc tiếp nối trong ngày của Chùa nên đành im lặng mà tiếc rồi tưởng tượng và tận hưởng. Sau cử cà-phê thứ hai, trời đã sáng hẳn, tôi bắt đầu cuộc đi dạo quanh Chùa theo phản ứng tò mò. Vào tầng trệt với những văn phòng trưng bày sách vở báo chí, với một số nhân viên đúng tuổi đang lặng lẽ đi lại, lấy ra xếp vào những giấy tờ gì đó dày cộm, có người bốc điện thoại điều hành và trả lời những gì đang và sắp đến. Có lẽ đây là văn phòng liên lạc và phát ngôn của Chùa Viên Giác. Tôi theo cầu thang dẫn lên Chánh Điện và hoàn toàn tự do ra vào những nơi tôi muốn đến. Chỉ chừa những nơi mà tôi đoán là phòng sinh hoạt riêng của các bậc tu hành, ngoài ra tôi đều vào hết, không gặp một sự ngăn cản nào ngoài những cái gật đầu chào nhã nhặn, thiện cảm. Sau đó tôi đi ngang Chánh Điện, ở đây đang có một số Thiền Sư và nhiều Phật Tử chăm chú niệm kinh, tôi nhìn lên bàn thờ, tượng Đức Phật uy nghi lồng lộng với nhang khói nghi ngút và hoa quả đủ màu, rồi đi ra hành lang phía trước quan sát một vòng chung quanh phía dưới. Bên ngoài khuôn viên Chùa xe cộ qua lại tấp nập, được ngăn cách qua bức tường chung quanh, bên trong là một khung cảnh hoàn toàn khác lạ, ấm cúng và gần gũi. Phía sau chùa, những lều bạt nhiều hình dạng khác nhau thi đua mọc lên dày hơn, người khuôn kẻ vác đã bắt đầu nhộn nhịp ra vào theo cổng bên hông. Lối cảnh giác của người hàng xóm vào buổi sáng đã bắt đầu hiệu nghiệm.

Buổi chiều trôi qua vẫn trong không khí tĩnh mịch phía trước Chùa, tiếng tụng kinh trầm trầm đều đặn linh thiêng theo nhịp mõ gõ nhẹ trên Chánh Điện. Phía sau Chùa tấp nập với các chủ gian hàng và những anh chị được phân công xếp xếp chỗ có thủ tự cho các gian hàng. Người ta bắt đầu bày biện hàng hóa, âm thanh từng búng ở vài quầy hàng băng nhạc, từ những dàn máy tối tân nặng walt trôi lên những nhạc điệu quen thuộc du dương. Đêm Thứ Sáu bắt đầu về với những trang bị được tăng cường đầy đủ và ấm cúng hơn, một

đêm nữa trôi qua cũng với những miên man tròn tuổi loạn của tôi ở Quê nhà.

Buổi sáng sớm Thứ Bảy, tôi lại có dịp thường thức tiếng chuông lành lót trong không khí tĩnh mịch của buổi sáng lần nữa, rồi như có hẹn trước, tôi dậy lúc 6 giờ vượt ngoài thông lệ "nướng", tắm rửa sạch sẽ, làm vệ sinh cá nhân, và theo lời mời của hàng xóm bữa trước, tôi sang uống cà-phê. Vào khoảng 7 giờ tôi nhìn thấy thầy Thích Như Điển, chủ trì Chùa Viên Giác đi dạo một vòng quanh khu buôn bán, nhã nhặn thăm hỏi, nói chuyện loáng thoáng với khách thập phương, trên mỗi lúc nào cũng với nụ cười hiền từ. Tôi thấy Thầy có vẻ trẻ ra so với hơn 10 năm về trước, mặc dù nhìn thấy sự thay đổi rõ ràng của ngôi Chùa mà tôi đã có dịp quan sát vào buổi sáng hôm trước, tôi biết chắc Thầy đã lăn lộn từng giây từng phút trên 10 năm qua để có ngày hôm nay, tôi đoán chừng niềm vui gặt hái đã làm cho Thầy tươi trẻ để biểu lộ trên vóc dáng, 15 phút sau không thấy Thầy đâu nữa. Mục đích của Thầy xuất hiện ngắn ngủi vào buổi sáng sớm Thứ Bảy hôm nay ở khu này, ngoài việc thăm hỏi, có lẽ là trách nhiệm của Thầy phải kiểm tra an toàn khu "xô bồ" nhất của Chùa trước khi bắt đầu một ngày bận rộn nhất trong năm của Thầy, vẫn bằng những nụ cười diêm đạm không một lời than phiền.

Người ta qua lại trước mặt đông hơn, tôi uống hết ly cà-phê, chúc anh bạn buôn may bắt đầu và chui ra khỏi "quán" vào lúc 7 giờ 30. Tôi hoàn toàn giật mình vì quang cảnh của khu hoàn toàn khác 1 tiếng đồng hồ trước đó khi tôi vào ngồi uống cà-phê. Nơi đây đã biến thành một "dãy phố" dài khoảng 100 mét, dọc theo hai bên không còn một chỗ trống, là những gian hàng buôn bán đủ các loại, được bày biện đủ màu sắc, xen lẫn âm thanh ca hát vui nhộn và tiếng cười nói vang vang. Tôi có cảm giác đang đi giữa chợ ở Việt Nam, từ cái rất bé nhỏ mà hơn 20 năm nay tôi đã tìm kiếm là cái lấy ráy tai bằng sắt một đầu nhọn, một đầu tán thành hình tròn cũng được bày bán, đến những dàn Karaoke tối tân nhất còn nằm trong tủ kiếng. Các cụ bà lớn tuổi tay xách nách mang lưng còng đang ngạp ngừng bày biện bánh trái tự làm, tôi bật cười những tội nghiệp vì cung cách lật đật thiếu kinh nghiệm thương trường của các cụ, nhưng sau đó người giúp kẻ đỡ, các cụ bắt đầu hớn hờ rõ nét trên khuôn mặt và đầu rồi cũng vào đấy. Chỉ riêng con người là khác, nam thanh nữ tú chững chạc, ăn mặc lịch thiệp hồn nhiên đi lại, mua bán, cười nói, không thấy tiếng mời chào đơn đả kiểu chụp giựt, cũng không thấy những anh đập xích-lô nghèo

khổ cháy nắng ngồi đợi khách, hoặc những người gánh rong lam lũ đang vội vã, hoặc những người hành khất khắp khiêng hay thất thểu, hoặc những anh sinh viên học thức tụ năm tụ ba đang trầm tư về tương lai mờ lối, mà chỉ thấy sự lịch sự, trang nhã; văn minh của con người Việt Nam có đủ ăm no. Tôi đang so sánh hình ảnh này với những điều tôi bắt gặp tại Quê Hương mà tôi vừa có dịp về thăm, rồi mở ước viễn vông. Một người quen vỗ vai chào hỏi đưa tôi về thế giới hiện tại. Đi dọc theo "con đường Lê Lợi" này, tôi tận hưởng vị ngọt của chùm khế Quê Hương trong cảnh thanh bình thịnh vượng mà tôi đã có dịp nghe trong một bài hát. Tôi đi ngang các "cửa tiệm" và để ý tất cả những gì ở trước mắt, đây đủ quây hoa, quán nhạc bên đường, bất chợt tôi gặp một "tiệm" bán băng nhạc, trên vách có câu thơ, nét chữ bay bướm chưa ráo mực, tôi chăm chú đọc:

"Hoa viên giác"

Tiết Xuân Nam Nữ chân đưa gót.

Lấp lánh Từ Bi của Phật ngồi.

Tung tăng Hoa nở trời Viên Giác.

Quốc Thái, Dân An rải khắp đời.

Tôi thấy lạ và thắc mắc, cô chủ hàng trẻ duyên dáng, được biết của Trung Tâm Vũ Ly, cất nghĩa từng câu, từ "*Tiết Xuân..., chân đưa gót, lấp lánh, Từ Bi, tung tăng...*" cô thao thao bất tuyệt bằng tiếng Việt, vừa giảng giải vừa chăm chú nhìn và phát hiện trên khuôn mặt tôi những nét có vẻ khó hiểu, cô "chơi" sang luôn tiếng ngoại quốc, gần như dịch cả bài thơ sang tiếng Đức. Tối câu "*Tung tăng Hoa nở...*" cô diễn nghĩa, Hoa thì chỉ cho hoa kiêu sa, hoa mạn mà chú không có hoa tung tăng, "*Hoa... tung tăng... nở...*" ở đây là "Chúng Sanh" hội tụ về Chùa Viên Giác tham dự Lễ, rồi cô tiếp tục giải thích thế nào là "*Quốc Thái Dân An...*", và kết luận lý do bài thơ được lấy tựa đề là "*HOA VIÊN GIÁC*". Được hỏi về xuất xứ bài thơ cô nói rằng, bài thơ này do một người bạn thân của Trung Tâm Vũ Ly, có tên là Hồ Tử vừa viết, cô thấy có ý nghĩa nên xin viết lại tô điểm cho "quây bằng có chút văn hóa". Tôi thấy "ngượng" vì cảm phục tiếng Việt đáo đẽ của "cô bé" có lẽ lớn lên từ nhỏ ở đây, vội cảm ơn rồi lăm lét biến về phía trước Chùa. Quang cảnh ở đây chẳng khác gì "chợ Bến Thành", nơi đây bày bán đủ thứ hàng ăn do các Chùa ở Đức đảm trách, nào là chè, cháo các loại, rồi đủ mọi loại bánh trái, từ xôi vị đến bánh trung thu, bánh dẻo..., bún bò Huế, phở, hủ tiếu, bánh canh..., tất cả đều hương vị và chất lượng Quê Hương, chỉ khác là hợp vệ sinh

và... hoàn toàn "chay". Lăn ra gần Hòn Non Bộ, các cụ ông, cụ bà ngồi hưởng thú điền viên chung quanh bờ hồ cùng các cháu nhỏ, người này nói với người kia, chỗ lát gạch này năm ngoái còn là vũng nước phiến toái, chỗ kia năm kia còn cỏ mọc... v.v... Các quầy sách báo được trưng bày nhiều loại, từ Kinh Phật mới in đến các loại tham luận Văn Hóa, Xã Hội, Chính Trị, tôi liên tưởng đến "đại lộ Nguyễn Huệ", cũng chỉ khác Việt Nam ở chỗ là có cả báo biểu, tấc miến phí, và hoàn toàn công khai.

Tôi trở về nhiệm vụ chính làm phu khuân vác cho gian hàng trong suốt ngày Thứ Bảy đến hết mờ hôi, xen kẽ tận hưởng những nét thanh tú kiều sa của người tối kè lui. Ngay phía sau lưng ọp ọp tiếng nước là đội vệ sinh của Chùa, rửa chén đĩa thiên thu bắt tận từ 9 giờ sáng, lạ một điều là củ khoai củ nghệ một tiếng, lại có một tốp "lính" đến thanh toán chõng bát đĩa ngũ" ngọn đang chờ sẵn rồi lặn mất, thoáng sau là một tốp khác hoàn toàn mới tiếp tục thi hành nhiệm vụ như đã được giao từ tiền kiếp, và củ như vậy cho đến tối mịt. Việc hành lễ vẫn tuần tự tiếp diễn ở Chánh Điện, không một trở ngại ở trên lầu đài, kẻ ra người vào trang nghiêm, âm thầm cúng vái, cầu và xin. Đến tối có một chương trình Văn Nghệ của nam nữ Nghệ Sĩ chuyên nghiệp từ Mỹ sang, vào cửa miễn phí. Được hỏi tại sao không bán vé xung Chùa, những người có trách nhiệm trả lời: cho Đồng Bào và nhất là các bạn trẻ vui, mặc dù Chùa cũng vẫn còn thiếu tài chính để tiếp tục xây dựng. Sinh hoạt của tối Thứ Bảy kéo dài cho đến khoảng 1 giờ khuya.

Sáng Chủ Nhật lại bắt đầu đồng đúc từ sáng sớm tinh mơ và nhộn nhịp không kém ngày Thứ Bảy. Tôi phát hiện thêm một điều rất đặc biệt mà tôi đã có linh cảm còn thiếu thiếu một cái gì đó kể từ hôm lên đây cho tới bây giờ, là dù số người qua lại trong 3 ngày có đến cả vạn lượt người. Tuy nhiên tôi không hề nghe thấy tiếng chửi thề, cũng không thấy một xô xát nào đó dù nhỏ nhoi, cũng chẳng thấy nhóm bảo vệ "đăng đăng sát sát" gầm gừ qua lại, chỉ thấy những nụ cười hồn hởi và tiếng nói oang oang thăm hỏi, người mua thì lịch thiệp trả giá vui vẻ, người bán thì buôn ngay bán thẳng. Mọi sinh hoạt tuần tự lỏp lang và thoải mái như một Đại Gia Đình.

Quả tôi đã thiếu sót trong mấy năm vừa qua, là đã bỏ lỡ nhiều cơ hội hằng năm vẫn đến này. Chùa Viên Giác với Thầy Thích Như Điển và các Phật Tử đã căng đáng cả việc Đạo lẫn việc Đời. Ngày Lễ đã trở thành không riêng cho Người Phật Tử, đáp ứng được nhu cầu cội nguồn trên đất khách cho Người Việt Nam Tha Hương mà lý ra Cộng Đồng có trách

nhiệm. Sinh hoạt tập thể đã được các Thầy nhân cơ hội khai thác triệt để. Tôi không còn phải ngạc nhiên khi người Phật Tử Việt Nam cũng như người không phải là Phật Tử hẹn hò nhau trước cả đôi ba tháng về Chùa Viên Giác Hannover tham dự lễ.

Tôi đang ở trên chính Quê Hương mình nơi đất khách quê người với một giá

vé quá rẻ: 120 Đức Mã tiền xăng cả đi lẫn về, chia cho 3 người đi cùng xe, vị chi phần riêng tôi là 40 Đức Mã, để đổi lấy "Ngày Hội Quê Hương ngay trên đất khách quê người". Một cuối tuần thú vị của tuổi trẻ tròn đã khuyết ●

Ngày 18.05.98 - 59192 Bergkamen

Suối Hoa

● Tuệ Nga

*Đạo từ Bi khai ngộ
Mở tâm cảnh hài hòa
Lạy Thế Tôn từ ái
Độ muôn loại hằng sa*

*Suối Hoa ngát Kinh Hoa
Bàng bạc sông Ngân Hà
Hoa Vô Ưu ngàn đóa
Ba cõi mười phương hoa*

*Suối Hoa... nguồn bác ái
Phước điền hạt giống hoa
Gieo trồng nhân Phước, Hạnh
Tìm Phật tìm dấu xa*

*Tâm Đại Bi màu nhiệm
Kinh Hoa vàng Suối Hoa
Chân Như ngời tâm ảnh
Mở cảnh giới An Hòa*

*Chúng sanh đồng hướng nguyện
Nam Mô A Di Đà
Nguyện xa đời ngũ trược
Đời ngát tám phương hoa*

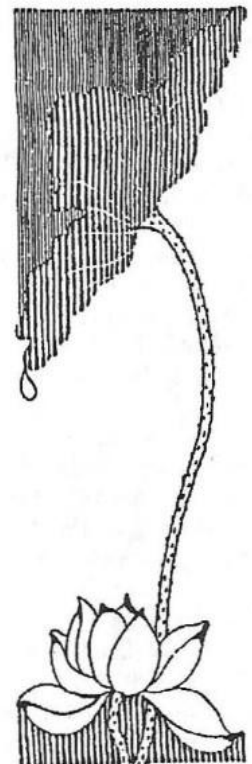
*Chim hát bên bờ suối
Nắng Bờ Đề tươi Hoa
Gió hát bên bờ Suối
Trở hồng Kim Cang Hoa*

*Nam Mô A Di Đà
Con dâng Hương Kính Nguyện
Bát ngát dòng Suối Hoa
Con dâng Hương Kính Nguyện
Hoa nở Hồng Suối Hoa.*

cảm tác về Lục Tổ Huệ Năng

*Năm tháng quên, rừng cũng quên
Tiếng ai trè tụng cổ miên bên đời
Tâm Người tha thiết dòng đời
Tháng năm kinh kệ, bên bờ giác kia
Âm thầm tiếng mõ canh khuya
Sắc, không, không, sắc, có gì nữa đâu
Đường trần một kiếp phù du
Thân Người hóa đá, thiên thu vẫn còn*

● Đặng Đông Mỹ





CHÙA HƯƠNG (*)

● Thiên Xuân INNA MALKHANOVA

Tôi tin chắc rằng Chùa Hương ở Việt Nam là một trong những kỳ quan trên trái đất mà thế giới này còn ít người biết đến. Tất nhiên, điều này không phải nói về người Việt Nam, vì đối với họ Chùa Hương là một trong những địa điểm nổi tiếng và yêu mến nhất của đất nước. Tôi biết rõ là từ xưa đến nay, có bao nhiêu nhà văn, nhà thơ Việt Nam đã dành những lời hay nhất, đẹp nhất để ngợi ca thắng cảnh nổi tiếng này. Vì sao ngôi chùa này cuốn hút hàng chục ngàn người Việt Nam hành hương trong khắp cả nước đến đây? Cái gì làm cho tâm hồn của họ rung động, trí tưởng tượng của họ ngây ngất? Đó là vì ngôi chùa này hoàn toàn không giống như tất cả các ngôi chùa khác trong nước, và cũng có thể là trên thế giới nữa. Chùa Hương tọa lạc ở một vùng tuyệt đẹp, trùng trùng điệp điệp chen chúc những ngọn núi đá vôi cao vút mà người ta gọi chung cái tên là Hương Sơn. Một trong những ngọn núi đó có một cái hang rộng lớn, tối mờ mờ với những thạch nhũ óng ánh muôn hình vạn trạng, có tên là động Hương Tích. Trong động này thường đầy khách thập phương đến hành hương trong làn khói lam nhạt của những nén hương âm ỉ cháy, họ thành kính cầu nguyện trước những bức tượng Phật, tượng thánh đẽo trên thạch nhũ. Trên khắp nước Việt Nam vốn đã rất đẹp hình như khó có được một nơi nào khác ngoạn mục, nên thơ như nơi này. Và chính đây, người ta đã xây dựng lên một ngôi chùa thờ Phật.

Chùa Hương cách Hà Nội chừng 60 cây số ở về phía Tây Nam. Theo những điều đã ghi chép trên bia bằng chữ Hán mà tôi được nghe kể lại thì địa điểm này được nhà Sư Viên Quang chọn để xây dựng ngôi chùa tên là Thiên Trù (có nghĩa là Bếp Trời) vào năm 1686 dưới thời vua Lê có niên hiệu là Chính Hòa (1680-1705). Trong bia cũng ghi rõ công đức của nhiều người đã cúng dường để xây dựng ngôi chùa, đứng đầu là hai người tâu phi của một vị chúa hồi ấy (Chúa Trịnh Căn - chú thích của người dịch). Từ đó, chùa được mở rộng và xây dựng thêm nhiều công trình quanh vùng. Đáng tiếc là trải qua 300 năm, với bao nhiêu biến thiên lịch sử, nhất

là qua những cuộc chiến tranh tàn phá, chùa Thiên Trù, cũng như các công trình khác bị phá hoại rất nhiều. Mặc dù vậy, nơi đây vẫn giữ được vẻ đẹp độc đáo, nên quanh năm, nhất là vào mùa xuân, khoảng tháng hai, tháng ba, từng đoàn, từng đoàn người du xuân, hành hương tập trung về đây lễ Phật.

Cuộc du lịch thật sự bắt đầu từ bến Đục trên suối Yến, nơi có hàng trăm chiếc thuyền nan chờ sẵn để đón du khách. Trên mỗi chiếc thuyền nan mảnh mai chỉ có một người chèo, thường là phụ nữ. Và rất lạ (đối với tôi) là người này chỉ cầm trong tay một chiếc chèo thôi, rồi khéo léo dùng mái chèo khuấy nước cho con thuyền nhẹ nhàng lướt tới. Lần đầu tiên trong đời, tôi được chèo đi bằng cái phương tiện vận chuyển độc đáo này nên tôi thấy rất thú vị. Sau khi đi từ Hà Nội đến đây khá mệt thì được ngồi thuyền bơi nhẹ nhàng trên dòng suối trong vắt chảy giữa một vùng rất đẹp như thế này, tự nhiên tôi cảm thấy lòng mình dịu hẳn lại, tâm trí mê mẩn trước cảnh đẹp của thiên nhiên. Ngồi trên thuyền, thấy rõ bờ suối hai bên rất thấp, chỉ hơi nhô lên cao hơn mặt nước một chút thôi, nên nhìn được mặt nước phẳng lì rất xa và có cảm giác dường như cả vùng đó đầy nước, không có nơi nào là tận cùng của nước. Trong dòng nước trong vắt thấy rõ những đám rong mềm mại uốn mình dưới sức đẩy của mái chèo. Trên bờ xấp xấp nước, đây là đặc điểm rõ rệt của vùng đầm lầy, là những đám cỏ rậm rạp và xanh rờn như ngọc, còn xa hơn một tí nổi lên những cây đứng đón chiếc, in bóng trên nền trời xanh lơ đầy những đám mây trắng bay lững lờ. Xa hơn nữa, cả hai bên bờ, là những ngọn núi đá vôi cao vút mà ta cảm thấy rất gần, chúng giăng ra trùng trùng điệp điệp với những hình dáng thật kỳ lạ. Tùy theo hình dáng, các ngọn núi mang những cái tên hay hay, các bạn Việt Nam chỉ cho tôi núi Đụn cao và tròn như một đụn thóc, núi Mâm Xôi có vẻ như một mâm xôi cao và nhọn, núi Quy hao hao dáng con rùa, núi Lân giống con kỳ lân, núi Voi... Người ta kể rằng trong 100 ngọn núi ở đây, thì 99 ngọn đều nghiêng đầu về phía động Hương Tích để tỏ lòng kính

trọng, chỉ riêng có núi Voi là bướng bỉnh, vô lễ quay mòng lại động, nên ông Hộ Pháp giận quá lấy guôm chém một mảng mòng. Cố nhiên, tôi biết đó chỉ là chuyện thần thoại do trí tưởng tượng phong phú của con người tạo nên, nhưng thực ra chuyện đó cũng làm cho tâm hồn người nghe thấy vui vui và nhẹ nhõm...

Thời gian bơi thuyền khoảng một giờ rưỡi giữa cảnh trí ngoạn mục này làm cho người ta quên hết mọi nỗi lo âu của cuộc đời thường nhật và chuẩn bị cho tâm hồn tiếp nhận những cái gì đó thanh cao và lãng mạn hơn cuộc đời trần tục khi càng đi sâu vào chốn linh thiêng... Chính là để cho tâm hồn được tận hưởng cái thích thú trầm lắng, nhẹ nhàng, yên tĩnh, nên thơ này và một phần nữa cũng để chuẩn bị sức lực cho cuộc trò núi vất vả và sắp tới, nên hầu hết các du khách đều đi thuyền để tới chân núi nơi có ngôi chùa và động Hương Tích, chủ không mấy ai chịu đi bộ, dù biết là có đường bộ đến đây.

Khi thuyền đến nơi, mọi người lên bờ, rồi đi theo một con đường nhỏ duy nhất đến chân núi để leo lên những dốc đá cheo leo. Hai bên đường đi thường gặp những quán nhỏ làm bằng tre, nửa nom tựa như những *vérandas* (mái hiên) trông trải ở đây có thể ngồi trên phản gỗ trong bóng râm để nghỉ ngơi, uống nước chè, hút thuốc lá, ăn trưa hoặc mua cái gì đó. Khi cần, cũng có thể ngủ trọ ở đây. Cứ tới đến thì dưới các rèm đều sáng lên hàng chục ngọn đèn dầu, còn chung quanh là màn đêm nhiệt đới dày đặc, đen ngòm, thỉnh thoảng đồng loạt reo lên những tiếng ve. Đối với người Châu Âu thì cảnh tượng lạ lùng này vừa kỳ thú, vừa rờn rợn. Cái kỹ nghệ du lịch của người bản xứ hồi năm 1962 còn khá thô sơ, nhưng chính vì thế đã gây được cái vẻ ấm cúng, thân tình của chuyến hành hương, đã giữ được cái không khí tĩnh lặng, mơ mộng của núi đồi và làm cho con người gần gũi đất đai, gần gũi thiên nhiên. Hơn nữa cảnh trí ở đây vô cùng ngoạn mục và nên thơ làm cho chuyến đi càng thêm lý thú. Có điều đáng tiếc là trong những năm gần đây, khi tôi đến thăm Chùa Hương hồi năm 1989, ở khu vực gần chùa người ta xây dựng vài khách sạn hiện đại, nhiều tầng làm cho cảnh trí ở đây trở nên tầm thường đi và làm hỏng mất vẻ độc đáo kỳ diệu của vùng này!

Chùa Hương không phải là một công trình độc nhất mà là cả một tổng hợp các công trình khác nhau: cả chùa Thiên Trù ở đoạn bắt đầu leo núi cao (chùa này còn gọi là chùa Ngoài, các du khách thường rất

thích chụp ảnh ở đây), cả một số *arc* bằng đá (ở đây người ta gọi là quán đá hay hang đá lộp - chú thích của người dịch) trên suốt lối đi, cả con đường mòn đi bộ trên những tấm đá đen to lớn, gồ ghề, bị mòn ngàn bước chân của du khách từ năm này qua năm khác mài mòn bóng láng, cả những bao lớn tạo nên giữa những nơi ngoạn mục nhất; cả đền Trinh ở núi Ngũ Nhạc, cả vài hang động nhỏ, trong đó có động Sơn Thủy Hữu Tinh, cả một cái hồ hình bán nguyệt có thà sen, cả chùa và suối chùa Giải Oan, và cuối cùng cả cái động chính, rộng lớn nhất, mờ mờ tối tối và thật huyền bí, gọi là động Hương Tích. Động này được coi là "Đệ Nhất Động", nghĩa là cái động đẹp nhất. Nói đây còn gọi là chùa Trong.

Đường lên núi từ chùa Ngoài đến chùa Trong thật đẹp, dài chừng hơn hai cây số. Hai bên đường là những cây xanh rờn đứng thẳng như vách, còn đường thì khá rộng chạy qua những vùng đá gập ghềnh. Trên đường nuốm nượp dòng người bất tận, đoàn đi lên động, đoàn đi xuống núi. Gặp nhau dù lạ hay quen, những người Việt Nam hành hương đều chào nhau bằng câu "A Di Đà Phật" nghe rất vui tai. Còn hai bên đường thì nhiều người hành khất đứng, ngồi hay nằm: đây là bà mẹ với đứa con nhỏ, kia là cụ già quần áo rách bươm, còn đằng kia nữa không biết là người nào, chỉ thấy cái chân cụt ngả sang màu nâu đỏ lên cao hàng giò từ cái hố cạnh đường giữa nắng chói chang... Đường lên dốc hầu như dựng đứng. Khi gần trưa thì nóng, ngột, cảm thấy dường như thiếu không khí. Còn chân bước thì cứ trượt trên những tấm đá bị mài mòn bóng trơn. Cảm thấy dường như lối đi lên dài vô tận, củi đi, đi mãi, mà sức thì gần như cạn kiệt... Nhưng, cuối cùng khách hành hương đã đến được nơi chính, nơi thiêng liêng nhất: động Hương Tích, tức là chùa Trong.

Dù ở đây, trong chùa, mọi người chỉ nói thì thầm với nhau thôi, nhưng dưới vòm của hang đá rộng cũng dậy lên tiếng rầm rì liên tục, âm vang không ngắt, vì người ở đây đông lắm. Khói hương nghi ngút làm tôi chảy nước mắt, nhưng cũng thấy được nhiều tượng Phật khắc ngay vào tường đá vôi trong động, những tượng khác được tạc vào các thạch nhũ có hình người. Có một cái tượng nhỏ bóng láng, hầu như đã phủ màu đen vì bao nhiêu bàn tay sờ mó: người ta cho tôi biết rằng những người phụ nữ không con khi đến chùa này cầu tự, sau khi thành tâm tụng niệm và cầu nguyện Phật mà len lén, không cho ai biết, nhẹ vuốt ve tượng này thì ước nguyện sẽ thành, nghĩa là sau chuyến hành hương về sẽ có con. Cũng ngay trong hang này, những gần lối đi ra, những người bán hàng

bày ra nào tràng hạt, nào hương, nào các vật kỷ niệm đủ loại...

Tất cả những người Việt Nam đều yêu quý Chùa Hương, dù là Phật tử hay không. Đoàn người hành hương không bao giờ dứt, còn trên báo Việt Nam thỉnh thoảng gặp những bức hỷ họa đại khái có nội dung sau: đến kỳ lễ Phật ở Chùa Hương, trong giờ làm việc, ở cơ quan công sở không một bóng người, trong lúc đó thì các xe buýt chở khách đi Chùa Hương đều chật ních người, phần lớn là cán bộ nhân viên cơ quan công sở.

Tôi có may mắn được đi Chùa Hương hai lần - năm 1962 và năm 1989. Hai chuyến đi cách nhau gần ba mươi năm, nhưng mỗi lần đều có cái hay đáng nhớ mãi. Chuyến đi đầu tiên khi tôi còn là sinh viên Trường Đại Học Tổng Hợp Moskva, trong thời gian thực tập một năm ở Việt Nam. Ba người bạn Việt Nam có lòng tốt mời tôi đi cùng với họ, tôi vô cùng biết ơn các bạn tôi vì lời mời chân tình đó. Trước khi đi lễ ra tôi phải xin phép Sứ Quán Liên Xô ở Hà Nội, nhưng tôi biết chắc chắn rằng không đời nào họ cho phép, nên tôi không xin mà cứ đi liều, vì tôi nghĩ đây chỉ là một chuyến đi chơi không có gì quan trọng, hơn nữa tôi không thể nào bỏ qua một dịp may hiếm có trong đời. Chúng tôi đi xe đạp, trên đường đi phải ngủ lại ở một ngôi chùa nào đó; ngủ trên chiếc chiếu cói Việt Nam, không chăn nệm gì, nên ai cũng lạnh cóng cả đêm, nhất là lúc sáng sớm...

Còn chuyến đi thứ hai thì lại rất đáng hoàng: tôi được tham gia trong phái đoàn Hội Hữu Nghị Xô-Việt sang thăm Việt Nam theo lời mời của Hội Hữu Nghị Việt-Xô, sau khi tôi đã làm việc trong ngành Việt học gần ba mươi năm, đã đào tạo được hàng chục sinh viên - Việt học tốt nghiệp, biên soạn và xuất bản nhiều tác phẩm - sách giáo khoa, từ điển, bài báo, bài dịch... Điều buồn cười nhất là nếu trước đây, người ta biết được hành động tự tung tự tác của tôi hồi năm 1962 thì người ta đuổi tôi về nước ngay, và không chắc gì tôi còn được tiếp tục học ở Trường Đại Học Tổng Hợp Moskva, không chắc gì tôi đã trở thành nhà Việt học và không chắc gì đã có chuyến đi thứ hai... Còn các bạn Việt Nam quý mến của tôi, hồi đó cũng không xin phép công an Việt Nam trong chuyến đi ngay trên đất nước của họ cùng với một người ngoại quốc là tôi, vì họ biết chắc chắn là không bao giờ họ được phép đi cùng người nước ngoài. Và điều rất đáng buồn là sau chuyến đi một thời gian thì chuyện đó vỡ lẽ ra, các bạn tôi bị "thi hành kỷ luật" và phải chịu biết bao điều khó khăn khác... Thế là số phận đã dành cho tôi sự may mắn, chuyến đi Chùa Hương

đầu tiên của tôi được trót lọt đã dẫn đến chuyến đi thứ hai... thật đáng hoàng!

Nhớ lại cái thời ấy khá xa, hồi năm 1962, khi tôi còn là sinh viên Trường Đại Học Tổng Hợp Moskva, chúng tôi phải học chủ nghĩa Marx-Lenine, chủ nghĩa vô thần, v.v... hồi đó tôi chưa biết gì về đạo Phật, chưa phải là Phật tử, chưa thạo tiếng Việt và biết về Việt Nam còn ít. Một năm ở Việt Nam, tôi đã đến rất nhiều tỉnh ở miền Bắc; đã đi thăm một số chùa, đi thăm nhiều cảnh đẹp, nhưng chuyến đi Chùa Hương là kỷ niệm tuyệt vời nhất, đáng ghi nhớ nhất, quý báu nhất đời tôi. Và biết đâu đó, chuyến đi Chùa Hương năm 1962 chính là sự mở đầu của *Con Đường* đã dẫn tôi, một người Nga, đến với Đức Phật, với đạo Phật là triết lý cao thượng nhất của loài người ●

※ VÀI LỜI GHI THÊM CỦA TÁC GIẢ CHO LẦN IN BẰNG TIẾNG VIỆT:

Cách đây mấy hôm, một người bạn là Phật tử Việt Nam, một Đạo hữu trong Hội Phật Giáo Thảo Đường, đi Hà Nội về, kể cho tôi nghe chuyện bạn đó đi vãng cảnh Chùa Hương trong năm nay, năm 1998. Thú thật, nghe xong, tôi rất buồn được biết tình trạng "thương mại hóa" cao độ việc hành hương đến Chùa Hương (kể cả trong chùa) đã làm mất đi những nét thanh tao, nên thơ, kỳ thú của cảnh trí Hương Sơn, cũng như tính cách thanh tịnh, nghiêm cung trong Chùa Hương. Tôi không muốn kể lại đây những điều "không đẹp" mà anh bạn đã kể. Gần đây, đầu tháng 3 năm nay, khi đọc trên báo Việt Nam về dự án xây dựng một con đường cáp treo hiện đại dẫn du khách đến Chùa Hương, nghe đâu sẽ hoàn thành cuối năm 1998, cũng như dự định tăng thêm xuống máy đưa khách từ Bến Đục vào chùa, thì tôi rùng mình nghĩ đến những hậu quả của sự xâm lăng của kỹ thuật đối với Hương Sơn và Chùa Hương... Là một người rất ngưỡng mộ Chùa Hương, tôi chỉ biết thiết tha kêu gọi các bạn Việt Nam yêu mến vẻ đẹp của đất nước mình, hãy cố gắng làm sao để bảo tồn cả khu rừng Hương Sơn, và nói riêng Chùa Hương trong cái vẻ tự nhiên, nguyên sơ, kỳ thú của nó, bảo tồn được tính chất hồn nhiên, nên thơ, thanh tao và linh thiêng của việc hành hương hàng năm đến Chùa Hương, như vậy là bảo toàn được kỳ quan tuyệt vời này cho con người trong tương lai lâu dài, không để cho Đồng Tiền làm "trần tục hóa", tầm thường hóa, làm vẩn đục, làm hư hỏng cảnh Hương Sơn và Chùa Hương - I.M. (24.3.1998)

(*) Bài này viết bằng tiếng Nga cho tạp chí Buddhism (Nga), do T.M. dịch ra tiếng Việt

Bất tùy phân biệt

• CỬ SĨ CHÁNH TRỰC

Sống trên đời này, trên đất nước tự do tư tưởng, con người thường phát biểu nhiều ý kiến. Có nhiều ý kiến mới tỏ ra mình là con người văn minh, tiến bộ, trí thức, học cao, hiểu rộng, kiến thức uyên bác, đông tây kim cổ kinh sử lão thông, việc gì cũng tỏ ra mình rành rọt cả sáu câu, rành từ A đến Z. Cùng một sự việc, mỗi người đều có ý kiến riêng của mình. Không ai giống ai. Có câu: "*năm người mười ý*"! Nghĩa là: một người có ít ra hai ý kiến trong cùng một vấn đề. Một người có ý kiến thế này, nhưng một lúc sau hay một ngày sau, thay đổi ý kiến của chính mình, lại có ý kiến thế khác. Bởi thế cho nên con người đấu tranh, cãi vã nhau để bênh vực ý kiến chủ quan của mình, cãi vã không xong thì sử dụng võ lực nếu sống trong tình trạng chậm tiến, kém phát triển; còn như sống trong tình trạng văn minh hơn, tiến bộ hơn, phát triển hơn thì con người kiện nhau ra ba tòa quan lớn, quan nhỏ để đòi bồi thường cho bằng được một đồng bạc danh dự, sau khi đã tiêu pha gần hết cơ nghiệp vất vả và gây dựng bấy lâu nay.

Từ ngàn xưa cho đến ngày nay, con người khổ đau triền miên như vậy, cho nên đạo Phật gọi đời là bể khổ; trong nhiều kiếp trầm luân sanh tử, nước mắt chúng sanh nhiều hơn bốn biển lớn. Tâm trạng con người thay đổi triền miên, nay thường mai ghét, nay ghét mai lại thương. Thường thương ghét ghét như những sợi dây xích trói buộc con người trong vòng phiền não khổ đau. Biến khổ mênh mông, chuyện này chưa hết, chuyện khác lại xảy ra, không biết đến bao giờ mới dứt. Bởi vậy, trong sách có câu: "*Ái hà thiên xích lãng. Khổ hải vạn trùng ba*". Tuy nhiên, đạo Phật không dừng ở chỗ thế gian thường kêu khổ, khổ và khổ đó. Đạo Phật chỉ cho con người nhận rõ cuộc đời vui ít, khổ nhiều, cuộc đời sống nay chết mai, không ai biết trước ngày sau sẽ ra sao, nhưng

không có ý tiêu cực, bi quan, chán nản, yếm thế. Trái lại, đạo Phật dạy rất nhiều phương pháp, gọi là *vô lượng pháp môn*, để con người ứng dụng để tự giải thoát mọi phiền não của chính mình một cách tích cực, một cách thiết thực, nhằm xây dựng cuộc đời an lạc hơn, hạnh phúc hơn. Một trong vô lượng pháp môn đó, có một pháp môn gọi là: "*bất tùy phân biệt*". Pháp môn này được Đức Phật dạy trong bộ kinh Đại thừa Thủ Lăng Nghiêm, không những dành cho Phật Tử, mà còn dành cho tất cả những ai muốn tìm hiểu cội gốc khổ đau và phương pháp giải thoát.

Trước hết, từ ngữ "*bất tùy*" có nghĩa là "*không theo*". Còn hai chữ "*phân biệt*" tạm giải thích có nghĩa là "*kỳ thị, so đo, suy lường, tính toán, hơn thua, phải quấy, thị phi, cố chấp, thành kiến, định kiến, đoạn kiến, tà kiến, ác kiến, thiên kiến, biên kiến*". Trái lại, xin nói ngay "*bất tùy phân biệt*" không có nghĩa là chúng ta không hiểu biết thế nào là tốt xấu, đúng sai, chánh tà, chơn ngụy, thiên viên, đại tiểu. Hơn thế, chúng ta còn vượt qua trình độ hiểu biết căn bản đó nữa. Chúng ta hiểu biết rõ ràng việc gì tốt xấu, đúng sai, chánh tà, chơn ngụy, thiên viên, đại tiểu, nhưng chúng ta không hề cố chấp để đưa đến phiền não khổ đau. Tại sao vậy?

Tâm phân biệt, kỳ thị già trẻ, lớn bé, nghèo giàu, nam nữ, xuất xứ, học thức, thân sơ, thường ghét, dân tộc, tôn giáo, chỉ đưa chúng ta đến phiền não khổ đau mà thôi. Chúng ta thường trách người khác có tâm phân biệt, nhưng ít khi xét lại chính mình có tâm phân biệt như vậy hay không. Đối với một sự việc nào đó, chúng ta không suy xét một cách khách quan, mà hay có tâm phân biệt già trẻ, lớn bé, nghèo giàu, nam nữ, xuất xứ, học thức, thân sơ, thường ghét, dân tộc, tôn giáo, để đi đến kết luận một cách thiên lệch, không đúng chơn lý, không đúng lẽ phải, không đúng lẽ thật. Thí dụ: với người thân thích thì chúng ta bênh vực, sao cũng cho là đúng; còn với người khác thì chúng ta cho là sai. Với người đồng đạo hay cùng tổ chức thì chúng ta bênh vực, cho là đúng, với người khác đạo, khác tổ chức thì cho là sai. Tâm thiên lệch "phù bênh phù, huyện bênh huyện" thực ra đã có từ ngàn xưa. Đó chính là tâm phân biệt của con người vậy. Mục đích tối thượng của đạo Phật còn dạy chúng ta một điều hết sức cao siêu, vi diệu. Đó là ngoài những hình tướng bên ngoài như: già trẻ, lớn bé, nghèo giàu, nam nữ, tất cả mọi người trên thế gian này đều có một điều giống nhau, một điều thật giống nhau, một điều hết sức giống nhau,

một điều muôn đời giống nhau, một điều khắp nơi giống nhau. Thí dụ như: máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn. Con người thuộc mọi sắc dân trên khắp thế giới đều như vậy, thậm chí mọi loài súc sanh cũng đều như vậy. Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật có dạy: "*Ly nhứt thiết tướng, thị danh thực tướng*". Nghĩa là: xa lìa tất cả mọi hình tướng bên ngoài của con người, đừng cố chấp, đừng có tâm phân biệt nam nữ, nghèo giàu, già trẻ, đẹp xấu,... thì chúng ta mới có thể nhận ra rằng tất cả mọi người trên thế gian này đều có một bản thể giống nhau, tạm gọi là "*con người chân thật*". Muốn hiểu được, thấy được, giác ngộ được *con người chân thật* của chính mình, chúng ta phải lắng lòng cho thanh tịnh, không tham lam, không sân hận, không si mê. Cũng như mặt hồ nước có phẳng lặng mới có thể soi thấy mặt trăng rằm trong đáy nước. Cũng như không có những đám mây tham sân si che lấp, thì mặt trăng chân thật mới hiển lộ vậy. *Con người chân thật* là con người sáng suốt, có trí tuệ bát nhã, đủ năng lực giải thoát mọi phiền não và khổ đau. Thật vậy, những lúc tâm chúng ta lắng xăng, lộn xộn, lo lắng, bất an thì chúng ta không thể sáng suốt suy nghĩ điều gì, nhớ điều gì cả. Chỉ có *con người chân thật* mới có được sự an lạc và hạnh phúc của cảnh giới thiên đàng, cảnh giới niết bàn mà thôi. *Con người chân thật* chính là con người không có tâm phân biệt, hay nói cách khác: con người có tâm "*bất tùy phân biệt*" là "*con người chân thật*" vậy.

Tâm phân biệt, cố chấp đúng sai cũng thường đưa đến phiền não và khổ đau. Trên thế gian này có điều gì đúng hay sai tuyệt đối đâu. Chẳng hạn như: chữ hiếu đối với dân tộc này là nuôi dưỡng cha mẹ già yếu cho đến lúc mãn phần; còn chữ hiếu đối với dân tộc khác là khi cha mẹ già thì họ cho leo lên cây rồi con cháu xúm lại rung gốc cây, nếu như cha mẹ còn khỏe mạnh leo trở xuống được thì con cháu vui mừng tiếp tục nuôi dưỡng, bởi lẽ họ quan niệm rằng cha mẹ còn khỏe mạnh thì mới vui sống hạnh phúc. Cũng vậy, hiện nay vấn đề phá thai là nhân đạo hay vô nhân đạo; Bác sĩ có quyền giúp bệnh nhân nan y, hết thuốc chữa, được chết theo ý muốn của họ hay không? Đây là câu trả lời đúng nhất, hợp tình, hợp lý, hợp luật lệ nhất? Trong nhiều vấn đề, chúng ta có thể chỉ đúng một phần thôi, hãy lắng nghe ý kiến của người khác, như vậy mới đúng là tinh thần của người biết tôn trọng chân lý. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Phật có dạy:

*"Tri kiến lập tri tức vô minh bốn
Tri kiến vô kiến tứ tức niết bàn"*

Nghĩa là: chúng ta ai cũng có tri kiến, có sự hiểu biết, mà chấp chặt tri kiến của mình, đó là gốc của vô minh phiền não; nếu nhứt không cố chấp thì nhứt định sống trong cảnh giới niết bàn không nghĩ.

Tâm phân biệt người này thế này, người kia thế khác cũng dẫn con người đến phiền não và khổ đau. Con người phân biệt màu áo tu sĩ với cư sĩ, phân biệt có đạo với ngoại đạo. Nếu là tu sĩ thì lên niết bàn, nếu là người có đạo thì lên thiên đàng; còn số đông đại chúng thì có chỗ dành sẵn dưới địa ngục! Hỡi ôi! đâu là lòng từ bi và bác ái trong những con người có tâm phân biệt như thế! Bởi vậy, Đức Phật có dạy: *"y pháp bất y nhân"*. Nghĩa là: chúng ta nên xét theo sự việc chứ không xét theo con người. Thí dụ: một người ăn hiền ở lành đúng tiêu chuẩn thì phải được lên thiên đàng không phân biệt, chấp cứ người đó là có đạo hay ngoại đạo. Lên thiên đàng mà cũng phe đảng như vậy hay sao? Cũng vậy, niết bàn không dành riêng cho giới tu sĩ mà là cảnh giới của tất cả những ai thực hành đúng theo lời Phật đã dạy, không phân biệt là Phật Tử hay không. Bởi vậy, cho nên ở Âu-Mỹ hiện nay, những trung tâm hướng dẫn thiên định thu hút rất nhiều người đến thực tập không phân biệt sắc dân hay tôn giáo gì cả. Người nào thực tập đúng pháp môn thiên định thì đạt được cảnh giới an lạc và hạnh phúc đó một cách bất tùy phân biệt!

Tâm phân biệt sắc tướng đẹp hay xấu, tiếng nói dễ nghe hay khó nghe, mùi hương dễ chịu hay khó chịu, món ăn ngon hay dở, bài văn khen tặng hết lời hay phê phán nặng lời, cũng dẫn con người đến phiền não và khổ đau. Bởi vì đẹp hay xấu không có tiêu chuẩn nhất định, mà tùy người đối diện, tùy cảm tình của con người mà thôi. Món ăn ngon hay dở cũng không có tiêu chuẩn nhất định, mà tùy theo con người có đang đói bụng hay không mà thôi. Khen tặng hay phê phán cũng không có tiêu chuẩn nhất định, mà tùy theo con người đang nịnh bợ, tăng bốc để thủ lợi hay đang quạu quọ vì không còn hưởng lợi như lời giao kết trước đây nữa mà thôi. Bởi vậy, Đức Phật có dạy: *"y trí bất y thức"*. Nghĩa là: chúng ta nên xét sự việc theo trí tuệ bát nhã chứ không xét theo hình thức, tình cảm thiên lệch của con người. *Trí tuệ bát nhã* là trí tuệ *sắc có nơi tất cả mọi con người* không phân biệt già trẻ, lớn bé, nghèo giàu, nam nữ, xuất xứ, học thức, thân sơ, thương ghét, dân tộc, tôn giáo gì cả. *Trí tuệ bát nhã* có được do sự lắng lòng

cho thanh tịnh, không tham lam, không sân hận, không si mê. Như vậy, người nào thực tập đúng pháp môn thiên định thì đạt được *trí tuệ bát nhã*. Nói cách khác, *trí tuệ bát nhã* là trí tuệ do tâm bất tùy phân biệt mà hiện ra. *Trí tuệ bát nhã* khác với trí tuệ của thế gian do công phu học tập trong học đường mà đạt được, thể hiện qua các bằng cấp cao thấp.

Đức Phật cũng dạy: *"y nghĩa bất y ngữ"*. Nghĩa là: đừng chấp những lời nói, ngôn ngữ, bài viết không có ý nghĩa gì thì chúng ta sẽ không phiền não và đau khổ. Thí dụ, tự dưng có người hỏi: sao đạo này anh chị mất uy tín quá vậy? Câu hỏi đó không có ý nghĩa gì cả, chỉ nhằm mục đích chọc tức chúng ta mà thôi. Chúng ta có thể lơ đi như không nghe thấy, bởi vì chúng ta hiểu tường tận thuyết *"vô ngã"*, không thấy có bản ngã nên không nhận câu đó vào trong tâm trí thì sẽ không còn phiền não và khổ đau. Hoặc giả khiêm nhường hơn, chúng ta có thể từ tốn đáp: chúng tôi có uy tín hồi nào đâu để mất cơ chứ! Thí dụ, tự dưng có người mắng chúng ta giống như con bò. Nếu chúng ta nhận câu đó vào tâm trí, rồi sanh phiền não, giận tức thì quả thật chúng ta không được thông minh cho lắm. Câu nói đó không căn cứ vào đâu cả, chúng ta giận làm gì cho mệt. Thí dụ, có người phê bình chúng ta nóng tánh mà chúng ta tức giận thì quả là người đó nói chẳng sai, còn gì nữa! Thậm chí, nếu có người viết bài phê phán, chỉ trích, miệt thị, mạ lỵ, chửi bới, vu khống, si và, khiêu khích, lăng nhục, bôi lọ, chụp mũ, bịa chuyện, mà chúng ta chỉ *"y nghĩa bất y ngữ"* thì họ làm gì có thể xúc phạm, có khả năng gây phiền não và khổ đau cho chúng ta được, phải không thưa quý vị. Người ta đưa lửa tới đốt, nếu chúng ta không đáp ứng, không đưa thân ra lãnh đủ, thì họ chỉ đốt hư không mà thôi, chẳng nhằm nhò gì chúng ta cả. Chửi bới hồi lâu, không thấy ép-phê, không thấy hiệu quả, không thấy động đậy gì về phía chúng ta, họ cũng chán nản, cảm thấy hao hơi, tốn sức rồi tự ngưng thôi. Còn nếu chúng ta phản ứng, lên tiếng cãi chảnh, thanh minh thanh nga, biện bạch, cũng giống như tiếp hỏi, gây cảm hứng, tạo duyên cơ cho họ làm tới mà thôi. Lúc Đức Phật còn tại thế, khi Ngài bị người ngoại đạo theo quấy rầy, Ngài vẫn thản nhiên cất bước như không có chuyện gì xảy ra cả. Người đó thấy Đức Phật cứ tiếp tục lặng thinh, bèn hỏi Ngài: có chịu thua chưa? Lúc đó, Đức Phật từ tốn nói bài kệ như sau:

*"Người hơn thì thêm oán
Kẻ thua ngữ chẳng yên"*

*Hơn thua hai đều xả
Tức được yên giấc ngủ"*

Như vậy, nếu chúng ta không chấp những lời nói vô nghĩa, những câu văn, ngôn ngữ xuất phát từ lòng hận thù ganh tị, đố kỵ, ghen ghét, thì chắc chắn chúng ta sẽ không phiền não và khổ đau. Thí dụ, khi chúng ta đi ăn tiệc, mãn tiệc ra về, chủ nhà gởi quà biếu tặng, chúng ta không nhận thì chủ nhà phải giữ quà đó lại. Cũng vậy, người đời *tặng* chúng ta những lời khen, tiếng chê đầu môi chót lưỡi, chúng ta *không nhận* thì sẽ được an giấc ngủ. Đức Lục Tổ Huệ Năng cũng dạy trong Kinh Pháp Bảo Đàn rằng: *"Tặng ái bất quan tâm. Trường thân lưỡng cúc ngoại"*. Nghĩa là: chuyện thương thương ghét ghét chẳng bận lòng thì chúng ta sẽ nằm thẳng chân mà an giấc ngủ, khỏi phải trần trọc nằm đếm số từ một đến trăm ngàn! Khỏe re!

Đức Phật cũng dạy: *"y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa"*. Nghĩa là: chúng ta chỉ nên căn cứ theo những sự việc có ý nghĩa, những điều nào rõ ràng, minh bạch, chứ đừng chạy theo những sự việc mờ mờ hồ hồ, những chuyện không có căn cứ vào đâu cả. Thí dụ, chúng ta thường nghe một câu chuyện truyền miệng, rồi vội vàng kết luận là người này tốt, người kia xấu, người này phải, người kia quấy. Những chuyện thị phi như vậy, chúng ta không có thời gian, không có khả năng, không có hoàn cảnh, không có điều kiện để tìm hiểu sự việc mà đã kết luận thì nhất định không đúng vậy. Điều này trong kinh Phật còn có giải thích khác không nằm trong phạm vi bài này nên chúng tôi miễn đề cập đến.

Để kết thúc, chúng tôi ghi lại hai câu sau đây của Thiền sư Hoàng Bá: *"Nếu không một phen sương thấm lạnh. Hoa mai đâu nở ngát mùi hương"*. Nghĩa là: Sau khi trải qua một mùa đông lạnh giá, hoa mai mỗi hội đủ thời tiết nhân duyên để nở và tỏa mùi hương thơm ngát khắp nơi. Cũng vậy, chúng ta cần phải trải qua những thử thách cam go của cuộc đời mới có được bài học nhẫn nại, mà không thấy nhẫn là nhục, hiểu được rõ ràng thế nào là *"vô ngã"*, mới tìm được an lạc và hạnh phúc trên cõi đời này. Hơn thế nữa, chúng ta cần phải trải qua nhiều thăng trầm của cuộc đời, mới nhận thấy được những lời dạy của Đức Phật không dành riêng cho bất cứ ai. Không phân biệt tôn giáo, bất cứ người nào thực tâm lắng nghe, lắng lòng suy nghĩ và đem những lời dạy quý báu đó áp dụng trong cuộc sống thì nhất định sẽ sống một cuộc đời an lạc và hạnh phúc với *con người chân thật* của chính mình vậy.

(Toronto - Canada)

VI SƯ BÀ CHÙA CHANH

● VÂN NƯỚNG

Trời hôm nay nắng dịu, thỉnh thoảng một làn gió may nhẹ nhàng lay động những cây cối ngoài vườn đang còn phủ lá xanh muốt của buổi chớm thu, chưa bị những cơn mưa phủ phàng về tàn phá vào tháng 9 tháng 10. Tôi nhìn qua song cửa, cảnh sắc như nhắc tôi nhớ lại một bầu trời quen thuộc nơi tỉnh nhỏ quê nhà với bốn mùa rõ rệt, luân chuyển không ngừng.

Mùa Xuân ở quê tôi không rộn ràng lắm đâu! người ta chỉ cảm nhận thấy trên những cây đào đơm đầy hoa màu hồng phấn hay những cây mận nở hoa trắng xóa, bãi cỏ xanh non màu lá mạ, cây cối đâm chồi nảy lộc dưới mưa phùn lất phất, cái lạnh hạnh hạnh.

Mùa Hè thì hoa Phượng Vĩ là chúa tể muôn loài. Vàng, tôi không nói quá đáng! vì tình này đã được trang trí những hàng cây Phượng Vĩ trên khắp nẻo đường, củ tỏi mùa hè là thành phố đỏ rực màu hoa.

Mùa Thu ở đây rõ rệt với hàng cây Bàng nhuộm vàng trên sắc lá, gió heo may len lỏi trong những đợt nắng hanh, xoa dịu hẳn cái oi nồng của nắng lửa.

Nói tới mùa Đông, tôi vẫn còn cảm thấy cái lạnh gai người, ray rứt tới tủy xương! mà người ta gọi là "cái lạnh cắt thịt cắt da" giữa những làn gió bắc thổi từng cơn, bầu trời lúc nào cũng giăng giăng màu xám chì u ám.

Tôi đã ra đời giữa nơi bốn mùa thay đổi như thế đó, nhưng với tuổi thơ được che chở dưới mái ấm gia đình, nào đã cảm nhận thấy gì đâu? Cuộc sống êm đềm của tuổi hoa niên củ lẳng lẳng trôi qua, tâm hồn tôi bay bổng theo những cụm mây trắng, mây hồng trên bầu trời tươi sáng giữa tình thương yêu bao bọc của Bà Nội và Bố Mẹ tôi. Những hình ảnh mà mỗi lần nhớ tới tôi vẫn thấy dâng lên một hương vị đậm đà thơm ngát của tuổi ấu thơ, quãng thời gian đẹp nhất của một đời người.

Mà kể cũng lạ, hồi đó tôi mới chừng 5, 6 tuổi! tuy đã trải qua bao nhiêu thăng trầm, dâu bể mà sao sự việc vẫn tìm tàng nơi ký ức như một dấu ấn khắc sâu vào tâm khảm còn nguyên vẹn cho tới ngày nay.

Đúng như vậy, tôi được Bà Nội cưng chiều nhất, được ngủ với Bà, được lãnh việc dắt Bà đi Chùa, đi thăm các bà bạn. Trong lúc các cụ ngồi uống trà, ăn trầu hoặc ngả lưng trên sập gụ, hàn huyên chuyện xa chuyện gần thì tôi ra đánh chắt đánh chuyền, nhảy dây với mấy con nhỏ, cháu của bà bạn cùng trang lứa như tôi.

Tôi thích nhất những lúc được ngồi vắt vẻo trên xe tay kéo với Bà, nghênh ngang ngắm phố phường, người qua lại, thỉnh thoảng lại "vênh mặt lên" với những nhỏ bạn cùng phố đang đi bộ dưới đường! Nhưng lại rất ngán mỗi khi theo Bà lên Chùa lễ Phật vào ngày rằm, mùng một hoặc những ngày lễ lạc lớn như Rằm tháng Giêng, Rằm tháng Bảy... Bà tôi thường có Số cúng Cầu An, giải sao, giải hạn nơi Chùa Chanh.

Chùa Chanh là một ngôi chùa cổ nghèo nàn tẻ ngắt chẳng có gì hấp dẫn con bé! Thậm chí nhìn những pho tượng trang nghiêm lặng lẽ trên bệ thờ tranh tối tranh sáng của những ngọn nến, ngọn đèn dầu lạc, giữa khói hương nghi ngút còn làm tôi... sợ hãi là đằng khác!

Chùa Chanh tọa lạc tại làng Đức Thọ ngay sát với tỉnh Thanh Hóa, nhà tôi ở phố Trường Thi cách chùa không xa mấy. Nếu tính theo đường chim bay thì rất gần, chỉ cách khoảng vài trăm thước, cho nên mỗi sớm, chiều khi gió đưa tiếng chuông thu không vắng lại là Bà Nội tôi lại lấy chuỗi tràng đeo trên cổ xuống, ngồi nghiêm chỉnh, lần tràng tụng một thời Kinh.

Và cứ mỗi lần tôi nhớ tới Bà Nội thì lúc nào cũng thấp thoáng bóng dáng tủi bi của vị Sư Bà chùa Chanh, một vị chân tu Đạo Hạnh đã một thời gian dài luôn gần gũi với gia đình tôi - Tuy người tu hành, kẻ trần tục nhưng giữa Sư Bà cùng Bà Nội tôi đã có mối quan hệ mật thiết về tình đồng hương, quen biết nhau từ ngày còn trẻ tuổi, cho nên ngoài tuần tiết Bà Cháu tôi lên chùa lễ Phật, Sư Bà còn hay lui tới thăm Bà Nội tôi, phần nhiều là những dịp người đi quyền tiền tu bổ lại cảnh chùa, khi thì lợp lại mái bị hư hại sau trận bão vừa qua, có lúc phải thay rui mè hay cánh cửa Tam Bảo lâu ngày bị hư một. Đôi khi Sư Bà còn quyền tiền dùm cho những cảnh chùa nghèo nơi vùng lân cận, người thường mang theo cuốn sổ quyền tiền viết bằng chữ Nho mà lúc đó gọi là "Sổ Khuyến Giáo"

Chùa Chanh xây cất giản dị như bất cứ một ngôi chùa nào vào thời đó, nhưng cổng Tam Quan được xây bằng gạch, quét vôi trắng nom đồ sộ hơn, hai bên cột nổi bật đôi câu đối chữ Nho sơn đen nhánh, chắc hẳn của một vị túc nho nào đó trong làng Đức Thọ. Trước cổng Tam Quan

trồng hai cây Phượng Vĩ to cao, cành lá xum xuê tỏa mát cả một vùng, vào mùa Hè hoa nở đỏ ối, cánh rụng đỏ cả lối đi.

Tuy khuôn chùa đơn hẹp với ba gian thờ Phật, tượng xây, mái ngói, cửa gỗ Bức Bàn, nhưng phía sau là một khoảng sân rộng có bể nước, có bụi ngâu, bụi sồi, giàn trầu, thêm mấy hàng cau... tiếp tới là một căn nhà gỗ ba gian, giữa có bàn thờ Tổ, hai bên kê bàn với những hàng ghế bằng gỗ mộc, nơi đón tiếp khách thập phương. Phía sau nữa là nhà bếp cùng những căn buồng của Sư Bà và mấy Ni Cô..., trái lại vườn đất nhà chùa lại rất rộng, trồng hoa màu và cây ăn trái, mỗi lần tới chùa, tôi thường gặp mấy Ni Cô tuổi bòn giàn bầu, giàn mướp, hoặc vun xới luống khoai, luống sắn, những hoa màu bông trái mà nhà chùa thường mang ra chợ bán để thêm tiền đèn nhang tuần tiết. Củ vào mùa trái chín được theo Bà Nội đi lễ Chùa Chanh là tôi vui nhất, vì được dịp theo Chú Tiểu ra vườn leo trèo cây khế, cây ổi, ăn đã thì thôi! mà nhà chùa cũng chỉ cho con bé hái khế, hái ổi!, "cắm chi" không được bẻ măng tôi những cây cam, cây quýt, cây bưởi... đang mùa đơm đầy quả chín.

Một lần Sư Bà ốm nặng, hai Bà cháu tôi phải vào tận trai phòng thăm, đó là một căn phòng nhỏ trong mấy căn sau nhà thờ Tổ. Mỗi bước vào, phải một lúc tôi mới nhận ra chiếc giường tre Sư Bà nằm qua khung cửa sổ hẹp đan bằng liếp nứa, chống lên bằng một đoạn tre, người nằm chìm đắm giữa một màu nâu đậm bạc: màn nâu, mền nâu. Khi về nhà, tôi kể cho các chị tôi nghe: "Không hiểu sao một bà Sư nghèo khổ như thế, lúc nào cũng chỉ có một bộ áo nâu bạc phếch! Không có tiền đi xe phải luôn luôn đi bộ! Còn phải đến Bà mình xin tiền mà sao được kính trọng đến thế!". Tôi bị các chị mách và bị Mẹ mắng cho một trận: "Con còn bé biết gì mà dám nói! Không được hỗn với Sư Bà nghe không? Kính Phật thì phải trọng Tăng chứ! lần sau còn nói hỗn nữa là bị ăn đòn, nghe chưa?".

Nhận dịp này Mẹ tôi kể cho chị em tôi nghe về lai lịch của Người: Sư Bà vốn sinh trưởng trong một gia đình giàu có ở tỉnh Ninh Bình, theo nếp nhà Văn Học, Người được cụ thân sinh nuôi dưỡng, cho học chữ Nho theo mấy người anh trai. Vì có căn tu nên ngay lúc trẻ Người đã thế phát tại một ngôi chùa trong làng Đại Phong, ngay dưới chân núi Cảnh Diệu, cũng là quê hương của Bà Nội tôi. cách tỉnh Ninh Bình chừng mười cây số.

Hèn gì mà hai Cụ thân thiện với nhau thế! Tôi còn nói lên với chị tôi: Sao Sư Bà đại thế nhỉ? ở nhà với Bố Mẹ có sung sướng hơn không? tự nhiên bỏ đi tu để ngày nay chịu cực khổ như thế! Hình ảnh

Sư Bà với căn buồng tối tăm củ ám ảnh tôi hoài! và còn ảnh hưởng cho tôi sau này tôi còn chệnh mảng cả đi chùa lễ Phật nữa.

Tuy ngán đi chùa, tôi lại thích ngồi xe kéo đi diễu phố, thích được Sư Bà cho lộc Phật. Lần nào cũng một phẩm oản nếp với vài quả chuối, những phẩm oản mịn màng, thơm phưng phức. Chị em chúng tôi thường chia nhau chấm nước mắm, vừa ăn vừa khen ngon. Mẹ tôi bảo: "Chỉ có oản Chùa Chanh là ngon hơn cả các chùa khác, vì Sư Bà cho cấy giống lúa nếp cái hoa vàng, tính Người lại cẩn thận, chỉ gần đến tuần tiết mới cho lấy lúa ra xay, giã nên lúc nào oản cũng thơm như giữa mùa lúa mới".

Một lần tôi bị mấy chị xúi! Khi Sư Bà cho lộc, tôi đã dại dột xin thêm: "Oản của Sư Bà ngon quá! cho cháu thêm một phẩm nữa!", tôi đã bị Bà tôi khừu một cái vào đầu đầu điếng! "Chà này! không được hỗn!", nhưng Sư Bà với nụ cười hiền từ đã làm thò mẫn tính tham ăn của con bé! Người đã dúi thêm cho tôi một phẩm oản nữa!

Nhà chùa được làng Đức Thọ cấp cho mấy thửa ruộng ngay ven tỉnh cho nên mỗi lần theo mấy chị tôi trường học, chúng tôi thường đi qua cánh đồng này, thường gặp mấy Ni Cô làm ruộng, quấy lúa, gánh rơm... thỉnh thoảng còn gặp Sư Bà ra thăm ruộng, mỗi lần gặp chị em chúng tôi ngả nón chào, lúc nào Người cũng chấp hai tay trước ngực, đáp lại bằng câu "Mô Phật" với nụ cười hiền từ. Tôi tròn mắt, ngạc nhiên bảo mấy chị: "Sao đối với con nít mà Sư Bà cũng lễ phép thế nhỉ?".

Thế rồi giữa cõi vô thường đâu có gì tồn tại lâu dài? Chúng tôi khôn lớn theo dòng đời đưa đẩy như những con chim xa dòi tổ ấm khi đã đủ lông đủ cánh bay tìm những chân trời mới lạ. Đến lần tôi đi lấy chồng được vài năm thì Bà Nội tôi mất! Tôi từ tình xa về chịu tang, ngậm ngùi nhớ lại trước ngày cuối, đêm hôm đó tôi được ngủ với Bà tôi một đêm cuối cùng của thời con gái. Nghĩ tôi phải sống xa Bà, tôi thao thức không ngủ được! Nghe tiếng Bà ngáy như kéo gỗ bên tai, tôi đã không... véo vào đùi để Bà thức giấc như trước nữa!

Tiếp tới cuộc nội chiến Bắc-Nam cốt nhục tương tàn, Cộng Sản theo chính sách "tiêu thổ kháng chiến", cả tỉnh Thanh Hóa bị tiêu hủy đã đành mà còn bao gồm cả một công trình kiến thiết kiểu Hoàng Thành trong Huế, chung quanh tường gạch kiên cố, phía ngoài đào hào, thả sen. Bốn mặt thành xây bốn chiếc cầu xi-măng, mỗi cổng thành đều có cổng bằng gỗ lim vững chắc, phía trên xây chòi canh, treo một quả chuông đồng lớn, có lính Cờ gác thường xuyên gọi là Cửa Tiên, Cửa Hậu, Cửa Tả, Cửa Hữu. Mỗi lần điểm giờ, đổi canh lính gác là dân chúng trong thành

ngoài phố lại nghe một hồi chuông lanh lanh bay xa từ bốn mặt thành.

Trong thành là Hoàng Cung vì thỉnh thoảng có Vua ngự giá về thăm thôn ấp Quý Hương tại làng Triệu Tường thuộc tỉnh Thanh Hóa. Trong thành là dinh cơ của ba quan đầu tỉnh của Nam Triều và nhà của của giới công chức làm việc tại dinh Tổng Đốc, Bố Chánh, Án Sát cho nên lính phải canh phòng cẩn mật, cứ 9 giờ tối là bốn cửa thành đóng kín "nội bất xuất, ngoại bất nhập". Đây là một di tích cổ thành xưa, trang điểm cho tỉnh Thanh Hóa một nét đẹp cổ kính, vương giả khác biệt hẳn với những thành phố khác. Vậy mà đã bị Cộng Sản núp dưới chiêu bài "tiêu thổ kháng chiến" để đập phá tan hoang, san thành bình địa, ngay cả ngôi Chùa Chanh cũng chịu chung số phận! Phải chăng chính sách của Đảng Cộng Sản là xóa bỏ tàn tích phong kiến, kéo những thành phần tư sản ngồi xuống đất cho ngang với bàn cố nông, "bàn cùng hóa Dân Tộc" để cho họ nắm đầu nắm cổ?

Người dân Việt Nam sống trong khói lửa suốt mấy chục năm qua, cho tới ngày 30 tháng 4.75 Cộng Sản đã chiếm trọn miền Nam, đã gây bao nhiêu đau thương, tang tóc cho Người Việt Quốc Gia! Để một sớm tôi chợt thấy mình lênh đênh trên một góc trời xa lạ với những rừng thu trúc lá trở cành, với những mùa đông tuyết phủ, cảnh vật như chim trong giấc ngủ triền miên tưởng như vô tận!

Và trải qua bao nhiêu cuộc đổi thay, giữa kiếp nhân sinh đã khiến con người rối loạn quay cuồng, quên quên, nhớ nhớ... vậy mà cả một dĩ vãng xa vời đã trôi qua vẫn còn in rõ nét trong tâm trí tôi, những ngày đầy hạnh phúc dưới mái ấm gia đình của tuổi hoa niên.

Hình ảnh vị Sư Bà Chùa Chanh với đầu óc non nớt của tôi lúc đó chỉ cảm thấy khổ quá! thương quá! Có biết đâu chỉ là một lối tu khổ hạnh, tìm nếp sống đạm bạc, xa dòi những cám dỗ vật chất ngoài đời. Nhất là thời gian sau này, khi tôi phải hứng chịu nỗi đau khổ giữa cảnh tử biệt sinh ly, tôi đã tìm về cửa Phật cầu xin những giáo lý nhiệm màu, uyên minh của Đấng Thế Tôn như những dòng suối mát, mong được thấm nhuần xoa dịu trần tâm.

Hình ảnh vị Sư Bà Chùa Chanh vẫn luôn luôn thấp sáng trong tâm hồn tôi như một vị Bồ Tát với dáng người nhỏ bé gầy yếu, hai tay chấp trước ngực, đáp lời chào của chị em chúng tôi bằng câu: "Mô Phật", miệng mỉm cười đầy vẻ từ bi độ lượng. Tôi lại thấy lòng mình tràn dâng một niềm hối hận mỗi khi nhớ tới những ý nghĩ thất lễ, bất kính của con bé dại dột năm xưa! ●

Hạnh từ bi

● Nguyễn Thương Quê

*Thuyền về Bến Giác hàng đưa
Tấm lòng phổ độ bao mùa tịnh
chay*

*Nước Cam Lò bình voi đầy
Mà Cành Dương vẫn thắm ngày
giải sinh.*

*Ở chùa tâm tịnh thời kinh
Qua sông mỹ nữ tỏ tình tương
thân*

*Công người qua bến hồng trần
Mất không vương lụy tấm thân
ngọc ngà.*

*Có hóm khát thực đường xa
Túi vàng ai rót ước ba lượng đầy
Cũng trong tầm mắt thường ngày
Nghe người hốt hải mắt đầy lệ
rơi...*

*Đưa trao của mắt lại người
Về chùa trăng đã lên ngồi núi
đông*

*Làn tay bình bát trống không
Đêm ngủ no với tấm lòng từ bi
Phù vân, nhân ngã sá chi
Hồn trong mắt rực sáng vì chân
tâm.*

*Thuyền về Bến Giác âm thầm
Bình Thanh Tịnh Quán Thế Âm
mãi đây*

*Hạnh Từ Bi đạo Sư Thầy
Ứng Thân Thị Hiện đức đầy ân
sâu.*



DƯỚI BÓNG ĐÀ CHÙA VIÊN GIÁC

■ Trần Trung Đạo

*Có phải đây thành phố bao giờ
Mà lòng ta mất lụa vàng xưa
Để rơi nước mắt thời lưu lạc
Chùng buổi về thăm đã tuyệt mù.*

(Về Hội An Mỗi Thấy Buồn
- Hoàng Lộc)

Hội An. Tôi trở lại thành phố đó lần cuối cùng vào mùa Xuân năm 1981. Vừa bước xuống xe là tôi nghĩ ngay đến mấy câu thơ của anh Hoàng Lộc mà tôi thuộc lòng từ một đặc san Xuân của trường Trần Quý Cáp năm nào. "Chùng buổi về thăm đã tuyệt mù", đúng vậy, sáu năm sau ngày được "giải phóng", Hội An đã thay đổi quá nhiều. Thành phố cổ vốn đã u trầm lại càng buồn hơn, như càng già và mệt mỏi hơn xưa. Hội An giống như một thành phố của nước Pháp đang bị Đức chiếm đóng trong thời đệ nhị thế chiến mà tôi thường xem trong những phim tài liệu. Ở đó, con người sống trong một không khí sợ hãi, lo âu, và nghi ngại lẫn nhau. Ở đó, con người sống không có một chút hy vọng và cũng không phải là tuyệt vọng, sống như một định mệnh hơn là một chọn lựa. Ở đó tôi khám phá ra rằng:

*Bè bạn nay chẳng còn ai
Dăm đứa ở lại đập xích-lô
Dăm đứa về quê làm ruộng
Có đứa đường như đã vượt biên
Có đứa bỏ mộng làm thầy để đi bán*

sách

*Phượng bây giờ chắc đã có chồng
Nước Mỹ xa xôi chẳng có gì đáng nhớ
Những ước mơ xanh và một thời mộng
đỏ*

*Sẽ vàng hoe theo những tháng năm
quên...*

Đoạn thơ trên tôi viết cho Sài Gòn nhưng cũng rất thích hợp với Hội An vì Phượng là tên của một người con gái Hội An rất đẹp mà tôi mượn đem vào thơ. Một điều mà mọi người thường nói và được biểu đồng tình "không có nơi nào đẹp hơn quê hương mình". Đối với những chàng trai bỏ xứ ra đi hay bị đẩy ra khỏi xứ thì cần thêm câu "và cũng không có con gái nào đẹp hơn con gái ở quê mình". Tôi ít viết về những người con gái Hội An không phải bởi vì Hội An thời tuổi tôi có ít người con

gái đẹp nhưng vì tôi chẳng có một mối tình nào đủ lớn như cổ "Ba năm sau em trở thành thiếu phụ..." của anh Đĩnh Trầm Ca để mang vào thơ. Ngày trước mỗi khi ở Sài Gòn về Vĩnh Điện, tôi thường cùng với vài người bạn học đến thăm anh. Anh Đĩnh Trầm Ca sống một đời sống khiêm nhượng trong một mái nhà "tôn" ở ngã ba Vĩnh Điện. Có lần anh nhờ tôi mang một số nhạc của anh vào Sài Gòn nhờ nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ, lúc đó là Trưởng phòng Văn Mỹ Nghệ của Đại Học Vạn Hạnh, bán dùm những hình như chẳng bán được bán nào. Sự nghiệp âm nhạc của Đĩnh Trầm Ca trước 1975 hình như chỉ có mỗi một bài "Ru Con Tinh Cũ" với giọng ca buồn đứt ruột của Thanh Thúy.

Trong những đứa bạn đang "về quê làm ruộng" thì tôi chỉ gặp lại Quốc là người duy nhất. Quốc và tôi thân nhau từ những ngày thơ ấu. Nếu tôi không gọi chắc cậu ta vẫn lầm lũi kéo chiếc xe, ở ngoài Trung người ta gọi là xe bò, chở đầy đất đi qua. Chúng tôi không nói gì, chỉ nhìn nhau một hồi lâu. Một cuộc đối thoại vô ngôn nhưng chứa đựng cả một niềm thống hận của một thế hệ bị lịch sử bỏ quên. Phạm Hồng Quốc, học sinh giỏi văn nhất của trường, người đã từng thi đậu Thủ khoa kỳ thi Đệ Thất ngày xưa bây giờ là một chàng thanh niên kéo xe đất đi đắp nền nhà thuê.

Tôi còn nhớ khi lên đến lớp mười trường Trần Quý Cáp, mỗi bài luận Quốc làm đều được thầy Nguyễn Văn Liêu, dạy



Việt Văn, đọc lại cho cả lớp nghe và khen đảo khen để. Các cô nữ sinh coi Quốc như thần tượng, mê cậu ta như điên đảo. Chẳng bù với cái "hân anh ồm yếu ho hen" của tôi chẳng cô nào thèm để ý mặc dù tôi cũng cần gây hàng tá bút chì trong những đêm ngồi nặn óc viết một bài thơ tình để tặng người yêu đơn phương của tôi. Quốc viết văn và Quốc làm thơ. Thơ của Quốc không có gì đặc biệt vì sự nghiệp thi ca của Quốc, nói theo kiểu Vũ Trọng Phụng, rui sinh ra đời như một vì sao xấu giữa một nền trời đầy sao sáng như Luân Hoán, Tưởng Linh, Thái Tú Hạp, Hoàng Lộc v.v... nhưng văn của Quốc thì rất súc tích và gói ghém những suy nghĩ vượt xa hơn nhiều so với tuổi đời 15, 16 của cậu ấy. Có một lần thầy Liêu ra đề luận "Là một học sinh, em nghĩ gì về chiến tranh?", Quốc, thay vì

tả những cảnh "đêm ngồi nhìn hòa châu rơi" hay "Xuân này con không về" ... theo kiểu cải lương, cậu ta đã tuôn trào trên giấy những hần học, những thống trách của mình trước những đau thương và tàn phá của quê hương với một bút pháp chặt chẽ cũng như văn phong hùng hồn và cảm động. Thầy Liêu đọc lên cho cả lớp nghe với một chút e dè, vì ngôn ngữ nặng mùi phản chiến của cậu ấy, nhưng trong ánh mắt của thầy Liêu cũng không thể che giấu niềm hiêu hãnh khi có một người học trò mang những suy nghĩ lớn dù trong tuổi còn rất nhỏ. Trong lòng thầy Liêu, Quốc sẽ là một "nhân kiệt" tương lai của vùng đất "địa linh" xứ Quảng của thầy. Thầy Liêu biết Quốc yêu nước lắm. Tôi cũng biết điều đó. Có lần chúng tôi đang ngồi uống cà phê trong một quán cà-phê ở gần khu Khổng Miếu, trong lúc cái máy hát của chủ quán đang phát một bản nhạc của Phạm Duy, bài *Bà Mẹ Gio Linh*, "Quân thù đã bắt được con, mang ra giữa chợ cắt đầu, nghẹn ngào không nói một câu, mang khăn gói đi lấy đầu, chiều về thôn xóm buồn teo, xa xa tiếng chuông chùa réo..." tôi thấy nước mắt Quốc nhỏ xuống. Giọt nước mắt trong như ngọc của một tâm hồn thiếu niên Việt Nam đang đau vì vận nước. Văn chương của cậu ấy hùng hồn bao nhiêu, cũng rắn bao nhiêu thì tình tình của cậu lại mềm dịu bấy nhiêu. Cậu rất dễ khóc.

Năm 1972, tôi rời Hội An vào Sài Gòn học đại học và Quốc cũng rời Hội An để đi lính. Quốc chẳng may bị thi rớt Tú tài 2 và không còn tuổi để tiếp tục xin hoãn dịch. Năm 1975, Quốc là một Trung Úy Pháo Binh, bị cộng sản bắt và giam ở trại Tiên Lãnh 4 năm trước khi về quê kéo đất đắp nền nhà thuê. Anh Trung Úy Pháo Binh Phạm Hồng Quốc ở miền Nam cũng giống như anh Trung Úy Pháo Binh Cộng Sản mà tôi đã gặp sau ngày 30.4 ở Sài Gòn. Tôi hỏi anh Trung Úy Pháo Binh Cộng Sản mà tôi tình cờ gặp ở Ngã Tư Bảy Hiền, "bây giờ anh thích gì nhất?", anh trả lời không suy nghĩ "tôi muốn về miền Bắc sống với mẹ tôi, ngày xưa tôi không có chọn lựa nào khác là phải vào Nam, bây giờ thì khác, tôi phải về thôi". Chắc là anh ta đã về Bắc. Nhưng nếu anh thật sự về thì chắc là anh sẽ hối hận biết bao. Phải chi anh tiếp tục ở lại miền Nam thì bây giờ anh đã giàu sang, có ô-tô, biệt thự, bây giờ biết đâu anh lại chẳng trở thành một anh triệu phú xã hội chủ nghĩa. Cuối cùng thì tất cả những mỹ tửu tửu tưởng, hòa bình, tự do, độc lập, hạnh phúc, chỉ là những chiếc bánh vẽ, đều đã bị lửa gạt, bị nhân danh, đều là trò chơi của lịch sử không tim.

Tôi lặng lẽ nhìn Quốc một hồi lâu như muốn tìm bên trong chiếc áo và màu đen kia có còn lại vết tích gì của những ước mơ thời niên thiếu hay không. Còn hay không, có lẽ không ai có thể biết và có lẽ không bao giờ Quốc sẽ trả lời. Tôi cũng đủ trí khôn để tự biết rằng không nên hỏi bởi vì hỏi là xúc phạm, là khơi lên một vết thương đang mưng mủ trong lòng của một thanh niên Việt Nam đang lỡ vận. Tôi chỉ biết mời nhau một điều thuốc, nói vài câu chúc tụng rồi tuếch rồi chia tay. Quốc cũng thế, không nói nhiều và cũng chẳng nhắc gì quá khứ, cúi đầu cầm cẳng xe kéo đi không ngoái đầu nhìn lại. Những hạt mưa Xuân hay những giọt nước mắt của Quốc ngày nào đang rơi nhẹ trên vai tôi.

Từ già Quốc tôi ghé thăm chùa Viên Giác, nơi đang giữ của tôi những bí mật lớn của đời mình và là nơi tôi cuộn tròn tuổi hoa niên dưới bóng cây đa già thân thuộc. Không mấy ai biết tôi từ đâu đến, cha mẹ tôi là ai và dĩ nhiên, ở một nơi mà sự sống đang đùa cùng cái chết thì cũng chẳng ai hiểu hay cần tìm hiểu tôi làm gì. Từ những ngày rất nhỏ tôi đã phải sống trong một nỗi ám ảnh triền miên về quá khứ và cả về tương lai của chính mình. Nỗi ám ảnh của một viên đạn trong một cuộc chiến tranh không phân biệt rõ lẫn ranh, giới tuyến, bạn thù, không biết sẽ ghim vào tim ai. Mà dù ghim vào tim ai thì cũng đau đớn và tàn nhẫn như nhau. Tôi biết Hội An lần đầu năm 1968, 13 tuổi và một dĩ vãng rất dài và vôi những vết thương không bao giờ lành được.

Năm 1990, từ miền Bắc Mỹ xa xôi tôi viết một bài thơ để Nhớ Cây Đa Chùa Viên Giác.

*Tôi chưa kịp trở về thăm Viên Giác
Mười hai năm bèo giạt bến sông đời
Cây đa cũ chắc đã già hơn trước
Biết có còn rụng lá xuống sân tôi*

*Đời lưu lạc tôi đi hoài không nghĩ
Để niềm đau chảy suốt những mùa thu
Thời thơ ấu cây đa già tri kỷ
Vẫn còn đây trong ký ức xa mù*

*Đa làm mẹ vỗ về tôi giấc ngủ
Đa làm cha che mát những trưa hè
Đa làm bạn quây quần khi rảnh rỗi
Đa làm người chân thật chẳng khen chê*

*Mỗi buổi sáng một mình tôi ôm chổi
Quét lá vàng như quét nỗi cô đơn
Lá vẫn rụng khi mỗi mùa thu tới
Như đời tôi tiếp nối chuyện đau buồn*

*Chùa thanh tịnh chẳng dung hồn lũ thú
Một chiều thu tôi lạ Phật ra đi*

*Bỏ lại tiếng chuông chùa vang khuya sớm
Cây đa già đứng lặng khóc chia ly*

*Đường tôi qua đã không còn bóng mát
Ngày nhọc nhằn mưa lũ xuống đêm khuya
Đa ở lại âm thầm ru khúc hát
Ngậm ngùi buồn theo mỗi tiếng chuông
chiều*

*Đa thân mến dấu có vằn thương nhớ
Cũng xin đừng gục xuống dưới sân tôi
Xin cố đứng để chờ nghe tôi kể
Chuyện trầm luân của một kiếp con người*

*Tôi sẽ đến ngôi chùa xưa Viên Giác
Nhặt mảnh đời rơi rớt ở đâu đây
Ôi thằng bé nghèo nàn xưa đã lớn
Đi làm người du thực ở phương tây*

*Tôi sẽ viết nốt bài thơ dang dở
Và tình người rách nát thuở hoa niên
Đa sẽ hát bài đồng dao muôn thuở
Nhạc thu buồn nước mắt chảy trong đêm*

Chùa Viên Giác, nơi trú ẩn của một con chim non tránh cơn bão kéo dài suốt bốn năm trời. Những bài kinh lúc đầu chán chết nhưng dần dần tôi cũng thuộc. Cái từ sách lớn của thầy trụ trì mỗi tưởng như không bao giờ muốn đụng tới nhưng dần dần cũng lần la tìm đọc. Ngoại trừ một số ít bạn học như Quốc, Minh, Châu, bốn năm dài tôi sống biệt lập với thế giới bên ngoài, không họ hàng thân thuộc. Ngày 30 tháng 8 năm 1972, tôi từ già cây đa già tri kỷ, mang khăn gói hành trang đi xuống cuộc đời. Sau lưng, cánh cửa tùng vừa khép lại.

Tôi trở về một lần nữa trước khi ra đi một nơi xa thật là xa, xa hơn cả trí tưởng tượng của tôi. Cây đa vẫn còn đó, vẫn xào xạc chào đón bước chân tôi về thăm. Cây đa không bị đói như con người mà tôi có cảm tưởng cũng ốm hơn những năm trước. Đa không tuổi mà sao tôi thấy già hơn những năm trước rất nhiều. Đứng nghe xuống nghe đa, phải sống như tôi đã phải sống, phải vươn lên như tôi đã phải vươn lên, phải xào xạc một cách hồn nhiên như tôi đã từng ngâm những bài thơ đầu tiên trong những đêm hoa niên không ngủ được.

Tôi lại sẽ ra đi. Lần này thì xa lắm. Đừng hỏi tôi đi đâu vì chính tôi không thể trả lời. Điều duy nhất mà tôi có thể trả lời được là có một ngày tôi sẽ về lại nơi này. Nếu tôi không chết trên biển cả mênh mông hay ở xứ người xa lạ, mà dù tôi có chết đi, thì hồn tôi cũng tìm về lại nơi này vì hạnh phúc đầu tiên và cuối cùng của tôi là ở đây, dưới bóng đa này ●

■ ĐIỂM SÁCH

Đọc thi tập

"VUI MỘT NGÀY VUI"

của Nữ Sĩ Liên Trang

● Chi Điền Hoàng Duy Tú

Liên Trang, một nữ sinh "lớn tuổi" của Đại học Sorbonne, Paris, đã dành chín năm trời để sưu tầm và biên khảo quyển Tiểu Dẫn 500 trang khổ lớn Introduction au Nam Phong (Tìm hiểu Nam Phong). Đã được ông Phạm Trọng Nhân, một nhà văn nguyên làm Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa, phiên dịch, xuất bản 1992.

Ngày 7.2.1972 cuốn Tiểu Dẫn này đã được công nhận là đề án xứng đáng được bằng cấp của trường Cao Học Thực Hành ở Đại Học Sorbonne, Paris.

Bà Liên Trang Phạm Thị Ngoạn, thủ nữ của nhà học giả danh tiếng Phạm Quỳnh tuy là theo học văn chương Pháp và dự định trình luận án Tiến Sĩ Quốc Gia Văn Chương Pháp, nhưng vẫn say mê Thơ Việt. Tháng 4.1995 bà đã xuất bản một ít thơ trong tập "Vui Một Ngày Vui" nhân dịp này về thăm cố hương, tại đó nữ sĩ còn hai bà chị trên 80 tuổi và mấy ông em.

Học văn chương Pháp mà say mê thơ Việt, kể ra thì cũng là hiếm có. Mời bạn đọc xem bài thơ đọc vận sau đây:

VẦN THƠ

*Thanh nhân vui thú với vần Thơ
Mặc khách tao nhân xuống họa thơ
Ngâm khúc Ly Tao vang tử ngọc
Dâng làn sóng nhạc ngát hương Thơ
Long lanh đáy nước tràn tia bạc
Man mác trăng ngàn ngập ý Thơ
Nếu phải tưởng tượng gây nỗi nhớ
Thì đây hồn mộng kết duyên Thơ*

Giáo sư Từ Ngọc Nguyễn Lân, ngày xưa dạy Quốc Văn ở trường nữ Đồng Khánh, Huế, nay về hưu trí, đã tiếp nữ sĩ Liên Trang cùng các bạn học cũ của bà nhân dịp bà về thăm quê hương, bà đã để lại bài thơ lưu niệm:

DUYÊN THƠ TÌNH BẠN

*Hội ngộ đầu ngõ có bữa nay
Duyên Thơ tình bạn mặn nồng thay!
Đã bao năm tháng trông mong đấy
Qua vạt trũng dường mới tới đây!
Cũng bởi Duyên Thơ chờ ý đẹp
Nặng tình vì bạn đón men say
Cuộc đời mây nổi tan rồi hợp
Vui một ngày vui mãi một ngày.*

Năm 1940 ngày nghỉ hè của trường Đồng Khánh, Huế, trong giờ làm biệt nữ sĩ Liên Trang đã có bốn câu thơ Chia Tay thật là bình dị mà không kém thiết tha, viết theo thể trúc-chi-tử, nhẹ nhàng và thanh tao như cảnh trúc:

CHIA TAY

*Mối đó ai ngờ đã chia phôi
Thôi đành ly biệt bạn yêu ơi!
Bạn ơi! Ly biệt sao buồn thế?
Nghĩ éo le thay cái cuộc đời!*

Con người của nữ sĩ Liên Trang thật là giàu tình cảm. Bạn bè đến thăm rồi ra về cũng để lại cho nữ sĩ cái buồn man mác. Rồi từ đó nhiều tú thơ dễ thương giúp cho nàng dệt nên những câu thơ nhẹ nhàng và dễ mến, như bài sau đây:

GỎI BẠN PHƯƠNG XA

*Trời thu êm dịu gió heo may
Tiếp cánh hoa tiên lại nhớ ngày
Bạn đến thăm ai chiều đẹp ấy.
Lá vàng lác đác nhẹ nhàng bay...*

*Bên bờ tơ liễu rũ lơ thơ
Dòng nước sông Y-e chảy lững lờ (1)
Đón khách hân hoan ngày tái ngộ
Vui mừng còn tưởng giữa niềm mơ!*

*Chiều tà bóng xế bạn chia tay
Cây cỏ đầu hiu ngọn gió lay
Phảng phất hồn quê nơi lữ thứ
Chân trời lạng lẽ cánh hồng bay...*

Ngoài tình thần yêu quê hương, yêu bạn bè, tập thơ còn chan chứa tình yêu đối với

chồng, với con cháu, với anh chị em. Hai bài thơ "**Nhớ Người Xưa**" và "**Nhớ Hán Thu**", nhà văn Từ Ngọc Nguyễn Lân nói: "Khiến người đọc nghĩ đến bài "Ai tư vấn" của công chúa Ngọc Hân khóc Nguyễn Huệ. Xin bạn đọc thử xem hai bài sau đây:

NHỚ NGƯỜI XƯA

*Xa cách muôn trùng vạt nhớ nhung
Trách ai hờ hững với ai cùng!
Mặn nồng môi đó năm năm lẻ
Lạnh nhạt rồi đây nửa chữ không.
Sương tuyết trời Tây lòng quạnh quẽ,
Gió mùa đất khách lệ sầu đông.
Bè bàng khuya sớm ai người thấu?
Vò võ đêm trường mắt vẫn chong (2)*



NHỚ HÁN THU

*Anh của Em, dạ đài xa thăm
Biết cùng ai gửi gắm tình thương?
Nhớ anh thao thức canh trường,
Vi đầu lè bóng, trên đường phân ly.
Anh của em, những khi họp bạn,
Mượn vần thơ quên tạm nhớ nhung.
Canh khuya chợt tỉnh giấc nồng
Một mình gối chiếc, tắc lòng quặn đau!
Anh của em, mối sầu dằng dặc
Biết làm sao quên được anh ơi!
Chim kia lạc bạn chân trời
Còn nuôi hy vọng lại rồi gặp nhau
Anh của em, tìm đâu cho thấy
Cách xa nhau, biết mấy từng mây
Âm dương đôi ngả đầu đây,
Mà mong đoàn tụ sum vầy, hỡi anh?!
Anh của em, thôi đành số kiếp
Hẹn cùng nhau nối tiếp nhân duyên.
Ba sinh sẽ phi mười ngàn*

*Uyên ương lại chấp cánh liền cao bay
(1981)*

Xin trở lại với vần thơ vui "**Ngày Vui Hội Ngộ**" là bài Chi Điền ưng ý nhất. Có lẽ các bạn mất quê hương, sống đời lưu vong trên đất khách như chúng ta được dịp tao phùng với những người thân yêu đều có nỗi vui mừng sung sướng nhờ lời thơ của nữ sĩ Liên Trang, nên dễ cảm thông và lấy làm thích thú.

Nhưng nữ sĩ Liên Trang còn đi xa hơn một bước, là nghĩ đến tương lai một cách lạc quan: Đồi sau, sẽ có đàn sau!

NGÀY VUI HỘI NGỘ

*Ai hay vật đổi sao dời
Nghìn trùng cách trở xử người gặp nhau
Dù tình quê vẫn thâm sâu
Gặp nhau nhẹ bốt mối sầu ly hương
"Hữu duyên thiên lý tao phùng đệ!"
Dịp bất ngờ hoan hỷ gặp nhau đây
Đã năm năm phong cảnh thắm tươi này,
Cũng trăng, nước, trời, mây, thơm hoa, non nhị.
Đông đủ một nhà, em em, chị chị.
Quây quần khắp mặt bạn bạn, mình mình.
Tay nắm tay kể kể chuyện tâm tình
Những nông nổi, nay thanh bình xưa loạn lạc.
Thôi! Hãy vui đi! Cuộc vờn xoay ta tạm gác,
Chúc chén mừng tuổi hạc cử bền lâu
Đồi sau sẽ có đàn sau!*

Tác giả đã khéo chọn thể thơ ca trù. Rất thích hợp để diễn tả những ý tình vui vui, những cử chỉ thân yêu, những cảm nghĩ tế nhị.

Thi tập "**Vui Một Ngày Vui**" còn rất nhiều bài thơ đáng trích đăng vì lời thơ trong sáng, mỹ lệ, ý tình thanh tao, âm điệu êm ái... Nhưng bài báo có hạn, rất đáng tiếc là không thể trích đăng nhiều hơn nữa.

Chú Thích:

(1) Sông Yerres, nơi cư ngụ của nữ sĩ Liên Trang, ngoại ô Paris.

(2) Mượn vần thơ của Bà Hồ Xuân Hương trong bài "Nhớ Người Cũ" gởi cho cụ Nguyễn Du (1813). Xem trang 269 Nguyễn Du, thơ chữ Hán I của Chi Điền Hoàng Duy Tử xb 1986, có thêm bài tiểu dẫn ●



trang hoa phượng

□ Hồng Nhiên phụ trách

Các em Hoa Phượng thân mến,
Nắng đã bùng lên, mùa hè đã đến, các em đang vui trong niềm vui của tuổi học trò. Trên con đường học vấn hầu tạo dựng sự nghiệp cho mai sau thắm thoát mà đã tròn một năm đi qua.

Đặt vị trí các em đang ngồi tại ghế nhà trường nơi quê hương Việt Nam của chúng mình, các em nhìn ra sân trường thấy những cây phượng đã nở hoa đỏ ối, lòng các em xôn xao rộn rã chờ đợi ngày tan trường. Quê hương ta có nhiều dòng sông mang nước đục phù sa làm cho cây tươi, trái ngọt hay trong xanh tấm mát tình người.

Có người vì hoàn cảnh ra đi kiếm sống, buộc phải lưu lạc ở vạn nẻo đường và cũng có người chạy theo xa hoa phồn vinh đô hội, vô tình để lãng quên cái thể nghiệp của mình, những rồi cuối đời còn lại ai nấy cũng chuyển tâm và trở về nguồn.

Nguồn, theo nghĩa đen là nơi phát xuất (bắt đầu) của dòng sông hay của con suối. Còn theo nghĩa bóng về con người, ý nói ai cũng có Tổ Tiên, ông bà, cha mẹ v.v... Nói rộng ra thì có Tổ quốc, Quê hương và Dân tộc. Cho nên "Cây có cội, nước có nguồn" là thế đó.

Trở về nguồn tức là quay về hay trở lại nơi đầu của con sông, của dòng suối và cũng có ý nói là trở về với bản gốc của mình bằng nghị lễ, sự hiếu thảo, phong tục tập quán mà Ông, cha của mình đã dày công để lại hoặc do quê hương thân thường đã tạo ra và truyền thừa, mình nương đó nối tiếp làm theo hoặc xử thế. Như vậy mình mới xứng đáng và không hổ thẹn với người ngoài tưởng lầm rằng mình đã ham mê đua đòi theo họ nên mất gốc.

Hoa Phượng thân mến chúc các em một mùa hè vui tươi, thoải mái và hân hoan đón nhận bài vở của các em.

□ Hoa Phượng

SỰ TÍCH KHĂN TANG

□ HỒNG NHIÊN sưu tầm

Ngày xưa có vợ chồng ông phú hộ sinh được năm người con gái. Giàu có, lại không con trai, nên bao nhiêu tình thương họ đều dồn hết vào những cô con gái. Họ cưng như trứng mỏng, hề con đòi gì là được nấy. Lần lượt năm cô lớn lên, lấy chồng và đi ở riêng.

Vì con gái đứa nào cũng lấy chồng xa, nên sau khi cô út ở riêng được ít lâu, hai ông bà phú hộ cảm thấy nhỏ các con quá. Họ bàn tính chuyện chia nhau đi thăm con. Một hôm vợ bảo chồng:

- Sắp tối, ông chịu khó ở nhà, cho tôi đi thăm chúng nó một lượt, sau đó tôi về trông nhà cho ông đi.

- Phải đó, chồng đáp, nhưng bà phải đi nhanh lên mới được, đừng bắt tôi phải đợi lâu.

- Không được đâu, tôi tính ở lại với các con đứa nào ít nhất cũng phải một tháng, năm đứa vị chi là năm tháng, còn đi đường tổng cộng độ vài ba chục ngày, như vậy cũng phải mất ngót nửa năm đó ông ạ!

- Thôi được, bà nó đi đi, bà nhỏ đừng để cho đứa nào quẩn quít quá, rồi ăn đêm nằm đề làm cho tôi trông đợi.

Rồi đó người vợ cùng con hầu ra đi, nhưng được vài tháng, chồng thấy vợ trở về, vẻ mặt buồn xo. Chồng hỏi:

- Có làm sao mà bà về nhanh như vậy, có gặp điều chi dọc đường hay không mà về mặt không vui.

Vợ đáp:

- Chẳng có gì hết, tôi vẫn bình an, chúng nó đều khỏe mạnh, tôi về sớm là vì tôi muốn ông khỏi trông, ông cứ đi một lần cho biết.

Thấy vợ nói úp mở, ông phú hộ chưa hiểu thế nào cả, cuối cùng ông sấm sửa hành lý ra đi.

Ông ghé nhà người con gái thứ nhất. Chàng rể ra tiếp ông niềm nở làm ông rất hài lòng. Nhưng con gái ông thì không được như vậy. Nó cũng chuyện trò già là được ít câu, rồi quay vào công việc của nó.

Nhà các chàng rể của ông phần nhiều đều thuộc vào hạng khá giả không kém gì ông. Cho nên con gái của ông còn mang trông nom kẻ ăn, người ở, không lúc nào rảnh rỗi. Đến chừng chồng nó ra đồng trông cây, coi cấy, thì con gái ông còn

chuyên cả việc bếp núc, lúi húi suốt buổi trong bếp, cha con chẳng có dịp chuyện trò. Mãi đến gần trưa ông cảm thấy bụng đói cồn cào, nhưng con ông lại chẳng chịu cho ông ăn ngay. Ông toan bảo nó cho mình ăn trước như khi còn ở nhà, nhưng rồi lại nghĩ thầm: Để còn xem nó đối đãi với cha nó ra sao cho biết. Ông thấy con gái chờ chồng đi làm về mới dọn cơm. Nhưng chàng rể tuy đã về mà vẫn còn bận một số công việc, cho nên ông phải đợi. Đến chừng thấy đã quá trưa, con gái ông lên tiếng gọi chồng:

- Minh ơi, hãy để đó vào ăn cơm đi, cho ông già ăn với!

Nghe con gái nói thế, ông cảm thấy không được vui. Bữa cơm chiều và liên tiếp những ngày sau cũng vậy. Con gái ông chăm sóc cho chồng nó chủ chẳng phải cho ông. Ông rất buồn, bụng bảo dạ: Thì ra bây giờ nó coi cha nó chẳng ra cái gì. Nếu chồng nó không ăn thì có lẽ mình phải nhịn đói.

Ở chơi được ít ngày, thấy con gái không được vồn vã đằm thắm như xưa, ông bèn bỏ ý định cũ là ở chơi trong một tháng, đã vội từ già chàng rể và con gái mà đi đến nhà người con gái thứ hai cách đấy hơn một ngày đường.

Trong cuộc hành trình này ông lắm bầm: Chắc những đứa sau phải khác, chẳng lẽ đứa nào cũng như vậy cả sao? Vợ chồng ta trông cậy chúng nó rồi đây sẽ chia nhau về phụng dưỡng một khi bố mẹ tuổi già kia mà!

Nhưng khi đến ông lại đâm ra thất vọng. Nhà chàng rể thứ hai tuy không giàu bằng chàng rể thứ nhất, nhưng cũng có của ăn của để. Vợ nó khi thấy bố đến thăm cũng tiếp đãi gọi là cho tròn bốn phận rồi lại lay hoay vào công việc nhà chồng, chẳng chịu bớt chút thì giờ hàn huyên cho bỏ những lúc cha con xa nhau. Lần lượt ông đi thăm đủ cả năm cô con gái quý nhưng chẳng có đứa nào là không say mê với công việc của nó, chẳng đứa nào quan tâm chăm sóc đến ông như lúc còn ở nhà. Sau cùng ông chép miệng: Vậy là con gái một khi bước về nhà chồng thì chẳng còn là con của mình nữa. Nó xem chồng trọng hơn bố mẹ.

Rồi đó, ông quày quả ra về. Ông tính thời gian thăm con cả đi lẫn về không đầy hai tháng, so với chuyến đi của vợ ông lại càng ngắn hơn. Nỗi buồn phiền làm cho ông khó ở trong một vài tuần. Khi đã bớt buồn, ông gọi vợ lại bàn rằng:

- Thế là sanh được mấy đứa con gái, có cũng như không. Hy vọng dựa cậy vào chúng nó đỡ dần lúc tuổi già không được nữa. Bây giờ bà nó ở nhà để tôi đi kiếm một đứa con nuôi đặng mai sau nó sẵn

sóc chúng mình lúc mắt lòa chân chậm. Bà nó nghĩ sao?

Vợ phú ông trả lời:

- Thôi ông ạ! Ông đừng đi mất công. Con đẻ rứt ruột ra mà nó không đoái, không hoài thì con nuôi mà làm gì. Để tôi kiếm cho ông một người vợ lẽ. Không biết chừng nó sinh cho ta một đứa con trai để nối dõi tông đường, chẳng phải tốt hơn sao?

- Trên đời này có kẻ tốt người xấu, không phải ai cũng như ai. Nếu tôi đi tìm không xong thì về sẽ tính sau cũng chưa muộn.

- Được rồi, ông cứ đi đi, cố tìm một đứa con ngoan phụng dưỡng, mọi việc nhà mặc tôi lo liệu.

Ông phú hộ bèn mặc bộ đồ nghèo khó cất thân ra đi. Ông đi từ làng này đến làng khác, đến đâu ông cũng rao:

- Có ai mua cha thì ra mà mua. Mua ta về làm cha chỉ mất năm quan tiền thôi.

Mọi người nghe ông già rao như vậy ai cũng tưởng ông điên. Có người vui miệng nói: Mua lão già này để về nhà hầu ư, để rồi lão ta trăm tuổi có được đồng nào còn phải lo tống táng ư. Thà là nuôi một con đây to còn hơn.

Tuy có nghe nhiều lời mỉa mai cười cợt, ông phú hộ vẫn không nản chí, vẫn đi hết xóm này tới ấp kia, miệng rao không ngắt.

Bấy giờ ở làng nọ có hai vợ chồng một nông phu nghèo, nghe có người đi bán mình làm cha. Chồng bảo vợ:

- Hai đứa mình mỗ coi tử tuở bé chưa bao giờ được hưởng tình cha con, lại chưa có mụn con nào, thật là buồn. Thôi ta mua ông già này về thủ thi với nhau khuya sớm cho vui của vui nhà. Thấy vợ bằng lòng, anh chàng chạy ra đón ông già và nói:

- Ông định bán bao nhiêu tiền?

- Năm quan không bớt.

- Thú thật với ông, nhà tôi nghèo muốn mua nhưng không có tiền sẵn. Vậy ông ngồi chơi để tôi bảo nhà tôi đi vay.

Ông phú hộ ngồi chơi hồi lâu, thấy chị vợ chạy đi một lát trở về, nhưng số tiền vay được chỉ có hai quan.

Anh kia bèn nói:

- Hai ngày nữa mời ông trở lại, chúng tôi sẽ có đủ tiền.

Hai ngày sau ông phú hộ tới. Anh nông phu trao tiền cho ông, mời ông vào nhà "cha cha con con" rất thân tình. Đoạn anh bảo vợ đi chợ lo cơm nước. Phú hộ thấy đầu tóc người vợ hôm nọ còn dài, bầy giờ đã biến đi đâu mất, bèn ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao đầu tóc của vợ con lại cắt cụt đi như vậy?

Anh nông phu tần ngần hồi lâu, rồi đáp:

- Chẳng giấu gì cha, nhà nghèo con không đủ tiền mua, mà nếu không mua thì

đâu có dịp nào tốt hơn. Vì vậy vợ con phải cắt tóc bán đi mới đủ số tiền năm quan đó.

Nghe nói phú hộ vẫn làm thinh. Từ ngày có người cha nuôi, hai vợ chồng anh nông phu tỏ ra rất niềm nở và chịu khó chăm sóc hầu hạ không biết mệt. Phú hộ vẫn không cho biết quê quán, gốc tích thật của mình, hằng ngày vẫn ăn no ngủ kỹ, đôi lúc lại kêu vâng đầu mồi lưng, bắt phải xoa bóp hoặc tìm thầy chạy thuốc. Mặc dầu vậy, hai vợ chồng vẫn cơm nước, săn sóc không bê trễ. Cứ như vậy được vài tháng sau, nhà họ nghèo lại nghèo thêm. Họ phải cố gắng làm thêm để nuôi cha, có bữa phải nhịn đói để nhường cơm cho cha. Tình hình như vậy kéo dài được nửa năm, nợ nần của họ chồng chất quá nhiều mà trong nhà thì tiền gạo đã hết.

Một hôm hai vợ chồng thấy người cha nuôi khăn gói chỉnh tề. Ông bảo họ:

- Các con hãy đốt cái nhà này, rồi đi theo ta!

Vợ chồng đưa mắt nhìn nhau, nhưng sau đó đã thấy ông phú hộ giục:

- Làm con phải vâng theo cha mẹ, chỗ có sai lỗi. Cha bảo các con đi theo ta kiếm ăn, còn cái nhà này chẳng đáng giá bao lâu, đừng tiếc nữa.

Vợ chồng không dám cãi, đành nhặt nhanh một vài món đồ, rồi châm lửa đốt nhà. Đi theo ông, họ thấy ông lần hồi xin ăn, tối lại vào nhà người xin ngủ nhờ. Họ vẫn vâng lời, không chút phân vân. Ba người lần hồi đi xin ăn như thế được năm hôm. Sau cùng đến một căn nhà ngói, ông mới vui vẻ bảo họ:

- Các con, đây đã đến nhà ta rồi.

Vợ phú ông ra cổng đón vào, ông tươi cười bảo vợ:

- Đây mới thật là con của chúng ta.

Bây giờ vợ chồng anh nông phu mới biết được cha mẹ nuôi mình là một nhà giàu có. Phú hộ bảo anh nông phu lấy theo họ mình và từ đó hai vợ chồng bước vào một cuộc đời sung sướng.

Ít lâu sau, ông phú hộ lâm bệnh nặng, biết mình sắp gần đất xa trời, ông bèn làm tờ di chúc để phần lớn tài sản cho đứa con nuôi, đoạn ông gọi vợ đến, trời:

- Khi tôi sắp chết, bà nhớ đừng cho năm đứa con gái biết. Việc để tang thì đứa con trai cắt tóc, đội mũ, quần rơm trên đầu để chúng tỏ mình chịu cực khổ với cha mẹ, nhưng đứa con dâu thì bà bảo nó khỏi cắt tóc, vì tôi chưa bao giờ quên cái việc nó đã hy sinh bỏ tóc dài của nó để mua cha, vậy nó chỉ cần đội khăn tang là đủ.

Những sau khi liệm xong, bà phú hộ vì nặng lòng thương con nên cũng cho người lên báo tin cho năm đứa con gái biết. Khi chúng về, bà đón ở cổng thuật lại lời trời của cha cho chúng nghe và bảo chúng đừng có vào nhà, kéo có sự chẳng lành.

Năm người con gái tỏ lòng hối hận những việc đã rồi. Khi đưa linh cữu, các con gái cố đòi đi đưa cho bằng được. Khuyến can con mãi không xong, cuối cùng đành phải xé cho chúng, ngoài khăn tang, còn thêm mỗi đứa một vuông vải cho chúng che mặt lại để mong linh hồn cha chúng không biết.

Từ đó, người ta bắt chước để tang theo cách gia đình này đã làm:

- Con trai cắt tóc, vành rơm, mũ mấn, dây lưng chuối như cổ tục,

- Con dâu được miễn cắt tóc, chỉ đội khăn tang, lại miễn che mặt,

- Còn con gái thì ngoài khăn tang, còn có một mảnh vải nhỏ để che mặt ●



☐ Thiện Căn PHẠM HỒNG SÁU

Các em Đoàn Sinh thân ái,
Lòng các em đang rộn rã, bồi hê đã đến. Những tia nắng ấm áp sẽ đem lại cho các em gần gũi với thiên nhiên hơn. Vốn các em đang ở trong một tập thể có tổ chức và trong tinh thần thân ái cùng sống vui hòa với nhau dưới ánh đạo vàng.

Tinh thần tuổi trẻ nơi đất người vốn được vào khuôn khổ và nề nếp như các em là một biểu tượng đáng được hoan nghênh. Bởi nhiều vấn đề xã hội chung quanh đã chi phối và làm xáo trộn tâm hồn vô tư của các em, khiến cho số đông các em không chịu khép mình đi theo nếp sống tập thể hoặc là vào sinh hoạt với các tổ chức Đoàn, Đoàn v.v...

Thời gian phượng nở hoa sân trường vắng bóng thư sinh thì đó đây và dưới mái chùa lại rộn rã tiếng nói, điệu cười. Bởi hoa sen cũng đang nở trong mùa hè. Các em đang có trại Họp Bạn, gặp gỡ giữa lứa tuổi với nhau trên toàn Châu (Châu Âu), trao nhau nhiều tâm sự, hẹn hò và siết chặt tình Lam trong vòng dây thân ái. Các em tham dự trại Họp Bạn, trại Huấn Luyện. Các em theo học các khóa Giáo Lý Phật Pháp do quý vị Tăng, Ni hoặc các khóa chuyên môn do quý anh chị Huỳnh Trường

trong Ban Huống Dẫn mở ra ngắn hạn giữa mùa để các em có dịp tu dưỡng, bồi bổ kiến thức; vừa vui, vừa học hầu thăng tiến trên đường đạo.

Trong cái khả năng nhìn thấy là đã tạo cho các em được sự hợp quần. Tạo cho các em hiểu biết thêm và biết giữ gìn cái hay, tốt về phong tục tập quán quê hương mình. Các em cùng dùng chung với nhau một thủ tiếng mẹ đẻ trong sinh hoạt, cùng hát chung những bài dân ca hay đạo thiên nhiệm màu.

Tuy đơn giản thể thôi, nhưng chiếm quan trọng không nhỏ trong việc bảo tồn Văn Hóa và tập tục quê hương, đó không những có lợi cho chính bản thân các em mà còn luôn cho cả thế hệ kế tiếp các em. Bởi theo lý nhân quả của nhà Phật "**Nhìn hôm nay biết kết quả ngày mai**". Ý chí có hợp quần mới bỏ được những chấp ngã của cá nhân, mới tạo được sự phát triển thêm lớn mạnh cho tập thể và thân tâm mình cũng được tự tại.

Đi vào mùa Sen nở và tinh thần Bi - Trí - Dũng thâm ngôn bất di bất dịch của người Phật Tử Việt Nam. Tôi sơ lược kể cho các em nghe về một vài vị Vua nước Việt đã dựa vào tinh thần đó để trị quốc, tác dụng đã làm cho quốc gia thái bình, dân sinh an lạc, Phật Pháp hưng thịnh. Đánh dấu cho thời kỳ đạo Phật được phát triển mạnh nhất và cũng để chứng minh cho Pháp Phật rất thực tiễn lẫn nhiệm màu.

☐ ĐỜI TRẦN

- Triều Lý bắt đầu suy sụp. Sau Lý Cao Tông, Lý Huệ Tông (1211 - 1225) ngại vàng được chuyển xuống cho Lý Chiêu Hoàng (Huệ Tông không có con trai nên lập con gái thứ là Chiêu Thánh Công Chúa lên kế vị) và cũng vì vậy mà nhà Lý mất nước.

- Trần Thủ Độ chấp chưởng binh quyền, tử thông với Thái Hậu, mưu cho cháu là Trần Cảnh vào chầu Chiêu Hoàng, rồi cho lấy Chiêu Hoàng và lên ngôi vua. Xung là Trần Thái Tông (1225-1258).

Nhưng Chiêu Hoàng không có con để nối nghiệp cho vua nên Thủ Độ ép Thái Tông giáng Chiêu Hoàng xuống làm Công Chúa và bắt Thái Tông lấy chị dâu (vợ Trần Liễu, anh ruột của Thái Tông, lúc đó đang mang thai) là Thuận Thiên Công Chúa (Thuận Thiên Công Chúa cũng là chị ruột của Chiêu Hoàng).

Sự việc này làm cho vua Thái Tông buồn khổ, ray rứt bất an, nên đã lên bỏ ngại vàng lên núi Yên Tử xin xuất gia học đạo giải thoát.

Hay tin, Trần Thủ Độ liền đem các quan lên núi khẩn thiết tìm mọi cách đón

vua về kinh chấp chánh. Thế theo lời khuyên của Quốc Sư Trúc Lâm. Thái Tông bắt đầu dĩ phải trở về Thăng Long để làm vua cho hoàn thành trách nhiệm của một người cai trị đất nước và của một Phật Tử thâm hiểu đạo Thiền, áp dụng vào đời sống bản thân và truyền bá vào quần chúng trong xã hội.

Vua cũng đã thân chinh làm tướng chỉ huy quân xông vào trận địa để dẹp tan quân Mông Cổ sang đánh nước ta năm 1257, đem chiến thắng đầu tiên về cho đất nước.

Qua lịch sử, vua Trần Thái Tông đã chứng minh là một ông vua vừa đạo đức vừa anh hùng, biết đem Bi - Trí - Dũng áp dụng vào đời sống cho mình và làm nền tảng truyền lại cho các triều đại nhà Trần về sau.

Năm 1258, vua Thái Tông nhường ngôi cho con là Thánh Tông để lên làm Thái Thượng Hoàng. Từ đây Thái Tông vừa làm cố vấn cho con trong việc trị nước, vừa nghiên cứu tu Thiền, truyền bá đạo pháp, xiêng dương pháp môn niệm Phật cho đại đa số quần chúng Việt Nam, rồi lui về lập am Thái Vi ở rừng núi Vi Lâm tại cố đô Hoa Lư để tu hành và mất năm 1277.

Về sau con cháu nhà Trần luôn luôn tiếp nối sự nghiệp của tiền nhân như các vua: Trần Thánh Tông (1258-1278), Trần Nhân Tông (1279-1293), Trần Anh Tông (1293-1314) v.v... Nhất là Trần Nhân Tông vị vua thứ 3 đời nhà Trần lên ngôi năm 1279. Vị vua nhân đức và thương yêu dân như con, nhưng cũng rất sáng suốt và can đảm, quả quyết trước mọi tình thế khó khăn. Nhờ vậy mà vua đã leo lái quốc gia ra khỏi hai cuộc xâm lăng khủng khiếp của giặc Mông Cổ làm cho nước nhà giữ vững được nền tự chủ và thịnh trị lâu dài.

Trong đời vua Trần Thái Tông thì có Trần Thủ Độ là một kiệt tướng, tuy đã làm việc bất chánh khó chấp nhận được như giáng Chiêu Hoàng xuống, bắt chị dâu lấy Thái Tông, nhưng tất cả đều vì quốc gia, dân tộc. Đặt quốc gia, dân tộc lên trên và trọng đại hơn cá nhân. Với câu nói: "*Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo*" đã làm cho Thái Tông yên lòng, khi quân Mông Cổ khí thế hùng mạnh sang đánh nước ta năm 1257. Trần Thủ Độ là một nhà chính trị lẫn quân sự lỗi lạc, có cái nhìn của người lập quốc, không tham quyền hay cố vị.

Còn về đời vua Trần Nhân Tông thì có Trần Hưng Đạo. Năm 1284, có tin giặc Mông cổ đang chuẩn bị giả tiếng mượn đường đi đánh Chiêm Thành để sang xâm lăng nước ta, cử Thoát Hoan làm Thống Soái đại quân. Vua Nhân Tông có ý lo cho quân ta chống cự không nổi nên sai Sứ

sang Tàu xin hoãn binh để thương nghị. Nhưng vua Mông Cổ không nghe. Vua Nhân Tông thấy vậy nên lập tức triệu tập các bô lão dân gian hội lại tại điện Diên Hồng để bàn xem nên hòa hay nên chiến. Các bô lão đều đồng thanh quyết định "nên chiến". Vua thấy tất cả nhân dân đều một lòng như vậy Ngài rất tin tưởng nhưng động lòng thương xót, vì sợ cho dân tình sẽ khổ sở bởi loạn lạc chiến chinh, Ngài mới đem nỗi lòng đó bày tỏ với Trần Hưng Đạo. Trần Hưng Đạo hiểu ý vua, khẳng khái đáp:

- Bệ hạ vì lòng thương dân mà nghĩ vậy. Còn tôn miếu, xã tắc thì sao? Nếu bệ hạ muốn hàng giặc, xin hãy chém đầu tôi trước đã.

Vua nghe lời trung liệt ấy trong bụng mỗi yên, bèn cùng với toàn quân, toàn dân, một lòng chống giặc. Chỉ trong vòng nửa năm sau đuổi hết quân giặc ra khỏi bờ cõi. Và mộng xâm lăng báo thù của quân Mông Cổ lần thứ hai, 2 năm sau đó cũng bị dẹp tan bởi nhờ ý chí sắt đá của vua và quân dân nhà Trần.

Hưng Đạo vương đã biết đặt quyền lợi của xã tắc lên trên mỗi tư thù (vì Hưng Đạo vương là con của An Sinh vương Trần Liễu, cháu gọi Trần Thái Tông (Trần Cảnh) là chú).

Chung thủy suốt bốn đời vua Trần Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông đến Anh Tông. Quyền binh trong tay, công lao trùm đời mà không bao giờ vương có ý cậy công để kiêu căng làm loạn nước.

Tướng tự như Trần Thái Tông. Vua Trần Nhân Tông còn là một bậc Đại Cao Tăng, một vị Thiền Sư đã sáng lập ra dòng Thiền Trúc Lâm của nước ta. Ngài mất năm Mậu Thân (1308) (*)

Đọc qua đoạn lịch sử trên các em thấy rằng nó đã có một ảnh hưởng tốt đẹp bắt nguồn từ người dẫn đầu (vua Trần Thái Tông). Do đó các vị vua kế tiếp đời nhà Trần đồng chủ trương đi theo triết lý nhà Phật nên đều có thiện tâm và trí, dũng. Và đó cũng chính là châm ngôn của Gia Đình Phật Tử chúng ta, các em cần phải học hỏi để thực hành. Dù rằng nó không thành đại nghiệp như các vị vua, tướng đời nhà Trần, nhưng ít ra nó cũng đem lại sự hữu ích cho bản thân, đáp ứng được phần nào cho quê hương, dân tộc và đạo pháp về tu thân và bảo tồn văn hóa, tập tục v.v...

Thân ái cùng các em.

(*) Tham khảo Anh Hùng Nước Tôi của cố sử Đông Tiến (MTQG TNGPVN) và Thành Ngữ Điển Tích của Diên Huống.

Việt Sử Bằng Tranh

HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG

SOẠN GIẢ :
BẢO VÂN BUI VĂN BẢO
HỌA SĨ :
NGUYỄN ĐỒNG
&
NGUYỄN THỊ HỢP



1. Ngày xưa, đã mấy nghìn năm rồi, Kinh Dương Vương, vua nước Xích Quỷ, lấy Lạc Long Nữ là con gái thần Động Đình Hồ. Hai người sinh được một con trai đặt tên là Sùng Lãm, hiệu Lạc Long Quân. Lạc Long Quân nòi rồng, thích bơi lội ở dưới nước lại rất khỏe mạnh. Lạc Long Quân nổi nghiệp cha, cai quản đất Lạc Việt.



2. Đất nước Lạc Việt lúc này còn hoang vu, nhiều nơi có ma quỷ hiện ra làm hại dân. Ở vùng biển Đông có con cá lớn, sống đã lâu đời gọi là Ngư tinh. Ngư tinh thường há miệng thật lớn nuốt gọn cả một chiếc thuyền đánh cá cùng nhiều người một lúc. Việc này làm cho dân ven biển làm nghề đánh cá, rất lo sợ.



3. Được tin này, Lạc Long Quân đứng trên thuyền lớn, tay cầm cây đinh-ba nhọn, ra biển tìm cách trừ Ngư tinh. Gặp con cá quái ác, Lạc Long Quân dùng hết sức mạnh, phóng ngọn đinh-ba vào mõm nó. Ngư tinh bị đau, cố sức vùng vẫy làm nước biển bắn tung tóe. Tiện tay Lạc Long Quân dùng gươm chặt luôn đầu Ngư tinh để trừ họa cho dân.



4. Đến miền Long Biên lại gặp con cáo chín đuôi, gọi là Hồ tinh. Con cáo này ban đêm thường ở trong hang bò ra đi bắt trẻ con về ăn thịt. Lạc Long Quân liền dùng chỉ ngũ sắc (năm màu) bện lại thành dây thông lọng, đem đặt ở cửa hang. Khi Hồ tinh bò ra liền bị dây xiết chặt vào cổ. Hồ tinh vùng vẫy cố thoát ra không được, đành chịu chết.



5. Rồi Long Biên lên Phong Châu là miền núi, Lạc Long Quân lại gặp một cây thông rất lớn. Vì đã sống trên một nghìn năm, nên cây thông này đã hóa ra Mộc tinh. Đêm tối, Mộc tinh thường biến hình thành người vào các thôn xóm, bắt trâu bò, gà vịt về ăn. Lạc Long Quân dùng cây rìu thật lớn, tự tay chặt cây. Cây đổ, Mộc tinh cũng chết theo.



6. Trừ xong ba loài yêu quái này, Lạc Long Quân lại dạy dân cách cấy lúa nếp. Lúa chín gặt về, được đem xay, giã thành gạo. Gạo được đổ vào ống nứa lán với nước lã. Sau lấy lá chuối nút chặt ống nứa lại rồi hồ nướng trên đồng lửa. Một lúc sau, đem chẻ ống nứa ra là sẽ có cơm ăn rất ngon. Cơm nếp nấu theo kiểu này gọi là cơm lam.



7. Thuyền đi đánh cá đều được vẽ hai con mắt lớn ở hai bên mũi. Người đi đánh cá lại được vẽ trên lưng hình một con vật rất hung dữ đang nhe răng, giò vuốt ra. Lạc Long Quân bảo rằng làm như thế để khi lặn xuống dưới nước, các con vật khác sợ mà không dám tấn công. Nhờ thế mà dân chúng khắp nơi đã biết làm ruộng và đánh cá để sống.



8. Lúc bấy giờ vua Đế Lai cùng con gái là Âu Cơ từ phương Bắc xuống chơi thăm phương Nam. Thấy Lạc Long Quân khỏe mạnh lại giỏi bơi lội, Đế Lai liền gả con gái cho chàng. Đôi trai tài, gái sắc làm lễ thành hôn. Dân chúng trong vùng rất vui mừng. Họ nháy, múa, ca hát để chúc mừng cặp vợ chồng trẻ. Cuộc vui chơi kéo dài tới ba ngày...



9. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ được một năm thì Âu Cơ có mang (có bầu). Đến ngày sinh, dân chúng kéo đến nhà Lạc Long Quân làm giúp. Người đun nước, người may áo, may tã (lót). Nhưng khi bà đỡ đem ở phòng ra thì chỉ là một bọc lớn chứ không phải em bé.



10. Cái bọc ấy cứ lớn dần... lớn dần. Bày ngày sau thì bọc tự nhiên nứt ra thành một trăm trứng. Tiếp theo đó mỗi trứng nở thành một chú bé trai rất xinh đẹp. Lạ nhất là một trăm chú bé trai này đã biết đi ngay và chạy lại bên mẹ.



11. Âu Cơ và Lạc Long Quân đêm ngày săn sóc cho một đàn một trăm con mà không biết mệt. Dân chúng trong vùng thay nhau đem trái cây và cơm lam đến cho lũ trẻ. Chúng hay ăn, chóng lớn như thổi. Chẳng mấy chốc, một trăm chú bé đó lớn bằng cha.



12. Tuy đã có vợ con nhưng Lạc Long Quân lúc này thường vắng nhà luôn. Chàng hay xuống thủy cung (cung điện ở dưới nước) để thăm mẹ là Long Nữ. Âu Cơ ở nhà mãi cũng buồn. Nàng thường trách chồng là không để ý săn sóc các con.



13. Lạc Long Quân nói: "Ta thuộc nòi giống rồng, thích ở dưới nước, còn nàng thuộc giống tiên nên thích ở trên cạn. Như vậy không thể ở với nhau lâu được. Bây giờ ta chia nhau, nàng đem 50 con lên núi, ta đem 50 con xuống biển là tốt hơn cả..."



14. Từ đó, Lạc Long Quân và Âu Cơ chia tay nhau, kẻ lên sinh sống ở miền rừng núi, người xuống miền ven biển để làm ăn, thành ra Tổ tiên giống Lạc Việt. Người con trưởng ở lại Phong Châu, làm vua đất Văn Lang tức là Hùng Vương. Do đó, người Việt đều là con rồng cháu tiên.

CON THỎ VÀ CON HỔ

● Thanh Bình

Một hôm, hổ đi chơi gặp thỏ đang treo cây ăn mật ong, hổ đứng đón dưới gốc, trừng mắt bảo thỏ:

- Mày đừng có hùng chạy nữa nhé! Tao tìm mày lâu lắm rồi. Muốn tốt xuống đây nạp mạng!

Thỏ bèn dùng kế hoãn binh:
- Ông làm ơn cho tôi đánh một hồi trống rồi tôi xin xuống để ông bắt tội.

- Được.
Thỏ giơ tay giả làm điệu bộ đánh trống liên hồi vào tổ ong. Bấy giờ tiếng ong bay vù vù, văng vẳng có âm thanh phát ra làm cho hổ nghe tưởng là trống thật. Thích quá, hổ bảo thỏ:

- Mày cho tao đánh với.
- "Ông đánh cũng được thôi", thỏ đáp, "nhưng có điều, ông mà đánh thì tôi sẽ điếc tai long óc mắt. Vậy ông làm ơn để tôi đi thật xa đây đã, bao giờ không nghe tiếng hú của tôi nữa thì hãy đánh".

Thế là hổ ta quên mất việc trị tội thỏ, để cho thỏ nhay xuống chạy trốn mất. Khi không còn nghe tiếng hú, hổ mới trèo lên cây, đánh mạnh vào tổ ong. Tổ ong vỡ ra, cả bầy ong xông tới đốt cho hổ tối mày tối mắt. Hổ kinh hoàng, sẩy chân rơi xuống đất, đau điếng cả người. Nhưng ong vẫn không tha, hổ chạy đến đâu chúng đuổi theo đến đó, đốt cho mặt sưng húp mới chịu thôi. Hổ biết là mắc mưu thỏ, giận bầm gan tím ruột.

Hôm khác hổ tình cờ gặp lại thỏ đang đứng bên bụi tre, hổ chặn đường thét:

- Mày làm ông khốn nạn bao nhiêu phen rồi! Thôi, đứng đó cho ông trị tội.

Thỏ nghĩ ra được một kế khác, nói:
- Ông hãy cho tôi gày một khúc đàn cho ông nghe đã, rồi tôi sẽ để ông bắt tội. Tôi không dám trốn đâu mà ông lo.

Hổ bằng lòng. Thỏ liền nhay lên bụi tre giả làm như cách gày đàn. Kỳ thực, lúc nào gió thổi hai cây tre sắp sập vào nhau thì nó

rút chân ra, lúc hai cây tre rời nhau thì nó rút chân vào.

Tiếng tre cọt két làm vui tai hổ, cho nên hổ lại bảo thỏ:

- Mày để cho tao gày một lúc chơi.
Thỏ nói:
- Ông cứ gày tùy thích, nhưng chơi cho khéo, kẻo hỏng mất đàn của tôi đi!

- Mày dạy tao cách gày thế nào đã.
- Tay ông to quá đánh hỏng đàn mất. Vậy ông hãy đánh bằng đuôi thì tốt hơn. Đây này! Cứ lúc nào hai cây tre rời nhau thì ông cho đuôi vào giữa, thế là nó bật thành tiếng nghe rất thú. Nhưng ông hãy chờ cho tôi đi xa đây đã.

Nói rồi thỏ nhay xuống, ba chân bốn cẳng chạy mất. Còn hổ làm đúng như lời của thỏ, bị tre nghiêng đứt mất một khúc đuôi. Hổ đau đớn không thể nói hết, kêu rống vang trời, trông bộ dạng rất thảm nã. Hổ quyết bắt cho được thỏ, xé xác ra mới hả dạ.

Bẵng đi một ít lâu, hổ lại gặp thỏ. Nhưng lần này đang lúc thỏ vô ý sa xuống một cái hố sâu không làm sao lên được. Thấy mặt hổ, thỏ vội gọi:

- Trời ơi! Ông còn chưa biết ư? Mau lên, không thì nguy khốn đến nơi rồi!

Hổ nghe nói thế, cuống lên, hỏi lại thỏ:
- Thế nào? Nói mau!

- "Ông ơi" Thỏ đáp, ông có thấy gió thổi ào ào, cây cối rung chuyển đổ không?. Đó là dấu hiệu trời sắp sập rồi. Chỉ còn một cách nhay xuống đây mới có thể thoát được mà thôi!"

- Thật thế à? Cho tao xuống với nhé!
- Ông xuống ngay đi! Ở lại trên đó là chết bẹp xác.

Thế là hổ không suy nghĩ gì nữa, nhay ngay xuống hố sâu, trong lòng lo ngay ngáy, không còn nghĩ gì đến chuyện trị tội thỏ nữa. Thấy thế, thỏ tìm cách chọc hổ chơi. Bèn dùng tay cù vào nách hổ. Hổ không chịu được lối đùa nghịch của thỏ, mắng:

- Yên! Mày nghịch như quỷ ấy! Nếu còn như thế nữa tao sẽ không đánh mày, mà quăng mày lên trên kia, cho trời sập đè bẹp xác.

Thỏ chỉ yên lặng được một chốc rồi lại lên tới cù hổ. Túc mình, hổ nắm lấy hai chân thỏ vút lên miệng hổ. Thỏ đắc mưu, chạy một mạch vào làng báo cho mấy ông thợ săn biết. Lập tức họ vác cung tên, giáo mác, đến hố giết chết hổ, quây về xa thị.

Thanh Bình (Suisse)

Vườn Thơ Viên Giác

□ PHÙ VÂN phụ trách

Những Dòng Lục Bát

Cuối xuân, đầu hạ. Ánh trăng vàng vờ chiếu vào song cửa làm đón lạnh thêm nỗi niềm xa xứ. Thả hồn theo cuốn băng thơ của một người bạn mới cho, lòng tôi cảm thấy băng khuâng nhức nhối. Giọng ngâm cuốn xoáy vào trái tim, tiếng thơ nào nề buốt vào da thịt. Tiếng sáo cao vút nâng hồn lên chơi vơi trong khi tiếng hồ cầm lại trầm xuống trong tận cùng nỗi xót nhỏ khôn nguôi...

Tiếng thơ mang tôi về nơi xa mù quá khứ. Thơ mang hoài niệm về khung trời cố quận, thiết tha về lửa tuổi thanh xuân của một thời ước mơ xây dựng một tương lai huy hoàng. Tiếng thơ mang tôi về dòng sông tuổi nhỏ, nơi tôi đã nhiều đêm trầm mình trong dòng nước sóng sánh ánh trăng.

Thuở đó tôi đã buông trôi theo dòng nước để nghe cái lạnh lảng lảng thấm vào da thịt. Giở đây tôi phải bôn ba theo dòng đời, nổi trôi theo mệnh nước trên cuộc sống tha hương. Tôi cũng buông trôi tâm hồn, trầm mê với tiếng thơ hay tôi đang phiêu hốt trên mấy tầng cao của hoài tưởng. Tiếng thơ hình như đang len vào ngõ ngách của vết thương quá khứ vừa mới liền da. Vui buồn, vinh nhục chung cuộc cũng chìm vào trong tiềm thức để một ngày trời dậy đánh thức lương tri, nhắc nhở chúng ta đừng quên cội nguồn, đừng quên bốn phận đối với tổ quốc.

Băng thơ thật buồn. Tiếng thơ khắc nghiệt quặn quai đẫm ướt nước mắt tù hờn, xót thương. Tiếng thơ vơi vợi giữa đêm trăng. Ôi những đêm trăng tròn mùa hạ, thuở còn đi học, tôi thường được nghe tiếng ngâm thơ của một vị hàn nho lỗ vận bên cạnh nhà. Tuổi trẻ của tôi đã dần dà làm quen hay bị tiêm nhiễm với những truyện thơ: Phạm Công Cúc Hoa, Thoại Khanh Châu Tuấn, Trần Minh Khố Chuối, Thạch Sanh Lý Thông, Lục Vân Tiên, Kim Vân Kiều, mà thơ đi vào tiềm thức khó quên:

...
*Đàn kêu tích tịch tình tang
Ai đem công chúa dưới hang lên lầu*
(Thạch Sanh - Lý Thông)

...
*Kim Liên ơi hỡi Kim Liên
Đấy xe cho chị qua miền Hà Khê*
(Lục Vân Tiên)

...
*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*
(Kim Vân Kiều)

Hồi còn thơ dại ta thường ngủ say trong lời ru ca dao của mẹ hay được nghe tiếng ru em à ơi vào những trưa hè nắng gắt trong râm ran tiếng ve sầu báo mùa phượng thắm, hay thả hồn theo tiếng ru con náo nê của những bà mẹ trong đêm trường thanh vắng, lời ru ngọt ngào diệu vợi nhằm gọi giấc ước vọng đã ngoài tầm tay với hay để thổ lộ tình huống lỗ làng:

...
*Đói lòng ăn nửa trái sim
Uống lúng bát nước đi tìm người thương*

...
*Có trâu mà chẳng có cau
Làm sao cho đỡ môi nhau thì làm*

Lục bát đi vào tâm hồn chúng ta bằng ca dao ngọt mềm từ lời ru của mẹ, từ những tiếng thơ của bậc cha anh, để rồi biến thành những cảm xúc, những rung động và từ đó ta có cơ hội đi vào thế giới thi ca.

*

Nhiều người đã đặt vấn đề với người cầm bút về tình yêu trong các tác phẩm. Có phải là phản ánh vóc dáng của những cuộc tình đã qua hoặc đang dở hay còn lưu dấu trong tâm tưởng? Có phải đó là những chuyện tình không thật do óc tưởng tượng của người nghệ sĩ? Thật hư, chón giả xin dành riêng cho văn nghệ sĩ một khung trời tự do để sáng tác. Họ sống với

tác phẩm, hòa mình vào nhân vật, vui buồn với từng cảnh huống. Tình trong thơ vẫn, không hẳn chỉ là tình yêu trai gái, mà còn là tình yêu dân tộc, tình yêu quê hương. Những dòng lục bát được trích dẫn sau đây, ngoài tình yêu còn thêm nỗi xót xa thân phận của những người đang sống cuộc đời vông lữ.

Thi hữu Đan Hà cũng đã gần hai thập kỷ lưu lạc xứ người. Bằng những dòng lục bát miên man sầu thương tiếc nhỏ, anh chợt thấy lòng mình quạnh hiu vào những chiều trống vắng mênh mông. Lấy rượu giải khuây để chỉ thấy mình thêm phiêu linh với ngọn nguồn cổ xứ. Phải chăng tình huống của anh cũng chẳng khác gì thi hào Lý Bạch đã "lấy rượu tiêu sầu, sầu càng sâu; lấy gươm chém nước, nước trôi mau".

*Ngồi đây ngước mắt nhìn trời
Thấy mênh mông những chiều rơi xuống
hồn
Chợt buồn hiu quạnh cô thôn
Chợt thương tuổi nhỏ ngọn nguồn đã trôi
Vắng xa mấy dặm mù khơi
Riêng lòng bằng giá một đời đi hoang
Nghe trong câu hát võ vàng
Rừng xưa đã chết mấy ngàn mây qua*

...
*Rượu buồn rót mãi điều linh
Chảy nghiêng tâm sự trong bình đã vơi
Khi ta ngồi lại với đời
Tạm vui rót một đôi lời cùng nhau
Trăng khuya đã chéch mái đầu
Hồn đờn rót lạnh xuống sầu băng khuâng*
(Bằng Khuâng)

Trong nỗi thao thức xót xa của người lưu lạc, ta cảm thấy thân phận mình cũng chẳng khác gì những cánh chim di ước mong có ngày quay về tổ ấm. Thế còn chúng ta, những người triu nặng ưu tư "chim xa bầy còn thương cây nhỏ cội, người xa người tội lắm người ơi". Người còn đó, thân nhân-bạn bè-chiến hữu còn đó. Cuộc đấu tranh diễn biến hòa bình ở quốc nội vẫn còn sôi sục. Cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ đa nguyên ở hải ngoại vẫn còn tiếp diễn, nên chúng ta vẫn còn hy vọng có ngày trở về. Thiết tưởng chúng ta không quá bi quan về tương lai, đeo đẳng nỗi buồn quá khứ, buông xuôi cuộc đời theo dòng thời gian, như trong một thoáng muộn phiền, Đan Hà đã yếu lòng tự hỏi: "Ngày mai biết đến nơi chốn về?":

...
*Đã khuất rồi những bóng chim
Bao năm bay lạc mong tìm chốn xưa
Sao người để lạc câu chờ
Theo bao dòng nước vẫn hững hờ trôi
Biết mai trong cuộc đời
Còn tìm lại được nụ cười dưới trăng*

Xa xôi nên mới biết rằng
Lòng thương nhớ đã giá băng mất rồi

...
Đã lâu không biết mình còn
Để ngoài vạn dặm nỗi buồn chưa với
Đến nay đời vẫn buông trôi
Ngày mai không biết đến nơi muốn về
Dù đời còn vẫn nhiều khê
Dù đường đời vẫn ê chề nỗi đau
Chỉ mong cho đến mai sau
Đùng mang theo mãi nỗi sầu đã xưa.
(Thiết Tha)

Nỗi sầu đã xưa, nghe thiết tha lắm như những dòng lục bát nhẹ nhàng quấn quít những bước chân khi ta biết một lần ra đi là miền viễn không về, như tháng năm dài lênh đênh trên sóng nước mới thấy được con nước đầy với, như con nhện suốt đời miệt mài giăng tơ, như con sâu đo hoài đo mãi cuống lá, như tấm lòng quận thắt nỗi buồn khi ta phải rời xa nguồn cội. Có ra đi mới thấy được lòng luyến nhớ quê hương:

...
Có đi mới biết đường dài
Lênh đênh mới biết sông đầy lại với
Đi xa mới thấy cuộc đời
Buồn như con nhện miệt mài giăng tơ
Như trên cành lá sâu đo
Đến cùng cuống lá lại bò vào trong
Thấy trời thấy đất mệnh mông
Thấy mình nhẹ tựa nỗi lòng cô đơn.
(Tâm Sự Người Đi)

Sau thời gian đi tù cải tạo trở về và khi va chạm với thực tế, tôi mới thấy nhân dân Miền Nam Việt Nam đã không bao giờ trở thành "con người mới xã hội chủ nghĩa". Họ luôn luôn tìm cách mĩa mai chế độ. Trong khi đó chính quyền lại muốn tìm cách đẩy dọa kim kẹp người dân. Tôi có cảm tưởng mình sống rất xa lạ trên chính quê hương mình, thấy lòng "nhẹ tựa nỗi buồn cô đơn", buồn như "tâm sự người đi", người đã xa lìa cố quận. Những đêm thơ nhạc "hát chui" trong những căn nhà kín cổng cao tường hoặc ngay trong chính những căn hộ của thành phần cán bộ đã sớm "hủ hóa", tôi được sống lại trong thế giới huyền mộng, diễm ảo của quá khứ. Có khác chăng là chúng tôi trầm mình trong nỗi muộn phiền nuôi tiếc dĩ vãng. Ở đó về đêm, tôi thường nghe lại những khúc ca tiền chiến với những giọng ca ngọt ngào như thấm mật vào môi. Lời ca có khi dịu mềm như tổ liễu, có khi êm đềm như mặt nước hồ thu, có khi xót xa như cuộc tình tan vỡ, có khi cay đắng như thân phận người. Lời ca đi ta đến một thế giới xa lạ, một cõi hư không vô tận để ta quên đi cuộc sống hiện tại đây ải không tìm thấy tương lai. Lời ca có khi nâng ta bay bổng

trên mấy tầng không, nâng lên thật cao, thật xa- xa hẳn thế giới đầy thù hận, đầy đau thương. Tôi ngỡ mình tan đi trong khung cảnh huyền ảo, quên mất cuộc sống hiện tại phức tạp nhiều nhường không cùng. Giọt đậm của cây đàn tây ban cầm nhu hòa, rồi chợt nâng lên cao vút như vết thương bật máu buốt xé làn da. Tiếng đàn vĩ cầm rung lên ni non, có khi cuốn xoáy vào không gian tĩnh lặng. Lời ca, nhạc đậm như con trốt vô hình quấn quít lấy nhau, rồi cuối cùng tan biến trong im lặng đầy trầm mặc như mình có cảm nhiệm đã đánh mất quê hương hay nỗi đau khi phải đoạ lìa đất tổ...

Bây giờ làm kiếp lưu dân, trách sao chúng ta không khỏi ngậm ngùi trái lòng mình hướng vọng về quê hương, về tình tự dân tộc, về những yêu dấu đã mất:

Muốn tìm lại những tấm lòng
Vẫn tha thiết với non sông của mình
(Tha Thiết)

...
Đi xa mới thấy quê hương
Đẹp như Kim Trọng vừa thương Thúy Kiều
Như em tuổi mới biết yêu
Hồn trong trắng tựa mây chiều đong đưa
Muốn về kéo ngại trời mưa
Vi quên đem nón bài thơ đội đầu
(Tâm Sự Người Đi)

Chất nghệ sĩ vốn tiềm tàng trong mỗi chúng ta, dòng máu trữ tình muôn thuở vốn là chất liệu nuôi ta trưởng thành. Thế cho nên ta không thấy gì lạ khi Đan Hà viết những lời thơ dung dị dễ thương gợi nhớ về một bóng dáng yêu kiều nào đó:

...
Thấy em giặt áo ven sông
Tóc xanh chày xuống mát lòng sông trôi
Bờ vai cánh hạc xa xôi
Bay trong tâm tưởng một đời không phai

Tóc xanh chày, dòng sông trôi. Tóc em là bóng mát làm dịu lòng sông, làm dịu cuộc đời. Có những giây phút thật an nhiên, có một thuở thật an bình, có một lần nhìn trộm bờ vai mà suốt đời mãi mãi không quên. Lãng mạn thế đó, nhưng rồi xảy ra cuộc đời, đá nát vàng phai. Có ai không ngậm ngùi nhìn lại quê hương lần cuối khi con thuyền trong đêm âm thầm rời bến! Có ai không khỏi chạnh lòng xao xuyên nghĩ về cố hương khi đến được miền đất tạm dung! Có ai không khỏi ưu tư trần trở hàng đêm về thân phận của người ly xứ!

...
Có đi mới biết nguồn cơn
Mỗi lần nhắc đến quê hương...xót thắm!
(Tâm Sự Người Đi)

...
Đẹp vô cùng tiếng quê hương
Tình dân tộc nghĩa yêu thương đồng bào
Tình quê yêu mến biết bao
Đến đâu rồi cũng không sao sánh bằng.
(Gia Tài Của Tôi)

Cách đây khá lâu, tôi có giới thiệu nhà thơ Nguyễn Văn Cường hay Nguyễn Thuồng Quê. Sau đó tôi nhận được thư của anh, nhờ tôi đính chánh lại, anh không phải là cựu Đại diện của Văn Phòng Bộ Phát Triển Nông Thôn tại Thị Xã Cam Ranh. Dịp này cũng theo yêu cầu của nhà văn Trần Thị Nhật Hưng, cũng xin ghi thêm vài dòng xác minh, chị Nhật Hưng chỉ là "phó đoàn sinh" trong Gia Đình Phật Tử tại Thụy Sĩ, chị chẳng giữ chức vụ nào cả trong Ban Huỳnh Trường GDPT tại địa phương này, mặc dù trước đây trong phần giới thiệu, tôi chẳng phong cho chị một chức tước nào. Xin đọc giả và chị Hưng, anh Cường hãy xá cho. Mô Phật!



Nguyễn Văn Cường - Na Uy

Về thơ của Nguyễn Văn Cường, nhất là thơ lục bát có nét dịu dàng của tổ liễu, có âm vang trầm mặc của suối đêm, có vẻ kiều mỹ huyền mộng của trăng khuya:

Leo núi ngắm trăng lũng trời
Chợt nhìn xuống biển trắng bơi giữa dòng
Giờ tôi đứng giữa hư không
Xa trông mây trắng chạnh lòng nhớ quê

Những đêm nhìn trăng sơn khê
Hồn vương thương nhớ trôi về phương đông
Nhà tôi xưa cuối cánh đồng
Có hương lúa trở thơm nồng tháng năm

Đêm qua tôi ngắm trăng rằm
Nay khuya có lẽ trăng nằm đọt tre

*Người thương dưới đám mây che
Trắng vào mười sáu có nghe thì thăm?*
(Khởi Dòng)

Thật tình tôi định không giới thiệu bài này vì tác giả mở đầu bằng câu thơ thất luật, mà câu đầu thường là bước chân dẫn vào nội dung. Nhà thơ định cứ ở cố đô Bergen, xứ núi nằm sát biển của Na Uy. Anh lên núi ngắm trăng và tưởng như mình đang đứng giữa hư không mây trắng phủ vây, thấy trăng chao động nhấp nhô "bơi" theo sóng nước, tự nhiên nổi nỗi niềm thương của mình cũng trôi về cố hương. Câu mở đầu, nếu được, đề nghị chỉnh lại: "Ngóng trăng, lên núi, lưng trời".

Ngoài ra câu lục "Những đêm nhìn trăng sơn khê" cũng là một câu thất luật, nhưng "thất luật có chủ ý" cốt làm cho nhịp điệu của câu thơ thêm thâm trầm hơn và làm cho câu bát kế tiếp "Hồn vương thương nhớ trôi về phương đông" có tiết điệu, cung bậc âm thanh mạnh hơn, đáng chú ý hơn.

Quê hương ẩn hiện trong thơ của Nguyễn Văn Cường qua hình ảnh hàng cau, mái chùa. Hình ảnh rất chung, rất quen thuộc với quần chúng:

...
*Mai về trông lại hàng cau
Cho hồn dân tộc thấm sâu mái chùa.*

Hai câu thơ này làm chúng ta liên tưởng đến nhà thơ Huyền Không, vị Thiền Sư nổi tiếng với:

*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông.*

Xóm vắng, đêm mưa, ánh trăng sùng nước ngoài ngõ tre. Có tiếng đàn trầm, nhỏ từng giọt rêu rất giữa khuya. Chén tri âm đã cạn. Thôi chia tay. Người đã khuất vào dặm ngàn. Giờ chỉ còn tiếng quốc kêu ngoài bến vắng gọi nhỏ tình quê, tiếng chuông chùa trong sương mang lời kinh nguyện cho cuộc đường trình:

*Người đi xóm vắng mưa thưa
Ngõ tre nhòa nhạt trăng đưa nhuộm buồn
Nẻo về của ý lệ tuôn
Đàn ai rời rã cung buông giọt trầm
Âm thừa nâng chén tri âm
Bến sông quốc xẻ nỗi buồn dặm xa
Trái sầu rụng vỡ sơn hà
Sương rơi chuông vắng chùa nhà chở kính
Tiễn người từ thuở đường trình
Vườn hồng sen héo dần hình dáng xưa.
(Góc Vườn Không Tên)*

Tiễn người đi trong sương, trái sầu vỡ vụn. Hồng tàn. Sen héo. Người đi mang

theo tiếng quốc thờ than, mang theo nửa mảnh hồn thơ, nửa mảnh hồn đời:

*Mang thơ lên bán
thiên đàng
Vắng nghe tiếng quốc
thờ than giữa trời
Về thôi với mảnh trăng coi
Nửa hồn thơ
nửa hồn đời
cứ mang.*
(Nổi Bóng)

Người đi cứu mang nỗi buồn mát mát quê hương, kẻ ở đeo đẳng niềm thương nỗi nhớ. Tâm cảm của thi nhân còn thấm nhập sâu hơn vào thất tình, lục dục, nên cuộc chia xa với người mình yêu thương làm cho nỗi buồn xót xa trống vắng hơn. Lấy rượu giải buồn, nhưng nỗi buồn lại chìm sâu vào đáy cốc. Thôi đành. Người đã đi, con chim quen cũng đã xa bay, con phố nhỏ trở thành trống vắng, nên chỉ còn lại mình ta gối mộng nhỏ người:

*Người về ngõ ấy mù khơi
Buồn sâu đáy cốc cho tôi say nồng
Chiều qua phố cũ trống không
Chim quen cũng vút cánh hồng bay xa
Giờ đây chiếc bóng riêng ta
Mỗi đêm gối mộng lên tà áo xưa.
(Gối Mộng)*

Người thơ đã "mỗi đêm gối mộng lên tà áo xưa" để tìm hơi huộm của người mình yêu. Tú thơ làm chúng ta nhớ đến vua Tự Đức làm thơ thương tiếc một vị ái phi đã quá cố:

...
*Đập vỡ kính ra tìm lấy bóng
Khép tàn y lại để dành hơi
(Khóc Thị Bằng Phi)*

Lãng mạn, phóng dăng là bản chất của trời dành cho thi nhân, thêm với trí tưởng tượng phong phú, nên trong một lúc bốc đồng nào đó, người thơ muốn kết lưới tình để giăng bẫy vớt chị Hằng Nga về làm bầu bạn tình thơ:

*Đưa tay tôi vớt hương trời
Cậy người đan hộ cho tôi lưới tình
Đêm xuân trăng hẹn đầu đình
Tôi đem mảnh lưới trong mình ra giăng
Thế nào cũng dính cánh trăng
Bởi tôi quen lối chị Hằng rong chơi
Đợi làm mây Tết che trời
Tôi xâu gợn lưới gỡ mối mắc câu
Nổi mây thả xuống nhịp cầu
Dỗ trăng leo nấc tình đầu bằng thơ.
(Dỗ Trăng)*

Dù biết đó chỉ là chuyện không tưởng, nhưng thi nhân vẫn cảm thấy mình suồng sã với trăng. Trăng là của trời. Trăng của đời. Trăng không của riêng ai:

*Nghĩ mình suồng sã nên chẳng
Nửa đời ngậm nửa vành trăng của đời
Một vành trăng của bầu trời
Duyên chi lại tĩnh lặng ngồi đây ao
Đất trời đâu một ánh sao
Can chi lại phải trông nào cũng trông
Ai đời đi trốn nỗi buồn
Lên non lượm hạt mưa nguồn trông vui
Mai ngày chung lối ngược xuôi
Ngửa bàn tay hứng trái vui tặng người.
(Trái Vui)*

Rồi từ đó người thơ cảm nhiễm được triết lý sinh diệt của nhà Phật, không trốn tránh nỗi buồn, biết lặn xả vào đời để tạo nhân lành, để tìm niềm vui, rồi trao niềm đó lại cho người, để mong có ngày:

...
*Tôi chưa đắp ụ trồng cau
Mẹ chưa vội thả giầy trâu bò sang
Mai xuân mở hội chào làng
Góp công mình cấy chung hàng mạ xanh.
(Gặt Hương)*

Thơ lục bát của Nguyễn Văn Cường ngắn nhưng đầy tinh ý, có nhiều câu rất ý nhị và ý nghĩa:

*Ai đời lẩn trốn nỗi buồn
Lên non lượm hạt mưa nguồn trông vui.
...
Nhớ lần anh ướm nụ môi
Má em chín ửng giữa đôi mây xanh
...
Em ơi chỉ một buổi chiều
Mùi hương tàn mạn ít nhiều đời anh
...
Đêm nay nhớ mẹ thật nhiều
Gió lồng trong mộng cánh điều tung bay.*

Trong lồng lộng tiếng sáo điều nhỏ quê, tôi nhận được thư và bài của Nguyễn Thị Hoa. Cái tên bình thường của người con gái Việt Nam. Cái tên chung của những loài hoa, không cầu kỳ, kiêu sa. Cái họ tên này có thể trùng hợp với rất nhiều người, nhưng thơ của Nguyễn Thị Hoa thì lại khác.

Bốn năm trước đây tôi nhận được bài thơ mang chữ nỗi niềm thao thức về quê hương, xót xa về thân phận của người ly xứ. Thơ mang nặng ưu tư của lớp người bị kỳ thị màu da chúng tộc. Thơ của Nguyễn Thị Hoa. Tôi chọn đăng trên báo Viên Giác. Rồi sau đó biệt vô âm tín. Tôi nghĩ, đã có nhiều biến chuyển không thuận lợi

cho chị Hoa nói riêng hay cho những người đồng hướng tử Đông Âu đến xin tỵ nạn tại Đức mà những khó khăn, ràng buộc, áp bức do Hiệp định Hồi hướng đã được ký kết giữa hai chính phủ Đức và Việt Nam có thể bắt chọt trút xuống trên thân phận của bất cứ người nào.



Nguyễn Thị Hoa

Chị Nguyễn Thị Hoa sinh năm 1969 tại Hà Nam Ninh, học bậc trung học tại Hải Hưng theo lớp năng khiếu văn và tốt nghiệp Trung Học Phổ Thông. Trong thời gian đăng ký dự thi vào Đại Học Văn Khoa, chị theo học lớp Cơ điện Bắc Thái. Nhờ đó chị có đủ tiêu chuẩn đi hợp tác lao động ở Nga về ngành dệt, từ năm 1987 đến cuối năm 1991 và trở về Việt Nam vào đầu năm 1992. Sau đó chị lại tìm cách rời bỏ quê hương theo lộ trình Tiệp-Đức. Thư chị viết cho tôi có đoạn rất chân thành tha thiết: "... Bốn năm ở Nga tôi được chứng kiến đầy đủ sự suy sụp của chủ nghĩa cộng sản. Từ đó dần dần tôi đã hiểu được thế nào là xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, thế nào là đa nguyên đa đảng. Hết bốn năm nghĩa vụ, tôi trở về tổ quốc. Tôi không khỏi kinh ngạc khi nhìn thấy đất nước đã thay đổi. Những ngôi nhà cao tầng mọc san sát với đủ các kiểu kiến trúc Tây phương. Tôi vui mừng đến ngỡ ngàng và sung sướng tột độ khi thấy đất nước nhanh chóng đổi thay. Nhưng chỉ một tuần sau tôi đã nhận rõ bộ mặt thật của đất nước. Một xã hội đảo điên. Người chân chính có học bị sa thải. Người lương thiện nghèo khổ có hạn hơn mười lần trước lúc tôi ra đi. Còn những kẻ quyền cao chức trọng và những kẻ bất lương sống sung sướng hơn cả vua chúa ngày xưa. Chính vì thế mà tôi đã bỏ tổ quốc ra đi...".

Chị Hoa đến Đức và xin tỵ nạn vào tháng 6.1992. Hiện chị đang sinh hoạt trong một đảng phái chính trị nhằm tranh đấu cho tự do dân chủ đa nguyên và chống lại chế độ độc tài đảng trị của Cộng Sản Việt Nam. Cùng với những người cùng chung chí hướng, chị đã tham gia các cuộc biểu tình mít tinh, tuyệt thực ở Âu Châu để chống lại cộng sản đàn áp tôn giáo tại Việt Nam.

Thế cho nên người ở phương Tây mà lòng hướng vọng về phương Đông. Người ở đây mà hồn phách ở quê hương. Quê hương trong lòng người đi thiết tha như biển rộng trời cao. Quê hương hòa trong dòng máu, thấm vào da thịt. Quê hương mãi mãi trường tồn trong tiếng mẹ à ơi. Vì thế những lớp người như Nguyễn Thị Hoa đã ra đi, đã thấy được cuộc sống tự do dân chủ ở xứ người và đã một lần trở về để chứng kiến những cảnh đọa đày áp bức bất công ở quê hương, họ mới nhận thức được chính sách tuyên truyền xảo trá và sự lừa bịp dối gian của đảng.

Gần 45 năm trước, nhà thơ quá cố Trần Dần đã viết bài thơ cực kỳ "phản động" "Nhất Định Thắng" để tố giác chế độ cộng sản Việt Nam mà cờ đỏ sao vàng chỉ đem lại thảm trạng nghèo đói, cờ cực cho nhân dân miền Bắc:

...
*Tôi bước đi, không thấy phố, không thấy nhà
 Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ*

Rồi 45 năm sau, khi cưỡng chiếm miền Nam vào tháng 4.1975, thống nhất đất nước trong máu và nước mắt, cờ đỏ sao vàng thêm lần nữa gieo thảm trạng kinh hoàng trên toàn cõi Việt Nam, Chị Hoa viết:

...
*Ai đem cờ đỏ sao vàng
 Máu dân vận nước tính toán riêng mình*

Lục bát của Nguyễn Thị Hoa không có những ngôn từ hoa mỹ, chỉ sử dụng những từ thông thường dễ hiểu, quen thuộc với cuộc sống dân gian nên dễ thấm nhập vào quần chúng:

*Quê hương tình nghĩa thiết tha
 Sâu hơn biển rộng, bao la hơn trời
 Quê hương dòng máu mỗi người
 Thấm làn da thịt, ngọt lời mẹ ru
 Quê hương là những chiều thu
 Quê hương là những phong thư tỏ tình
 Quê hương mỗi sáng bình minh
 Cho ta tất cả niềm tin vào đời
 Quê hương ơi! Quê hương ơi!
 Ai gieo thảm cảnh ngất trời Việt Nam
 Ai đem cờ đỏ sao vàng*

*Máu dân, vận nước tính toán riêng mình
 Muôn dân trong cảnh điêu linh
 Tiếng oan dậy đất, bất bình trời cao
 Hỏi trời có bấy nhiêu sao
 Thi dân nước Việt có bao nhiêu sầu!
 (Việt Nam, Quê Hương Ơi)*

Trong mỗi sầu chung miên man vô tận, một lần nào đó người thơ đã ngậm ngùi tiễn người yêu lên đường. Nợ nước, tình nhà. Tình riêng và nghĩa chung. Hôm tiễn đưa trong mưa. Mưa không dứt. Nước mắt lúng tròng. Có sao mình lại khóc. Hãy để cho chàng yên tâm dẫn thân tranh đấu cho đại cuộc, chống lại chế độ cộng sản vô nhân. Hãy để cho chàng lưu dấu những kỷ niệm êm đềm. Mất môi này, bờ vai mái tóc đó sẽ là hành trang quần quít người đi trên những dặm dài tranh đấu:

*Hôm nào em tiễn anh đi
 Giọt mưa thánh thót, hàng mi nghẹn ngào
 Bờ vai nhỏ nhắn hanh hao
 Làn môi, nét nhớ đọng vào con tim
 Đời trai không mãi cánh chim
 Bay xa ngàn dặm đi tìm tương lai
 Giang sơn nặng gánh đôi vai
 Mong em nơi ấy chớ phai lời thề
 Diệt xong cộng sản anh về
 Cho tình phụ tử, phu thê vẹn tròn
 Cùng nhau lấp biển san non
 Quyết không hổ thẹn cháu con tiên rồng.
 (Đôi Lời Cho Em)*

Khi chàng lên đường lo việc nước non, người thơ cũng xin đi hợp tác lao động để tính chuyện tương lai. Thấm thoát mười năm xa quê, xa mẹ. Nỗi buồn tha hương ngày càng chồng chất, nỗi nhớ về mẹ lại càng xót xa. Vì ai mình phải rời bỏ quê cha đất tổ? Vì ai mình phải đoạn lia máu mủ tình thâm? Vì ai và vì ai?

*Mười năm lưu lạc quê người
 Mười năm một thuở đầy vơi nỗi sầu
 Mười năm một cõi bể dâu
 Mười năm xa mẹ gánh sầu ngàn cân
 Trách ai chia rẽ tình thân
 Trách ai dẫn dắt muôn dân lạc đường
 Trách ai cuộc sống đế vương
 Làm ngơ trước cảnh đau thương muôn người
 Trách anh đảng của dân tôi
 Cùng dòng máu Việt, chung trời nước Nam
 Nỡ nào ôm mộng gian tham
 Khiến cho non nước lầm than cơ cầu
 Quê hương nghĩa nặng tình sâu
 Hướng về đất mẹ lòng đau đốn lòng
 Mẹ già tóc bạc, lưng còng
 Đứa con lưu lạc ước mong chưa thành
 Mười năm kiếp sống mong manh*

Mười năm vắng bóng mái tranh, mẹ già
Mười năm sống kẻ không nhà
Ngâm đời tầm gửi xót xa nỗi lòng!
(Mười Năm)

Thơ của chị, thơ của kẻ lang bạt không nhà. Thơ của chị, thơ của những người triu nặng ưu tư trên miền đất tạm dung. Thơ của chị gây xúc cảm rưng rưng, như mới ngày nào cách đây không lâu, trong kỳ họp mặt hàng năm của Ban Biên Tập Báo Viên Giác, tôi cũng rất xúc động khi được nghe đạo hữu Thị Chấn hát vào lúc nửa đêm. Tựa bài ca tôi không nhớ tên, nhưng lời ca gợi nhớ về quê hương một cách tha thiết chân thành. Bài ca nhắc nhủ ta đừng quên nguồn cội. Bài ca thúc giục ta phải làm một việc gì có ý nghĩa để ta có một ngày vui trở về quê hương: "...Em sẽ biết đến niềm vui ta về đất tổ. Theo gió thổi, gởi làn mây qua bao ngấn trở muôn trùng. Ta đưa nhau về quê hương cũ. Con sông xanh, cầu sương, điểm cò. Bức gông xiềng, xóa hờn căm, dựng tình quê hương. Ta nghe tiếng chim rừng kêu vang, là con chim quốc hay lòng ta than. Mà đáng cay, chim có bầy, cây có cội. Ta chẳng lẽ không nguồn sao em? Ta nghe sóng vỗ bờ mênh mang, là thương sóng vỗ hay lòng ta mong. Từng tuổi con xuôi theo dòng, ra nước rộng. Ta chẳng lẽ suốt đời lừ lờ vong?...". Trong niềm thao thức đó, chị Hoa viết:

Nhìn ra biển động gió khơi
Đau thương gào thét, mưa rơi ngập lòng
Thủ nhà, nợ nước chưa xong
Thuyền xiêu đắm sóng còn mong bão tàn
Xót xa một côi hồn oan
Quê hương khuất nẻo ngút ngàn sương
pha.
(Bão Lông)

Bao nhiêu người vượt biên? Bao nhiêu người đã vùi thân dưới lòng biển lạnh? Bao nhiêu người đã phơi xác trong rừng thẳm? Bao nhiêu người đã đến được bến bờ tự do? Mệnh nước điều linh, thân phận của người xin tỵ nạn cũng ba chìm bảy nổi với thời thế. Hiệp định cưỡng bách hồi hương lại làm tan nát thêm những mảnh đời khốn khổ. Rớt nước mắt, bàng hoàng đưa tiễn nhau về nơi hang hùm nọc rắn, nơi ta đã từng trốn chạy để tìm tự do. Hỏi ôi:
Chị về lệ nhỏ đầy vơi
Tìm em nức nở rối bờ ruột gan
Chị về với cảnh tan hoang
Em đây ở lại bàng hoàng nỗi đau
Tự do chưa thấy, thấy sầu
Nhân quyền, dân chủ tìm đâu bây giờ?
(Chung Một Niềm Đau)

Chị về từ mùa thu, mưa thu tầm tã, giọt lệ chứa chan. Chị về, nỗi đau để lại, "gói buồn trong lá, dấu buồn trong mây". Chị về, từng đợt lá thu đổi màu. Còn em ở lại, tha hương, hướng về đất mẹ ngút ngàn thương nhỏ:

Ý thu đau cánh thơ tuôn
Gởi sầu trong lá, dấu buồn trong mây
Gió lay từng đợt thu bay
Hoàng hôn vàng vờ, ý cay chín lòng
Một người đi, bao kẻ mong
Để thu ở lại với lòng muôn năm
Tha hương nỗi bước âm thầm
Hướng về đất mẹ tìm bầm ruột gan
Thương đau trời biển ngút ngàn
Lá rơi ngập đống tro tàn quê hương.
(Tha Hương)



Viết về mẹ, tâm tình với mẹ, người thơ Nguyễn Thị Hoa cũng có những vần thơ kể lể, thiết tha, luyến nhỏ:

...
Mười năm một côi bé dâu
Mười năm xa mẹ gánh sầu ngàn cân
...
Mẹ già tóc bạc lưng còng
Đưa con lừ lờ ước mong chứa thành
Mười năm kiếp sống mong manh
Mười năm vắng bóng mái tranh mẹ già.
(Mười Năm)

hoặc:
...
Biển ơi! Lòng biển bao sâu?
Tim ơi! Xin hỏi sóng sầu là bao?
Bềnh bênh chân lý nơi nao
Một đêm xa mẹ, sóng trào muôn đêm!
(Sóng)

Ngoài ra còn có những vần thơ rất địa phương nhưng rất bình dị dễ thương:
Nắng chiều hong nõ mái tranh

Tùng chùm trái mọng trĩu cành đong đưa
hoặc:
Bến sông bên lở bên bồi
Bên anh nắng đẹp, bên tôi mưa sầu
hoặc:
Hỏi trời có bấy nhiêu sao
Thì dân nước Việt có bao nhiêu sầu!

Có bao nhiêu sầu trĩu nặng trong đời, có bao nhiêu thao thức đeo đẳng trong tâm khi lòng vẫn luôn hướng vọng về tổ quốc. Chút thường chút nhỏ. Ở một nơi nào, vào một lúc nào, chỉ một thoáng qua hay bỗng bèn trong kiếp phù sinh. Hai năm trước đây tôi gặp nhà thơ Nguyễn Song Anh trong kỳ đại hội lưỡng niên của Trung Tâm Văn Bút Âu Châu tại Reutlingen / Đức Quốc. Tưởng là có dịp tâm tình với nhau lâu dài, không ngờ anh lại biến mất trong đêm, cũng vội vàng như khi anh đến.

Anh hứa sẽ điểm tập thơ của tôi. Nửa năm trôi qua chẳng được tin thư. Khi tôi không còn chờ đợi, thì anh lại gởi bài điểm sách và thơ lục bát cho chủ đề này. Cái duyên văn nghệ của tôi với nhiều cây bút thường là do cái "nghịch" đay đũa. Tiếc là tôi không có nhiều hoàn cảnh thuận lợi để tìm cách tương kiến và cũng không có nhiều thì giờ để liên lạc thường xuyên, nên đến nay tôi vẫn còn nợ nhiều thư của bạn bè chưa kịp phúc đáp. Mong qui hữu lượng tình khoan thứ.

Thơ của Nguyễn Song Anh xuất hiện khá nhiều trên các báo chí ở Đức với những bài thơ ngắn dễ thương nhưng dung chứa nhiều tình ý. Thơ lục bát của anh rất tự nhiên như dòng nước luân lưu từ thượng nguồn đổ xuống miền xuôi, mang trầm mặc của núi rừng trao về đồng nội, mang muện phiền tục lụy của cuộc đời đổ ra biển cả. Thơ của Nguyễn Song Anh, thơ trên côi người, thơ mang nhiều chút thương chút nhỏ về quê hương, thơ còn đọng tiếng sáo diều quen thuộc:

Côi người lừ lờ hình hài
Chút thương chút nhớ nghĩ hoài không ra
Một trưa nào như thoảng qua
Một nơi nào nơi xứ xa một mình
Bước chân vào côi phù sinh
Đem riêng tâm thức vô minh soi đời
Mỏi hay như cánh bèo trôi
Mỏi hay hoa giạt thì thôi ngượng ngùng
Tiếng chim nào hót ven rừng
Lao xao gió nắng giữa chùng thình không
Ngồi đây giữa đời mênh mông
Nhớ thương theo chốn bụi hồng ngu ngơ
Ai người mãi kiếm thành thơ
Ngàn năm sử mệnh đời bờ còn đau
Ai người thơ dệt chiến bào
Trăm năm còn nhuộm máu đào sử thi

Ngày qua lộp lộp người đi
Hỏi chùng non nước mấy khi người về
Trông chùng mây đậm sơn khe
Nắng mai dẹt mộng, cơn mê trúa chiều
Chút thương chút nhớ không nhiều
Còn như động tiếng sáo điều bay cao
Một trúa nào, một nơi nào...
(Một Trúa Nào, Một Nơi Nào)

Cũng giống như trường hợp của nhà thơ Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Song Anh với những câu thơ thất luật "một trúa nào như thoảng qua, một nơi nào nơi xứ xa một mình" hay "ngồi đây giữa đời mênh mông" lại có tác dụng về cung bậc âm thanh, diễn tả được nỗi lạc lõng, cô đơn, trống vắng của kiếp nhân sinh. Nghệ thuật này được sử dụng tuyệt mỹ hơn trong bài "Đưa Em" với những chữ thủ tứ vần bằng trong câu lục thay vì vần trắc như thường lệ. Qua đó bài thơ diễn tả được nỗi buồn da diết khi phải chia tay với người yêu:

Mai đưa em qua đò ngang
Bên bờ ta viết mấy hàng thơ hoa
Sông trôi hoài phượng trời xa
Chân mây chiều rớt đạn hà mù khơi
Sầu về thưởng hoa ô môi
Lối mòn rụng chín một trời xuân thương
Ta đưa ta thêm quang đường
Ôi người cố quận mù sương giang đầu.
(Đưa Em)

Đưa em đi. Chia tay nhau. Xa cách rồi. Lạnh bên ngoài hay lạnh trong lòng. Cuối đông, đốt lá chỏ xuân. Khói vướng vào ngõ mù sương. Ta là ai? Là sương, là gió trong cõi vô thường:

Mai về gom lá cuối đông
Chờ xuân dẫu muộn lửa hồng nhóm lên
Khói bay vừa ấm sương đêm
Thềm sân ngô trúc ru mềm gió qua
Cuối năm trắng khuyết bóng tà
Ngồi đây lòng biết lòng sa mạc trường
Hỏi ta là gió là sương
Là chi cũng được vô thường cũng hay.
(Mai Về)

Rồi thời thế đổi thay, nhà thơ nhà giáo Nguyễn Song Anh trở thành người bỏ vợ trên "phố lạ người dưng". Trong những tháng ngày mòn mỏi đó, anh vẫn tưởng mình đang ở vào "cuối dòng sông vô thường":

Còn tôi ngày tháng đông đưa
Như trời chợt nắng chợt mưa vô chùng
Bây giờ phố lạ người dưng
Thơ buồn biết mấy đạn từng sợi không
Xa xôi một áng mây hồng

Biết đâu là cuối dòng sông vô thường
Chiều rơi chút nắng quê hương
Gió se lạnh rớt mấy đường lá khô
...

Để rồi người thơ không khỏi chạnh lòng xót xa về nỗi cô đơn mất mát quê hương trong đất trời vô tận, nên phải cam đành chấp nhận một chỗ nương thân:

Đất trời một cõi mênh mông
Riêng người một góc tạm dung cũng đành!
(Ngày Tháng Đông Đưa)

Trong nỗi lạc lõng giữa những tháng ngày đông đưa đó, anh mở ước mình là con tàu xuôi ngược để mang người đi, chở người về; hay anh là sân ga để đón người đến, tiễn người đi:

Hay tôi làm một con tàu
Ngược xuôi, xuôi ngược giữa màu trời không
Mà đường ray mãi song song
Có nên một chút rối lòng phương xa

Hay tôi là một sân ga
Đón ai, ai tiễn trắng tà thu sương
Quay lưng giấu nụ cười buồn
Bước chân theo ánh tà dương cõi người

...
Tôi con tàu - Tôi sân ga
Nửa đêm nghe tiếng thiết tha gọi mời
Thu phong lạc điệp tới bờ
Nửa đêm viễn xứ ru lời cố hương.
(Con Tàu - Sân Ga)

Con tàu, sân ga và tiếng thơ của anh làm lòng tôi quận thất bởi có những buổi chiều "quay lưng giấu nụ cười buồn, bước chân theo ánh tà dương cõi người", có những lúc "nửa đêm viễn xứ ru lời cố hương". Tôi chợt nhỏ thuở thanh xuân, vào những chiều tan học, tôi thường lang thang ở sân ga nhỏ, thuộc lòng hết giờ giắc của những chuyến tàu đi và đến, nhìn người lên kẻ xuống, tự nhiên mở ước một ngày mình cũng có dịp lên tàu làm những chuyến lãng du. Trong mơ ước trẻ thơ đó, tôi đã tìm thấy được phong sắc đường xa xứ lạ của non bồng nước nhộc. Bây giờ phải lưu lạc "cõi người", dòng máu lãng tử trong tôi đã không còn thôi thúc gót chân phiêu bồng của tôi nữa, nhưng nhịp đập của trái tim tôi trở nên rộn ràng theo lời ru về "cố hương":

Người đi lục bát cầu sương
Chơ vơ điểm cỏ đậm đường mù khơi
Dừng chân trẻ quán ai mời
Bình khô đông mãi cạn lời vô ngôn
Ngu ngơ một cõi càn khôn

Chung dòng sử mệnh, riêng hồn lệ pha
Người đi biển biệt quan hà
Đêm nay tinh lảm quê nhà trông trắng.
(Lục Bát Cầu Sương)

Cũng với cầu sương điểm cỏ, hình ảnh chiếc quán nghèo với mái tranh xô xác cạnh chiếc cầu mù mịt trong sương. Vào một buổi chiều nào đó, thi nhân dừng bước lãng du, vào quán uống chén rượu quan hà. Cái hình ảnh thú sinh bên quán vắng cũng đón độc hùng tráng như như hình ảnh của người hiệp khách áo bào còn nhuộm bụi phong sương:

...
Còn đây bến lạ lau thưa
Cầu sương điểm cỏ cho vừa đời ta
Vớ vớ chén rượu quan hà
Sông xanh còn nhớ sương pha bao chiều.
(Sương Khói)

Rồi lòng nao nao lại nhỏ về hình ảnh người yêu, hẳn đã một thời mê đắm từ buổi ban đầu:

Như em mắt khép mi dài
Ta nao nao nhớ cuối ngày sông thu
Qua từng phố lạ mây mù
Chiều mưa cố quận lãng du tìm về

Như em mắt ngọc sâu che
Ta bàng khuâng hỏi cơn mê đắm nào
Thủa rằng tử mối sơ giao
Mà yêu như thế đủ bao muện màng.
(Mắt Ngọc)

Anh hứa sẽ về dù mưa chiều cố quận. Anh hẹn sẽ trở về dù đời có muện màng. Anh về xuôi ngược cùng em. Anh về chỉ mong cầu ở em nụ cười hồn nhiên thuở trước:

Mai về tát nước cầu ao
Nửa khuya thơm ngát hương cau quê người
Theo em xuống biển về xuôi
Xin em chỉ một nụ cười hồn nhiên
Đường quê lúa trở bông nghiêng
Như em đôi mắt ngoan hiền là bao
Cùng ai trong nỗi bế đau
Nghe cay đắng lảm công hầu tử đầy.
(Em Cười Trong Mắt)

về để chung nỗi bế đau, về để hát lời ru:

Nửa khuya trăng chày ven đời
Bờ ao sóng vỗ tôi ngồi ru em
Gối đầu tay mộng nhung mềm
Xa khơi biển gọi bóng đêm vô bờ
Ru em nhờ sóng thay lời
Ngàn xưa tiếp nỗi tuyệt vời ngàn sau

Im nghe tiếng sóng thì ào ào
 Thôi tôi nứt rạn máu trào trong tim
 Cuộc đời còn gì nữa em
 Thời gian là sóng, bờ đêm là người
 Trắng khuya xóa tóc bên đời
 Ru em sóng vỗ góc trời quê hương.
 (Ru Em)

Thì nhân mừng tượng đang hát ru
 người tình trong sóng biển vỗ về để chính
 mình có ảo giác đang ở đâu đó bên vùng
 trời quê hương và để cảm hoài:
 Em về lối cũ sương giăng
 Triều dâng biển tối non trăng cuối ngày
 Thu nào cho lá mưa bay
 Mà xuân sao đã những ngày qua mau.
 (Hoài Cảm)

Nỗi nhớ về quê hương, về người em cố
 quận quần quai trong nỗi xót xa thân phận
 lưu lạc xứ người:

Ngược xuôi con nước tôi về
 Sóng ru đã mỗi chiều thê thảm sâu
 Nửa đời tôi đổ nát nhàu
 Phân thân tử nhục qua cầu vịnh vọng
 Buổi chiều cơn gió long đong
 Em ngồi bờ ngõ hướng nồng thịt da
 Tôi tưởng lại đến mù xa
 Ru đêm biển khóc mặn mà yêu em.
 (Tuyên Xung)

Thơ Nguyễn Song Anh còn phảng
 phất mùi thiền và mang chỗ triết lý nhà
 Phật:

Như ta nửa cuộc phù sinh
 Buồn vui địa ngục thiên đình bấy nay
 Bỗng dưng lòng cũng say say
 Với trưa nắng đổ, với bay lá vàng.
 (Ta Về)

Ta tìm trong cõi trời mê
 Nửa soi cổ độ, nửa về thiên thu
 Hoa lòng bất ngát chân như
 Tinh sương lá cỏ không hư đã từng.
 (Người Em Cố Quận)

Đất trời vô lượng lặng thinh
 Riêng ta trong cõi tử sinh bồi hồi
 Một mai nắng dẫu phai rồi
 Thương người tóc bạc đau lời cuối năm
 Mai kia mốt nợ phù vân
 Thương ai tử bước phong trần ly hương.
 (Nắng Ấm Ngày Đông)

Tôi chân gót nhón bên triều
 Tôi tay với bắt trọn miền hư không
 Ru tôi hoài gió chên chông
 Ru lời kinh khổ ngược dòng trầm luân.
 (Đời)

Hỏi ta là gió là sương
 Là chi cũng được vô thường cũng hay.
 (Mai Về)

Ngoài ra còn có nhiều câu thơ đẹp từ,
 đẹp ý:

Đường mây xoải cánh chim trời
 Đường trần phím nhạc rả rời dây tơ
 (Con Tàu - Sân Ga)

Bây giờ phố lạ người dưng
 Thơ buồn biết mấy đàn từng sợi không
 (Ngày Tháng Đông Đưa)

Ngủ ngơ một cõi cần khôn
 Chung dòng sử mệnh, riêng hồn lệ pha.
 (Lục Bát Cầu Sương)

Một mai trăng chẳng soi thêm
 Xin em đừng khóc cho mềm lòng nhau.
 (Ca Dao)

Mai sau nước có xa nguồn
 Mưa khuya nhỏ giọt u buồn gọi nhau
 (Bổ Ngổ)

Theo em xuống biển về xuôi
 Xin em chỉ một nụ cười hồn nhiên.
 (Em Cười Trong Mắt)

Và điệp ngữ cũng là một nghệ thuật
 trong thơ của Nguyễn Song Anh:

Cuối năm trắng khuyết bóng tà
 Ngồi đây lòng biết lòng sa mạc trường.
 (Mai Về)

Năm tàn lòng cũng ngẩn ngơ
 Gió hiu hắt gió, tình thơ thần tình.
 (Ta Về)



Sau khi tham dự đại hội lão niên của
 Trung Tâm Văn Bút Âu Châu tại La Ville
 du Bois / Pháp, tôi được tin Giáo sư Trần
 Bích Lan, tức nhà thơ trữ tình trữ danh
 Nguyễn Sa đã mệnh chung tại Hoa Kỳ.
 Trong nỗi ngậm ngùi thương tiếc, tôi
 mừng tượng như còn nghe giọng ngâm
 mật ngọt của chị Thanh Xuân, một trong
 nhiều thân hữu của Trung Tâm Văn Bút Âu
 Châu đến tham dự trong buổi sinh hoạt
 văn hóa, qua lời thơ tình luyến ái của
 Nguyễn Sa:

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
 Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
 Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng...
 (Áo Lụa Hà Đông)

Tôi cũng không quên giọng ca triu
 mến van lơn của văn hữu Trúc Giang với
 tiếng đệm tây ban cầm trầm bổng của
 nhạc sĩ Đoàn Văn Linh trong buổi chiều
 mưa giăng mắc:

Tháng sáu trời mưa, trời mưa không dứt
 Trời không mưa em cũng lạy trời mưa...
 (Tháng Sáu Trời Mưa)

Hình như còn nhiều bài thơ của
 Nguyễn Sa được phổ nhạc và được nhiều
 người ngưỡng mộ, mà lắm lúc chúng ta
 được nghe hay nghe ngao hát một mình
 mà không còn nhớ đến tên tác giả.

Xin các bạn yêu thơ hãy cùng tôi thấp
 một nén hương tưởng nhỏ đến Nguyễn Sa,
 một thi tài, một ngôi sao trong trời thơ đã
 miên viễn xa rồi chúng ta, xa rồi thế giới
 tục lụy và nguyện cầu cho thi nhân mãi
 mãi an vui ở chốn vĩnh hằng.
 (Tháng 5.98)

THI PHẨM ĐÃ NHẬN ĐƯỢC:

- *Thi Tuyển*, Văn Lâm Xã, Canada xb.
 1997

- *Góp Lửa* của Ý Nga, tác giả xb, 1998
 Xin chân thành cảm tạ các chị Lê Thị
 Bạch Nga (Canada) và Ý Nga (Ý).

CHỦ ĐỀ CHO CÁC SỐ BÁO TÔI:

-VG 106 tháng 8.98: Vu Lan - Viết
 về Mẹ (góp bài cuối tháng 6.98)

-VG 107 tháng 10.98: *Hương Mùa
 Thu Cũ* (góp bài cuối tháng 8.98)

CÁO LỖI:

Vi có sự nhầm lẫn, nên trong VG 104
 tháng 4.98 có thông báo chủ đề cho số VG
 106 tháng 8.98 là *Hương Mùa Thu Cũ*, nay
 xin đính chính lại như thông báo nêu trên

(PV) ●

Tư tưởng Phật Giáo trong thi ca Việt Nam

■ Thái Tú Hạp

Cho đến nay tư tưởng Phật Giáo đã thấm nhuần trong tâm hồn Dân Tộc Việt Nam thành một khối keo sơn khó phai mờ và lay chuyển. Đạo Phật đã gắn liền với dòng Văn Học và cùng với sinh mệnh thăng trầm của Dân Tộc đã gần hai mươi thế kỷ. Tư tưởng sâu xa vì diệu của Phật Giáo đã hiện hữu trong mạch sống dân tộc ngay từ những khởi nguyên Trung Tâm Phật Giáo Luy Lâu (thuộc Bắc Ninh ngày nay) do Ngài Mâu Tử, một vị chân tu Phật Giáo đến từ Ấn Độ khởi dựng, phát huy song song với hai Trung Tâm Phật Giáo của Trung Hoa là Lạc Dương và Bành Thành, khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch. Liên tục nhiều năm sau đó, những vị Thiền Sư được tôn kính như vị Bồ Tát sống, Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi từ Trung Hoa đến cư trú tại chùa Chúng Thiện truyền dạy về tinh hoa cao quý của Đạo Phật. Qua nhiều thế kỷ kế tiếp Phật Giáo càng ngày càng phát huy rộng lớn do các Ngài Vô Ngôn Thông, Ngài Khuông Tăng Hội, Ngài Khuông Việt Thái Sư. Đến thế kỷ thứ ba Ngài Khuông Tăng Hội, người Giao Chi đã viết luận giải về Đại Thừa và Thiền Tông nên được nhiều người cho rằng chính Ngài Khuông Tăng Hội là vị Thiền Sư lập nên Thiền Việt Nam chủ không phải truyền nhập từ Trung Hoa của Ngài Bồ Đề Đạt Ma. Và trải dài trong nhiều thời đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Nguyễn... cho đến thời đại hôm nay, với thể tính triết học, khoa học, tâm lý nhân sinh... tư tưởng Phật Giáo đã hiển nhiên thấm thấu vào tâm hồn, hiện hữu thường trực trong đời sống của đại chúng dân Việt, từ những câu kinh tiếng kệ, hồi chuông ngân, tiếng trống Bát Nhã, trầm hương nghi ngút, mái chùa uy nghi ẩn khuất sau những tàng cây xanh, tĩnh mịch trầm lắng. Tư tưởng Đạo Phật quá cao siêu mênh mông và vời vợi như những ngọn đỉnh trời Hy Mã, suốt cả một đời tu học chưa hẳn đã bước tới ven khu rừng giáo lý uyên thâm vì diệu đó. Ở đây, chúng tôi chỉ xin mạo muội đề cập tới vài nét ảnh hưởng Phật Giáo trong thi

ca Việt Nam như dòng suối nhỏ từ một vách đá núi thăm thẳm.

Cho đến nay, chúng ta chỉ cần đọc qua bất cứ tuyển tập thi ca Phật Giáo Việt Nam cổ điển nào, là y như chúng ta đều cảm nhận ngay hồn tính dân tộc ẩn dụ qua từng dòng chữ nồng ấm quê hương sâu thẳm tình người. Các Thiền Sư Việt Nam bao giờ cũng là những đại biểu độc đáo của dòng thi ca chính thống của dân tộc trong mỗi thời đại, mỗi giai đoạn lịch sử dân tộc. Trong cuộc hành trình đầy khởi sắc và phong phú của nguồn văn học ảnh hưởng Phật Giáo, chúng ta bắt gặp những dấu vết tuyệt vời của Thiền Sư Khuông Việt, Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Huệ Sinh, Ngô Ấn, Mãn Giác, Đạo Hạnh, Không Lộ, Diệu Nhân, Huyền Quang, Trúc Lâm, Thượng Hải, Chân Nguyên... Chưa kể đến kho tàng văn chương bình dân, ca dao, tục ngữ.

Chúng tôi xin đan cử một vài thi phẩm của các vị Thiền Sư danh tiếng như bài Trăng và Nước của Đạo Hạnh:

Tác hữu trầm sa hữu
Vi không nhất thiết không
Hữu không như thủy nguyệt
Vật trước hữu không không
(Thủy Nguyệt)

*Có thì có tự mảy may
Không thì cả vũ trụ này cũng
không*

*Có, không: bóng nguyệt lòng sông
Cả hai tuy vật chẳng không chút
nào*

(Võ Đình)

Nói đến cái không của tâm để hòa nhập vào cái tâm ào hóa của vũ trụ, Thiền sư Hương Hải đã thể hiện rõ nét trong bài Nhạn Ảnh:

Nhạn quá trường không
Ảnh trầm hàn thủy
Nhạn vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm

*Nhạn vút qua không
Bóng chìm nước lạnh
Để dấu: nhạn không có ý
Giữ bóng: nước cũng vô tâm*

(Nhạn và Bóng)

Sự cấu tạo nên thể xác con người do sự kết hợp tử đại (đất, nước, gió, lửa), cho nên qua thời gian con người phải chấp nhận sự hủy hoại một cách tự nhiên, cũng như loài hoa sớm nở tối tàn, vô thường, biến chuyển theo cái nghiệp nhân quả luân hồi, củ thể tiếp tục từ thế hệ này qua thế hệ khác. Thấu triệt nguyên lý tử sinh đó Thiền sư Viên Chiếu đã viết nên thơ dạy đệ tử:

Thân như từng bích dĩ đời thì
Củ thể thông thông thực bất bi
Nhược đạt tâm không vô sắc tưởng
Sắc không ẩn hiện nhiệm suy đi
(Vô Tật Thị Chúng)

*Thân như từng nát đời ngày
Trăm năm vất vả tôi rày xót thường
Tâm không nếu đạt nẻo đường
Mặc cho không sắc vô thường đến
đi*

(Răn Chúng Khi Thầy Còn Mạnh -
Võ Đình dịch)

Thiền sư Mãn Giác cũng cảm nhận kiếp sống vô thường như huyền của nhân thế. Tất cả lợi danh chỉ như giọt nước trên cành, như bóng mây qua cửa, có đó rồi mất đó, sắc sắc không không. Nhưng đời sống không phải là chuỗi ngày đầy bi lụy tối tăm, đầy đau thương khổ ải với nghiệp chướng oan khiến tràn đầy lệ thảm... Người đã thấm nhuần tư tưởng Phật Giáo, tự lý giải căn nguyên của khổ đau, luôn tinh thức, biến đau thương thành hy vọng hạnh phúc của cuộc sống. Hiên ngang chấp nhận mọi thử thách gian nguy của cuộc đời, bước tới đem đến nguồn sống đầy an vui hỷ lạc cho mọi người. Qua bài Dẫn Dò Tăng Chúng của Thiền sư Mãn Giác đã cho thấy một cách sâu sắc tinh tế bằng đức tin mãnh liệt vào sự tuần hoàn tự nhiên của tạo hóa, của kiếp nhân sinh để thấp lên niềm lạc quan, hy vọng ở ngày mai bằng những bông hoa trí tuệ nhân ái:

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền khứ
Lão từng đầu thượng khai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

*Xuân đi trăm hoa rơi
Xuân đến trăm hoa khai
Xem chuyện đời trước mắt
Tóc trên đầu đã phai*

*Chỗ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Tối qua vườn trước một cành mai
(Có Bệnh, Dận Dò Tắng Chúng)*

Lịch sử đã từng chứng minh một cách cụ thể nhất ở vào thế kỷ thứ mười, khi Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 Sứ Quân lập nên nước Đại Cồ Việt thống nhất và độc lập. Trong thời đại này Mật Giáo và Thiền là hai hệ thống Phật Giáo hưng thịnh nhất. Qua triều đại vua Lý Thái Tổ, các Thiền sư Khuông Việt, Vạn Hạnh, Pháp Thuận đã bước ra cổng Thiền Môn trực tiếp giúp minh quân đem lại cảnh sống thái bình an lạc cho dân chúng kéo dài đến hơn cả trăm năm từ 1010 đến 1225. Trong thời gian này văn học dân tộc ảnh hưởng sâu đậm đạo Phật, tỏa sáng từ những áng văn chương tuyệt tác của các Thiền sư Khuông Việt, Vạn Giác, Bảo Giác, Pháp Thuận, Thường Chiếu, Hải Chiếu, Huệ Hùng...

Như những dòng lưu lượng thác đổ từ những ghềnh núi Trường Sơn cuồn cuộn ra biển lớn. Ở mỗi nhánh sông tạo thành những bãi phù sa trùng điệp phì nhiêu màu mỡ, cho cây trái vườn lên xanh thắm ngàn đời liên tục hình thành. Đến hậu bán thế kỷ mười tám, mười chín và hai mươi, những trang văn học Việt Nam ươm đầy những tinh hoa tuyệt kỹ của tư tưởng Phật Giáo. Từ những sáng tác đại chúng điển hình thơ truyện Sự Tích Quan Âm Thị Kính dưới nhiều hình thức và thể loại vừa để ngâm ca, vừa để trình diễn trên sân khấu, đại để như:

*... Chân như đạo Phật nhiệm màu
Tận trung chữ hiếu, niệm đầu chữ nhân*

*Hiếu là độ được đấng thân
Nhân là cứu vớt trăm luân mọi loài*

*Tinh thông nghìn mắt nghìn tai
Cũng trong một điểm linh đài hóa ra*

*Xem trong biển nước Nam ta
Phổ môn có đức Phật Bà Quan Âm...*

Danh từ Quan Thế Âm có nghĩa là Người lắng nghe tiếng kêu trăm thống của cuộc đời. Lắng nghe để tìm tới cứu độ. Những tác phẩm đáng kể khác như Thánh Đẳng Lục, Thiền Tông Bản Hạnh, Thiền Uyển Tập Anh Ngũ Lục, Kê Đẳng Lục, Khóa Hư Lục, Tam Tổ Thực Lục, Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục... Thực sự chúng ta không thể kể hết những kho

tàng văn học Việt Nam ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng siêu việt và uyên bác của Phật Giáo từ nghìn xưa. Trong văn chương bác học, chúng ta nhận thấy có các nhà Vua thể hiện tâm đạo qua thơ văn như Lý Thái Tổ, Lý Nhân Tông, Lý Thái Tông, Trần Thái Tông, Tự Đức... các thi hài lỗi lạc Nguyễn Du, Ôn Như Hầu, Chu Mạnh Trinh, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trãi... đã chứng minh điều đó. Trong tác phẩm "Cung Oán Ngâm Khúc" Ôn Như Hầu đưa lên hình ảnh thâm thúy khởi sáng ngọn đuốc tuệ vượt qua khỏi kiếp luân hồi. Cuộc nhân sinh đầy khổ lụy vô thường, hãy nương vào cửa Phật để dứt sạch thất tình lục dục:

*Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật
Mối thất tình quyết dứt cho xong
Đa mang chi nữa dèo bông
Vui gì thế sự mà mong nhân tình*

*Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa
Mượn "hoa đàm" "đuốc tuệ" làm duyên
Thoát trần một gót thiên nhiên
Cái thân ngoại vật là tiên trong đời...*

Đến đại thi hào Tiên Điền Nguyễn Du đã viện dẫn lý nghiệp báo luân hồi một cách triết để của Phật Giáo. Cái nghiệp như hình với bóng đeo đuổi con người đến suốt một đời. Và cái tâm, căn nguyên của mọi vọng tưởng u minh mê lầm. Ở trong tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh, Sứ Tam Hợp đã giải bày:

*... Sự rằng: Phúc họa đạo trời
Cội nguồn cũng bởi lòng người mà ra*

*Có trời mà cũng tại ta
Tu là cội phúc, tình là dây oan...*

*... Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
Thiện căn vốn tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài...*

Hoặc ở những đoạn đầy thiền duyệt, thiền vị bàng bạc nhưng sâu sắc khác:

*... Đã đem mình gởi am mây
Thân này sánh với cỏ cây cũng vữa*

*Mùi thiền đã bén muối dưa
Màu thiền ăn bận đã ưa nấu sòng
Sự đời đã tắt lửa lòng*

Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi...

Thi hào Nguyễn Du còn thể hiện điệu tâm của đa số Phật Tử Việt Nam qua tác phẩm Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, chẳng khác nào như một bài thuyết pháp thi vị và chân xác về lý giải vô thường và nhân quả luân hồi.

Thi sĩ Chu Mạnh Trinh, trong cõi thơ của ông, chúng ta có thể tìm thấy những giao động mãnh mẽ khi ông diễn tả những cảnh trí lung linh huyền ảo của núi rừng tĩnh mịch nhuốm vẻ an nhiên tự tại của tinh thần Phật Giáo:

*... Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lững lờ khe yến cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh
Khách tang hải giũt mình trong giấc mộng*

Đề cập đến Nguyễn Công Trứ là nói tới một văn hào nổi danh lúc vinh quang tột đỉnh, khi thảm thê tận cùng vực thẳm đắng cay, từng trải trăm đường tân khổ. Nhân sinh quan của Nguyễn Công Trứ là hưởng lạc hưởng nhàn. Thơ văn Nguyễn Công Trứ chịu ảnh hưởng khá sâu đậm Phật Giáo:

*... Thoạt sinh ra thì đã khóc chớ
Trần có vui sao chẳng cười khi?
Khi hỉ lạc, khi ái ố, lúc sầu bi
Chứa chi lắm một bầu nhân dục...*

Hay ở trong bài "Vịnh Nhân Sinh Quan" Nguyễn Công Trứ đã thể hiện rõ tư tưởng triết học Phật Giáo ở một trình độ cao hơn:

*... Ôi nhân sinh là thế ấy
Như bóng đèn, như mây nổi, như
gió thổi, như chiêm bao
Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nào,
Vừa tỉnh giấc nôi kẻ chứa chín...*

Đến cuối thế kỷ thứ 19 và 20, văn học sử Việt Nam chuyển mình tiếp thu những dòng văn học của thế giới. Thời điểm này đánh dấu biến cố lịch sử làm phong phú rực rỡ và mới mẻ mọi khuyh hưởng tư tưởng để hình thành hưởng đi và ý thức mới về văn học nghệ thuật dân tộc. Tuy nhiên sự hiện diện của những trào lưu văn học mới, không phải những nhà văn nhà thơ Việt Nam đã quên lãng từ bỏ cốt tủy đã ảnh hưởng sâu đậm trong hồn tính

dân tộc từ ngàn xưa, những chất liệu tinh hoa của Phật Giáo. Chúng ta ghi nhận những tác phẩm của các nhà văn trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Trong thơ của Tự Đức, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Tế Hanh, Thanh Tịnh, Lưu Trọng Lư... Nhưng rõ nét nhất trong thi phẩm Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp:

... Thuyền đi, bến Đục qua
Mỗi lúc gặp người ra
Thẹn thùng em không nói:
"Nam mô A Di Đà".

.....
Me bảo "Đường còn lâu
Cứ vừa đi vừa cầu
Quan Thế Âm Bồ Tát
Là tha hồ đi mau!"

.....
Khi qua Chùa Giải Oan
Trong mấy bức tường ngang
Chàng đưa tay lẹ bút
Thảo bài thơ liên hoàn.

.....
Ồ! Chùa trong đây rồi
Động thắm bóng xanh ngời
Gấm thêu trần thạch nhũ
Ngọc nhuộm hưởng trầm rồi!

.....
Ngọn ngút khói hương vàng
Say trong giấc mơ màng
Em cầu xin Trời, Phật
Sao cho em lấy chàng...

Quan niệm một số bậc chân tu Phật Giáo trong những kỷ nguyên trước là tìm nơi non cao tĩnh lặng để diện bích soi tâm, hay ít ra cũng lánh xa cõi trần đầy ô trọc có thể ảnh hưởng đến tâm thức tu học. Phải chăng đây là cái tâm "ứng vô sở trụ" đã dẫn dắt Huệ Năng đến Tào Khê. Một số tăng lữ khác quan niệm hãy đem đạo vào đời như kim chỉ nam làm sáng tỏ cái tâm của Thái Tông thoát nhiên tự ngộ nhận lãnh vai trò lãnh đạo nhân dân "dĩ thiên hạ tâm vi tâm - dĩ thiên hạ dục vi dục" của nhân độ thế.

Trong thời đại cận kề với những tư duy hiện sinh, những nhà thơ Việt Nam khoác áo nâu sồng cũng đã xuống núi, hiện đại hóa phương thức truyền bá đạo giáo hay hòa nhập tư tưởng tôn giáo vi diệu này vào cuộc đời một cách thực tiễn hơn. Phạm Thiên Thư xuất thân từ một tu sĩ, thi sĩ muốn bùng vỡ tâm thức sâu kín của ông đến phương tuệ giác nào chăng? Tình cảm tha nhân rộng lớn ư? Cái điều ồm ồm lãng mạn nửa đời nửa đạo thật khác thường của Phạm Thiên Thư

đã làm cho nhân thế ngẩn ngơ hoài nghi cái chân lý đạo giáo Thi sĩ đang theo đuổi. Một nhà sư biểu lộ tình cảm một cách hồn nhiên bộc trực, quá quá khác thường còn hơn những nhà thơ trữ tình ngoài đời quả là một ngạc nhiên thích thú:

... Em tan trường về
Anh theo Ngộ về
Chân anh nặng nề
Mai vào lớp học
Anh còn ngẩn ngơ...
...Môi em mỉm cười
Mang mang sầu đời, tình đời!

... Em làm trang tôn kinh
Anh làm nhà sư buồn
Đêm đêm buồn tụng đọc
Lòng chợt nhỏ xuống vũng
Đội nhau từ mấy thuở
Tìm nhau cõi vô thường
Anh hóa thân làm mực
Cho vừa giấy yêu đường.
(Pháp Thân)

Tuy nhiên công trình thi hóa Kinh Ngọc - Qua Suối Mây Hồng - Kinh Hiền - Kinh Thở và Đoạn Trường Vô Thanh thực sự Phạm Thiên Thư đã tỏa sáng giá trị tuyệt đỉnh của ảnh hưởng cao xa Phật Giáo trong nền tảng văn học Việt Nam hiện đại. Vũ Hoàng Chương được đánh giá cao như một Bắc Đẩu của dòng thi ca dân tộc, ông đã để lại cho đời nhiều tác phẩm thi ca lỗi lạc với nội dung chứa chan tình yêu quê hương, tình yêu giữa con người với con người, qua thể tính triết lý nhân bản khai phóng và từ ái của đạo giáo Á Đông, nhất là tinh chất bất bạo động, cho dù phải thăm lặng chấp nhận sự hủy thế để củng cố đường đạo pháp như trường hợp Lửa Từ Bi hay trong thơ Pháp Nạn như một thảm họa chung của dân tộc:

... Bầy chim kêu thủng
Nặng trĩu một trời oan khuất
Ngóng về Nam, về Bắc
Cả hai phương sừng sững dựng
mây thành

Sân chùa cây bật gốc
Triền miên tử khí vây quanh
Giở cúng trái hải hùng mưa gió
Từng tiếng kêu bé nhỏ
Rào kềm gai xé nát hồi thanh

Cá dưỡi khe vọng về đông khắc
khỏi
Sao lắng nghe từ màu xanh

Của sông phiêu lưu của biển tung
hoành
Chỉ thấy nước hồ ao nằm trong tù
độc thoại

Muôn trùng cửa khóa
Hồi bốc lên mùi máu còn tanh
Biển cuốn về bao nhiêu góc
Sông chia làm mấy mươi ngành
Bọc trong gai, nghẹn lời kinh
Giật về đầu lúc tâm tình nửa khuya
Những đá núi đây
Và lá rừng kia
Cắm thù gan héo nát
Mồ hôi nước mắt tháng năm đây
Thoắt đã cùng chim cá
Vùng lên tất cả
Niệm mười phương Phật hưởng về
Tây

Cờ phất năm màu rợp sử xanh
Một phương chim Việt ngóng mây
lành
Cẩn tay bạo ngược liều bom đạn
Nổi tử bi giải sắt danh

Phật hiện bóng lên người vũng
bước
Trời quay mặt lại quỷ rơi nanh
Rằng xe diệu pháp ba ngàn cõi
Một cõi này thơm vết dấu tranh...

Những ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng Phật Giáo trong thi ca chúng ta còn tìm thấy trong những tác phẩm của Quách Tấn, Tuệ Sỹ, Phạm Công Thiện, Tuệ Mai, Bùi Giáng, Nhất Hạnh, Cao My Nhân, Nhã Ca... Trong mỗi Sát-na của đời sống con người cuốn hút vào cơn lốc đảo điên của vọng tưởng. Qua bao nhiêu sinh diệt của kiếp người, tâm động triền miên như sóng vỗ vào ghềnh đá. Thời gian trôi qua, lịch sử đã biến thiên theo từng giai đoạn thăng trầm. Con người đã tự chia phân từng biên giới ý thức hệ khác nhau. Tự trói buộc vào sự ích kỷ đầy trầm thống khổ đau, u minh mê muội, đã phá sản bản chất từ thiện uyên nguyên. Như những đứa con của Mẹ qua cơn bão lửa khủng khiếp trên quê hương đã xuôi ngược bặt ngán trên khắp cùng thế giới. Cuộc hành trình vào miền đất tự do nghiệp ngã xót xa, ở nơi chốn lưu đầy đất khách, lúc nào tâm tưởng cũng hướng về nơi nguồn cội sinh thành. Ở đó hình ảnh mái chùa cong ẩn sau vòm lá xanh biếc, hồi chuông công phu sớm chiều tỏa rộng trên dòng sông êm ả, tỏa ngát trên những cánh đời đầy sương mai, diu dặt trong thình không buổi hoàng hôn hiu hắt vàng trên đỉnh núi:

Thấp thoáng đâu đây cảnh tượng
làng

Có con đường đỏ chạy lang thang
Có hàng tre gợi hồn sông núi
Im lặng chùa tôi ngập nắng vàng

Có những cây mai sống trọn đời
Bên hàng tùng bách mãi xanh tươi
Nhìn lên phảng phất hưởng trầm
tỏa

Đức Phật tử bi miệng mỉm cười

Tôi nhớ làm sao những buổi chiều
Lời kinh giải thoát vọng cao siêu
Đấy ngôi chùa cổ ngày hai buổi
Cầu nguyện dân làng sống mến
yêu

(Huyền Không)

Đi đâu rồi cũng cảm thấy mình cô
đơn buồn nhớ quê nhà. Nỗi niềm
thường cảm vẫn ray rứt như vết chàm
khó phai trong tâm khảm người đi. Thi
sĩ Huyền Không đã thể hiện trung thực
nỗi cảm hoài đó trong bài thơ Nhớ
Chùa:

... Biết đến bao giờ trở lại quê
Phân vân lòng gởi nhớ nhung về
Tặng thưởng dù có bao nhiêu nữa
Cũng nguyện cho chùa khỏi tái tề

Chuông vắng nơi nao nhỏ lạ lùng
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông

(Huyền Không)

Đời sống chùa hẳn chỉ có nhu cầu
vật chất cơm ăn áo mặc, tiện nghi đầy
đủ, sẵn sàng phục vụ thể xác tối đa,
nếu cứ buông thả tự biến mình như
con ốc vô trí buồn thảm trong guồng
máy thực dụng. Con người vốn dĩ là
"cây sậy có tu tởng" (Pascal) nên
chúng ta cứu mang trăm ngàn mối tu
duy, xem cuộc sống như mây trôi, như
nước lũ qua cầu, trở về cõi an nhiên tự
tại để chiêm nghiệm nỗi niềm xót xa
của kẻ lưu đày nơi đất khách. Thi sĩ
Viên Lý đã diễn tả tâm sự của người lữ
khách mơ về quê cũ:

Giọt sương khuya đọng ba ngàn
cõi

Tịch tịch trầm tư ngọn cỏ bông
Vết trắng loang lổ trên thềm vắng
Ai bảo dùm ta lẽ có không

Vẫn một cành mai xa xưa cũ
Mang đây bản vị thuở ban sơ
Có chi trường cửu trong trần thế

Bên thềm trăng vẫn sáng lung linh
Cỏ bông, đêm vắng sương khuya
giọt

Vô tận thời gian cảm lặng qua
Ngày đi đêm lại sống đông trọn
Vô lượng hà sa thế giới trung
Điệp trùng chuỗi xích Hoa Nghiêm
kết

Quê cũ đường xưa mây lửng lơ.

(Viên Lý)

Cho dù không gian, thời gian nào,
những nhà thơ nhà văn Việt Nam
không bao giờ chịu khuất phục trước
những phá sản tâm hồn, tiếp tục bảo
tồn và phát huy văn hóa dân tộc.
Chúng ta ghi nhận những đội ngũ văn
hóa như Võ Phiến, Mai Thảo, Du Tử
Lê, Minh Đức Hoài Trinh, Duy Lam,
Nguyễn Sa, Nghiêu Minh, Nguyễn
Mạnh Trinh, Luân Hoán, Vi Khuê...
Ngoài những thi phẩm chất chứa tình
quê, nỗi nhớ nhưng quá khứ êm đềm,
còn ẩn dụ những tư duy sâu thẳm, lối
đi về thiên cổ vượt tôi bên bờ Bát Nhã
Chân Như trong những trang thơ
nguồn thiên như huyền của Thi sĩ
Nghiêm Xuân Hồng:

... Học ngược Đồng Tử miền Hoa
Tặng

Túy lúy cần không một lỗ lông
Thấy Sái - Cam Lò búng chiếu
sáng

Hào quang muôn trượng - dạ thong
dong

Đáy nước mờ trắng trắng nào thấy
Chỉ thấy muôn vàn đốm lửa yêu
Hãy mờ Tâm để quang lồng lộng
Một điểm không hư vạn kiếp đây...

Từ ngày ở quê nhà, nữ thi sĩ Tuệ
Nga đã tạo hưởng thơ độc đáo tòa
ngát hương Đạo Tử Bi, bằng bạc nét
vẽ Thiên Môn Tịnh Lạc. Ở hải ngoại,
hơn hai mươi năm qua, cõi thơ Tuệ
Nga vẫn tiếp tục lên đường với hành
trang đầy đạo hạnh và chứa chan tình
tự quê hương.

... Chiều về mây trắng đan tở
Mây nghiêng thung lũng nghe bỏ
vở sầu

Thoảng xa chợt tiếng kinh cầu
Gió chiều thanh thần nhiệm màu
Nam Mô

Đêm về kệ biến thành thơ
Dòng xanh xanh ngát tờ hoa Chiên
Đàn

Nam Mô Vô Lượng Thọ Quang

Lại nghe thanh thoát ngân vang
chuông hiền

Như dòng suối mát triều miên
Búp Lan Vừa Nở cánh trên giấy
hồng

Đất trời một thoáng Hư Không
Lời Thở Tiếng Kệ bành bồng hoa
mây

(Búp Lan Vừa Nở)

Tập thơ đầu tiên cũng là tập thơ
duy nhất của nhà văn Mai Thảo "Ta
Thấy Hình Ta Những Miếu Đền" ấn
hành ở hải ngoại có nhiều bài ảnh
hưởng sâu xa từ tưởng Lão và Phật
Giáo. Cái thần chẳng khác căn nhà trú
tạm ở thế gian. Cuộc rong chơi đầy
men say và văn chương lý thú, khắp
cùng với bằng hữu cho đến ngày mỗi
mệt và nằm dưới bóng mát Phật Đài
vĩnh hằng cực lạc:

Nằm đây dưới bóng cây xanh
Nhìn qua lá biếc lại xanh sắc trời
Mát thơm đất trải bên người
Nghe trong ấm lạnh da người càng
thơm

Đất lên hưởng, thấm qua hồn
Nghe Vui thoáng đến với Buồn
thoảng đi

Giữa giờ trưa nắng uy nghi
Bóng vầy vầy nhẹ hàng mi cúi đầu

Người nằm nghe đất bao lâu
Tai nũng ngọ tiếng đời sau thổ dài
Lung linh sóng nắng đan cài
Cõi Trong điệp điệp Cõi Ngoài
mang mang

Chợt đầu rụng tiếng phai tàn
Rời gửng nửa dáng nắng vàng trôi
qua

Linh hồn thiệp giữa triều hoa
Bóng hình thôi đã nhạt nhòa quanh
thân

(Nghe Đất)

Vốn dĩ đã có Phật tính trong tâm
hồn, nên cho dù ở cõi thơ nào của
sáng tạo, những nhà thơ Việt Nam đều
chuyên chở những ý niệm Phật giáo,
như trường hợp Du Tử Lê đã biểu lộ
trong bài Sơn Tự Thi khi tỏ tình với
người yêu bằng triết lý hiện sinh đầy
đây oan trói buộc. Ông không thánh
hóa tình yêu vào những trang kinh
màu nhiệm, nhưng thi sĩ cảm nhận sự
hiện hữu "cảnh hoa tay Phật: lòng 'Ca
Điếp" tuyệt vời ở chung quanh đời
sống:

... Người trốn vô kinh vẫn thấy đời
Khấp cùng sơn tự ảnh hình tôi
Đừng quên sẽ chẳng bao giờ nhỏ
Ai khảo ra mà người cung khai

Nếu hiểu rồi ra là cát bụi
Kinh nào uyên áo hỏn vô ngôn
Sơn tự là tôi em hãy trú
Có cũng xong. Mà không cũng xong

Hãy khép trang kinh trả lại đời
Cứ gì sơn tự môi an vui
Ủ hưởn cuối kiếp cho nhân loại
Ngã mạn đời sau, em của ta

Diện bích ngàn năm vẫn bất an
Nhờ em thừa lại với Quan Âm
Cõi tâm tôi trụ nơi nào nhỉ
Phải chính tình em? Chính mắt em...

Thế giới thi hóa tình yêu là ngôn ngữ vượt thoát tột đỉnh cao tuyệt vời của nghệ thuật, của sự thăng hoa đích thực chân thiện mỹ, vì thơ là sứ giả của Tình Thượng và Hòa Bình đã đưa nhân loại gần gũi nhau hơn.

Những ý thức sâu xa bên rễ tử máu huyết tự tưởng Phật giáo hơn hai mươi thế kỷ, Dân Tộc Việt Nam đã từng biểu hiện bản chất hiền hòa, nhân hậu, không thù hận lâu dài. Lấy tình thương xóa bỏ hận thù. Không có chiến công nào oanh liệt bằng chiến thắng tự lấy tâm mình. Trong kinh Pháp Cú đã dạy: "Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự hỷ lạc sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng với hình".

Chúng ta hãy tưởng tượng một cách hạnh phúc, một ngày nào đó trên quê hương Việt Nam, đích thực có mùa Xuân thanh bình Tự Do Dân Chủ thực sự, sớm chiều tiếng chuông ngân vang, tiếng trống trường khua giữa tiếng cười trẻ em rộn rã vào lớp học. Chuyện đầu sông hay cuối sông không còn là nỗi ly cách triền miên. Người đã gặp lại người như câu chuyện trùng phùng lịch sử của đàn con yêu dấu Mẹ Âu Cơ. Những bão tố đau thương sẽ tan đi, tâm sẽ lắng đọng như mặt hồ tĩnh lặng. Tất cả rồi sẽ tan chìm trong mỗi phút giây đời sống phù trầm oan nghiệt. Cuộc đời sẽ tươi đẹp hơn, rực rỡ hơn, tương lai êm đềm như suối nghe kinh, chim cúng trái, hoa Vô Ưu tỏa ngát hương trần gian. Mùa xuân đạo hạnh chứa chan trong lòng nhân thế, mọi giác mở an

lành hôm nay chúng ta hãy cầu nguyện sớm trở thành sự thật.

Nam Mô
Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

(Đã được trình bày trước Chư tôn đức và quý đồng hương Phật Tử tại Tu Viện Bảo Pháp trong Ngày Kỳ Niệm 10 Năm Xây Dựng Chùa Diệu Pháp tại Monterey Park) ●

Thiếu? Đủ? Dư Thừa?

THƠ ● Ý NGÀ



Cuối năm phố người tung-bùng nhộn-nhịp
Sáng đủ sắc màu giăng vạn nẻo đường
Nghe trong đủ thừa cuộc sống tha hương
Thiếu đoá mỏng gò đỏ màu sập gụ
Thiếu tiếng rao quen hàng quà quyến rũ
Thiếu lũy tre xanh, thiếu cụm lục bình
Thiếu giọng hò ngân ngọt những chân tình
Thiếu những luống rau xanh màu quen thuộc
Nhớ tiếng ai đi khua đều nhịp guốc
Nhớ con sông xưa uốn khúc hàng dừa
Nhớ nhịp võng quen tay Mẹ đong đưa,
Nhớ bóng trẻ con trần trường vọc nước
Nhớ chân vụng về áo dài tha thướt,
Bên những cơn mưa ướt cả lối về
Ủ kín thư tình, trang vở ngô nghê
Ôi những cơn mưa một thời áo trắng.

.....
Nhớ dáng ai đi vai quần gánh nặng,
Suốt cả một đời nhẫn nại nuôi con,
Giữ vẹn lòng son, sau trước vương tròn,
Sấn sóc, nâng niu; ngày đưa, tối đón
Nhớ tiếng thốt vang những lần dao gọt
Nấu chín một đời những món quê hương
Thường cho đời Mẹ an phận thủ thường
Đã ban cho con tình thương âm ỉ
Con nghe tê dại thiếu từng hương vị
Vị ngọt vào đời thơm những lời ru
Ủ những tháng đông phủ kín sương mù
Suối ấm tháng ngày chìm trong băng giá
Vị thơm khoanh cá nhuộm vàng nghệ, sả
Vàng cả cuộc đời lưu lạc tha hương
Vị cay bụi ớt đầu ngô thân thương
Tìm những hoa cà tìm ai đắm đuối
Ở những lát xoài giổi hờn chén muối,
Vị chua lát khế còn ở bờ môi
Có nhớ dùm cho ai những bài hò...?
Hận quân vô loài ra tay nghiền nát,
Thôn xóm tiêu điều, điêu linh, xơ xác,
Hại cả giống nòi cơ cực lầm than
Tan tác chia lìa, thị nát, xương tan
Phủ kín quê hương trong cờ đỏ máu

Thiếu? Đủ? Dư Thừa? Nơi đây nương náu!

Câu chuyện thơ ĐƯỜNG LUẬT

• VŨ KÝ

Gần đây, trong nhiều thi phẩm được xuất bản hay in rải rác trên các báo chí hải ngoại, chúng tôi nhận thấy có một nguồn cảm hứng súc tích khá dồi dào, mà các bạn văn - phần nhiều cao niên - diễn xuất bằng một dòng văn học mà ta tạm gọi là Lối Việt, ý Việt, luật đường.

Trước kia, hồi còn trong nước, thì điều này không mấy ngạc nhiên vì trong vườn nhà, trước hoa cỏ nhà, tình tự dân tộc lắng đọng trên mảnh đất quê hương, tâm tư không vướng sâu vạ cổ vì nỗi biệt xứ ly hương của văn nhân thi sĩ. Nhưng phục hưng dòng văn học cổ điển Việt Nam này, trong thời điểm và môi trường hiện tại của người Việt lưu vong để góp phần xây dựng và bảo tồn nền văn học nước nhà thêm phong phú và đa dạng, thì đó là một điều đáng mừng và vô cùng khích lệ. Cái thần bút của các tài hoa cổ điển Việt Nam như Hồ Xuân Hương, Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương v.v... và trong thời cận đại như Phan Sào Nam, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị v.v... chỉ kể chừng ấy thi nhân, biết ngưng ở chỗ nào cho khỏi hối tiếc! Vẫn còn ngân vang trong ký ức thâm trầm mọi người, và chẳng đã làm rục rỗng nhiều cho vườn Tao Đàn nước Việt đó sao? Và đó cũng là phần *vững chắc*, đích thực nhất mà các chứng nhân lịch sử nói trên đã lưu lại cho các thế hệ mai sau, qua công phu hứng khởi của mình. Họ mài miệt trên suối lệ thơ thổ lộ tâm tình, uẩn khúc cá nhân trước thời cuộc, thế tình, trước nội tâm biến sắc và trước lẽ xuất xứ ở đời.

Vào tàn thu 1985, nhân một cuộc hành hương tại Lourdes, ở miền Nam nước Pháp, nơi Đức Bà đã xuất hiện nhiều lần vào thế kỷ trước, biến địa danh này thành một thánh địa quốc tế, chúng tôi có ghé thăm cụ Vũ Tùng Chi, một vị nhân sĩ vừa là giáo sư, vừa là hội viên văn khố của Viện Hàn Lâm Bordeaux Pháp quốc. Để gợi ý và bổ túc cho một cuốn sách văn học mà chúng tôi sắp tái bản "*Nghệ Thuật Lâm Văn Đọc Văn*", chúng tôi có dịp đàm đạo và thảo luận cùng Vũ tiên sinh vài ý

niệm về nội dung, thi tứ, bút pháp, cấu trúc của thơ Đường Luật, vì chúng tôi được biết lúc còn ở Việt Nam, cụ là một trong những tài danh nổi tiếng về thi pháp này. Vũ Tùng Chi có cho tôi xem một số thơ mà cụ vừa sáng tác, vừa xướng họa trong hoàn cảnh ly hương, đăng trên các tập san, tạp chí văn hóa xuất bản gần đây ở hải ngoại mà ở đó, các bậc cao niên cũng đã nêu nhiều vấn đề về thơ đường luật.

Sau những buổi thảo luận đặc sắc mà chúng tôi tưởng nên trưng ra đây và đó cũng là tôn ý của Vũ Tùng Chi để luận bàn và thỉnh thị ý kiến các bạn thức giả xa gần cùng đóng góp về một trường thơ - một dòng văn học tưởng đã đi vào quá vãng, nhưng trái lại luôn luôn hiện diện và trường tồn mà chúng ta có sự mệnh văn hiến bảo tồn, phát huy hồng nối tiếp người xưa theo thị hiếu và thi khiếu của mỗi cá nhân.

Vũ tiên sinh đại cường phác họa cùng chúng tôi vài nét về một bài thơ đường luật mà Cụ cho rằng chân chính. Tôi ngắt lời:

- Thế Cụ bảo lâu nay các bậc văn thi nhân chúng ta không làm thơ đường luật chân chính hay sao?

- Không phải đâu. Cụ chậm rãi giải bày ý kiến, trước sự ngạc nhiên của chúng tôi về sự ngỡ vực văn chương nói trên của Cụ. Theo tiên sinh, về thơ đường luật có nhiều quan điểm dị biệt:

- Người ta ca tụng cho rằng thi tứ thực dồi dào, súc tích như một bể nước mặn ta cô lại thành những viên muối nhỏ, âm điệu vô cùng uyển chuyển, đọc lên nghe vô cùng êm ái du dương, nhờ luật trong đục bằng trắc và tiết tấu, vần điệu của câu thơ. Người chỉ trích thì bảo rằng thơ đường luật quá khó và hạn vụn, vì quy tắc, vì bố cục v.v... Người làm thơ theo đường luật bị quá nhiều ràng buộc trong cái khuôn khổ chật hẹp ấy, không làm sao diễn tả đầy đủ, trọn vẹn và chính xác ý tứ, tâm tư của mình. Hạ xong câu kết mà vẫn thấy nội dung mình muốn diễn đạt chỉ mới có nửa vơi. Có nhiều bài đọc xong, ta thấy tác giả còn thêm muốn nói nhiều hơn nữa.

- Thế thì ta phải cô đọng và súc tích hơn để nhốt tất cả vào trong 56 chữ, hoặc muốn diễn đạt trọn vẹn thì tốt hơn là nên làm thơ theo thể liên hoàn.

- Theo ý tôi - lời Cụ nói - nếu chọn lối sáng tác theo phương thức thứ nhất, nghĩa là phải thực vô cùng chọn lọc, điều luyện ở nguồn cảm xúc, ở cách cấu tứ, ở bút pháp, hình thức, muốn thế nghệ thuật làm thơ phải nâng lên mức tối đa.

Ở đây chúng tôi không muốn khơi lại - Cụ tiếp lời - cuộc bút chiến về thơ cũ thơ mới nổi dậy cách đây mấy mươi năm xa lắc, nhưng thực tế là những bậc cao niên và một số bạn trẻ vẫn còn thích làm thơ đường luật, như thế không có nghĩa là nó

đã tắt, và thi pháp này vẫn còn được số đông mến mộ.

Theo thiên ý, thơ Đường Luật cũng giống phần nào với công trình nhà họa sĩ, nhạc sĩ. Vì sáng tác một họa phẩm, ngoài ý tứ hàm súc gói gắm ở trong, họa sĩ còn phải chọn lọc các nét chấm phá thực đẹp để và thanh nhã: dụng cụ như vải, lụa, giấy, sơn, mực, màu sắc v.v... phải lựa thủ thật hào hạng. Có như thế, bức họa mới tăng thêm nhiều giá trị.

Vì sáng tác một bản nhạc, một bài ca, nhạc sĩ đã lồng vào trong ấy bao nhiêu tâm tư uẩn khúc. Ta há chẳng nghe có nhiều người nói: đó là bản nhạc của lòng tôi! đó sao. Ngoài ra, nhạc sĩ phải lựa lời tìm tiếng tao nhã, êm dịu, du dương hoặc kích thích, phấn khởi. Tùy nhạc chất mà biến lời, thay giọng...

Còn sáng tác một bài thơ, ngoài sự gói gắm tâm tình, mô tả trạng huống, trình bày cảnh trí, thi nhân phải cân nhắc so sánh, đối chiếu, đãi lọc từng chữ, từng câu, từng tiếng cho ý và lời thích đáng, để cho người đọc vừa cảm cái nội lực thâm trầm của ý thơ, vừa thưởng thức văn chương nữa. Chẳng khác gì một người thợ khéo, muốn chế phẩm mình tuyệt hảo, vừa trang nhã bền bỉ, lại có chất thì phải đi tìm mọi mồn con mắt các vật liệu nguyên liệu quý giá để trên cái đó, tô điểm tài nghệ của mình.

Ý tứ, tâm tư, tình cảnh, trạng huống của nhà nghệ sĩ hàm ẩn trong bức họa, bản nhạc, bài thơ, là thuộc về phần tinh thần (hồn thơ). Dụng cụ, lời tiếng, bút pháp là thuộc thực chất. Tinh thần phong phú mà thực chất kém cỏi thì tác phẩm giảm giá trị. Ngược lại thực chất dồi dào mà tinh thần nông cạn thì cũng vậy. Cho nên họa sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ đã có phần tinh thần, đồng thời phải có phần thực chất. Thiếu một phần là hỏng bài thơ nói chung, bất kỳ về loại thơ nào, nhất là về thơ đường luật.

Có thể nói trong một thi sĩ chân chính, vô hình trung còn một "thợ thơ" ấy vậy. Nhiều người không tán đồng với tôi về nhận xét này.

- Lý luận của Cụ làm tôi nhớ đến một ý kiến của Phan Khôi viết từ đầu thế kỷ, nhấn mạnh đến việc cấu tứ và nội dung của thơ, bất luận thơ cũ hay thơ mới: "Thơ chẳng những là một câu nói có vần có điệu, mà còn có cảnh nữa. Cái ý cảnh nó nên thơ thì mới là thơ. Ý cảnh nghĩa là cái cảnh tạo ra bởi cái ý của tác giả. Nó chiếm hết chín phần mười trong câu thơ, không có nó, chỉ có vần và điệu thì thơ không thành. Văn chương trong thơ luật Đường chẳng những để diễn tả ý tình của thi nhân, mà còn cột tạo ra sự đẹp súc tích, cô đọng, ít lời nhiều ý. Có đẹp mới cảm người đọc được. Có vần có điệu mà không có ý cảnh nên thơ, thì phải gọi là gò chữ,

không gọi là thơ được. Phải biết thơ là như thế trước đã, rồi hãy nói đến thơ lối cũ hay lối mới. Chúng ta tranh nhau là ở chỗ ý cảnh: vút ý cảnh đi thì cũ hay mới cũng chẳng làm gì (Phan Khôi). Ví dụ hai câu sau của Bà Huyện Thanh Quan hẳn vừa có ý cảnh mà còn vừa có tinh thần và thực chất theo lời Cụ nói: "*Còi mục thét trắng miền khoáng dã. Chài ngư tung gió bãi bình sa*".

- Ông nói rất đúng. Vũ tiên sinh thêm. Tóm lại thi pháp Đường Luật có nhiều ràng buộc, qui tắc khó khăn nghiêm khắc. Tuy nhiên hồn thơ của chúng ta theo được cái qui tắc khó khăn và nghiêm khắc ấy để diễn xuất tinh ý, thì mới được gọi là một thi sĩ tài hoa gồm cả hồn thơ và xào thuật.

Một số chúng ta sáng tác theo lối thông thường, cốt diễn xuất tư tưởng tinh ý trung thực với mình, và không sai niêm, vần, bằng trắc là được rồi. Cổ nhân cho rằng như thế là đúng với hạ tầng cơ sở của Luật thơ Đường (gieo đúng vần, tôn trọng bằng trắc, không sai niêm luật, đối đáp vừa đủ). Thế là tạm được thỏa mãn. Nhưng có người nghiêm khắc hơn lại liệt lối thơ cũ nghiệp ấy vào loại vận văn (vần văn) mà thôi.

Còn đề cập "thượng tầng kiến trúc" của thơ Đường Luật thì quả có nhiều phức tạp, khó khăn và bó buộc nữa.

Văn thi sĩ Quách Tấn mà ý thơ điêu luyện, lời thơ bóng bảy chải chuốt, vừa là bạn tâm giao của tôi đã từng xuống họa nhiều lần (lời của Vũ Tùng Chi) hồi còn bên nhà đã dày công sưu tầm, nghiên cứu, soạn thảo 3 tập "Thi Phong Đường Luật, mỗi tập dày trên 300 trang, tiếc là hoàn cảnh chưa cho phép ấn hành, thì thời cuộc rồi ren xầy đến.

- Thưa Cụ, thế thì Cụ nghĩ thế nào về các bài thơ Nôm - rất nôm na - làm theo luật Đường của Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Hồ Xuân Hương v.v... ý tình có đủ chọn lọc, lời chữ có đủ sức tích không mà gây nổi một thời danh trong văn học sử Việt Nam đó vậy?

Vũ tiên sinh ngần ngại một hồi lâu rồi cất vấn tôi lại:

- Thế ông là một nhà văn lại một nhà giáo giàu kinh nghiệm, dày công khảo cứu, ông nghĩ sao về thơ niêm luật Đường của các bậc tài danh ấy, nhất là Nguyễn Khuyến mà người đời trịnh trọng gọi là Tam Nguyên Yên Đổ?

- Tôi đến xin đàm luận với Cụ về thơ luật Đường nói chung, mà Cụ hỏi lại tôi về thơ nôm Đường Luật của các nhà thơ cổ điển Việt Nam nói trên. Thơ Đường của họ có điểm không đúng hẳn với quan niệm, lý thuyết về thơ Đường Luật mà Cụ vừa nêu ra. Phần nhiều Đường thi hay các nhà làm

thơ Đường Luật trước kia của Trung Hoa như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Trương Kế, Thôi Hiệu, Trịnh Cốc v.v... nếu phải xếp loại theo các trường phái Tây phương, thì họ theo Ấn tượng phái hoặc Tâm tâm phái. Và cũng giống như trong hội họa, phái ấn tượng là khuynh hướng cốt ghi chép các cảm giác, cảm xúc bất chợt thoáng qua của mình, sự biến chuyển của mọi sự vật trong tâm hồn và ở ngoại cảnh, hơn là họ trình diễn cái phần Tĩnh và Bất động của sự vật. Còn Tâm tâm phái mà các nhà thơ Đường luật, tuy không nói nhưng rất trung thành, có nghĩa là đi sâu vào những tình cảm, tâm tư sâu kín, uẩn khúc của lòng mình, nội quan thâm lặng của bản ngã, và diễn tả với giọng điệu bình dị, thân tình. Cả hai trường phái ấy, xét theo định nghĩa của nó, đều có trong thơ Đường Luật, và còn trội hơn cả phái trữ tình trong các bài thơ mới đây lãng mạn là khác. Tạm nêu ra đây vài ví dụ: Bài "Tĩnh Dạ Tu" của Lý Thái Bạch sẽ được trích dẫn ở trang sau thuộc về ấn tượng phái (impressionnisme) mà tôi đã nói ở trên.



Còn bài "Ưu Đông Sơn", nội dung rõ là về tâm tâm phái (intimisme).

*Bất hướng Đông sơn cử
Tường vi kỹ độ hoa
Bạch vân hoàn tu tán
Minh nguyệt lạc thủy gia*
(Đỗ Phủ)

Tạm dịch:

*Lâu ngày chưa vắng non Đông
Tường vi máy độ đơm bông này chồi
Hợp tan mây bạc còn trôi
Trăng ngà thuở nọ lạc soi nhà nào?*
(V.K)

- Ông có những nhận xét khá uyên bác, nhưng theo tôi, thơ Đường luật của ta hoặc của Tàu còn gồm nhiều trường phái hơn nữa, mà tôi sẽ dẫn chứng sau đây, với đôi bài của Trương Kế và Trịnh Cốc v.v... Và ảnh hưởng của Đường thi đối với một số chúng ta vẫn còn nhiều sâu đậm và tốt đẹp, dù có nhiều người không thuộc hết Đường thi, ấy chính là vì cái mỹ cảm súc tích và âm điệu nhịp nhàng, giàu nhạc nhất của nó lắng đọng trong hữu thức và

tiềm thức của các bạn văn thơ. Cái mãnh lực đào luyện tinh thần của Đường thi vô cùng hữu hiệu đối với các nhà thơ cũ, và ngay cả các nhà thơ mới nữa. Nghe tiếng quạ kêu xao xác trong đêm thu, Quách Tấn trong Mùa Cổ Điển đã viết (nói đến đây Cụ vói tay lên kệ sách, lấy một thi phẩm đã nhàu nát và giở ra đọc):

*Trời bến Phong kiều sương thấp
thoáng*

*Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng
Bồi hồi thương kẻ nường song bạc
Lạnh lẽo sầu ai rụng lá vàng...*

Làm như là trên Bến Chương Dương của đất Sài Gòn ta, sương mù mà không dẹt nên một màn trắng xóa, và sông Hương lạnh lẽo ở cổ đò không có những bến thuyền tịch liêu, mặt nước bao phủ vài cọng lá vàng. Ý thơ Đường đã thấm nhuần vào căn não, ăn sâu vào tiềm thức. Cho đến văn thơ của một nữ sĩ, sao người thơ lại cảm xúc y như nàng Ban à Tạ của Trung Quốc xa xôi. Tả buổi sớm thu, Ngân Giang viết:

*Nắng hạ chóng tàn, hồ cũ hơi men đã
nhạt*

*Tin thư đưa lại, ngô đồng một lá vừa
rơi!*

Ông thấy không, hiển nhiên ý thơ rút trong thơ Đường:

*Ngô đồng nhứt điệp lạc
Thiên hạ cộng tri thu.*

Hình như lá tre, lá bàng rơi không thể báo hiệu mùa thu được vậy. Hồn thơ Đường, ý thơ Đường, đã gây thành bao nhiêu công thức, tư tưởng, tình cảm thi nhân nước ta, chủ đừng nói đến ở nước Tàu. Tôi nói lang bang quá, xin trở lại để chất vấn ông về thơ Nôm cũ của ta không có cái hàm súc và cổ kính của Đường thi lão luyện, vậy nhờ đâu mà các bài thơ Đường luật rất nôm na của các Cụ nhà ta thuở trước như Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ chẳng hạn, còn được lưu truyền hậu thế? Cụ lại hỏi thêm tôi.

- Theo tôi, thơ Nôm của các bậc tiền bối không bao giờ bị lãng quên trong ký ức mọi người, chỉ vì các nhà thơ ấy như Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương v.v... dậy nguồn thi hứng của mình từ đáy sâu thẳm của hồn Việt để trở về vào lòng người Việt. Họ thành công trong sự đạo tình đạt cảnh Việt Nam đó vậy, tuy họ cũng dùng cái vỏ thơ Đường. Thơ Nôm của thi sĩ họ Hồ trong Xuân Hương thi tập, các bài bát cú của Nguyễn Công Trứ, của ông Tú Vị Xuyên và Tam Nguyên Yên Đổ đều diễn đạt những uất hận, nghẹn ngào của tâm tư, những mơ ước của hoài vọng, hoặc những

cảnh tình nhẹ nhàng, êm dịu của đồng quê
tịnh dã, mà tất cả đều rất Việt Nam, từ ý
đến lời, đến cấu trúc và bút pháp. Sự
thành công của các văn thi tài ấy là do sự
đồng tình chấp nhận của toàn thể dân Việt
về cái tâm hồn, về cảnh sắc, về bản tính
dân tộc ẩn núp trong hồn thơ và tử thơ ấy.
Cái điểm điều luyện sắc sảo của chính họ
là ở đó, không phải ở cái xa vời, cổ kính,
uyên bác, hàm súc, đẽo gọt như các bài
thơ Đường luật Tàu. Xin hãy so sánh bài
Trăng Thu, Vấn Nguyệt của nữ sĩ họ Hồ,
hay các bài Thu Âm, Thu Vịnh, Thu Điếu
của Nguyễn Khuyến, với bài Trung Thu
Nguyệt của Bạch Cư Dị dưới đây:

TRĂNG THU

Một trái trăng thu chín mồm mòm
Này vùng quê đỏ, đỏ lòm lom
Giữa in chiếc bích khuôn còn méo
Ngoài khép đôi cung cánh vãn khòm
Ghét mặt kẻ trần đưa sói mọc
Ngửa gan thẳng Cuội đứng lom khòm
Hỡi người bè quê rằng ai đó?
Đó có Hằng Nga ghé mắt dòm.
(Hồ Xuân Hương)

VẤN NGUYỆT

Biết mấy trăm năm vẫn hỡi còn
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn
Hỏi Em Ngọc Thỏ đã bao tuổi
Chủ Chị Hằng Nga đã mấy con
Đêm vắng cớ sao quanh gác tía
Ngày thanh chút chẳng thẹn vàng son
Năm canh thơ thẩn chờ ai đó
Hay có tình riêng với nước non?
(Hồ Xuân Hương)

TRUNG THU NGUYỆT

Vạn lý thanh quang bất khả ty
Thiên sầu ích hận nhiều thiên nhi
Thủy nhân lũng ngoại cứu chính thú
Hà xử đỉnh tiền tận biệt lý
Thất sủng cô kỳ quy viện dạ
Một phiến lão tưởng thượng lâu thi
Chiếu tha kỷ hứa nhân trường đoạn
Ngọc thổ ngân thiên viễn hữu tri
(Bạch Cư Dị)

Tạm dịch

TRĂNG TRUNG THU

Vằng vặc trăng thu một sắc thanh
Sôi bao sầu hận khắp trời xanh
Sôi ngoài biên ải người xa cách
Sôi trước nhà không cảnh vắng tanh
Sôi tưởng lên lâu khi thất trận
Sôi ai về viện lúc phai tình
Ngân thiên ngọc thỏ hay chăng tá
Bao kẻ trông trăng xót nỗi mình
(Bùi Khánh Đoàn dịch)

Cũng như Đêm Mùa Hạ của Nguyễn
Khuyến, ta thử so sánh với tử thơ của bài
Tĩnh Dạ Tu của Lý Bạch:

ĐÊM MÙA HẠ

Tháng tư đầu mùa hạ
Tiết trời thực oi ả
Tiếng đế kêu thiết tha
Đàn muỗi bay là tà
Nỗi ấy biết cùng ai?
Cảnh này buồn cả dạ
Biếng nhấp năm canh chày
Gà đã sớm giục già
(Nguyễn Khuyến)

TĨNH DẠ TU

Sàng tiền khán nguyệt quang
Nghị thị địa thượng sương
Cử đầu vọng minh nguyệt
Đề đầu tử cố hương
(Lý Bạch)

Tạm dịch:

Trước giường thấy bóng trăng soi
Tuồng chường mặt đất sáng ngời ánh
sương
Ngóng trông trăng tỏ như gương
Cúi đầu trạnh nhớ cố hương xa vời...

Một đảng Việt, một đảng Tàu, cả hai
đều điều luyện, nhưng ở đây tiếng điều
luyện không cùng mẫu số chung. Và lại so
sánh về thi tài giữa các văn nhân thi sĩ là
một điều rất khó và tối kỵ. Thừa Vũ Tùng
Chi tiên sinh, tôi chỉ dám nêu đặc tính xuất
sắc của mỗi nhà, của mỗi thi phái Việt,
Tàu về thơ Đường Luật, mà không hề phân
ưu liệt, hơn kém vì "mỗi người mỗi vẻ, mười
phân vẹn mười".

Thơ là tiếng nói của con tim, và không
có tiếng lòng nào lại thành thực một cách
minh bạch, dung dị và thống thiết như
những vần thơ nôm na của các bậc tiền
bối ta đã nêu ở trên, tuy cũng sử dụng luật
thơ Đường.

Xuất thân từ các học "phú bách, thi
thiên", thế mà trong văn thơ nôm của Hồ
Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, ít thấy có
bóng dáng của Hồ Động Đình, sông Xích
Bích, núi Nga Mi, bến Tầm Dương xa lắc
xa ló.

... Nước biếc coi như tầng khói phủ
Song thưa để mặc ánh trăng vào
Mấy chùm trước giậu, hoa năm ngoái
Một tiếng trên không, ngỗng nước
nào...
(Nguyễn Khuyến)

Thực ra, muốn đạt cái giản dị, bình
thường, tự nhiên rất chất phác, hồn nhiên
ấy lồng trong thi pháp ràng buộc của thơ

Đường, người làm văn phải võ trang một
nghệ thuật thiết tinh vi, dày công phu trui
luyện. Lời nói bình dân mà biến thành câu
thơ văn hay, người thơ phải vận dụng một
kỹ thuật tìm chữ, dùng câu vào bậc thầy
mới mong đạt đến. Một điều nên nói là
dùng văn tử hoa mỹ diễm lệ, có khi còn dễ
hơn là dùng những từ ngữ thông thường
trong việc sáng tạo cái đẹp nên thơ. Vẻ
đẹp tự nhiên của cô thôn nữ ngây thơ làm
mê luyện nhiều hơn phấn son vàng ngọc
đầy mình của giai nhân đài các. Nhất là ở
các bài thơ Việt luật Đường, yếu tố tài hoa
dẫn đến sự đặc thể thành công của các Cụ
nhà ta trước là ở đây, theo thiên ý.
Thưa Cụ nghĩ sao?

- Những nhận xét của ông về các nhà
thơ Nôm của ta như thế là rất đúng. Nhưng
tôi cần thêm một điểm, mà tôi cho rằng
mới xét qua rất mâu thuẫn với các điều
ông vừa đưa ra, nhưng vẫn để bổ túc các
lý luận của ông.

Tùng Chi hớp cốc trà và nói tiếp:

- Một bài thơ gọi là "nhập đường" thì
phải chữ ít mà ý nhiều, thí dụ bài "Phong
Kiều Dạ Bạc" của Trương Kế. Trương Kế,
một thi nhân thời Thịnh Đường, lãng du,
ghé thuyền bên cầu Tây Phong:

Nguyệt lạc, ô đê, sương mãn thiên
Giang phong, ngư hỏa đối sầu miên

14 chữ mà mô tả hoàn toàn một đêm
sương mờ trăng lạnh, tiếng quạ nào nùng
ai oán, lửa chài leo lét bập bùng, cây trên
bờ sững sờ ù rũ, cảnh tượng thê lương, làm
cho giấc ngủ mơ màng của thi nhân cũng
chập chờn bất định.

Cô tô thành ngoại Hàn sơn tự

Dạ bán chung thanh đảo khách
thuyền.

Bỗng đầu tiếng chuông chùa Hàn Sơn
giữa đêm thanh vắng, chầm chậm ngân
nga vọng lại, làm cho khách trong thuyền
nửa mơ nửa tỉnh, khởi động đạo tâm lãng
lãng, với với được bầu tâm sự miên man u
uẩn...

Hay là sức nhỏ đến đài Cô Tô ở tỉnh
Giang Tô do Ngô Phù Sai xây dựng, và từ
đó đã bắt nguồn sự thất bại đau đớn của
một vị chúa tể, nước mất nhà tan vì say
đắm nàng Tây Thi giai nhân tuyệt thế?
Hoặc hồi ức chí nhẩn nhục của Câu Tiễn
ngậm đắng nuốt cay, nhục nhã vô cùng
khi phải nếm phân chó bắn để mưu đồ tòn
chùng cứu nguy, phục hồi giang sơn nước
Việt? Liên tưởng đến Hàn Tín lòn tròn giữa
chợ, để ngày sau hiển hách chiến công?
Và cũng có thể nghĩ đến Phạm Lãi, không
thờ bề trên hữu thủy vô chung, mà tìm
đường xa lánh chu du Ngũ Hồ?

Bài thơ "Phong Kiều Dạ Bạc" được
Khang Hữu Vi, đời nhà Thanh, khắc lên bia
đá bằng đại tự, dựng trước chùa Hàn Sơn.

Như thế chúng tôi hai tú tuyệt ngán ngủi này có giá trị dường nào...

Một bài thơ khác cũng gây niềm xúc động cho chúng mình: Tàn Hoài Biệt Cổ Nhân của Trịnh Cốc:

Dương tử giang đầu dương liễu xuân

Dương hoa sầu sát độ giang nhân

Sở thanh phong địch ly đình vận

Quân hưởng Tiêu tương, ngã hưởng Tàn...

Trịnh Cốc thi nhân đời Văn Đường, tiền bạn trên sông Tàn Hoài, một chi lưu chảy vào Dương Tử Giang, trên bờ sông Dương Tử, rặng liễu xanh non, phơi phơi soi bóng trên khúc Trường Giang, hoa dương lại điểm cảnh trở sắc, quang cảnh xinh tươi, thế mà không người được lòng buồn rười rượi của kẻ sắp chia lìa bạn cũ! Ngược lại, hoa kia còn thêm khêu gợi ư ầu, mỗi sầu giết chết người! Bịn rịn giữa đôi tri kỷ, ngổn ngang trăm mối bên lòng! Trên bến Tàn Hoài, lặng nhìn nhau mà một tâm sự miên man trừ tưởng, không nỡ vội cùng nhau từ tạ! Mãi đến khi vắng nghe giọng sáo theo gió vọng lại, mới biết là trời chiều đã muộn, đành cam gặt lệ chia phôi!

Thôi bạn hãy theo hương Tiêu Tương qua vùng nước Sở, còn tôi, tôi lủi thủi ư sầu quay gót về Tàn. Tàn và Sở, hai nước thù nghịch chiến chinh. Thế là đôi bạn thiết này, kẻ Sở người Tàn, không vì chí hướng dị biệt, đường lối khác nhau mà bỏ mất giao tình cố hữu tri kỷ tri tâm.

Cũng giống như đôi bạn Trịnh Cốc, thời xưa Ngũ Tử Tư và Thân Bao Tự, một người húng Sở, một người vong Sở, vẫn xem nhau là chí thiết, chí tình.

Than ôi! Cùng một nòi một giống, máu Việt Nam còn chảy trong huyết quản, sao có kẻ lại đi vì đảng phái, vì tôn giáo, vì chủ nghĩa, rước voi giày xéo mà Tổ, cúi đầu thờ lạy ngoại bang, đã gây nên cảnh huống bi ai, nòi da xáo thịt, cốt nhục tương tàn, để cho giang sơn chìm đắm, giống nòi lảm than!

Tùng Chi, sau câu chuyện, đã khiêm tốn thêm rằng:

- Sự nhận xét của tôi chắc còn nông cạn sai lầm cần phải được lĩnh giáo của đàn anh đàn chị nhiều nữa.

Chúng tôi ghi lại câu chuyện thơ được đàm đạo lý thú với Vũ Tùng Chi vào một buổi sáng đẹp trời ở miền Nam nước Pháp, mong các bậc yêu thơ Đường xa gần góp ý thêm, sửa sai và bổ khuyết ●



Lời giới thiệu Thi Tập

Những ngày xưa thân ái

của Dư Thị Diễm Buồn

● Hưởng Giang THÁI VĂN KIỂM

bộch trực mà lãng mạn, can đảm và hào hoa...

Xét kỹ nói danh hiệu mới xuất hiện này, chúng ta có thể tìm gốc gác *Minh Hương của họ Dư*, xuất phát từ đại tộc *Bách Việt* từ miền Nam sông Dương Tử tới Động Đình Hồ với *Bộch Việt* và *Lão Việt*, tiến về Nam cho tới *Mân Việt* (Phúc Kiến) và *Nam Việt* (Quảng Tây và Quảng Đông) giáp với miền Bắc Đông Dương, vốn là thổ cư nguyên thủy của các sắc dân *Âu, Lạc, Mường, Kha...*, hợp lại thành *Âu Lạc, Mường Lạc, Lạc Việt* và sau cùng là *Việt Nam*.

Trong những họ gốc Minh Hương, Gia Thạnh, chúng ta có thể kể thêm các họ lớn trong Nam như họ *Mạc* ở Hà Tiên như *Mạc Cửu*, từ Quảng Đông (Nam Việt) sang đây, đã lấy vợ Việt tên *Bùi Thị Lắm*, sinh ra con trai là *Mạc Thiên Tứ*, Hoa Kiều lai số 1 trong lịch sử ta (theo Gia Định Thông Chí của Trịnh Hoài Đức, cũng là Minh Hương) cũng như con cháu các họ *Lâm* (Đông Hồ *Lâm Tấn Phác*), *Trần* (Thượng Xuyên khai trấn Biên Hòa), *Dương* (Ngạn Địch khai trấn Mỹ Tho) v.v...

Nói về Minh Hương Gia Thạnh có thể bao gồm *Tổ Tiên* nhà thơ nữ *Dư Thị Diễm Buồn*, chúng ta nên nhắc lại đây 2 câu đối của *Trịnh Hoài Đức* (1765-1825), công thần khai quốc đời *Nguyễn*, tị tay ông đã viết treo trên hai cột cái, nơi đình Gia Thạnh, quận 5, Sài Gòn:

1. *Minh* đồng nhật nguyệt diệu *Nam* thiên,

phụng chữ lân châu *Gia* cảm tú,

2. *Hương* mẫn càn khôn linh *Việt* địa

long bàn hổ cú *Thạnh* văn chương.

Chúng ta nên lưu ý tìm thấy 3 cặp chữ đối nhau san sát và đầy đủ ý nghĩa, xinh đẹp vô cùng: *Minh Hương - Nam Việt - Gia Thạnh* vốn là tên làng tân lập của những người di cư gốc *Bách Việt*.

Cái điều là chúng ta nên lưu ý nữa là danh hiệu của nhà thơ có hai chữ *DIỄM BUỒN*, vừa diễm là xinh đẹp, vừa buồn là không vui. Do đó mà chúng ta nên tìm hiểu từ đầu và lý do gì mà nhà thơ họ *Dư* (là thừa ra, thông thả, an nhàn) đã chọn. *Chữ Diễm* (là xinh đẹp, như diễm lệ, hai

Kể từ năm 1975, sau những cuộc di tản lớn lao phát xuất từ quốc nội ra tới hải ngoại, chúng ta nhận thấy Cộng Đồng Việt Nam, sau khi đã ổn định khắp năm châu, đã khởi phát một phong trào Văn Hóa và Thông Tin rộng lớn bao gồm các ngành thiết yếu về mặt tinh thần là Báo Chí, Thơ Văn và Ca Nhạc.

Đám người đồng đảo ấy xa quê hương vì thời cuộc, đã tạo dựng một cuộc sống mới nơi xứ lạ quê người, bèn đem tâm tình phối trí trên giấy trắng, nơi ngón đàn muôn điệu và trên sân khấu muôn mặt của cuộc đời, để chia sẻ buồn vui với thiên hạ.

Trong những cách phô diễn đa diện ấy, *Thi Ca* đã chiếm một phần khá kính vì lẽ những kẻ đã ra đi trong cơn sóng gió, đều mang nặng một khối tâm tình chứa chất cảm hờn, đắng cay và chua chát. Một số đã trở thành thi sĩ và ca sĩ, nhờ những khiếu năng đặc biệt do *Tổ Tiên* truyền lại qua những ca dao, hò về thắm nhuần nhạc điệu, âm thanh, qua một thứ ngôn ngữ đa thanh, chứa đựng nhiều tình cảm nhất trong Cộng Đồng Nhân Loại.

Qua những nhận xét kể trên, chúng ta có thể nói rằng: mỗi một người dân Việt từ lúc bé thơ, đã hấp thụ thâm kín và sâu xa những âm điệu hát hò của bà *Mẹ* hiền ru con trong đêm vắng, của cô lái đò hò mái nhì, mái đẩy trên dòng sông trong, hoặc là những mục đồng nghêu ngao trên lưng trâu nơi đồng nội...

Nói tóm lại, mỗi người dân Việt, trong suốt đời mình, không ít thì nhiều, đều có thể là thi sĩ và ca sĩ. Và quanh năm suốt tháng từ ngàn xưa, cả một dân tộc đua nhau cày cấy, hát hò để quên những nhọc nhằn, phiền muộn từ nắng sớm đến chiều hôm.

Trong khung cảnh thiên nhiên ấy và những truyền thống tốt đẹp của thôn quê và thị thành, đã mang theo trong tâm hồn và huyết thống, nhập vào trào lưu mới nơi hải ngoại, một danh hiệu mới đã xuất hiện trên văn đàn, thi giới là *Dư Thị Diễm Buồn*, tác giả nhiều bài thơ mang nặng màu sắc dân tộc, hiền hòa và chất phác, mộc mạc và chân thành, tâm hồn nhạy cảm với quả tim nhịp nhàng, với tánh tình

chữ đều có nghĩa là xinh đẹp). Còn Diễm Buồn có thể giải thích như là có vẻ dịu dàng mà thoáng đôi nét buồn nhỏ mông lung. Đó chỉ là sự ước đoán từ phương xa, vì lẽ chúng tôi chưa gặp người trong cuộc.

Những hình dáng yêu kiều của các kiều nữ Tây Đô, thời vàng son nơi quốc nội, chúng ta đã từng nhìn thấy tha thướt trên bến Ninh Kiều (Cần Thơ), mà phương danh đã được dân Nam ghi lại trong đôi câu ngạn ngữ ca ngợi những đức tính trung kiên của chàng trai, đồng thời với tài năng, cần mẫn của cô gái Thủ Đức:

*Gái Thủ Đức năm canh thức đủ,
Trai cơ thần ở lại Cần Thơ.*

Ngoài ra, thi hiệu của nhà thơ cũng gợi cho tôi nhớ một nhân vật phái nữ trong Hồn Buồm Mơ Tiên của Khải Hưng tên Lan có "khuôn mặt trái xoan, hai má ửng hồng, đôi mắt phượng mở màng như liễu rủ trên mặt nước hồ thu" khiến ta nhớ tới đoạn văn sau đây của Kinh Thánh ngày xưa: "Comme la lumière, sur le chan delier, telle est la beauté du visage dans l'âge épanoui". (L'Écclésiastique, XXVI.17).

Những nét buồn thương và lãng mạn ấy được nhà thơ phổ diễn với "tâm sự chất chua ai mua mà bán" của một bài ca cổ điển lưu truyền nơi xứ Huế mộng mơ mà nhà thơ rất quen thuộc, hòa lẫn nhiều bài thơ đánh dấu những chặng đường xuôi ngược Bắc Nam với Những ngày xưa thân ái.

*Nước trà Huế tỏa hương thơm phúng
phức*

*Bữa ăn xong, nàng dọn quày gánh về
Chàng say tình cất giọng hát để mê
Câu Vọng Cổ ngọt ý tình tiết điệu*

*Buổi xưa cũ, sáng trưng thời niên thiếu
Và bây giờ đã ngăn cách đôi nơi
Lệ xót xa thấm mặn nửa cuộc đời
Một chút thôi! cả khung trời kỷ niệm
(Buổi Trưa Quê)*

Những nỗi buồn đã xuất hiện từ thuở hoa niên đôi tám, khi nàng gặp chàng thủy thủ nơi bến vắng xa xưa:

*Anh là người thủy thủ
Quen nước trời bao la
Mỗi khi tàu về ụ
Nhớ nhung như xa nhà*

*Một hôm anh thò thẻ
"... Có cô gái nhà bên
Bé ơi, giúp hộ nhé
Cho anh được làm quen*

*Tôi biết buồn từ đó
Bồi trêu ghẹo anh đùa
"... Hôm nay cô em nhỏ
Đã có người yêu chưa?..."*

*Nghe tâm hồn băng giá
Anh thật quên rồi sao
Chúng mình đám cưới già
Tóc cài trắng hoa cau*

*Vô tình hay cố ý
Hồn giỗi tuổi đôi mươi
Tại sao anh không nghĩ
Để tôi sầu lẻ loi ?*

*Ngày anh đi cưới vợ
Tôi theo làm phù dâu
Mỗi mùa hoa cau nở
Lòng vương vương nỗi sầu
(Hoa Cau Trắng)*

Đầu dây mối nhợ của nỗi buồn da diết ấy là anh chàng thủy thủ đùa giỡn với cô em trinh trắng như tấm lụa Hà Đông, như hoa cau Đồng Tháp, vương vấn mối tình đầu và sầu tưởng tượng... Và đau đớn nhất là nhà thơ phải dằn lòng đóng vai phù dâu, thầm khóc thì hổ người, mà cười tươi thì ra nước mắt!

Ấu cũng là thân phận của người đàn bà trên đường dài mười hai bến nước, trong nhờ đục chịu biết đâu lựa, như lời ca Vọng Cổ dưới trăng xưa rọi bến Ninh Kiều và trên phà Mỹ Thuận chông chênh với trai thanh gái lịch:

*Xe dừng lại chờ qua đò Mỹ Thuận
Cam, mít, xoài, ổi xá lý chín cây
Thịt nướng, tôm càng, cá chẻm, chim
quay
Vùng châu thổ, món ăn ngon thơm
phức !
(Đường Về Hậu Giang)*

Tuy thế, nàng thơ vẫn nhớ Mẹ hiền từ Bắc vào Nam tìm trẻ, trong :

*Thảm cảnh đau thương núi sông
nhuộm đỏ
Con bôn ba chạy loạn lạc xứ người
Mẹ tuổi đời chồng chất đã sáu mươi
Lặn lội xa xôi vào Nam tìm trẻ*

*Con lia Mẹ khi hầy còn tám bé
Mẹ xa con héo hắt nửa cuộc đời
Và cứ mỗi lần thời cuộc đổi thay
Mỗi lần đổi, mỗi nghìn trùng xa cách*

*Hôm nay đây, hơn nửa vòng trái đất
Con nhớ chùa Tam Thanh, nhớ sông
Thương*

*Nhớ đào Mẫu Sơn nửa trăng nửa
hường
Gỗ hoàng đàn, Thất Khê mùa mận
chín
(Xa Vãn Còn Xa)*

Rồi nhà thơ gọi Mẹ trong giấc mơ chập chờn xa quê nhỏ cội:

*Mẹ ơi, thu về sương mờ đỉnh núi
Nỗi nhớ thương dâng đặc mãi nào
người
(Xa Vãn Còn Xa)*

Những bài thơ của Diễm Buồn khiến tôi nhớ đến đôi lời than thở chua xót của Nữ Sĩ Tường Phố, chị ruột của Nữ Sĩ Song Khê và cũng là tác giả "Giọt Lệ Thu", vốn là bậc trưởng thượng của nhà thơ Diễm Buồn đồng hương đồng xứ. Tôi lại nhớ bà chị dâu trong họ Thái, đã từng thốt ra những câu thơ thống thiết:

*Má hồng phận bạc cay son phấn
Nước loạn canh tàn khóc bể dâu!
(Tường Phố Đỗ Thị Đàm)*

Mẹ già vào Nam không bao lâu thì lia trần sau cơn bạo bệnh, để lại chồng con bơ vơ như sậy đàn tan ghé. Người thủy thủ của ân tình vẫn trôi nổi đó đây:

*Thời gian đi nước trôi như hẹn ước
Trên tầng không, hiện rõ cánh chim
bay
Tàu xuôi ngược trăm hải trình tiến
bước
Khi qua rồi vết tích cũng mờ phai...*

*Người thủy thủ sao trầm ngâm đứng đó
Đã tan rồi, trời biển vẫn xanh lơ
Có còn chẳng tiếng hát buồn trong gió
Ta hữu tình, trời nước vẫn nên thơ...
(Hình Bóng)*

Rồi tinh linh trời long đất lở với sự sụp đổ của miền Nam, những chiến sĩ anh dũng nhưng thiếu lãnh đạo đã bị tù đày nhọc nhằn trong những trại cải tạo xa xôi, âm u rừng núi, khiến cho hàng vạn gia đình ly tán, gió dập sóng vùi oan khiến khắp nước!

Trong thảm cảnh ấy, Diễm Buồn đã vất vả trong nhiều năm vì cha anh bị đày đi cải tạo. Cha bị hành hạ mọi mòn chết trong tù, khiến Diễm Buồn lánh bạo, chạy sang xứ người, lập lại cuộc đời với hai bàn tay trắng.

Tình cờ Diễm Buồn đã gặp lại người xưa:

Nơi xử người, mình gặp lại nơi đây
Quốc Khánh xưa nay đổi thành Quốc
Hân

Hai phương trời, hai lối đổi thay

Vẫn nụ cười trong mắt anh rạng rỡ
Tâm hồn em chao động, lệ thầm rơi
Tiếc thương chi, có duyên mà không
nợ

Em viết bài thơ, từ tạ cùng người...
(Nụ Cười Trong Mắt Anh)

Với một thân mình, cô liêu đơn chiếc,
Diễm Bồn đã chịu đựng biết bao oan
khiên, tang tóc, suốt một cuộc đời toàn
nghịch cảnh! Như thế thì không buồn sao
được (?). Và có buồn thì mới phát xuất ra
thơ. Càng buồn chừng nào, thì thơ càng
hay chừng nấy, đúng như lời nhận xét của
nhà thơ lãng mạn Tây Phương:

"Les plus désespérés sont les chant
les plus beaux

Et J'en sais d'immortels qui sont de
purs sanglots!"

(Alfred de Musset)

Bây giờ thì Diễm Bồn cố gắng tìm vui
trong cuộc sống, vui trong sáng tác văn
chương, mỹ thuật. Vui trong công tác xã
hội, phục vụ Quốc Gia, Dân Tộc. Và để
qua một bên Lệ Đá xa xưa, để trau dồi
Văn Học, quyết tâm nghe lời cha dặn trước
khi qua đời:

"... Hoàn cảnh nào cũng phải giữ sắt
son

Cha âu lo nhân nghĩa sẽ không còn
Trên đất nước mấy nghìn năm Văn
Hiến..."

(Nỗi Buồn Ba Tôi)

Chung luận thì thơ của Dư Thị Diễm
Bồn rất chân thành và truyền cảm tới tột
độ, càng đọc càng xúc động như mình
cùng sống trong cảnh ngộ của nhà thơ mà
lụy rơi hồi nào không biết! Lời thơ tuy tự
nhiên mà trau chuốt, tình tứ đậm đà, thiết
tha và triu mến. Diễm Bồn là nhà thơ
quyển luyến với Quốc Gia Dân Tộc, với bẹ
chuối hoa cau, với nương rau luống sắn,
với những thì thầm của bụi tre khóm trúc,
ngân đôi che chở mái nhà Nam. Với thi tập
Những ngày xưa thân ái, nhà thơ khá ái
Dư Thị Diễm Bồn, mộc mạc mà trang đài,
đã ung dung đi vào Thi Đàn đa diện Việt
Nam bằng của lớn, trang trí với nhiều cỏ lạ
hoa thơm.

Paris, (Chiêu Anh Các), mùa Giáng Sinh
và Tân Niên Mậu Dần 1998

■ Quang Tuấn

TÔI LÀM THƠ

(Thân tặng quý bạn làm thơ)

Tôi làm thơ như con tằm xây kén!
Rút ruột dâu xanh ướt nhà
vàng tơ
Tình đã chín qua tháng năm thai
nghén
Gom tơ lòng tôi dệt mấy vản thơ.

Tôi làm thơ như là tôi đang thờ
Việc đương nhiên trời bắt chẳng
đặng dưng
Nếu không khí ra vào nuôi thể xác
Thì thơ ca xuất nhập dưỡng tinh
thần.

Tôi làm thơ nghĩa là tôi tìm cách
Nói về mình tức ngầm nói người
ta
Ai cũng vậy đều đầu xanh, máu
đỏ
Để cùng nhau truyền cảm nghĩ
vậy mà.

Tôi làm thơ giống như lên đồng cốt
Đang khơi khơi, thì hứng bỗng
nhập vào
Có vui mới cười, có buồn mới khóc
Không vậy thì thấy giả dối làm
sao!

Tôi làm thơ như người ta theo đạo
Sống trần gian mà mơ ước trên
trời
Giữa thực tế phũ phàng, pha
mộng ảo
Cho đời mình bớt tẻ nhạt đó thôi!

Tôi làm thơ như hồn nhiên chim
hót!
Ngựa cổ thì cất tiếng véo von chơi
Dù mưa gió hay trời trong nắng
tối
Vẫn liú lo tiếng hót mến yêu đời.



Tôi làm thơ như mẹ ru con ngủ
Giữa trưa hè thánh thót tiếng ca
dao
Lời mộc mạc mà tình quê ấp ủ
Cho con yêu tiếng Việt rất ngọt
ngào.

Tôi làm thơ không hề ưa nói láo
Lúc hùng hồn, khi sụt ướt bi ai
Vừa ướt át thơ tình, vừa thơ đạo
Bởi vì tôi muốn thuở vẫn con
người.

Tôi làm thơ dùng nghĩa đen,
nghĩa bóng
Quá rõ ràng thì lộ cốt chủ sao
Quá xa xôi làm sao ai hiểu nổi
Cứ lửng lơ để người đọc xen vào.

Tôi làm thơ giống như người đầu
bếp
Nấu cho mình với kẻ khác cùng ăn
Nếu ngon miệng người ta khen
tắm tặc
Còn khoái hơn mình ngon miệng
trăm lần.

Tôi làm thơ như trăng vàng gói
sóng
Xé đêm mù lấp lánh giữa dòng
trời
Nghe khao khát đêm ngày, tìm
nóng bỏng
Cùng chia vui, cộng khổ với mọi
người.

Tôi làm thơ như nước trời êm à
Nước từ nguồn, thơ lai láng từ tim
Đời vạn nẻo, thuyền thơ tôi một lá
Thiện mỹ chán, chỏ mộng đẹp đi
tìm.

(San Jose - USA)



PHÙNG CUNG

● NGUYỄN CHÍ THIỆN

(Tiếp theo VG 104)

Một hôm Phùng Cung mỉm cười nói với tôi:
- Minh vừa làm xong một bài thơ hiện thực kiểu Thiệp làm. Nghe thử xem.

Anh đọc một bài thơ dài đến hơn 30 câu. Tôi yêu cầu anh đọc lại cho tôi nghe tới ba lần. Tôi lắc đầu:

- Tôi cũng thích giọng thơ của anh lắm. Tôi đã cố thử mãi, nhưng không ổn. Anh cũng không nên nhay vào lĩnh vực của tôi. Chúng ta hãy phát huy cái sở trường của riêng mỗi người. Như thế đỡ phí công vô ích.

Thấy Phùng Cung không vui, tôi nói thêm:

- Văn, và nhất là Thơ, nó là Người, anh ạ. Chúng ta đọc thơ Nguyễn Du, Tú Xương, Xuân Hương, Yên Đổ, chúng ta thấy như được sống gần gũi thân thiết với họ. Chúng ta có thể hình dung nổi được tính khí của từng người, từ cái dáng hăng, cái lườm, cái ho, cái cười kháy, từ điệu bộ, dáng dấp, thái độ, phong cách ăn nói, đi đứng, cảm xúc, rung động của họ. Không ai giống ai. Chẳng hạn như anh, tôi trước có gặp anh bao giờ đâu, ảnh cũng như thấy. Chỉ vì đọc "Con Ngựa Già" của anh, nên khi nhìn thấy anh, tôi nhận ra ngay. Thậm chí cùng một bài thơ mà phong cách tác giả khác, phong cách dịch giả khác. Như Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị và bản dịch của Phan Huy Vịnh. Đọc ta thấy hai người khác hẳn nhau. Thí dụ như mấy câu:

*Cùng một lửa bên trời lặn dạn
Gặp gỡ nhau lạ sẵn quen nhau
Từ xa Kinh khuyết bấy lâu
Tâm Dường đất trịch gối sầu hôm mai*

Dịch vừa sát ý vừa trau chuốt, đẹp. Nhưng không phải là Bạch Cư Dị nữa, mà là Phan Huy Vịnh, một nhà nho hiền lành, đa cảm, ủy mị. Trong khi nguyên văn:

Đông thị thiên nhai luân lạc nhân

*Tưởng phùng hà tất tăng tưởng
thửc*

*Ngã từng khủ niên tử đế kinh
Trích cử ngọa bệnh Tâm Dường
thành.*

Tôi dịch từng chữ để anh thấy:
*Cùng là kẻ lủi lạc nơi chân trời
Gặp nhau hà tất phải từng biết
nhau*

*Ta tử năm trước rồi Đế Kinh
Làm kẻ lủi đày nằm ốm ở thành
Tâm Dường này.*

Những câu thơ đầy khí phách của một chí sĩ, đượm tinh thần tử hạo giai huynh đệ, bi nhưng hùng, khác hẳn với họ Phan. Nhiều nhà phê bình Trung Quốc không cảm nhận được cái hồn của họ Bạch, liền lĩnh nói thơ ông là bạch thoại, thơ để các chị vú em đọc, gần bốn nghìn bài thơ của ông không có tới một gram chất thơ! Còn Xuân Diệu nữa, anh biết là một tay Pédé chủ? Đọc thơ hẳn là rõ ngay!

- Sao, thơ hẳn cũng lộ ra là Pédé à?

- Đấy nhé:
*Chở đạp hồn em, trăng tử viễn xứ
Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn*
Anh có thấy dáng điệu eo ọt của một tay đồng cô không?

Phùng Cung cười tít cả mắt:
- Đúng quá, không sai tí nào!
- Còn nhiều nữa, như:
*Con đường nhỏ nhỏ, gió xiêu xiêu
Lả lả cảnh hoang, nắng trở chiều*

Anh có thấy nó là lời, ông ọ không? Có tí gì là đàn ông đâu!

Cụ Vũ Thế Hùng, một trí thức đã du học ở Pháp, một nhà thơ, một giáo dân có uy tín, một quan huyện thời trước 1945, trò trò ngón tay vào mặt tôi vừa cười vừa nói:

- Phải gọi mày là thằng quái ác, chủ không gọi là Chí Thiện được!

Cụ Hùng, cũng như cụ Nguyễn Văn Tiến, cựu đảng viên đảng Cộng Sản Pháp, đều rất thích thơ Phùng Cung. Khi nghe Cung đọc thơ, cụ Tiến thường gật gù:

- Merveilleur! Merveilleur! (Kỳ diệu! Kỳ diệu!)

Nhờ thơ, nhờ bạn bè, đời tù của chúng tôi bớt phần nặng nề, u uất.

Phùng Cung sống rất số sài, không bao giờ để ý tới chuyện ăn, chuyện mặc. Ước vọng của anh đối với dân tộc cũng không cao xa. Anh chỉ đảm mớ cho người dân được sống xum hòa, đầy đủ rau gạo, thế thôi! Ước vọng đơn sơ này được anh thể hiện bằng những vần thơ tươi mát, nhiều màu sắc, nhiều hình ảnh đẹp:

*Cây đại xuân ngạt ngào hưởng vạn
thọ*

*Muôn chim hời, hãy về đây xây tổ
ấm*

Để chào đón một bình minh rau gạo xanh trắng toàn phần!

Nằm trong tù, anh mong cho thế giới an bình, lòng người dịu lắng, thôi chém giết. Tư tưởng nhân ái này, anh diễn tả bằng những vần thơ êm ái, tuyệt mỹ:

*Vùng châu thổ lũng Hà gà vang
tiếng gáy*

*Lớp lớp thưởng vong lòng bằng an
ngồi dạy*

*Dưới ánh sao mai ưu ái trong
lành...*

Sao mai là biểu tượng của Đức Mẹ, của lòng lành, của sự quan phòng ưu ái!

Phùng Cung không phải là người Công Giáo, anh xưa tin theo đảng, tin vào chủ nghĩa cộng sản. Nhưng anh thấy bất cứ nước nào đem ứng dụng chủ nghĩa vô thần này đều gây ra những thảm họa gồm ghê. Anh hưởng về Chúa, cầu mong sao có ngày:

*Khấp nẻo xanh Nam Bắc bán cầu
Chim hót thánh thi!*

Tuy nhiên, ý thức rõ ràng ngày nào còn Đảng, ngày đó dân tộc còn chìm đắm, quần quai trong vực thẳm. Anh khao khát được xuống đường xung trận, chém sà vào đầu con Rắn Đò để được đón Rồng Thiêng về lại xứ sở. Xong việc, anh sẽ quý xuống để Thượng Đế phát xét hành vi xung sát của anh. Hãy nghe những vần thơ mà âm điệu thực kỳ diệu, mới lạ:

*Còn ta
Lũng đeo roi*

*Ta quý dưới chân Thượng Đế nhân
từ*

*Để Người tiện xét hành vi ta xung
sát*

*Ôi, bóng xế ngã dài
Dài như sầu muộn*

*Nẻo hoàng hôn chưa gột rửa
Vầng máu xa xăm...
Đấu xưa ôi, ta dùng cuồng
Chùm chuông nhỏ trên tháp thiêng
làng cũ
Mảng nghe tiếng chiều, sâu đỏ
Dữ âm siêu hóa
Cõi bụi hồn ta vườn cánh xanh,
làng làng...*

Một buổi sáng, cán bộ giáo dục Cửu đưa anh Cung lên gặp Ban Giám Thị. Hồn một tiếng sau, anh trở về, mặt rầu rầu:

- Vừa gặp hai nhà văn làm việc cho công an, Nguyễn Công Hoan và Đỗ Phồn. Họ nói ở đây cảnh trí đẹp, thoáng đãng, đúng với cái tên Phong Quang! Rồi an ủi mình "cứ an tâm nghỉ ngơi", Bộ sẽ cứu xét. Mấy anh tù giỏi về nấu nướng đường thịt một con dê để ban giám thị "mời cơm thân mật" họ. Hai ông có vẻ thoải mái lắm. Họ khoe chiều họ đi săn bắn. Họ bảo mình ở đây trong cái rũi cũng có cái may. Ở ngoài đường đánh Mỹ ác liệt. Tất cả dồn cho chiến trường miền Nam. Riêng tỉnh Thanh Hóa đã động viên tới 45 vạn bộ đội. Nhiều xã không còn thanh niên nữa. Đồng chí Lê Duẩn nói nhân dân ta dù có phải mặc quần xà-lòn, đốt đuốc, cũng đánh Mỹ tới cùng. Bác trước khi mất cũng nhắc lại với họ là dù có đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải chiến đấu. Nhân dân ta không sợ hy sinh. Nhất định thắng! Nguyễn Công Hoan còn đọc cho mình nghe một bài thơ y làm để ca ngợi công lao "Trị bệnh cứu người" của cán bộ trại. Thơ lục bát, mình chỉ nhớ có hai câu đầu:

*Ra đi cử tửng rừng hoang
Tối nói mỗi biết Phong Quang đẹp
giàu!*

Trung úy Cửu dẫn mình về trại nói là hẳn còn phải chuẩn bị trà ngon, nắm hường, mật ong, rượu tắc kè, thịt nai sấy để tiễn các ông ấy. Tiếng nói của các ông ấy có trọng lượng lắm!

Mấy hôm sau ngồi chề nan có cạnh tôi, anh Cung thở dài:

- Tất cả cuộc chiến tranh tai hại này đều do ý thức hệ Mác Lê đẻ ra cả. Mọi tổn thất nhân dân hỏng hết. Anh nghe thú ý mấy câu này xem có được không:

Trong vạc nước sôi đang luộc một lá cờ

Quần quai, nổi chìm
Chợt phai, chợt thắm

Bây giờ gia đình nào cũng chia ly tan tác, nên tôi phác thảo mấy câu rồi hoàn chỉnh sau:

*Một bước ra đi
Một bước sinh ly
Phố vắng ngả bóng chiều rầu rĩ
Ngậm ngùi tìm dấu cổ nhân...*

Có tiếng cười nói tục tĩu, nhốn nháo. Trên đường sát ngay chỗ chúng tôi ngồi làm, mấy chục thiếu phạm tuổi từ tám, chín, tới 14, 15 vác xẻng, cuốc, quang gánh đi qua. Thường gần trại giam nào cũng có một trại dành cho thiếu phạm mang cái tên khó hiểu là "Trường Phổ Thông Công Nông Nghiệp 2". Các thầy, các cô đều là công an trại giam cũ sang. Các em trai đều gầy nhom. Mấy em gái thời đầy đà khỏe mạnh do được các thầy quan tâm giáo dục, bồi dưỡng. Tôi cười, nói với anh Cung và mấy ông bạn già ngồi cạnh:

- Các bác nhìn xem, mấy con bé kia, tuổi đời mỗi độ 13, 14. Nhưng tuổi bộ ngực thời phải 17, 18. Phát triển lạ như thế là do các thầy đấy.

Trước đây có vài em 9, 10 tuổi, vì phạm nội quy nặng, bị đưa sang trại tù sống với chúng tôi. Các em nói chuyện như người lớn. Cuộc sống của các em đã dạy các em hiểu về chế độ xã hội chủ nghĩa hơn cả mấy ông đại trí thức. Tôi hết sức kinh ngạc. Có lẽ đầu óc trong trắng của các em chưa kịp ngộ độc bởi tuyên truyền thì tai họa đã giáng xuống các em rồi. Mắt các em nhìn thực tế thế nào thì hiểu như thế, không bị các kiểu lý thuyết hào huyền làm mù mẫm.

"Nhiều cục trưởng; vụ trưởng mà ngu, gửi các con vào chỗ chúng cháu, mong Đảng giáo dục thành cháu ngoan bác Hồ. Các thầy, các cô toàn ăn chặn của các cháu. Các cháu đói lắm lại phải lao động. Ở với các chú còn sướng hơn! Trên đời này phải cướp phá, chém giết để mà sống. Nhân đạo là tự sát!"

Chắc chắn đó là những lời các em học được ở các đàn anh lưu manh lớn tuổi hơn. Những người có tiếp tế thường cho các em quà. Tôi cũng quý các em, thường ôm các em vào lòng, khuyên bảo các em được chút nào hay chút ấy. Tôi làm được hai bài thơ nói về các em trong dịp này.

Một tối, tôi đọc hai bài thơ về Mao cho anh Cung nghe. Mấy bạn tù ngồi nghe cười thích thú. Anh Cung nghiêm nghị:

- Phải thận trọng. Tránh bôi nhọ bừa bãi. Cần phải xác thực. Sao anh biết Mao dâm dăng mà dám nói: "Nó là Đổng Trác, nhưng dâm hơn nhiều?"

Tôi bực mình, hỏi gắt:

- Chẳng lẽ tôi là người vu vạ? Được, tôi sẽ cho anh rõ.

Đến chủ nhật, tôi đưa anh Cung và anh Vương Diệu Dến tôi bệnh xá nói chuyện với hai người tù Trung Quốc vừa chuyển tới vài tuần. Một người nguyên là Thiếu Tướng. Một người từng là Tổng Công Trình sư xây dựng thủy điện Thác Bà. Tôi kiểm bao thuốc Tam Đảo, một ấm trà búp mời họ. Chúng tôi ngồi nói chuyện. Anh Dến là phiên dịch. Anh Dến là người Trung Quốc ở Lào, vượt biên giới năm 1958, sang thăm một người bạn ở Thanh Hóa. Anh bị bắt, bị nghi là gián điệp, và bị giam hơn 20 năm cho tới chết. Hai người cộng sản Trung Quốc kể lại nạn đói kinh hoàng vào những năm 59, 60, 61 do phong trào Đại Nhảy Vọt và toàn dân luyện thép gây ra làm chết hàng chục triệu người. Theo họ nói, có những phụ nữ đói đến nỗi tất cả kinh. Dân chết như vậy, Mao vì sĩ diện, vẫn dùng nhiều triệu tấn lương thực trả nợ cho Liên Xô! Chuyện ăn thịt người xảy ra ở nhiều nơi. Rồi tới Đại Cách Mạng Văn Hóa, tàn sát không biết có man là người. Họ chạy sang Việt Nam cũng là để trốn sự truy lùng của Hồng Vệ Binh. Tránh vò dũa lại gặp vò dũa. Sang tới biên giới Việt Nam, họ vào tù ngay. Ông Thiếu Tướng có dịp được gần Mao, kể lại Mao thường hay lang chạ với các cô văn công quân đội, các gái quê kháu khinh. Các đồng chí bảo vệ Mao, kiểm luôn cả chức ma cô đưa dất gái phục vụ cho người cầm lái vĩ đại.

Anh Cung nghe mà sững sờ. Tôi nói với hai người Trung Quốc là các Hoàng Đế xưa còn có nhiều cung nữ hơn Mao. Điều đáng trách là Mao lại lên mặt "Đạo đức cách mạng", "Lương tâm cộng sản" mà xử tù người khác về tội hủ hóa. Đôi khi còn xử tử nếu dám liêu mạng chơi trò đùa lên các nữ đồng chí có chồng là cán bộ cao cấp công tác xa.

Hai người cộng sản Trung Quốc độ một năm sau bỏ xác tại trại tù Phong Quang.

Phải nói hiếm có nhà thơ nào mê thơ như anh Cung. Có lần chúng tôi mài tranh luận về một chữ. Anh em đang chia cơm. Họ gắt âm lên, gọi

chúng tôi ra đặt bát để lấy cơm. Chúng tôi hấp tấp chạy ra! Anh Cung ngã xuống giao thông hào (đào để tránh máy bay Mỹ oanh tạc và cũng để vùi xác chúng tôi, nếu máy bay Mỹ tóitử, Ban Giám Thị nói thẳng với tù như vậy). Anh ngã, văng cả thìa, cả bát.

Vài anh em thỉnh thoảng lại thì thầm với tôi:

- Anh Thiện này, ông Cung hình như bị bệnh thần kinh ấy.

Tôi cười:

- Ông ấy tình như sáo, kinh kệ gì!

- Không, đúng thật mà, tôi thấy ông ấy hay ngồi bên giao thông hào, miệng lẩm bẩm, bấm bấm ngón tay như bấm độn!

Tôi hiểu ra. Đó là anh đang làm thơ, lẩm bẩm đọc đi đọc lại để sửa chữa. Bấm ngón tay là đếm chữ.

Các bạn tù kể lại trước khi tôi tới trại Phong Quang, có lần anh Cung ho ra máu nhiều, tưởng chết, đã nhờ bạn bè, nếu anh chết, hãy nhắn cho vợ anh, chị Thoa, là có thể đi lấy chồng. Nhưng rồi các bạn cố xoay sở kiếm cho anh thuốc chữa, anh qua khỏi.

Khi Hiệp Định Paris sắp sửa ký, Anh, cụ Vũ Thế Hùng, cụ Nguyễn Văn Tiến được thả. Mừng cho các người được về, nhưng lòng tôi buồn rười. Những cuộc vĩnh biệt, ly biệt, hội ngộ, tái ngộ ở trong tù bao giờ cũng xúc động hơn ở ngoài xã hội. Có lẽ vì nó xảy ra bất ngờ, cũng có lẽ vì người tù, do bị cách biệt với cuộc sống nên tình bạn thường rất gắn bó, sâu nặng.

Đến năm 1977, tôi và đa số bạn tù của tôi được thả. Các anh Trần Nhu, Nguyễn Ký, Lương biệt kích, Sơn biệt kích, Vũ Thư Hiên, Kiều Duy Vinh, Lê Quang Dũng v.v... lần lượt ra về, số tù còn lại không nhiều. Nhưng đã có những tù mới tới bổ sung! Khi thả tôi cùng độ hai chục người nữa, chánh giám thị trại Trịnh Văn Thích nói:

- Tha các anh là tha những cái xác vật vờ. Đảng còn phải cho cái bọn miền Nam nó hiểu thế nào là chuyên chính vô sản!

Quả thực từ 1975, Quân Giáo phải chuyển vào Nam rất nhiều. Từ từ Nam chuyển ra Bắc cũng không ít. Guồng máy chuyên chính hoạt động rầm rộ trên địa bàn cả nước, nên tạm thời thiếu cai ngục.

Về tới Hải Phòng, tôi sống với bà chị là Nguyễn Thị Hoàn và gia đình con bà. Căn nhà 136 phố ga có tới 10

hộ chen chúc. Toàn là các gia đình cán bộ đảng viên, tổ trưởng khu phố và một gia đình của chính công an phường tên là Thanh. Công an Phường, công an Quận, công an Sở thường xuyên tới "hỏi thăm sức khỏe". Sống trong tình thế như vậy, tôi không dám ngồi trong cái buồng con 8 m2 của tôi để viết lách. Tôi thường đạp chiếc xe đạp con gấu, loại xe kê cấp không thêm lầy, đi ra ngoài thành mua dấm lít rượu về bán cho các hàng thịt chó. Khi lò nấu rượu bị lộ vỡ, tôi lên Hà Nội nhờ anh Vũ Thư Hiên giao bột nở, nhờ anh Trinh, Trung úy quân đội Pháp, giao cho mấy bó nan hoa xe đạp mang về Hải Phòng bán, sống qua ngày. Cuộc sống của Phùng Cung cũng khổ sở chẳng khác gì tôi. Bạn bè đều phải lo kiếm sống, họa hoằn lắm mới gặp nhau.

Ngày 16.7.1979, tôi vào Tòa Đại Sử Anh giao tập thơ gồm 400 bài cho họ, rồi trở ra và được chõ thẳng vào xà-lim I Hòa Lò. Lại bắt đầu cuộc đời tù tội, cung kẹp, cùm kẹp, đói rét trong suốt 12 năm. Tôi và anh Cung, dù ở trong lao ngục hay ở ngoài, vẫn làm thơ, mỗi người một kiểu thơ khác nhau, dù thơ vẫn chỉ mang lại toàn tai họa cho chúng tôi. Đúng là cái nghiệp!

Ngày 28.10.1991, tôi được thả về, ở 65 Nguyễn Công Trứ với bà chị thứ hai là Nguyễn Thị Hào và gia đình con bà. Lúc này tôi rất yếu, nặng có 42 cân, lại đau đầu, trí nội, trí ngoại. Sau 12 năm xa cách, ra ngoài bạn bè người thì chết đói, chết bệnh tự tử, vượt biển mất xác, tâm thần, người thì vào tù nữa, người thì may mắn trốn thoát ra nước ngoài. Những bạn còn lại trong nước lần lượt mời tôi tới nhà tổ chức ăn mừng liền mấy tuần. Trong những tiệc vui đó, tôi phải kê gối nằm nghiêng vì trí quá nặng không ngồi lâu được. Tình cảm bạn tù của chúng tôi thật quý báu. Bất chấp sự răn đe, sự theo dõi, chụp ảnh trộm của công an, chúng tôi vẫn giao tiếp với nhau công khai. Liên Xô đổ đã làm Đảng choáng váng, chùn tay lại. Căn nhà của các anh Phùng Cung, Phùng Quán, Trung úy Phan Hữu Văn, Đại úy Kiều Duy Vinh được Bộ Công An theo dõi chặt chẽ, vì chúng tôi thường gặp gỡ nhau ở những nơi đó. Hàng tháng, vào những ngày chủ nhật, tôi đi xích-lô tới nhà anh Cung, ở chơi với anh cả ngày. Lại hút thuốc lào, uống trà, chuyện văn thơ, ngồi ngay trên nền nhà. Nhìn

chị Thoa, vợ anh Cung, xới cơm, múc canh, tôi nhớ hai câu thơ anh viết về những người vợ, người chị Việt Nam dịu hiền, chịu thương, chịu khó, nhường nhịn:

Từng đợi cháo, lũng rau, chia sẻ bàn tay thanh thảo

Hùi hắt lẽ quê hai bữa cơm đèn...

Anh Cung vẫn say thơ, còn tôi thì đã ngừng từ năm 1988 vì suy nhược thần kinh, hay bị đau đầu mỗi khi phải suy nghĩ lâu. Bác Nguyễn Hữu Đang, anh Phùng Quán, anh Lê Quang Dũng cũng thường có mặt.

Anh Cung thấy tội nghiệp cho Tố Hữu. Nhân dân chẳng còn ai nhắc tới thơ hần nữa. Gần 40 năm trời, cả một bộ máy tuyên truyền khổng lồ nâng đỡ, hà hơi tiếp sức mà vẫn chết. Thục hoài công!

Tội nghiệp nhà thơ

Hộ mệnh

Làm lạ

Bởi không biết sống

Nên không biết chết

Nửa thế kỷ bị lưu đày

Trong cõi tung hô!

Tuy anh Cung khinh Tố Hữu, nhưng cũng như chúng tôi, anh không liệt hần vào loại bồi bút. Chúng tôi nghĩ Tố Hữu làm thơ ca ngợi Hồ Chí Minh, Lê-Nin, Stalin, Mao Trạch Đông, ca ngợi Liên Xô, Trung Quốc, phe xã hội chủ nghĩa, vì hần thực sự là một người cộng sản. Hần ca ngợi Đảng hần, chế độ hần, các lãnh tụ của hần. Không cần làm thơ, hần cũng quyền cao chức trọng, hưởng mọi ưu đãi. Cũng như đối với các văn nghệ sĩ trẻ, những người nào tin tưởng thực lòng là chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, Đảng Bác là vĩ đại, do bị tuyên truyền nhồi sọ từ khi còn là thiếu niên, là nhi đồng họ cũng không phải là bồi bút. Họ chỉ sai lầm. Đầu độc họ chính là những văn nghệ sĩ, những trí thức lớn tuổi, những người ít nhiều đã có danh từ trước 1945. Từ sau Cải Cách Ruộng Đất và vụ Nhân Văn, tiếp sau càng ngày càng phải sống dưới sự khống chế toàn diện và triệt để, bị trói chặt! Những vị này thừa hiểu rằng cuộc sống dưới thời Pháp thuộc tuy chẳng tốt đẹp gì, tuy chịu cái nhục mất nước, cũng còn dễ thở hơn nhiều dưới cái ách của Đảng. Họ rất rõ Đảng là một tổ chức siêu phát-xít, cực kỳ hung hiểm, nên họ rất hoảng sợ. Họ tán tụng Đảng, cổ võ mọi chính sách của Đảng, giúp Đảng làm công việc đầu

độc lớp trẻ là để được yên thân, để được ưu đãi về vật chất. Họ đi nước ngoài như đi chợ, con cái cũng du học ngoài quốc. Họ mới thực xứng đáng với danh hiệu bồi bút, nghĩa là dùng ngòi bút làm tôi tớ để hưởng bổng lộc đãi ngộ, vất bỏ tất cả những gì gọi là lương tâm, liêm sỉ!

Từ ngày ra tù, suốt 20 năm, Phùng Cung luôn bị cái đói "bám thắt lưng mà đánh". Anh tôn kính hạt gạo lắm!

Tôi rạp đầu

Bạc tóc rạp đầu

Lạy hạt gạo thiêng!

Chị Thoa tần tảo hôm sớm nuôi chồng, nuôi con, thân gầy như thân ve, làm anh đau lòng. Anh làm bài thơ "Mồ Hôi Xương" tặng vợ:

Em vất vả

Tối ngày vất vả

Lưng áo em

Ngoang vôi trắng xóa

Cái trắng này vất tận trong xương!

Vợ chồng anh sống trong cảnh:

Trệu trạo trái sung

Ruột tím cổ hàn

Mà trong lòng vẫn nôm nớp tai họa:

Mắt trước, mắt sau

Kinh hoàng đi lụy

Quý gối, chống tay, vẫn còn sợ ngã!

Chính sách khủng bố của Đảng qua là ghê gớm. Chẳng trách bao năm đất nước hơn 70 triệu con người mà cứ bất động, củ im lặng mênh mông!

Suốt mấy chục năm, công an thường tới nhà anh, gọi anh lên đồn, lên sở đe dọa, khủng bố tinh thần. Có lần, không biết ai tố giác, công an bắt anh và Phùng Quán phải nộp cho chúng tập thơ chép tay của anh độ 50 bài. Cả gia đình anh lo âu, hồi hộp. Cuối cùng đành nộp cho chúng. Cũng may, toàn là thơ tả cảnh cả, không đụng gì tới chế độ, nên chỉ bị tịch thu tập thơ và nghiêm khắc cảnh cáo! Anh mìa mai ví thân phận anh như cánh bèo, tôi cạn kiệt rồi mà vẫn không yên:

Lênh đênh muôn dặm nước non

Đạt dào ao cạn vẫn còn lênh đênh

Nhưng từ khi Đông Âu tan, rồi Liên Xô đổ, anh không còn "quỳ gối chống tay vẫn còn sợ ngã" nữa, mà ngang nhiên đứng đầu với mọi hiểm họa. Năm 1992, Anh và Phùng Quán tổ chức mừng thọ bác Nguyễn Hữu Đang 80 tuổi (tuổi ta). Anh viết thư mời các văn nghệ sĩ, mời cả Đỗ Mười, Lê Đức Anh. Trang giấy mời anh đề là "Mừng

Sống Dai". Điều này làm chính quyền tím ruột. Tuy trong buổi ăn uống họp mặt, không ai trực tiếp lên án đảng, nhưng thực sự hàng mấy trăm văn nghệ sĩ, trí thức tôi dự mừng thọ một tên phản động bị bỏ tù 15 năm, quản thúc tại Thái Bình hơn chục năm, đã là một cái tát vào mặt Đảng! Đỗ Mười, Lê Đức Anh tất nhiên không tới. Nhưng công an thì tới đông, dù không ai mời. Họ ngang nhiên quay cả Video để làm tài liệu. Buổi "Mừng Sống Dai" đông vui này còn chúng tôi một điều: Nỗi sợ đã giảm nhiều. Bạo lực đã ít hiệu quả.

Ngày anh Phùng Quán mất, Phùng Cung đứng ra tổ chức tang lễ. Đám tang Phùng Quán làm Đảng lo ngại. Nó quá đông. Có nhiều vòng hoa đề những dòng chữ như: "Những người cùng chung họn nạn", "Một kẻ sĩ bất khuất", v.v... Nhiều bài thơ ca ngợi Phùng Quán, chửi bóng gió Đảng cũng xuất hiện. Hôm đó tôi đứng cạnh quan tài Phùng Quán cùng Nguyễn Hữu Đang, Phùng Cung. Tôi ghi vào sổ tang mấy chữ: "Anh Quán mất đi là một điều đau buồn chung. Nhưng cũng mừng là trước khi nhắm mắt vĩnh viễn, anh đã mở rộng mắt và nhìn rõ sự thật". Đám tang có nhiều công an chìm, công an nổi. Nhà nước sợ đám tang trở thành một cuộc biểu tình!

Nhiều người lần lượt tới thắp hương trước linh cữu anh và nói vài lời. Tất cả đều bày tỏ lòng thương tiếc và kính phục tinh thần "Yêu ai củ bảo là yêu, ghét ai củ bảo là ghét" của anh. Bài nói của nhà thơ, nhà giáo lão thành Vũ Đình Liên là cảm động nhất. Chỉ có một tiếng nói duy nhất lạc lõng là bài thơ Hoàng Cầm đọc. Đại ý nói Quán là một người lòng chung thủy với Đảng Bác. Đảng Bác ra lệnh là Quán đi đâu làm theo. Bài thơ này sau đó được báo Văn Nghệ đăng lại. Chị Trâm, vợ anh Quán, giận dữ nói với tôi:

- Anh Quán đã bỏ Đảng Bác từ lâu rồi. Anh Cầm đã si nhục chồng tôi!

Khi tôi mới tù về, Phùng Cung đã giới cho tôi xem thơ ca ngợi Hồ nhân ngày sinh 100 năm của y, Hoàng Cầm làm, lấy tên là "Nhỏ Về Làng Sen" đăng kín cả hai trang báo Văn Nghệ. Anh còn cho tôi xem tập thơ "Trường Ca Bác" của Lê Đạt cũng làm vào dịp này. Tôi đọc lướt qua, và thấy tiếc cho các anh đó. Anh Cung nói với tôi là anh không bao giờ mời họ tới nhà cả. Tôi thấy anh đã nhiều tuổi rồi, lại ốm yếu, sức thơ của anh cũng đã xuống.

Tôi khuyên anh nghỉ thơ, ngồi viết hồi ký về vụ Nhân Văn. Anh là người trong cuộc, lại là người chân thực, anh biết nhiều sự thật, kể cả những sự thật buồn lòng. Tất cả phải viết ra để mọi người, nhất là lớp trẻ biết rõ.

Từ khi hệ thống xã hội chủ nghĩa lung lay rồi sập, nhà nước cộng sản đối phó với những người không phục tùng một cách khôn khéo hơn. Tinh thế đã khác. Họ trở nên xảo quyệt, ma quái, tinh vi, không trắng trợn, thô bạo quá như lúc còn cường thịnh. Họ dùng chính sách "vừa dụ, vừa dọa". Trong một số trường hợp, họ đã thành công. Cụ Nguyễn Mạnh Tường viết quyển L'ex-Communié (Kẻ Bị Khai Trừ) in ở Pháp, Nguyễn Khắc Viện phát biểu bất đồng chút ít. Công an đến đe dọa trước. Rồi nhân dịp Tết Nguyên Đán, Đỗ Mười thân chinh tới nhà hai vị "Mừng Tuổi" một số quà, một số tiền việc này được chiếu lên cả Ti-Vi. Thế là hai cụ im hẳn. Chính quyền chỉ cần có thế!

Con trai anh Phùng Quán, cháu Quân, dấn vào việc đánh chết người, bị bắt vào Hỏa Lò. Nắm lấy cơ hội này, công an gọi anh lên sở, đề nghị anh "có chung tiếng nói với Đảng", họ sẽ tha con anh ngay, coi như vô tội. Vợ chồng anh Quán hỏi ý kiến tôi và Phùng Cung. Chúng tôi hiểu lòng bố mẹ thương con, không thể không cứu. Cháu Quân lại đã định tự sát trong nhà giam. Tôi khuyên anh Quán là chỉ cần hứa với công an là anh im lặng cũng đủ rồi. Còn chuyện "có chung tiếng nói với Đảng" là không thể chấp nhận. Anh Quán thờ dãi sườn sượt. Anh hứa với công an như tôi khuyên. Lập tức cháu Quân được về gia đình. Ít lâu sau, anh Quán qua đời.

Bác Nguyễn Văn Phổ, con học giả Nguyễn Văn Vĩnh, bạn tù của tôi từ năm 1962, hoạt động quân báo nội thành cho cộng sản hồi chống Pháp. Năm 1955, bác bị vu vạ là gián điệp, bị xử 15 năm tù, nhà của tài sản tịch thu hết. Bác được giảm 5 năm, nhưng lại nằm tù 17 năm, một tháng, một ngày, mới được thả! Ra tù độ 7, 8 năm, Tòa bí mật xử lại vụ án, và xác định là tất cả vô tội. Bác được bạn bè rỉ tai cho biết việc xử lại này. Bác đến tòa xin được vấn bản tòa minh oan cho bác. Bác ở vào tuổi bát tuần, bác chỉ yêu cầu chính quyền trả lại ngôi nhà bị tịch thu trị giá khoảng sáu trăm ngàn đô-la Mỹ. Đón tù gửi các nơi năm này

qua năm khác, không ai buồn giải quyết. Chúng tôi khuyên bác đưa việc này ra công luận thế giới. Cuối cùng tận năm 1995, bác tới nhà tôi nói một Thiếu Tướng quân đội tới nhà bác, đưa cho bác 100 triệu (gần 10 ngàn đô-la Mỹ). Bác dành bằng lòng cho qua hết: Ngôi nhà, đồ đạc, tiền bồi thường 17 năm tù oan. Mọi chuyện êm thấm!

Một số trí thức, văn nghệ sĩ, ít nhiều phản kháng khi Đảng còi trói (thực ra là nới lỏng đôi chút) bị chính quyền dọa dẫm, mua chuộc, đã trở lại với nghề bồi bút cũ, như Trần Mạnh Hào, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Diệp Minh Tuyên, Trần Quốc Vương v.v... Một số co lại, im lặng.

Những nhìn chung, đại đa số, kể cả các đảng viên, đều chán ghét đảng. Nhiều người đấu tranh ngấm ngầm chống lại. Cứ xem những bài văn, bài thơ được photocopy lưu truyền khắp nơi thì rõ.

Tôi thường nói với anh Cung và bạn bè là tôi có thể sẽ được ra nước ngoài. Nhìn vào tình hình trong nước, tình hình thế giới, tình hình người Việt hải ngoại mà tôi ít nhiều am hiểu qua một số bạn bè từ Mỹ, từ Canada, từ Pháp, từ Úc về, tôi tin chắc rằng sớm là khi Mỹ bình thường quan hệ ngoại giao với Hà Nội, muộn là khi Mỹ cho Việt Nam tối huệ quốc, tôi sẽ được hộ chiếu sang Hoa Kỳ. Anh Cung, cũng như các bạn tôi, đều là những kẻ sống quá lâu trong lòng cộng sản, nên hiểu rõ tấy của chúng, đòn phép, ý đồ, đường đi, nước bước của chúng. Tất cả đều đồng ý với nhận định của tôi.

Quả nhiên, khi Mỹ sắp quan hệ ngoại giao với Việt Nam tôi được cấp hộ chiếu. Và ngày 1.11.95, tôi rời Việt Nam đi Hoa Kỳ.

Trước khi đi, các bạn tôi, toàn là bạn tù, tổ chức ăn uống chia tay, chúc mừng tôi. Anh Cung gặp riêng tôi, về mặt ưu tú:

- Tôi hiểu Thiện không mang thơ tú của tôi đi được. Có vài người quen, Đảng viên lâu năm cả, sắp đi công tác ngoại quốc. Họ cũng chán đảng, chán chế độ lắm! Tôi định nhờ họ mang tập thơ đó đi, tôi viết nhỏ, gọn, dễ giấu. Hơn nữa, họ đã ra nước ngoài vài lần, không bị khám bao giờ cả.

Tôi giật mình nhìn anh:

- Không được, việc nguy hiểm như vậy, Đảng viên hay không, chán đảng hay không, đều không thể tin được. Nhỏ là tình báo của Bộ Nội Vụ thì

sao? Anh cũng biết khi mở kho hồ sơ mật vụ Đông Đức ra, có những ông văn sĩ, trí thức chống đối, bao năm mọi người vẫn nể phục, lại tóa loe ra cái ông ấy làm việc cho cơ quan an ninh. Đúng bây giờ là cán bộ, Đảng viên đa số đã chán ngấy đảng. Nhưng chắc chắn cũng có một số nhỏ làm việc cho công an. Việc gián điệp tối mật, chúng ta biết ai vào với ai! Anh cứ an tâm, chỗ nóng vội. Sẽ có người tin cậy mang thơ của anh đi. Ngoài những người thực hiểu rõ nhau, anh cũng chớ nói với ai là anh có tập thơ đó cả.

Anh nghe lời tôi, và không giao tập thơ tú của anh cho họ. Anh Nguyễn Hữu Hiệu về Việt Nam vài lần. Lần nào cũng tôi thăm Phùng Cung, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang và tôi. Anh Hiệu đã mang lọt không những thơ tú, mà cả gần mười truyện ngắn của Phùng Cung sang Mỹ. Việc này nguy hiểm. Anh Cung đã nhờ mấy người Việt hải ngoại mang đi. Nhưng họ e ngại.

Thời gian trôi thật là nhanh. Tôi sang Hoa Kỳ đã được 19 tháng. Phải rời quê hương, rời những người thân, những bạn bè chí cốt đã bao năm chia sẻ ngọt bùi cay đắng, tôi nhớ lắm! Luống tuổi rồi, lại xa nước, tôi mỗi thấy câu tục ngữ La-Tinh: "Đâu sống tốt, đó là tổ quốc" là sai. Tôi nghĩ chúng ta vạn bất đắc dĩ mới phải rời bỏ đất nước. Quê cha đất tổ càng đau khổ, chúng ta càng xót thương. Tôi hằng mơ ước một ngày không xa, quê hương Việt Nam yêu dấu được tự do, tôi sẽ trở về tìm lại những thú cuộc đời không thể quên, gắn bó với hồn tôi từ thuở tôi còn mặc quần thùng dít. Những bờ tre, góc phố, những hướng cau, hướng bưởi, những quán nghèo, những ngôi mộ, những con trâu, con chó đầy ân tình, những mùa trăng mênh mang, những con người đôn hậu, cần cù, thông minh, hóm hỉnh, cùng chung tiếng nói, điệu ru, câu hò, giọng hát, cùng chung một lịch sử vui buồn, một nền văn hiến ngàn năm, và nhất là cùng chung bao tan tác, nỗi chìm, dập vùi, tai họa trong gần nửa thế kỷ. Vào những giờ phút hoàng hôn của tuổi sáu mươi, tôi luôn có cảm giác mình đang sống những ngày ừ ừ buổi tàn thu. Hình bóng những người mà tôi đã yêu, những thâm tình mà tôi đã mất thường chập chờn trong tâm tưởng... Khi ra đi, tôi có búi ngùi nâng ly nói với các bạn:

- Cuộc đời chúng ta, tan hợp, hợp tan đã nhiều. Lần này tôi xa các bạn, lòng vẫn hy vọng có một ngày rất gần sẽ được trùng phùng, khi đất nước không còn bóng giặc. Cuộc trùng phùng này sẽ từng bồng nhất, hào hùng nhất, vĩ đại nhất trong cuộc đời đầy bất hạnh của chúng ta. Vì đó cũng là cuộc trùng phùng, cuộc đại đoàn viên của cả dân tộc sau nửa thế kỷ chia ly, đầy đọa. Chúng ta căm giận mà không tàn ác vì chúng ta trân quý điều Thiện. Chúng ta nhân ái mà không khoan nhượng, hòa hợp với tội ác vì chúng ta phần nộ trước mọi cái ác. Chúng ta biết ngẩng đầu trước sức mạnh đen tối của bạo lực, nên chúng ta biết khoan dung cho những kẻ biết cúi đầu hối cải, ủng hộ, khuyến khích họ trở về với Lương Tri, với Dân Tộc!

Từ ngày sống ở Mỹ, tôi vẫn gọi điện về thăm hỏi gia đình, thăm hỏi các bạn. Cách đây bốn tuần, vào tối thứ bảy, các bạn tôi tập hợp nhau tại nhà Đại úy Kiều Duy Vĩnh đợi tôi chuyện với tôi. Vừa bắt đầu câu chuyện, nhà thơ Lê Quang Dũng báo tin cho tôi biết là Phùng Cung đã mất hôm thứ sáu tại nhà, sau hai tuần bạo bệnh. Các anh sắp đi đưa đám. Tôi bàng hoàng, lòng quặn đau. Thế là anh đã ra đi vĩnh viễn, tôi chẳng bao giờ còn được trông thấy anh, nhìn thấy nét mặt đầy ưu tú của anh, nâng cốc uống trà với anh, nghe anh đọc thơ nữa... Đành rằng của tử ai cũng phải qua, nhưng sao lòng lại đau, nước mắt lại ứa ra! Đêm đó, tôi nằm quay mặt vào tường, hồi tưởng lại những năm tháng gần anh, từ buổi đầu gặp gỡ trên trại Phong Quang, một chiều đông âm đạm, anh đứng trước cây ốt chỉ thiên, ngẩng đầu nhìn lên nền trời xám nặng, nét mặt xám nhợt bất động, tôi buổi tử biệt anh, vào Sài Gòn đi Hoa Kỳ, anh nắm tay tôi không muốn rời, nước mắt róm róm...

Mai này trở về Việt Nam, tôi chỉ còn biết cúi đầu đứng lặng trước chút thổ phần bỏ xéo cuối thôn, nơi thân xác anh an nghỉ...

Trời gần sáng, tôi nhắm mắt chợp đi, mơ thấy những vì sao, những cánh buồm xanh biếc, đường ngược dòng Ngân lộng gió, đưa linh hồn anh về với Thượng Đế chí nhân!

(Lời nói đầu cho tập thơ "Trăng Ngục" của Phùng Cung sắp xuất bản, Virginia, June 10, 1997).



BẠCH HÒA CỬU

■ Giang Phúc Đông Sơn

Liệu Sinh, con một người bá hộ vốn là thợ bạc giàu có ở đất Viễn Thái, tư chất thông minh, nhưng tính tình đa cảm, lãng mạn. Nhà khá giả nên thích ăn chơi, ngao du sơn thủy hoặc tụ họp bạn bè đàn hát ngâm thơ, uống rượu hơn là dùi mài kinh sử.

Một buổi chiều trời đã chạng vạng tối, Liễu sinh đi dạo với một người bạn học là Khang Hòa ngang qua khu chợ gần nhà thấy một nhà sư già đứng khất thực trước một phạn điểm, Liễu sinh dừng lại, định kêu tiểu nhị dọn cơm chay cúng dường nhà sư nhưng lại thôi vì thấy chủ quán cầm hai cái bánh bao đem ra trước mặt nhà sư hỏi:

- Hòa thượng có dám ăn bánh bao nhân thịt không?

Nhà sư không trả lời cầm luôn hai cái bánh bao cúi đầu ra dấu cảm ơn, lặng lẽ ăn luôn một lúc không nói tiếng nào. Chờ vị sư già ăn xong tên chủ quán chế nhạo:

- Nghe nói đi tu không được ăn thịt mà? Sao Hòa Thượng dám phạm điều cấm? Như vậy làm sao đắc đạo được?

Nhà sư cất tiếng nhỏ nhẹ:

- Mô Phật! Đa tạ thí chủ đã nhắc nhở giới luật! Nhưng bàn tăng thiết nghĩ, thân chỉ là phương tiện để tu hành, không phải là mục đích. Điều chính là giữ được cho tâm mình lúc nào cũng thanh thoát, trong sáng, không vọng động thì dù có ăn vài miếng thịt cũng chẳng sao.

Nghe vị sư già trả lời như vậy, chủ quán không nói gì cười nhạt bỏ đi vào. Liễu sinh nghe thế lấy làm thắc mắc chấp tay xá một cái hỏi:

- Bạch Hòa Thượng! Làm sao biết được tâm mình động hay không?

Vị sư già ngước mắt nhìn Liễu sinh với ánh mắt hiền hoà độ lượng, ông chỉ

tay lên một cành cây nhỏ đang bị gió thổi rung nhẹ nhàng:

- Công tử thấy gì đang xảy ra?

Liễu sinh hơi ngạc nhiên nhưng cũng lễ phép trả lời:

- Bạch Hòa Thượng gió đang rung cành cây!

Vị sư già cười nhẹ chỉ vào gốc cây hỏi tiếp:

- Gió có làm rung được gốc cây không?

- Thưa không!

Vị sư già bấy giờ mới chăm chú nhìn Liễu sinh, ánh mắt của ông chợt nghiêm lại:

- Gốc không bị gió rung vì gốc nặng, cành bị gió rung vì nhẹ và có nhiều lá. Tâm con người ta cũng vậy, nếu giữ tâm mình vững như gốc cây kia thì những dục vọng trên đời ví như gió thoảng qua thôi, làm sao lay chuyển được?

Nhà sư nói xong vái chào rồi cất bước đi thẳng, Liễu sinh bần thần nhìn theo nhưng Khang Hòa đã nắm tay Liễu sinh kéo đi:

- Ôi! Hơi đâu mà hiền hữu để ý mấy lời nói vô văn của lão Hòa Thượng làm gì. Mình kiếm một quán rượu nào đó làm vài chén cho thơm râu đi.

Họ rủ nhau vào một phạn điểm gần đó. Sau một vài chung Liễu sinh quen bằng câu chuyện xảy ra, vui vẻ ăn uống với bạn. Trong lúc họ đang thủ tục, chén chú chén anh thì từ ngoài cửa có một thiếu nữ bước vào với hai người nữ tỳ. Ánh sáng từ hai ngọn đèn lồng lớn ngay cửa soi rõ khuôn mặt xinh đẹp và chiếc áo lụa trắng như tuyết sang trọng trên người nàng, Liễu sinh cùng Khang Hòa há hốc mồm nhìn. Thiếu nữ dường như chẳng để ý đến ai, nàng chọn một chiếc bàn khuất trong góc, ngồi xuống, ra hiệu cho

tiểu bảo đến đặt thức ăn mà không hề ngước mắt lên nhìn chung quanh, cử chỉ thật trang nhã và cao sang. Vẻ đẹp cùng sự đài các của nàng khiến Liễu sinh như bị trời trồng ngây ngộp ra ngẩn khiến Khang Hòa ngồi cạnh bật cười vỗ mạnh vào đùi Liễu sinh:

- Liễu hiền hữu mới làm vài chung mà xem chừng đã say lắm rồi.

Liễu sinh có vẻ hơi ngượng quay lại:

-Không hiểu vị cô nương này con cái nhà ai mà đẹp quá!

Khang Hòa biết tính bạn liền cười khích:

- Hiền hữu mà làm quen được nàng thì ta xin được trả tiền bữa rượu hôm nay.

Nghe bạn nói khích, Liễu sinh động lòng không nói gì lặng lẽ ngồi chờ. Đúng vào lúc tên tiểu nhị vừa bưng thức ăn ra cho thiếu nữ và hai nữ tỳ, Liễu sinh đứng lên đi lại gần bàn thiếu nữ. Gần đến nơi, làm như vô ý không nhìn thấy Liễu sinh vấp chân vào một chân bàn bên cạnh, loạng choạng té luôn vào bàn ăn của thiếu nữ làm mấy đĩa thức ăn vừa được dọn ra đổ tung toé văng đầy lên y phục của ba người.

Liễu sinh vội vã đứng dậy vòng tay chào thiếu nữ:

- Tiểu sinh thật vô ý làm vấy hết y phục nương tử, mong nương tử thứ lỗi!

Chàng dừng lại đưa mắt nhìn quanh rồi tiếp:

- Nếu không có gì phiền xin mời nương tử qua bàn bên kia, chỗ này xin để cho tiểu nhị dọn dẹp. Vừa nói chàng vừa hơi cúi người đưa tay ra dấu mời. Bấy giờ trong quán cũng có khá đông thực khách, một vài người tò mò quay lại nhìn khiến thiếu nữ có vẻ bối rối, chờ cho hai người nữ tỳ chùi sơ những chỗ thức ăn dính trên y phục rồi mời ngước mắt nhìn Liễu sinh ngập ngừng:

- Đa tạ... công tử! Nhưng... không có gì đâu, công tử... đừng để tâm. Tiện nữ chỉ ngồi đây trong chốc lát.

Lúc đó một tên tiểu nhị thấy khách làm đổ thức ăn liền đi lại để dọn dẹp, Liễu sinh liền nói:

- Cậu dọn dùm bàn này rồi đem ra cho cô nương đây những món vừa đặt qua bàn bên kia!

Tiểu nhị gật đầu, Liễu sinh liền đưa tay ra dấu mời lần thứ hai. Thấy không tiện từ chối, thiếu nữ vén áo đứng lên bước sang chiếc bàn gần đó theo dấu tay của Liễu sinh, hai người nữ tỳ cũng

vội đi theo chủ. Vừa ngồi xuống nàng vừa nói lí nhí:

- Xin đa tạ công tử!

Liểu sinh nhìn về phía Khang Hòa nháy mắt cười nhẹ với bạn rồi nhả nhặn:

- Tiểu sinh là Liễu Đạt! Rất hân hạnh được làm quen với nương tử hôm nay!

Thiếu nữ đỏ mặt chưa kịp nói gì thì một người nữ tỳ đã nhanh nhẩu đỡ lời:

- Công tử ngồi xuống đi! Cô nương đây là ái nữ của lão gia Vĩnh An Đường ở Nhạn Sơn.

- Nghe địa danh hơi lạ, Liễu sinh kéo áo ngồi xuống đối diện với thiếu nữ nói lời cảm ơn rồi hỏi tiếp:

- Nương tử từ Nhạn Sơn qua đây chắc có việc quan trọng nên mới đi vào chiều tối thế này?

Hai người nữ tỳ cười khúc khích, một người nói:

- Công tử tò mò quá! Cô nương tụi tôi đi dự hội Thiên Hoa đồng tỵ.

Thiếu nữ nghe đến đó trừng mắt nạt:

- Người cử đem việc nhà ra nói hết cho mọi người biết! Về ta mách lão gia là người nhử đòn.

Người nữ tỳ le lưỡi ra về sợ hãi rồi nháy mắt với Liễu sinh:

- Công tử đừng có hỏi nữa nghe! Cô nương tụi tôi khó tính lắm đó!

Liều Đạt vô cùng ngạc nhiên vì lần đầu tiên nghe nói đến hội Thiên Hoa nhưng không tiện hỏi thêm nên đành yên lặng đưa mắt nhìn thiếu nữ vừa lúc nàng cũng nhìn lại. Hai ánh mắt gặp nhau; Liễu sinh thấy nóng ran cả người trong lúc thiếu nữ bên lên cúi mặt xuống nói nhỏ:

- Tiệp nữ là Bạch Cúc, dưỡng phụ là Vĩnh An ở Nhạn Sơn.

Đến lúc tiểu nhị bưng thức ăn ra thì Bạch Cúc đã bắt ngại ngừng, nàng vui vẻ trò chuyện cùng với Liễu Đạt. Ăn uống xong, Liễu sinh tò ý muốn đưa nàng về nhà nhưng Bạch Cúc khéo léo từ chối:

- Dưỡng phụ tuy rất cứng chiều tiệp nữ nhưng cũng rất khó tính. Dưỡng phụ mà biết được tiệp nữ ra ngoài giao thiệp thế này chắc sẽ chết đòn với lão gia.

Liều Đạt khấn khoản:

- Tiểu sinh có thể gặp lại cô nương ở đâu?

Bạch Cúc liếc mắt nhìn hai người nữ tỳ rồi quay lại Liễu Sinh ngập ngừng:

- Công tử hãy đến... Nhạn Sơn... hỏi ...

Bạch Cúc chưa nói hết câu thì có tiếng vó ngựa lộc cộc chạy đến khiến nàng có vẻ sợ hãi, hấp tấp chạy nhanh ra cửa. Liều Đạt nhìn theo chỉ kịp thấy nàng cùng hai người nữ tỳ bước lên một cỗ xe song mã sang trọng, bốn phía rèm che kín, rồi cỗ xe chạy ngay đi, chớp mắt không còn thấy bóng dáng.

Liều Đạt thần thờ quay vào trong, Khang Hòa thấy sắc mặt Liễu Đạt biết ngay bạn mình đã bị giai nhân hấp hồn nên cầm một chén rượu trao cho bạn:

- Hiền hữu uống một chén cho tỉnh lại người!

Liều Đạt như người mất hồn cầm chén rượu uống cạn rồi lại ngẩn ngơ đưa mắt nhìn ra cửa. Khang Hòa thấy vậy gọi tiểu bảo lại trả tiền rồi kéo tay Liễu Đạt ra về. Hai người ra khỏi quán, Khang Hòa đập mạnh lên vai bạn nói:

- Sao? Tỉnh táo lại chưa? Nàng là ai vậy? Thân thế ra sao? Hiền hữu kể nghe với!

Liều Đạt như sực tỉnh, ngỡ ngác nhìn bạn:

- Hà! Hiền hữu nói ai?

Khang Hòa tưởng bạn có điều gì muốn giấu mình nên bực mình:

- Chậc! Thi người đẹp áo trắng vừa rồi chủ còn ai vào đấy nữa?

Liều Đạt nhìn bạn lắc đầu:

- Ta chỉ biết tên nàng là Bạch Cúc ở Nhạn Sơn đi dự hội Thiên Hoa ngang qua đây.

Khang Hòa trợn mắt nhìn Liễu Đạt rồi ôm bụng cười hỏi:

- Hiền hữu nói sao? Gia đình nàng ở Nhạn Sơn?

Liều Đạt có vẻ phật ý vì thái độ của Khang Hòa, chàng hỏi giọng trách móc:

- Thi nàng nói vậy! Ta chỉ biết có thế! Sao hiền hữu cười?

- Hiền hữu có biết Nhạn Sơn ở đâu không?

Thấy Liễu Đạt lắc đầu, Khang Hòa ngừng cười:

- Nhạn Sơn cách đây muôn dặm, muốn đi tới đó người ta phải mất cả tháng trời, lại còn phải vượt qua con sông Tắc Giang sóng to gió lớn, rất ít người dám vượt qua, thuyền bè hầu hết chỉ chạy dọc hai bên bờ. Làm sao một thiếu nữ như nàng có thể một mình đi dự một cái hội... Hiền hữu vừa nói hội gì?

- Thiên Hoa đồng tỵ!

Khang Hòa gạt đầu nhè nhẹ:

- Ta chưa nghe ai nói đến một cái hội như vậy cả! Nhưng một thiếu nữ cùng hai nữ tỳ vượt hơn chục ngàn dặm để đi dự một cái hội ít người nghe thấy có đáng là điều cho hiền hữu suy nghĩ không?

Thấy Liễu Đạt im lặng Khang Hòa tiếp:

- Vậy thì một là nàng nói dối hiền hữu, hai là.

Khang Hòa do dự ngừng lại, Liễu Đạt gắng hỏi

- Là sao?

Khang Hòa không trả lời ngay mà đưa mắt nhìn quanh. Trời đã tối hẳn, phố xá đã bắt đầu thưa thớt, Khang Hòa nắm tay bạn kéo lại gần nói nhỏ:

- Là ma chủ còn là gì nữa?

Liều sinh tưởng bạn nói đùa, nhưng thấy vẻ mặt nghiêm trang của Khang sinh chàng biết bạn không có ý trêu chọc mình nên hơi hoang mang kêu lên nhỏ:

- Không lẽ! Không lẽ! Lúc đó trời chỉ mới sẫm tối mà!

Thấy Liễu Đạt có vẻ sợ, Khang Hòa vội trấn an:

- Không có chuyện gì đâu! Ta chỉ đoán vậy thôi, hiền hữu đừng quá bận tâm. Minh về đi! trời cũng đã tối rồi.

Vào một buổi tối hai ngày sau, Liễu Đạt đang ngồi học trong thư phòng chợt cảm thấy mệt mỏi, không còn hứng thú đọc sách, chàng bèn gọi một người gia nhân hâm cho bình rượu nóng. Vừa uống chàng vừa băng khuâng nghĩ đến Bạch Cúc và cuộc gặp gỡ hai ngày trước. Men rượu nồng cùng hình bóng Bạch Cúc nhảy múa trong đầu khiến Liễu Đạt chẳng mấy chốc gục xuống bàn thiếp đi.

Trong lúc mở màng Liễu Đạt chợt nghe tiếng người gọi nhỏ:

- Liễu công tử! Liễu công tử!

Tưởng là một gia nhân trong nhà Liễu Đạt không mở mắt, gắt nhẹ:

- Chuyện gì đó? Khuya lắm rồi sao không để yên ta ngủ?

- Công tử! Bạch Cúc tiểu thư có chuyện muốn thưa cùng công tử.

Nghe tới đó Liễu Đạt giật mình ngồi ngay dậy, đưa tay giụi mắt nhìn quanh. Trời đã khuya lắm rồi, cảnh vật chung quanh tối đen, nhưng nhờ ánh trăng lười lười hắt qua khung cửa sổ Liễu Đạt thấy một bóng người thấp

thoảng trong góc phòng, chàng dè dặt hỏi:

- Ai đó?

- Tiệp nữ là Phương Nhi, nữ tỳ của Bạch Cúc tiểu thư!

Vừa đưa tay tìm cái dụng cụ đánh lửa Liễu Đạt vừa lo âu hỏi tiếp:

- Đêm hôm khuya khoắt có việc gì khẩn cấp mà tiểu thư sai cô nương lại đây vậy?

- Bạch Cúc tiểu thư về đến nhà, Vinh An lão gia trông thấy chiếc áo bị dính thức ăn dơ mỗi tra hỏi, tiểu thư thật lòng kể hết sự việc. Ai ngờ lão gia giận dữ đánh đập tiểu thư một trận rồi đem nhốt bỏ sau vườn. Tiểu tỳ ra thăm, tiểu thư mới nhắn tìm công tử mau đến giải cứu cho tiểu thư.

Thấp đước một ngọn bạch lạp nhỏ lên, Liễu Đạt nhận ra Phương Nhi là một trong hai người nữ tỳ của Bạch Cúc lúc chiều. Chàng kinh ngạc:

- Từ đây đến Nhạn Sơn đường xa vạn dặm, làm sao...

Phương Nhi ngắt lời:

- Công tử chờ hỏi nhiều! hãy mau theo tiểu tỳ!

Nói xong Phương Nhi bước ra ngoài, Liễu Đạt vội vã đi theo. Ra đến ngoài đường Liễu sinh trông thấy chiếc xe song mã sang trọng lúc chiều, chàng định lên tiếng hỏi thì Phương Nhi đã nhanh nhẹn nhảy lên chỗ người đánh xe khiến Liễu Đạt chẳng còn cách nào khác hơn là mở cửa leo lên. Chàng chưa kịp ngồi xuống đã nghe Phương Nhi vụt roi, hai con ngựa hí lên một tiếng dài rồi cỗ xe lắc mạnh một cái lao vụt đi làm chàng kinh hãi. Chiếc xe phóng đi vun vút nhưng không còn tiếng vó ngựa lọc cọc nữa, Liễu Đạt ngạc nhiên, vén màn thò đầu nhìn ra ngoài. Trời quá tối khiến chàng không nhìn thấy gì ngoài một màu đen như mực và gió thổi ào ào như tạt vào mặt, Liễu sinh vội buông màn cửa xuống dựa người ra sau nhắm mắt lại. Mùi hương của Bạch Cúc thoang thoảng trong xe khiến Liễu Đạt ngây ngất, mở màng tưởng như đang kề cận người đẹp.

Một lúc sau Liễu Đạt có cảm giác cỗ xe đang từ từ chậm lại, đoán chừng sắp đến nơi chàng liền ngồi dậy kéo số lại y phục cho ngay ngắn rồi vạch màn nhìn ra ngoài. Ánh sáng từ hai ngọn đèn lồng lớn soi rõ một tấm bảng có ba chữ Vinh An Đường vẽ bằng đại tự treo trên một cái cổng xây bằng đá nhưng không có cửa, một con đường

bằng đất khá dốc dẫn lên cao sâu vào bên trong, Liễu Đạt thấy mờ mờ một căn nhà to lớn, kang trang, chàng ngần ngợ chưa biết phải làm gì thì của xe đã mờ rồi tiếng Phương Nhi thì thào:

- Công tử giữ yên lặng nghe! Đến rồi! Coi chừng lão gia mà biết thì cái mạng giun dế của tiểu tỳ chắc cũng chẳng còn.

Liễu Đạt gật đầu yên lặng đi theo Phương Nhi, vừa đi vừa nhìn chung quanh. Hai ngọn đèn lồng dù lớn cũng chỉ soi rõ một khu vực hạn chế, Liễu Đạt nhận ra một điều là căn nhà dường như nằm đơn độc trên sườn một ngọn núi. Phương Nhi dẫn chàng đi vòng qua hông nhà ra sau vườn, cảnh vật nơi đây thật tối, lòng hoang mang Liễu sinh chỉ còn cách bước theo tà áo phất phới của Phương Nhi, hai người loanh quanh một lúc thì chợt Phương Nhi dừng lại trước một căn phòng, nàng suy một tiếng nhỏ ra hiệu cho Liễu nhi yên lặng, rồi chờ một lúc không thấy động tĩnh gì mới đưa tay gõ nhẹ lên cửa mấy tiếng kêu nhỏ:

-Thực Nhi! Liễu công tử đã tới! Mau dẫn công tử đi gặp tiểu thư!

Có tiếng lịch kịch như tiếng va chạm của bàn ghế, rồi cánh cửa mở ra, Liễu Đạt nhận ra người nữ tỳ thủ hai của Bạch Cúc tay đang cầm một ngọn đèn sáp nhỏ. Thực Nhi gật đầu chào chàng rồi ra dấu cho Liễu Đạt và Phương Nhi đi theo mình. Họ băng qua một hành lang nhỏ đến một căn phòng tối đen, chỉ có một cánh cửa hẹp bằng gỗ chắn song thật chắc chắn. Liễu Đạt bàng hoàng khi nhìn thấy Bạch Cúc qua ánh sáng leo lét của ngọn đèn sáp. Tóc tai rũ rượi, sắc mặt tiêu tụy, Bạch Cúc nhìn Liễu Đạt với ánh mắt buồn bã:

- Liễu công tử! Công tử đến rồi ư?

Thấy Bạch Cúc không mở cửa cho mình bước vào, Liễu sinh ngạc nhiên:

- Bạch tiểu thư! Sao nàng không mở cửa cho ta vào?

Bạch Cúc lắc đầu, hai giọt nước mắt lăn dài trên má, nàng đưa tay chỉ một sợi xích sắt to vòng ở khung cửa. Liễu Đạt chợt hiểu liền tay qua song cửa nắm lấy tay nàng, giọng đầy ân hận:

- Nương tử! Vì tiểu sinh mà nàng ra nông nỗi này.

Bạch Cúc đưa mắt nhìn Phương Nhi và Thực Nhi, họ hiểu ý lùi lại vài bước, Thực Nhi nói:

- Công tử cứ tự nhiên nói chuyện với tiểu thư đi! Để tiểu tỳ và Phương tỳ lên canh chừng lão gia cho.

Chờ cho Phương Nhi và Thực Nhi khuất dạng, Bạch Cúc mới quay lại nhẹ lắc đầu:

- Không phải lỗi chàng đâu! Nếu tiệp nữ không ham vui thì cũng chẳng ra nên nỗi này. Ấu cũng là duyên số cả.

Nàng ngừng lại nhìn Liễu Đạt thật lâu rồi mặt đỏ bừng lên, nàng hỏi giọng lí nhí:

- Công tử! Công tử có thương tiệp nữ không?

Liễu Đạt ngăn người, không ngờ Bạch Cúc đột ngột hỏi chàng như vậy. Quá bất ngờ khiến chàng không tìm được ý tứ diễn tả tình cảm của mình làm Bạch Cúc hiểu lầm giựt mạnh tay ra khỏi tay chàng, bật khóc nức nở. Liễu Đạt hốt hoảng vội đưa tay nắm lấy tay áo nàng định kéo lại nhưng Bạch Cúc vùng mạnh một cái.

- Xoạt!

Tay áo của Bạch Cúc bị sự giật co rách toạc một mảng lớn lộ ra cánh tay tròn trĩnh trắng ngần, Liễu Đạt chời với không ngờ sự thể xảy ra như vậy vội quay mặt đi nơi khác ấp úng:

- Tiểu thư! tiểu sinh... tiểu sinh không có ý đó!

Bạch Cúc lùi lại ngồi xuống chiếc giường bằng đá trong phòng ôm mặt khóc rấm rức:

- Tiệp nữ đã làm người! Công tử đi về đi!

Liễu Đạt thở một hơi dài, từ từ quay lại:

Không! Nương tử không làm đâu! Tiểu sinh sẽ làm tất cả mọi chuyện để cứu nương tử ra khỏi đây. Hãy nói cho tiểu sinh biết mình phải làm gì?

Nghe nói vậy Bạch Cúc ngừng khóc, đưa tay chùi nước mắt quay lên:

- Công tử nói thật không?

Liễu Đạt gật đầu:

- Tiểu sinh hứa với tất cả lòng thành.

Bạch Cúc đứng lên bước lại gần chàng, Liễu Đạt cầm lấy tay nàng đặt lên ngực mình:

- Nàng hãy tin ta! Nói đi! Ta cần phải làm gì?

Bạch Cúc có vẻ xúc động, nàng vòng tay qua song cửa, hai người ôm lấy nhau qua chấn song. Bạch Cúc thò thè vào tai Liễu Đạt:

- Tuần trăng tối, cũng vào ngày này Liễu huynh đến đây mang theo độ

chục lạng vàng gấp dưỡng phụ của thiếp xin hỏi cưới thiếp. Đương nhiên lão gia sẽ không gả xuống mà sẽ đòi ít của, Liễu huynh hãy tặng lão gia số vàng đó là thiếp sẽ được tự do suốt đời hầu hạ Liễu huynh.

Liễu Đạt đưa tay vuốt nhẹ khuôn mặt yêu kiều của Bạch Cúc, đang định hôn lên má nàng thì chợt nghe tiếng người đằng hắng. Hai người giật mình buông nhau ra, Phương Nhi đi tới nói nhanh:

- Lão gia vừa thức giấc, có thể sẽ xuống đây coi tiểu thư ra sao? Thực Nhi đang tìm cách cầm chân lão gia.

Bạch Cúc có vẻ sợ hãi, nàng rút trên đầu ra một cái trâm cài tóc nhỏ trao cho Liễu Đạt:

- Đây là tặng vật cho chàng nói lên tấm lòng của thiếp. Chỉ có thể! Nếu Liễu huynh thật lòng thì đôi ta sẽ gặp lại nhau! Chàng nên nhanh chóng theo Phương Nhi rời khỏi nơi đây kẻo sinh họa.

Bạch Cúc nói xong, lùi lại thổi tắt ngọn đèn sáp, Liễu Đạt nói với theo:

- Nàng yên tâm! Ta sẽ làm theo lời dặn.

Nói xong chàng vội xoay người chạy theo bóng Phương Nhi mờ ảo trong đêm. Hai người ra đến ngoài xe song mã, Phương Nhi thúc hối:

- Nhanh lên công tử!

Liễu Đạt vừa đặt chân lên sàn xe, chưa kịp ngồi xuống thì Phương Nhi đã giật cương khiến cho đôi ngựa chồm lên, cỗ xe bị giật mạnh một cái làm Liễu Đạt té bật ra sau va mạnh đầu vào thành ghế lăn ra bất tỉnh.

*

Liễu Đạt tỉnh dậy khi nghe tiếng người nói lao xao chung quanh. Mắt hoa, đầu óc váng vất chàng chống tay ngồi dậy, nhận ra phụ thân, Khang Hòa và một gia nhân trong nhà là Nhị Sách. Khang Hòa kêu lên mừng rỡ:

- Hiền hữu đã tỉnh! Thật đáng mừng!

Liễu Đạt ngạc nhiên:

- Tại sao vậy? Chuyện gì đã xảy ra?

Nhị Sách lầu lầu:

- Công tử sau khi uống rượu với Khang công tử đây về tự nhiên bất tỉnh ba ngày rồi. Liễu lão gia vô cùng lo lắng cho đón thầy thuốc về bắt mạch thì thấy mạch yếu hẳn nhưng không

tim được nguyên nhân. Ai cũng tưởng phen này công tử không qua khỏi.

Liễu Đạt ngỡ ngàng:

- Thật ư? Ta bất tỉnh đã ba ngày rồi à?

Phụ thân chàng ôn tồn dù trên mặt ông vẫn còn hằn nét lo âu:

- Đúng vậy! Con làm cho ta mấy ngày qua chẳng yên tâm chút nào. Khang Hòa hay tin cũng vừa mới tới đây. Mẫu thân con quá lo lắng nên đã lên chùa cầu nguyện cho con tử sáng chưa về.

Liễu Đạt lắc mạnh đầu cho tỉnh táo, chàng đưa tay lên bóp trán, nhỏ dần lại những sự việc. Thấy cử chỉ Liễu Đạt phụ thân chàng quay sang Nhị Sách:

- Người xuống nấu cho công tử một nồi cháo để công tử ăn cho tỉnh!

Nhị Sách dạ một tiếng chạy đi. Còn lại ba người, phụ thân chàng ngồi xuống bên cạnh hỏi:

- Liễu nhi! Con thấy trong người ra sao? Có nhớ được chuyện gì đã xảy ra hay không?

Liễu Đạt yên lặng suy nghĩ một lúc rồi thuật lại hết mọi chuyện cho phụ thân và Khang Hòa nghe. Hai người cùng trầm ngâm không nói gì khi Liễu Đạt dứt lời, một lúc sau phụ thân chàng mới hỏi Khang Hòa:

- Ý tiểu điệt ra sao?

Khang Hòa đưa mắt nhìn bạn rồi mới chậm rãi hỏi:

- Theo lời hiền hữu kể thì Bạch Cúc có tặng hiền hữu một chiếc trâm cài tóc. Vật đó đâu rồi?

Liễu Đạt chợt nhớ ra việc đó, chàng đưa tay vào trong áo rút ra chiếc trâm đưa ra trước mặt hai người khiến Khang Hòa và phụ thân chàng sững sờ, kinh hãi không thể không tin vào lời kể của Liễu Đạt. Khang Hòa yên lặng suy nghĩ một lúc lâu mới lên tiếng:

- Theo ý cháu thì thúc thúc củ cho Liễu huynh một số tiền như thế. Còn khá lâu mới đến khoa thi. Cháu xin được phép cùng Liễu huynh đi đến Nhạn Sơn xem sự thể ra sao.

Liễu Đạt nghe vậy nhìn Khang Hòa tỏ dấu cảm ơn. Phụ thân chàng gật đầu:

- Được thế thì còn gì hơn! Vậy cháu định bao giờ khởi hành?

Liễu Đạt vội nói:

- Theo lời Khang Hòa thì đường đi từ đây đến Nhạn Sơn khá xa. Con định

sáng sớm mai sẽ đi ngay nếu không có gì trở ngại cho Khang Hòa.

Khang Hòa đứng lên nói với phụ thân Liễu sinh:

- Vậy để tiểu điệt về nhà chuẩn bị hành trang.

Nói xong Khang Hòa vòng tay cúi chào ra về. Vừa lúc đó Nhị Sách bưng cháo lên, Liễu Đạt mới chợt thấy đói. Chàng đón lấy chén cháo ăn một hơi không ngừng khiến phụ thân chàng mỉm cười. Chờ Nhị Sách dọn chén bát đi, còn lại hai người, phụ thân Liễu Đạt mới đặt tay lên vai chàng, giọng ông tràn đầy âu lo:

- Liễu nhi! Ta chỉ có một mình con nối dõi. Đi đường con phải cẩn trọng!

Liễu sinh cảm động quỳ xuống ôm lấy phụ thân, ông vuốt tóc chàng như khi Liễu sinh còn thơ ấu.

*

Sáng hôm sau mặt trời chưa ló dạng thì Liễu Đạt và Khang Hòa đã mỗi người một ngựa dong ruổi hướng Nhạn Sơn. Ngày đi đêm nghỉ, vừa đi vừa hỏi đường, một ngày kia hai người đến một bờ sông rộng mênh mông nước chảy cuồn cuộn và thật xoáy. Dân cư nơi đó có vẻ thưa thớt, chỉ độ vài chục mái nhà nằm cách bờ sông hơi xa, bên bờ chỉ có neo vài ba con thuyền nhỏ mà hầu hết đều là loại chạy dọc sông đang lác lác qua lại theo dòng nước. Hai người xuống ngựa, Liễu Đạt nhìn dòng nước ngao ngán:

- Phải chăng đây là dòng Tắc Giang mà hiền hữu muốn nói? Nước chảy thế này thì thuyền bè nào dám chèo qua bên kia bờ?

Khang Hòa gật đầu đưa tay chỉ một ngọn núi xa xa bên kia bờ:

- Bởi thế nên nó mới có tên là Tắc Giang, hầu hết những người đã đến đây thì một là phải tìm đường khác, hai là quay trở về. Hiền hữu nhìn kia! Nếu ta đoán không lầm thì đó chính là Nhạn Sơn.

Liễu Đạt đưa mắt nhìn theo tay chỉ của Khang Hòa rồi thờ dãi:

- Chẳng hiểu đến mùa nào nước mới bớt chảy xiết? Chủ thể này thì...

Liễu Đạt không dám nói hết ý nghĩ của mình, Khang Hòa an ủi bạn:

- Hiền hữu đừng thất vọng! Để ta hỏi thăm dân trong vùng xem sao.

Vừa lúc đó có một người ăn mặc nghèo nàn, đội một chiếc nón lá sùm

sụp đi tơi. Khang Hòa vội vòng tay chào lên tiếng:

- Tôn ông! Xin thủ cho tội đường đột! Vào mùa này có đồ ngang hay không?

Người đó không ngẩng đầu lên, cộc lốc trả lời:

- Có!

Khang Hòa tuổi mặt nhìn Liễu Đạt rồi tiếp:

- Ở đâu xin tôn ông chỉ dùm! Tiểu sinh xin hậu tạ.

Bấy giờ người lạ mới ngước lên nhìn họ:

- Nhị vị có thể trả cho bản đạo được bao nhiêu nếu bản đạo mang nhị vị cùng hai con tuần mã này qua bờ bên kia?

Khang sinh và Liễu sinh cùng lúc nhận ra đó là một đạo sĩ trạc độ ngũ tuần, khuôn mặt khắc khổ nhưng hiền hòa. Khang Hòa thận trọng dò dẫm:

- Một lượng vàng!

Viên đạo sĩ cất tiếng cười khanh khách:

- Bản đạo sẵn sàng trả cho nhị vị mười lần như vậy nếu nhị vị chịu khó đưa bản đạo sang bên kia sông.

Liễu Đạt và Khang Hòa ngó người nhìn nhau. Liễu Đạt vội hỏi:

- Thế tôn ông muốn bao nhiêu?

Vị đạo sĩ ngưng cười lắc đầu:

- Bản đạo mà đòi công thì nhị vị chẳng thể trả nổi. Nhưng thôi bản đạo sẽ đem nhị vị qua bờ bên kia với một điều kiện.

Liễu Đạt vừa định nói thì Khang Hòa đã đưa tay chặn lại:

- Nếu điều kiện đó không vượt quá khả năng của tiểu sinh và hiền hữu đây.

Vị đạo sĩ nghiêm mặt nhìn họ:

- Đương nhiên! Thôi mời nhị vị lên thuyền.

Ông đưa tay ra dấu chỉ vào chiếc thuyền gần nhất nằm sát trong bờ. Thấy chiếc thuyền nhỏ mong manh, Liễu Đạt và Khang Hòa đều ngần ngại chưa bước lên vội. Vị đạo sĩ hiểu ý nhảy lên trước, rút bên hông thuyền ra một mái chèo nhỏ và dài chống mạnh xuống nước, con thuyền đang chòng chành chợt đứng ngay lại. Liễu Đạt và Khang Hòa không còn cách nào hơn là dắt ngựa bước theo xuống, chiếc thuyền chỉ vừa đủ rộng cho ba người và đôi ngựa. Hai người bạn đứng chưa yên thì vị đạo sĩ khuấy nhẹ mái chèo một cái và lạ lùng thay con thuyền trông nhỏ yếu như thể lại trôi bằng

bằng qua bờ bên kia mà không lắc lư, chòng chành chút nào dưới sự ngạc nhiên tốt cùng của Liễu Đạt và Khang Hòa. Chỉ khoảnh khắc sau con thuyền đã cặp vào bờ bên kia, vị đạo sĩ chống chèo xuống nước cho Liễu Đạt và Khang Hòa nhảy lên bờ. Hai người quay lại vòng tay định tạ ơn thì vị đạo sĩ đã đưa tay ngăn lại:

- Đây chỉ là một sự trao đổi, nhị vị bất tất phải cảm ơn. Điều kiện của bản đạo là trên đường đi tới Nhạn Sơn có một ngôi chùa nhỏ là Bích Vân Tự, trong có một vị cao tăng trú ngụ. Hãy hỏi vị cao tăng đó rằng tại sao bản đạo tu bao năm nay vẫn chưa thành chánh quả? Không có câu trả lời của vị cao tăng, nhị vị sẽ muôn đời ở lại bờ này.

Nói xong viên đạo sĩ lại rút chèo quay thuyền trở lại bờ bên kia trước sự kinh dị của Liễu sinh và Khang Hòa. Hai người đứng ngẩn ngơ một lúc Liễu Đạt mới nói:

- Thôi mình tiếp tục đi! Chuyện đó hãy tạm gác lại, trên đường về sẽ tính.

Chưa dứt lời chàng đã nhảy lên mình ngựa, giật cương phóng đi, Khang Hòa cũng vội thúc ngựa chạy theo. Xế chiều thì họ đã đến một thị trấn vắng vẻ cách Nhạn Sơn độ năm bảy dặm. Tính toán ngày đi đường thấy còn sớm được một ngày mới đến kỳ hẹn, Liễu Đạt rủ Khang Hòa vào trọ trong một lữ điểm tại thị trấn. Sau khi cất gửi ngựa và hành trang họ đến phạn điểm duy nhất ở thị trấn dùng cơm chiều. Vì là phạn điểm duy nhất nên dù ở nơi vắng vẻ cũng có dăm bảy người đang ăn uống vui vẻ, nói chuyện ồn ào khi Liễu Đạt và Khang Hòa bước vào. Thấy họ mọi người trong quán đều quay lại nhìn với ánh mắt tò mò, có lẽ vì y phục sang trọng trên người Liễu Đạt và Khang Hòa, phần khác có thể vì hai chàng lạ mặt đối với dân trong vùng. Liễu sinh và Khang Hòa nhà nhận vòng tay chào hết mọi người trong quán rồi chọn một chiếc bàn nơi góc gần quầy rượu. Họ vừa ngồi xuống thì tiểu bảo đã don đả chạy ra:

- Khách quan dùng rượu chứ?

Liễu Đạt nhường cho Khang Hòa đặt thức ăn và rượu, hai người yên lặng ngồi ăn vì không muốn gây sự chú ý của đám người trong quán. Những người trong quán sau giây phút hiếu kỳ đầu tiên đều quay trở lại câu chuyện đang dang dở của mình.

Uống chưa được nửa bình rượu, Liễu Đạt và Khang Hòa chợt nghe bốn người ngồi bàn bên cạnh nói với nhau:

- Nghe nói ngày mai lão Vinh An Đường giải tán gia trang, bán hết vườn hoa, các bằng hữu có biết không?

- Thật vậy ư? Nghe đầu lão có một chậu hoa cúc trắng rất kỳ lạ và quý giá vì chỉ có một bông nở quanh năm không bao giờ tàn, lúc nào cũng rất tươi và rực rỡ. Không biết lão có chịu bán không?

- Có bán thì bọn mình cũng chẳng có đủ tiền mua! Ai còn lạ gì tính tình lý tài của lão nữa. Chắc lão phải chờ hết sang chợ hoa Quỳnh Mai ở tỉnh bên cạnh mà bán, chứ ở đây làm gì có người mua? Khang Hòa đá nhẹ vào chân Liễu sinh, chàng hiểu ý đặt chén rượu vừa định uống xuống, quay sang bàn đó, vòng tay chào, lịch sự hỏi:

- Phải chăng quý tôn ông đang nói đến Vinh An Đường ở Nhạn Sơn?

Mấy người đó có vẻ ngạc nhiên, một người hỏi:

- Đúng vậy! Công tử là thân nhân của lão Vinh An hay cũng chỉ là khách sưu tầm những loại hoa quý?

Liễu Đạt chưa nghĩ ra câu trả lời cho thích hợp thì Khang Hòa đã khôn ngoan chặn trước:

- Tiểu sinh và hiền hữu này chỉ là học trò đang rảnh rỗi đi du ngoạn qua đây, nghe đồn ở chân núi Nhạn Sơn có một tiên sinh tên là Vinh An trồng được nhiều loại hoa quý nên nổi lòng hiếu kỳ muốn đến xem.

Bốn người nọ gật gù nhìn nhau, một người nói:

- À! Thì ra thế! Vậy là đúng dịp rồi, vì ngày mai là lão Vinh An Đường giải tán gia trang.

Liễu Đạt và Khang Hòa đưa mắt hội ý nhau, thấy Liễu Đạt gật đầu, Khang Hòa vẫy tiểu bảo tới đặt một bình rượu nóng rồi cầm sang bàn nọ nhà nhận:

- Tiểu sinh là Khang Hòa cùng hiền hữu là Liễu Đạt tình cờ gặp quý tôn ông đây cũng là một cái duyên, xin được cùng uống chung một bầu rượu.

Bốn người ở bàn đó cũng chẳng khách sáo cùng đứng dậy tự giới thiệu tên họ, Liễu Đạt vội đứng lên qua kéo ghế ngồi chung. Rượu vào lời ra, chẳng mấy chốc họ đã thân mật với nhau, Liễu sinh bấy giờ mới thăm dò:

- Tiểu sinh nghe nói lão Vinh An Đường ngoài các loại hoa quý ra còn có một duồng nữ nhan sắc xinh đẹp là Bạch Cúc, có đúng không?

Cả bốn người nọ đều lộ vẻ ngạc nhiên. Người lớn tuổi nhất lúc này tự giới thiệu là Dương Cửu lắc đầu:

- Nhị vị công tử nghe ai nói vậy? Tại hạ đây kể cũng có thể gọi là kỳ cựu vùng này, tuy chưa có giao tình thân mật với lão Vinh An Đường nhưng thỉnh thoảng gặp nhau vẫn uống chung chén rượu hay trao đổi qua lại vài ba câu chuyện, thật chưa hề nghe lão nói có người dưỡng nữ là Bạch Cúc.

Người trẻ tuổi nhất là Mạc Kỳ cũng lắc đầu:

- Tiểu đệ hành nghề đánh xe chở thuê vùng này, cũng thường hay chở hoa cho Lão Vinh An sang chợ Quỳnh Mai bán. Bao nhiêu lần lên gia trang của lão đều nghe lão than thở già rồi ở một mình không có con cái đỡ đần cực nhọc quá, có thể vì vậy mà lão quyết định bán hết vườn hoa, giải tán gia trang mà suốt một đời lão đã xây dựng, chăm sóc. Chẳng lẽ lão có cô dưỡng nữ nào đó nhưng cố tình giấu giếm mọi người? Đệ không tin như thế.

Hai người kia cũng phụ họa thêm đôi ba câu nhưng tựu trung cũng chỉ xác nhận thêm rằng Vinh An Đường không hề có cô con gái nuôi nào tên Bạch Cúc cả khiến Liễu Đạt càng nghe càng hoang mang. Riêng Khang Hòa thì bình tĩnh hơn, chàng đoán rằng bạn mình không chừng đã gặp loại chồn tinh hiện ra trên chọc, quấy phá nhưng không tiện nói ra nên cũng chỉ ừ ào cho qua câu chuyện.

Liễu Đạt và Khang Hòa ngồi thêm một lúc nữa, ăn uống qua loa rồi tử giả nhóm người của Dương Cửu trở về lữ điếm. Trên đường về Liễu Đạt hỏi Khang Hòa:

- Hiền hữu nghĩ thế nào?

Khang Hòa định nói thật sự suy đoán của mình, nhưng sợ bạn buồn và đau khổ nên chỉ nói:

- Biết đâu vì một lý do thầm kín nào đó mà lão Vinh An Đường phải đóng kịch giả vờ, không dám lộ ra cho ai biết mình có dưỡng nữ. Hiền hữu đừng quá suy nghĩ! Hãy chờ đến ngày mai ta đến tìm lão xem sao.

Về tới lữ điếm, thay đổi y phục, hai người lên giường nghỉ ngơi. Khang Hòa có vẻ vô tư, chỉ một lát sau đã nghe tiếng thở đều, riêng Liễu Đạt đầu óc tràn ngập bóng hình Bạch Cúc và những điều kỳ dị xảy ra nên trằn trọc không ngủ được, mãi đến khi trời gần sáng chàng mới mệt mỏi thiếp đi được một giấc.

...

(Còn tiếp)

Dưới chiều thanh vắng

(Thường gửi hai em
MINH - NHÂN)

■ Vân Nường



Cỏ lốc vẫn xoay loạn bến bờ
Khúc quanh muôn ngã rối như tơ
Đôi trong Quê Mẹ theo làn khói
Chỉ thấy mây bay, rặng núi mờ

Dừng chân buổi ấy giữa thôn trang
Trời đất dành cho kẻ lữ đàng
Cảnh sắc thiên nhiên như bức vẽ
Tạ tình đời núi lộng cứu mang

Chiều nay một buổi chiều thanh
vắng
Âm thầm len lỏi phía đời xa
Cảnh lặng đắm chìm không tiếng
động
Tuồng đầu mình lạc cõi hoang sơ

Chỉ nghe nhịp chuyển bước chân đi
Lối cỏ xanh xanh biếc dậy thì
Cúc dại nhón nhỏ khoe mấy cánh
Lùm cây riu rít lữ chim đi

Mây gợn điểm pha màu tím nhạt
Dưới vầng dưỡng đỏ sắc chiều lan
Nhà ai riêng mái bên triền núi
Một cõi thâm u lộng gió ngàn

Phải khách sông hồ mỗi bước chân
Hay người ẩn sĩ dưới am vân
Đường trắng lối cỏ miền cô tịch
Tìm lẽ chân như, lắng bụi trần

(Họa nguyên vận bài
"Dưới Chiều Thanh Vắng"
của Nữ sĩ Vân Nường)

Nhỏ Bạch Vân am

■ Hà Thuộng Nhân

Bồng dưng nhỏ cụ Trạng Trình xưa
H.T.N.

Sông xanh hàng liễu rủ đôi bờ,
Trăng sáng, đàn xa bật tiếng tơ.
Nhỏ tiếng chuông ngân chùa Trấn
Quốc,
Mang mang trời đất khói sương mờ.

Từ lâu lịch sử đã sang trang,
Một bước chân xa vạn dặm đàng.
Quê Mẹ nhìn về nghe gió trở,
Thuyền ai trên sóng, nước mênh
mang?

Thuyền ai trôi mãi trong đêm
vắng?
Nỗi nhỏ gần kề, nỗi nhỏ xa.
Hãy lắng im nghe trong tiếng gió,
Con đường phượng đỏ thuở ban sơ!

Cái thuở hưởng thơm mỗi bước đi,
Và hoa và lá cử thềm thi.
Chao ôi! tuổi trẻ xa biên biệt,
Xa lắm rồi xưa những cánh di.

Đêm nay đứng dưới trời lữ lạc,
Chợt nhỏ mùa xuân những khóm
lan.
Chợt nhỏ hàng đu reo trước ngõ
Còn chẳng gió núi với mây ngàn?

Dù cho chữa mãi vẫn dùng chân,
Áo vải ai về nẻo Bạch Vân?
Một cuốc, một mai (1) tìm chốn
nghỉ,
Ngoài hiên rữ sạch bụi phong trần.

(1) "Một mai, một cuốc, một cần câu"
Nguyễn Bình Khiêm

ĐÈN NỢ Ô LY

• VI KHUÊ



Ông ta mới xuất hiện ở vùng B. thuộc tiểu bang Virginia, miền Đông Hoa Kỳ, chừng ba tháng nay thôi, nhưng đã trở nên một người nổi tiếng, và chưa chỉ đã có cái biệt danh rất dễ thương là "Người Kể Chuyện". Tiếng "Người", theo như cách nhắc nhở của người ta, thì dường như muốn rằng nó phải được viết hoa, cõ!

Nhất định là tuổi ngoài sáu mươi lâu rồi, nhưng với một dáng dấp nhỏ thỏ, nhanh nhẹn lạ kỳ, ông ta đã tự tạo cho mình một hình ảnh trẻ trung duyên dáng trong ý nghĩ của mọi người, nhất là đám trẻ vẫn thường khoái tụ tập nơi nhà bà Lạp Xuân, để nghe ông kể chuyện. Tuy rằng - và phải nói tuy rằng - ông ta có một thân hình khô quắt khô queo, khô teo khô tộp, tuồng chừng như chỉ còn là một tấm giẻ rách không mấy rộng bề ngang, mà giá có đem nhúng nước cũng chẳng rỉ ra được mấy giọt, ấy vậy mà, ông ta lại nốc rượu như hũ chìm! Người ta cũng chẳng hiểu số lượng nước-rượu mà ông ta tu ừng ực mỗi buổi sáng mỗi buổi chiều kia đã tiêu tan vào đâu trong lục phủ ngũ tạng, mà ông ta lại có thể khô róc khô rang đến như thế! Ấy vậy mà, sự kiên ông ta tu từng chai rượu mạnh, xem ra lại chẳng ảnh hưởng gì đến thần trí của ông cả, thế mới lạ! Ai cũng có nhận xét tốt đẹp về ông: "Nghe nói chuyện, biết ngay là người có kiến thức rộng, nói hay quá, hoạt bát quá. Khiếp, người đầu mà phải nói là khôn, lanh, "ma lanh" nữa ấy chứ. Thế mới biết, rượu nó vào tới đâu ruột gan củ như là được rửa sạch tới đó, chủ có phải nó làm mục người đi, như người ta tưởng đâu, - ít nữa cũng là trong trường hợp này -. Cho nên, một khi "rượu vào lời ra" từ cái miệng ông ta, là cứ toàn là sắc sảo cả, bởi vậy rất xứng đáng với biệt danh "Người Kể Chuyện", như đã nói trên.

Ông ta hay kể chuyện đời xưa, và sở trường là tả nhan sắc đàn bà: bất cứ một cô một bà nào, còn sống hay đã chết, người đời xưa hay người đời nay, là công

chúa hay tỳ nữ, qua cái miệng dòn dòn, cặp môi mỏng của "già", đều biến thành giai nhân, với vài ba nét cực tả in đậm vào đầu óc người nghe, cử như là đã gặp ở đâu rồi: "Tóc Nguyễn-thị mượt và dài óng ả, thả dài tới hết lưng, tỏa ra một mùi thơm như hoa trà hoa bưởi, mỗi buổi chiều xuống tắm dưới con suối mang tên là Suối Ngọc sau vườn nhà, đã khiến cho có một lần, vương-tôn-công-tử nợ, vẫn thường hay len vào theo dõi nhìn trộm và hít thở mùi hương kỳ lạ đó, không biết làm răng mà đến nỗi đứng chết sững như bị trời trồng, trong bụi cây um tùm gần đó, mãi tới nửa đêm mới có người nhà hay được, tối xin khiêng về. Mà lạ thay, về tới nhà rồi, chính tóc của "công tử" cũng phảng phất mùi thơm kỳ diệu của hoa bưởi hoa trà kia...".

Có người tò mò hỏi bà Lạp Xuân, nữ chủ nhân ngôi nhà tráng lệ đã đón tiếp ông ta rất nhiệt tình: "Hình như "già" là người Huế, phải không? Nghe nói người thông minh, sâu sắc, dí dỏm lắm; có người còn bảo người Huế họ... thâm trầm lắm, - nghĩa là thâm lắm ấy - Chính ông bạn T.T.T. đáo để của tôi mà còn trợn mắt cánh cáo tôi thế nữa là! Nhưng tôi thì mới thực sự chứng thực được điều đó từ khi gặp "anh ấy" ở đây, thấy... hiền lành, vui vẻ lắm!"

Chiều nay, ông ta ngồi nơi cái ghế diển giả trong một căn phòng ảm cúng của ngôi nhà lịch sự kia, trước một củ tọa gồm đám trẻ chừng bốn chục sinh viên, đám bầy vị nữ lưu bạn của nữ chủ nhân, và cả vài ba đấng mày râu xấp xỉ tuổi ông, vét-tông cà-vạt tề chỉnh; tất cả đều lộ vẻ hờn hờ ngồi chờ nghe câu chuyện kể mà ông đã nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại là "đặc biệt về Huế":

- Phải nghe câu chuyện này, quý vị và các cháu ạ, vì rằng nó có liên hệ trực tiếp với chúng ta. Phải rửa không, các em, đặc biệt là các em phần lớn sinh ra và lớn lên tại Hoa Kỳ, chưa được biết nhiều về quê hương, vì rằng mình đây là người Huế cả, mà Ngày Nhỏ Huế thì sắp được tổ chức

tháng Mười tới tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, còn nửa tháng nữa thôi, phải rửa không?

- Không phải mô, thưa Ông. Hồi xưa thì thường gọi là Ngày Nhỏ Huế, nhưng càng về sau thì thấy hình như có thay đổi tùy theo từng nhóm tổ chức. Có khi thì là Ngày Cửa Tiếng Sông Hương, có khi là Ngày Phụng Vỹ tại Houston, có khi là Ngày Nhỏ Cố Đô... có khi là Ngày Kỷ Niệm 100 Năm Trường Quốc Học, ... Như kỷ tháng Mười sắp tới đây tại Hoa Thịnh Đốn thì được là rất quan trọng đối với các bà, vì là Ngày Lễ Thượng Thọ của ngôi trường nữ lớn nhất Cố Đô xưa: 80 năm thành lập trường Đồng Khánh Huế.

- Phải rồi. Rửa thì các em sinh viên trưởng thành trên đất Mỹ cũng biết rành rọt lắm đó chứ, có phải là không biết chi mô! Đôi khi già đó nói: "Tui còn đó, chuyện đời răng biết được!, cho vui rửa thôi mà!"

Bà Thục Trinh thường ngồi yên lặng ở hàng ghế sau cùng, bây giờ bà cất tiếng lên, giọng tử tốn mà chững chạc hơn ai hết. Bà nói:

- Thưa Người Kể Chuyện! Ông sẽ cho nghe một câu chuyện đặc biệt về Huế, như vậy là nhứt rồi... còn mong chi hơn, thưa ông Nguyễn Hữu Chính! Đó là điều chúng tôi đây mong ước kể cho con cháu nghe, mà nói cho đúng ra thì cũng không phải là chưa có ai kể, qua mấy chục số Đặc San về Huế cả mấy chục năm qua, nhưng mà con cháu chúng tôi đây, từ 20 tới 30 tuổi, thiết tình mà nói là chúng có thì giờ mô mà đọc cho hết, rồi thì cả đám xồn xồn như chị em tôi ở hàng ghế sau đây, cũng ù ù cạc cạc, cũng chỉ nhớ được chút đỉnh rửa đó thôi, nay nghe qua cái đề ông đưa ra thì thật là... rất mong, mong được nghe cái chi mà ông nói là chuyện đặc biệt về thành phố Huế! Ui chao, ông Nguyễn Hữu Chính! Thiệt, cá nhân tôi đây rất lấy làm ngạc nhiên với cái tên họ của ông! Nhưng chuyện đó để về sau xin được biết, bây giờ thì xin ông vui lòng vào chuyện đi thôi, sót cả ruột...

*

Sáng hôm ấy, chàng tuổi trẻ trong bộ đồ chên đen tuyền, vóc người tầm thước, tay cầm chiếc đoản côn lấp lánh màu sáng bạc, chao qua đảo lại thành những đường quyền bay lượn tuyệt đẹp. Da ngăm ngăm đen, những đầu đội mũ kim khôi hình quả dưa có đính ngọc, lấp lánh trên đôi mày rậm hình chữ nhật, làm cho khuôn mặt rạng rỡ khác thường trong ánh nắng tưới cười của buổi sớm mai...

Từ trong cửa sổ hình bầu dục xuất hiện khuôn mặt của một giai nhân tóc cài trâm buông thả xuống những sợi tơ vàng óng ánh. Cô gái mặt trắng bệch như rửa

trái qua cón thàng thốt nào, cất lên một giọng nói thanh, cao mà yếu ớt; vừa nói vừa nhăn mặt lại y như thể là đôi chân ắt hẳn là có mang hải của nàng cũng đang giẫy lên đành dạch trên nền thảm:

- Anh Thuần, anh à, sáng nay huynh đi ngang phòng em sao không ghé vào thăm em một chút, như thường lệ? Anh thấy không, Hoàng cung càng ngày càng vắng lạnh như... chùa Bà Đanh - người ta nói thế phải không? - mà Phụ Hoàng thì cứ mãi miết đi chơi, đi biển biệt không biết bao nhiêu ngày bao nhiêu tháng nữa! Chùng nào cha mới về hả anh? Sao em không còn ai ở bên em nữa, em hiu quạnh buồn hiu, em chịu hết nổi rồi! Hiền huynh ạ, Hoàng huynh ơi, anh đừng mua cơn mua quyền nữa, hãy vào đây với em đi.

Chàng đội mũ kim khôi quay ngang người lại nhìn qua khung cửa sổ và nhủ đôi mày đẹp như liễu kiếm lại, la lên:

- Công chúa à, sao hôm nay em để cặp môi trần làm trắng bệch cả mặt hoa? Yên chi của em đâu, hồng phấn của em đâu? Nhưng mà... (chàng tiến về phía khung cửa sổ) em hôm nay như vậy, trông lại diêm lệ khác thường. À, à... anh phải nói rằng Công chúa đang có một vẻ đẹp Liêu Trai, như, anh vừa đọc thấy trong sách tối qua, người ta viết như vậy. Đúng là như em buổi sớm mai này. Công chúa có biết như vậy không?

- Không, em không cần đẹp. Em chỉ biết là em đang buồn, đang cảm thấy lẻ loi hiu quạnh, và khi không, bàng hoàng sợ hãi như sắp có điều gì bất hạnh xảy ra cho những ngày sắp tới. Thái tử hãy vào đây với em đi!

- Anh sẽ phóng mình nhày qua khung cửa này vào với em ngay thôi. Đâu, cung tần thế nữ đâu, sao họ dám để Công chúa mặt mày nhợt nhạt đến thế, có biết là đáng tội chết không? Nào, anh vào đây.

Công chúa ngả đầu trên vai Hoàng tử sắp lên ngai nơi ngôi Trời theo quyết định của Vua cha, nhưng nàng thường cảm thấy hãnh diện và âu yếm lạ kỳ khi gọi anh trai bằng tước vị tương lai của chàng: Thái Tử, Trần Anh Tôn! Nàng gọi Hoàng huynh, đồng thời cũng gọi anh Thuần, tên thật của chàng, người đàn ông duy nhất bên cạnh cha đã kề cận bên nàng từ thuở ấu thơ. Từ khi Mẫu Hậu sớm băng hà, hai anh em suốt ngày quấn quýt bên nhau một bước chẳng rời, tuy rằng sau bữa ngự thiện buổi chiều họp mặt ba cha con thì thường là chia tay để trái qua quãng đêm dài ai về cung nấy.

Bây giờ, Hoàng tử trong bộ đồ chèn đen tuyền, tay vẫn cầm côn, đã yên vị nơi chiếc ghế bằng đá trắng lót nệm trắng, có chạm hình rồng, đảo mắt nhìn quanh, nhủ

cặp mày nghiêm khắc nhìn hai tên nữ tử khép nép bên bức rèm, đáng sợ hãi:

- Sao các em để Công chúa mặt mày nhợt nhạt không son phấn, có biết là đáng tội chết không?

- Tâu Thái tử... từ ngày Hoàng Thượng rời cung đi hết chuyến này qua chuyến khác, qua bên xứ man di kia, Ngài, hai Ngài, đâu có biết Công chúa ngày đêm buồn bã, đến tiêu tụy cả vóc hạc mình mai. Gần đây, bọn tiện tỳ không biết có chuyện gì xảy ra mà... mà... thấy Công chúa thỉnh thoảng tỏ ra bất thường, hốt hoảng, hôm nay có dịp đứng trước Hoàng tử xin trình...

- Hoa, Tiên! Thế ra các em cũng biết được chuyện này nữa sao? Biết từ bao giờ? Bất gặp nơi ta nét hốt hoảng sợ hãi ấy từ bao giờ? Có phải từ hôm tên Thái giám...

Công chúa vụt đứng dậy, nhào mình qua phía chiếc ghế chạm rồng, tựa đầu vào ngực người anh thân yêu duy nhất, và run rẩy lên, để những giọt lệ long lanh như ngọc ứa ra khỏi đôi mắt vốn đã mở màng. Hoàng tử nhoèn miệng cười, hai hàm răng như hầy còn là răng sữa, trắng như hạt bắp non, lấp lánh theo từng câu nói cố tình tỏ ra chàng đã trưởng thành đủ sức để che chở cho cô em cành vàng lá ngọc.

- Ô, em buồn gì chuyện Phụ Hoàng thường vắng nhà? Này, em hãy ngước mắt lên nhìn thẳng vào anh đi. Đây, anh chùi nước mắt cho em, như những ngày xưa còn bé em vẫn thường hay những nhè, nhé. Rồi. Em hãy ngồi thẳng lại, ngừng đầu lên, nhìn theo hướng tay anh chỉ: Đằng xa xa, tít đằng xa kia, em trông thấy gì nào? Thủ nói đi, anh xem em có biết chút gì không nào?

- Hừ, anh cứ làm như em không biết gì hết ấy. Đó là ngọn núi Yên Tử!

- À, Công chúa nói đúng rồi, giỏi lắm, chủ phải chơi đâu!

- Anh quên rằng anh em ta đã từng theo gót Phụ Hoàng đến tận chân núi này sao? Ngày ấy, sau khi mẹ băng hà, đó là lần đầu tiên xa giá dừng chân dưới ngọn núi uy phong hùng vĩ ấy. Cha bảo rằng chung quanh ngọn núi cao ngất trời này là ba tỉnh Bắc Giang, Hải Dương và Quảng Yên! Phải không, em còn nhớ đến được như thế nữa có! Hoàng huynh, anh Thuần, sao anh cứ mãi tưởng rằng em của anh thì chẳng biết được một tí gì tất cả.

Thuần ngồi thẳng dậy, đặt em gái mong manh như sợi tơ trời ngồi ngay ngắn giữa lòng mình, đưa mắt nhìn về phía ngọn núi xa mờ ào dưới lớp khói mây lờn vờn giữa đất trời. Cặp mắt chàng bỗng cũng trở nên mở màng khó tả, khiến nữ tử tên Hoa vừa rót nước trà Long Hỷ vào cặp chén

vàng vừa len lén nhìn trộm hai vị chủ nhân đẹp như ngọc với những cặp mắt cũng mở màng như nhau. Chàng nói như trong mơ:

- Vua Trần Nhân Tôn đã từ lâu đâu còn phải là một người trần mắt thịt như chúng ta. Đã từ lâu, Ngài chỉ sống bằng hoa quả, uống nước suối ngọc tuyền tuôn ra từ lòng chân núi cao vòi vọi kia. Yên Tử Sơn, đâu phải sự tinh cò mà mọc lên giữa trời đất bao la như vậy. Đó là kết tụ tinh hoa của muôn đời Phật Pháp được loan truyền xuống cõi đời ô trọc. Ngài đã chẳng thường giáng như thế sao? Công chúa ạ, em còn nhỏ không, như chúng ta đã từng biết là trên ngọn núi Yên Tử này, nằm chót vót trên đỉnh, còn có một ngôi chùa ở đó, gọi là chùa Yên Tử nữa kia. Chùa Yên Tử nằm trên ngọn núi Yên Tử, cao lắm, cao lắm, đường dài không biết bao nhiêu mà kể. Vậy mà đã có cả một ngôi chùa được cất lên từ bao giờ? Như vậy, đạo Phật phải có sức mạnh vô biên để cuốn hút loài người đầy chủ? Trần Nhân Tôn, Ngài đã được ánh sáng nam châm của đạo Từ Bi cuốn hút, thì thôi, đâu còn sá gì ngại vàng điện ngọc nữa, Ngài phải đi, Ngài phải đi thôi! ...

- Cha đã đi, Cha mãi đi về phía ngọn núi ấy, Cha đã bỏ lại anh em mình. Cha! Cha tàn nhẫn biết bao nhiêu!

- Ngài phải đi, Ngài phải đi thôi, đi theo tiếng gọi của núi non hùng vĩ; cảnh đâu có cảnh đẹp lạ thường, ai đã từng leo lên tới đỉnh, nghĩa là vượt qua con Suối Tắm để rửa sạch bụi trần, rồi tiếp tục trèo lên nữa, gặp chùa Long Động cheo leo trên sườn núi mà Hóa Công đã khéo tạc hình một con lân thần thoại, thì mới thấu hiểu rằng đây là nơi nước Nhược non Bồng...

Thái tử Thuần tiếp tục mở màng nói, đôi mắt sáng như sao trời đăm đăm nhìn về phía chóp núi Yên Tử, nơi khói sương vẫn không ngừng tàn mạn xông lên để hòa tan vào cõi mệnh mỏng vô tận. Chàng bỗng giật mình khi nghe tiếng khóc òa lên thảm thiết từ hai tên nữ tử đã nằm phục trên nền thảm đỏ từ bao giờ. Chúng khóc nức nò, tức tưởi, và kêu lên khe khẽ, xụi xụi:

- Lã công công, chính ông già đã báo động Công nương chuyện động trời làm Công nương thàng thốt, kinh hoàng bấy lâu nay, xin Thái tử tìm hiểu ngọn ngành nơi Công chúa.

Thái tử Thuần nhủ đôi mày lại, đưa hai tay nâng đầu Công chúa quay lại phía mình, rồi định thần nhìn thẳng vào đôi mắt em:

- Tên Thái giám già đã nói gì với Công chúa? Hử?, y đã nói gì?

- Phải, tên Thái giám già nhất ở đây đã hơn một lần nói nhỏ qua vai em: "Hoàng Thượng mỗi ngày một sa đọa theo bọn

thầy tu tư tưởng mở hồ, đã lâu rồi bỏ bê việc triều chính, sao lãng việc quân cơ, khiến bọn rợ Chiêm sinh lòng mưu phản, một ngày mai chúng sẽ nổi dậy, cướp đất đai, rồi thân phận chúng ta sẽ ra sao đây? Thái tử cùng với Công chúa đầu sao cũng còn nhỏ dại, có hay biết gì về việc này chưa? Thật là chí nguy, thậm chí chí nguy!

- À! tên Thái giám già! Bây giờ đã đến lúc ông ta dám làm cho Công chúa nhỏ phải hoảng sợ sao?

- Không, ông ta không phải là không có hảo ý. Quân Man di kia đã có mưu toan nổi dậy, và có thể sẽ đánh phá ta để giành, cướp đất, nguy cơ như vậy không đáng để báo động cho chúng ta sao, có điều...

Đôi thị nữ vẫn còn phủ phục, vội vã tiếp lời:

- Có điều, thưa Thái tử, lão Thái giám còn nhìn Công nương bằng cặp mắt càng già càng cú vọ, và nói thầm thì: "Công chúa càng ngày càng xinh đẹp, bây giờ đã chim sa cá lặn rồi, sợ e bọn giặc Chiêm sẽ cướp luôn cả Công chúa nữa đấy thôi!

- Hai thị nữ hãy đứng dậy, và lo chăm sóc cho Công chúa. Công chúa, hãy bình tĩnh lại. Anh phải trở về thư phòng ngay, để suy nghĩ và hành động, không thể chần chừ được nữa.

Chỉ mười ngày sau, Trần Nhân Tôn Hoàng Đế trở về cung điện. Tháp tùng Ngài trên chiếc thuyền rồng nạm vàng giát ngọc, có hai tên sử thần của Chiêm vương Chế Mân lễ mễ với tráp quà tặng dài một gang tay và nặng đến hai tên lực sĩ của triều đình khiêng không nổi. Trong tiệc rượu, vua nước Âu Lạc vượt chòm râu bạc, cười ha hả:

- Chiêm vương Chế Mân đã mười lần ngó ý cầu hôn Công chúa nhà Trần, nhưng ta nào có bao giờ hứa hẹn gì đâu. Quà tặng này mong rằng không nằm trong ý định ấy? Và, nay ta đã quyết định xuống tóc vào ngày rằm tháng tới, để trở thành Trúc Lâm Đầu Đà tại Yên Tử Sơn cao vòi vọi, thì còn lòng dạ nào nghĩ đến chuyện trần tục thế gian, cũng chẳng lưu luyến gì lâu dài cung điện này, cùng với trần châu mã não đầy ắp trong tráp tặng phẩm nặng nề kia? Chuyện này hãy cho qua. Dầu sao ta cũng xin đáp tạ tình tri kỷ của Chiêm vương bằng hai chén rượu quý này, xin mời nhị vị sử giả...

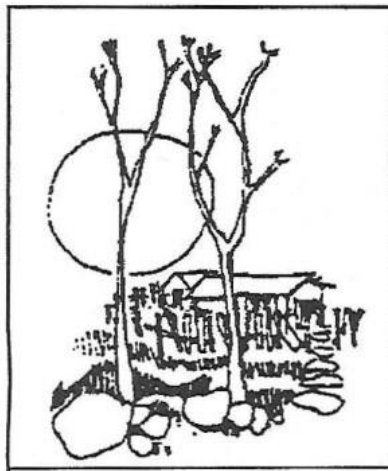
Sử thần nói:

- Vua Chiêm chúng tôi tự cho là đã được lời hứa ngàn vàng của Đại vương Đại Cồ Việt. Sau này sinh lễ thiết tưởng sẽ còn lớn lao gấp bội, không những chỉ là ngọc vàng châu báu mà còn là cả đất đai... để mở mang bờ cõi... lẽ nào đại quốc và triều thần lại chẳng thiết tha?

Nói rồi, sử giả của Chế Mân lập tức rút ra từ túi áo một tấm bản đồ:

- Nay đây là hai châu Ô, Ly, phần đất vuông cả ngàn dặm, phần đất màu mỡ tươi tốt nhất của giang sơn chúng tôi hiện nay, xưa kia cũng đã từng được dùng làm lễ triều cống, làm tặng phẩm vô giá để chuộc mạng cho tiền đế Chế Củ rồi, về sau cũng đã phải đổi máu đỏ thành sông, xương chất thành núi mới chiếm lại được. Vậy mà ngày nay Chiêm vương chúng tôi xem ra đã quá nặng tình, vì duyên vì nợ, lại quyết đem Ô Ly đổi lấy Công chúa nhà Trần. Như vậy, há chẳng phải là món nợ Ô Ly từ tiền kiếp hay sao?

Bá quan văn võ nhà Trần chuyển tay nhau bản đồ hai châu Ô Ly mà Chế Mân đã công phu tô điểm cho bội phần rạng rỡ: "Ta đã biết rồi mà, đối với hạng người say mê xâm lược ấy, nổi ước mơ và niềm hãnh diện và niềm tự hào dân tộc đã tập trung vào bốn tiếng thần thánh thiêng liêng "Mở Mang Bờ Cõi", chủ đâu phải như ta, đâu là mang tiếng Man Di, nhưng vẫn còn nguyên vẹn một trái tim để dâng cho người đẹp ta thầm yêu trộm nhớ. Thế nào rồi họ cũng chấp nhận, đầu hàng. Hai châu Ô Ly quả nhiên là duyên, là nợ".



Thế là, cuối cùng, một ngày trời quang mây tạnh, đoàn ngự thuyền của hai nước trang hoàng cực kỳ long lẫy đã đưa, đón Nàng về đất Chiêm Thành làm vợ của Chế Mân. Nàng, không ai khác hơn là Công chúa, Huyền Trân Công Chúa, mà sử sách từ đó ghi danh, mà người đời sau không ngớt làm thơ ca ngợi... công đức của Nhà Vua, rằng:

*Hai châu Ô Ly vuông ngàn dặm
Một gái Huyền Trân của mấy mươi
Lòng đỏ khá khen lo việc nước
Môi son phải giống mãi trên đời...*

Đó là vào khoảng năm 1306, đoạn đầu của thế kỷ thứ 14. Thế là từ đó, châu Ô châu Ly thuộc về nước ta, với cảnh người di dân tấp nập tới vùng đất mới khai khẩn đất đai, làm cho đời sống muôn dân thêm

phần no ấm. Châu Ô châu Ly (thật ra là châu Ri của Chiêm Thành) ấy ngày nay ai cũng biết chính là Quảng Trị và Thừa Thiên bây giờ, mà từ xưa đã được gọi chung là trấn Thuận Hóa, rồi từ tiếng Hóa đó mà có từ Huế về sau, tức Huế của chúng ta bây giờ, một thành phố Huế ra đời từ năm 1636, mà chính Cố đạo Alexandre de Rhodes đã phải nhìn nhận từ thời đại của ông là một thành phố lớn (une grande ville). Và cũng ngày nay, mỗi lần nghe nhắc tới sự tích "Huyền Trân Công Chúa đền nợ Ô Ly", những ai có dịp đi ngang qua làng Hòa Việt, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên hẳn phải bồi hồi xúc động khi nhìn thấy con sông nhỏ tên là Ô Lâu với những chuyến đò ngang đưa người từ bờ bên này (của anh Ngô Năm) qua bờ bên kia (của anh Trần Văn Dường) người làng Văn Quý? Tên tuổi Huyền Trân gắn liền với châu Ô châu Ly đến nỗi có một hòn đảo ở ngoài cửa biển Tư Dung mang tên là Huyền Trân, như người ta được biết, qua một bài thơ chữ Hán nhan đề "*Tích vũ Huyền Trân*" nghĩa là "*Mưa dầm trên đảo Huyền Trân*", với những câu do Vũ Đình Liên dịch, như sau:

*Nước mắt Huyền Trân khóc phận mình
Đêm Xuân mai động lệ trên cành
Hững hờ nước bạc thù sơn phấn
Non yếu chông ngu hổ ngọc lành
Sinh vật hai châu còn đất tốt
Giai nhân một kiếp chịu oan tình
Oán hờn theo sóng trào dâng mãi
Xóm bến mưa dầm đêm lộn canh*

Nghĩa là, nói đến Huế, trước tiên là nói tới Huyền Trân, người đã có công lớn trong cuộc mở mang bờ cõi bằng hai châu Ô Ly của Chiêm Thành, mà nay là hai tỉnh lớn Quảng Trị và Thừa Thiên; Trong Thừa Thiên có thành phố lớn là Huế. Trong thành phố Huế có ngôi trường nữ lớn là trường Đồng Khánh mà hôm nay chúng ta đang cùng nhau chuẩn bị để tham dự lễ Thượng Thọ 80 năm...

Người Kể Chuyện kể đến đây, xoa hai tay vào nhau, mỉm cười, thần nhiên cầm chai rượu dựng ngược đầu, củ đứng vậy mà rót vào cốc hạc. Thoáng cái, chai rượu được đặt lại trên mặt bàn, chỉ còn lụng chai. Ông ta nhòen miệng cười tươi rói, da mặt nhăn như quả táo khô, nhưng hàm răng lộ ra, trắng lấp lánh. Ông xoay qua bên phải mở cái hộp vuông lấy ra hai cái phách bằng ngà đã ngà qua màu vàng nhờ cấu bán, cầm lấy mà gõ vào nhau làm cho vang lên những nhịp dồn dập, rộn ràng lên cùng với lời ca của ông mà phần đông trong đám ngồi nghe đều đã có được biết đó là điệu ca Nam Ai rất náo nùng ai oán: "*Kéo neo tàu chạy... ra khơi... sóng đầy vơi, lụy tình lai láng, đền nợ Ô Ly, đấng*

cay vì đang độ xuân thì, độ xuân thì, má hồng da tuyết, cũng liêu như trắng tàn hoa khuyết, vàng lộn theo chỉ... Khúc ly ca, sao còn muốn tượng nghe gì, thấy chim hồng nhận bay đi, tình lai láng, bóng như hoa quỳ... Dặn một lời Mân quân! như chuyện mà như nguyện đặng vài phen, tình đem lại mà cần, đắng cay muôn phần...".

*

"Ui chao! Người đàn ông kỳ lạ tên Nguyễn Hữu Chính này! Hôm nay ông kể chuyện đã hay, dùng một thứ ngôn từ cổ điển có phần hơi cái lương đống, khác hẳn những câu chuyện ông kể trước đây, toàn là hiện đại, với một thứ văn phong hợp thời trang, chủ nghĩa nôm na, nhiều khi xen lẫn những câu bông đùa thật là "xịn", hiểu như là vui vẻ, trề trung, văn minh, tiến bộ, ngang tàng, thách thức... cỡ mấy ông mấy bà trên tạp chí Hợp Lưu, chủ phải chơi đâu! Ủ, hôm nay ông kể câu chuyện cũng hay như thường, mà rồi ông cũng lại tu luôn một hơi gần hết cả chai rượu mạnh loại Cognac-Martel, một cách rất ư là điệu nghệ, mà rồi ông lại còn nhíp phách mà ca bản Nam Ai đặc biệt về Huyền Trân Công Chúa, thật là chẳng có một tí ti nào sai trật đường rầy cả". Bà Lập Xuân thầm thì tán tụng ông bên tai bà Thục Trinh như thế. Thò thè vừa xong thì nhìn lên, đã thấy Người Kể Chuyện duyên dáng gục đầu xuống bàn. Ngủ thiếp đi chăng? Hay cũng mở màng đắm hồn vào trong giấc mộng do chính ông vừa kể? trong đó thấp thoáng ngọn núi Yên Tử mở màng giữa khói, sương, mây?

Bà Lập Xuân lắc đầu, nhìn ông ái ngại:

- Thôi, ông say rồi. Cứ để yên cho ông ngủ. Chiều mai trở lại cũng vào giờ này, nghe, mấy em, nghe, bà con, nghe... mấy ông! Dù rằng đi nữa, câu chuyện cũng chưa hết mà.

Điện thoại trong phòng bỗng reo vang. Chưa ai kịp bước tới cầm máy thì đã thấy ông ta ngứng đầu ngay dậy, cặp mắt ráo hoảnh như không hề ngái ngủ. Một người nhà tử trong bếp đi ra cầm lấy ống nghe, và nói rất nhỏ với người gọi, một lát, anh ta quay về phía ông Nguyễn:

- Thưa ông, có người yêu cầu ông kể cho hết câu chuyện Huyền Trân Công Chúa đền nợ Ô Ly.

- Ủa, ai rửa hè, ai ở mô mà biết tui kể chuyện chưa xong? Ai đầu... chặc, rửa hủ?

Cử tọa hãy còn yên vị trên mấy dãy ghế dài cười sặc sụa lên, như mắc phải xuống.

- Ui chao, trời ơi, đã nửa đời người, bửa nì tui mới nghe một tiếng kỳ cục, đặc sệt Huế. Huế chi mà Huế ác rửa. Mấy người,

nhứt là mấy o dò dò nì, có ai hiểu cái chi không đã chỏ, mà cũng cười?

- Dạ, có nghe ra cái chi mô mà ông biểu hiểu?

- Ủ, nghe ra rằng được mà nghe, ông nói ri nì: "Ai đầu chặc rửa?", nghĩa là cũng như bây chừ, trên nước Mỹ, các cháu hay nói "Dạ thưa, ai đầu dây đó ạ?" Nhưng ông lại nói rằng "Ai đầu chặc?" chặc là sợi dây đó mà. Đến như tui đây còn không hiểu nổi nữa, chớ đừng nói ai! Thưa chị Lập Xuân, chị có hiểu không hả chị?

- Dạ không. Tui thấy mấy anh, mấy bác cười sặc sụa, mới đứng ngẩn ra suy nghĩ, mà cũng chưa hiểu ra đến nơi. Thiệt, cái ông Nguyễn Hữu Chính nì, thiệt là nghịch ngợm quá sức, tếu quá chừng chừng, ông làm cho ai cũng phải vui!

Trên bàn của diễn giả, ông Chính không cần đợi để biết xem người vừa gọi tới là ai mà lại biết được rằng ông ở đây đang kể chưa hết câu chuyện: ông cầm lấy cái phách gõ gõ mấy tiếng trên mặt bàn, và tiếp tục:

- Dạ thưa các bậc trưởng thượng, thưa quý vị, quý anh chị, và các bạn! Cà đời tui chưa bao giờ kể một câu chuyện mà lại kể nửa chừng. Cho nên, như chúng ta đã biết, một buổi sáng đẹp trời kia, Công chúa nhà Trần trong xiêm áo lộng lẫy của một cô dâu-công-chúa, lên xe bông về nhà chồng, trong hoàn cảnh oái oăm nước mắt như mưa, đã bước xuống thuyền thẳng đường về Chiêm quốc. Tới nơi, nàng thất kinh khi thấy tân lang trong bộ lễ phục rần rì nhiều màu sắc sỡ nhe hàm răng trắng nõn ra cười nói, đón tiếp nàng. Nàng òa lên khóc trong tiếng than thầm: "Ôi, ngộ đâu họ man rợ đến độ để hàm răng không nhuộm! Cà Chế Mân và hai bà vợ người Java gọi là Hoàng hậu cũng đều như thế cả. Rồi đây liệu chừng họ có để cho ta được giữ nguyên hàm răng đen nhưng nhứt như hạt huyền của ta chăng?". Nhưng mà thôi, ván đã đóng thuyền đành cam chịu vậy!

Thấm thoát đã tròn ba năm hương lửa -, dẫu về phần nàng chẳng được mặn nồng nhưng cũng rất yên thân trong cảnh lâu son gác tía, với ngôi vị đệ nhất phu nhân! Ai ngộ đâu, một buổi chiều mây đen u ám, Chiêm vương bỗng không bệnh tật gì mà lăn đùng ra chết. Huyền Trân hay được, bỗng nhỏ lời Trần Anh Tôn dặn dò hẹn ngày tái ngộ giữa anh em nhưng niềm tin chưa có gì chính xác thì đã phải rụng rời với tin dữ được loan truyền trong cung rằng: Nàng, người vợ sùng ái nhất của Chế Mân sẽ phải chịu hờ thiêu cùng với chồng trong ngày thứ ba của nghi lễ tang chế. Tục lệ xưa nay vẫn vậy, và cũng chẳng phải bây giờ nàng mới được hay. Thôi thì đành. Thôi thì đành vậy, một liều ba bẩy cũng liều thôi! Nhưng Huyền Trân không

phải đợi lâu. Chỉ qua ngày thứ ba của nghi lễ tang chế, sủ giả nhà Trần của nước Đại Việt đã kịp thời phi ngựa thần tốc qua được trước thềm cung điện Chiêm vương, để trình lên tâm thư của triều đình, bày tỏ niềm phân ưu đồng thời giải bày tục lệ của nước ta là: củ như trường hợp của Công Chúa Huyền Trân mà nay là đệ nhất Hoàng hậu của Chiêm quốc, thì đương nhiên là phải tuân theo tục lệ của nhà chồng mà chịu hòa thiêu, không có gì để phản đối cả. Tuy nhiên, cũng theo tục lệ của người Âu Lạc thì con gái đi lấy chồng, trước khi chết theo chồng, phải được trở về cố quốc làm lễ điệu tang lạy cha lạy mẹ, trong trường hợp cha mẹ đã qui tiên, thì cũng phải thọ tang đủ ba năm mới trở lại để chết theo chồng, như thế mới là phải đạo. Triều đình Chiêm quốc không thấy có gì trở ngại, vì từ khi đổi hai châu Ô Ly lấy người ngọc về làm quốc mẫu, tình thân giữa hai họ đã như là một, tình thân giữa hai nước cũng đã xóa nhòa biên cương, vậy, chẳng có gì để làm khó dễ nhau. Nhà Trần liền lập tức cử một Thượng tướng đã từng bách chiến bách thắng đem mười chiến thuyền rầm rộ lên đường sang Chiêm quốc rước giai nhân về. Nhưng, đường đi không khó mà đường về mới khó làm sao! Thượng tướng Trần Khắc Chung chẳng hiểu gặp sóng gió thế nào mà lạc đường lạc hướng lênh đênh ngoài biển cả với Nữ Hoàng vừa chín mười xuân sắc, đến năm năm chưa thấy trở về. Thế là truyền tụng trong nhân gian một chuyện tình lâm ly bi đát. Một chuyện tình giống bão chưa từng có trong lịch sử cổ kim: nào là Thượng tướng đẹp trai Trần Khắc Chung xưa kia đối với nàng Công Chúa ngàn vàng đã từng thầm yêu trộm nhớ, giờ thì tình nguyện với Hoàng huynh của nàng cho sống chết cùng nàng trên sóng nước để bù lại cho Công nương yêu dấu những ngày đẹp nhất của tuổi xanh đã mất trong âm thầm tủi nhục, để đáp tạ ơn nàng đã vì nước hy sinh... Thế là có một đoàn thuyền lênh đênh ngoài biển cả mênh mông - một chiếc của riêng hai người - với hai trái tim vàng thốn thốn... Năm năm trời biển biệt, có lúc triều thần cả đôi bên đã tưởng hai kẻ yêu nhau đã cùng nhau mượn lòng biển cả làm nấm mồ chung, chôn theo cả một thiên tình sử đầm đìa nước mắt... Nhưng rồi, một hôm, sau năm năm tưởng chừng mất tích, Trần thượng tướng lại đưa được Công Chúa trở về trong tiếng hoan hô vang dội cả đất trời của người dân Âu Lạc, để cho về sau trên đời lại có thi sĩ làm thơ:

Châu đi rồi lại châu về đó

Ngơ ngẩn trông nhau mấy đứa Hời...

Thật ra thì không có! Không có thiên tình sử lâm ly bi đát đã huyền thoại hóa

cuộc ra đi làm vợ Chế Mân của Huyền Trân Công Chúa thêm phần hấp dẫn, đằm say. Hoàn toàn không có! Sứ sách chính thức chẳng có nơi nào ghi như vậy cả. Trái lại, chỉ có mấy dòng chính xác về tiểu sử của Thượng tướng họ Trần được người đời sau quan tâm tìm hiểu, thì là: Thượng tướng Trần Khắc Chung nguyên người họ Đỗ, nhờ có công trong cuộc dẹp được quân Nguyên thuở thiếu thời, nên được đổi họ thành họ Trần (là họ của Nhà Vua), đồng thời cũng được phong chức Hành Khiển, quyền hành như một Thủ Tướng... Nắm được lệnh đi nghênh đón Huyền Trân trở về - thật ra là để cứu nàng thoát khỏi đại nạn phải chịu đốt cháy theo chồng - thì ông đã tám mươi tuổi rồi! Bởi vậy, làm gì có chuyện tình Huyền Trân - Trần Khắc Chung! Bởi vì biết rõ sự thật là như vậy, nên tôi, Người Kể Chuyện... Ba Láp - đã định làm ló, cho qua đoạn này, bởi vì nó không có thật. Chẳng qua đó chỉ là ước nguyện tử trong tiềm thức của dân gian muốn cho Huyền Trân yêu quý của chúng ta phải có được một cuộc tình lâm ly bi đát, để cho hình ảnh của nàng càng thêm diễm lệ trong tấm lòng thương nhớ của dân gian mà thôi...

*

Đám đông rồi cũng giải tán, sau khi cô sinh viên cảnh vàng lá ngọc mỹ danh Tôn Nữ Diệu Hiền ôm bó hoa hồng thật lớn lên dâng Người Kể Chuyện, và thò thè đôi lời cảm tạ để thưởng:

- Thưa Bác, chuyện Huyền Trân Công Chúa ngày xưa "đền nợ Ô Ly" thì nói thiệt ra, chúng con ở đây, ai cũng có được biết số qua ít hay nhiều, nhưng hôm nay, nhờ Bác mà mới biết được một cách rõ ràng, mạch lạc, hay ho, ý nhị, và nhất là không có sai lầm trầm trọng ở đoạn cuối. Điều này ít ai biết được xin Bác nhận bó hoa hồng cảm tạ của mẹ chúng con, ai cũng xuất thân trường Đồng Khánh hết, Bác ạ.

- Phải rồi, nữ sinh Đồng Khánh xưa kia, nay ai cũng đã là bà nội, bà ngoại hết, đã đành rồi. Tôi sẽ không ở đây lâu đâu, nhưng còn có mặt ngày nào, sẽ còn cố gắng kể chuyện đời xưa cho các cháu nghe. Và cũng biết là hân hạnh lớn lao, khi còn được cả sự tham dự của các bậc trưởng thượng nữa...

Bà Thục Trinh cũng bước lên, trao tặng ông Nguyễn một món quà gì đó, xem chừng thanh lịch lắm, và nói:

- Riêng tôi xin được gặp riêng Ông thêm chừng dăm phút nữa, chắc Ông cũng vui lòng?

- Dạ dạ, thưa bà Thục Trinh, thiệt là hân hạnh. Xin Bà đợi tôi vài phút. Bây giờ, thế này: tôi xin phép được đề nghị với bà,

thưa bà Thục Trinh: Minh gặp nhau đây, trong tư cách người Huế với nhau, rằng bà không gọi tôi là anh Chinh, và cho phép tôi gọi bà là chị, cho thân mật? Hơn nữa, chắc hẳn chị xuất thân Đồng Khánh, còn tui thì Quốc Học, vậy thì còn chi nữa mà xa xôi, khách sáo?

- Tui có xa xôi khách sáo chi mô, chỉ có ý định tìm hiểu Anh đôi chút vậy thôi mà. À, thưa Anh, tui là người Huế, vì chánh quán Thừa Thiên, nhưng chưa bao giờ đã học trường Đồng Khánh hết, anh ạ. Thuở mà bà Minh Châu Thái Hạc Oanh đến với trường Đồng Khánh Huế, như bà đã viết trong một số Tiếng Sông Hương, thì tui còn chưa ra khỏi bụng mẹ, và khi mà bà cô út của tui đang theo học trường Đồng Khánh Huế, ở đó có ông thầy dạy Hán tự luôn luôn bị lũ học trò "nhất quỷ nhì ma" trêu chọc vì đã để lộ ra cái quần lót nhỏ xíu màu đỏ đậm - rất khêu gợi - bên trong cái quần dài bằng nhiều trắng, thì tui đang theo học một ngôi trường Trung Học ở ngoại quốc có tên gọi là Collège Pavie, lycée này dạy theo chương trình Pháp, sinh ngữ chính là tiếng Pháp, trừ ra một vài giờ mỗi tuần dành cho môn Việt ngữ gọi là "deuxième langue" mà thôi. Cũng vì cái gọi là "deuxième langue" một cách "áp chế" đó mà bọn người Việt chúng tôi hồi đó sinh ra có tấm lòng yêu tiếng mẹ một cách kinh khủng! Kể chuyện "tôi chưa bao giờ học trường Đồng Khánh cả" để anh biết vậy thôi, chủ dĩ nhiên tui vẫn là người Huế, dĩ nhiên rồi.

- Dĩ nhiên rồi, đúng vậy. Mà tôi vừa nghe chị nhắc tới bà Thái Hạc Oanh, chắc hẳn chị có quen biết nhiều với bà ấy?

- Tôi chưa có hân hạnh, chỉ mỗi nghe danh và rất thích cái tên đẹp của bà chị, thế thôi. Cũng như tôi được biết bà Nguyễn Thị Du, người đã viết trong một số Tiếng Sông Hương nào đó rằng: "Vi quê nhà ở tận Quảng Ngãi, tình nhỏ chưa đủ thầy đủ lớp, nên tôi phải ra Huế mới theo học lớp nhất trường Đồng Khánh, từ năm 1919. Tôi chỉ có mấy bộ áo quần vải trắng và đen, vì theo qui chế của trường, nữ sinh chỉ được mặc đồng phục áo trắng. Gặp khi trời giá rét, tôi mặc áo trắng ở ngoài, áo vải đen ở trong!". Thiệt, nghe mà thương ghê! Nhưng mà, nói chung thì ở cái thành phố Huế nhỏ bé đó, mấy ai là người không biết nhau đâu... trừ ra một người tôi mới gặp, thấy có nhiều nét đặc biệt, tài hoa, vậy mà lại không hề nghe đến tên: ông Nguyễn Hữu Chinh!

- Ái da! Ông Chinh đưa bàn tay gầy guộc lên vò đầu vò tai, cái mặt vốn nhăn nheo cũng lập tức nhẵn lại - Chà! ai ngờ hôm nay lại là dịp buộc tôi phải kê khai tông tích, lý lịch, cái mới phiền chó! Thưa chị, tôi nghĩ số dĩ chị chưa hề nghe tới tên

tôi là vì: xưa kia, hồi trước năm 1946 kia, tôi còn là học sinh trường Khai Định, nhưng sau đó thì thời cuộc biến thiên, tôi đi... chỗ này chỗ kia, tôi đi lang bạt giang hồ... suốt mấy mươi năm, cho đến ngày trở về thì... tôi có lý lịch khác, tên tuổi khác. Rửa đó. Thời buổi loạn lạc mà, chị thông cảm.

- Anh nói tức cười chưa, tui có quyền chi mà thông cảm, chỗ. Nhưng mà xin hỏi thiệt anh: anh có học trường Quốc Học, nhưng mà có phải sinh quán tại Huế không?

- Tôi thấy ghi trong khai sanh - lập tử thời Pháp thuộc - thì chánh quán của dòng họ tôi là ở tại Hải Dương, tận ngoài Bắc tề lặn.

- Chuyện lạ chưa? Rửa thì anh là người Huế ở chỗ mô chớ? Hèn chi tui cứ ngỡ ngỡ về Anh, mà mấy tháng nay hỏi bà con xứ Huế ở đây thì không ai biết có người mô đặc biệt như Anh, đã từng theo học Khai Định - Quốc Học, mà lại có "quý danh" là Nguyễn Hữu Chinh cả, nên tui cứ thắc mắc trong lòng, phải nhất quyết mạn phép hỏi thẳng Anh cho được rõ.

Người đàn ông nhỏ thó với cặp mắt tinh anh lại mím nụ cười nhếch mép và gật gật gù gù cái đầu như sắp được nói ra điều gì thích thú lắm vậy:

- Cảm ơn Chị đã quan tâm đến tôi. Thiệt ra, tên họ tôi là Nguyễn Hữu Chinh, chị ạ. Đổi tên đổi họ là nói vậy, chớ chỉ là đổi với một cái đầu mà thôi. Chị cứ nói tôi là Nguyễn Hữu Chinh, vào năm 1945, ngồi chung một ghế với các anh K, C, T, Đ... là được rồi. Còn như theo tôi quan niệm về thành phố Huế, về người Huế, thì nó như thế này, xin thưa Chị rõ, qua mấy câu thơ của ai đó mà tôi đọc được ở đâu đó, và rất đồng ý với tác giả. Mong rằng Chị cũng đồng ý với tôi?:

*Huế không phải chỉ là thành phố nhỏ
Trong bốn bức tường, hay núi Ngự
sông Hương*

*Huế, theo tôi, là giải đất miền Trung
Đã hấp thụ chung nền văn hóa đó...*

- Dạ thưa, nói như Anh vậy thì ai cũng là người Huế hết cả, sao?

- Được vậy thì cũng tốt thôi, Chị ạ. Vì nghĩ cho cùng thì chẳng qua tất cả cũng chỉ là nỗ lực đi tìm mẩu số chung để ngồi lại với nhau, để xích lại gần nhau, để đoàn kết và để sống còn... Kể từ hai châu Ô Ly đem lại cho ta Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, chẳng phải là sau này bờ cõi đã mở mang thêm với Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa... làm thành giải đất miền Trung hấp thụ chung một nền văn hóa đó sao, Chị? ●

Tỏi Bắc Kinh

• TRẦN PHONG LỬU

(Tiếp theo VG 104)

Càn-Thanh-Cung (Thiên-cung thanh-khiết) là Tẩm-cung của các Hoàng-Đế triều Minh và Thuận-Tri, vua Thế-Tổ nhà Thanh. Sang đời vua Khang-Hi đã bắt đầu tiếp các quan Đại-thần và các sứ-thần các nước chịu triều cống tại gian giữa ngôi biệt điện vẫn được sử-dụng làm phòng ngủ của nhà vua. Ngai vàng chạm trổ Cửu-Long triều dương, mà mặt trời được khắc trên tấm dựa lưng bằng gỗ sơn mài mạ vàng, đặc biệt được đặt sau một án thủ, cùng ngự trên một sập cao tam cấp, chia ba lối lên phía trước và hai lối ở hai bên. Tất cả bộ ngai vàng mới được đặt tại gian giữa toà điện hai nóc, chín gian chiểu dài và ba gian chiều ngang này, kể từ thời vua Ung-Chính, để hàng ngày Hoàng-Đế phê-duyet các tấu-chương, giải quyết các quốc-sự. Trên bức hoành chạm ngũ long sơn son thếp vàng bắc qua đầu hai cột chầu hai bên ngai vua, treo tấm biển lớn nền đen khắc bốn Đại-tự vàng "Chính Đại Quang Minh" thường được đứng kim Hoàng-Đế cất giấu chiếc hộp gấm niêm-phong cẩn-thận, đựng di-chiếu viết trước của mình, để chỉ-định sẵn vị Hoàng-Tử được chọn kế-vị ngôi vua. Cách truyền ngôi này được thiết-lập từ cuối triều Khang-Hi qua đến đời Đạo-Quang Hoàng-Đế. Cũng chính tại nơi đây, Hoàng-tộc nhà Thanh đã tổ-chức Đại-Hôn cho Phổ-Nghi, vị Hoàng-Đế cuối cùng theo nghi-lễ quân-chủ xa xưa, trong thời Dân-Quốc, giữa thế-giới đã văn-minh, quốc-dân đã tiến-bộ. Như tác giả Hứa-Tiểu-Thiên đã kể:

Năm đó, là năm Dân-Quốc thứ mười một, nếu kể theo âm-lịch, nhằm đúng ngày 13 tháng 10, lúc một giờ sáng, lễ Đại-hôn của Tuyên-Thống Hoàng-Đế đã được cử-hành vô cùng trọng-thể. Ngay từ lúc canh ba đêm đó, mệnh-lệnh do nội-giám truyền đi, phải sửa-soạn một cỗ xe loan để đi đón dâu. Đám rước ra đi qua Đông-Hoa-Môn, rồi sang Đông nhai phía bắc Tri-Tử Canh-Sơn, để lại qua Địa-An-Môn. Dọc đường đều có quân canh giữ an-ninh trật-tự. Hai bên vệ đường người xem đông như kiến cỏ. Trước lúc Xe Loan xuất phát, còn phải kể nào mã tuần, nào đội bảo-an, nào đội du-tập, lập thành đoàn tiên-phong đi mở đường. Phía sau là một đại-đội Hiến-Binh của kinh-sú. Tất-cả đều cỡi những con ngựa to lớn, đầu ngẩng cao, đi thành từng hàng ngay ngắn. Đội chiến binh qua rồi thì đến đại-đội bộ binh, mặc võ phục từ đầu đến chân, do một viên sĩ-quan chỉ-huy. Đám canh sát võ-trang, được chính ông Tổng-Giám-Đốc ở Bắc-Kinh gọi tới, cũng từ từ tiến bước theo đoàn. Một đội quân nhạc thuộc đại-đội Cảnh-sát sành và đội-quân phòng-vệ Tổng-Thống Phủ ăn vận sắc-phục mới hết sức rực-rỡ. Rồi đến lượt Tôn-Nhân-Phụ của nhà Thanh, đầu đội mũ lông đính nhấp-nhánh, mặc Mãn-phục gắn triều châu đi theo sát đội quân-nhạc. Mười sáu người kiệu-phu khiêng một cỗ xe hoa theo sau đám tôn-nhân. Tiếp liền một chiếc xe ngựa, khấu đầu bằng vàng, còn đem lưng bằng hoàng-đoan, từ trên xe treo thả rơi vô số hạt lông-lánh chói cả mắt. Cỗ xe lộng-lẫy đi qua, thì mấy chục tên nội-giám cỡi trên lưng những con tuấn-mã, thả đi chằm chằm đằng sau. Sau đội ngựa tới cây cò lớn thêu rồng vàng cao tới ba trượng, dẫn theo đoàn người cầm việt bạc và trào vàng bước thành hàng tề chỉnh, theo đúng nghi tượng loan giá của thiên-tử

thời xưa, với một tàn lỵa vàng lớn, rồi một cặp tàn vuông, một đôi quạt lông trĩ, một đôi cờ màu mỡ gà, một cây ngũ sắc kim-long-huy, một cây cò-thủy-hoa, rồi lọng đoan vàng, lọng xanh viền ngũ sắc, lọng đỏ thêu long phụng, rồi bao nhiêu cờ phượng-huy lấp lờn cong nạm vàng và một cái lọng lớn bằng đoan vàng thêu kim tuyến. Còn thêm cả mọi loại nghi-trượng với một cặp lông-linh để chấm dứt đoàn tàn lọng, cờ quạt này. Túc thì đến bọn Thân-Vương họ Mãn, mặc triều y thêu tam nhân linh, đội mũ đính bảo thạch, cỡi trên ngựa và cầm kim-tiết, được vài chục tên nội-giám đi theo để bảo-vệ và hầu hạ. Rồi đến bọn cung-giám sắp thành từng hàng đôi một, cặp thủ nhứt cầm đèn binh-đăng tám góc, cặp thủ nhì cầm đèn kim-long, cú thể liên tiếp dài đến 81 (thành số 9) hàng đôi. Lại đến bọn cung-giám bưng lư-hương bằng vàng, khói hương tỏa nghi-ngút cao tít mãi lên trên không, biểu-lộ một cảnh-tượng vô cùng trang-nghiêm. Kế đến ban nhạc trong cung, nào là sinh, tiêu, địch, đủ các loại nhạc-khí nhỏ và ban đại nhạc bước tới, nào là thanh-la, não bạt, nào là chiêng trống. Sau hai đoàn nhạc, lại đến bọn công đại-thần có trách-nhiệm đón rước các đại-biểu, cũng mặc triều-y, đội mũ lông-linh, đi thành hàng tề-chỉnh trước xe loan để dẫn đường. Xe Loan rước dâu cao hơn một trượng, trên nóc chạm trổ một chim phượng bằng vàng rất lớn, còn chung quanh thả rơi hàng hàng chuỗi hạt, mà mỗi khi gió thổi tạt ngang nghe kêu xúng-xoèng, thêm màn gấm thêu hoa che tử phía, còn bốn góc đều chạy rèm bằng nhung thêu màu sắc-sổ. Ba mươi hai phu khiêng xe loan đều nhất loạt mặc áo thêu với đôi ống tay màu đỏ và đội mũ quai đỏ trên lông linh màu vàng. Một đoàn thị vệ theo hầu, tay cầm thương dài gắn dây tua màu, cỡi tuấn mã rất cao, mặc áo măng bào, đội mũ kim quan, trông thật là oai-vệ hùng dũng. Đi sau còn đám đại-thần trung-thành với nhà Thanh, cũng triều-hóa, cũng triều-mạo. Ngay cả những bậc đại thần có trước đây, được nhà Thanh ân-tử hoàng-mã-quải cũng đem chúng ra, mặt trông có vẻ huênh-hoang lắm. Cuối đoàn xe ngựa rước dâu dài dằng-dặc mấy cây số này, còn thấy cả các vị quan chức thời Dân-Chủ như quan tư-lệnh vệ thú Vương-Hoài-Khánh, ông Tổng-Giám-Đốc Cảnh-Sát Tiết-Đại-Khả, đều mặc phẩm-phục đẳng-hoàng, đi sau cùng gọi là để áp đội.

Khi đoàn quân cảnh tiên-đạo đến Đông-Hoa-Môn thì dừng lại, cho đoàn quân nhạc đi tiếp tới tận cửa Càn-Thanh-Môn để chờ đợi, trong lúc xe loan của cô dâu tiến thẳng vào Càn-Thanh-Cung. Tử ngoài cửa vào bên trong đại điện, mặt sàn tòa cung này đều lót nệm nhung đỏ. Bên trên điện đèn đuốc sáng choang, tỏa ánh-sáng ra mãi ngoài xa. Khắp nơi đều trang-hoàng thật vô cùng lộng-lẫy. Mười sáu tên thị-vệ, tay cầm thương dài kết lông ngựa tua tua, đứng thành hàng nghiêm-chỉnh ở hai bên cửa vào, dưới sự chỉ-huy của tiên đạo. Bên cạnh điện đặt cái giá treo nào chuông lớn, nào trống bự, cùng cả những nhạc-khí thời trước mà các vua chúa thường dùng để tế nhà Thái-Miếu. Bên trên mỗi nhạc-khí đều được phủ một tấm vải nhung màu sắc-sổ. Vài chục nhạc công cũng ăn vận hàng thêu, đứng chực sẵn đấy để cử nhạc, cùng với những nhạc-khí nhỏ như là ống tiêu, địch, sinh, dưới sự điều khiển của hai nhạc trưởng, mặc áo đoan vàng, tay mỗi người cầm một cây roi viền kim tuyến nhịp nhạc, đang đứng phía dưới bậc thềm đại điện. Khi nhìn thấy hai roi nhạc chạm lại, túc thì bọn nhạc công khởi nhạc rầm-rộ, trái lại khi thấy cặp roi rời ra xa, lập tức họ dừng ngay lại. Chưa hết, còn có sự hợp-tác của ban đại nhạc nữa với cả mấy ông nhạc-trưởng. Nhờ đó thiên-hạ mới được thưởng-thức khi thì tế nhạc (nhạc nhỏ), khi thì đại nhạc (nhạc lớn) và phân biệt cao thấp, trầm bổng, êm dịu, hùng hồn. Lại thêm hai tên nội-giám, mặc áo vàng, đội mũ vàng, mỗi tên cầm một cây tinh tiên.

Tinh tiên là cái gì vậy? Đây là cây roi linh thường được dùng lúc Hoàng-Đế thời xưa lên điện để tọa triều. Người ta thường nói: "Tinh tiên đập ba cái. Văn võ hai bên bầy". Khi thiên tử lên điện, tinh tiên được đập xuống rồi, thì bất-luận là nhân-vật gì đi nữa đều

phải đúng im phăng-phắc, không được chộn rộn, không được ho hắng; không được khịt khạc. Hơn nữa ở ngay giữa điện, còn dựng một cây lọng bằng đoạn vàng. Hễ cây lọng ấy xòe lên, tức là dâng thiên-tử sắp ra khỏi điện. Bởi vậy bây giờ lọng vừa giương lên, tiên đập xuống, tức thì trong ngoài đầu đấy đều im lặng hết, viên Tán dẫn quan mới loan báo cuộc lễ ở dưới thềm, bằng cách đập tỉnh tiên thêm ba lần nữa, để điệu tể nhạc trỗi lên một cách êm ái du dương. Khi Đại-lễ quan (quan điều-khiển cuộc lễ) hướng-dẫn vua Phổ-Nghi tiến vào phía ngai vàng, thì tất cả đều thành kính rước lễ. Ban tể nhạc cử lên ba lần rồi, bỗng cây hí tiên (cây nhịp nhạc) nhập lại, tức thì ban đại nhạc bắt đầu hoà-tấu. Tuyên-thống Hoàng-Đế Phổ-Nghi vừa đi khuất vào trong, hai bà Phúc-tấn của hai Thân-Vương Tài-Tuân, Tài-Chấn cúi mình mà tiến lên. Viên Tán dẫn quan xuống lạy: "Tân nương xuống xe", cả hai ban nhạc liền khởi bản hòa-tấu, tiếng vang động khắp cả một vùng trời. Những cây tỉnh tiên lại đập xuống, tức thì tiếng nhạc ngừng bật. Hai bà phúc-tấn đưa cô đầu bước vào. Đại lễ quan làm lễ, rồi lễ tạ, lễ kính, rồi rước lễ. Một lúc lâu lễ dứt, tiếng nhạc lại trỗi dậy. Đợi bản nhạc tấu hết, Tán lễ quan lại xuống to những lễ vật, theo đó viên Tán dẫn quan cùng với tám tên nội-giám, tay đều cầm minh đăng và kim-lô, đưa cô đầu lên trên ngai Hoàng-Hậu. Trông khi Đại-lễ quan cũng dùng minh-đăng và kim-lô đưa tân lang Phổ-Nghi lên ngai vàng ở giữa điện.

Chính lễ bắt đầu. Viên Đại lễ quan xuống lễ. Vua Phổ-Nghi và tân nương đang ngồi song song trên ngai vàng, liền bước xuống làm lễ Thiên-Địa. Nhạc cử lên, rồi nhạc ngưng. Hai vợ chồng Hoàng-Đế làm lễ Tổ-Tiên. Nhạc lại cử. Rồi nhạc lại ngưng. Viên Đại lễ quan lại xuống đến lễ ba. Hai vợ chồng Phổ-Nghi lại làm lễ Hoàng-Hôn (Lễ tơ hồng của bậc Hoàng-Đế), tiếp sau làm lễ gia quan (lễ đội mũ chũng tở trưởng thành). Lần này đại, tiểu nhạc lại cử lên đến ba lần. Xong viên Đại lễ quan lại xuống để cho Tán dẫn quan đưa hai vợ chồng Phổ-Nghi trở về ngai vàng làm lễ Quân-Thần. Chũng đó mới đến lễ Phu-Thê giao bá. Vợ chồng lễ nhau xong lại trở lên ngai vàng, để cho bá quan văn-võ làm lễ triều hạ. Trước hết, bọn Thân Vương trong dòng họ Mãn theo qui chế cũ, mà Tam quý Cửu khấu (ba quý chín lạy). Rồi đến bọn phúc-tấn cũng đều do Tán dẫn quan hướng-dẫn và đại lễ quan xuống lễ. Sau đó mới đến cuộc triều bá của toàn thể các quan đại thần Mãn cũng như Hán. Cuối cùng đến bọn cung nữ và thái-giám. Tất cả đều phải dập đầu quý lạy nghiêm chỉnh.

Tới giai-đoạn chót của buổi lễ: Viên Đại lễ quan xuống lui hết các ban hành lễ, sau đó bốn bọn cung nữ và thái-giám gồm đủ sáu mươi bốn người, tay đều cầm minh-đăng đưa đôi vợ chồng dâng Hoàng-Đế Tuyên-thống mới cưới vào cung. Một đoàn dài chầm chậm tiến bước, hướng trầm tòa khói bay nghi ngút, vẻ trang-nghiêm tưởng như cảnh thần tiên dưới thế. Đoàn người càng đi càng nhỏ lại, nhỏ mãi cho tới lúc khuất bóng trong chốn thâm cung, để hoàn tất hôn lễ và cuộc triều lễ của vị vua cuối cùng vừa thoái-vị của Thanh triều.

Giao-Thái-Điện (Điện giao-tiếp giữa trời và đất), ngôi điện hình vuông ba gian, nằm giữa hai cung Càn-Thanh và Khôn-Ninh như điện Trung-Hòa ở khu Triều ngoại. Từ khởi thủy tại gian giữa ngôi điện tượng-trưng sự thịnh-vượng này đã được đặt ngai ngôi của vị Chính-cung Hoàng-hậu trên chiếc sập thấp hình lục giác, vừa vạm bao quanh chiếc ngai cùng hình thế, bọc gấm vàng thêu hình phụng. Nên các đôn sơn son trên chũng các nghi-biểu như cặp nghê và đôi ô đồng, kể cả cặp bình tròn chạm lộng trên đậi nắp như mái thấp hai nóc bát-giác, đều được đặt trực-tiếp trên nền thảm. Hai chiếc ghế dựa nhỏ cũng chạm trổ thếp vàng, đặt hai bên, lùi ra phía sau sát trước bộ tủ bình sơn mài, có thể là chỗ ngồi của hai quý phi.

Hàng năm vào các lễ khánh-hạ như sinh-nhật hay đầu năm, Hoàng-hậu thường ngự ra đấy để nhận lễ triều bá, chúc tụng của các Hoàng-phi, cung-tần mỹ-nữ trong tam cung lục viện, các công chúa, các vương-phi, phúc-tấn của các hoàng-thân và các phu-nhân của những vị đại-thần. Sau năm 1746, nhằm triều Càn-Long năm thứ 11, điện này được chọn làm nơi tàng-trữ 25 ngọc tỷ và ấn-tín của hoàng-triều Mãn-Thanh. Bên gian tả còn kê một đồng-hồ nước chảy, gồm ba chậu đồng vuông trên nhỏ, dưới lớn, nằm chồng lên nhau nhờ các nắp bằng vì gỗ. Phía trước mỗi chậu đều có vòi nhỏ để nước chảy xuống chậu dưới, đã được tính toán trước để phân định ra canh giờ, như ba hồ nước nhỏ giọt thông nhau, lại bằng đồng, nên mới được đặt tên là đồng-hồ. Bộ ba chậu đồng này được đặt trong tòa nhà gỗ vuông ba gian, dựng hàng bốn cột bốn phía trên nền cao nhiều bậc gỗ chỉ, trên lợp hai tầng nóc bốn mái, mà đỉnh gần dựng trần điện. Đối-xung qua bên gian hữu là một đồng-hồ quả lác kiểu Tây-phương cũng chia hai tầng, phân ra nhiều gỗ chỉ lan can con tiện và cao lên tận trần, cũng dựng nhiều cột chịu ở tứ phía, cũng chạm lộng thếp vàng, nhưng theo kiểu cổ-điển Âu-Châu và mặt đồng-hồ tròn gắn cặp kim chỉ các số La-Mã. Chiếc đồng-hồ nhịp chuông khổng-lồ này được sản-xuất từ năm 1798 trong cơ-xưởng cung-điện nhằm năm Gia-Khánh thứ ba triều Thanh, vậy mà tới nay vẫn còn chạy được.

Khôn-Ninh-Cung, mang ý nghĩa thế-gian yên-tĩnh, dưới triều Minh dùng làm tẩm cung cho Hoàng-hậu. Châu Hoàng-Hậu, Chánh cung của vị Hoàng-Đế cuối cùng nhà Minh, Sùng-Chính, đã thất cố tự-tử tại đấy trước khi giặc loạn tràn vào. Dưới triều nhà Thanh cung-điện này vẫn còn được gọi là Chánh-Cung, nhưng trên thực tế, chỉ vào dịp đại-hôn, Hoàng-Đế và Hoàng-Hậu mới ngự tại đấy chẳng những qua đêm tân hôn trong gian Đông phòng đã được sửa ấm, mà còn lưu lại cung-điện này 3 ngày liền. Bức bình phong màu son thếp vàng chữ "Song-Hỷ" vẫn còn hiện-hữu ở đồng lang dẫn vào phòng Hoa-Chúc, nằm tại góc điện phía Đông, lấp hai mặt những cửa sổ lớn cao lên tận trần. Giữa một mặt đặt bàn thấp kê trước một bức bình phong sơn son, cũng kê chữ "Song-Hỷ" vàng. Trên bàn đặt cặp đèn lồng hoa chúc hai bên một chiếc đĩa sứ trắng kê trên ba chân qui bằng gỗ. Phía mặt kia, dọc theo hàng cửa sổ kiếng lớn được xây lên tới bệ một sập đá dài chạm chân qui. Trên sập trải hai tấm nệm lớn bọc gấm vàng, hai bên một án thủ thấp chạm-trổ, để vua và hoàng hậu ngồi uống rượu hợp-cần. Trên án còn đặt một chậu vuông thấp chũng cảnh vàng lá ngọc, với hình tượng phượng-hoàng đang chuẩn-bị tung cánh và một nghi trượng nhỏ của hoàng-hậu. Lưng chũng cột giữa còn treo cây đao, đứt trong vỏ, có thể là vật hộ thân của nhà vua. Đối-diện cũng là sập đá chạm dài, ở phía bức tường, được cột tròn to sơn son phân hai với khung bao lam chạm lộng đóng khung. Một bên là giường thất bảo trải nệm bọc gấm đỏ, thà màn đoạn vàng ửng hồng thêu "Bách Nhi Sinh-Hoạt" nhiều màu để cầu chúc Hoàng-Đế sinh trăm con ngàn cháu. Bên kia chỉ để ghế nệm và kỷ trà. Nhưng ngay trên nóc màn dùng dài thành gác lũng, thà rèm, dùng lan can gỗ trên dưới để chứa đồ trần bảo, hay treo các danh tự liếng đối. Trần phòng chia đều bốn ô. Giữa mỗi ô treo thà một đèn lồng lớn, chạm lộng, rủ tua dài bốn góc. Phía sau tòa cung này mở rộng một khu vườn hoa mỹ-lệ:

Ngự-Hoa-viên được tạo lập từ năm 1417 dưới triều Vĩnh-Lạc thập ngũ niên của nhà Minh, theo một kiểu-thức độc-đáo: Những rặng tùng, bách, những khóm trúc, chòm hoa đã được sắp-xếp một cách khéo-léo, tài tình, trình-bày một dáng vẻ vừa trang-trọng vừa lộng-lẫy, nên đã được xem như viên cảnh đẹp nhứt trong Hoàng-thành. Ngôi đền biểu-hiện sự tĩnh-lặng vương-giá, mang tên Khâm-An-Điện trong Ngự-Hoa-Viên là công-trình còn được bảo tồn nguyên- vẹn từ đời nhà Minh.

Hai bên khu chính giữa là những sân-nội vườn cảnh được bao quanh bởi những đình tạ, lầu các và lang-vũ, là những cung-diện sinh-hoạt hay trú-ngụ của Hoàng-Đế: Từ thời Khang-Hí, nhà vua thường đến hưởng nhàn ở Dưỡng-Tâm-Điện, nằm ở phía Tây yên-tĩnh của sân nội. Phía Bắc tòa điện này đã xây lên những cung-viện dành cho Hoàng-hậu và các Thủ-Phi cho đủ số tam cung lục viện. Thái-Hậu Hiếu-Hoàng-Văn, cựu Chánh Cung của vua Thái-Tông đã ngự tại Từ-Ninh Cung ở gần đó, từng dùng tài-năng nhiếp-chánh cùng-cố đại quyền cho nhị vị Hoàng-Đế (con và cháu nội). Kế đến Vinh-Thọ-Cung, nơi mỗi buổi sáng trước khi lâm triều và mỗi buổi chiều tối sau khi giải-quyết xong quốc-sự, vua Càn-Long đều đến vấn-an Thái-Hậu Hiếu-Thánh-Hiến, để tỏ lòng hiếu-kính mẹ. Khi bà có việc phải rời cung, như đi tế lễ hay cả lúc đi lễ chùa, luôn-luôn Hoàng-Đế đi bộ theo kề bên xa giá. Nghi-thức đó đã được nhà vua tuân giữ cho đến khi Thái-Hậu thăng-hà vào năm 86 tuổi. Rồi xa hơn nữa cũng về phía Bắc, trải dài tòa Tây-Noãn-Điện dành cho các công chúa. Đến khi vua Càn-Long sửa-soạn về hưu, giao bớt việc triều-chính cho Đại-A-Kha (Trường-Nam, lúc vua chưa chính thức lập Thái-tử), thường về làm việc ở Cảnh-Dương-Cung và tiếp khách ở Thừa-Kiến-Cung, đọc sách Thánh-hiền ở Đức-Khôn-Cung, và hưởng-thụ ở Trường-Xuân cung, mà muốn vào khu-vực này phải qua cửa Cảnh-Vân-Môn. Hiện nay nơi này còn trưng-bày các đồ trân-bảo của triều Thanh. Vào năm 1772, nhân kỷ-niệm 46 năm thành-trị và để lấy lòng các dân-tộc thiểu-số, các nước chư-hầu, Hoàng-Đế đã thiết đại-yến chiêu-dãi quốc-vương hay sứ-thần các quốc-gia lân bang, đầu-mục, tù-trưởng các bộ-tộc lớn... tại Dưỡng-Thánh-Điện. Có thể người giả-mạo vua Quang-Trung nước ta đã được dự yến-tiệc tại đây. Ngay Tây Thái-Hậu và cả vua Quang-Tự đều đến ở qua đây nên vẫn còn Long-sáng đặt tại một gian-phòng. Rồi sau hơn 60 năm trị-vị, lúc đã ngoài 86 tuổi Hoàng-Đế Càn-Long mới tự lập làm Thượng-Hoàng, nhường ngôi cho Thái-Tử, tức tân quân Gia-Khánh chính-thức chăm lo triều-chánh. Thượng-hoàng lui về trú-ngụ luôn trong Ninh-Thọ-Cung và Hoàng-Cực-Điện cho đến khi băng-hà, thọ 89 tuổi, là vị vua sống lâu nhất và ở ngôi nhiều năm nhất của Thanh triều. Biển-đề trên Ninh-Thọ-Môn mở vào khu-vực này đều được viết bằng hai thứ chữ Hán-tự và Mãn-tự. Cũng như Ninh-Thọ-Cung ở Công-viên Bắc-Hải, các cung-diện của Thượng-Hoàng này được kiến-tạo bằng vật-liệu hiếm quý, đặc-biệt như cột mạ vàng, kèo đá, đầu cung, trục ngõa đều thể-hiện trong ba sắc vàng, hai sắc xanh, hoặc hai sắc tím, tía, hai sắc đỏ cho đủ 9 màu. Hiện trong cung vẫn còn trưng bày Hoàng-bào, y-trang hoàng-hậu và các nhạc-cụ bằng đá cẩm-thạch và trống vàng...

Tại góc Tây Bắc Cố-Cung, còn sắp xếp vun trồng một huê-viên rộng, gọi là Tây-Uyển. Khu vườn ở mé Tây này còn có tên là Tây-Hải-Tử, chu-vi dài tới vài dặm. Phía trên vườn, bắc một chiếc cầu đá dài năm sáu trăm thước, toàn bằng đá trắng, vôi lan can hai bên đứng chẵn song đều chạm trổ hết sức tinh-vi. Hai trụ cổng nghi-môn được xây đứng cao ở hai mặt đông tây cầu. Trụ phía đông được gọi là Ngọc-Đông, còn trụ phía Tây, được đặt tên là Kim-Ngao. Giữa hồ nước, nổi hẳn lên một bãi đất cao, gọi tên là Quỳnh-Hoa-Đào, bên trên xây san sát nào lầu đài, nào đình-các nguy-nga. Một cây cầu bằng đá nữa tiếp thông với đảo Quỳnh-Hoa, mà hai mặt nam và bắc cầu này cũng được xây hai trụ nghi-môn. Bên trên đầu mỗi trụ đều khắc biển vương, một biển đề hai chữ "Tích thủy", còn biển kia đề hai chữ "Đôi-vân". Về mặt bắc đảo Quỳnh-Hoa, đã được xây lên Ngũ-Long-Đình, về mặt Nam thì dựng Doanh-Đài, là nơi vua Quang-Tự thích bày giá vua chơi, sau thời-gian chán nản ẩn mình trong thâm cung, mua vui cùng hai mỹ-nhân Trần-Phi và Cẩn-Phi, vì trót gây chiến với Nội Hải rồi để thất-trận, vì chán cảnh Tây-Thái-Hậu trở lại "Thùy-liêm thánh chính" (buông rèm nghe việc triều chính). Trên đảo còn Tiêu vườn và Tử Quang các tọa-lạc đối-diện nhau, cách qua một con lạch

nước. Quanh hồ, thôi thì tầng gác chông chắt nhô lên, chọc mái tận lũng trời. Rồi rèm gỗ, lan-can chạm rồng, khắc phượng, rồi nóc ngói lưu-ly, ngọn ngang cao thấp. Xen lẫn nào liễu, nào hoa là ngọn thuốt-tha bên bờ nước, cạnh mấy ngọn giả sơn, kề cận vài khóm thanh trúc, hình như trồng đã tự mấy trăm năm trước. Trong hồ, lá súng đội nước nhấp nhô, điểm tuyết dăm ba đóa hoa tím xinh hay vàng màu khêu gợi. Rồi đám lá sen xanh vượt cao lên, quần quít quanh những cánh sen hồng ngào ngạt hướng đóa, hiển-lộ đó đây ít đóa bạch-liên trinh trắng như những thiếu-nữ đứng xuân. Vài tảng bèo cám xanh xanh, đỏ đỏ trôi bập bênh bên cạnh mấy đôi uyên-ương nhón nhó bơi lội trên mặt sóng lăn-tăn. Phong cảnh càng thêm phần thơ-mộng khi trên ngọn cây xanh, trong chòm lá biếc, đàn chim non đang riu rít chuyền cành. Đôi chim oanh lông vàng hót lên giọng líu lo, rồi bỗng xòe đôi cánh bay vút lên không trung xa tít, trong khi đàn cá vàng đùa giỡn dưới làn nước trong, làm xao động mặt hồ vốn thường yên-tĩnh.

Bước ra xa mà ngắm, toàn thể Tây Uyển trông chẳng khác bức gấm thêu muôn màu nghìn sắc, hội tụ hầu như đủ hết các nét đẹp trong vũ-trụ thiên-nhiên, nên người sau đã đề thơ ca tụng:

*Hồng tự thanh lâm các đạo trùng
Lăng thần tiêu khí tán thiên phong
Nha tường phàm cảm huyền tường phượng
Thủy điện kim phò ẩn trạc long
Trượng ngoại khinh âm đường hạm tĩn
Diên tiền tích thủy nhập bôi nồng
Thủ thân nghi thị lai thiên thượng
Đao đảo phong quang phảng phất phùng
Dịch:
Đảo thăm rừng xanh gác điệp trùng
Khói mây sớm tối mịn mờ trông
Bệ nước sâu vàng uốn khúc long
Dưới bóng cây râm hơi gió lặng
Trước hiên yến tiệc rượu hương nồng
Thân này ngỡ tự trời kia xuống
Đao đảo là đây mới lạ lung!*

Nhưng số phận cũng đã an bài, chính trong khu vườn phong cảnh thiên-nhiên hữu tình này, bọn Lý-Liên-Anh, theo ý chỉ của Tây Thái-Hậu, đã lôi tuột vua Quang-Tự về giam lỏng tại Doanh-Đài trên đảo giữa hồ, sau khi vị Hoàng-Đế cô thế này thi hành Tân chính, dựa vào kế sách của Khang-Hữu-Vy, bị thất-bại vì Viên-Thế-Khải phản-bội, tố-cáo với phe cựu đảng, gây ra cuộc chính-biến Mậu-Tuất. Mà thực ra Doanh-Đài chỉ là tên gọi tổng-quát của một tòa điện nhỏ mang biển đề "Hàm-nguyên-điện", chỉ vón vện ba gian nhà trệt, mỗi gian rộng chỉ hơn một trượng và xây lùi về phía sau thêm một căn lầu nhỏ, tất cả thật quá nhỏ để giam cầm ông vua áp chót của nhà Thanh, sau mười mấy đời vua gốc Mãn-Châu vào thống-trị Trung-Quốc, vẫn thường được xử-dụng cả một hoàng-thành rộng lớn với bao nhiêu cung-diện. Hơn nữa để cấm chỉ không cho bọn đại-thần trung-kiên được vào ra bệ-kiến Hoàng-Thượng, bà Từ-Hi còn sai đóng kín mọi ngõ-ngách vào Doanh-đài, tuyệt-hắn giao-thông với bên ngoài. Khiến vua Quang-Tự ngày càng phần chí đến thành bịnh, rồi người yêu quý nhất đời của nhà vua là Trần-Phi lại bị Tây-Thái-Hậu cho liệng xuống giếng chết, khiến bịnh sinh thổ huyết, thêm nỗi căm-hận vì Long-Dụ Hoàng-Hậu tử-thông, ngoại tình với tên Thái-giám Tiểu-Đức, nên thần xác vua dần dần chỉ còn như một đồng xướng khô, cuối cùng tin cuộc cách-mạng dưới Mãn của các thủ-lãnh Tôn-Văn, Hoàng-Hưng bùng lên, vừa đủ để chấm dứt ba mươi năm thừa-kế đại-thống nhà Thanh.

Chúng tôi còn được hướng-dẫn đến xem giếng Trần-Phi. Miệng giếng nhỏ hẹp, đường kính lọt lòng khoảng sáu tấc Tây. Cỏ

Thành-Lộ-Lộ kể rằng: Bà Từ-Hi không được thỏa-mãn trong tình yêu nên luôn ghen với hạnh-phúc của kẻ khác, hơn nữa Trần-Phi lại ủng-hộ vua Quang-Tự cải cách cựu chế, phóng-động lên một phong-trào, huy-trưởng lại nhuệ-khí, khiến cho mọi người hăng-hái canh-tân lại xứ sở. Mà như vậy quyền-lực sẽ thoát khỏi tay bà. Thực ra nguyên-nhân còn sâu xa hơn. Trần-Phi đã được tôn là đệ nhất giai-nhân thời đó. Sắc đã được mô tả là, trầm ngư lạc nạn. Nghi-dung thì bệ nguyệt tu hoa (hoa nhường trăng thẹn). Còn cái tính thông-minh, cái tài hoạt-bát thì không bút mực nào tả xiết. Nên nhà vua đã hết sức thương yêu, say đắm, ruộng bỏ luôn bà Hậu đã bị ép buộc thành-hôn, chẳng có một chút ái-ân, tình-nghĩa nào cả. Tây Thái-Hậu vẫn tưởng rằng, khi đứng chủ hôn gả cháu ruột mình cho Hoàng-Đế, có thể dùng Hoàng-Hậu để cầm chân vua Quang-Tự, không ngờ lại còn phải bức mình vì cứ phải nghe hoài lời khốc lóc hờn ghen. Nên đã nổi cơn tức ra ý-chỉ để Chánh-cung mượn gia-pháp đánh Trần-Phi đến chết đi sống lại, rồi đày luôn vào lãnh-cung, cho mãi đến lễ vạ-thọ sáu mươi của Thái-Hậu, vua Quang-Tự mới thừa dịp xin Từ-Hi gia ân đại xá. Nhưng đến lúc Bát quốc liên quân đánh phá Đại-Cô, bức bách Bắc-Kinh, ngoại binh đã chĩa súng nổ vào thành. Tây Thái-Hậu đành phải cuống quýt nghe lời người cháu là Vinh-Lộc cùng Hoàng-Đế ngự giá ra Nhiệt-Hà lánh nạn. Vậy mà trước lúc xuất kinh, vừa thấy mặt Trần-Phi trong đám cung-tần mỹ nữ đang lao-xao chung-quanh, chợt nhỏ chuyện xưa, thấy chuyện nay còn tệ hại nguy khốn hơn chuyện thất trận năm Giáp Ngọ nhiều, bà bỗng sinh lòng ghét cay ghét đắng, vì nghĩ thế nào nàng cũng chê cười mỉa mai bà, đã quá nghe theo cựu đảng phá hỏng đại sự quốc-gia, gây ra tình-trạng bi-thảm trước mắt. Nhân loạn lạc, muốn nhổ ngay cây gai xoắn-xang lâu nay, bà bèn mượn cớ vào lúc giặc-giã kẻ xuân sắc tuổi trẻ chạy nạn có điều bất tiện, mà ở lại kinh sợ chúng sẽ làm ô-nhục tiết-trinh của một bậc quý phi, nên Tây Thái-Hậu đã quát sai nội giám cho Trần-Phi chết được toàn thân. Thế là hai tên thái-giám chạy đi lấy một chiếc chăn rộng, chụp lấy Trần-Phi, bó chặt lại, rồi khiêng tới một cái giếng sâu trong vườn ném ngay xuống.

Người sau thương hoa tiếc ngọc đề thơ giải tỏ nỗi đau lòng cho cảnh ngộ của Trần-Phi:

"...Tịch nhật đề thi tùy thủy khứ.

Điếu bằng uyển tinh âm hồn tiêu.

Châu hồng đại bích kim hà tại ?

Nguyệt mạo hoa dung vô xử miếu".

Dịch:

"... Ngày trước đề thơ theo nước chảy,

Bây giờ nhớ giếng để hồn tiêu.

Phấn son xanh đỏ nay đâu nhỉ?

Sắc nước hương trời để mốc meo!"

Ngoài ra còn những tòa nhà nhỏ hơn, những dãy nhà thấp hơn, làm nơi trú-ngụ cho các thái-giám, tài nhân, cung nữ hầu hạ trong cung. Bên phía Đông cũng xây hàng hàng lớp lớp những cung-điện, phòng sờ, mà phần lớn dành làm nơi trú-ngụ, học tập, sinh-hoạt cho các vị A-Kha (Hoàng-Tử) như Mậu-Cần-Điện, Đông-Noãn-Điện, Đại-Khung-Điện, Trung-Chính-Điện, Nam-Huân-Điện, Chiêu-Nhân-Điện, Tú-Đức-Điện, Thừa-Kiến-Cung, Đức-Khôn-Cung, Vinh-Hòa-Cung, Khái-Tường Cung, Hàm-Phúc-Cung, Diên-Hi-Cung, Dục-Khánh-Cung, mà muốn vào các khu này, phải qua các cửa Quang Tả Môn, Nhật-Tinh-Môn, Cảnh-Hoà-Môn, Long-Phúc-Môn... Thủ đến các Phiên-Thư-Phòng, Kinh-Sư-Phòng và Triệu-Trường-Sở cùng Ngộ-Hi-Sở. Nhìn chung quả đúng là cung vàng điện ngọc, đỉnh các san-sát, lâu đài rực-rỡ, nào miếu-tạ, hồ núi, nào nghi-môn, ngự-uyển, không thể tả xiết toàn cảnh phú-quý, hoa-lệ.

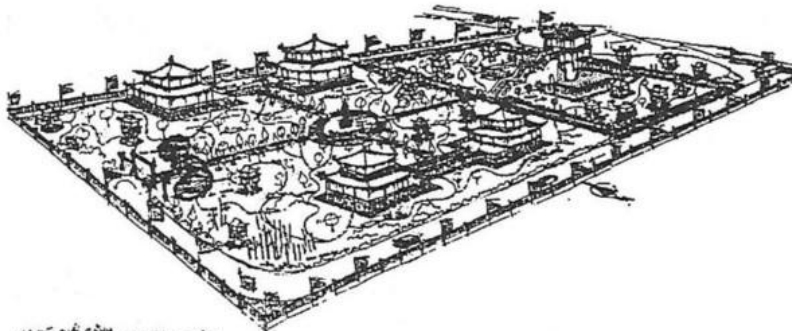
Tổng-cộng đếm được 9.999 phòng, giữ đúng con số cữu-cửu do các nhà phong-thủy đã áp-dụng biến số từ Hà-đồ, hoặc khởi tinh từ con số 9 ứng với quẻ Kiền, chỉ ngôi vua, Hoàng-Đế. Và lại theo quan-niệm cổ truyền của người Trung-Hoa vẫn tin rằng Hoàng Đế là Thiên-Tử, mà Thiên-Cung của Ngọc-Hoàng Thượng-Đế trên chín tầng trời gồm đủ vạn phòng (10.000). Vậy con trời đường-nhiên đã nhường cha, xây cung-điện bớt đi một phòng cho phải phép. Thiên-hạ cũng từng nhầm tính, một người sinh ra tại Cố cung, nếu mỗi đêm được vào ngủ trong một gian phòng thì phải tới năm 27 tuổi, người đó mới ngủ giáp hết các phòng trong toà cung điện mệnh-mông này.

Theo nhà nghiên-cửu Đoàn-Văn-Thông, di tích cổ xưa này trên miền đất Phong thuộc con cháu vua Nghiêu, trải qua gần 800 năm lịch-sử, vẫn còn vững bền là nhờ vùng đất xây-dựng kinh thành phát-vượng về phong-thủy. Nếu tính từ ngày Kinh-đô của nước Yên được tạo dựng trước Tây lịch 1057 năm cho đến ngày nay, thì Bắc Kinh vẫn còn là nơi mà các nhà Phong-thủy Trung-Hoa coi là Địa-linh. Chính Mao-Chủ-Tịch vĩ-đại của nước Cộng-sản Trung-Quốc cũng rất tin vào thuyết âm-dương ngũ hành trong kinh Dịch. Do đó trong những lần tu sửa lại các cung-điện ở Tử-Cấm Thành, như các điện Thái-Hòa, Trung-Hòa và Bảo-Hòa hay các cổng Thiên-An-Môn, Đoan-Môn... tại Bắc-Kinh, ông ta đều hỏi ý-kiến các nhà phong-thủy nổi tiếng trong nước, vì sợ khi sửa sang có thể làm lệch-lạc các đặc điểm về phong thủy. Mặc dầu vậy, nhiều tin đồn trong dân-gian cho biết, lợi-dụng vào các lúc trùng-tu Tử-Cấm-Thành và nhứt là các cổng, một số nhà phong thủy chống lại chế-độ Cộng-Sản Trung-Quốc đã ngầm trấn-yểm hoặc tạo một vài lệch-lạc về góc độ cũng như biểu-tượng ở Tử-Cấm-Thành và đặc-biệt đã trấn-yểm một góc nhìn ra quảng-trường Thiên-An-Môn. Cho nên mới xảy ra vụ nổi dậy của hàng vạn thanh-niên sinh-viên học sinh tụ tập tại quảng-trường Trời cho Bình-An này vào năm 1989 đòi Tự-Do, Dân-Chủ. Tuy nhiên cuộc nổi dậy này đã bị dập tắt. Các nhà phong-thủy cho rằng, do hạn chế về phương-thức trấn-yểm cũng như nguyên-lý về chữ Thời trong Kinh Dịch, nên chỉ đạt được một phần kết quả. Vì ngoài ảnh-hưởng của phong-thủy, còn có ảnh-hưởng của "thời điểm". Vậy tính từ ngày thành Kê, quốc-đô của nước Yên, ra đời trước Tây-lịch 1057 năm cho tới nay thì thành Bắc Kinh đã có 3050 năm lịch-sử. Ở đây các nhà phong-thủy đã liên-kết nguyên-lý Âm-Dương của Kinh Dịch và địa-lý để sắp xếp, định-vị các cửa. Vua thường ngự trên ngai, hướng mặt về phương Nam, nên Ngọ-Môn hướng về Nam. Huyền-Vũ-Môn là tên cổng lớn quay về hướng Bắc... Vì Bắc thuộc quẻ Khảm (Thủy) tức là nước, là mưa. Quẻ Khảm thuộc màu đen, nên mới có tên Huyền-Vũ.

Về phong-thủy luôn-luôn phải lưu-ý đến nước và gió, thành-thử các thầy địa-lý đã chọn vùng đất này, nơi có đủ đồi, sông, suối, địa-thể rồng cuốn, hổ phục vô cùng lý-tưởng cho sự vững chắc trường-tồn. Nhưng tại Tử-Cấm Thành lại không có sông ngòi tự-nhiên, nên hàng vạn dân quân Trung-Hoa thời đó đã dầm mưa dãi nắng đào sông bao quanh. Tường thành vĩ-đại cao 10 thước xây thành hình vuông bao quanh, trấn 4 góc với các lầu gác tượng-trưng cho Tứ tượng. Cố cung được bố-trí hợp với phong-thủy nhờ bố-cục rất đặc-biệt. Quảng-trường rộng lớn hình vuông sau Ngọ Môn với sông Kim-Thủy uốn lượn quanh giúp tụ thêm sinh khí cho chốn Cố cung. Bốn cửa Hoàng-thành cũng tạo nên tứ tượng là Ngọ Môn, Thần-Vũ-Môn, Đông Hoa Môn và Tây Hoa Môn. Còn ngũ hành được thể-hiện qua năm chiếc cầu bằng đá bạch ngọc, bắc qua sông Kim Thủy, một con sông mang lại nhiều thuận lợi (Kim Sinh Thủy). Sự thuận-lợi ấy dẫn đến sự Thái-Hòa, nên phía bắc sau cầu Kim Thủy là một cổng lớn tòa mái ra che biển đề Thái-Hòa-Môn. Nơi đây lại gặp con số 99 qua 18 điện nhỏ phân ra mỗi bên 9 điện. Các thầy phong thủy đều công-nhận cuộc đất này rất tốt, ứng về "Kim Điền Tụ Long". ●

THIỆT LẬP DI ĐÀ TỊNH ĐỘ NƠI THÁNH ĐỊA ĐẠO TRÀNG

■ Thích Hạnh Nguyên & Thích Hạnh Tấn



Đồ án kiến trúc của Di Đà Tịnh Độ Nơi Thánh Địa Đạo Trang

Cho đến khi tôi viết bài này là gần giữa tháng 5, nghĩa là một tháng rưỡi đã trôi qua và hai tháng rưỡi còn lại là phải tính cho xong sổ tiền với chủ đất. Lòng đòi khi thấy không an và muốn đi ra nước ngoài để trực tiếp vận động kêu gọi, nhưng lại bận bịu với các chương trình thời khóa tu học trong tu viện nên không dám dờ ngàng. Lại thiết nghĩ việc tu học là việc chính yếu của người xuất gia, việc vận động kiến lập chùa viện là việc phụ. Bỏ chính theo phụ quả là điều không đúng nghĩa nên đành để tùy duyên có sự đến đâu thì hay. Tuy nhiên nếu việc khó thành trong giai đoạn đầu mua đất mà thành, thì pháp sự lớn lao hơn trong việc kiến tạo và hình thành Trung Tâm Tu Học tất sẽ được viên mãn. Tất cả các pháp đều là Phật pháp và chúng tôi thiết nghĩ nếu pháp sự này không tròn, chắc là duyên chúng tôi không có với nhiều người nên có lẽ khi cảm thấy đủ hành trang lên đường sau thời gian tu học ở tu viện, sẽ tìm nơi ẩn thân chuyên tu thay vì lại bốn ba khắp nơi kêu gọi quyên góp để xây dựng chùa chiền.

Bài trước chúng tôi đã trình bày sơ qua về việc hình thành một Trung Tâm Tu Học tại Bồ Đề Đạo Trang. Nay tôi xin được trình bày cụ thể hơn về một dự án mà trong đó có nhiều người đang muốn biết. Bất cứ một dự án nào cũng cần phải có mục đích và hướng đi rõ rệt của nó để trước làm sáng tỏ công việc, sau tạo nên nhịp cầu cảm thông và vun trồng công đức đến những ai có đạo tâm và khát cầu sự tu học Phật pháp, mong được giải thoát giác ngộ.

Chúng tôi thuộc hàng hậu bối, trên nương theo gương hạnh của các bậc Thầy Tổ mà bước, dưới một lòng nguyện ở đất Phật; trước chuyên cần tu niệm cầu tìm sự giác ngộ, sau gắng vun bồi công đức và tìm cách chia sẻ sự tu học của mình cho người. Ngưỡng nguyện rằng chút phát tâm thanh

tịnh này, ý muốn mang lợi lạc cho người và các loài sẽ là điều thành tựu trước nhất trong sự thành tựu tu tập tiến đến giải thoát.

Thông thường sự tu tập của một người tùy thuộc rất nhiều vào duyên lành của người ấy và những điều kiện, môi trường tu học bên ngoài. Là người tu học sơ cơ các điều kiện tối thiểu và cần bản cần có là nương gần thầy bạn lành để học hiểu pháp Phật, tự kèm chế đối trước các ngoại cảnh và có tinh thần khắc kỷ trong thời khóa tu tập. Trong sự hiểu biết như vậy, với chúng tôi không có một nơi nào trên thế giới này tốt hơn cho bằng Ấn Độ nói chung và Bồ Đề Đạo Trang nói riêng, một nơi vốn là Thánh Địa, là vùng đất trong sạch trường dưỡng những mầm non tịnh tu cầu giải thoát. Nơi đây cũng thuần thanh tịnh vì sự thành tựu các hạnh lành của những bậc Thánh trong quá khứ và hiện tại. Bên ngoài đời sống vật chất và nhiễu nhương của thế gian cũng không có để làm động tâm người muốn chuyên tâm tu niệm cầu giải thoát. Qua sự thấy hiểu và cảm nhận trên, ước nguyện duy nhất của chúng tôi nói riêng và những ai có đạo tâm cầu tu học giải thoát nói chung là làm sao tạo được một môi trường lý tưởng trong việc hành trì tu niệm. Môi trường lý tưởng ấy là gì, theo chúng tôi thì môi trường ấy cần phải có đủ 4 yếu tố như sau: 1) Địa thế. 2) Cảnh quang. 3) Tự thân. 4) Các bậc thầy.

Việc chúng tôi khởi niệm cho việc thiết lập một Trung Tâm Tu Học và nhập thất tại Bồ Đề Đạo Trang không nằm ngoài mục đích ấy. Nghĩa là nơi đây có đầy đủ 4 yếu tố ấy mà khó các nơi nào khác có được. Như chúng tôi đã biết Bồ Đề Đạo Trang vốn đã là tịnh độ, là vùng đất trong sạch thanh tịnh đối với người con Phật ở khắp mọi nơi và từ các truyền thống. Đối với người chưa hiểu đạo hoặc những kẻ ở bên ngoài đạo thì Bồ Đề Đạo Trang không hơn kém là một làng nhỏ trong vùng quê nghèo nàn ở Ấn

Độ, nhưng với người có niềm tin, với hàng con Phật thì nơi đây không có gì quý báu và thiêng liêng nào trên đời này có thể so sánh được. Đây là Thánh Địa, là nơi ra đời của nhiều Đức Phật trong quá khứ và lần ở vị lai. Đây là nơi tập trung và phát sinh trí tuệ của những bậc giác ngộ và chư vị hiền thánh trong quá khứ, hiện tại. Thế nên đến nơi này chiêm bái hoặc tu tập thì không có sự lợi lạc nào có thể tính đếm được. Do đó mà bản thân chúng tôi thường dành ít nhiều thời gian mỗi năm để về đây chiêm bái tu tập, còn với những người Phật tử khi đã có một lần đến chiêm bái đạo tràng rồi, ai cũng cảm nhận được ít nhiều năng lực thiêng liêng, chuyển hóa ấy và phần lớn những đổi thay quan trọng trong cuộc đời của họ thường là những điểm mốc tâm linh xảy ra nơi đây. Thế nên trên tất cả, việc hình thành một trung tâm nhằm đặc vấn đề chuyên tu nơi thánh địa đạo tràng quả là điều thiết yếu và cần có. Sự chú tâm tu niệm một năm trong môi trường lý tưởng ở thánh địa có tác dụng còn hơn mười năm tu tập thông thường hàng ngày. Vì sao, vì nhờ năng lực giác ngộ chuyển hóa của chư Phật và các bậc hiền thánh tại nơi thánh địa, vì nhờ tâm chí thành của người muốn tu và học đạo nên đã rời xa hết tất cả những duyên ràng buộc nơi xử sở mình sống để sang đây tu học, và đặt trọn niềm tin và sự hành trì hàng ngày; và cũng vì nơi đây cảnh quang thanh tịnh, u nhã với chung quanh có nhiều bậc thầy đạo hạnh diu dắt hướng dẫn tu hành.

Như chúng tôi đã lược trình bày trong bài trước, việc xây dựng một Trung Tâm Tu Học nơi Thánh Địa nằm ngoài khả năng của chúng tôi và chính tôi cũng đã ước tính cho sự việc này. Thành công, thất bại và sự buồn vui theo đó thường do vì người ta đã ôm mộng và đặt trọn niềm tin vào việc ấy, nhưng nếu chúng ta ước lượng và dự bị trước cho việc thiếu duyên thì có lẽ tâm ta sẽ an hơn, trí ta sẽ nhẹ nhàng thành thoi hơn để tập chú cho những công việc quan trọng và ý nghĩa hơn trong đời, là giải thoát giác ngộ khỏi cuộc sống trầm luân nhiều khổ đau quanh luân hồi này.

Với tâm niệm như vậy, chúng tôi sẽ tùy thuận duyên mà làm theo tất cả khả năng có thể. Khả năng ấy là gì nơi một người tu? Trước là sự tu học với tâm tâm niệm niệm cầu giải thoát giác ngộ, sau là ý hướng dẫn mình thực hiện dự án và phục vụ. Những khả năng khác về sau này khi hoàn thành việc xây dựng trung tâm như, chế lập thời khóa tu học, nhập thất cho mình, cung thỉnh các bậc giảng sư, đạo sư về trung tâm để chuyên giảng dạy và hướng dẫn các thời khóa tu niệm, nhập thất cho mọi người là điều chúng tôi nghĩ đến và có thể thực hiện được. Đó là dự hướng và mục tiêu sau này. Nay xin trình bày rõ ràng hơn về dự án mang tính hoài vọng thiết lập một Di Đà Tịnh Độ nơi Thánh Địa Đạo Trang.

Sau một thời gian suy nghĩ, chúng tôi chọn tên:

Viên Giác-Buddhist Retreat Center at Bodhgaya

Viên Giác là sự giác ngộ tròn đầy, ở đây có thể hiểu là sự giác ngộ của chư Phật hay là một trạng thái giác ngộ mà trong đó cần phải có đầy đủ sự thành tựu của cả hai mặt phước và trí một cách viên mãn. Tên đó thật hay và cũng là tên ngôi chùa của Thầy chúng tôi tại Hannover, Tây Đức. Để đáp lại thâm ân từ Thầy Tổ, người đã từng cứu mạng dạy dỗ chúng tôi, và cũng để nói lên trạng thái giác ngộ tròn đầy về cả hai mặt phước trí, mà mỗi người tu học chúng ta thường phải hằng cầu, tôi chọn tên này cho Trung Tâm nhập thất (Viên Giác-Buddhist Retreat Center at Bodhgaya) tại thánh địa đạo tràng .

Thánh địa đất Phật nếu chỉ là nơi gây duyên lành cho người Phật tử không thôi thì có lẽ chưa đủ, nó còn phải là nơi vun trồng và trưởng dưỡng các hạt mầm giác ngộ trong chính chúng ta, để giáo lý giác ngộ, hình ảnh giác ngộ và tâm thức giác ngộ của chúng ta cùng hòa nhịp, để có thể đơm hoa kết trái trong hiện đời và những kiếp sống kế tiếp ở tương lai. Được như vậy thì mạng sống thân người này đây của chúng ta mới có giá trị, những duyên lành trong đời mà chúng ta đã từng gây tạo sẽ thật sự có ý nghĩa và khi ra đi vào lúc cuối cuộc đời, ta mới có thể làm chủ sự ra đi của mình trong mãn nguyện và nụ cười trên môi.

Trong tâm cảm trên, việc phác họa cho sự hình thành một trung tâm thuần túy về học Phật và chuyên tu tại thánh địa được ra đời. Đây là ước nguyện của chúng tôi và có thể cũng là ước nguyện chung của những ai muốn chuyên tâm dẫn mình vào cuộc sống tâm linh, cần cầu tu tập và mong được giải thoát khỏi cảnh luân hồi ngay trong đời sống này.

Là những người được xuất gia tu học từ Âu Châu, rồi thời gian qua, bôn ba và trải nhiều kinh nghiệm tu học cũng có, việc đạo việc đời cũng có lúc thấm mình, nhưng hơn bao giờ hết và sánh với bất cứ nơi đâu, chúng tôi vẫn luôn luôn cảm nhận rằng đất Phật này mới là nơi làm cho chúng tôi này mầm hạt giống Phật đạo, tăng trưởng lòng tin và tạo thêm ý chí nơi mình trong sự tu hành. Đáp lại thâm ân ấy của đất Phật và cũng mong có sự lợi lạc ấy cho người như mình, việc phác họa thành lập một trung tâm tu tập tại thánh địa không chỉ đơn thuần là việc xây dựng mang tính phổ thông, hay lấy đó làm điều vinh hạnh, làm biểu tượng đẹp cho Phật Giáo Việt Nam. Hơn hết nó mang một ý nghĩa của sự khước từ và dẫn mình cho những ai muốn cần tu, cầu sự giải thoát trong hiện đời. Khước từ đời sống vật chất, bỏn chen nhiều những một cách vô nghĩa bên ngoài thế sự và dẫn mình hoàn toàn vào việc tu tập với một tâm nguyện duy nhất là cầu thoát ly luân hồi. Nếu chưa thoát ly được ừ, trong một môi trường tu học lý tưởng nơi thánh địa, kẻ

thành tâm tu niệm cũng có thể trở thành những bậc pháp khí hiện đời trong Phật pháp hoặc vãng sanh về những cảnh giới an lành khi nhắm mắt ra đi. Do đó mọi sự đóng góp ý kiến và xây dựng để pháp sự mang tính thiêng liêng này được thành tựu một cách viên mãn là điều mà chúng tôi chấp tay cầu nguyện và trông chờ.

Sau đây là một số phác họa có tính cách giai đoạn của chúng tôi liên quan đến 2 mặt. Giai đoạn 1. Về mặt kiến trúc và mỹ thuật. Giai đoạn 2 (khi giai đoạn 1 đã đi vào ổn định), chương trình học tu cho mình và những người có phát tâm tướng tụ.

1. Về mặt kiến trúc và mỹ thuật

Là những người ưa thích các lối kiến trúc và mỹ thuật cổ Phật giáo, chúng tôi hay đi nhiều nơi ở Á Châu để tìm hiểu và thích nghiên cứu về ngành này. Tuy nhiên trong tâm chưa từng bao giờ nghĩ rằng mình sẽ đứng ra gánh vác xây dựng một dự án như sắp tới đây. Với chúng tôi việc học hỏi và nghiên cứu thêm về các kiến trúc và mỹ thuật Phật giáo cổ ở Ấn Độ, Nhật Bản, Triều Tiên, Trung Hoa, là điều cần thiết để có thể bổ sung cho những điểm khiếm khuyết của nền kiến trúc và mỹ thuật cổ của Phật Giáo Việt Nam. Nhìn chung các kiến trúc chùa chiền và lối trang trí mỹ thuật ở Á Đông mang màu sắc nhẹ nhàng, ẩn tính thiền vị, phong quang trang nhã, tạo cho người bước vào có một cảm giác lâng lâng thoát tục. Đây là những gì tinh túy nhất ở trong các cảnh thiền môn, chùa viện mà chúng tôi thiết nghĩ cần phải có mặt nơi dự án tương lai của chúng ta.

Trung thực mà nói các kiến trúc và mỹ thuật Phật giáo cổ xưa của Việt nam chúng ta không thể đem so với lối kiến trúc và mỹ thuật Phật giáo của Nhật Bản, Triều Tiên và Trung Hoa. Do đó một phác họa trong chiều hướng kết hợp, dung hòa hay tùy nghi cần phải được chấp nhận và thực hiện. Tuy nhiên phần chính mang sắc thái đặc thù của Phật Giáo Việt Nam là ngôi Chùa Một Cột, vẫn được xem là cần thiết thực hiện trong mô hình chánh điện với kích thước khá lớn và tọa lạc ngay chính giữa trung tâm. Những khách xá, hành lang, vườn thiền, cây cảnh, và sự trang trí có thể tùy duyên mà trình bày theo một hình thái nhẹ nhàng và thiền vị nhất.

Một khu đất rộng khoảng 10.000 thước vuông tuy không được lớn lắm nhưng theo ý chúng tôi vẫn phải được chia làm hai phần. Phần bên ngoài xem là ngoại viên, khu vực du khách, người hành hương có thể đến tham quan và chiêm bái; bên trong là nội viên, nơi chỉ có những người chuyên học và tu thường trú tại đó là được phép ra vào. Nơi đây cảnh phong cảnh phải tươi mát, nhẹ nhàng với một tượng Phật Di Đà cao 5 thước ngay giữa nội viên, các hòn non bộ, thú viện, vườn thiền, cây cảnh, hoa quả và những khu thiền thất, tạo một không khí

tịch tịnh, an lạc cho những người muốn chuyên tu. Ngoại viên với đại điện là.Chùa Một Cột, vài dãy khách xá, cây cảnh v.v... là nơi có thể thực hiện với các kiến trúc cổ, đặc thù, nghệ thuật mang đầy đủ những nét đẹp của Phật Giáo, cũng như phải tiện nghi và sạch sẽ để khách hành hương năm châu, bốn bể đổ về có thể chiêm ngưỡng được những gì được xem là tinh hoa của Phật Giáo Việt Nam.

Một số các kế hoạch khác được dự trù như tìm một số các chuyên viên ở nước ngoài lẫn trong nước giỏi về ngành kiến trúc, mỹ thuật, nghệ thuật, xây dựng, điện, nước, am hiểu về đất đai, cây trái v.v... đến Ấn Độ để nghiên cứu và tiếp tay cho công trình này. Trong thời gian qua chúng tôi đã chứng kiến và kinh nghiệm một số công trình xây cất của các thợ người Ấn, các vật liệu xây dựng và thiết trí nội thất căn bản ở Ấn nói chung, đều rất tầm tạm. Các thợ Ấn Độ không làm việc khéo léo, nhất là tại các vùng quê vì phần lớn việc làm của họ do tử học qua kinh nghiệm. Thế nên đòi hỏi mức độ khéo léo và tinh xảo nơi các thợ người Ấn dường như rất khó. Kế tiếp các vật liệu xây dựng và trang trí nội thất ở xứ này cũng vậy, toàn là nội hóa, chất lượng thấp kém không bền lâu. do đó theo như dự án của tượng Đại Phật bên cạnh, toàn bộ công trình này sẽ được giao cho công ty CPM ở Singapore, một trong những công ty xây dựng hàng đầu trên thế giới đã có thành tích xây trên 40 khách sạn lớn ở nhiều quốc gia tiên tiến trong vùng kể cả khách sạn Marina Square 2.100 phòng ở Singapore, khách sạn Hyatt ở Bali. Tất cả các chuyên viên giỏi ở khắp nơi được mời về tiếp tay trong dự án và vật liệu xây dựng phần lớn đều được nhập từ các nước ngoài để thực thi công trình này. Thế nên một trung tâm của chúng ta muốn được hoàn thành một cách mỹ mãn, có lẽ cũng cần đến sự tiếp tay của nhiều chuyên viên giỏi các ngành từ mọi nơi hoặc nghĩ đến một số vật liệu ngoài nhập.

Theo như mấy năm vừa qua có khoảng 300.000 người mỗi năm từ khắp nơi trên thế giới quay về Bồ Đề Đạo Tràng để chiêm bái, tu tập gieo duyên giác ngộ (trong đó người Ấn Độ giáo không phải là không có nhiều). Tương lai sẽ ra sao khi công trình Phật giáo tượng Đại Phật Di Lạc vĩ đại cạnh bên được thành hình. Người ta ước tính rằng khu vực chung quanh tượng Đại Phật và tháp Đại Giác tại Đạo Tràng sẽ trở thành một trong những tâm điểm du lịch trên thế giới trong thế kỷ tới. Dù vị trí của Trung Tâm Tu Học Việt Nam không nằm sát bên tháp Đại Giác, nhưng được dịp may nằm sát bên một công trình Phật giáo tượng Đại Phật thì đây cũng là một nhân duyên hy hữu lắm rồi. Dù chúng ta không có một chi phí khổng lồ hàng trăm triệu Mỹ kim để xây dựng một công trình vĩ đại, dù cho sự đóng góp có khiêm tốn của người Phật Tử Việt nam đến đâu, thì chúng tôi với sự phát tâm và nỗ lực sẵn có cũng tin rằng một trung

tâm mang đầy đủ về đẹp và niềm si diện của người Phật Tử Việt Nam sẽ được sớm hình thành.

2. Chương trình tu học

Trên hết tất cả, việc tu học một khi Trung Tâm này thành hình là điều thiết yếu hơn cả. Đặt nặng vấn đề tu học và nhập thất trong Trung Tâm này nói lên sự lợi ích thiết thực và tầm quan trọng của việc xây dựng một trung tâm nơi thánh địa đạo tràng. Ngoài vấn đề này ra, việc xây dựng một dự án gì cho người Việt hoặc cho Phật Giáo Việt Nam cũng chỉ mang tính biểu tượng, danh dự, không mấy có lợi ích thiết thực. Lợi ích và công đức của Phật tử cúng dường phải được thấy qua sự tu học lợi mình và người, phải được thấy qua sự chuyển hóa và thay đổi của những người muốn tu và được duyên trợ tu qua các ngôi chùa chiền, trung tâm tu học mà người thí chủ đã phát tâm đóng góp. Mọi người phải thừa nhận và thấy rằng không có sự cúng dường đáng kể và đóng góp nhiều mặt của Phật tử khắp năm châu thì nơi ấy sẽ không hình thành ra gì, sẽ không mang đến một lợi lạc nào cho họ và cho cả những người muốn chuyên tu, cần tu trong một môi trường đáng tu học. Thế nên trong Phật giáo, việc ủng hộ cúng dường cho một người muốn tu và thành tâm tu niệm có công đức ngàn lần hơn xây một ngôi chùa to lớn mà chỉ dừng vào việc lễ bái và nguyện cầu. Vì sao, với một người thành tâm tu niệm, người ấy có thể giải thoát và giác ngộ, rồi độ vô số lượng chúng sanh thoát khỏi khổ đau, đến nơi giải thoát. Còn một cảnh chùa to lớn dù với chi phí to lớn từ người thí chủ phát tâm cùng dường, nhưng nếu nơi ấy chỉ dành cho việc thường ngoạn hoặc lễ bái cầu nguyện suông, thì người tín cúng chỉ tạo ra được phúc bố thí hữu lậu mà thôi.

Các bậc thầy đạo hạnh như Ngài Lama Yeshe và Lama Zopa Rinpoche đã thấy rõ điều này, nên dự án Di Lạc Đại Phật gần bên dù mang đầy đủ tính chất hấp dẫn mang màu sắc thu hút người người đến xem qua công trình xây dựng vĩ đại này, các Ngài cũng không quên đặt ra chương trình tu học thật đặc biệt tương ứng với tâm cô du lịch của dự án. Đó cũng là một cách gây nhân duyên cho hàng tín cúng với đức Phật Di Lạc tướng lai. Lời nguyện của đức Phật Di Lạc là: *nếu có những chúng sanh nào chưa được giải thoát giác ngộ trong thời đức Thích Ca Mâu Ni, mà có duyên với Ngài thì sẽ được Ngài độ cho giải thoát giác ngộ khi Ngài giảng trần*. Sau nữa nói dự án này, các thời khóa giảng dạy, tu học nhập thất cũng được các bậc thầy chú ý và đặt trọng tâm cho những người muốn đến nơi này để cầu tu và học đạo. Qua các yếu tố trên, cõi Đâu Suất Tịnh Độ có đâu xa, chỉ ngay nơi đạo tràng này một khi công trình vĩ đại của các vị Lama Tây Tạng được thực hiện xong. Ai là người cầu vãng sanh về

Đâu Suất Tịnh Độ của Phật Di Lạc thì không thể không gieo duyên và tìm đến tu nơi này.

Riêng về truyền thống Phật Giáo Việt Nam, pháp môn tịnh độ đã được phổ biến rộng rãi trong suốt nhiều thế kỷ cận đại. Pháp môn ấy dễ tu và ứng hợp với căn cơ các chúng sanh đời ác trước này. Trong thời gian tu học đã qua nhiều bậc thầy khác nhau, -Việt Nam và các bậc thầy Tây Tạng, chúng tôi cũng có cùng một cảm nhận như trên và nguyện chuyên tâm tu niệm về pháp môn này. Trong truyền thống Phật Giáo Tây Tạng, pháp môn tịnh độ cũng được các bậc thầy của tông Nyingma và Kagyupa tu tập rộng rãi. Còn tông Gelugpa mà chúng tôi đang nương theo thì giới về luận học và pháp môn tiệm giáo (Lamrim), một phương pháp hướng tu có thủ bậc từ các pháp căn bản nhất đến các pháp cao sâu để đi đến giải thoát giác ngộ. Như vậy nương theo bản hoài của chư Phật Tổ và chư liệt vị Tổ sư trong truyền thống Phật Giáo Việt Nam, việc thiết lập Trung Tâm Tu Học tại thánh địa đạo tràng chuyên tu theo pháp môn tịnh độ là điều khế hợp.

Khi định hướng thiết lập Trung Tâm Tu Học tại đạo tràng chuyên tu về pháp môn tịnh độ, chúng tôi còn nghĩ đến việc nghiên cứu sâu xa hơn về tông giáo tịnh độ và cung thỉnh các bậc đạo sư chuyên tu về pháp môn này đến giảng dạy và hướng tu cho Phật tử một khi trung tâm hình thành. Ngoài ra để trang nghiêm cho sự tu hành theo pháp môn tịnh độ, công trình xây dựng trung tâm sẽ được tính toán và thiết kế kỹ tối đa nơi này có thể biến thành một cõi Di Đà tịnh độ nho nhỏ nơi thánh địa đạo tràng. Được vậy thì bản hoài của chúng tôi cũng như người Phật tử hiện tiền cũng an tâm và phấn khởi đến đây tu niệm, cầu vãng sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.

Như vậy với khả năng và sự cố gắng tột cùng của chúng tôi trong tu niệm và tạo duyên lành cho người người, việc phát tâm, tu niệm và nỗ lực của người Phật tử muốn tu và cầu vãng sanh tịnh độ là nơi phần của quý vị. Mong lắm thay chúng ta sẽ đồng là bạn đạo cùng nhau tu tập và vãng sanh về thế giới Cực lạc của đức Phật A Di Đà.

Thông báo phần tài chánh

Hôm qua (15.5) khi điện về Thầy tôi, Thầy có cho biết rằng đã nhận nhiều thư từ gửi đến cúng dường cũng như có vài người phản đối. Cho đến khi các Phật tử ở Âu Châu đọc báo biết tin rồi cúng dường, cũng như qua sự vận động của một số Phật tử ở Mỹ và Canada, thời gian tính đến nay độ một tháng và số tiền được gửi cúng dường là khoảng 30.000 US\$ và 15.000 US\$ cho mượn hội thiện, còn số tiền mà người Phật tử có thể ủng hộ cho mượn vẫn chưa biết rõ bao nhiêu. Như vậy nhìn chung thì đây quả thật là một sự khích lệ lớn lao. Tuy nhiên chúng tôi cũng mong quý vị phổ biến rộng rãi hơn tin này đến mọi người và tiếp tục hỗ

trợ thêm để giai đoạn mua đất này được thành tựu.

Chúng tôi dự định là vào tuần đầu tiên của tháng 7, sẽ chính thức liên lạc các nơi một lần nữa để tổng kết sau cùng phần tài chánh nhận được từ sự cúng dường hoặc cho mượn của tất cả Phật tử. Nếu được khoảng hai phần ba số tiền 110.000 US\$ trở lên, chúng tôi theo đó sẽ không để phụ lòng tin của một số quý vị Phật tử đã hy cúng, cố gắng hơn nữa bằng mọi cách để hoàn tất khoản tiền đất đúng thời hạn. Như chỉ nhận được phân nửa hoặc ít hơn, chúng tôi sẽ hoàn lại tất cả số tiền đến quý vị Phật tử và chấp nhận sự bất lực của mình qua thông báo hủy bỏ dự án.

Như vậy mọi việc sẽ phân minh và đúng như cách thức làm việc trong thời gian qua của Thầy bốn sư chúng tôi và chính chúng tôi, là lấy chữ tín và sự trong sáng làm đầu. Sau cùng cho đến khi quý vị đọc được bài viết này thì thời gian còn lại để thanh toán số tiền đất có lẽ chỉ độ khoảng một tháng. Những vị nào chưa phát tâm và tùy hy, một lần nữa kính mong quý vị hỗ trợ cho công việc Phật sự chung này. Những vị nào đã phát tâm xin giúp phổ biến rộng rãi hơn tin này đến bạn hữu trong vùng. Mọi sự cúng dường hoặc cho mượn hội thiện, vẫn xin liên lạc về các địa chỉ sau:

Tai Mỹ: Cô Đồng Từ

1414 Sunshine Ct.
San Jose, CA. 95122.
Tel. (408) 2959867.

Tai Canada:

Đạo hữu Huỳnh Ngọc Liên & Bùi Xuân Bách.

2175 Ave Lioned Groulx App# 2.
Montréal, Québec. H3J 1J2. Canada.
Email: bui@videotron.ca

Âu Châu: T.T. Thích Như Điển.

Chùa Viên Giác.
Karlsruher Str.6.
30519 Hannover. GERMANY.
Tel. 49-511-879630.
Fax: 49-511-8790963.
E-Mail:
pagode-vien-giac@oln.comlink.apc.org

Tai Ấn Độ: Thích Hạnh Nguyễn.

Sera Monastery. Ngari Khamtsen.
H. No. 42B.
P.O. Bylakuppe.
571104. Distt. Mysore. K.S. INDIA.
Tel/Fax: 91-8276-74652.
E-Mail: tenzin@giasb01.vsnl.net.in.

Tất cả danh sách quý vị Phật tử hy cúng để mua đất và xây dựng Trung Tâm Tu Học tại Thánh Địa Đạo Tràng sẽ được đăng chi tiết trên một thư luân lưu vào thời gian tới. Ngoài ra quý vị Phật tử nào muốn có báo xin liên lạc thẳng về chùa Viên Giác để xin nhận ●

MỘT CHUYẾN ĐI

Tên cõi đời này ai đã không một lần đau, nhẹ như cảm cúm, đau đầu, nặng như ung thư, phẫu thuật?! Thiết tưởng một căn bệnh nào, dù nặng hay nhẹ cũng gây cho người bệnh sự đớn đau về thể xác và tâm hồn không nhiều cũng ít. Chúng tôi đã đến Trại Phong Qui Hòa, nơi tập trung của những cơn đau nghiệt ngã vô cùng bởi bệnh Phong, một căn bệnh trầm kha, nan trị. Những hình ảnh ấy, những con người ấy sao cứ mãi xoắn xang trong tâm khảm chúng tôi, ghi đi tạc lại thành những dấu ấn như cơn đau nhói mãi.

Chúng tôi, Đoàn Ủy Lạc Ni Viện Diệu Quang, thành phố Nha Trang, gồm: Thầy Trần Sơn, Trưởng Đoàn, và các Ni Cô Thích Nữ Đồng Ngân, Thích Nữ Chơn Viên, Thích Nữ Viên Thanh, Thích Nữ Viên Hạnh, Thích Nữ Chơn Đức cùng một số Phật Tử ở thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định. Chúng tôi đã đến Trại Phong Qui Hòa (nơi mà Thi sĩ Hàn Mặc Tử từng điều trị khi thọ bệnh) vào một chiều trong Xuân Đinh Sửu, 14 giờ ngày 15.3.1997 (08.02 Đinh Sửu). Ban Giám Đốc Trại đã đón tiếp chúng tôi nồng hậu tại trụ sở chính của Trại. Mở đầu cuộc gặp mặt, Thầy Sơn, Trưởng Đoàn, đã thân mật thăm hỏi sức khỏe của tất cả các Bác sĩ và quý vị trong Ban Giám Đốc, giới thiệu sơ lược về Đoàn Ủy Lạc và những phần quà gửi tặng đến toàn thể bệnh nhân Trại Phong Qui Hòa là do chư Tăng Ni và Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức. Bác sĩ Tân, Giám Đốc trại Phong Qui hòa cho biết:

"Ồ đây, mỗi bệnh nhân hàng tháng được nhà nước cấp 45.000 đồng cho tất cả các sinh hoạt: Ăn mặc, thuốc men v.v..., thật là một con số khiêm tốn hết sức. Cho nên, ngoài việc thỉnh thoảng được tiếp đón các Đoàn Ủy Lạc của các tổ chức từ thiện, Ban Giám Đốc còn tìm mọi cách để tăng nguồn thu nhập, chẳng hạn: Bán vé vào cổng đối với khách tham quan du lịch, phát hành các loại tặng vật, quà lưu niệm, thơ Hàn Mặc Tử v.v... nói chung tài chánh còn nhiều khó khăn. Vì vậy, chúng tôi rất thiết tha mong mỏi những tấm lòng từ thiện hướng về bệnh nhân Trại Phong Qui Hòa, trong cũng như ngoài nước. Cuối cuộc gặp mặt, Ni Cô Thích Nữ Chơn Viên đã thay mặt đoàn viết lưu niệm vào sổ từ thiện của Trại, toàn văn như sau:

Quy Hòa, ngày 15.03.1997

"Hôm nay, Ni Chúng và Phật Tử Ni Viện Diệu Quang, Nha Trang, đến thăm và ủy lạo 600 bệnh nhân Trại Phong Qui Hòa, Qui Nhơn, Bình Định. Chúng tôi thay mặt toàn thể Tăng Ni và Phật Tử tại Đức Quốc,

xin ưu ái gửi quà tặng đến toàn thể bệnh nhân Trại Phong Qui Hòa với lời thăm hỏi sức khỏe và tất cả tấm lòng cảm thông sâu sắc nhất. Quà tặng gồm:

- Một Tivi màu 20 inches hiệu DEAWOO.

- 600 phần quà, mỗi phần gồm:

8 gói mì ăn liền

8 gói cháo ăn liền

2 khăn lau mặt

Kính chúc Ban Giám Đốc công tác tốt.

Kính chúc toàn thể bệnh nhân Trại Phong Qui Hòa điều trị bệnh chóng lành, khắc phục khó khăn trong cuộc sống và mãi hoà an lạc.

Thay mặt Ni chúng Ni Viện Diệu Quang

Thích nữ Chơn Viên

Sau đó, đoàn chúng tôi được Ban Giám Đốc hướng dẫn đến từng khu điều dưỡng để thăm bệnh và trực tiếp tặng quà cho từng bệnh nhân.

Gặp gỡ các bệnh nhân, Thầy giáo Trường đoàn phát biểu:

"Kính thưa Ban Giám Đốc,

Kính thưa tất cả bà con bệnh nhân...

Chúng tôi là những người con của đức Phật, Đấng Giáo Chủ của Đạo Phật, đạo của tình thương và sự hiểu biết. Hơn ai hết, chúng tôi luôn luôn cảm thông với những nỗi đau về thể xác và tinh thần của tất cả các bác, các cô, các anh chị em bệnh nhân. Chúng tôi xin thay mặt Phật Tử tại Đức Quốc (do Ni Sư Diệu Tâm chùa Bảo Quang gửi về 1.500 Đức Mã). Thương mến trao đến quý vị những món quà chơn tình này. Những tưởng các phần quà nhỏ mọn này sẽ đem đến cho bà con bệnh nhân một niềm vui về vật chất và tinh thần dù đó là nhỏ nhỏ..."

Cái Tivi được đặt trong một phòng thuộc khu điều dưỡng cho các bệnh nhân xem, ôi những con người tàn phế, những cánh tay, bàn chân tật nguyền, những khuôn mặt tím bầm, sần sùi... rạng rỡ vui một chiều xuân bệnh viện... Có những người tử cố vô thân, có những người lâu lắm mới được gia đình đến thăm một lần..., từ đây, cứ tối lại họ được theo dõi các thông tin, các chương trình văn hóa, thể thao v.v..., có lẽ một phần may mắn nào họ quên được những nỗi đau ghê rợn.

Những gói quà mộc mạc đơn sơ được các Ni Cô và Phật Tử tận tay trao gửi với lời thăm hỏi ân cần tha thiết, tuy nó chẳng như nàng tiên "đến hôn anh và rửa vết thương tâm" của Hàn Mặc Tử nhưng chắc chắn nó đã xoa dịu một phần nào nỗi đớn đau, dầu trong ngắn ngủi. Điều ấy đã thể hiện đậm đà trên từng khuôn mặt, ánh mắt

của bệnh nhân, tuy có người chỉ còn một nửa con mắt để nhìn, có người chỉ còn khuôn mặt và toàn thân một màu tím thẫm, lại có người chỉ còn những cánh tay co rút hoặc trụi trần không một ngón... Thấy các Ni Cô chấp tay, họ cũng chấp hai cánh tay tội tình ấy lại, cúi cúi gật gật đầu tỏ lòng cảm ơn sâu sắc, và một số bác không một cánh tay, không một bàn chân, ngồi trên bốn bánh xe lăn... cũng vậy.

Ôi, những hình ảnh thương tâm ấy, những thân người đau đớn ấy, họ phải như vậy trọn kiếp người sao!

Để rồi cuối cùng, Đoàn chúng tôi cũng từ biệt ra về, để lại đây, ở Trại Phong Qui Hòa này, những "chiếc thân gãy", co rút, mòn mỏi, đớn đau và những ánh nhìn thiện cảm.

Bằng những cái bắt tay chân tình, Bác sĩ Giám đốc tiễn đưa chúng tôi và chúng tôi cũng không quên hẹn tái ngộ nếu sau này có dịp.

Chúng tôi lên xe về thành phố Qui Nhơn và vào lại Nha Trang. Lòng hoan hỷ vì Phật sự tựu thành chỉ bằng một trong muôn phần nỗi lòng xót xa của chúng tôi, nỗi xót xa về một kiếp người đớn đau, một kiếp người mà bệnh phong làm co rút, ăn mòn dần tay chân thể xác và làm đớn đau, ghê rợn tâm hồn họ mãi không nguôi.

Chúng tôi nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo từ bi gia hộ cho hết thầy bệnh nhân Trại Phong Qui Hòa cùng hết thầy chúng sanh thân bệnh, tâm bệnh chóng tiêu trừ, vô biên an lạc.

Kính đề

Đoàn Ủy Lạc N.V.D.Q - Nha Trang.

KẾT QUẢ XỔ SỐ

tại chùa Viên Giác

ngày 16.5.1998

Độc Đắc : 0019

Hạng Nhất : 0427

Hạng Nhì : 1868

Hạng Ba : 0238

09 Lô An Ủi :

0524 - 0331 - 1828 - 0388 -

1000 - 1742 - 0128 - 0348 - 1767

Quý vị trúng giải xin liên lạc với chùa Viên Giác để nhận.



Y HỌC THƯỜNG THỨC

Lạm dụng thuốc cảm

■ Dược Sĩ BÙI KIM TÙNG

Contact là biệt dược phối hợp phenylpropanolamin với clorpheniramin.

Contact trình bày dưới dạng viên nang, bên trong có những hạt tròn bào chế đặc biệt để có tác dụng kéo dài. Mỗi viên có 75mg phenylpropanolamin và 8mg clorpheniramin, hiệu lực kéo dài 12 giờ, nên mỗi ngày chỉ cần uống thuốc hai lần. Contact thường dùng để trị cảm, sổ mũi, nghẹt mũi, hắt hơi dị ứng... Phenylpropanolamin là chất cường giao cảm gián tiếp. Dùng nhiều ngày hoặc lặp lại nhiều lần có ảnh hưởng đến độ bén nhạy của tận cùng thần kinh giao cảm và làm nhanh nhịp tim, tim co bóp mạnh hơn, huyết áp tăng. Phenylpropanolamin cũng kích thích thần kinh với tính cách tương tự như amphetamin. Cũng như ephedrin, phenylpropanolamin làm xáo trộn thị giác, bí tiểu, đại sốn... Clorpheniramin cũng có nhiều tác dụng phụ với hệ thần kinh. Việc kết hợp hai chất này hết sức khó khăn và phức tạp. Hãng sản xuất thuốc Contact đã nghiên cứu kỹ về liều thuốc và tốc độ giải phóng thuốc, nên kết quả thử nghiệm lâm sàng đã thuyết phục được Cơ quan quản trị thực-dược phẩm Mỹ (FDA). Tuy nhiên đã có một số tai nạn xảy ra nên đã có đề nghị chỉ bán thuốc này theo toa bác sĩ.

Khi dùng thuốc Contact phải lưu ý các điều sau đây:

- Không dùng liên tục quá bảy ngày.
- Không dùng thuốc lặp lại nhiều lần.
- Tránh uống rượu và cà-phê khi dùng thuốc.
- Không dùng cho người già, trẻ em, phụ nữ có thai hoặc nuôi con bú.
- Chống chỉ định với bệnh cao áp huyết, nhân áp cao, hen suyễn, bí đại, đại sốn, đại đường, u tuyến tiền liệt, buồm cổ, bệnh tim.
- Ngưng thuốc nhiều ngày trước khi nhổ răng hoặc giải phẫu.

Khi dùng nhầm thuốc hoặc dùng thuốc quá liều, nên đến ngay bệnh viện cấp cứu.

Bản thân Contact đã là một kết hợp phức tạp, vậy mà có người tùy tiện uống

thêm vài món thuốc khác, hậu quả tai hại khó lường.

Kết hợp Contact với Clorpromazin (aminazin), Promethazin, thioridazin (Melleril) có thể nguy tính mạng.

Các chất sau đây làm tăng hiệu lực thuốc Contact: thuốc tê mê, thuốc chống trầm cảm ba vòng, thuốc cường giao cảm, IMAO.

Contact làm giảm hiệu lực thuốc trị cao huyết áp: methyl dopa (aldomet), reserpin, guanethidin, guanadrel, trinitrine.

Bị cao huyết áp dội ngược khi hết hợp Contact với thuốc chẹn beta: seclral, tenormine, keron, detensiel, cafide, cateolol, seloken, corgard, transicor, visken, sotalex, timacor.

Kết hợp Contact với digitalis glucosid làm nhịp tim xáo trộn trầm trọng.

Nguy hiểm khi uống chung Contact với Aspirin hoặc thuốc kháng viêm không steroid (diclofenac, tenoxicam, niflumic, indometacin, etodolac, fenbufen, ibuprofen, naproxen, sulindac...) do kết hợp một chất cường giao cảm với một chất ức chế prostaglandin.

Tóm lại Contact là thuốc khó dùng. Chi dùng khi cần thiết, theo sự hướng dẫn của bác sĩ.

Biệt dược tương tự: Tiffy, Decolgen, Coldcap, Triamicin ●

Vitamin Q10 là gì ?

■ QUỲNH HOA sấu tằm



Thời gian gần đây, người ta thường nói nhiều đến vitamin Q10, vậy vitamin Q10 là gì?

95% năng lượng của cơ thể chúng ta được tạo nên bởi một lượng đầy đủ vitamin Q10 (còn được gọi là Coenzym Q10), không có vitamin Q10 thì không có năng lượng cho cơ thể. Đây là kết quả nghiên

cứu từ nhiều năm về Q10 ở Mỹ, Đức, Hòa Lan.

Q10 là do phần dự trữ tự nhiên của thực phẩm chúng ta dùng, cũng giống như những vitamin và chất khoáng khác Q10 có trong cá, trứng, thịt.

Tế bào chúng ta cần tác nhân sinh học giúp cho sự chuyển hóa từ chất dinh dưỡng thành năng lượng hoạt động của cơ thể, đó là Coenzym Q10. Khi mà cơ thể sản xuất không đủ Q10, thì bạn sẽ cảm thấy không còn phấn khởi hăng hái làm việc và sự mệt mỏi chóng đến. Ở tuổi 40 chẳng hạn thì Q10 dự trữ ít đi 30% so với lứa tuổi 20.

Ngoài ra thực phẩm qua quá trình sản xuất chế tạo và bảo quản một phần vitamin tự nhiên bị phá hủy, mặt khác nhiều người lại có chế độ dinh dưỡng không đúng mức, cho nên cơ thể thường không sản xuất đủ Q10.

Vì vậy bổ sung thêm Vitamin này từ bên ngoài là cần thiết, Q10 đưa vào cơ thể năng lượng mới, tế bào được hoạt hóa để chuyển hóa chất dinh dưỡng nhanh hơn tạo năng lượng dự trữ mới.

Sự phối hợp Q10 với vitamin A, C, E và Selen bảo vệ cơ thể chống lại những tác nhân bên ngoài như căng thẳng thần kinh (Stress), rượu, thuốc lá ●



GIA CHANH CHAY

Nấm rơm kho tiêu

Vật liệu :

- 1/2 Kg nấm rơm búp
- nước tương, muối, tiêu, đường, bột ngọt
- 2 muỗng cà phê dầu mè hoặc một muỗng súp dầu ăn.

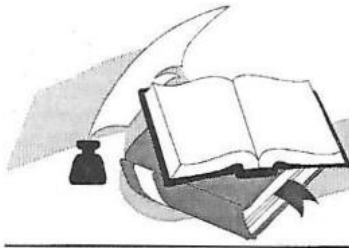
Cách làm :

1. Giai đoạn một : Chuẩn bị
Nấm rơm : Gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, nếu nấm to thì chẻ đôi, để cho ráo nước.

2. Giai đoạn 2 : Cách kho
Cho nấm rơm vào song nhỏ, chế nước tương vào liệu vừa ăn, nêm thêm chút muối, đường, bột ngọt rồi trộn lên cho đều. Bắc lên bếp kho để lửa riu riu, trộn lên cho đều nữa, đến khi nước cạn còn hơi sền sệt là được. Cho tiêu và dầu mè vào, nhắc xuống.

Món này dùng nóng với cơm và dưa chuột.

Số vật liệu ghi trên sửa soạn cho 5 người ăn.



Giải Đáp thắc mắc tỵ nạn

• **Thiện Hữu**

Địa chỉ liên lạc: Trần Hữu Lộc
Schleißheimer Straße 454, 80935 München
Số điện thoại và Fax lưu động: 0 1 7 2 8 1 0 6 8 8 3
(ví lý do kỹ thuật, xin điện thoại trước khi sử dụng Fax)

Lời nói đầu: Con xin cảm ơn Thượng tọa chủ nhiệm cho con thêm cơ hội để tiếp tục phụ trách mục này.

Đây chỉ là phần giải đáp thắc mắc chứ không phải là lời khuyến cáo hay lời chỉ dẫn. Mọi chi tiết có thể hỏi luật sư hay các cố vấn có quyền khuyến cáo thêm cho rõ hơn.

Hỏi (H): Nếu nộp đơn kế tiếp xin tỵ nạn (Folgeantrag) thì có được ở nhà ngoài không?

Đáp (Đ): Thông thường khi người xin tỵ nạn kế tiếp không sống lệ thuộc vào xã hội thì vẫn được Sở công nhận tỵ nạn để tiếp tục sống tại nơi đang cư trú. Có vài chi nhánh cơ quan này áp dụng luật để buộc người xin tỵ nạn kế tiếp đang sống bằng trợ cấp xã hội phải trở vào trại tạm cư. Có thể nhờ luật sư liên lạc trước với cơ quan Sở công nhận tỵ nạn hoặc ghi phần này vào trong đơn tùy trường hợp.

H: Vì cùng hoạt động chung nên em cũng có bằng chứng hoạt động từ hai ba năm nay như bạn em. Bạn em nộp đơn kế tiếp lại bị bác đơn với lý luận là bằng chứng cũ rồi mà nay em cũng muốn nộp đơn thì em làm sao đây? Anh giúp em với nhé!

Đ: Theo luật thì bằng chứng cũ quá ba tháng sẽ không được xét đến. Tuy nhiên Sở liên bang và tòa theo luật vẫn được phép đề cập đến các bằng chứng cũ như Em vừa hỏi để bác đơn. Có thể lúc nộp đơn bạn Em không nêu rõ được lý do tại sao bây giờ lại phải nộp đơn. Qua bài học này nếu muốn nộp đơn thì Em phải giải trình rõ ràng tại sao bây giờ phải nộp đơn mà trước đây lại không nộp. Luật không cho phép anh nêu lý do hộ Em. Mong Em thông cảm.

H: Anh Lộc à, tại sao luật Đức lạ lùng vậy: Dùng bằng chứng cũ quá ba tháng thì cũng bị bác đơn với lý do dùng bằng chứng cũ mà dùng các bằng chứng mới thì Sở liên bang cũng bác đơn bằng lý luận là trong ba tháng vừa qua cố tình tạo dựng bằng chứng?

Đ: Nếu Em biết được thế nghĩa là Em đã hiểu được sự việc quan trọng là phải giải thích rõ được tại sao phải nộp đơn trong lúc này mà đã không thể hay sẽ không thể nộp

đơn vào thời điểm khác được. Lý do mỗi trường hợp mỗi khác nhau. Dĩ nhiên việc bác đơn là quyền của Sở liên bang, quyền kiện là quyền của mình. Nhiều trường hợp bị cơ quan tỵ nạn của nhà nước bác đơn với lý do "tạo dựng bằng chứng" vẫn thắng tại tòa.

H: Một khi thủ tục xin tỵ nạn kế tiếp (Asylfolgeverfahren) đã chấm dứt thì có quyền nộp đơn kế tiếp nữa không?

Đ: Chấm dứt phải hiểu là là án quyết của tòa hay quyết định của Sở liên bang có hiệu lực thì hành pháp luật (rechtskräftig, bestandskräftig). Sau khi ấy vẫn được nộp đơn kế tiếp xin tỵ nạn (Folgeantrag) lần nữa. Tuy nhiên nộp đơn kế tiếp xin tỵ nạn trong vòng 3 tháng sau khi thủ tục trước vừa xong rất dễ bị bác đơn ngay với lý do là không có bằng chứng gì đặc biệt hơn lần Folgeantrag trước. Nên liên lạc với luật sư chuyên ngành trong trường hợp này và cho luật sư biết rõ những giải trình thích hợp để luật sư làm việc vì "không có bột thì không gột nên hồ".

Dĩ nhiên bằng chứng mới đặc biệt hơn thì có thể đã đủ sức thuyết phục các cố vấn có quyền quyết định.

H: Tại sao có người khi nộp đơn kế tiếp xin tỵ nạn (Folgeantrag) chỉ với vài bằng chứng đi biểu tình, vài bài báo, vài tấm ảnh... thì được nhận đơn còn người khác có nhiều bằng chứng hơn thì lại không được chấp nhận?

Đ: Có nhiều trường hợp và lý do khác nhau. Quan trọng nhất là **chứng minh được có sự thay đổi hoàn toàn với thủ tục lần trước**. Một người trong thủ tục trước đây chẳng có hoạt động chính trị gì thì dùng bằng chứng cho Folgeantrag với vài bài báo, vài tấm ảnh... có thể được có quan thẩm quyền cho là đã chứng minh được điều đó. Còn người trong thủ tục trước đó đã có nhiều hoạt động chính trị rồi thì thường bị nhân viên Sở Liên Bang từ chối không cho làm thủ tục kế tiếp xin tỵ nạn khi những bằng chứng nộp lần mới này không khác nhiều so với các bằng chứng của thủ tục trước.

Bị từ chối thế này rất nguy hiểm (xin xem lại số Viên Giác trước)

H: Anh Lộc à, trong thủ tục kế tiếp xin tỵ nạn Em có quyền hạn gì khi đi phỏng vấn?

Đ: Vẫn có đầy đủ quyền hạn như người mới đến Đức xin tỵ nạn lần đầu tiên. Đại để như sau:

- (1) Vẫn được đưa luật sư đi theo;
- (2) Dĩ nhiên nếu Em và phiên dịch của Sở liên bang hay tòa không hiểu nhau thì phải cho biết ngay để đình buổi làm việc lại ngay;
- (3) Em có quyền mời phiên dịch hữu thế tin tưởng đi theo (người phiên dịch của mình sẽ yên lặng nếu phiên dịch của Sở Liên Bang dịch đúng và sẽ đình chính khi sự việc chuyển ngữ không chính xác xảy ra);
- (4) Vẫn có quyền tự dùng Đức ngữ để trình bày và không cần nhờ phiên dịch của Sở Liên Bang;
- (5) Quan trọng là vẫn có quyền không ký biên bản nếu biên bản không chính xác hoặc thiếu các chi tiết quan trọng. Xin lưu ý: biên bản không bó buộc phải ghi tất cả từng lời, từng từ một các điều đã trình bày vì nhân viên Đức phỏng vấn có quyền ghi sao cho đủ ý nghĩa và chính xác;
- (6) Đặc biệt khi không ký biên bản vì theo ý cá nhân không được đối xử tử tế hay có cảm giác không được trình bày tất cả sự việc và chi tiết quan trọng hay nghĩ rằng biên bản quá thiếu sót... thì nên liên lạc ngay với luật sư;
- (7) Nên học thuộc lòng các từ đặc biệt như Hòa thượng (Hohehrwürdiger), Thượng tọa (Ehrwürdiger), Đại đức (Ven.), Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (Congregation der Vereinigten Buddhistischen Kirche Vietnams), Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức (Vereinigung der Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland), Ủy Ban Giải Trữ Pháp Nạn tại Hannover và vùng phụ cận (Ortsgruppe in Hannover und Umgebung für die Befreiung des Buddhistischen Notstandes in Vietnam) hay các hội đoàn, đoàn thể mình đã có liên hệ như Tổ Chức Sinh Hoạt Của Người Việt Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức (Organisation für die Angelegenheiten der vietnamesischen Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland), Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam (Vereinigte Nationalbefreiungfront Vietnams), Liên Minh Việt Nam Tự Do (Allianz Freies Vietnam), Liên Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức (Union der Vereinigungen der vietnamesischen Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland), ban chấp hành (Vorstand), chủ tịch hội (Vereinsvorsitzender), bí thư đảng

(Parteisekretär), tổng biên tập (Chefredakteur)...;

- (8) Nên ghi lại theo lối gạch đầu dòng trên một tờ giấy các điểm chính muốn trình bày để tránh tình trạng hồi hộp quên đi những chi tiết quan trọng;
- (9) Nên làm phóng ảnh mọi tài liệu làm nhiều bản để phòng thất lạc bản gốc;
- (10) Nên yêu cầu nhân viên phòng vấn ghi vào biên bản là có nhận bản gốc một chứng tử quan trọng nào đó;
- (11) Nên cầm theo mọi tài liệu, chứng tử...; cũng nên biết là có ký biên bản hay không thì Sở Liên Bang vẫn có quyền quyết định.

(Có thể điều nghiên thêm tài liệu của chùa Viên Giác đã xuất bản năm 1991)

H: Trong thủ tục kế tiếp xin tỵ nạn em có quyền không ký biên bản hay không hở anh Lộc, vì có nhiều phiên dịch sống tại Đức từ bé nên giỏi tiếng Đức mà lại "ngán" tiếng Việt nên dịch không chuẩn?

Đ: Em à, anh không thích và cũng không muốn có ý kiến về phiên dịch của Sở liên bang. Nhưng anh có thể giải thích cho Em rõ phần nào về quyền lợi của Em trong điểm này. Chẳng hạn Em có quyền không ký biên bản (không ký biên bản thì thường không được người phỏng vấn trao biên bản cầm về) khi Em nghĩ rằng mình không được đối xử tử tế đúng luật, có cảm giác không được trình bày tất cả sự việc và chi tiết quan trọng, hay nghĩ là biên bản không chính xác... (Những biên bản lại là kein Wortprotokoll, nghĩa là nhân viên Đức phỏng vấn có quyền ghi tóm tắt miễn sao đủ và chính xác lời khai chủ không bị bó buộc phải ghi rõ từng từ một lời Em đã diễn tả). Trong trường hợp này Em nên liên lạc ngay với luật sư và diễn tả lại đầy đủ mọi chi tiết của ngày phỏng vấn cũng như nói rõ thêm phần còn thiếu để luật sư làm việc hay khiếu nại ngay.

Luật sư chuyên ngành cũng khuyên thân chủ không nên ký nếu người phiên dịch từ chối dịch lại biên bản đã đánh máy.

H: Em lại muốn trình bày những điều mà người phỏng vấn không chịu hỏi đến thì em phải làm sao hở anh?

Đ: Có nhiều cách. Tốt nhất Em viết rõ ràng, đầy đủ (tối thiểu là các chi tiết chính) trong đón để nộp trước khi được mời đi phỏng vấn. Em vẫn có quyền xin được nói thêm những điều Em muốn trình bày; Em cũng có quyền yêu cầu nhân viên phỏng vấn ghi vào biên bản là Em không được trình bày tất cả khi người này không cho phép Em nói thêm. (Đa số nhân viên Sở liên bang sẽ từ chối yêu cầu này, và dĩ nhiên trong trường hợp này Em cũng có thể sử dụng quyền không ký biên bản...).

Những nếu biên bản ghi câu hỏi: "Còn ý muốn gì không?" và lại ghi câu trả lời là:

"Tôi không muốn về Việt Nam" thì Em đã bỏ qua cơ hội cuối cùng để tự trình bày tất cả những chi tiết quan trọng trước khi nhân viên Sở liên bang chấm dứt buổi làm việc dù không được hỏi cụ thể rồi đây, vì phỏng vấn tức là muốn biết đủ chi tiết để quyết định chủ không phải "về đường cho hủu chạy".

H: Anh Lộc à, trước đây em đã lao động hợp tác tại Đông Đức, đang có Aufenthaltsbefugnis trên hộ chiếu Việt Nam và nay sắp được chuyển sang unbefristete Aufenthaltserlaubnis vì vẫn có việc làm, nhà ở ổn định... thì con em 19 tuổi và không sống nhờ xã hội có được ăn theo không?

Đ: Trên nguyên tắc thì không được áp dụng luật ăn theo cho con thành niên nếu con đến Đức xin tỵ nạn riêng. Tuy nhiên Em và gia đình vẫn có thể tìm sự thông cảm tại Sở ngoại kiều nơi đang cư trú. Còn con trước đây rời Việt Nam với thị thực nhập cảnh của Đức cấp theo diện đoàn tỵ vì Em đã là Gastarbeiter thì đây là việc khác.

H: Ở Đông Đức không có hội đoàn hay tổ chức chính trị nào của người Việt Nam cả! Em xin anh cho biết tên vài ủy ban bên Tây Đức của anh để em tiện liên lạc. Anh cố giúp Em với nhé, vì em chẳng quen biết ai cả.

Đ: Tại các tiểu bang mỗi của Cộng Hòa Liên Bang Đức có đến hơn năm tổ chức, đoàn thể, hội đoàn, ủy ban, đảng phái chính trị của người Việt. Do đó Em nên cố gắng tự tìm. Hiện nay anh không có trong tay danh sách tất cả đoàn thể và báo chí Việt Nam tại Đức nên anh không thể giúp Em được. Nếu anh gửi cho Em tên hội đoàn này mà "quên" giới thiệu đến tổ chức kia thì "người ta sẽ quên anh mất" vì anh làm dẫu trăm họ mà!

H: Anh ơi, Em gia nhập tổ chức, hội đoàn, đảng phái, ủy ban hay tờ báo nào thì lợi nhất?

Đ: Anh không dám có ý kiến vào quyết định riêng của Em. Đời là cõi tạm mà, Em có cùng đi với các bạn thì cũng chỉ đi trên đoạn đường nào đấy mà thôi. Có đúng không? Anh chỉ được phép nhấn mạnh lại đòi hỏi của luật như sau: Người ngoại quốc được hưởng quyền không bị trục xuất nếu tự chứng minh được là cá nhân có nguy cơ bị tù tội sau khi về đến quê hương... qua những hoạt động chính trị chống đối nhà nước mang tính chất liên tục, tích cực nhưng không bạo động, nổi bật, mà quốc gia mình biết đến...

H: Em có nên tự thành lập tổ chức hay không hở anh Lộc, vì thành lập tổ chức thì em là chủ tịch tổ chức?

Đ: Không ai có quyền cấm Em không được thành lập tổ chức hay ra một tờ báo cả. Việc quan trọng là cá nhân Em có hội đủ tiêu chuẩn luật tỵ nạn và cư trú hay không chủ không bó buộc phải là hội trưởng hay tổng biên tập thì được cư trú mà thành viên "chỉ có công cốc". Có trường hợp thành viên biên tập đã có quyền cư trú mà người chủ biên vẫn còn sợ bị trục xuất.

H: Em cảm ơn anh đã thành thật khuyên em. Nghe anh nói thế thì em từ bỏ ý định lập hội mỗi cũng như không muốn tranh chức nữa. Nhưng xin anh cho Em lời khuyên vì muốn chuyển từ tổ chức hiện nay sang đảng kia có lợi hơn. Có nên không anh? Em cần ý kiến quan trọng của anh mà. Anh cứ nói thật với em đi!

Đ: Câu hỏi này cũng tương tự như các câu Em vừa thắc mắc. Nhưng tại sao Em cứ nghĩ là hoạt động sao cho có lợi? Lợi nghĩa là gì? Lợi là làm sao? Lợi cho ai? Lợi cho Em hay lợi cho cái gì, cho ai đây? Nếu Em nghĩ là có lợi chung cho việc tranh đấu cho dân chủ cho Việt Nam thì mỗi thật sự quan trọng. Dân chủ hóa Việt Nam phải bắt đầu bằng tự do, dân chủ trong lối suy nghĩ và hành động cụ thể của Em, của những người sinh ra và lớn lên dưới chế độ cộng sản Việt Nam và của tổ chức của Em, có đúng không hở Em? Theo ý anh thì dân chủ tự do nghĩa là chúng ta khả năng cao để được tín nhiệm trong chức vụ lãnh đạo, chủ không phải tranh chức để sống lâu dài tại xã hội Đức, một xã hội đặt nặng giá trị vật chất. Nhưng khi Em chỉ nghĩ và hành động sao cho có lợi cho việc cư trú thì tự nhiên Em lại theo lý luận của Sở liên bang và tòa trong việc bác đơn vì các cơ quan này cho rằng đa số người Việt hoạt động chính trị chống đối chế độ cộng sản Việt Nam là có tình mang nguy hiểm vào người để dễ được cư trú.

Cách dùng từ của Em tạo cho người nghe dễ hiểu lầm. Em nên tập sử dụng từ ngữ chính xác vì đây cũng là cách bảo vệ quyền lợi của mình để tránh cảnh dùng từ sai trong khi viết hay nói (thí dụ như chủ nghĩa Mác-xít-Lê-nin-nít không phải là xã hội chủ nghĩa) cũng như tránh cảnh phiên dịch không thể hiểu chính xác điều Em muốn diễn tả.

Quan trọng là cách Em giải trình cho mọi người hay có quan thẩm quyền liên hệ và các nơi này có chấp nhận là lời giải thích của Em có đáng tin không. Một vài người dựa theo phẩm Phổ Môn trong bộ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh ("Vi muốn độ chúng sinh nhiều hình tướng khác nhau chưa được độ nên phải nhận hình tướng khác nhau") để lý luận: "Vi muốn đẩy mạnh tiến trình dân chủ hóa Việt Nam nên tôi đã có hành động trên" để giải trình cho việc thay đổi tổ chức hay thành lập một hội mới. Lý luận này có hiệu năng như thế nào thì anh không dám lạm bàn vì anh không phải là Sở liên bang mà cũng không chẳng là tòa.

H: Anh à, em là bí thư một chi bộ quan trọng một đảng phái Việt Nam nổi tiếng mà em cũng bị Sở liên bang bác đơn là tại làm sao hở anh?

Đ: Nếu Em không chứng minh được nhà nước Việt Nam lưu tâm đến cá nhân Em qua các hoạt động trong đảng thì cơ quan có thẩm quyền này phải bác đơn theo đúng luật. Khi Em tự trình được bằng chứng một đảng viên của tổ chức Em bị công an Bộ Nội Vụ mời đi mất tích hay đang bị tạm giam, ngồi tù sau khi bị đưa về Việt Nam vì những hoạt động chống đối nhà nước Việt Nam thì tòa sẽ theo lý luận của Em và của luật sư trong đơn kiện quyết định bất lợi của Sở liên bang.

H: Em muốn dùng bằng chứng Internet là Bộ Nội Vụ Việt Nam đã xem được bài vở em viết và và ảnh của em đang đi biểu tình của báo xuất bản tại Đức có phát trên mạng. Anh thấy có nên không?

Đ: Vì không phải là tòa án hành chính xét việc tự nạn hay cư trú nên anh không được phép có ý kiến là nên hay không nên dùng "bằng chứng" này dù anh đã dịch bài báo loan tin về nghị định mới của Việt Nam cấm không cho tham gia hội thảo trên mạng Internet...

Qua lời chỉ dẫn của một chuyên viên Internet người Việt anh được hiểu rằng vào một thời điểm nào đó Em có thể chứng minh được là trang Internet của báo đã có bao nhiêu lần được xem chủ chứa bao giờ anh kiểm chứng được trên mạng là người đã xem trang báo là nhân vật nào hay ở dưới địa chỉ Internet nào.

Tiện đây anh xin Em lưu ý thêm: Không phải là bằng chứng này sẽ nổi hơn hay bằng chứng khác không quan trọng mà là suy nghĩ đúng, tìm đúng hướng đi, có những hành động chính xác, lý luận vững chắc về viết và nói, chuẩn bị kỹ trước khi đi phỏng vấn và trước khi ra tòa.

H: Sau khi có Aufenthaltsbefugnis rồi nay em được Aufenthaltserlaubnis thì làm sao Em không bị trục xuất?

Đ: Cách tốt nhất để Em không bị trục xuất khỏi Cộng Hòa Liên Bang Đức là Em có quốc tịch Đức. Em nên hỏi tại cơ quan hành chính Đức nơi hiện cư ngụ để tiến hành thủ tục này. Nên lưu ý là khi xin đơn chưa phải tốn lệ phí nào cả, nhưng sau khi nộp đơn dù không được nhập tịch thì cũng phải trả lệ phí.

H: Vợ chồng em vì tương lai của con nhỏ nên muốn "khoán" cho anh thủ tục ly dị và sau đó đăng ký với Tây để ở lại Đức. Vì ở vùng ít người Việt, không được thông tin đầy đủ chỉ biết có mỗi mình anh, mong anh giúp cho con chúng em với!

Đ: Anh thông cảm trường hợp của gia đình Các Em. Anh cũng cảm ơn Các Em đã tin tưởng. Những anh "nhiều tội" quá rồi. Theo nguyên tắc này từ trước đến nay Anh không dám nhận những "dịch vụ" này. Muốn ly dị thì tìm luật sư trong vùng để đỡ tốn. Tùy

trường hợp mà tòa sẽ sử dụng luật gia đình và hôn nhân Việt Nam hay luật Đức và thời gian thường lâu hơn 3 tháng. Muốn đăng ký thì sau khi án ly dị đã có hiệu lực thì hành pháp luật sẽ liên hệ với Sở hộ tịch để nộp đầy đủ hồ sơ. Thủ tục giấy tờ hơi nhiều khế. Có thể nhờ luật sư "gói gọn" cả hai thủ tục. Anh sẵn sàng đảm nhận công tác chuyển ngữ tại văn phòng luật sư và Sở hộ tịch.

H: Trước đây em có khai đúng họ, sai tên và ngày sinh thì em phải làm sao vì có cô Tây đang muốn đăng ký với em?

Đ: Em có quyền và có bốn phạm điều chỉnh lại cho đúng. Trong trường hợp Em đã có khai danh dự cam đoan trước công chứng viên Đức (Notar) thì có thể nhân viên Sở hộ tịch hay Sở ngoại kiều vì bốn phạm của họ sẽ làm bản tường trình lên viện kiểm soát nhân dân số tại. Có bị phạt vạ bằng tiền hay tù vì Em đã cố tình hay vô ý man khai hay không thì đó là quyền của bên viện kiểm soát nhân dân.

H: Em nghe nói có con với Tây là có quyền cư trú, đúng không anh?

Đ: Tòa án hành chính tối cao (Bundesverwaltungsgericht) tại Berlin cùng một ngày vừa có án quyết cho hai trường hợp tương tự. Theo án quyết tối cao này thì:

- (1) Trong trường hợp thứ nhất một người cha ngoại quốc nhìn con mình đã có với một người phụ nữ Đức, trả tiền cấp dưỡng, không được cư trú, vì không sống chung với mẹ đứa trẻ;
- (2) Trường hợp thứ hai một người cha ngoại quốc khác, sống chung với mẹ đứa trẻ và đứa con tứ sinh như một gia đình - dù bố mẹ đứa trẻ không hôn thú - thì bố đứa trẻ được quyền cư trú tại Đức.

H: Anh Lộc à, điện cho anh khó quá! Bọn em ở vùng Hannover bị trục xuất trước đây mấy tháng mà tìm anh cũng không được. Làm sao em gặp anh được đây?

Đ: Đối với các nơi đã có luật sư chuyên ngành và phiên dịch nổi tiếng, thêm trung tâm giúp đỡ người Việt như vùng Berlin, Dortmund, Hannover... thì anh không có duyên với thân chủ và "nước xa khó cứu được lửa gần", thêm nữa là mỗi phiên dịch và luật sư đều có cách làm việc riêng... Và lại anh chỉ là phiên dịch nên khó giúp được trong những trường hợp Em vừa nêu. Việc gì thì cũng là nhân quả cả mà Em.

Về đường dây điện thoại và Fax vì đây là hệ thống lưu động nên tùy thuộc thời tiết và tùy nơi anh để máy mà đường dây liên lạc dễ nghe hay "có cô Tây trả lời là không liên lạc được với người chủ máy" mặc dù anh vẫn sử dụng số điện thoại này từ nhiều năm nay.

Dĩ nhiên Em cũng có thể gửi Fax cùng qua số điện thoại cầm tay của anh 01728106883 này, nhưng hãy gọi điện trước để anh có thời gian chuẩn bị phần kỹ thuật nhận Fax lưu động... ●

此花開盡更無花
不是花中偏愛菊
遍繞籬邊日漸斜
秋叢菊花似陶家

CÚC HOA

● Nguyễn Chấn (779-831)

Thu từng nhiều xá tự Đào gia
Biển nhiều li biên nhật tiệm tà
Bất thị hoa trung thiên ái cúc
Thử hoa khai tận cánh vô hoa



HOA CÚC

● Huyền Thanh Lữ

Quần quanh thu cúc nhà Đào
Như mê quanh quất bên rào chiều
vời
Chẳng là khoái cúc đấy thôi
Hoa này nở hết tuyệt vời không hoa

Chân dung "Cố Chủ Tịch Hồ Chí Minh" một huyền thoại Cộng Sản bịp bợm

■ NGƯỜI TỶ NẠN

Dượng tôi 40 năm theo Đảng, Bác, cày sâu cuốc bẫm quanh năm mà không đủ ăn, mặc cái quần đùi thùng đít, cầm củ khoai lên miệng ăn mà rưng rưng nước mắt: "Cảm ơn Đảng Bác đã đem lại cơm no áo ấm cho dân tộc".

Các chế độ cộng sản trong thời đại "chó lên cung trăng" (1) thì vẫn lấy một người cộng sản ra để sùng bái như một thần tượng, nhất là người sáng lập ra Đảng Cộng Sản. Ở Trung Hoa đồng chí Mao Trạch Đông; ở Liên Xô đồng chí Stalin; ở Bắc Hàn đồng chí Kim Nhật Thành; ở Cao Miên đồng chí Tổng bí thư Pôn Pốt; ở Việt Nam lẽ dĩ nhiên thằng mù cũng biết là đồng chí Hồ Chí Minh vị lãnh tụ "thiên tài", "cha già dân tộc" có một không hai trên thế giới từ khi lũ ếch, nhái ra đời và thần tượng đó dù dân đói nghèo đến mấy, rách nát đến mấy, chế độ cộng sản cũng ăn cướp tiền của, sức lao động của dân tộc mình để đúc được càng nhiều càng tốt tượng đồng, tượng đá, tượng đất, huy hiệu, viện bảo tàng, lăng tẩm... Treo, đặt, xây đây phố, đây đường, đây sông, đây núi đây WC... Văn hóa nghệ thuật cộng sản cũng được dịp tung ra đây bài ca, bài viết ca ngợi "thần tượng" đất ấy, ai viết nhiều, ca ngợi nhiều "thần tượng" thì cũng được thăng quan tiến chức nhanh. Thành thủ bọn nâng bi trong triều đình Bắc Bộ Phủ cũng như bọn văn nô cộng sản được dịp bốc "ngươi" lên tận chín tầng mây. Minh Huệ, giáo viên lớp Một huyện Nam Đàn tưởng tượng hình ảnh Bác ngủ với đám lính trận trong một đêm mưa, hủ cấu thể thơ tự do qua bài "Đêm nay Bác không ngủ". Chỉ xu nịnh Bác có vậy thôi mà Minh Huệ nháy mắt lên ghế Trường ty Thông tin tình Nghệ An. Có thể nói xu nịnh Đảng Bác nhất không ai qua mặt văn nô Tố Hữu với những bài viết cợt phách về bợ đỡ Đảng Bác, cho nên được Bác phong Tố Hữu đứng đầu đám văn nô cộng sản Việt Nam. Đám bộ đội "cụ Hồ" cũng vậy, chiến đấu gan dạ, dũng cảm chưa cần biết đến mà chỉ biết trước lúc chết (mà ai biết được trước lúc chết) hô to "Hồ Chí Minh muôn năm" là chắc chắn được anh hùng quân đội cộng sản. "Anh hùng Nguyễn Văn Trỗi" vang dội một thời bởi tiếng gào thét "Hồ Chí Minh muôn năm" trước lúc bị tử hình,

người "anh hùng" ấy trong một tổ chức khủng bố cộng sản bí mật ở Sài Gòn năm nào định đặt mìn ám sát Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, ông Robert Mc Namara, trên cầu Công Lý không thành. mìn mai thay ai đã đọc tờ Tiền Phong tiếng nói của đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tháng 5/1997 vừa qua, có bài viết về những người đi tìm xác các bạn chiến đấu của mình mất tích trong chiến tranh xâm lược Miền Nam, vào thăm thân phụ Nguyễn Văn Trỗi, họ không ngờ rằng thân phụ của người "anh hùng" vang dội một thời mà cộng sản Hà Nội bắt hàng triệu thanh niên miền Bắc phải học tập lại ở trong một túp lều tranh dột nát, đầu ốm nằm liệt phàn gỗ chờ ngày đi thăm thẳm con anh hùng nơi địa ngục không thuốc thang, không người săn sóc. Đạo đức của chế độ cộng sản là vậy đó.

Trở lại huyền thoại Hồ Chí Minh, cái đám văn nô tăng bốc Bác chưa đủ, Bác còn tự tay viết tiểu sử của mình mới biết "cha già dân tộc" khiêm tốn giản dị đến mức độ nào. Bác nói với các chú, các cháu là Bác không muốn kể tiểu sử của mình vì lo cho tương lai của dân tộc trước tiên, bận rộn không có thời gian, thế mà cuốn "*Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*" Hà Nội 1958, ra đời từ đó "ngươi" tự tô thắm tiểu sử của mình bằng những áng văn hùng tráng ca ngợi anh hùng đã lèo lái dân tộc cập bến "vinh quang" - nhân phẩm con người bị chà đạp, tự do dân chủ bị cướp mất, một nước nghèo đói nhất nhì thế giới - Có thời người dân miền Bắc cố đi tìm tác giả Trần Dân Tiên để xem mặt mũi ông thế nào mà lại viết hồi ký về Bác hay thế, tí mí thế, đọc mới biết Bác vĩ đại thật, một thánh nhân. Rồi tiếp đến cuốn "*Vừa đi đường vừa kể chuyện*" của tác giả tên là T. Lan, tìm mãi không ra tác giả nổi tiếng đó, chỉ duy nhất họ mới có cơ hội biết tiểu sử của "cha già dân tộc". Sau này mới biết người ta giấu các tác giả đó như "mèo giấu cứt" trong Phủ Chủ Tịch sau tên Hồ Chí Minh. Đám "cháu ngoan" của "bác" cũng khua môi múa mép đến trở trên. Phạm Văn Đồng tung ra cuốn "Hồ Chủ Tịch, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam"; Trường Chinh với cuốn "Hồ Chủ Tịch, vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam", đến đây người ta lại

nhỏ đến câu chuyện - có một ông vua nọ đánh một cái dấm, các quan nịnh thần tả hữu xung quanh đều đồng thanh hô to "vạn tuế", để chứng tỏ lòng tôn kính của mình với vua tôi, để hưởng bổng lộc đời đời kiếp kiếp -

Song cái thời cộng sản bịp mắt, bịp miệng bắt nghe đã qua rồi, sống dưới nền dân chủ tự do như hải ngoại nghe, nhìn, suy nghĩ, đây là đặc tính của người đấu tranh cho tự do dân chủ "họa vô đắc chí" thì có sót lại mấy con ếch kêu đây giêng cũng chẳng sao. Đánh giá một nhân vật, một vị Vua, một Tổng Thống, một Thủ Tướng ngoài nhận thức, học thức, đạo đức của họ chúng ta xem họ đã làm gì có lợi cho dân tộc, cho nhân loại. Vua Tần Thủy Hoàng xây Vạn Lý Trường Thành mục đích là ngăn chặn những cuộc xâm lăng của giặc phương Bắc vào đất Trung Hoa, nhưng vì xây Vạn Lý Trường Thành mà hàng triệu người dân Trung Hoa bỏ mạng và Tần Thủy Hoàng được xem là tên vua tàn ác nhất Trung Hoa. Cựu Tổng Thống Tiệp Khắc, ông F. Benes, để cứu dân tộc Tiệp Khắc khỏi một cuộc chiến không cân sức mà cả dân tộc nhỏ bé này có thể bị chìm vào biển máu trước quân đội hùng mạnh của phát-xít Đức trong đệ nhị thế chiến, ông đã ký bản Hiệp Ước đầu hàng Đức Quốc Xã, mà những người cộng sản dưới chế độ cộng sản nguyên rủa ông là nhu nhược, nhưng dưới chế độ tự do dân chủ hiện nay ở Tiệp người dân vẫn luôn kính trọng và biết ơn ông đã cứu dân tộc trước một cuộc chiến không cân sức với nước Đức Quốc Xã. (Sau khi ký Hiệp Ước, Đức Quốc Xã đã xây dựng cho Tiệp một số ngành công nghiệp, trong đó có công nghiệp sản xuất mô tô tiền thân của mô tô CZ sau này ở Tiệp. Những người do kích do Đảng Cộng Sản Tiệp thành lập từ làng Lidice phía Tây Bắc thủ đô Praha đã đặt bom ám sát Tổng Tư Lệnh quân đội Đức ở Tiệp, thế là cuộc chiến tranh du kích đẫm máu xảy ra trên nước Tiệp bé nhỏ từ đó, mà trước tiên là người dân vô tội ở làng Lidice phải hứng chịu, để trả thù, Hitler đã thiêu cháy, giết chết tất cả dân làng Lidice).

"Cố Chủ Tịch Hồ Chí Minh" và chế độ cộng sản Việt Nam nó gắn liền với trang lịch sử đẫm máu dân tộc nhất từ thế kỷ nay kể từ khi người cộng sản xuất hiện ở nước ta. "Cố Chủ Tịch Hồ Chí Minh" mang tất cả những cái gì đặc trưng nhất của cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh đã đưa thầy ma Mác-Lê truyền bá vào Việt Nam, thầy ma ấy đã tàn phá hết tất cả đạo lý, nhân phẩm truyền thống cao quý của dân tộc do cha ông để lại và Hồ Chí Minh đã sáng tạo tài

tình chủ nghĩa Mác-Lê ở Việt Nam, biết kết hợp sự hống hách của cộng sản Nga, thâm hiểm của cộng sản Tàu, tàn ác của chủ nghĩa phát-xít Đức cộng với bản chất bảo thủ vô học cố hữu của cộng sản Việt Nam, từ đó Hồ Chí Minh đã trở thành Hồ Bơm bách chiến bách thắng.

Nhân đây tôi cũng nói rằng nhiều người còn ngây biện cho học thuyết Mác-Lê, thuyết Mác-Lê điểm chính mà cộng sản dùng để xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa: -xác định đấu tranh giai cấp một mặt, một còn trong xã hội tức là khuấy động sự chém giết, hận thù trong một dân tộc, dẫn người cộng sản đến tội diệt chủng (tự diệt dân tộc mình)- xác định chuyên chính vô sản tức là dùng bạo lực cách mạng vô sản trấn áp bọn "phản cách mạng" không khoan nhượng, không thương lượng, không thỏa hiệp, không xem xét, dẫn người cộng sản đến tội tàn sát, gây chiến tranh để đạt tới mục đích của mình -xác định sự độc tôn lãnh đạo của đảng cộng sản, đảng duy nhất của giai cấp vô sản dẫn người cộng sản đến tội độc tài, cướp đoạt các quyền cơ bản của công dân. Xác định giai cấp tư sản là kẻ thù không đội trời chung của giai cấp vô sản, xác định nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế tập trung, phân phối dẫn người cộng sản đến tội cưỡng bức nhân dân lao động, làm nô lệ cho cộng sản.

Đáng tiếc trong cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ, nhân quyền cho Việt Nam, báo chí truyền thông nói nhiều đến Mafia đỏ hiện nay mà ít ai nói đến "Cố Chủ Tịch Hồ Chí Minh" mà làm Ngài không yên giấc nghìn thu được, vì dưới âm ty mọi việc trong đời đều chiếu lại, những biến cố thiên ác trong quá khứ được phán xét, hơn nữa mấy triệu dân Việt bị giết oan trong "cải cách ruộng đất", "thanh trừng nội bộ", "xét lại chống đảng", "tiêu diệt đảng đối lập", "xâm lăng miền Nam", "xâm lăng Cao Miên" ... mà Cố Chủ Tịch nhà nước đồng Chủ Tịch đảng cộng sản Việt Nam "Người" sáng lập ra đảng Mafia đỏ Việt Nam là "Bác" không dửng dưng, liêm khiết nhận còn đồ cho ai? hay lại ngây biện "đường lối đúng, thực hiện sai", mà nói đến Việt Cộng là nói đến Hồ Chủ Tịch hay nói đến Hồ Chủ Tịch là nói đến cộng sản Việt Nam.

Những người ly khai tiến bộ đã nói lên sự tan vỡ của cộng sản Việt Nam trên lý thuyết cũng như thực tiễn, nhưng không ai động đến "thần tượng" đất ấy sợ sò vào nó tan thành đất thì hỏng mất một tác phẩm nghệ thuật "ưu tú" nhân cách hóa, lưu manh hóa ở mức độ cao của chế độ cộng sản Việt Nam trong thế kỷ 20, mà chính cả tổ chức Liên Hiệp Quốc cũng bị cộng sản

lừa, năm 1990 họ định (nhờ đấu tranh của cộng đồng hải ngoại nên bị bỏ) kỷ niệm 100 ngày sinh của "cha già dân tộc", cũng định quét lên "thần tượng" đất ấy một lớp sơn "vàng nổi", thấy chưa sắt, thép cũng ứa máu vì ba tấc lưỡi của cộng sản Hà Nội.

Ông Hà Sĩ Phu trong tiểu luận chính trị còn so "cha già dân tộc" với ông Diệm và hai cụ Phan để nói thời ấy các nhà yêu nước đều dựa vào một cường quốc. Ông Hà Sĩ Phu kính quí! Hai cụ Phan với Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục muốn gửi thật nhiều thanh niên đi du học ở Nhật, ở Pháp để về giúp đỡ dân tộc, mục đích của các cụ là nâng cao dân trí, hay Phong trào Duy Tân cải thiện dân chủ của cụ Huỳnh Thúc Kháng, hay ông Diệm đề cao tính tự lập, tự cường của dân tộc, chống tư tưởng cộng sản, tư tưởng ngoại bang, ông Diệm và các cụ Phan, cụ Huỳnh mất đi không để hậu họa gì cho dân tộc, chỉ để lại tiếng thơm đáng kính ngàn thu, còn "Cố Chủ Tịch cộng sản" đã để lại cho tổ quốc thân yêu một họa cộng sản khủng khiếp như thế nào? suy đồi về đạo đức, băng hoại về kinh tế -miễn phải bàn, xin đọc báo chí tự do kiểu cộng sản trong nước (nhưng phải lưu ý trừ độ 98% đến 99% những câu nói "thực" của cộng sản).

Bây giờ cũng bàn qua thân thế và sự nghiệp của "Cố Chủ Tịch Hồ Chí Minh", nói về "Cố Chủ Tịch HCM" chắc nhiều người sẽ thấy lương tâm mình bị xúc phạm, lịch sử dân tộc Việt bị bôi nhọ, vì tưởng cướp lên làm vua, đao phủ làm quan tòa, chánh án vài ba thằng phán xét truyền lệnh cho cả dân tộc. Huyền thoại về HCM theo sử, sách, báo của cộng sản thì HCM sinh ngày 19.05.1890 ở làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

*Làng Sen đống cỏ thay quần
Ít cơm nhiều cháo xoay vần quanh năm*

Cái hiếu thảo, tình mẫu tử là tính cách của dân tộc Việt, HCM cái tên nghe Tàu khựa 100% ấy khi làm Chủ Tịch nước lại không biết đến mồ mã của cha mẹ ở đâu, ông Sắc, bà Loan cũng không được Hồ nhắc đến dù chỉ là nỗi nhỏ về quá cố, bà Thanh chị ruột của Hồ, năm 1954 lặn lội từ Bắc Việt rất khó khăn đi vài chục cây số có khi đội hàng tuần là chuyên thường) Hồ cũng không thèm tiếp. Ông cả Khiêm anh ruột của Hồ lúc gần đất xa trời nhắn Hồ về cho anh em gặp nhau chia tay lần cuối, Hồ cũng không thèm chia tay để nghe một lời trần trối tử người anh máu mủ. Hồ không lấy vợ, không nuôi con, không đạo. Thủ hời một con người như thế thì đạo đức,

nhân cách của Hồ liệt vào hạng nào? Nhưng khi nghe đồ tể cộng sản của Hồ là đồng chí đao phủ Stalin chết năm 1953 Hồ bắt cả nước để tang và khóc cho quan thầy xấu số hành quyết dân Nga chưa đủ lượng.

*Ôi! Sít-ta-lin, Hỡi Sít-ta-lin
Khi ông nằm xuống có trời biết không
Thương cha, thương mẹ, thương chồng
Thương mình thương một thương ông
thương mười*
(Thơ Tố Hữu)

Hồ thương Stalin hơn cha mẹ, thầy Stalin làm gì ở Nga thì trò HCM cũng làm như vậy ở Việt Nam, đây là cái thủ "Không có gì quý hơn độc lập tự do" của "cha già dân tộc".

Về học, dựa vào sách vở của cộng sản Hà Nội, thì Hồ mới học xong bậc Tiểu Học, đang học dở quốc học Huế thì có lẽ do những biến cố về cụ Sắc mất chức quan huyện nên Hồ bỏ học vào Sài Gòn xin làm phụ bếp cho tàu buôn Pháp - Admiral Labouche Tréville - để ra nước ngoài tìm đường cứu khổ (sử sách cộng sản báo Bác "tìm đường cứu nước", Hồ lúc ấy là con quan, chưa hoạt động chính trị thì đâu cần lưu vong, mà muốn cứu nước tốt nhất là hoạt động trên quê hương mình, nếu không bị chế độ hiện tại đàn áp). Sang Pháp, Hồ xin vào học trường bảo hộ Pháp nhưng không được nhận, thế mà sau này ai tốt nghiệp trường này đều bị Hồ chửi là bọn "Việt gian", "phản động bán nước". Chú kiểu bằng cấp "tuổi đảng cao thành Kỹ sư, Bác sĩ" của cộng sản Hà Nội, hay tốt nghiệp học vẹt (viện) chính trị cộng sản Hà Nội, bằng cấp ở viện này ra thì thế giới phải bịt mũi khi nghe thấy vói trình độ Tiểu Học thì HCM sẽ làm được gì? Cho Hồ tài giỏi đến đâu, hơn nữa ông cha ta có câu "không Thầy đố mày làm nên" và có lẽ không học mà thành tài thì chỉ có cộng sản Hà Nội. Và nay đồng chí Đỗ Mười trình độ thợ thiến heo, cấp bậc Tổng Bí Thư đảng CS, trùm Mafia đỏ Việt Nam, chức vụ cầm vận mệnh của dân tộc VN cao nhất nước. Các bậc danh nhân Việt Nam có bia ở Quốc Tử Giám Hà Nội chắc cũng tụt hết xuống đất không dám nhìn mặt trời. Và nếu ai đã xem bản di chúc của HCM viết mà báo chí CS năm 1969 đăng rầm rộ lúc Hồ chết thì với chủ nghĩa xóa gạch nhem nhuộm, mặc dù viết ba tháng trước lúc chết (Hồ viết 10.05.1969, lun 02.09.1969, cộng sản Hà Nội xê dịch sang ngày 03.09.1969) chủ đúng ngày cướp quyền của HCM thì rui lảm "ác nhân, nhân ác" truyền muôn đời, với chủ nghĩa như vậy thì mới biết Hồ thì sĩ vĩ đại đến mức độ nào?. Hiện nay CS

Hà Nội tung ra tin là trong di chúc của "Bác" yêu cầu chôn (hoặc thiêu) chú "Bác" không muốn xây lăng tẩm tốn kém, thực tế là trò đạo đức giả của những tên độc tài CS chuyên lừa đảo, với trình độ kỹ thuật của CS thời ấy nhờ đồng sắt ống của Pháp để lại mà làm cái xe đạp không ra hồn chứ đừng nói đến kỹ thuật khác, hơn nữa không quân Mỹ phong tỏa suốt ngày đêm giao thông ở miền Bắc thời ấy rất khó khăn, kỹ thuật ướp xác thì phụ thuộc vào Nga, mà Nga đâu có ngay, nếu không đặt trước và bàn bạc xin quan thầy cho phép, nên nhớ rằng Nga làm hòm thủy tinh ướp xác cho Hồ là cái thủ ba sau Lenin và Dimitrov (Bungari) do đó việc xây lăng tẩm cho Hồ là có sự bàn bạc trước từ nhiều năm, với sự đề nghị của HCM.

Lúc sống thì HCM nói là "suốt đời chiến đấu cho quê hương cách mạng tháng mười", lúc chết trong di chúc cũng mong được gặp các đồ tể CS là Mác và Lênin chủ đầu dám gặp Hùng Đạo Vương, Quang Trung...

Cố Chủ tịch HCM hơn các lãnh tụ CS khác là nói hay, nói đẹp vẽ ra cho dân tộc ta vốn đã nghèo đói, đau khổ dưới sự cai trị hà khắc của chế độ CS những thứ bánh vẽ tuyệt hảo "mọi người vì mình, mình vì mọi người, cần kiệm liên chính, chí công vô tư, ấm no hạnh phúc, vì nước vì dân, đáng là người đầy tớ trung thành của nhân dân..." Nhiều câu ngạn ngữ từ lâu của các dân tộc khác nay HCM nhai lại mà dân đen củ tỏi tưởng là những câu "sấm ký" của vị lãnh tụ "thiên tài" cả.

Ông Thiệu (cựu Tổng Thống Cộng Hòa Miền Nam) hèn hạ bỏ chạy thoát thân trước sự xâm lăng của CS, nhưng nói một lời bất hủ "nhìn cộng sản làm, chủ đừng nghe cộng sản nói". Ai đã sống dưới thời cai trị của HCM thì mới nếm được cuộc sống "ấm no, hạnh phúc" của vị "cha già dân tộc" mang lại, không bị bóc lột, không thất nghiệp, không chết đói những đói rách triền miên. Nhân quyền thì chẳng cần phải bàn, các quyền tự do tối thiểu nhất cho sinh hoạt như "ăn mặc, đầu tóc, yêu đương, phim, nhạc..."

Trong triều đại HCM tất cả đều bị bóp chết (à quên, trừ phim cộng sản mang tính đảng). Đẹp nhất của tuổi trẻ là yêu, thế mà đảng Bác lại cấm tiệt, vì thế không biết bao nhiêu lứa đôi phải tự tử, phải tan nát vì sự cấm đoán bất nhân ấy. Lũ sinh viên thời ấy thường nói: cái tạo hóa ban cho chúng ta giữa hai cái chân nay chỉ có một chức năng là đá, cái mà đảng và Bác chưa cấm. Hàng nghìn cuộc tình bị đất dưới triều đại HCM, Vũ Lộc người Bắc Ninh, sinh viên trường Đại Học ngoại ngữ Bắc

Kinh, yêu cô bạn Trung Quốc cùng lớp tên Á Linh, quê ở thành phố Vũ Hán. Hai anh chị đệ đơn lên Đại sứ Việt Cộng ở Bắc Kinh xin cưới đảng hoàng, Đại sứ Việt Cộng không cho, còn ra lệnh cho mật vụ, công an xông vào trường lùng bắt Vũ Lộc, nhưng anh đã đề phòng từ trước, nên chúng không tìm được anh và mặc dù VC không cho nhưng các bạn trong trường lại tổ chức cưới cho họ. Sau đó do có nội ứng chỉ điểm nên công an VC đã bắt được anh, chúng dùng vũ lực giải anh về nước bất chấp tiếng gào thét thảm thiết của chị Á Linh (lúc này đã mang thai lớn) trước cổng tòa Đại sứ VC trong cơn tuyết băng giá. Tháng 7.1955 HCM dẫn một phái đoàn VC sang thăm Trung Hoa. Vừa gặp tên Đại sứ ra đón ở phi trường, Hồ hỏi cộc lốc:

- Đã tổng cổ thằng Vũ Lộc về nước chưa?

Hoàng văn Hoan lễ phép vái:

- Thưa Bác, rồi ạ.

Người tự xưng là "cha già dân tộc" dẫn đầu phái đoàn đảng và chính phủ ra nước ngoài làm việc mà công chuyện đầu tiên lại là phá hoại thô thiển một cuộc hôn nhân chân thật, chung thủy của đôi trẻ chỉ bằng tuổi cháu. Chuyện anh Vũ Lộc chỉ là một thí dụ.

Các quyền tự do dân chủ khác dưới triều HCM cũng bị đánh tơi tả, nhất là giới trí thức, chỉ một cái khoát tay của Hồ là các đồng chí kè vai sát cánh chiến đấu năm xưa trong "nhóm xét lại chống đảng" được giải quyết nội bộ bằng cách giam tù từ 10 đến 20 năm trong xà-lim cộng sản bạo tàn không được xét xử. Những đòi hỏi chính đáng của nhóm văn nghệ sĩ "nhân văn giai phẩm" cho nghệ thuật vị nghệ thuật cũng được "Bác" thưởng cho những năm tù Hỏa Lò xứng đáng. Bác khóc vì miền Nam đói nghèo, lạc hậu dưới sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản, nên Bác phải "giải phóng" miền Nam gây ra cảnh nổi da nẫu thịt tử đỏ và những kẻ khổ rách áo ôm đi "giải phóng" những người áo lành tử đỏ, tang thương dân tộc Việt cũng tử đỏ.

Khi Bác lệnh đánh chiếm miền Nam

Quê hương ta điêu tàn tử đỏ

Miền Nam trong khói lửa chiến tranh

Miền Bắc âm thầm trong địa ngục

...

Bác với đảng say mù chiến trận

Tim thắt lại trên xương máu dân

Tim tưởng lại dưới hầm tẩm tối

Chiến tranh người sống vội đi nhanh

Người chết về hậu phương rất muộn

Bao tang thương vào tìm cá Sấu

Vẫn chày đều nước mắt vì dân.

(Thơ "Nước Mắt Cá Sấu" P.M.Đ.

Đất nước "thống nhất" hôm nay dưới bàn tay cai trị của bọn Mafia đồ con cháu của HCM trang bị học thuyết "trong sáng" Mác-Lê, khoác áo yêu nước, đau thương như thế nào miễn phải bàn.

Nhà đại văn hào Maxim Gorki nói: "Đối với cộng sản, đảng viên nào hoạt động tích cực nhất phải là kẻ tàn bạo nhất". Hòn 50 năm Việt Nam dưới quyền cai trị của HCM và bè lũ CS học trò của HCM, lịch sử dân tộc VN đã viết bằng máu và nước mắt. Năm 1945 chính phủ liên minh mà có HCM cam kết tham gia đã tìm mọi thủ đoạn thủ tiêu, ám sát, tù đầy tất cả các thành viên của đảng đối lập, mà tổn thất nặng nề nhất là Quốc Dân Đảng Việt Nam. Tàn sát hàng trăm người quốc gia, mở đầu bằng vụ án Ôn Như Hầu năm 1946. Năm 1954 "Bộ Tổng Tham Mưu" Hồ Chí Minh, Trường Chinh. Hoàng Quốc Việt trực tiếp chỉ huy đội quân vô sản thổ phi bằng cuộc "Cải Cách Ruộng Đất" đã tàn sát dã man hàng chục nghìn người dân vô tội, giết chết tất cả địa chủ, phú nông, là những người có học, có hiểu biết, biết canh tác và quản lý đất đai trong một đất nước mà hơn 95% là nông nghiệp thời đó, thật là lỗ bịch khi một tên đại địa chủ như Trường Chinh lại sai bọn vô sản thổ phi đi giết đồng nghiệp của mình ở các thôn, xã. Các đồng chí đã từng "ném mật, nằm sừng" với Hồ, Hồ cũng không tha bởi vì họ là trí thức, cộng sản gọi họ là tiểu tư sản. Thậm chí những người bị giết chỉ vì họ có bộ áo quần tây hay một cái kính trắng. Hầu hết họ bị giết rất thảm thương, bị buộc tội "bóc lột", bị trói khuỷu vào cột. HCM bắt ép người thân của họ ra xi và, lăng mạ đầu tổ và ba ngày sau thì giết. Bắt ép vợ tổ chồng, con tổ cha trước lúc bị xử tử oan là chà đạp thô bạo lên luân lý, đạo đức cổ truyền của dân tộc ta mà chỉ có tên mất người dạ thú như HCM mới làm được như vậy. Rồi chiến dịch "Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc", vụ "Nhân Văn Giai Phẩm", vụ "Xét Lại Chống Đảng"... tự do, dân chủ mà giới văn nghệ sĩ, các nhà cách mạng đòi hỏi đều bị lưới hái thàn chết "chuyên chính vô sản" trong tay HCM đè bẹp. HCM phát động cuộc chiến tranh đảng lệ không phải có với người Pháp để giành "độc lập tự do" (Hồng Kông là một thí dụ) để thoát cảnh "nô lệ", nhưng oái oăm "nô lệ" cho người Pháp lại ấm no hạnh phúc, còn nô lệ cho chế độ HCM thì lao động xã hội chủ nghĩa là "quyền lợi và nghĩa vụ" mà quanh năm vẫn thiếu ăn thiếu mặc như làng Sen của Hồ thuở trước. Hàng triệu thanh niên phải chết ở chiến trường để củng cố chế độ cộng sản HCM, để giành độc lập, nhưng HCM lại bám đuôi các quan thầy

cộng sản. Hồ đã từng nói: "Việt Nam là tiền đồn của phe cộng sản". Lúc ăn xin được viện trợ của Nga thì Hồ chửi Tàu "đại bá". Lúc ăn xin được viện trợ của Tàu thì ôm chân Tàu chửi Nga "chủ nghĩa xét lại". Nay thì sao? Việt Cộng lại rước Tây, Tàu vào bắt dân Việt làm nô lệ đấy là thủ "độc lập tự do" của HCM đuổi thẳng giàu, rước thẳng nghèo về bắt dân nô lệ.

*Nó gọi Tàu Nga là cha anh nó
Vì tình nguyện làm con chó nhỏ
Xông xáo giữ nhà gác ngõ cho cha anh*

*Nó tận thu từng quả trứng trái chanh
Học lối hung tàn của cha anh nó
Cuộc chiến tranh chết vội hết thanh niên*

*Đang diễn ra triều miên ghê gớm đó
Cũng là do Nga giết Tàu co
Tiếp nhiên liệu gây mồi cho nó:
Súng, tăng, tên lửa, tàu bay
Nếu không, nó đánh bằng tay?
Ôi đó, thủ độc lập không có gì quý hơn của nó!*

*Tôi biết rõ, đồng bào miền Bắc này
biết rõ*

(Thơ của Thi sĩ anh hùng Nguyễn Chí Thiện)

Rồi Hiệp định Genève 1954 về Đông Dương qui định hai miền Nam Bắc với hai thể chế chính trị, tiến lên thống nhất đất nước bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước. Ai? Ai đã phá hoại Hiệp định tối ưu này? Không HCM và bè lũ CSVN thì là ai? Chúng đã xua quân xâm lăng miền Nam gây cảnh "nồi da nấu thịt" tang thương cho dân tộc. Những kẻ áo rách có quyền gì mà đi "giải phóng" những người anh em áo lành, thật là lật đật lắm.

Rồi Hiệp định ngừng chiến 1973 kẻ nào phá hoại? Tôi còn nhớ kẻ vô sản (vô là không, tài sản cho người gồm có tài sản vật chất và tài sản trí tuệ) Lê Đức Thọ lúc bắt tay Tiến sĩ Henry Kissinger cố đứng lên một bậc thang cao hơn (vì CS vốn lùn) ở Hiệp định Quốc-Cộng tại Paris. Thật là lối hống hách lối bịch kiểu cộng sản bao giờ cũng cho mình là loài động vật "bạc cao", còn nhân loại là loài người "chưa tiến hóa". Rồi CS đối xử như thế nào với đồng bào miền Nam thua trận? Cộng sản HCM đã cướp hết tài sản nhà cửa của họ, đẩy chồng con họ vào tù, đi tù tiêu, rồi vợ con họ buộc phải lên đênh trên sóng biển rồi

bỏ quê cha đất tổ ra đi tìm tự do và rất nhiều người bị chết và hải quân CS bắn chìm thuyền, hay sóng gió, hải tặc Thái Lan (từ giai đoạn 1977 đến 1986 nơi gióng đồng bào miền Nam, người miền Bắc bắt đầu đã biết chạy trốn trước thú dữ.

Hầu hết thuyền vượt biên đều phải hối lộ cho cán bộ CS vài chục cây vàng, nhưng hầu hết thuyền ra đến cửa sông đều bị hải quân CS đuổi theo bắn chìm với tờ biên bản "bạn phản động ăn cướp vàng bạc chạy ra nước ngoài". Theo lời một anh lính hải quân CS sau khi giải ngũ kể rằng: Năm 1978 có một thuyền vượt biên, trên thuyền hầu hết là người già và trẻ em bị sóng trôi giạt vào một đảo thuộc quần đảo Trường Sa mà đóng giữ là bộ đội cụ Hồ, bị giết chết tất cả, có cụ già quỳ lạy xin tha chết chúng cũng không tha, vì muốn xóa tang chúng.

Về nhân quyền năm 1948 chế độ HCM đã cam kết ký vào bản Tuyên Ngôn Quốc Tế về Nhân Quyền và Dân Quyền. Thời Pháp còn đủ tất cả các quyền: báo chí tự nhân, sở hữu tư nhân, tự do ngôn luận... Còn dưới triều đại HCM dân không dám nói thực, chủ dưng nói đến các quyền khác mà mất đầu. Trong suốt 4.000 năm lịch sử của dân tộc, người VN chưa bao giờ gặp tai họa tang thương như dưới triều đại HCM mà nạn nhân chính là đồng bào mình, anh em mình. Sự tàn sát dân Việt của Mã Viện và Trương Phụ vào năm 1407 đến 1410 cũng không bạo tàn và kéo dài như vậy. Hitler cũng đề cao dân tộc mình muốn chinh phục các dân tộc khác bằng chiến tranh chứ có hành hạ dân tộc của họ đâu. Tổng Bí Thư cộng sản Cao Miên Pôn Pốt hành hạ dân tộc Miên cũng được lâu đâu, song về phương diện tàn bạo, nham hiểm thì HCM vẫn trội bật hơn cả.

Chân dung của cái gọi là "Cố Chủ Tịch Hồ Chí Minh" tội lồng vào ba song sắt "muôn năm"

Tội phạm diệt chủng
Tội phạm chiến tranh
Tội phạm nhân quyền.

Nói tóm lại hiểu và biết được tội ác của Hồ Chí Minh và đồng bọn là thúc đẩy mọi người còn có chút lòng thương với dân tộc, với tổ quốc càng gần thân hơn trong sự nghiệp đấu tranh vì tự do dân chủ cho quê hương, giải trừ pháp nạn cho tổ quốc, giải oan cho những linh hồn cha anh đã mất vì những cực hình của CS, mau chóng kết liễu chế độ độc tài CS, để người dân Việt trên khắp thế giới quay về với tổ ấm Việt Nam và chúng ta ngẩng cao đầu hòa vào thế giới văn minh hiện đại.

Ghi Chú:

(1) Ngày 12.04.1961 Juri Gagarin nhà du hành đầu tiên trên phi thuyền Wostok bay vòng quanh trái đất. Sau đó Liên Xô phóng một số phi thuyền thực nghiệm mang động vật như chó, mèo lên cung trăng để nói lên cái thực tiễn cái tiến bộ không phải là ảo tưởng của người dân miền Bắc thời ấy ●

Nhìn nhau tưởng mộng du

● Lê Mỹ Như Ý



*Từ buổi người ra đi
Ta nghe lòng thật kỳ
Nhớ nhung mà chẳng biết
Tưởng nghĩ ngợi điều chi ?*

*Nhật ký ta viết gì ?
Chuyện tình phụ lâm ly
Hay niềm vui tự tại
Khuất lấp bóng người đi !*

*Chiều mưa gió mà chi
Để tay ta ôm ghi
Không gian buồn lắng đọng
Nghe thương nhớ người đi !*

*Mây hơi mây về đây
Ôm giùm nỗi ngất ngây
Để trái tim người ấy
Rằng ta muốn xum vầy !*

*Gió đêm có thổi qua
Ghé thăm người đi xa
Trao giúp lời nhắn gửi
Ra ta vẫn thiết tha !*

*Mới đó đã một năm
Đêm nay sáng trăng rằm
Ta buồn như liễu rũ
Chờ hoài muốn đi tu !*

*Từ xa - như nghìn thu
một buổi sáng sương mù
Bỗng dung người trở lại
Nhìn nhau tưởng mộng du !*

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

□ ngày 1.4.1998

Nhân dịp Thủ Tướng Phan Văn Khải ghé Paris và cộng du các nước Âu Châu xin viện trợ, Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam viết thư nhờ Tổng Thống CHIRAC, Thủ Tướng JOSPIN và các vị nguyên thủ Tây Âu gây áp lực cho Tự do Ngôn luận tại Việt Nam

Nhân danh Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam kiêm Phó Chủ Tịch Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền, ông Võ Văn Ái đã viết thư kêu gọi Tổng Thống Pháp Jacques Chirac và Thủ Tướng Lionel Jospin hãy nêu vấn đề nhân quyền trong các cuộc tiếp xúc với Thủ Tướng Phan Văn Khải và yêu sách trả tự do cho những tù nhân vì lương thức tại Việt Nam. Nội dung thư thỉnh nguyện này cũng đã cùng lúc gửi đến Thủ Tướng Anh Tony Blair nhân cuộc họp Thượng đỉnh Âu-Á (ASEM) kỳ 2 tại Luân Đôn, Thủ Tướng Áo Viktor Klima, Thủ Tướng Bỉ Jean-Luc Dehaene và Chủ Tịch Ủy Ban Âu Châu Jacques Santer.

Từ ngày nhận chức Thủ Tướng, đây là lần đầu tiên ông Phan Văn Khải công du sang Âu Châu với một phái đoàn hùng hậu trên 40 doanh nhân, Bộ Trưởng và Thủ Tướng, để tìm viện trợ kinh tế. Cùng thời gian này, trong nội bộ Đảng nổi lên cuộc tranh cãi gay gắt về sự tất yếu phải cải cách dân chủ làm nền cho cuộc tái thiết xứ sở. Cuộc tranh cãi mà nhà cầm quyền đang tìm mọi cách dập tắt. Bắt đầu từ cuối tháng 12.97 sang đầu năm 98, những nhà cải cách đảng viên hay ngoài đảng như Tưởng Trần Độ (nguyên Thủ Tướng Văn Hóa Thông Tin), nhà Toán học Phan Đình Diệu (nguyên Phó Chủ Tịch Ủy Ban Nghiên Cứu Khoa Học Quốc Gia), Hoàng Minh Chính (nguyên Viện Trưởng Viện Triết Học Mác-Lê) hay nhà địa vật lý Nguyễn Thanh Giang, đã lên tiếng yêu sách cải cách dân chủ và thực hiện các quyền tự do.

Trước các đòi hỏi ôn hòa và lý trí như thế, nhà cầm quyền Hà Nội vẫn đứng đững đờ cao vai trò độc quyền của Đảng cộng sản và tung chiến dịch báo chí chỉ trích, thóa mạ các phê bình xây dựng nói trên. Chiến dịch này mào đầu những cuộc trừng trị mạnh mẽ sẽ đến. Nhà nước đã có sẵn Nghị Định "quản lý hành chính" mang số 31/CP để thực thi biện pháp đàn áp, bắt bỏ các nhà cải cách. Nghị Định này cho phép giam giữ bất cứ lúc nào và ở đâu từ 6 tháng đến 2 năm mà không cần thông qua án lệnh của tòa án. Với một khí giới vạm vỡ như thế, công an có thể cô lập, bịt miệng, giam giữ bất cứ ai. Ngày 12.2.98 điện thoại của ông Hoàng Minh Chính đã bị cắt, sự hăm dọa gần xa sẽ khai trừ tưởng

Trần Độ ra khỏi Đảng là những dấu hiệu báo động ban đầu.

Ý thức rằng Việt Nam đang lâm vào ngõ cụt, các ông Trần Độ, Phan Đình Diệu, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang đã đồng loạt lên tiếng yêu sách thực hiện chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng và tôn trọng nhân quyền. Nhận thức rằng "... trước những khó khăn khách quan và những thách thức nghiệt ngã, ta chưa huy động được mọi khả năng về tài nguyên, về lao động và trí tuệ của dân tộc để làm thành sức mạnh đưa đất nước tiến lên. Mà một nguyên nhân cơ bản là chưa có được giải pháp thỏa đáng để giải quyết mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và dân chủ hóa xã hội với việc duy trì sự lãnh đạo độc quyền của Đảng cộng sản", nhà Toán học Phan Đình Diệu xác định: "Yêu cầu hiện đại hóa xã hội đòi hỏi phải thực hiện các quyền tự do dân chủ tối thiểu như tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do báo chí, rồi tự do lập hội, tự do ứng cử và bầu cử thực sự"; thế mà "Những tư tưởng mới, những quan điểm mới vốn là những nguồn giá trị hỗ trợ cho việc làm ra của cải và sự giàu có trong giai đoạn mới những trái với sự hiểu biết của Đảng đều bị cấm đoán".

Trong thư gửi các vị nguyên thủ quốc gia Tây Âu, ông Võ Văn Ái cũng nhắc tới sự quan tâm đối với những công dân Việt Nam từng biểu tỏ ôn hòa chính kiến hay tín ngưỡng nhưng họ đã bị bắt giam tùy tiện. 70 Tăng Ni thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã bị tù đầy vì yêu sách một cách bất bạo động cho nhân quyền và tự do tôn giáo. Trong số này có Hòa Thượng lãnh đạo Giáo Hội Thích Huyền Quang, bị quản thúc rồi bắt giam từ 1982 không xét xử, Hòa Thượng Tiến sĩ Thích Quảng Độ, các học giả nổi danh Giáo sư Thích Tuệ Sỹ, Tiến sĩ Lê Mạnh Thát, các Thượng Tọa, Đại Đức Thích Trí Tụ, Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Thiện Minh; cũng như trường hợp của Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, hiện đang thi hành án tù 15 và 20 năm.

Làm tại Paris, ngày 1.4.1998
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền
Làm Người Việt Nam

□ Tại Genève ngày 3.4.1998

* Hà Nội bị tố cáo trước diễn đàn LHQ về việc cấm đoán tự do ngôn luận, trấn áp các ông Trần Độ, Phan Đình Diệu, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, dùng công an hăm dọa không cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang phát biểu

* LHQ tuyên bố công nhận HT Thích Quảng Độ và hai Đại Đức Thích Trí Tụ, Thích Thiện Minh là nạn nhân bị bắt bỏ trái phép

* Trước áp lực đấu tranh quốc tế, Phái đoàn Hà Nội ở Genève đành phải chấp nhận cho Phái đoàn LHQ về Việt Nam điều tra các vụ đàn áp tôn giáo

"Xin ông Võ Văn Ái hãy im tiếng đi cho, vì ông chẳng biết gì về hiện tình Việt Nam!"

Đây là câu trả lời ngắn ngủi của Phái đoàn Hà Nội tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc (LHQ) ở Genève ngày 2.4.98, liền sau bị Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam và Liên đoàn Quốc Tế Nhân Quyền vạch trần những vi phạm nhân quyền trắng trợn, những vụ đàn áp tôn giáo, tù nhân chính trị và nông dân, những cấm chỉ tự do ngôn luận và báo chí.

Tại khóa họp lần thứ 54 của Ủy Ban Nhân Quyền LHQ ở Genève, ông Võ Văn Ái, Phó Chủ Tịch Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền và Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam, đã lên tiếng tố cáo nhà cầm quyền Hà Nội dùng các biện pháp phi dân chủ để bịt miệng những ai lên tiếng phê bình chính quyền, và dùng những văn bản hợp pháp đàn áp các quyền dân sự và chính trị để bóp nghẹt tự do ngôn luận. Những văn bản này bao gồm các chỉ thị mỗi ban hành về tự do báo chí, mà kỳ thực nhằm hạn chế sự tiếp xúc giữa ký giả Việt Nam với ký giả ngoại quốc. Nhiều điều luật trong bộ Luật Hình sự của Việt Nam đã tiền liệu các hình phạt bằng án tù nặng nề cho những vi phạm được gọi khởi là "an ninh quốc gia". Còn thêm Nghị Định 31/CP về "quản lý hành chính" cho phép công an mọi quyền hành ngoài luật pháp để theo dõi hay bắt giam từ 6 tháng đến 2 năm những công dân bị tình nghi gây nguy hại "an ninh quốc gia" mà chẳng cần thông qua sự kiểm soát của cơ quan tư pháp.

Nhận định rằng Nghị Định 31/CP "hợp thức hóa việc bắt giam bất cứ cá nhân nào biểu lộ những ý kiến ly khai hay đối lập", ông Ái đặc biệt lo lắng cho số phận những nhà cải cách, giới lao thành và trí thức đảng viên hay ngoài đảng gần đây gửi thư ngỏ, kiến nghị kêu gọi nhà cầm quyền cải cách chính trị một cách triệt để. Đó là tướng Trần Độ (nguyên Thủ Tướng Văn Hóa Thông Tin, nhà Toán học Phan Đình Diệu (nguyên Phó Viện Trưởng Viện Nghiên Cứu Khoa Học Quốc Gia), ông Hoàng Minh Chính (nguyên Viện Trưởng Viện Triết Học Mác-Lê) và nhà địa vật lý Nguyễn Thanh Giang.

Đáp ứng những kiến nghị ôn hòa nói trên, nhà cầm quyền Hà Nội đã tung một chiến dịch báo chí toàn quốc hung hăng chỉ trích, thóa mạ các nạn nhân này - dấu hiệu thông thường của một cuộc đàn áp dữ dội sẽ khai triển. Bộ Chính Trị Đảng đã ra chỉ thị mật cấm đảng viên đọc hay tàng trữ tài liệu của các nhân vật nói trên. Chủ Tịch nước, Trần Đức Lương, kêu gọi công an phải cảnh giác trước "các thế lực thù nghịch phá hoại công trình cách mạng của nước ta". Riêng ông Trần Độ thì bị hăm dọa khai trừ khỏi đảng, thân nhân ông bị công an hạch hỏi. Điện thoại riêng của ông Hoàng Minh Chính bị cắt hôm 12.2.98.

Ông Võ Văn Ái cũng đã đệ trình Ủy Ban Nhân Quyền LHQ một hồ sơ nhan đề "Cải cách và Trừng phạt tại CHXHCN Việt Nam" tập trung các văn thư và kiến nghị của các nhà cải cách nói trên với một bài dẫn nhập phân tích cao trào đối thay chính trị trong nội bộ Đảng từ 18 năm qua trước sự sụp đổ của ý thức hệ và các chính quyền cộng sản trong thế giới. Ông Ái cho biết các nhân vật nói trên chỉ hành xử quyền tự do ngôn luận của họ để kêu gọi nhà nước tôn trọng nhân quyền, yếu tố căn bản cho việc phát triển Việt Nam.

Ví dụ như nhận thức sau đây của nhà Toán học Phan Đình Diêu: *"Trước những khó khăn khách quan và những thách thức nghiêm ngặt, ta chưa huy động được mọi khả năng về tài nguyên, về lao động và trí tuệ của dân tộc để làm sức mạnh dứa đất nước tiến lên. Mà một nguyên nhân cơ bản là chưa có được giải pháp thỏa đáng để giải quyết mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và dân chủ hóa xã hội với việc duy trì sự lãnh đạo độc quyền của Đảng Cộng Sản".* Do đấy ông Diêu yêu sách: *"Yêu cầu hiện đại hóa xã hội đòi hỏi phải thực hiện các quyền tự do dân chủ tối thiểu như tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do báo chí, rồi tự do lập hội, tự do ứng cử và bầu cử thực sự".* Những ông Diêu lo ngại và phê phán thực cảnh ngày nay: *"Những tư tưởng mới, những quan điểm mới vốn là những nguồn giá trị hỗ trợ cho việc làm ra của cải và sự giàu có trong giai đoạn mới nhưng trái với sự hiểu biết của Đảng đều bị cấm đoán".*

Ngoài trường hợp của những nhà cải cách cộng sản nói trên, Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền và Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Ngữ người Việt Nam, qua lời phát ngôn của ông Võ Văn Ái tại hội trường LHQ ở Genève, còn quan tâm đến hoàn cảnh của hàng giáo phẩm thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) hiện đang bị tù đày vì đã lên tiếng đòi hỏi nhân quyền và dân chủ. Năm 1994, sau khi công bố văn kiện quan trọng *"Tuyên cáo giải trừ Pháp nạn và Quốc nạn"*, qua đó, Hòa Thượng Thích Huyền Quang kêu gọi cho nền dân chủ đa nguyên, sự cáo chung của thể chế độc quyền cộng sản và yêu sách quyền bầu cử tự do, nhà cầm quyền Hà Nội đã mở chiến dịch đàn áp quy mô, bắt giam hầu hết hàng lãnh đạo GHPGVNTN. Bị quản thúc từ năm 1982 rồi bị bắt giam từ cuối năm 1994, hồi tháng 2 vừa qua công an tỉnh Quảng Ngãi đã hăm dọa sẽ đưa Hòa Thượng vào trại cải tạo ở rừng sâu nếu Hòa Thượng còn lên tiếng tuyên bố bất cứ điều gì.

Toàn cảnh hiện tình đàn áp nhân quyền, tôn giáo, nông dân, nhà báo, trí thức... tại Việt Nam qua một Phúc trình mà ông Ái cung cấp đã được LHQ in phát cho các phái đoàn phó hội tham chiếu. Phúc trình là bức hoành tráng đấu tranh sôi sục đòi hỏi tự do, dân chủ, nhân quyền. Từ hàng chục nghìn nông dân nổi lên ở Thái Bình, Đồng Nai đến cuộc biểu tình của 150 tù nhân chính trị ở trại Z30A, Xuân Lộc; từ việc bắt bỏ nhà báo Nguyễn Hoàng Linh, tổng biên tập báo Doanh Nghiệp, đến các vụ truy bức các ông Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, Đỗ Trung Hiếu, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Hoàng Tiến; từ vụ đánh phá và cưỡng chiếm chùa Phật Giáo ở Bình Thuận, Kontum, Darlac, Gia Rai, đến các hành xử phi pháp đối với các Tăng sĩ Thích Trí Tịnh, Thích Hạnh Đức, Thích Nhật Ban, Thích Huệ Đăng, Thích Thiện Minh, hay Linh mục Nguyễn Châu Đạt, Chử sắc Hòa Hảo Trần Hữu Duyên, v.v...

Tại diễn đàn LHQ năm nay, Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền và Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Ngữ người Việt Nam lập lại yêu cầu từ nhiều năm trước, là LHQ gửi Phái đoàn điều tra về vi phạm nhân quyền và đàn áp tôn giáo tại Việt Nam, cũng như lên tiếng yêu sách nhà cầm quyền Hà Nội trả tự do

tức khắc và vô điều kiện cho hàng giáo phẩm lãnh đạo GHPGVNTN bị bắt giam vì lý do tín ngưỡng và chính kiến, như trường hợp Hòa Thượng lãnh đạo Giáo hội Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Tiến sĩ Thích Quảng Độ, Giáo sư Thích Tuệ Sỹ, Tiến sĩ Lê Mạnh Thát, các Thượng Tọa, Đại Đức Thích Trí Tịnh, Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban và Thích Thiện Minh.

Tại khóa họp lần thứ 54 của Ủy Ban Nhân Quyền LHQ năm nay có hai sự kiện quan trọng cho việc bảo vệ nhân quyền và tôn giáo tại Việt Nam. Sự kiện thứ nhất là Tổ Hành Động chống bắt bỏ trái phép của LHQ công bố quyết định ghi danh Hòa Thượng Thích Quảng Độ và hai Đại Đức Thích Trí Tịnh, Thích Thiện Minh vào danh sách nạn nhân của sự bắt bỏ trái phép trong thế giới.

Sự kiện thứ hai là bản Phúc trình về đàn áp tôn giáo trong thế giới của ông Abdelfattah Amor. Ông đã tố cáo dữ dội việc Hà Nội đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, và trách cứ Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ là hai nước trong thế giới kháng kháng từ khước phái đoàn LHQ đến Việt Nam điều tra về đàn áp tôn giáo.

Trước áp lực mạnh mẽ của LHQ, nhiều quốc gia phó hội, cũng như những hồ sơ, phúc trình chính xác khó chối cãi do Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Ngữ người Việt Nam đệ trình suốt mấy năm qua, điều gây ngạc nhiên cho khóa họp năm nay là ông Đại sứ Hà Nội tại LHQ đã gặp ông Amor hôm 31.3.98 và công bố chấp nhận cho một phái đoàn LHQ đến Việt Nam điều tra về những vi phạm tôn giáo.

Chiều ngày 2.4.98, ông Abdelfattah Amor, Báo cáo viên LHQ đặc nhiệm về những đàn áp trong thế giới, đã tiếp ông Võ Văn Ái để trao đổi về hiện trạng đàn áp tôn giáo tại Việt Nam và về chuyến đi sắp đến. Ông Amor cho biết ông còn chờ một văn thư công nhận chính thức đến từ Hà Nội trước khi tiến hành mọi thủ tục và chứng trình. Vì theo lời ông, chứa thế y cứ vào "một lời hứa miệng" của ông Đại sứ.

Làm tại LHQ Genève, ngày 3.4.1998
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền
Lâm Ngữ người Việt Nam

☐ ngày 21.4.1998

Các nhân sĩ đấu tranh lên tiếng tại Liên Hiệp Quốc: "Nhân quyền không đi đôi với các tiêu chuẩn độc tài ở châu Á"

Khóa họp lần thứ 54 của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc ở Genève kết thúc vào ngày 24.4. Gần 3000 đại biểu thuộc 311 phái đoàn chính phủ và phi chính phủ về phổ hội trong hơn một tháng để tố cáo hay cứu xét những trường hợp vi phạm nhân quyền trong thế giới.

Điều đáng chú ý năm nay, là sự hoạt động của những phái đoàn phi chính phủ Á Châu đã làm cho cuộc tranh cãi trở nên sôi động và gay gắt. Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Ngữ người Việt Nam cùng Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền đã tổ chức một cuộc hội thảo ở phòng 21 trong Điện Quốc Liên, LHQ, về đề tài: **"Nhân quyền và các giá trị châu Á"**. Với 5 thuyết trình viên: ông **Ngụy**

Kinh Sinh, người tù vì lương thức của Trung Quốc; ông **Jose Ramos-Horta**, giải Nobel Hòa Bình ở Đông Timor, Nam Dương; ông **Võ Văn Ái**, Chủ tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Ngữ người Việt Nam; ông **Thaung Htun**, đại diện Chính phủ Liên Minh Quốc Gia của Liên Hiệp Miến Điện; và ông **Lobsang Nyandak**, giám đốc Điều Hành Trung Tâm Nhân Quyền và Dân Chủ Tây Tạng.

Đặc biệt bà Aung San Suu Kyi, giải Nobel Hòa Bình, lãnh tụ đối lập hiện bị quản thúc tại Miến Điện, đã bí mật gửi đến buổi hội thảo cuốn Video-cassette dài 18 phút. Trong đó bà nói lên tình trạng tạt đoàn quân phiệt Miến đàn áp các phong trào nhân quyền và dân chủ của nhân dân Miến Điện, và kêu gọi các phái đoàn phó hội LHQ lần thứ 54 hỗ trợ cho Phong trào Dân chủ Miến.

Bà Aung San Suu Kyi nói:
"Chúng tôi tranh đấu cho dân chủ tại Miến Điện, không vì dân chủ là một từ ngữ thần diệu có thể giải quyết mọi nan đề của chúng tôi, mà vì dẫu mất chúng tôi, dân chủ là một cơ chế chịu chấp nhận bảo vệ các quyền căn bản của nhân dân"

Với hình dáng khả ái, giọng nói hiền từ những đoạn quyết, bà Aung San Suu Kyi đã chinh phục 200 phái đoàn chính phủ, phi chính phủ và giới truyền thông, báo chí có mặt hôm ấy.

Người khai sinh Bức tường Dân chủ Bắc Kinh năm 1978, ông **Ngụy Kinh Sinh** vừa được trả tự do tháng 11 năm ngoái sau 18 năm tù, phát biểu:

"Mấy năm gần đây, tôi nghe các chính quyền chuyên chế tuyên bố rằng: Chúng tôi có những giá trị châu Á riêng biệt của chúng tôi, nên không thể chấp nhận tính phổ quát của nhân quyền (...). Kiểu "tuyên ngôn về những giá trị châu Á" như thế chẳng khác chi các lời tuyên bố của Đức Quốc Xã về chủng tộc người hung. Trước hết, đó là sự lãng nhụy nhân dân châu Á. Tại sao người châu Á không được yêu sách các quyền làm người căn bản? sự bảo vệ căn bản cho tự do hội họp, tự do ngôn luận, tự do tôn giáo? Những giá trị căn bản này mọi người trong chúng ta đều công nhận như nhu cầu nhân loại (...). Trong thực tế, những kẻ ủng hộ cho cái gọi là "những giá trị châu Á", trong đó có đảng cộng sản Trung Quốc, thì những giá trị họ nói đó chẳng phát sinh từ Trung Quốc hay châu Á. Bọn họ chỉ nhập cảng những lý thuyết và giá trị của những kẻ mà ngay chính người châu Á cũng không muốn chấp nhận, vì các lý thuyết ấy là sự dối gạt không lồ (...)."

"Dĩ nhiên, chúng tôi đã bắt đầu nghiên cứu nhiều hệ thống tiến bộ của Âu châu, và chắc chắn là chúng tôi muốn áp dụng các phương thức này vào cuộc đấu tranh bảo vệ các giá trị nhân bản của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi cũng tìm thấy nhiều khuyết điểm trong các hệ thống ấy. Ví dụ, các nước châu Âu chẳng muốn cùng nhau hiệp nhất để hậu thuẫn những ai đấu tranh cho nhân quyền ở châu Á. Các nước Tây phương đã lùi bước trước các thế lực cầm quyền, làm cho các chính quyền chuyên chế trở nên ranh mãnh hơn, để khai thác những nhược điểm của người Tây phương."

Ông **Lobsang Nyandak**, Giám đốc Điều Hành Trung Tâm Nhân Quyền và Dân Chủ Tây Tạng đến từ Dharamsala, nói lên thâm cảnh nước ông bị chính quyền Bắc Kinh

xâm chiếm. Chủ tịch Mao xem "tôn giáo là thuốc độc" nên thời ấy 6000 Tu viện và Ni viện Tây Tạng đã bị phá hủy, trên một triệu người bị giết. Quan điểm ông về những "Giá trị châu Á" là:

"Mọi người đều ước ao hạnh phúc, tự do và tránh xa đau khổ. Tra tấn ở đâu cũng đều là tra tấn. Giết một người Đông phương hay giết một người Tây phương đều là giết người. (...) Qua lịch sử dài 2000 năm, người Tây Tạng không có quan niệm hiện đại về nhân quyền như ngày nay, nhưng tôn giáo của chúng tôi dạy chúng tôi phải bảo vệ và tôn trọng chân giá trị của quyền làm người. Tinh hoa của Phật Giáo Tây Tạng là: "Nếu không cứu độ được kẻ khác, thì đừng làm họ tổn hại". Người Tây Tạng tôn trọng và xem sinh mạng con người là quý báu và thiêng liêng".

Về phần Việt Nam, ông Võ Văn Ái trình bày hiện trạng không có tự do ngôn luận, tự do báo chí qua sự báo động kiến nghị của những nhà cải cách cộng sản như Tướng Trần Độ, ông Phan Đình Diệu, ông Hoàng Minh Chính, cũng như những cuộc đàn áp nhân quyền, tôn giáo, khiến cho 40.000 Phật tử Huế xuống đường năm 1993, hàng chục nghìn nông dân và tín hữu Công Giáo biểu tình ở Thái Bình, ở Đồng Nai năm ngoái, ông nói:

"Ngoại lệ châu Á" chẳng gì khác hơn là nhà cầm quyền được tự do đàn áp thả giàn. (...) Thảm cảnh của các dân tộc châu Á, đặc biệt nhân dân Việt Nam, không đo riêng các chính quyền chuyên chế, độc tài hay quân phiệt gây ra. Mà đó cũng là lỗi của Tây phương, một Tây phương hy sinh tính phổ quát của nhân quyền trên bàn thờ Con Buồn. Bao nhiêu giá trị khổ công thu thập suốt ba thế kỷ, từ Tuyên Bố những quyền cơ bản của con người ở Anh quốc, Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ cho đến Tuyên Ngôn Nhân Quyền của Cách Mạng Pháp, đều bị bội phản trước sự đầu hàng của Tây phương ngày nay".

"(...) Trong trường hợp Việt Nam, Đảng cầm quyền không đại biểu cho nhân dân, và ý thức hệ của Đảng này chẳng mang dấu vết truyền thống 5000 năm văn hiến Việt Nam. Trái lại, chỉ là sự xâm nhập của chủ nghĩa Mác-xít, một tư duy thuần túy Tây phương, trong một xã hội đậm nét Phật Giáo và Khổng Giáo".

Tiếp đấy, ông Võ Văn Ái cho biết nếu muốn tuyên dương giá trị châu Á ở Việt Nam thì phải nhắc tới Phật Giáo. Vì Phật Giáo du nhập Việt Nam từ thế kỷ đầu Tây lịch và làm nền cho Văn hóa và Tư tưởng Việt Nam. 2500 năm trước Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, Đức Phật đã bình quyền hóa nam nữ, xóa bỏ phân biệt giai cấp, kêu gọi bảo vệ và tôn trọng con người khi nói "Chúng sinh là Phật sẽ thành".

Cuộc hội thảo về "Những giá trị châu Á" cho thấy, dù các thuyết trình viên đến từ những quốc gia khác nhau, những phong trào đấu tranh khác nhau, nhưng nhận định của họ đồng nhất chống lại những giá trị gọi là châu Á của những chính quyền chuyên chế, độc tài.

Ông Jose Ramos-Horta, giải Nobel Hòa Bình, ở Đông Timor, phát biểu như sau:

"Cái gọi là biện luận cho "Những giá trị châu Á không gì khác hơn là một khẩu hiệu chính trị. Chẳng có nội dung, chẳng có căn bản. Những kẻ hay nói về "những giá trị châu Á", đặc biệt Mahathir Mohammed ở

Mã Lai, những người ở Singapur, ở Trung Quốc, họ chẳng bao giờ diễn đạt "những giá trị châu Á" là gì, mà đặc biệt đến thế, mà khác biệt với những nguyên tắc chữa đặng trong Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, như tự do thoát ly khỏi sự khủng bố, sự tra tấn, sự bắt bớ trái phép, v.v... Trong thực tế, những gì họ nói chỉ là sự xuyên tạc những ý tưởng và giá trị mà chúng ta yêu chuộng, không riêng gì ở xã hội châu Á, mà ở khắp thế giới. Đó là sự sống thiêng liêng, gia đình thiêng liêng, v.v... Nếu ta đọc các triết gia và các giáo lý tôn giáo của Đông phương, như Hồi Giáo, Phật Giáo, Ấn Giáo qua hàng nghìn năm, chúng ta sẽ thấu hiểu về công bằng xã hội, về tử bi, tha thứ, khoan dung, khiêm nhường. Nhưng trong thực tế, khi ta nhìn tác phẩm của Lý Bằng, Giang Trạch Dân ở Trung Quốc, Lý Quang Diệu ở Singapore, Mahathir ở Mã Lai, Suharto ở Nam Dương, họ chẳng khiêm tốn, nhã nhặn, họ chẳng tử bi, chẳng khoan thứ tí nào. Hãy nhìn cách họ hành xử với nhân dân họ, ở Thiên An Môn, ở trên các nẻo đường Jakarta hay Delhi... Đùng là một thủ đoạn đứ đũa khủng khiếp, thế mà những kẻ này đang muốn dạy bài học cho chúng ta về những "giá trị châu Á" đặc thù. Không, tuyên bố của họ thuần túy là khẩu hiệu chính trị, không có căn bản. Hôn nữa, đó là sự lảng nhục, sự chửi bới các dân tộc Việt Nam, Cam Bốt, Phi Luật Tân, Thái Lan, Nam Dương, Trung Quốc, Ấn Độ, khối nhân dân đấu tranh chống lại các chính thể chuyên chế, độc tài từ hàng trăm năm qua".

Phát biểu về Việt Nam, giải Nobel Hòa Bình Jose Ramos-Horta nói:

"Trước hết, tôi nghĩ rằng thế giới vô cùng ngưỡng phục dân tộc Việt Nam. Trong lịch sử, và ở thế kỷ chúng ta, chẳng có bao nhiêu quốc gia chịu đau khổ triền miên, lãnh thổ bị tàn phá qua hai cuộc chiến tranh Pháp - Mỹ quá lâu dài. Hàng triệu nhân dân đã hy sinh thân mạng cho phẩm giá dân tộc, danh dự và tự do. Nhưng rồi, quần chúng bỗng nhiên tự hỏi, thành quả của những năm dài đấu tranh và đau khổ là gì? Đây đây, chúng ta lại rơi vào một chính thể bạo ngược khác: bạo chính Stalinist, một thủ chủ nghĩa Stalinist đã bị ô danh trong quá khứ, thế mà giờ đây chúng ta lại bị lâm vào cái ách của một chế độ độc tài toàn trị kiểu đó. Tuy nhiên, tôi dám minh xác rằng, với quyết tâm không thay đổi của nhân dân Việt Nam, với sự dũng cảm không hề sờn của nhân dân Việt Nam, tôi tin rằng dân chủ sẽ thắng ở Việt Nam như đã thắng ở Nam Hàn, ở Phi Luật Tân, ở Thái Lan và nhiều nơi khác".

Làm tại Paris, ngày 21.4.1998
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền
Làm Người Việt Nam

☐ Tại Genève ngày 25.5.1998

Phái đoàn GHPGVNTHN-HK - Văn phòng II Viện Hóa Đạo đến Liên Hiệp Quốc ở Genève gặp Ông Abdelfattah Amor điều trần về hiện trạng Nhà cầm quyền Cộng Sản đàn áp các Tôn Giáo tại Việt Nam

Dưới áp lực của LHQ, nhiều chính phủ trong thế giới cũng như dư luận quốc tế, năm nay tại khóa họp lần thứ 54 của Ủy Ban nhân Quyền LHQ tại Genève tháng Tư

vừa qua, nhà cầm quyền Hà Nội đã phải chấp nhận cho Phái đoàn LHQ đến Việt Nam điều tra hiện trạng đàn áp tôn giáo. Ông Abdelfattah Amor, Báo cáo viên LHQ đặc nhiệm Vụ Bất Báo Dung Tôn Giáo trong thế giới sẽ cầm đầu Phái đoàn LHQ đi Việt Nam.

Được tin này Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã gửi một Phái đoàn của Giáo Hội đến Genève để điều trần về hiện trạng đàn áp các tôn giáo tại Việt Nam nói chung và Phật Giáo nói riêng. Phái đoàn do Hòa Thượng Thích Chánh Lạc, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo cầm đầu, cùng với Thượng Tọa Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo; Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Chủ Tịch Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu; Thượng Tọa Thích Quảng Hiền, Chi Hội Trưởng GHPGVNTN tại Thụy Sĩ; Ông Võ Văn Ái, Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam kiêm Giám Đốc Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế và Chị Y Lan, Phó chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam.

Ông Abdelfattah đã tiếp Phái đoàn trong hơn một giờ rưỡi đồng hồ sáng Thứ Hai 25.5.98 tại Trung Tâm Nhân Quyền LHQ ở Điện Quốc Liên, Genève. Ông đã chăm chú lắng nghe cuộc điều trần chi tiết về hiện trạng và chính sách đàn áp tôn giáo của Đảng và Nhà nước Cộng Sản đối với Phật Giáo, Công Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành... từ 1955 tại miền Bắc và từ 1975 tại miền Nam. Ông đã đặt rất nhiều câu hỏi chi tiết để tìm hiểu về thực trạng tôn giáo tại Việt Nam.

Vì lý do chí công vô tư của Phái đoàn LHQ sắp đi Việt Nam, chúng tôi tạm hoãn công bố những chi tiết về cuộc điều trần và trao đổi giữa Phái đoàn GHPGVNTHN-HK - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và ông Báo cáo viên LHQ Abdelfattah Amor tại Điện Quốc Liên. Nhưng nói chung, cuộc gặp gỡ đã diễn ra trong không khí thân tình, tửu tượng kính, cởi mở và bổ ích cho cả hai phía. Và ông Amor đã hết lòng cảm ơn Phái đoàn cung cấp các tài liệu cần thiết và quý báu.

Làm tại Genève, ngày 25.5.1998
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

Phái đoàn sẵn sàng trả lời phỏng vấn hoặc hỏi thêm chi tiết. Xin liên lạc qua điện thoại: Hôtel Carlton Genève (41-22) 908 68 50 - Room 710, từ 18 giờ đến 24 giờ (giờ Thụy Sĩ) hôm nay 25.5.98.

LIÊN ĐOÀN VIỆT NAM NHÂN QUYỀN

c/o Madame Lương Thị Nga -
1Av. Saint Exupéry
92160 ANTONY - FRANCE -
Tel. 01 43 50 20 46 - Fax. 01 46 61 53 98

THÔNG CÁO

Khóa khoáng đại nhân quyền thứ 54 của Liên Hiệp Quốc được khai mạc long

trọng tại đại sảnh đường Tòa Lầu Đài Vạn Quốc Genève vào ngày 16.3.1998 với sự tham dự của ông Tổng Thư Ký LHQ, một nhân sĩ được giải Nobel và đồng đạo các chính khách cấp bực Bộ Trưởng, Thủ Tướng, Quốc Trưởng, để kỷ niệm 50 năm Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được ban hành.

Ông Vaclav Havel, Tổng Thống Cộng Hòa Tiệp, tuyên bố nếu cần phải lựa chọn giữa "quyền lợi Nhà nước" và "sự tôn trọng nhân quyền", chúng ta phải lựa chọn "sự tôn trọng nhân quyền".

Ông Lionel Jospin, Thủ Tướng Pháp Quốc, nhấn mạnh phải kết án nghiêm khắc trên mặt đạo lý lẫn chính trị mọi vi phạm nhân quyền, Thủ phạm các tội ác chiến tranh và chống nhân loại phải bị trừng trị; Ông đặt rất nhiều tin tưởng trong việc thành lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế.

Đại biểu nước Ái Nhĩ Lan nhắc nhở rằng tới ngày hôm nay chỉ còn hai nước đóng kín biên giới không cho chuyên viên LHQ về vấn đề tôn giáo đến điều tra tại chỗ là Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam.

Từ năm 1992 đến nay, qua tiếng nói của 4 phái đoàn nhân quyền thành viên của Liên Đoàn Việt Nam Nhân Quyền (Việt Nam Tự Do Tín Ngưỡng, Phụ Nữ Việt Nam, Người Việt Tự Do và Tù Nhân Chính Trị), đối lập Việt Nam kiên trì đấu tranh yêu cầu LHQ phải chuyển viên qua Việt Nam điều tra và thành lập "Tòa Án Hình Sự Quốc Tế về Việt Nam" để xét xử nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam về các "tội ác chống nhân loại" họ đã vi phạm đối với dân tộc Việt Nam kể từ ngày Hồ Chí Minh cướp chiếm chính quyền; trong khóa khoảng đại này, Liên Đoàn Việt Nam Nhân Quyền, với sự hỗ trợ của khối luật sư quốc tế Âu-Á-Phi-Nam Mỹ La tinh và qua diễn đàn Pax Romana, tiếp tục đấu tranh cho mục tiêu này về vấn đề tôn giáo và vấn đề tù nhân chính trị Việt Nam Tự Do bị xử dụng trong công tác gỡ mìn bẫy cùng việc vụ tù nhân chính trị bị cán bộ cao cấp đảng cộng sản Việt Nam hiếp dâm.

Ngày 27.3.1998, Ông Gerhard Ram Molt, người Đức, chuyên viên về quốc tế pháp, tổ cáo trước dự luận quốc tế việc nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đàn áp dã man, trường kỳ, đẫm máu, triệt tiêu Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo! Ông Gerhard Ram Molt kết luận những thủ phạm các tội ác chống nhân loại này phải bị "Tòa Án Hình Sự Quốc Tế về Việt Nam" xét xử và trừng trị.

Trước sự kiên trì đấu tranh của Liên Đoàn Việt Nam Nhân Quyền, cộng sản Việt Nam đã thẳm bại trong khóa nhân quyền quan trọng này; sau tuyên cáo nẩy lửa của Liên Đoàn Việt Nam Nhân Quyền, Ông Abdelfattah Amor, phúc trình viên đặc biệt của LHQ về vấn đề bất khoan dung tôn giáo, công khai cho biết chính phủ Hà Nội đã phải đạo đạt lỗi mỗi đến LHQ để mời Ông qua Việt Nam điều tra.

Làm tại trụ sở LHQ, Genève,
ngày 2.4.1998
Chủ Tịch
Lương Thị Nga

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

■ THƯ TÍN

Hương Giang Thái Văn Kiểm (Pháp), Thiện Xuân (Nga), Vũ Kỳ (Bi), Nguyễn Thanh Nhân (Úc), Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Ngữội Việt Nam (Pháp), Lương Thị Nga (Pháp), Văn Nường (Pháp) Cử Sĩ Chánh Trực (Canada), Phan Hùng Nhón (Đức), Nguyễn Thuồng Quê (Na Uy), Dư Thị Diễm Bướn (Mỹ), Nguyễn Văn Cường (Na Uy), Hoàng Đức Hà Ngọc Dứ (Đức), Nguyễn Thị Hoa (Đức), Đồng Châu (Canada), Nguyễn Văn Ba (Canada), Quang Tuấn (Mỹ), Cử Sĩ Tâm Quang (Pháp), Nguyễn Chí Thành (Đức), Thiện Nguyên (Đức), Nguyễn Thủy (Pháp), Đoàn Thanh Bình (Đức), Trần Phong Lưu & Quỳnh Hoa (Đức), Nguyễn Đình Hùng (Hòa Lan), Hồ Trọng Khối (Pháp), Nguyễn Phúc Bửu Tập (Mỹ), Đoàn Ủy Lạo Ni Viện Diệu Quang Nha Trang (Việt Nam), Lương Phạm & Dỵ Sỹ (Mỹ), TS. Lâm Như Tạng (Úc), Ngô Linh Phượng (Đức), Áo Gián Phan Ngô (Mỹ), Thiện Căn Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức), Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyên (Úc), Nguyễn Thanh Nguyên (Đức), Phạm Hữu Vui (Đức), Hoàng Bá Cường (Đức), Nguyễn Hồng Vũ (Đức), Đặng Đông Mỹ, Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Hà Huyền Chi (Mỹ), Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ), Nguyễn Thanh (Đức) Cao Tịnh Nguyễn (Thụy Sĩ), Ý Nga (Ý), Hoài Việt (Pháp), EP (Thụy Sĩ), Nguyễn Song Anh (Đức), Thích Hạnh Nguyễn & Thích Hạnh Tấn (Ấn Độ).

■ KINH, SÁCH, BÁO CHÍ

● ĐỨC: Dân Tộc số 26, 27, 28; Ánh Sáng Dân Chủ số 13; Diên Hồng số 26; Cuộc đời của Đại Đức Mahā Kassapa; Thời Mới số 10; Tiến Bộ số 11, 12; Tạp Chí Việt Nam Hòa Bình số 11; Jugendliche in Niedersachsen; Interkulturelles lernen mit Kindern; Tự Do số 29; Journal für Deutschland; Thông Tin số 2; Tibet & Buddhismus; Việt Nam Thông Tin số 9, 10; Der Mittlere Weg; Tiếng Nói Tự Do số 10; Dân Chủ Cho Việt Nam số 21; Cảnh Ấn số 77; Đoàn Kết số 22; Dân Việt số 30; Đất Việt số 12, 13; Nhiệt Huyết số 16; Diễn Đàn Việt Nam số 83; Dân Chúa Âu Châu số 187, 188; Đất Nước số 26, 27; Dân Chủ & Phát Triển số 12; Bản Tin Tâm Giác số Đặc Biệt; Développement et Coopération No.3; Entwicklung und Zusammenarbeit 39; Cao Đài Giáo Lý số 46; Tạp Chí Dân Chủ số 25; Diễn Đàn Tự Do số 5; Việt Nam Tự Do trên Internet; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 5/98; Ánh Sáng số 11; Dân Văn số 63; Hương Quê số 14; Thiện Chí số 58; Khát Vọng số 7; Hương Việt số 11; Thông Tin VID số 3, 4; Tia Sáng số 33&34; Diễn Đàn Tự Do Dân Chủ số 20; Tạp San Thi Ca số 14; Xa Xứ số 1; Quê Hương số 22; Tuổi Trẻ số 4&5; Hải Ngoại Nhân Văn số 8.

● PHÁP: Liên Đoàn Việt Nam Nhân Quyền; Thời Báo Marseille số 63, 64; Việt Nam Dân Chủ số 19, 20; Con Đường Dân Chủ & Phát Triển - LMVNTD; Đối Thoại và Rao Truyền Kito Giáo và các Tôn Giáo; Nhân Bản số 19, 20; Bản Tin Khánh Anh 4/98; Tu Là Chuyển Nghiệp -Khánh Anh; Phật Giáo Cho Người Mới Học - Khánh Anh; Sự Thật số 36; Hoàng Pháp số 82.

● THỤY SĨ: Mục Vụ số 166, 167.

● AO: Hoa Sen số 11.

● HÒA LAN: Việt Nam Nguyệt San số 129, 130.

● Ý: Góp Lửa - Ý Nga.

● NA UY: Pháp Âm số 3/98.

● HOA KỲ: Bồ Đề Hải số 37, 38; Ch'an Magazine; Đặc San Trúc Lâm; Phật Giáo Việt Nam số 104; Vạn Hội Mỗi số 239; Chân Trời Mỗi số 5/98; Đuốc Từ Bi số 55; Sài Gòn Times số 562; Buddha's Light Newsletter Nr.32; Phật Quang Thế Kỳ số 32; Hoa Sen số 34. Bản Tin Chánh Tín số 1.

● CANADA: Bồ Đề Tâm Lý Tướng Luận - Kinh Văn Thủ Sư Lợi thỉnh vấn về Bồ Đề - Kinh Nhân Quả Ba Đời - Nhân Duyên Tâm Luận Tụng - Đặc San Kỳ Niệm Đệ Thập Chu Niên thành lập GHPGVN trên thế giới : Tổ đình Từ Quang. Từ Ân số Đặc Biệt; Đì Tỏi số 9, 10; Pháp Âm số 61; Đặc San Từ Ân số Phật Đản.

● ĐÀI LOAN: Hiện Đại Phật Giáo số 203, 204; Golden Lotus Theatre; Bud dha's Light Newsletter; Ch'ien Foshan Magazine Nr.68/3; Zen Now Nr.26.

● ÚC: Hương Thơm Niệm Phật - T. Phổ Huân; Pháp Bảo số 50; Phước Huệ số 9; Di Đà Yêu Giải - T.T. Thích Phước Nhơn.

TRẢ LỜI ĐỘC GIẢ

● Chị Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ)

Trong bài Ký Sự Văn Học đăng trên báo Viên Giác đặc biệt số 100 nhằm giới thiệu những cây bút đã và đang cộng tác với báo Viên Giác, trong đó PV viết về chị: "... *Vậy những công tác văn nghệ cho Cộng đồng người Việt tại Thụy Sĩ, những sinh hoạt với GDPT, hướng dẫn các em Oanh Vũ không đủ để kể khai hay sao...*". Không ngờ đoạn văn ngắn gọn này lại tạo hiểu lầm là chị đã "*cướp công*" của kẻ khác! Chị đọc lại xem, PV có phong cho chị một chức vụ nào đâu, nên sau khi báo VG 100 phát hành, PV nhận được thư chị đề nghị cải chính là chị chỉ là một đoàn sinh GDPT mà thôi.

Nay lại nhận được thư chị nhắc nhở, PV xin chiều ý chị ghi lại như trên để xin "thanh minh" theo yêu cầu của chị Trần Thị Nhật Hưng và xin dừng hiểu lầm mà tội nghiệp cho chị. Mô Phật (PV).

● Anh Trần Đăng (Đức)

Đã nhận bài và thư của anh có kèm tem để nhờ Tòa Soạn chuyển bài thơ "Viết Cho Người Than Thân" đến TTV là tác giả bài "Than Thân" đăng trên VG. Rất tiếc chúng tôi chưa đáp ứng yêu cầu của anh khi chưa có sự đồng ý của TTV.

Cám ơn những góp ý xác đáng của anh trong "Bài Vẽ Cho Báo". Trong thời gian anh điều trị tại bệnh viện vì tai nạn xe hơi, chúng tôi không liên lạc với anh được; và lại mục "Trả Lời Độc Giả" cũng phải dành đất cho những bài viết khác. Chúc anh chóng bình phục và gặp nhiều may mắn hơn. Thân. (PV)

● Anh Nguyễn Huy Diễm (Đức)

Cám ơn anh đã có thư góp ý rất chân tình và vai đề nghị cho mục "Vườn Thơ Viên Giác". Có điều, là trong mục này, PV không hề ra một "câu đối" nào cả để anh phải quá bận tâm như anh viết trong thư: "... Thưa anh, tôi không còn biết là từ bao lâu, những cử mỗi lần thấy anh đăng lại các câu đối đó là tôi lại nổi tham, sân, si lên ngồi bốp đầu bốp trán tìm câu đối lại...". Ngoài ra, cũng không phải là một cuộc thi về "câu đối", nên các đề nghị của anh về việc "thành lập một hội đồng chính thức để chọn các câu đối" hay cùng "với một vài người bạn thơ" để chọn và "làm thành một tuyển tập những câu đối hay". PV xin tâm lãnh nhưng chưa thể thực hiện được.

VTGV do PV phụ trách, thường thông báo chủ đề cho số báo tới, nhằm gợi ý cho những thi hữu đồng góp. Những bài thơ hay, hợp với chủ đề (theo nhận xét của người phụ trách) đều được giới thiệu trên mục này.

Nếu lời kêu gọi được nhiều người hưởng ứng như anh viết thì âu cũng là điều hoan hỷ cho người phụ trách.

NHẬN XÉT VỀ Ý KIẾN CỦA TRẦN-ĐỘ ĐỐI VỚI HIỆN TRẠNG ĐẤT NƯỚC VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

● Áo Giàn PHAN NGŨ

Từ đầu năm dương lịch 1998, dồn dập nhiều tài liệu góp ý với Đảng CSVN phát xuất từ những nhân vật quan trọng trong hàng ngũ CS, được truyền bá ở hải ngoại (còn trong nước thì không mấy ai được biết!?) như Trần Độ, Tiến sĩ Phan Đình Diệu; Hoàng Minh Chính, Viện Trưởng Viện Triết Học Mác-xít; Nguyễn Thanh Giang, nhà Vật Lý Học; nhà văn Hoàng Tiến; nhà thơ Bùi Minh Quốc... Trong các tài liệu ta đọc được ở hải ngoại, thì bài của Trần Độ là dài hơn cả, chi tiết đầy đủ hơn cả, ý kiến "táo bạo" hơn cả, làm cho trong chúng ta nhiều kẻ thấy "đắc ý" hơn cả. Tuy nhiên đối với những kẻ quan tâm đến chính trị và tiền đồ đất nước, thì không "nhất trí" trong thái độ đối với Trần Độ. Đại để dư luận gồm hai thành phần: Một thành phần thấy "khoái trá", tin tưởng vào lập trường chính trị có tính cách cách mạng của Trần Độ và mặc nhiên xem ông ta là "chiến hữu". Thành phần kia thì thận trọng, nghi hoặc, cho là tất cả đều do mảnh khõe "xà xú bắp" của VC để ngăn ngừa bạo lực lật đổ chế độ mà thôi. Hai bên đều tìm thấy luận cứ trong bài của Trần Độ để biện minh cho thái độ của mình.

Vậy lập trường của người viết, xin lược dẫn những ý kiến của Trần Độ mà mỗi bên đã dựa vào để có thái độ.

THÀNH PHẦN TIN TƯỞNG VÀO TÍNH CÁCH CÁCH MẠNG CỦA TRẦN ĐỘ

Thành phần này "mê" những phát biểu sau đây của Trần Độ, về:

Tình hình đất nước: Trần Độ kêu gọi Đảng hãy "Nhìn thẳng vào sự thật", "Đánh giá đúng thì hành động đúng, ngược lại... sẽ đẩy tới những hành động không tránh khỏi sai lầm". Ông đánh giá tình hình đất nước bằng 7 câu hỏi "Tại sao?" liên quan đến 7 sự kiện:

- Tại sao kinh tế quốc doanh là "ổ tham nhũng" ?
- Tại sao không huy động được vốn ở trong nước?
- Tại sao ngoại quốc e dè rồi rút lui?
- Tại sao không đẩy lui được tham nhũng?
- Tại sao người dân không những thờ ơ mà còn đứng lên đấu tranh?
- Tại sao một bộ phận Đảng làm giàu được một cách bất chính?

- Tại sao bộ máy cai trị quá đồ sộ mà vô hiệu?

Kết đoạn: Một cuộc khủng hoảng xã hội mới còn nghiêm trọng hơn lần trước (thời 1986) nhiều.

Nguyên nhân tại đâu ?

- Mặc dầu tuyên bố mục tiêu của nước ta hiện nay là "Phát triển kinh tế, dân giàu nước mạnh" nhưng vẫn nhấn mạnh "kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa", nay sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, vì kinh tế thị trường không thể đi đôi với định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước đề ra huy động nguồn vốn "trong dân" nhưng vốn ấy vẫn "ngủ yên" vì sợ cái "định hướng" ấy. Lại cũng khó thu hút vốn nước ngoài. Phải lựa chọn, không thể nói "nhập nhằng", bắt cá hai tay. "Kéo dài tình trạng nước đôi, đất nước sẽ không có điều kiện phát triển".

- Chưa có "Chiến lược "kinh tế", vì gánh nặng độc tôn còn đè nặng lên đầu óc con người, những ý kiến khác với chính thống bị coi là "chống đối". "Đó là nguyên nhân" quan trọng đưa tới tình trạng gần như tắc tị về chiến lược phát triển hiện nay".

- Về Quyền lực, tuy nói là "Do dân, vì dân, của dân", "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" nhưng "tất cả mọi cái đều do Đảng". Đảng độc tôn, không có lực lượng nào giám sát cả. "Cài cách kinh tế đòi hỏi phải có cài cách chính trị một cách mạnh mẽ". "Nhiều đảng viên có chức quyền đã thực sự trở thành "những tư bản mới" gây ra mâu thuẫn xã hội càng gay gắt, có thể đưa tới những bùng nổ xã hội" (như Thái Bình).

- Nguyên nhân quan trọng nhất ở **bản thân Đảng**, ở vai trò lãnh đạo:

- Đảng không có chiến lược phát triển xã hội.
- Đảng giữ vai trò lãnh đạo độc quyền, độc tôn, đưa tới thoái hóa, ruồng rớt, tắc tị.
- Đảng viên có quyền thế lại thiếu cả đức lẫn tài.
- Về nội bộ thì chế độ "tập trung dân chủ" đưa tới triệt tiêu dân chủ.

Vai trò độc tôn của chủ nghĩa Mác-Lênin đưa tới sự trì trệ trí tuệ.

Vậy phải làm gì?

"Cần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng... từ bỏ phương thức toàn diện, chỉ giữ vai trò lãnh đạo về chính trị, còn lại Quốc Hội, Chính Phủ, Mặt Trận có nhiệm vụ và quyền hạn độc lập của mình... Một điều then chốt, một điều quyết định là phải thực sự dân chủ hóa, thực sự thực hành dân chủ để cho nhân dân có quyền lực thực sự trong khi thực hiện quyền lợi và trách nhiệm của mình". Muốn vậy phải **thay đổi tư duy về dân chủ**:

- Không nên đối lập "Dân chủ tư sản" với "Dân chủ vô sản". Các nước tư bản Tây phương đã có nhiều thành công về xây dựng và hoàn thiện chế độ dân chủ, đáng để ta nghiên cứu. "**Cần phải thừa nhận nhân loại hiện nay có những giá trị Dân chủ chung...** Chúng ta không nêu cao chế độ dân chủ thì không thể tập hợp nhân dân đông đảo".

- Ta thường tự hào chế độ dân chủ của ta cao gấp nhiều lần dân chủ tư sản. Nhưng cán bộ ta đi thăm các nước tư bản về, đều phải thừa nhận đời sống người dân các nước ấy cởi mở, tự do hơn, pháp luật được tuân hành nghiêm túc, mọi người được pháp luật bảo vệ, không để cho các quyền tự do dân chủ của mình bị xâm phạm. Dân chủ với luật pháp rõ ràng, nghiêm minh là bảo đảm cho ổn định và phát triển.

- Phải phát triển kinh tế trước đã rồi sau mới nói tới dân chủ là sai. Không thể huy động được nội lực, khi người dân không có các quyền dân chủ tối thiểu. "Tình hình đất nước đang đòi hỏi dân chủ hóa một cách bức thiết... **Dân chủ hóa là điều kiện đầu tiên không thể thiếu để đảm bảo sự phát triển đất nước**".

TÓM TẮT VÀ KẾT LUẬN

- Về tình hình:

- Đất nước ta nghèo khó và lạc hậu nhất thế giới
- Ta đứng trước hai nguy cơ hiểm ác
- * không ra khỏi tình trạng bùng nổ thì sụp đổ không cứu nổi.

* Nếu Đảng đối phó đàn áp, cuối cùng cũng tan rã
Muốn phát huy nội lực phải dân chủ hóa. Dân chủ hóa mạnh mẽ sẽ tạo nên hùng khí yêu nước.

- Nói về Đảng:

- Những nguyên tắc đã áp dụng thành công trong thời chiến, không thể dùng cho thời bình, nếu không sẽ mất lòng tin của nhân dân.
- Tại sao Đảng bây giờ khác với Đảng ngày xưa?

* Ngày xưa Đảng với dân là một, dân nuôi Đảng, bảo vệ Đảng (thời Kháng chiến)

* Ngày nay Đảng với dân là hai.

Cần phải thực hiện phương thức: Đảng chỉ nên là lãnh đạo chính trị, còn các Tổ chức khác: Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận phải có nhiệm vụ và công việc của mình. Ý của ông Trần Độ là tách Đảng ra khỏi Nhà nước. "Nếu cứ giữ mãi cảnh Đảng - Nhà nước thì dân chúng càng ngày càng xa Đảng, uy tín và vai trò của Đảng ngày càng thấp và mất dần.

PHẦN PHỤ LỤC

Trong phần này ông bàn về hai việc cần làm ngay để thực hành Dân Chủ:

- Ban hành một chế độ, một bộ luật về tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và do đó tất yếu là phải tự do báo chí và tự do xuất bản-

- Vấn đề bầu cử: Ông công kích lẽ lối "Đảng cử, dân bầu", tuy hô "Dân làm chủ" nhưng thực sự chỉ có Đảng làm chủ thôi. Ông đề nghị lối "Bầu cử nhiều vòng" để giới thiệu ứng cử viên, căn cứ trên Đức và Tài. Về tuổi ứng cử viên: 40 tuổi cho Đại biểu cấp toàn quốc, 30 cho cấp cơ sở.

Tóm lại, qua sự trình bày trên, ta thấy ý kiến của ông quả thật hấp dẫn và đáng được xem là "chiến hữu" của những người quốc gia đường theo đuổi lý tưởng Tự Do Dân Chủ bằng đường lối này hay nọ.

THÀNH PHẦN THÂN TRONG VÀ NGHI HOẠC

Thành phần này dựa vào những tư tưởng "sâu kín" mà tác giả thỉnh thoảng để lộ ra. Ở phần nói về Nguyên do và Nguyên cơ mà Đảng đứng trái qua, ông viết: "Tôi hoàn toàn thừa nhận vai trò chủ nghĩa Mác-Lênin trong lịch sử cách mạng nước ta, nó đã có những đóng góp quan trọng". Trái lại, tư tưởng đó đã làm cho dân tộc ta gánh chịu bao cảnh điêu linh mà các dân tộc khác không theo chủ nghĩa CS, tuy là cụ thể thuộc địa, vẫn tranh thủ được độc lập, để phát triển như ngày nay, trong tự do dân chủ.

Trong phần "Làm Gì?". Ông tỏ ra tin tưởng ở lãnh tụ gian xảo Hồ Chí Minh của ông: "Chúng ta phải lúu tâm học tập Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ chí Minh đã coi trọng (?) các giá trị dân chủ của nhân loại...". Ai cũng thấy họ Hồ nói một đường làm một nẻo, và vô cùng sát máu đối với chính địch.

Ở Phần Kết Luận, Y Tự Hào: "Hiện nay, có thể nói một cách chắc chắn rằng, không có một thế lực nào ở trong nước hay ngoài nước có thể phá được Đảng Cộng Sản Việt Nam". Và ở Phần Phụ Lục, y viết: "Đây là 2 việc cụ thể cần làm ngay và có thể làm được ngay, ít nhất là nó ngăn được những suy nghĩ và hành động làm tổn thương đến nền dân chủ của chúng ta mà Bác Hồ và toàn dân ta đã tốn bao xương máu để xây dựng như ngày nay"!!! Thật là mâu thuẫn! Nếu đã có "nền Dân Chủ" rồi thì còn viết bài góp ý đó làm gì nữa?

LẬP TRƯỜNG CỦA NGƯỜI VIẾT:

Trần Độ có chống Đảng hay không? Rõ ràng là KHÔNG, mà chỉ thành tâm góp ý thẳng thắn để xây dựng Đảng và tránh cho Đảng khỏi tan rã. Biện pháp cứu vãn là Kinh tế thị trường và Dân chủ hóa thực sự. Đó là điều sáng suốt đáng khen, tuy rằng còn đan díu với tên đầu sỏ tội phạm là họ Hồ. Những mặt tiêu cực mà y nêu ra trong tình hình đất nước là chứng liệu cụ thể của kẻ nằm trong chân mối biết chần có rận, chứ không do kẻ thù bày đặt. Với tình hình đó và lòng dân đã nổ bùng ở nhiều nơi, cùng chính sách "lùng nhùng" của VC hiện nay, thì không lâu nữa phải có sự đổi thay tất yếu thuận lợi cho chúng ta ●



ĐIỀN ĐÀN DÂN CHỦ

THINH NGUYỄN THƯ

Kính gửi Ngài Thủ Tướng CHLB Đức Helmut-Kohl.

Kính thưa Ngài! Chúng tôi là những người Việt Nam đang xin ty nạn Cộng Sản tại CHLB Đức, nay xin gửi tới Ngài những nỗi lo lắng cũng như phản đối về việc CQCSVN đã vi phạm nhân quyền ngày một trầm trọng.

Kính thưa Ngài! Đã hơn nửa thế kỷ qua và ngay cả hiện tại CQCSVN luôn luôn vẫn là một chính quyền Cộng Sản độc tôn đảng trị, phi nhân, bất chấp mọi dư luận thế giới, CQCSVN vẫn, thản nhiên chà đạp trampling lên những điều qui định của bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Mặc dù đã từ lâu, Việt Nam là một thành viên của Liên Hiệp Quốc và ký kết được Quốc Hội Việt Nam phê chuẩn, tôn trọng. Ngay cả LHQ cũng phải công nhận rằng: Việt Nam là một trong những nước vi phạm nhân quyền nhất.

Trong điều 4 Hiến Pháp của Nhà nước VN khẳng định mọi sự lãnh đạo do Đảng Cộng Sản VN (ĐCSVN) độc quyền, vì vậy họ thản nhiên trắng trợn chà đạp lên ngay cả Hiến Pháp hiện hành, cướp đi những quyền tự do căn bản nhất của con người như tự do tín ngưỡng, thẳng tay tàn phá các chùa chiền hay chiếm đoạt, bắt các tôn giáo phải tuân theo dưới sự chỉ đạo của nhà nước. Điều luật 69 của nhà nước đã ghi rõ: "Mỗi người công dân VN có quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do thông tin, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do thành lập hội, tự do biểu tình". Nhưng, những năm gần đây CQCSVN càng gia tăng khủng bố đàn áp, bắt bớ giam cầm, đày đọa hàng nhiều năm những người khác chính kiến với Đảng CSVN, vì họ đấu tranh đòi quyền Tự Do - Dân Chủ tiêu biểu như: GS Đoàn Viết Hoạt, BS Nguyễn Đan Quế, GS Nguyễn Đình Huy, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, các Thượng Tọa Tuệ Sỹ, Trí Siêu...

Lại một lần nữa CQCSVN càng thể hiện rõ sự độc tài mà tháng 4/1997 vừa qua đã đưa ra một Nghị Định mới 31-CP: "Qui chế quản chế hành chính", đây là một Nghị định vi hiến, vi pháp, không cần tòa án, không cần xét xử, không cần luật sư, các người lãnh đạo từ cấp xã đến cấp huyện có quyền bắt giam bất cứ công dân nào "có hành vi vi phạm vào pháp luật xâm phạm đến an ninh quốc gia" mà "chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự" từ 6 tháng đến 2 năm, mục đích của CQCSVN là mở lại trại tù trên khắp phạm vi cả nước, hòng tiêu diệt hoàn toàn quyền Tự Do của nhân dân chúng tôi để dễ bề cai trị. Và đặc biệt những tháng cuối năm 1997, CQCSVN đã huy động lực lượng bộ đội, công an đến đàn áp các cuộc biểu tình của nhân dân tỉnh Thái Bình, Xuân Lộc.

Trước hiện tình đau thương của hơn 75 triệu nhân dân VN hiện đang mất toàn quyền tự do, CQCSVN ngày càng đẩy dân tộc VN xuống vực thẳm của sự lạc hậu và đói nghèo nhất thế giới.

Bốn phần là người VN, chúng tôi phải đấu tranh vì quyền tự do - dân chủ, vì lợi ích chung của dân tộc, chúng tôi đã và đang đấu tranh mạnh mẽ tại hải ngoại, thường xuyên tổ chức các cuộc biểu tình, tuyệt thực, lập quây thông tin phân phát truyền đơn, thu thập chữ ký, cụ thể là nhân Ngày Quốc Tế Nhân Quyền, ngày 12, 13/12/97 Hội Người Việt Tỵ Nạn tại thành phố Mainz đã tổ chức cuộc tuyệt thực - biểu tình và lập quây thông tin phân phát hàng ngàn truyền đơn và thu thập hàng trăm chữ ký.

Phối hợp tổ chức tuyệt thực - biểu tình với chúng tôi gồm có các tổ chức sau đây: Trung Tâm Phim Tư Liệu Hải Đảng, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại khu vực Âu Châu, Hội Thanh Niên Dân Chủ VN Koblenz, Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Cochem, Liên Minh Việt Nam Dân Chủ tại Đức, Tổ Chức Dân Chủ VN Mainhausen và Neupotz, Phong Trào Dân Chủ và Nhân Quyền VN, Hội Người Việt Tỵ Do vùng Rhein-Huensrueck, Hội Người Việt Tỵ Do tại Rheinland-Pfalz, Báo Dân Chủ Cho VN, Đảng Tự Do Dân Chủ VN, Báo Phụ Nữ Dân Chủ.

Chính vì vậy chúng tôi viết Thỉnh Nguyễn Thư này xin thỉnh cầu Ngài hãy xem xét lại những mối quan hệ ngoại giao hợp tác với CQCSVN về vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, giáo dục, và cũng đề nghị Ngài trong lúc ký kết các Hiệp Ước với CQCSVN, trước hết các Ngài phải có những điều khoản về Nhân

Quyền và các quyền Tự Do - Dân Chủ cụ thể các Ngài phải gây áp lực yêu cầu CQCSVN phải tuân theo những điều khoản sau:

1. Phải tôn trọng và thực thi ngay bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền.

2. Phải trả lại tự do ngay tức khắc cho tất cả những tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm và các vị lãnh đạo Tôn Giáo hiện vẫn còn bị giam giữ.

3. Phải từ bỏ ngay đường lối lãnh đạo độc tôn đảng trị và thực thi Đa nguyên, Đa đảng.

Kính thưa Ngài! Đây là nguyện vọng và mong ước của toàn thể nhân dân Việt Nam ở hải ngoại cũng như ở trong nước và mong nhận được sự ủng hộ, quan tâm lưu ý tới những thỉnh nguyện trên của chúng tôi.

Xin chân thành cảm ơn sự cố gắng của Ngài và mong được sự trả lời của Ngài.

Xin kính chúc Ngài sức khỏe luôn bình an và gửi tới Ngài lời chào thân ái.

Nguyễn Văn Đại

Phó chủ nhiệm Trung Tâm Phim Tư Liệu Hải Đăng

Ủy viên BCH Hội Người Việt TN tại TP. Mainz

Đồng ký tên:

Lương Quang Chung - Ngô Văn Cẩn - Đào Thiện Đức - Bùi Thị Hồng Hiệp.

TÔN GIÁO DƯỚI CON MẮT CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tôn giáo Việt Nam là một bộ phận không thể thiếu được trong nền văn hóa của dân tộc. Nó ra đời, tồn tại, phát triển đã từ lâu đời tại Việt Nam. Bất cứ trong triều đại cai trị nào thì tôn giáo đóng một vai trò hết sức to lớn: làm lành mạnh xã hội, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc, giáo dục con người vươn tới cái đẹp, cái thiện, mỹ, loại trừ cái tà ác ra khỏi đời sống xã hội.

Là người Việt Nam thuở còn thơ, chúng ta đã được nghe những lời dạy đạo âu yếu qua điệu ru à ơi... của mẹ hiền. Lớn lên ai không một vài lần được theo cha mẹ tới chùa chiền, nhà thờ, miếu đình để dự lễ cầu Phật, cầu Chúa phù hộ che chở...

Kể từ khi CNCS được du nhập, áp đặt một cách cưỡng bức tại Việt Nam, đó là chủ nghĩa phi nhân, không tưởng, phân khoa học, bất chấp mọi qui luật phát triển tự nhiên của loài người, một chủ nghĩa vô thần đã được những người CSVN đánh bóng và áp đặt tại VN làm cho cả dân tộc VN chúng ta vô cùng điêu đứng, làm cho nền văn học VN bị suy đồi, đạo đức xã hội bị đảo lộn, tôn giáo VN bị hủy diệt dần mòn. Những người CSVN luôn coi tôn giáo là "kẻ thù không đội trời chung, là thuốc phiện, là độc ác ru ngủ dân tộc...". Xuất phát từ đó cho nên họ luôn tìm mọi cách, mọi biện pháp để ngăn chặn sự phát triển tôn giáo, cấm tự do tín ngưỡng, gây chia rẽ mất đoàn kết trong tôn giáo, bôi nhọ tôn giáo, ... Cụ thể nhiều nhà thờ, chùa chiền bị đóng cửa, phá hủy một số trường dạy đạo, tu viện bị cấm hoạt động, báo, sách dạy kính thánh truyền đạo bị cấm in ấn phát hành và bị hủy bỏ, chùa chiền, miếu đình một số nơi bị biến thành kho chứa, nơi nhốt gia súc, ruộng đất của nhà thờ, chùa chiền bị tịch thu... với chiêu bài chống mê tín dị đoan nhằm che đậy tội ác của mình. Người CSVN còn độc ác hơn nữa như bắt giam, quản thúc, bỏ tù những người đứng đầu Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ và nhiều nhà Sư Sãi, Tăng Ni Phật Tử cùng một số Đại Đức khác nữa và vu cáo cho họ với các tội danh khác nhau để che đậy sự thật về những hành động đàn áp tiêu diệt tôn giáo. Và nguy hiểm hơn nữa là họ còn dựng lên Giáo Hội Phật Giáo quốc doanh để chống phá làm giảm uy tín của GHPGVNTN. Mục đích cuối cùng của họ là tiêu diệt tôn giáo để cấm tự do tín ngưỡng tại Việt Nam.

Tự do tín ngưỡng là một đòi hỏi bức xúc của mỗi người dân chúng ta không phân biệt thành phần tôn giáo, hãy bằng mọi cố gắng của mình phải ngăn chặn và vạch trần bộ mặt thâm độc của CSVN chống lại âm mưu tiêu diệt tôn giáo của họ. Quyết tâm bảo vệ phát huy truyền thống văn hóa quý báu của cha ông ta để lại, vận động nhân dân trong và ngoài nước cùng áp lực quốc tế bắt buộc CSVN phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mỗi người dân mà họ đã cướp đi mất chực nằm chờ.

Giáo Hội Phật Giáo quốc doanh thực chất là tay sai của Đảng CSVN trực tiếp do Đảng CS lãnh đạo về mọi mặt.

● Nguyễn Cầu Luyến

BÀI PHÁT BIỂU CỦA ÔNG TRẦN HOÀI NAM, ĐẠI DIỆN TẬP CHÍ VIỆT NAM HÒA BÌNH TRONG CUỘC BIỂU TÌNH TRƯỚC TÒA LÃNH SỰ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẠI BERLIN NGÀY 13.12.1997.

Kính thưa ông Tổng thư ký Liên Minh Việt Nam Tự Do, cùng các phái đoàn đến từ các nước thuộc lục địa Âu Châu, Bắc Mỹ, Úc Châu. Các quý đại diện các Hội đoàn, Tôn giáo, các quý đồng hương từ khắp mọi miền nước Đức.

Tôi là Trần Hoài Nam, thay mặt anh chị em của Tập chí Việt Nam Hòa Bình xin có đôi lời gửi đến quý vị, các bạn và cùng các ông, các bà trong Tòa Lãnh Sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về thảm cảnh của đất nước ta dưới chế độ độc tài hà khắc của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Kính thưa quý vị và các bạn,

Đất nước ta sau hơn 52 năm dưới sự độc tài toàn trị của Đảng CSVN, hơn 22 năm tái thiết đất nước trong nền thống nhất mà vẫn quần quanh trong nghèo đói, lạc hậu, đạo đức xã hội mặc sức sa đọa, tham nhũng tràn kha. Để có thể vỗ vệt đặc quyền, đặc lợi, Đảng và Nhà nước đã phản bội lại tất cả những hứa hẹn tốt đẹp rằng: "*Nhân quyền sẽ được tôn trọng, quyền Tự Do của công dân sẽ được hành xử trung thực theo đúng Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, rằng: mọi công dân có quyền Tự Do Bình Đẳng..., Tự Do Ngôn Luận, Tự Do Báo Chí, Tự Do Hội Hợp, Tự Do Di Chuyển... v.v... và v.v...*". Trong suốt chiều dài lịch sử của thế kỷ 20, dân tộc Việt Nam đã chìm đắm trong cơn mê muội từ chính sách ngu dân của Đảng, bề dầy của sự lừa lọc được ví như mỗi lần Đảng rêu rao "*đi thẳng lợi này đến thẳng lợi khác...*". Tự do ngôn luận, tự do báo chí nhưng biết bao nhiêu người đã bị ngồi tù vì sự tự do này, vụ án Nhân Văn Giai Phẩm là một ví dụ điển hình mà cho đến gần đây Tố Hữu, đại diện cho thơ văn cộng sản Việt Nam còn tỏ ý là "*đáng tiếc hồi đó chúng tôi đã không thi hành triệt để, diệt tận gốc...*". Tự do tín ngưỡng nhưng biết bao vị Hòa Thượng, Linh mục đã bị xích tay không cần xét xử, biết bao nhiêu chùa chiền bị tàn phá hay chiếm đất công quả để xây chợ, sân golf, khách sạn v.v... Tự Do Hội Hợp ở Việt Nam ta từ trước tới nay, đáng cay thay dân ta chỉ có quen đi họp... Chi Bộ, Chi Đoàn...

Kính thưa quý vị và các bạn,

Nhân quyền là khát vọng ngàn đời của nhân loại là tiếng gọi khẩn thiết cho dân tộc Việt Nam ta và cũng là yếu tố cơ bản để đẩy nhanh tiến trình Dân Chủ Hóa và Phát Triển đất nước. Ngày hôm nay chúng ta tụ họp về đây, mỗi người một ý kiến thay mặt cho hàng triệu người Việt Nam viễn xứ đòi hỏi nhà cầm quyền CSVN hãy lập tức tôn trọng những điều mà Quốc Hội CHXHCNVN đã đặt bút ký vào bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Nhân đây, tôi cũng xin thay mặt Tập chí Việt Nam Hòa Bình nhờ các ông các bà trong Tòa Lãnh Sự, trực tiếp hay gián tiếp gửi đến ông Tổng Bí Thư Đảng Đỗ Mười cùng các ông: tân Thủ Tướng Phan Văn Khải, Chủ Tịch Trần Đức Lương những khát vọng của chúng tôi, khát vọng của những người Hợp Tác Kiến Tạo Tự Do, Dân Chủ và Công Bằng. Chúng tôi khẩn thiết yêu cầu các ông mở ngay những cuộc đối thoại công khai với mọi thành phần dân tộc, lập tức thực thi một nền dân chủ đa nguyên căn bản trên toàn cõi Việt Nam. Chúng tôi cũng khẩn thiết kêu gọi những đảng viên tiến bộ hãy trở về với nhân dân, hãy sát cánh cùng những cuộc nổi dậy của nhân dân trong nước, vùng lên xóa bỏ chế độ độc tài đảng trị, chế độ mà đảng là mối hiểm họa của Dân Tộc Việt Nam ta trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21.

Cuối cùng tôi xin cảm ơn các quý vị đã theo dõi và lắng nghe bài phát biểu của tôi. Tôi xin quý vị hãy cùng tôi hô vang khẩu hiệu:

- Nhân Quyền cho Việt Nam

- Tự Do cho Việt Nam

- Dân Chủ cho Việt Nam

● Trần Hoài Nam

Brunostr. 50 - 54329 Konz

VÀI CẢM NGHĨ VỀ CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI TRỪ PHÁP NẠN

Thế giới ngày nay với mô hình tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng, đã mở ra một giai đoạn mới của lịch sử, giai đoạn cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, là thời điểm phát triển của khoa học kỹ thuật, của kinh tế, của một thế giới mới công bằng bác ái, không phân biệt màu da, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ. Chúng ta những người Việt Nam xa xứ không khỏi đau lòng khi nhìn lại quê hương yêu

đầu, Việt Nam một đất nước có nền văn hóa trên bốn ngàn năm văn hiến. Người VN vốn thông minh, cần cù, chịu khổ, nhưng dưới chế độ CS, cuộc cách mạng tư tưởng Hồ Chí Minh, những không Minh, đã biến VN thành một địa ngục trần gian, dân chúng làm than đói khổ, tự do bị xâm phạm, nhân quyền bị chà đạp. Đã man hơn nữa, cuộc sống tinh thần cũng bị cướp đoạt như tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, nhà chùa bị phá bỏ, tịch thu, các vị lãnh đạo tinh thần bị bỏ tù một cách bất công như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ...

Mục đích của đảng là làm ngu dân thì họ càng dễ cai trị, càng dễ củng cố quyền lực của đảng. Đi đôi với phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ, nhân quyền cho VN thì sự đấu tranh cho tự do tín ngưỡng cũng không thể thiếu được. Đại diện là Phật Giáo, nền văn hóa cổ truyền từ bao ngàn năm, của những thế hệ đi trước chúng ta được thừa kế và chúng ta phải có nhiệm vụ bảo tồn, phát huy. Phật Giáo là nét thái riêng của người Châu Á nói chung hoặc Việt Nam nói riêng, Phật Giáo đi đôi với cuộc sống hàng ngày gắn bó cho cuộc sống tinh thần như những cái con người cần phải có thì mới tồn tại được. Ai sinh ra, lớn lên chắt chiu phải ăn, phải hít thở khí trời để sống, Phật Giáo là đời sống tinh thần không thể thiếu được của hàng triệu đồng bào Việt Nam đã có trên hai ngàn năm, để được thể hiện qua bao nhiêu giai đoạn lịch sử, bao công cuộc đấu tranh hy sinh tổn thất cho đến ngày nay. Khi thế giới đang tiếp tục tiến hóa theo con đường dân chủ hòa bình, nhân quyền, đạo pháp được tôn trọng thì chúng ta những người VN ở hải ngoại không khỏi ngậm ngùi đau đớn khi thấy quê hương yêu dấu vẫn còn trong cảnh lầm than, dưới sự cai trị của đảng CSVN họ không từ mọi phương pháp để củng cố quyền lực của đảng kể cả việc xâm phạm đến nền văn hóa do tổ tiên để lại, họ tìm đủ mọi cách để che đậy sự thật, bưng bít thế giới và đã tâm hơn nữa là họ đàn áp tàn sát phong trào Phật Giáo, họ cho rằng nếu có sự tự do tín ngưỡng thì sẽ không có sự độc tôn về chủ nghĩa Mác-Lê nữa mà không còn sự độc tôn cho chủ nghĩa Mác-Lê thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của đảng. Một tổ chức muốn giữ mãi sự cai trị của họ dù đất nước nhân dân có đi đến tận cùng của nhân loại họ cũng không cần biết. Vì lẽ đó chúng ta những người VN (con Rồng cháu Tiên) ở nước ngoài đã biết được thế nào là dân chủ, là nhân quyền và tự do tín ngưỡng thì cần phải đấu tranh thiết thực hơn nữa, có hiệu quả hơn nữa bằng mọi cách, mọi phương pháp hữu hiệu nhất cho sự đấu tranh giải trừ pháp nạn cũng như quốc nạn, để có một ngày nào đó chúng ta những người VN ở trong cũng như ngoài nước có một nước Việt Nam thực sự dân chủ, tự do và để chúng ta phát huy thêm nữa tinh thần đạo pháp của người VN, vốn đã có lòng tự hào dân tộc, phát huy hơn nữa nền văn hóa Việt Nam.

Thành viên Tiểu Ban GTPN (BBV)
Nguyễn Việt Cường
Langenhagen

CÙNG NHAU ĐI DƯỚI ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ

Trước đây 30 năm thành phố Huế nói riêng, dân tộc Việt Nam nói chung, đã mất đi những người con dũng cảm (như Thi sĩ, Trí thức, Tôn giáo...). Cộng Sản Việt Nam đã thâm sát đâm máu với những người dân lương thiện, với một lý do rất đơn giản là những người này bị tình nghi có hoạt động chính trị đối lập với Đảng CSVN, cũng dễ bị họ chôn sống, xử bắn hoặc đập chết và chôn chung vào một hố. Máu và nước mắt trộn với bùn đen. Những tiếng than khóc trong đêm trường như vẫn còn vang vọng tới ngày hôm nay.

Thật là dã man tàn khốc, CSVN đã giết đi nửa triệu người con dân Việt cùng quê hương, cùng huyết thống và cùng tiếng nói, đó chính là "bản chất" tàn ác và sát máu của chúng ta giết lầm hơn bỏ sót. Tiếp đó là ngày Quốc Hận 30.4. Chiến dịch đánh đổ Tư Sản Mại Bản, đau sót và khủng khiếp biết bao khi tất cả tài sản, ruộng đất, trâu bò, máy móc, công cụ sản xuất đều bị CSVN tịch thu đưa vào Hợp Tác Xã hóa XHCN. Khiến người dân kinh hoàng phải liều mình băng rừng, vượt biển ra đi tìm tự do, phải lưu bạt khắp nơi trên thế giới chỉ vì sợ Cộng Sản hơn sợ chết mà chúng ta đây vừa là nạn nhân vừa là chứng nhân của cuộc đời đầy đau thương tang tóc này.

Trong suốt mấy chục năm trường, nước biển Đông Hải Thái Bình Dương đã trở thành biển máu, biển của nước mắt thương đau cùng khôn và còn là mồ chôn hơn nửa triệu con dân Việt cũng chỉ

vì "thà làm mồi cho hải tặc hay chết trên biển cả, còn hơn sống dưới gông cùm làm nô lệ cho Cộng Sản". Cha mẹ mất con, vợ mất chồng, những người thân mất người thân. Người Việt hải ngoại hôm nay ai cũng biết rằng chúng ta không những là nạn nhân mà còn là chứng nhân bị thương của dân tộc đối với bạo quyền Cộng Sản Hà Nội.

Vì vậy chúng ta phải có bốn phận cất lên tiếng nói uất hận mà đồng bào cả nước đang bị Đảng CSVN xiềng xích bịt miệng. Cho nên xin đừng im lặng, vì im lặng là đồng lõa với tội ác, đồng lõa với bạo quyền đang thống trị trên quê hương. Xin hãy đoàn kết hợp nhất lại, muốn người như một để nói lên sự thật hận thù đau thương của đất nước cho thế giới biết và quyết tâm tranh đấu chính là tiếp tay "hữu hiệu" nhất cho công cuộc vùng lên đòi Tự Do Dân Chủ. Giờ phút cáo chung của bạo quyền Cộng Sản Hà Nội đã đến. Người Việt hải ngoại chúng ta phải cấp thời chỉnh bị hàng ngũ để tiếp tay với đồng bào quốc nội sớm chấm dứt độc tài phi nhân. Để nhân dân Việt Nam không phải tủi nhục với nhân dân thế giới rằng dân tộc Việt Nam vốn thông minh và anh hùng.

Viết tại Möhlau ngày 6.4.1998
● Đoàn Thanh Bình

GIỌNG ĐIỆU CỦA NHỮNG KẸ BẢO THỦ

■ Nguyễn Hồng Vũ

Đó là bài viết của Vũ Hải Linh đăng trên báo Nhân Dân. Nội dung bài viết: Đã lên giọng công kích, phê phán, đe dọa những tiếng nói của Cộng Đồng Người Việt sống ở hải ngoại. Bài viết có đoạn: "Không ít báo chí ở hải ngoại đều sặc mùi kích động dù luận nhân dân Việt Nam trong và ngoài nước chống đối đất nước, núp dưới chiêu bài Nhân Quyền, Tự Do, Dân Chủ. Những tờ báo này đã ngoảnh mặt làm ngó trước sự đổi mới thành công về kinh tế, văn hóa, chính trị trong nước. Họ hét Việt Nam không có nhân quyền, không có tự do...". Đặc biệt Vũ Hải Linh còn nặng lời chỉ trích những người làm báo ở hải ngoại là những kẻ vong ơn, bội nghĩa..., quên ơn tổ quốc, quên ơn sinh thành của cha, mẹ.

Với những lời lẽ trên, là người Việt có lương tri chắc sẽ không khỏi đau lòng trước sự mù quáng, ngoan cố của kẻ cầm bút như Vũ Hải Linh. Y mang danh nhà báo nhân dân, đại diện tiếng nói nhân dân, vậy mà y lại dõng sức bán rẻ nhân dân, lừa gạt nhân dân, để phục vụ cho chế độ thống trị mù quáng. Y chỉ vì địa vị, quyền lợi vì những đòi hỏi của cuộc sống thấp hèn, đã bán rẻ lương tâm, vứt bỏ phẩm chất. Để uốn lưỡi hạ mình, bẻ cong ngòi bút, bóp méo sự thật, bôi đen sự thật. Ca ngợi sự đổi mới của Đảng CSVN.

Trong khi cuộc sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, cơm không đủ no, áo không đủ mặc, con cái không được học hành, kẻ tàn tật thiếu người chăm sóc. Trong xã hội tình trạng vi phạm nhân quyền hết sức trắng trợn, trộm cắp, nghiện hút, đi điếm... Vậy mà Vũ Hải Linh coi đó là xã hội tự do, dân chủ.

Chúng ta người Việt ở hải ngoại, trong cuộc đấu tranh này chúng ta tin tưởng một ngày không xa dân tộc VN đau thương sẽ được sống một cuộc sống Tự Do - Dân Chủ thật sự ●

Giác mộng hương quan

Thơ của Đồng Châu

Nằm mơ trở lại cố hương
Nghe gà gáy sáng, tiếng chuông ngân chiều
Vi vu vắng tiếng sáo diều
Vỡ ai kéo kẹt lấy Kiều ru con.
Năm âm khúc nhạc quốc hồn
Mỗi lần nghe dạ bồn chồn khôn khuấy.
"Mẹ Việt Nam, có con đây!"

(Toronto - Canada)

THỜI SỰ THẾ GIỚI

Á - CHÂU

■ Nam Dương

Rừng tiếp tục cháy, hạn hán gây thất mùa (chính phủ phải nhập cảng 5 triệu tấn gạo), lạm phát tăng 34%, lợi tức mỗi đầu người từ 1.000 đô-la xuống còn 600 đô-la, 40 triệu người (44% dân trong tuổi lao động) thất nghiệp, 32 triệu người sống nghèo đói, nợ nước ngoài 134 tỉ đô-la, sức mua sầm giảm 30%. Cuộc khủng hoảng tiền tệ để lộ ra một hệ thống chính trị bảo thủ khép kín. Giữa lúc ấy, Tổng Thống Suharto tái đắc cử theo nguyên tắc xác nhận lại uy quyền của một ông Hoàng thường thấy ở thế giới thứ ba. Tổng Thống nắm tất cả quyền hành, chỉ định thành phần nội các gồm kẻ trung thành, kẻ phe cánh, hồ hào nâng cao tinh thần quốc gia dân tộc, tổ cáo Ủy Tiền Tệ Quốc Tế làm nhục quốc thể, cộng đồng quốc tế gây áp lực để lật đổ chế độ. Siết chặt hàng ngũ sau lưng Tổng Thống là phản ứng tự nhiên của hệ thống quyền hành đầu sỏ.

Dưới chế độ sắt thép kéo dài 32 năm, hệ thống tham nhũng đã nghiền nát mọi sinh hoạt quốc gia. Gia đình Tổng Thống, một số Tướng lãnh xem nền kinh tế quốc gia như của riêng. Người ta đánh giá gia sản của Tổng Thống và gia đình khoảng 40 tỉ đô-la. Trước cơn khủng hoảng, tỷ lệ phát triển đạt 7 - 8%. Nhưng mọi việc không tốt đẹp như người ta tưởng: 41% trên 90 triệu nhân công không có việc làm chắc chắn, lương bổng thấp, hệ thống giáo dục chậm tiến.

Dân Nam Dương bỏ ra công sức trong vòng 30 năm đẩy mạnh kinh tế quốc gia vươn lên vượt bậc, bây giờ không khỏi không bi quan trước vấn đề xét lại những tham vọng lấp ấp ù bấy lâu nay. Ví dụ như phải tạm hoãn kế hoạch sản xuất xe, phi cơ phản lực, hạ tầng cơ sở hiện đại xứng đáng với một sức mạnh vùng Đông Nam Á. Tất cả chương trình dự trù trong thập niên 90 đều phải dời qua thế kỷ 21. Vấn đề lớn là làm thế nào để leo ngược dốc để thoát khỏi bế tắc.

Phương trình "câm lạng đổi lấy tiến bộ" không còn hiệu lực. Dùng biện pháp cải tổ kinh tế suông không thể đương đầu với cơn khủng hoảng. Do đó cánh đối lập đứng sau lưng Sinh Viên xuống đường buộc Tổng Thống phải từ chức với hiệu quả nghiêm trọng: hơn 500 người chết, 3050 nhà cửa, hơn 1.000 xe hư hại, 534 chỉ nhánh ngân hàng bị cướp phá, hệ thống phân phối tan hoang. Riêng tại thủ đô Djakarta, thiệt hại vật chất khoảng 1 tỉ đô-la.



Sinh viên biểu tình đòi Suharto từ chức

Theo Hiến Pháp, Phó Tổng Thống B.J. Habibie lên thay, loan báo sẽ tổ chức tổng tuyển cử vào năm 1999 đồng thời cải tổ nội các. Nhưng đa số Tổng Trưởng cũ còn tại chức. Một chính phủ Suharto không có Suharto. Nếu chế độ Habibie không cải tổ chính trị song song với cải tổ kinh tế, hỗn loạn xã hội sẽ bùng nổ toàn diện kèm theo những hậu quả tai hại khó lường như tàn sát dân thiểu số Hoa kiều. Trung Quốc gần kề không thể khoan tay đứng nhìn. Hơn nữa, Nam Dương với 202 triệu dân là một sức mạnh lớn nhất Đông Nam Á, điểm chính giao thông đường biển nối liền Á Châu với Thái Bình Dương, trục buôn bán với Úc Châu và đường tiếp vận huyết mạch của Nhật. Lộn xộn chính trị xã hội sẽ gây thiệt hại cho giao thông quốc tế.

Theo Hiến Pháp, quân đội giữ nhiệm vụ bảo vệ trật tự an ninh xã hội. Bộ Trưởng Quốc Phòng kiêm Tổng Tham Mưu Trưởng và Chỉ huy Trưởng Cảnh Sát, nguyên sĩ quan hầu cận của Suharto liệu có đủ can đảm để đoạn tuyệt với một gia đình mất hết uy tín tín nhiệm không? Có đủ sáng suốt để lựa chọn giữa quyền lợi của một hệ thống chính trị đầu sỏ và quyền lợi quốc gia không? Nếu mằm mống lộn xộn còn âm ỉ cháy, căng thẳng giữa xã hội dân sự và quyền hành kéo dài, người ta e ngại quân đội có thể có những hành vi phi luật pháp dẫn đến một sự bất mãn quy mô.

Toàn quốc, toàn dân đều muốn có một sự thay đổi và sự thay đổi ấy mang tên cải tổ chính trị. Đã có nhiều người hy sinh vì cải tổ nhưng không biết chừng nào chế độ

mới cải tổ thật sự và giá phải trả cao đến đâu. Toàn quốc, toàn dân đều đứng lên phản đối độc tài cai trị không đếm xỉa gì tới công dân dẫn đến bệnh tham nhũng kinh niên, đã kích chế độ núp sau điều gọi là "giá trị Á Châu" để vi phạm nhân quyền, độc tấu bản nhạc lỗi nhịp giữa phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Dù thế nào đi chăng nữa, giấc mộng trở thành một cường quốc Đông Nam Á là một ảo ảnh.

■ Nhật

Tiền tệ tăng giá trở lại, theo thị trường chứng khoán hoạt động bình thường tại Thái Lan, Nam Hàn làm cho người ta tưởng cơn sốt Á Châu đã chấm dứt. Nhưng không phải như thế. Người ta chưa thành công chặn đứng tai họa dây chuyền. Sau các cơn hổ, cơn rồng, bây giờ đến lượt Việt Nam "con hổ môi sanh" và Nhật, cân lượng nặng nhất ở Á Châu.

Tình hình cường quốc kinh tế số 2 quá tồi tệ cho đến đổi chính phủ Nhật bắt buộc phải tìm cách phục hồi nền kinh tế, thúc đẩy trở lại sự tiêu dùng và làm thế nào để suy thoái không biến thành sụp đổ. Ví dụ giảm thu thuế 30 tỉ, tung ra hàng ngàn tỉ đô-la để giúp đỡ hệ thống tài chính ngân hàng và hàng xuống đang gặp khó khăn.

Vào thập niên 80, 90, lúc Mỹ từ từ thoát ra chu kỳ suy tàn, Nhật hết sức sung mãn. Vào năm 1984, nếu đứng về phía Nhật nhìn sang Mỹ, sẽ thấy một cảnh tượng hết sức trở trêu: kẻ bại trận thành người thắng trận, người thắng trận gần như thành kẻ bại trận. Với khẩu hiệu "Mỹ có mặt trở lại". Tổng Thống Reagan tìm lại được ưu thế một thời đã mất.

Bây giờ tình thế đảo ngược. Trong lúc Mỹ khỏe mạnh bay cao, Nhật rơi xuống đất. Suy thoái nối tiếp nhiều năm đình trệ. Đầu tư giảm 2,5%, chỉ số dân tin tụt vào các công ty kỹ nghệ giảm 31 điểm. Tiêu dùng giảm 4,5%. Người ta tiết kiệm bằng cách mua tủ sắt thay vì kỳ gởi tiền vào ngân hàng. Đồng Yên suy yếu. Không còn nghi ngờ chi nữa, không lẽ đã tổn thương.

Tại sao và thế nào mà nền kinh tế Nhật từng vươn lên cao nay thật lụi? Vì chính trị và tiền bạc rơi trong vùng nước đục, vì tư bản sa lầy? Có thể nêu ra 2 yếu tố đánh giá. Trước nhất, hệ thống chính trị Nhật xem thường tầm vóc tâm lý của kinh tế. Kinh tế phải phục vụ con người xã hội. Muốn cho dân Nhật tin vào nền kinh tế quốc gia, chính phủ phải làm thế nào để bảo đảm việc làm cho tất cả mọi người dân, phân chia lợi tức như thế nào để nhu cầu mua sắm tăng theo tỷ lệ thuận với sự mở mang các phương tiện sản xuất.

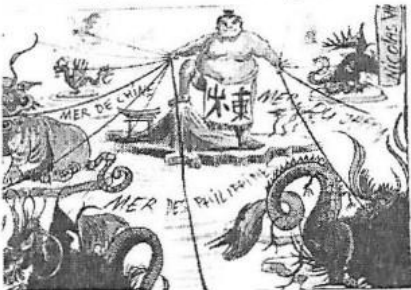
Thứ đến, người ta thấy gì dưới nền dân chủ do Mỹ đặt để tại Nhật? Một bên, một hệ thống quan lại kỹ nghệ tài chánh thừa kế hệ thống phe cánh thời quân phiệt từng cai trị đất nước từ trên cao. Hệ thống này thực thi kinh tế chỉ huy, chế độ quan thuế bảo hộ ở trong nước và sự bành trướng ở nước ngoài. Một bên, một dân tộc dễ bảo dễ sai cần cù ưa chuộng kỷ luật tập trung xung quanh ngôi vua, tôn trọng quy tắc chu toàn

bổn phận, can đảm, yêu nước. Hệ thống khắc khổ nhưng đầy tự tin này đã chinh phục toàn cõi Á Đông. Nhưng từ năm 90, hệ thống trở nên lỏng lẻo.

Nền dân chủ thật sự sinh động hiện có tại Nhật đã làm tập tính dân Nhật thay đổi. Công dân, đoàn thể, dư luận đều phân đối hệ thống quan lại bảo thủ, tổ cáo chính giới kết bè với giới kinh tài. Một vài giới ham tiền quá độ nên vay một số tiền quá cao với số lãi quá thấp để đầu cơ vào ngành bất động sản, thị trường chứng khoán nguy tạo "bong bóng" phồng vênh. Bấy giờ bong bóng vỡ tan.

Khủng hoảng hết sức trầm trọng: Hàng loạt ngân hàng, nhà chứng khoán phá sản, hàng loạt Giám đốc công ty kỹ nghệ tự sát. Xí nghiệp nhỏ, trung bình không đủ khả năng thanh toán nợ nần. Phát triển dậm chân tại chỗ vì kinh tế Á Châu xuống dốc, khủng hoảng vì cơ cấu tài chính không phân minh, vì mất đạo đức.

Nhưng kinh tế thế giới không thể chịu đựng lâu dài sự suy yếu của một trong những diễn viên lớn. Nền kinh tế số 2 thế giới (tiết kiệm 9.000 tỉ đô-la, trữ kim 2.200 tỉ đô-la) bắt đầu sắp xếp lại hệ thống kinh tế tài chính với nhiều lá bài chủ: chủ ngân hàng, chủ nợ lớn nhất thế giới, cán cân mậu dịch dư thừa. Nhật tổn thương nặng nhưng Nhật vẫn là khổng lồ. Nhật giữ một vai trò quan trọng hàng đầu trước thế giới, nhất là trước Mỹ với tư cách người giữ cổ phần trái phiếu kho bạc Mỹ. Nếu Nhật bán phần lớn cổ phần trái phiếu này, thị trường chứng khoán Wall Street sẽ rung động. Ván bài Nhật thật sự là ván bài thế giới.



Không lồ Nhật

■ Việt Nam

Đối chiếu với Nhật, Việt Nam không có lá bài chủ nào cả. Trước khi còn sót tiền tệ Á Châu hoành hành, đầu tư ngoại quốc giảm thấy rõ (từ 8,8 tỉ đô-la xuống còn 4,4 tỉ đô-la). Trước đây, 2/3 vốn đầu tư đến từ Á Đông, tạo 300.000 việc làm, đóng góp 8,6% vào sản lượng quốc gia, 19% vào ngành sản xuất. Nhưng trong năm nay, các công ty Nam Hàn dự rút từ 20 - 30% vốn về nước. Mặt khác Nhật, Đài loan, Tân Gia Ba, Thái Lan, Mã Lai Á, Hồng Kông cũng rút bớt vốn về để đối phó với tình hình khó khăn trong nước. Tai hại thấy rõ, xí nghiệp quốc doanh sa thải 8%, xí nghiệp có vốn ngoại quốc sa thải 11% công nhân. Ngành du lịch thất bại nặng. Nhiều khách sạn bỏ trống tại Hà Nội, Sài Gòn. Sau nhiều năm phát triển, Hàng Không Việt Nam lần đầu tiên thua lỗ và dự định kiến trúc lại khung nhân viên (du khách giảm 5% trong dịp nhất tam cá nguyệt 98). Ngoài ra còn bão thổi

đến vào tháng 10/97 ở vựa lúa miền Nam đã chặn đứng việc xuất cảng gạo. Gần đây nhất, hạn hán kéo dài gây thiệt hại cho việc thu hoạch cà-phê, nguồn xuất cảng quan trọng khác. Ngành xuất cảng giày dép, áo quần cũng là nạn nhân của cơn bão tiền tệ Á Châu.

Trước tình hình đen tối như thế, chế độ không làm gì khác hơn là đặt ưu tiên ổn định chính trị trật tự xã hội lên trên cải tổ kinh tế. Chế độ chỉ đưa ra những biện pháp nửa chừng, như:

1. Kế hoạch tư hữu hóa có hiệu lực từ năm 1993 chỉ dính dáng đến 21 xí nghiệp quốc doanh hiện nay tiến như rùa bò. Hà Nội thông báo trong năm 98 sẽ tư hữu hóa từ 150 - 200 xí nghiệp trên tổng số 6.000 xí nghiệp nhà nước (1/2 thua lỗ nặng).

2. Thủ tục bớt rườm rà để thu hút vốn ngoại quốc, miễn thuế quan cho việc nhập cảng nguyên liệu, hợp thức hóa các phòng thủ thuế mại.

3. Phá giá Đồng bạc Việt Nam khoảng 15% để cạnh tranh xuất cảng. Nhưng giới kinh tài quốc tế nhận định tiền Đồng vẫn cao giá (khoảng 20%) so với tiền tệ khu vực.

4. "Phát huy nội lực" (lời của Lê Khả Phiêu) có nghĩa là huy động vốn của dân trong nước và của khối Việt kiều (cả 2 nguồn vốn này khoảng 4 - 5 tỉ đô-la).

Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn còn mù quáng không theo gương Trung Quốc thực hiện thị trường tự do tạo điều kiện thuận lợi cho địa hạt tư nhân hoạt động, địa hạt này hiện nay còn đứng bên lề mở mang phát triển, chỉ đóng góp 2,4% vào ngành sản xuất kỹ nghệ. Trung Ương Đảng chỉ biết thông qua quyết nghị "để cho dân làm giàu", không cần cải tổ.



Tại Cộng Hòa XHCN Việt Nam: Dân chủ là dân làm chủ trại giam

Quan thầy Liên Xô cũng là điểm tựa chính của Hà Nội sụp đổ bắt buộc Hà Nội phải cởi mở tiếp xúc với thế giới bên ngoài từ thập niên 80. Nhưng cởi mở giới hạn, cởi mở theo chiều hướng xã hội chủ nghĩa không mang lại mở mang đúng nghĩa trước khi nền kinh tế nhà nước rơi vào vòng khủng hoảng Á Châu. Nhưng Đảng & Nhà nước chưa nhận thức rằng những biện pháp vá vứu không thể nối lại nhịp cầu phát triển (theo Ủy Tiền Tệ Quốc Tế, phát triển năm 98 xuống còn 5% so với 9,2% năm 97). Phát triển thấp cộng với đầu cơ, tham nhũng sẽ gieo hạt giống bất ổn xã hội, ngay cả ở thôn quê. Có lẽ viễn ảnh biến động xã hội khiến Bộ Chính Trị vừa ra quyết định đổi Bộ Nội Vụ thành Bộ Công An?

- Nhằm "tiêu diệt các loại giặc nội xâm", đả kích "những kẻ luôn luôn gào thét về dân chủ, đòi dân chủ nhưng mang theo động cơ phá hoại nền dân chủ xã hội chủ nghĩa", Tuần báo Công An Sài Gòn ngày 31.3.98 khai triển lời dạy của Hồ Chủ Tịch: "nước ta là một nước dân chủ nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ", đăng bài xã luận tựa đề "Xây dựng nền dân chủ XHCN là thực hiện quyền lực của nhân dân". Độc tài nói chuyện dân chủ, vậy **thế nào là dân chủ ?**



"Dân chủ có lãnh đạo theo phương hướng XHCN" là chụp mũ phân động, dùng luật rừng nguy trang dưới hình thức Tòa án Nhân dân để mặc tình bán giết.

Định nghĩa dân chủ như người bị trị sử dụng quyền tự do lựa chọn người cai trị đúng theo định kỳ là định nghĩa cơ chế thiết chế của nền dân chủ. Chế độ nào vượt qua khuôn khổ thiết chế này không phải là một chế độ dân chủ. Không thể có chính quyền nhân dân còn gọi là dân chủ nếu nhân dân không có quyền thay đổi chính quyền bằng cách tự do chọn lựa người cầm quyền, nếu chính quyền không được nhân dân chấp nhận. Dân chủ bị bóp chết khi Nhà nước chà đạp quyền tự do bầu cử, chiếm giữ những phương tiện chính trị hoặc cưỡng ép cử tri phải chuẩn ý nhóm người đại diện nhân dân do Nhà nước độc đoán đề cử, khi tập đoàn cai trị không để ra chương trình cai trị đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân. Có dân chủ khi nào có vách ngăn che chở quyền lực của nhân dân trước bá quyền của Nhà nước. Như thế phải bác bỏ "mối quan hệ bên trong, tất yếu của xã hội, của quần chúng nhân dân đối với Nhà nước". Bởi lẽ nhân dân quần chúng không cai trị mà kẻ nhân danh quần chúng nhân dân mới nắm quyền cai trị. Có dân chủ khi nào người ta công nhận khoảng cách giữa Nhà nước và đời sống riêng tư của nhân dân do nhân dân làm chủ, được Luật pháp, Hiến pháp bảo vệ, khi các quyền căn bản của cá nhân được bảo đảm, khi cá nhân tự xem như công dân có quyền tham gia vào công cuộc xây dựng đời sống tập thể. Có dân chủ khi nào hai thế giới - Nhà nước và xã hội dân sự bao gồm các thiết chế, cơ quan, đoàn thể, nghiệp đoàn, dư luận, đảng phái, tôn giáo - tách rời đồng thời gắn bó với nhau qua trung gian các chính trị gia với tư cách đại diện nhân dân. Cả 3 kích thước nêu trên của nền dân chủ - quyền tự do lựa chọn người đại diện, ý thức công dân, giới hạn quyền lực nhà nước - đều bổ túc cho nhau và chính sự phụ thuộc lẫn nhau này hợp thành dân chủ.

a/ Tính chất chính đáng đại diện nhân dân

Đại diện nhân dân để cai trị phải tự xem như công cụ của nhân dân. Bởi xã hội gồm nhiều tầng lớp nhân dân khác nhau, nên dân chủ đại diện bắt buộc phải là nền dân chủ đa nguyên. Là đại diện nhân dân, tất nhiên phải chịu sự kiểm soát, trừng phạt, khen thưởng của nhân dân. Dưới chế độ độc tài Cộng Sản, đại biểu nhân dân do Đảng & Nhà nước chọn trước, bầu cử tiến hành theo chỉ thị từ trên đưa xuống, không theo thể thức mỗi đầu người một lá phiếu. Hơn nữa không có tự do ngôn luận, đảng phái đối lập và khi người ta bóp chết xã hội dân sự, nhân dân kiểm soát đại diện bằng cách nào ?

b/ Đặc điểm thứ hai của nền dân chủ là nhân dân phải có ý thức công dân, có quyền và bổn phận của công dân. Khi người ta tước đoạt quyền công dân, biến nhân dân thành phần tử vô danh của đội ngũ, khi nhân dân không được ghé mắt vào việc làm của Nhà nước, chỉ được ngồi vào ghế chỉ định trước, khi nhân dân không có quyền thay đổi những quyết nghị, những luật lệ sao cho phù hợp với nguyện vọng của đa số, làm sao có dân chủ, dân chủ ở chỗ nào ?

c/ Tự do chọn lựa là giới hạn quyền lực của Nhà nước. Đây mới thật sự là quyền lực của nhân dân. Giới hạn bằng bầu cử tự do, cụ thể hơn là tôn trọng các điều luật giới hạn sự sử dụng quyền hành, ngăn cấm lạm quyền.

Cả 3 phân lực của nền dân chủ nói trên là 3 phương diện của một nguyên tắc căn bản: *dân chủ đồng nghĩa với tự do*, đúng hơn là các quyền tự do của con người. Nhưng như thế vẫn chưa đủ để thành lập một nền dân chủ. Còn phải dựa trên nền tảng xem quyền hành tự nó không phải là điều gì quan yếu, chính đáng bậc nhất. Chính đáng nhất là luật đa số thể hiện 1/2 cử tri + 1. Đa số thay đổi liên tục tùy theo các bài toán phải giải đáp. Luật đa số trái ngược với chính quyền nhân dân và việc kêu gọi đến nhân dân chỉ là hình thức thực thi độc tài.

Thế nào là một chế độ độc tài Cộng Sản ?

Chế độ độc tài Cộng Sản mang 5 đặc điểm:

1/ Đảng Cộng Sản giữ độc quyền làm chính trị.

2/ Do sự thúc đẩy của ý thức hệ CS xem như chân lý chính thức của Nhà nước.

3/ Đảng & Nhà nước giữ độc quyền sử dụng vũ lực và bạo lực.

4/ Mọi sinh hoạt kinh tế, nghề nghiệp đều lệ thuộc vào Đảng & Nhà nước.

5/ Lỗi lầm kinh tế nghề nghiệp là lỗi lầm ý thức hệ, do đó phải chịu biện pháp trừng phạt hoặc về mặt ý thức hệ (lao động chính huấn) hoặc về mặt tự do (tù đầy). Nét chung của chế độ độc tài CS là làm việc gì cũng nhân danh ý thức hệ, giai cấp, xã hội, quần chúng. Chế độ CS rất xứng đáng với danh xưng vì nó thiết lập một chính quyền độc tài. Dưới chính quyền chuyên chế ấy, hệ thống chính trị, các thành phần xã hội hợp thành một khối duy nhất mất tất cả bản

sắc để sau đó trở thành công cụ của một hệ thống quyền lực thống trị tuyệt đối quy tụ xung quanh lãnh tụ, đảng CS. Vì vậy *dân chủ không thể "gắn bó với hệ tư tưởng"*, với ý thức hệ CS.

Dân chủ cũng không thể "xuất phát từ một hoàn cảnh thực tế trong công cuộc đấu tranh cách mạng". Lịch sử đã chứng minh người ta âm mưu chiếm lấy khát vọng dân làm chủ, dân chủ, nguyện vọng làm người dưới chế độ chuyên chế quân chủ; người ta lợi dụng phong trào giải phóng quốc gia dân tộc thoát khỏi tai ách thực dân đế quốc để thực hiện một chế độ độc tài chuyên chế mới nguy trang dưới hình thức "dân chủ có lãnh đạo theo hướng XHCN". Tất cả các cuộc cách mạng nhân dân đều sa vào tay kẻ độc tài và cò dò lúc nào cũng phải phôi dẫn đầu Công An, Bộ Đội đàn áp phong trào dân chủ. Mộng ước giải phóng trở thành ác mộng độc tài. Con quái vật độc tài luôn luôn rình rập trên quãng đường từ Giải Phóng đến Tự Do. Cho nên *cách mạng là kẻ thù của dân chủ*. Cũng không thể gọi Hồ Chí Minh là nhà dân chủ cho dù Hồ làm cách mạng. Hồ hào "nước ta là nước dân chủ" chung quy chỉ để gạt gẫm mà thôi.

"Thực hiện đúng đắn dân chủ XHCN sẽ có tác dụng tích cực trong việc phát triển kinh tế, gắn liền với hiện đại hóa" không ?

Hiện đại hóa là phát huy song song đời sống thể tục và đời sống tôn giáo cùng lúc, phân biệt rõ ràng các hoạt động của những hệ thống xã hội khác nhau như tôn giáo, gia đình, giáo dục, công lý, chính trị, kinh tế, văn hóa v.v... Đặc điểm của chế độ độc tài CS là đập đổ đời sống xã hội ấy nhân danh ý thức hệ CS, mang ý thức hệ CS ứng dụng chung cho tất cả đời sống công cộng cũng như riêng tư đồng thời dùng hệ thống giai cấp đảng viên CS thay thế các hệ thống xã hội nêu trên. "*Dân chủ theo định hướng XHCN" không thể đi đôi với hiện đại hóa*.

Sau khi đế quốc CS tàn rụi, ai cũng phải công nhận không có mô mang phát triển như không có dân chủ, và muốn có mô mang phát triển phải có tự do kinh tế, phải hội đủ 3 điều kiện:

1. Kế hoạch đầu tư đúng và đa dạng.

2. Phân chia sản phẩm do mô mang phát triển đem đến cho tất cả tầng lớp xã hội.

3. Dung hòa các biến động kinh tế xã hội do mô mang phát triển gây nên sao cho êm đẹp trên tầm mức quốc gia.

Nói cụ thể hơn, biến tự do kinh tế thành mô mang phát triển bắt buộc:

1. Nhà nước - không phải tập đoàn Mafia - phải có đủ khả năng phân tách và quyết định đúng.

2. Doanh nhân - không phải giai cấp tư sản Nhà nước - phải có đủ khả năng đầu tư và kinh doanh.

3. Những nguồn lực phân phối.

Mô mang phát triển có liên quan mật thiết với dân chủ. Mô mang phát triển là tiến trình cải mô nhưng thiếu cân bằng, đầy tương khắc. Ví dụ tích lũy vốn liếng có thể đặt ưu tiên cho đầu tư, đầu cơ trên đầu tư nhưng không phân chia đồng đều thành

quả phát triển. Ngược lại, đặt ưu tiên cho phân chia thành quả có thể làm cho đầu tư suy yếu. Mô mang là một tập hợp các tương quan giữa các tầng lớp xã hội đồng thời là một đường lối kinh tế. Quyền lợi của các tầng lớp xã hội có thể mâu thuẫn với nhau, do đó dẫn đến phân hóa xã hội. Dân chủ giữ vai trò trung gian hòa giải giữa các tầng lớp xã hội, giữa xã hội với Nhà nước. Dân chủ khai thông những biến chuyển xã hội, hậu quả của mô mang phát triển dẫn đến tiến bộ xã hội. Cho nên *mô mang phát triển không phải là nguyên nhân mà là hậu quả của dân chủ. Không thể có mô mang phát triển dưới chế độ độc tài cộng sản*.

Chế độ độc tài CS đã gạt hái khá nhiều thành quả kinh tế. Nhưng độc tài CS sẽ chặn đứng mô mang phát triển. CS không thể phối hợp lâu dài với tự do kinh tế. Trong dài hạn, phải kết hợp mô mang với dân chủ cho dù trong trung hạn, nền kinh tế hiện đại có thể phát sinh từ một chế độ độc tài. Chế độ độc tài CS tương khắc với phát triển, dân chủ gắn liền với mô mang bởi độc tài CS ngăn cản lớp người làm kinh tế độc lập có khả năng đổi mới, cải cách hoạt động.

Độc tài CS bóc lột giai cấp, dân chủ phục vụ con người ví như cá nhân ý thức hành động của mình và nắm giữ quyền tự do làm người. Dân chủ không thể "đi đôi với luật pháp kỷ cương" do Đảng & Nhà nước độc đoán tạo ra như những phương tiện hãm dọa cưỡng ép. *Dân chủ đích thật là dân chủ giải phóng nhân dân* thoát khỏi áp lực của thiểu số noi theo ý thức hệ CS theo đó con người là phương tiện sản xuất, là công cụ của một tập đoàn cai trị không hơn không kém. Quyền lực của nhân dân không phải là nhân dân ngồi trên ngai vàng mà làm sao để không bao giờ có ngai vàng. Quyền lực của nhân dân hàm chứa khả năng của đa số có quyền kiến tạo một đời sống riêng tư hạnh phúc bằng cách chống lại quyền lực tuyệt đối của Nhà nước & Đảng nhân danh Tự Do Công Bằng Bình Đẳng.

(Những đoạn trong dấu ngoặc kép được trích ra từ bài đăng trên báo Công An Thành Phố Hồ Chí Minh)

■ Trung Quốc

Người ta diễn vở kịch cũ, trả tự do cho phát ngôn viên tiêu biểu của Phong Trào Sinh Viên Mùa Xuân 1989, nhà lý khai Vương Đan, 29 tuổi, có nghĩa là tổng xuất ra khỏi nước. Trường hợp Đan giống như trường hợp Ngụy Kinh Sinh năm 1997. Cùng một ngôn từ duy nhất: lý do sức khỏe. Cùng một địa phương duy nhất: nước Mỹ. Cùng một bối cảnh: mặc cả ngoại giao với hoa Thịnh Đốn. Cùng một chiến lược: tỏ vẻ duyên dáng quyến rũ nhằm khôi phục danh dự (?) trước quốc tế về vấn đề nhân quyền.

Sự trả tự do - trực xuất không gây ngạc nhiên cho ai - Người ta ta thừa biết Bắc Kinh - Hoa Thịnh Đốn mua bán gay go về vụ này để bảo đảm thành công cho chuyến viếng thăm Bắc kinh của Tổng Thống Clinton vào cuối tháng 6/98. Bắc Kinh hy vọng chuyến công du này sẽ xác nhận

thành quả ngoại giao của Trung Quốc. Chế độ Bắc Kinh gấp rút xúc tiến vụ này để thu lợi tối đa trên hai phương diện: thoát khỏi sự kết án của Ủy Ban Bảo Vệ Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc, hy vọng Quốc Hội Mỹ duyệt xét thuận lợi điều khoản "tối huệ quốc" dành cho Trung Quốc.



Sinh viên Vương Đan

Vụ phóng thích còn mang một ý nghĩa khác, chứng tỏ Bắc Kinh đang đeo đuổi điều gọi là "tổng khứ ngoại giao" các nhà đối lập. Bắc Kinh đánh cuộc trên 2 khía cạnh: các nhà dân chủ đối lập mất dần ảnh hưởng khi sống ở nước ngoài, tình hình nhân quyền tại Trung Quốc trở nên tốt đẹp hơn trước. Hoa Thịnh Đốn, Ba Lê, Luân Đôn đồng thanh khen ngợi chính phủ Giang Trạch Dân. Trung Quốc còn hứa hẹn sẽ ký kết -những chưa biết lúc nào- quy ước Liên Hiệp Quốc về nhân quyền và quyền hoạt động chính trị. Vấn đề gút mắt là lời hứa ấy chỉ là lời hứa ngoại giao - Giữa những lời tuyên bố lịch sử của Bộ Ngoại Giao Trung Quốc và sự thực hành của cơ quan an ninh còn có một khoảng cách rất xa-

Nếu như người ta ghi nhận một luồng gió tự do đang thổi nhẹ vào giới đại học chung quanh đề tài cải tổ chính trị, ngược lại hiện tượng hăm dọa, bắt bớ kết án các nhà đối lập chưa chấm dứt. Theo Hội Ân xá Quốc Tế, chế độ còn giam giữ 2.000 nhà đối lập. Chế độ chỉ cho phép thảo luận dân chủ "kiểu sa-long" và hình như chế độ tiếp tục huy động bộ máy công an để giết tử trong trũng nước mọi toan tính kết hợp yêu sách chính trị với yêu sách xã hội. Giữa lúc thất nghiệp gia tăng, chế độ không thể dung tha phong trào đặt yêu sách xuất phát từ giới lao động con đẻ của chế độ.

■ Cao Miên

Năm kỷ giả ngoại quốc đến tận nơi cách biên giới Thái Lan 150 km chứng kiến Pol Pot chết thật. Pol Pot nhuộm tóc đen trước khi chết.

Pol Pot hung thần có hành vi bí mật nhất của thế kỷ 20. Trong gần 40 năm, ông lẩn trốn trong rừng sâu, không bao giờ gặp gỡ ký giả trừ trường hợp bắt buộc. Lúc ông cầm quyền (1975) không ai biết tên thật

của ông là Saloth Star. Một vài phim ảnh thực hiện để tuyên truyền nhân dịp ông viếng Bắc Kinh 2 lần đều đưa ra một chân dung lu mờ thay đổi. Ông cũng không lưu lại một văn bản lý thuyết nào và những tài liệu tự tay ông thảo là những chỉ thị hoặc những mệnh lệnh. Cho nên người ta không biết yếu tố nào thúc giục Pol Pot thảo kế hoạch giết người ghê gớm: trở về xã hội nông thôn, xã hội Khmer nguyên thủy? sợ hãi? bệnh hoạn? Điều này giải thích phần nào sự sợ tán đẫm máu khỏi thành thị. Ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Văn hóa Trung Quốc, của cuộc Cải cách ruộng đất Việt Nam? Hoang tưởng bệnh hoạn nghĩ đến một âm mưu quốc tế, do đó tàn sát dân tộc thiểu số (Chàm, Trung Quốc, Việt Nam) hoặc những thành phần xã hội đáng phi nhõ (những ai mang kính hoặc nói tiếng ngoại quốc) và thanh trừng nội bộ. Một cuộc chạy trốn thực tế với những công trình xây dựng nông thôn giết người?

Kề bệnh hoạn giả nua điểm phần tô son để giả mạo căn cước của mình hay tự cho mình vẫn còn tráng kiện qua mái tóc xanh? Dù sao chăng nữa, một nhà độc tài khát máu đã ra đi vĩnh viễn, một nhà độc tài lợi dụng chiến tranh để hành hạ và giết dân mình.

Sau khi chết, Pol Pot còn để lại một câu hỏi lớn không những cho kỷ ức dân tộc Khmer mà còn cho cả thế giới và không riêng gì cho các nhà chính trị. Tại sao một thảm thiết như thế xảy ra mà không gây một phản ứng nào về phía Tây phương mặc dù một vài nhân chứng đáng tin cậy đã lên tiếng báo động. Tuy nhiên, sau tấm màn Mác-Lê Mao-ít với hàng loạt nạn nhân, người ta biết chắc có nhiều điều tệ hại xảy ra nếu người ta không thực lòng muốn biết.

Trước khi thực thi quyền lực bao trùm toàn cõi Cao Miên, Pol Pot và đồng bọn từng chịu ảnh hưởng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Trung Quốc đã thảo kế hoạch thành lập "một dân tộc mới" nơi vùng họ kiểm soát, một lý thuyết tương ứng với kế độc tài chuyên chế: khi dân tộc này không phù hợp với nhà cai trị, phải tiêu diệt dân tộc ấy. Thế thì tại sao người ta còn ngập ngừng chỉ đích danh tác phẩm của Pol Pot là cuộc diệt chủng? Giết người không hối tiếc, hành động theo một ý thức hệ cường sản, mưu tính giết hết hoặc một phần dân tộc hoặc một nhóm chủng tộc khác, một thành phần xã hội, tôn giáo, những tiêu chuẩn có thể ứng dụng vào thảm kịch Cao Miên.

Nếu gọi vụ Pol Pot là diệt chủng thì phải kể đến ai liên can đến thảm kịch này. Nhưng vì quyền lợi, không vì mất trí nhớ, vì lo sợ, đơn giản là vì thảm kịch đeo đuổi dai dẳng nên các nhà lãnh đạo Cao Miên thuộc tất cả khuynh hướng chính trị không muốn tìm cách trừ khử tội ác, điều tà có nghĩa là xét xử Pol Pot cho dù hung thần đã chết.

Những cái chết không thể xá tội Pol Pot và đồng bọn. Không thể miễn tố họ vì quá thời gian luật định trừ phi muốn làm mất uy tín, đạo đức của những ai luôn cố vô thành lập Tòa án Quốc tế xét xử tội chống nhân loại. Phân chia trách nhiệm trong thảm kịch

Khmer là một công việc tế nhị khó khăn. Một vài nhân chứng có thể đặt ra chuỗi ngại hành chính chống lại việc xử án Pol Pot. Mọi người đều biết ở Cao Miên cũng như ở nơi khác, đen trắng thường hay lẫn lộn trong những hoàn cảnh tương tự. Dù không có giải đáp ổn thỏa, nhưng không vì thế mà vội quên hoặc che lấp sự mù quáng của những ai cố tình không muốn biết. Có thể ngây thơ nghĩ rằng người ta có thể phân xét lịch sử. Nhưng tốt hơn hết là thủ làm việc này còn hơn là dự kiến ngày nào đó nhìn thấy một Pol Pot khác ung dung rồi bỏ sân mà không có một phản ứng nào.

■ Ấn Độ - Pakistan

Bất chấp rắc rối ngoại giao, trừng phạt kinh tế, Ấn Độ, Pakistan thí nghiệm nguyên tử trước sau 2 tuần. Cơn sốt hạt nhân kích động toàn cõi Á Đông đồng thời nêu lên một vài nhận xét:

1. Thực hiện 5 cuộc thí nghiệm, Ấn Độ nhắm vào 4 mục tiêu: Đặt vấn đề thảo luận lại Hiệp Ước ngăn cấm thí nghiệm (1996) mà Ấn Độ cho là thiếu công bằng; Giương cao uy tín của một cường quốc nguyên tử; Thay đổi quy luật của "Câu Lạc Bộ Luân Đôn" liên quan đến việc xuất cảng kỹ thuật hạt nhân, như thế giúp Ấn Độ phát triển lãnh vực nguyên tử có công dụng dân sự và mở mang năng lượng nguyên tử; Gián tiếp uy hiếp Pakistan.

2. Pakistan lúc nào cũng xác định bản sắc qua phản ứng trước người anh em thù địch cho nên Pakistan không thể không làm gì và quyết định chạy đua vũ trang (thứ 5 lần) cho dù quốc gia gần như phá sản, kinh tế suy sụp, xã hội băng hoại vì tham nhũng.

Từ lúc thuộc địa Anh chia đôi (1947), Ấn - Pakistan 3 lần giao tranh. Nhưng mỗi cuộc chiến đều xác định ưu thế quân sự của Ấn. Dưới khía cạnh này, Pakistan vừa có vũ khí nguyên tử sẽ dựa vào sự "ngang bằng hạt nhân" để cân bằng tương quan lực lượng. Rắn đe lẫn nhau sẽ dẫn đến hòa hoãn. Phải chăng Ấn, Pakistan chuẩn bị chiến tranh để kiến tạo hòa bình. Mặt khác, Pakistan với tư cách quốc gia nguyên tử Hồi Giáo duy nhất sẽ gây ảnh hưởng ở Á Châu và Cận Đông.

3. Các cường quốc nguyên tử Mỹ, Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc đang đứng trước một sự chọn lựa khó khăn. Hoặc thu nhận Ấn, Pakistan vào Câu Lạc Bộ hạt nhân để giới hạn, hoặc từ chối, như thế, sẽ thúc đẩy sự tăng sinh nguyên tử. Phương thức hay nhất là thu nhận 2 nước ấy với điều kiện 2 nước phải ký kết Hiệp Ước ngăn cấm thí nghiệm nguyên tử. Nhưng chưa chắc Trung Quốc bằng lòng, Trung Quốc đã tích cực giúp Pakistan liên quan đến chương trình vũ trang hạt nhân.

4. Pakistan gây rắc rối cho khối Tây phương hơn là cho Trung Quốc, Ấn Độ. Biện pháp trừng phạt vô hiệu. Một Á châu khác vừa ra đời, với một tương quan lực lượng mới giữa 2 nước lớn là Trung Quốc, Ấn Độ. Do đó các nước Á Châu khác như Nhật, Triều Tiên không thể đứng ngoài cuộc tranh chấp. Nguy hiểm lớn nhất không

phải nằm ở tiểu lục địa Ấn mà nằm ở toàn cõi Á Đông, nhất là trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế xã hội. Pakistan chỉ đóng vai trò phụ. Đối thủ thật sự của Ấn là Trung Quốc.

5. Từ đây thế giới có 3 cường quốc nguyên tử giáp ranh cùng lúc thù hận hoặc nghi kỵ lẫn nhau: Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan. Nhưng đây chỉ là bước đầu. Người ta dự kiến vào thế kỷ XXI, 10, 12 hoặc 15 quốc gia có thể dùng vũ khí nguyên tử gây nên cuộc chiến tranh lạnh mới trong một bối cảnh mới. Nếu không kể vô số kẻ cường tin Mafia cũng như khủng bố sẽ sử dụng vũ khí nguyên tử. Điều này gây nên 2 hậu quả:

- Mọi cố gắng giải trừ binh bị từ 30 năm nay đều thất bại. Hiệp Ước ngăn cấm thí nghiệm chất trước khi ra đời.

- Thế giới đa cực nguy hiểm hơn thế giới lưỡng cực (Liên Xô - Mỹ) hoặc đơn cực (Mỹ).

Thế nhưng người ta hy vọng các chính phủ có trách nhiệm sẽ làm những gì người dân tha thiết mong muốn: dù tự hào có bom nguyên tử, các dân tộc không bao giờ muốn chơi với lửa.

Tình hình hạt nhân trên thế giới

- 7 cường quốc nguyên tử được công nhận: Mỹ, Nga, Anh, Pháp, Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan.

- Nước bí mật có vũ khí nguyên tử: Do Thái.

- Nước bị nghi ngờ đang xúc tiến kế hoạch vũ trang nguyên tử: Iran, Iraq, Libye, Bắc Hàn.

- Nước chính thức bãi bỏ kế hoạch vũ trang: Ba Tây, Á Căn Đình.

LIÊN HIỆP QUỐC

Các nước Á Đông đều núp sau bình phong "giá trị Á Châu" để chà đạp nhân quyền. Cũng vì lẽ ấy mà các nhà đối lập Á Châu cùng nhau tham dự cuộc hội thảo về đề tài giá trị truyền thống Á Châu do Liên minh Quốc tế các Hội Bảo Vệ Nhân Quyền tổ chức bên lề cuộc họp của Ủy Ban bảo Vệ Nhân Quyền LHQ tại Genève.

Trước nhất nhà lý khai Ngụy Kinh Sinh lên tiếng nhắc lại nhân quyền là một giá trị đại đồng, tố cáo các nhà lãnh đạo Trung Quốc không tôn trọng nhân quyền, như thế có nghĩa là "nhân dân Trung Quốc không phải con người như những con người khác". Ông còn nhấn mạnh ý thức hệ cộng sản mà Bắc Kinh tiếp tục tôn thờ rất xa lạ với tư tưởng Á Châu.

Các nhà đối lập khác tiếp lời Ngụy Kinh Sinh, mỗi người tố về tham luận của mình theo sắc thái đặc biệt của mỗi dân tộc. Chủ tịch Trung Tâm Nhân Quyền Dân Chủ Tây Tạng Lobsang Nyandak nhận định "cực hình tra tấn là cực hình tra tấn dù ở nơi đâu", giết người vì quan điểm của người ấy là một việc làm như nhau bất cứ ở nơi nào. Ông nhấn mạnh Phật Giáo từng thấm nhuần văn hóa Tây Tạng dạy phải bảo vệ mọi đời sống theo nguyên tắc "không ai có

hạnh phúc khi bạc đãi người khác". Theo nhà đối lập Miến Điện Thang Htun, xem "Tự do như một khái niệm Tây phương" là nhục mạ giá trị truyền thống Miến Điện. Ông nói tiếp "Tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tín ngưỡng ghi nhận trong Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền là bộ phận của triết lý Phật Giáo. Trong Thông Điệp gửi đến Ủy Ban Bảo Vệ Nhân Quyền, Bà Aung Kyi, gương mặt sáng rực của Phong Trào Dân Chủ Miến Điện, khẳng định "Dân chủ là một hệ thống bảo vệ các quyền căn bản của con người".

Về phần Ông Võ Văn Ái, Chủ tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam, ông tố cáo nhóm chúa tể đỏ Việt Nam đã và đang chà đạp các quyền tự do căn bản của dân tộc Việt Nam, nhận xét "tinh chất ngoại lệ Á Châu mà tập đoàn Cộng Sản Việt Nam viện ra có giá trị tương đương với chuyên quyền trấn áp, các nguyện vọng chính đáng của dân tộc Việt Nam. Ông trách cứ khối Tây phương đã hy sinh nhân quyền vì lòng tham không đáy trong lúc "Phật Giáo thể hiện thực chất giá trị Á Châu từ hơn 2.000 năm nay".

Theo giải Nobel Hòa Bình Đông Timor hiện tại chịu tai ách độc tài Nam Dương, Jose Ramos Horta, "điều gọi là giá trị Á Châu trước sau chỉ là khẩu hiệu mị dân" tránh né tranh luận về nhân quyền. Ông còn tuyên bố từ bao thế kỷ, các triết gia, các nhà tư tưởng Á Châu luôn luôn cổ vũ công bằng xã hội, khoan dung độ lượng, nhân phẩm như những giá trị phổ quát. Những giá trị ấy đều do Phật Giáo và các tôn giáo lớn tại Á Châu dạy bảo, nhưng không được các chế độ Tân Gia Ba, Nam Dương, Việt Nam tôn trọng.

Trong thập niên 60 - 70, chế độ Cộng Sản Đông Âu bác bỏ nhân quyền, xem nhân quyền như điều gì đặc biệt của Tư Bản. Sau chiến tranh lạnh, các nhà độc tài Á Châu nối nghiệp với luận điệu tưởng tự. Nếu nói theo họ thì dân Nam Hàn tranh đấu cho dân chủ, dân Phi Luật Tân lật đổ độc tài Marcos là những dân tộc chống lại các giá trị Á Châu sao? Nhưng Tổng Thống Nam Hàn Kim Dae Jung đã tuyên bố "vì thiếu dân chủ và không tôn trọng nhân quyền nên Á Châu rơi vào vòng hỗn độn kinh tế tài chánh xã hội".

CẬN ĐÔNG - IRAN

Các nhà lãnh đạo bảo thủ làm một công hai việc khi bắt giữ Đô Trưởng Teheran vì tội lường gạt và quản lý nhập nhằng. Không những họ làm cho Tổng Thống Khatami suy yếu về mặt chính trị mà còn nhắc nhở Tổng Thống nên nhớ lập trường của ông: Tôn trọng quốc gia pháp quyền phân chia quyền Hành pháp, Lập pháp, Tư pháp. Hoặc Tổng Thống sẽ giữ lời hứa để cho công lý tiến hành bình thường dù ông tin rằng Đô Trưởng bạn ông vô tội và đối thủ của ông mang nhiều ác ý. Hoặc ông hay chính phủ hoặc cả hai cùng lúc với các phe phái ủng hộ ông tìm cách ảnh hưởng đến công lý. Tổng Thống giữ yên lặng, ngược lại một vài Tổng Trưởng đứng

lên bào chữa cho Đô Trưởng đồng thời là thành viên Hội Đồng Nội Các.

Thật là điều lạ lùng khi Tổng Trưởng Nội Vụ xác nhận ông và các đồng僚 không hay biết gì về vụ bắt bớ này. Có điều đích xác là trong một quốc gia mà tham nhũng là một hiện tượng hết sức bình dân, tham nhũng là một phương pháp cai trị. Do đó, việc vạch lá tìm sâu nơi Tòa Thị Sảnh Teheran do các nhà bảo thủ bảo trợ không thể không có hậu ý chính trị. Nhưng khi Tổng Thống khẳng định phải áp dụng luật pháp cho mọi người, bắt buộc ông phải để cho Tòa Án làm việc. Tổng Thống và chính phủ Iran đang đứng trước 3 bài toán hắc búa.

1. Tại Iran, mọi việc đều mang hậu ý chính trị, nhất là người ta nhận thấy có khoảng cách rất xa giữa bảo thủ và cải cách. Phe cải cách đang thắng thế. Một dấu hiệu chứng tỏ dân chủ đang trên đà phục hồi.

Trong hiện tại, nhóm cải cách cầm quyền phải trả giá đắt cho quan điểm cải tổ. Khi đa số Dân biểu (Quốc hội bảo thủ) thông qua điều luật ngăn cấm báo chí đăng hình phụ nữ không che mặt, dĩ nhiên họ nhân danh luật Hồi Giáo, nhưng họ tung quả quả đấm vào Tổng Thống. Cũng vì động cơ chính trị, bảo thủ ngăn cản phụ nữ chơi bóng đá hoặc kết án tử hình một thương gia Đức (sau đó được ân xá) vì có liên hệ tình cảm với một phụ nữ Hồi Giáo.

2. Các thiết chế Cộng Hòa Hồi Giáo Iran không cho phép quốc gia xã hội sinh hoạt bình thường theo ý nguyện của nhóm cải cách. Ví dụ Tư pháp nằm trong tay phe bảo thủ. Điều này giải thích tại sao Cảnh sát tự ý bắt giam Đô Trưởng Teheran không cần đợi lệnh Bộ Nội Vụ.

3. Nhóm cải cách vội vàng cứu bạn. Điều này chỉ rõ họ chưa làm quen với chế độ phân quyền. Sử dụng quyền hành theo tập quán lẫn lộn Hành pháp, Lập pháp, Tư pháp là chuyện rất tự nhiên dưới chế độ Cộng Hòa Hồi Giáo.

Vấn đề Đô Trưởng Teheran được giải quyết êm thấm cũng như hầu hết các vụ tranh chấp khác có nghĩa là bảo thủ và cải cách ngồi lại nói chuyện với nhau tiếp theo một vài nhượng bộ lẫn nhau. Nhưng Tổng Thống Khatami đã đặt chân vào xích mắc cả đối chác mà trong thâm tâm ông muốn bứt phá. Dù sao vấn đề này cho phép kẻ nọ kẻ kia công khai bày tỏ lập trường, gây tác dụng bổ ích cho nền Cộng Hòa Hồi Giáo Iran.

ÂU CHÂU

Quyết định tung ra đồng EURO vào đầu năm 1999 mang tham vọng chẳng những cân bằng tương quan lực lượng mà còn muốn qua mặt Mỹ. Trên lý thuyết Âu Châu mạnh hơn Mỹ thật (Nhập cảng: Âu Châu 17,8%, Mỹ 20%; Xuất cảng: Âu Châu 20,2%, Mỹ 15%; Trữ kim: Âu Châu 320 tỉ đô-la, Mỹ 58,7 tỉ; Tổng sản phẩm nội địa: Âu Châu 8.600 tỉ, Mỹ 7.300 tỉ). Thực tế có vẻ khác hẳn, vì mạnh về kinh tế song chưa đủ để trở thành một sức mạnh thật sự

trên bình diện quốc tế. Thái độ của Âu Châu trước vấn đề vừa mới xảy ra tại Kosovo thuộc Liên bang Nam Tư chứng thực điều này.

Trừ khi Tổng Thống Liên bang Nam Tư hủy bỏ quyền tự trị dành cho Kosovo (90% dân Albanie), Kosovo trở thành lò lửa căng thẳng tại vùng Balkan. Gần đây, nhóm dân tộc Albanie tại Kosovo đứng lên chống lại đường lối hợp tác với chính quyền trung ương làm cho tình hình nguy ngập thêm hơn. Âu Châu phản ứng nhanh hơn Mỹ, nhưng Âu Châu chỉ cố gắng tìm mọi cách tránh gây đổ máu không trực tiếp can thiệp vì bất đồng nội bộ. Cuối cùng nền ngoại giao Âu Châu lộ vẻ lu mờ trước sự hoạt động tích cực của Đại Sứ lưu động Mỹ Richard Holbrooke, cha đẻ Hiệp ước Dayton chấm dứt nội chiến Bosnie. Ông này thành công dàn xếp cuộc gặp mặt giữa Tổng Thống Nam Tư và Thủ lãnh Cộng đồng Dân tộc Albanie tại Kosovo cho dù nguy cơ đang leo thang.

Cuộc khủng hoảng Kosovo nêu lên một lần nữa ưu thế của Mỹ đồng thời thế yếu của Âu Châu tại Balkan. Người ta không quên rằng Âu Châu đã báo động trước nhất từ tháng 11/97. Bộ Ngoại Giao Đức - Pháp đã khuyến cáo chính quyền trung ương nên thảo luận với chính quyền địa phương. Những câu hỏi nêu lên là Âu Châu có dám dùng biện pháp đe dọa hoặc quân sự để làm hậu thuẫn cho đường lối ngoại giao không? Âu Châu có thể bảo vệ lập trường theo đó an ninh quốc phòng của Âu Châu thuộc về trách nhiệm của Âu Châu? Thật dễ trả lời. Nếu cách giải quyết vụ Kosovo cần đến biện pháp quân sự, người ta thấy ngay kẻ hở: Âu Châu không làm được điều gì nếu Mỹ không ưng thuận, không tham dự. Mặt khác xứ Albanie kề cận cũng như dân tộc Albanie tại Kosovo đều tin tưởng vào NATO, tất nhiên là Mỹ.

Cho nên người ta ghi nhận có nhiều mâu thuẫn tương tự những mâu thuẫn đã chiếm trọn thời sự trong những năm chiến tranh Bosnie. Âu Châu mặc nhiên xác nhận Âu Châu không thể ngồi yên khi một biến cố đi ngược lại mục tiêu của Âu Châu xảy ra trước cửa nhà mình. Nhưng đa số các nước Âu Châu quan niệm Âu Châu không làm nên trò trống gì nếu không có Mỹ đứng sau lưng. Trong nhiều năm; ngay cả lúc chiến tranh Nam Tư bùng nổ, Âu Châu viện cớ không có phương tiện để hoạt động độc lập. Bây giờ tình thế khác hẳn. Âu Châu đã có lực lượng quân sự chung nhưng Âu Châu bất lực vì an ninh Âu Châu không phải là vấn đề phương tiện mà là lệ thuộc vào ý chí chính trị.

Mỹ rất ưa thích đặt Âu Châu trước mâu thuẫn của Âu Châu. Mỹ thường hay nhắc nhở tuy Âu Châu yêu cầu được quyền sử dụng phương tiện quân sự của NATO (và Mỹ đã bằng lòng) nhưng trên thực tế, Âu Châu thật sự chưa muốn lợi dụng những khả năng mới này. Do đó Mỹ kết luận Âu Châu tuy thống nhất tiền tệ nhưng chưa thống nhất về lập trường chính trị, ngoại giao, quân sự. Âu Châu chưa phải là một lực lượng cân xứng với Mỹ.

MỸ - VATICAN - CUBA

Trước mắt không có đối thoại phê bình xây dựng với Cuba ít nữa theo chiều hướng hâm nóng lại quan hệ giữa Mỹ và Iran khi nào Cuba còn tôn thờ chủ nghĩa Cộng Sản vô thần. Chính quyền Clinton chưa nổi lòng can thiệp. Nhưng người ta đang bố trí lại sân khấu và tưởng quan Mỹ - Cuba có thể mất đi phần nào thiên kiến. Tổng Thống Mỹ hành động theo ý nghĩa trên khi ông thông báo cho Cuba hưởng ân huệ nhân đạo nhưng không có nghĩa là bãi bỏ lệnh phong tỏa có hiệu lực từ 38 năm nay.

Chính thức những nhà lãnh đạo Mỹ không muốn công nhận nhưng trên thực tế đã tháo gỡ bớt vòng vây hãm Cuba. Chính Đức Giáo Hoàng là người tạo nên bầu không khí đôi chút cởi mở này. Tôn giáo đã hé mở cửa tự do ở Cuba, nhờ đó Hoa Thịnh Đốn hy vọng trong ngắn hạn sẽ gieo "hạt giống sau Castro".



Con bệnh Cuba: Những đó là chai chuyền dịch rỗng. Thầy thuốc Clinton: Lỗi tại Castro.

Vatican - Hoa Thịnh Đốn cùng mở một chiến trận chung? Bộ Ngoại Giao Mỹ bác bỏ mọi gán ghép như thế nhưng công nhận tôn giáo là tác nhân tiềm ẩn của sự thay đổi về mặt dân chủ. Quyền lợi của Mỹ ăn khớp với chủ trương thúc đẩy tự do tín ngưỡng sau thời băng giá chiến tranh lạnh? Hoa Thịnh Đốn - Vatican đều muốn kiến tạo xã hội dân sự Cuba, nêu cao nhân quyền cũng như chống chủ nghĩa Castro không phải là điều lạ.

Mỹ hy vọng sau chuyến viếng thăm của Đức Giáo Hoàng, dân Cuba có một khoảng tự do để thở. Vatican đã tạo cơ hội giúp Mỹ tăng cường cách ly chế độ Castro với dân tộc Cuba. Và Mỹ sẽ khóa lấp kẻ hở ấy bằng cách hợp tác trực tiếp với Vatican, với các Tổ chức phi chính phủ. Về phía Castro, ông có nhiều lý do để thỏa mãn nhưng ông đã phạm một lỗi lầm lịch sử. Cho nên từ đây đường lối Mỹ sẽ hướng về giai đoạn sau Castro. Bối cảnh ngoại giao quân sự đã thay đổi. Cuba không còn là một quốc gia xuất cảng ý thức hệ cộng sản bởi thiếu thị trường. Mỹ bắt tay với Cuba chỉ khi nào Castro tôn trọng tự do, nhân quyền, thả hết tù nhân chính trị. Quan trọng hơn hết là Castro phải đối thoại phê bình với dân Cuba. Cho nên đường lối của Mỹ đối với Cuba còn giới hạn mặc dù củ cải đỏ đã thay thế cây gậy. Điển hình như Mỹ hứa

hẹn viện trợ cho Cuba từ 4 - 8 tỉ đô-la trong thời gian chuyển tiếp dân chủ.

Tuy nhiên tòa Bạch Ốc đang đứng giữa hai áp lực: một bên quốc hội Mỹ và thế lực chống Castro triệt để, một bên các nhà kinh tài sợ mất phần ăn và thất lợi trước giới kinh tài Âu Châu. Cũng như Castro, Clinton chưa vội bước nhanh nhưng Clinton nắm trong tay 2 vũ khí: lệnh phong tỏa và chốt nôm tôn giáo.

TIN THỜI TIẾT

Đã từ lâu, ngư phủ Peru biết rằng nguồn nước lạnh chảy dọc theo bờ biển Peru giúp việc đánh cá trúng mùa trở thành nguồn nước nóng trong khoảng thời gian nào đó. Hiện tượng này thường xảy ra vào mùa lễ Noel cho nên họ đặt tên là El Nino. Chu kỳ El Nino thay đổi từng thời gian. Trong thế kỷ 20, El Nino đến tất cả 23 lần, gần đây nhất vào năm 1989, 1994, 1997.

Thông thường, một khối nước nóng lớn bằng nước Mỹ nằm sâu dưới đáy biển vùng Tây Thái Bình Dương. Ngọn gió thổi từ Đông sang Tây ở vùng xích đạo đã giữ túi nước nóng luôn ở miền Tây Thái Bình Dương, như thế mực nước biển dâng cao 50 cm. Điều này giải thích tại sao khi hậu khu vực Tây Thái Bình dương (Phi Luật Tân, Đông Nam Á, Bắc Úc Châu) rất ẩm ướt.



Ảnh hưởng của El Nino tại Việt Nam: Đất nứt nẻ tại miền Trung.

Trong một thời gian ngắn dài tùy lúc, 2 - 3 hoặc 7 - 10 năm, cơ chế này rồi lo âu gây hậu quả trên toàn thế giới. Khi gió thổi yếu, khối nước nóng di chuyển về phía Đông (El Nino) với tốc độ 250 km/giờ. Mực nước biển vùng Đông Thái Bình Dương dâng cao 25 - 30 cm. Lúc nhiệt độ nước biển tăng lên đến 28 độ C, nước bốc hơi dữ dội gây ra nhiều trận mưa như trút nước. Peru & Equateur thường khi hạn hán phải chịu ảnh hưởng tai hại của những trận mưa lũ, bão tố.

El Nino 1994 gây thiệt hại nặng: 2.000 người chết, 10 - 13 tỉ đô-la. El Nino 1997 chấm dứt vào khoảng tháng 5/98, nhưng hậu quả chưa chấm dứt. Rừng tiếp tục cháy ở Nam Dương (2 triệu mẫu), thất mùa vì hạn hán tại Phi Luật Tân, Kenya, Somalie, Ethiopie, Nam Mỹ, Mễ Tây Cơ, Ba Tây. Gió lốc gây thiệt hại chưa từng có ở Florida (40 người chết, hàng trăm triệu đô-la). Tại Việt Nam (Cao Nguyên Trung Phần, miền Trung, miền Tây) hạn hán kéo dài gây thiệt hại nặng cho nông nghiệp (tại Ban Mê Thuột 50.000 mẫu cà-phê hư hại, tại Kontum 3.000 mẫu lúa cháy). Tất cả các hồ nước của hệ thống nhà máy thủy điện trên

toàn quốc đang ở trong tình trạng báo động. Mực nước hồ Hòa Bình, Trị An, Thác Bà, Đa Nhim, Thác Mơ đều xuống thấp tối đa. Thành phố Sài Gòn bắt đầu cắt điện từ 7 đến 17 giờ.

TIN VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Cung giới hạn, cầu tăng nhanh. Sang thế kỷ 21, nhân loại sẽ thiếu nước tiêu dùng hay ít nữa nguồn nước ngọt không đến tận nơi ở một vài vùng trên thế giới. Cũng vì lẽ ấy mà đại diện 84 quốc gia tham dự cuộc họp thảo luận về tài nguyên nước và mở mang lâu dài tại Ba Lê.

Theo Viện nghiên cứu Water Ressource Institute, 322 triệu dân của 26 quốc gia đang thiếu nước dùng (tiêu dùng hàng năm dưới 1.000 thước khối). Ngân hàng thế giới cho biết 80 quốc gia (40% dân số thế giới) gặp khó khăn về vấn đề cung cấp và phẩm chất nước tiêu dùng. Tất cả các Viện nghiên cứu đều dự đoán trong vòng 20 - 30 năm sắp đến, sẽ có 1,5 tỉ người thiếu nước tiêu dùng vì nhiều nguyên nhân.

1. Dân số thế giới gia tăng từ 1,5 tỉ (đầu thế kỷ 20) lên đến 6 tỉ (đầu thế kỷ 21), 8 tỉ vào năm 2005, 10 tỉ vào giữa thế kỷ 21. Dân số càng nhiều, nhu cầu càng lớn. Sự tiêu dùng tăng gấp 7 lần từ đầu thế kỷ 20 đến giờ, số lượng nước cho mỗi đầu người giảm 40% từ năm 1970.

2. Phương thức sản xuất nông nghiệp (chiếm 70% nước ngọt sẵn có để tưới), nếp sống thay đổi. Bài toán đô thị hóa khổng lồ: Vào năm 2010, thế giới sẽ đếm được 20 thành phố trên 10 triệu dân, 17 ở Nam bán cầu. Sản xuất, nếp sống mới đòi hỏi một sự cung cấp vượt bậc.

3. Phẩm chất nước, phân chia hợp lý là một bài toán nan giải. Những quả bom hóa học nổ chậm (chất độc thải hồi xuống sông rạch, hoặc thấm vào đất đến tận vực nước ngầm) gây ô nhiễm nguồn nước làm cho người ta phải dùng các biện pháp lọc nước ngày càng tinh vi tốn kém. Giá nước sẽ tăng vọt khó lường.

4. Thiên nhiên phân biệt ưu đãi: 8 quốc gia (Ba Tây, Nga, Gia Nã Đại, Mỹ, Trung Quốc, Nam Dương, Ấn Độ, Colombia) và 15 nước thuộc Cộng đồng Âu Châu chia nhau 2/3 nguồn nước tiêu dùng trên thế giới. Các vùng khác (Cận Đông, Bắc Phi, Nam Phi, Bắc Trung Quốc, Tây Nam Bắc Mỹ, Nam Âu Châu) ngược lại phải đối phó với sự thiếu hụt kinh niên.

Khan hiếm, ô nhiễm, phân chia không đồng đều ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe, mở mang phát triển. Nước quá đắt cho kẻ này, gởi thêm muốn chi kẻ kia. Tranh chấp giữa các quốc gia ở vùng hạ thượng lưu vực của 215 sông lớn liên biên giới, căng thẳng giữa các quốc gia dư thừa và các quốc gia thiếu nước (mỗi ngày một dân Bắc Mỹ xài 600 lít nước, một dân Phi Châu 30 lít). 1/4 dân số thế giới không biết nước tinh khiết là gì. Sang thế kỷ 21, nước có một tầm chiến lược quan trọng đặc biệt.

Nhân loại sẽ tranh giành hoặc tìm cách chia sẻ hợp lý tài nguyên nước? Hòa bình thịnh vượng của thế kỷ 21 sẽ tùy thuộc vào cách giải đáp các câu hỏi trên.

TRẺ CON LAO ĐỘNG

Dưới sự bảo trợ của một tập thể gồm Hội South Asian Coalition Against Child Servitude, Hội Anti Slavery International, International Labor Rights Fund, 3 toán trẻ con thuộc thế giới thứ 3 (một xuất phát từ Cap Phi Châu, một từ Á Châu, Phi Luật Tân, một từ Sao Paulo Nam Mỹ) cùng nhau tham dự cuộc diễn hành quốc tế chống lao động trẻ con. Cả 3 nhóm đến Genève vào đầu tháng 6/98 để gây ảnh hưởng đến cuộc thảo luận về Thỏa Ước chống các hình thức lao động khổ sai trẻ con do Văn Phòng Lao Động Quốc Tế tổ chức.

Theo UNICEF, nông nghiệp sử dụng trẻ con nhiều nhất. những hình thức bóc lột sức lao động trẻ con kín đáo, nhất là dùng trẻ con giúp việc nhà. Với lương quá ít, ngày không đủ ăn, trẻ con thường bị chủ nhà khai thác bạc đãi. Thủ đến là ngành kỹ nghệ, thủ công nếu không kể đến vô số trẻ con hành nghề ngoài đường hoặc bị khai thác tình dục trong ngành du lịch.

Chống lao động trẻ con là một việc làm hết sức khó khăn vì lao động trẻ con liên quan đến nền kinh tế thế giới. Người ta ngại biện bào chữa cho rằng lao động trẻ con dính dáng mật thiết đến Văn hóa, Xã hội thế giới thứ ba và bào rằng nếu xóa bỏ nó sẽ làm cho xã hội rối loạn. Nhưng sử dụng sức lao động của 300 triệu trẻ con từ 5 đến 14 tuổi ở Á Châu, Phi Châu, Mỹ La tinh không mang lợi lộc gì cho thế giới thứ ba. Bởi trẻ con lao động là trẻ con đến trường học. Cho phép trẻ con cắp sách đến trường là gây chấn thương cho xã hội? Ở trường học, trẻ con sẽ tiếp xúc với kỹ thuật canh tác, sản xuất hiện đại, sẽ khám phá tất cả những gì có thể lôi kéo xã hội lên cao. Trẻ con trở thành phần tử quan trọng trong cuộc thay đổi dẫn đến tiến bộ xã hội.

Tất cả các nước giàu cũng như các nước nghèo đều có phần trách nhiệm. Nước giàu lợi dụng nước nghèo, nước nghèo dành phần lớn ngân sách cho quốc phòng, phần nhỏ cho giáo dục.

Mục đích của tập thể các Hội đoàn nêu trên là huy động các cố gắng trên tầm mức thế giới để bảo vệ trẻ con, phát huy quyền và quyền lợi của trẻ con, đặc biệt nhất là quyền học vấn miễn phí, quyền có một đời sống xứng đáng, không bị ai khai thác bóc lột về mặt kinh tế cũng như dưới hình thức lao động nô lệ có thể hủy hoại sự nảy nở của trẻ con về mặt thân thể, tâm lý, trí tuệ, đạo đức, xã hội.

Trẻ con thế giới thứ ba nắm giữ một phần may mắn, hy vọng của nhân loại. Tranh đấu giáo dục cho tất cả mọi người là một cuộc tranh đấu cao cả ■

● Phan Ngọc

TÌM THÂN NHÂN

■ Hà Văn Minh - Vợ là Dung - Con trai Hà Minh Đức. Trước năm 1989 ở Gera, nay ở đầu. Xin liên lạc với Chu Văn An, Tel. 0172/ 807 15 94. Hoặc ai biết xin nhắn dùm. Xin cảm tạ.

■ Tim bạn là ĐỖ NGỌC YÊN. Trước kia là học sinh, học nghề tại thành phố Weimar (tức DDR cũ), biết bạn đã qua Tây Đức. Nay bạn ở đầu xin liên lạc về địa chỉ: Nguyễn Thị Khiêm - Unter Werk Str.26 - 79576 Weil-Haltingen. Tel. 07621 / 79 37 14. Hoặc ai biết Ngọc Yên ở đâu xin nhắn tin giùm. Xin cảm tạ.



Chúng tôi được tin Ông Bà Trần Đại Sỹ làm lễ Vu Quy cho

THỤ NỮ TRẦN THỊ HÀ CHÂU
sánh duyên cùng
CẬU LÝ CÔNG CƯỜNG

Hôn lễ cử hành tại Tòa Thị Sảnh Puteaux, Paris, ngày 02.5.1998.

Xin thành thực chung vui cùng Anh Chị Trần Đại Sỹ và hai Họ. Cầu chúc Cô Dâu và Chú Rể Hà Châu & Công Cường bền duyên cầm sắc, hạnh phúc trăm năm.

■ VŨ KÝ

PHÂN ƯU

Chư Ni Chùa Bảo Quang, Chi Hội PTVNTN Hamburg và GĐPT Pháp Quang vô cùng thương tiếc đạo hữu Chi Hội phó Chi Hội PTVNTN tại Hamburg

Đạo Hữu **TRẦN VĂN QUÝ**
Pháp danh Thiện Quang
Sanh 1935 Ất Hợi
Tù trần ngày 05.4. Mậu Dần
(tức 30.4.1998) tại Hamburg
Hưởng thọ 64 tuổi

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng gia quyến và nguyện cầu chú Phật thủy tử tiếp độ hưởng linh đạo hữu Thiện Quang sớm siêu sanh lạc cảnh.

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Thân phụ của Chị tức là Nhạc phụ của Anh Nguyễn Duy Nướng (Wiesbaden) là:

**Cụ Gioan Baotixita
NGUYỄN VĂN THOA**

mất ngày 01.05.1998 tại Tam Hiệp, Biên Hòa (Việt Nam).

Thượng thọ 92 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng Anh Chị Nguyễn duy Nướng, đồng thời cầu nguyện cho linh hồn Cụ Gioan sớm về nơi Vĩnh Hằng.

Gđ. Nguyễn Thành Nam - Stuttgart

PHÂN ƯU

Được tin trẻ, Thân phụ của anh Trần Hữu Lễ tức là Nhạc phụ của nhà văn Trần Thị Nhật Hùng, cộng sự viên của Tạp chí Viên Giác, là :

CỤ ÔNG TRẦN TẮT ĐẠT

đã mệnh chung ngày 15.02.1998 tại Sài Gòn. Thượng thọ 95 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng Anh Trần Hữu Lễ và Chị Trần Thị Nhật Hùng, đồng thời thành kính cầu nguyện hưởng linh Cụ Ông Trần Tắt Đạt sớm được siêu thăng về miền Cực Lạc.

- Ban Biên Tập Báo Viên Giác

- Trung Tâm Âu Châu / Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

PHÂN ƯU

Được tin

CỤ BÀ ĐÌNH THỊ RIỆP

tử trần ngày 09.4.1998 tại Ravensburg. Hưởng thọ 71 tuổi.

Chúng tôi xin chia buồn cùng gia đình họ Đình và nguyện cầu hưởng linh Cụ Bà sớm được siêu thăng về miền Cực Lạc.

- Gia đình Bà Rõ, Bà Tân, Bà Bình - Ravensburg.

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Thân mẫu anh Đoàn Minh Long:

BÁC ĐOÀN THỊ YẾN

đã tử trần tại Frankfurt.

Hưởng thọ 74 tuổi.

Xin thành thật chia buồn cùng Anh Long và toàn thể gia quyến, nguyện cầu hưởng linh Cụ Bà được tiêu điều nơi miền Cực Lạc.

- Vũ, Thị Đức và gia đình

PHÂN ƯU

Được tin buồn

**Cụ BÙI VĂN BẢO
Bút hiệu BẢO VĂN**

đã tạ thế ngày 25 tháng 3 năm 1998 tại Toronto, Canada. Thượng Thọ 82 tuổi.

Gia đình chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu linh hồn Cụ sớm được siêu sanh tịnh độ.

- Gđ. Lê Ngọc Hữu (Ý)

- Gđ. Nguyễn Minh Tâm (Ý)

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc xa gần: Thân Mẫu, Bà nội, Bà Ngoại chúng tôi là :

BÀ ĐÌNH THỊ RIỆP

tử trần ngày 09.4.1998 tại Ravensburg, Đức Quốc. Hưởng thọ 71 tuổi.

Chúng tôi cùng thành kính tri ân:

- Thượng Tọa Thích Minh Phú, Trụ Trì chùa Thiện Hòa.

- Các thân bằng quyến thuộc và bằng hữu ở Ulm và Ravensburg đã dành thì giờ quý báu đến hộ niệm, phân ưu và tiễn đưa linh cữu đến nơi an nghỉ cuối cùng

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót kính mong Chú Tôn Đức cùng quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia họ Đình đồng cảm tạ

CẢM TẠ

Gia đình chúng con xin chân thành cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Trụ Trì chùa Viên giác.

- Thượng Tọa Thích Quảng Bình.

- Ni Sư Diệu Tâm, Trụ Trì chùa Bảo Quang và quý Sư Cô.

- Ni Sư Diệu Phước, Trụ Trì chùa Linh Thủu đồng thời chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Hội Phật Giáo và Công Giáo Hamburg.

- Hội Người Việt Nam Hamburg.

- Thân bằng quyến thuộc xa gần

đã đến chia buồn, điện thoại, tụng niệm và cầu siêu cho hưởng linh

ÔNG TRẦN VĂN QUÍ

Pháp danh Thiện Quang

tạ thế ngày 30.4.1998, tức mùng 5 tháng 4 năm Mậu Dần tại Hamburg.

Hưởng thọ 64 tuổi.

Kính xin quý vị niệm tình tha thứ cho những điều sơ sót trong lúc tang gia bối rối.

- Bà Quà Phụ Huỳnh Thị Khiêm, Pháp danh Diệu Hiền

- Các con và các cháu.

Tang gia đồng cảm tạ

CẢM TẠ

Chúng con xin chân thành cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác Hannover

- Đại Đức Thích Hạnh Bảo

- Các chú Hạnh Văn và Hạnh Hòa

- Sư Cô Hạnh Châu

đồng thời chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Chi Hội Phật Tử Frankfurt

- Chi Hội Phật Tử Tuttingen và Rottweil

- Chi Hội Phật Tử Reutlingen

- Tất cả ông, bà, chú, bác, anh, chị, em và bạn hữu gần xa đã đến thăm và cầu an, cũng như đã cầu siêu và dự tang lễ Thân Mẫu của chúng tôi là.

CỤ BÀ ĐOÀN THỊ YẾN (Đặng)

Pháp danh Thiện Tịnh

Sanh năm 1922. Tạ thế ngày 16.03.1998 (18.02 Mậu Dần)

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Chúng tôi cũng xin thông báo là tất cả tịnh tài phúng điệu sẽ được chuyển về chùa Viên Giác, chùa ở Việt Nam, Ấn tống kinh sách theo thể nguyện của Thân Mẫu chúng tôi.

Tang gia đồng báo tạ

-Trưởng nam Đoàn Minh Long, Jutta và con, Đức Quốc.

-Thủ nam Đoàn Tuấn Ngọc, Trưởng Nguyễn Minh con và cháu, Mỹ Quốc.

-Thủ nam Đoàn Thành Hưng, Hùng Thực Kim và con, Đức Quốc.

-Thủ nam Đoàn Phúc Thịnh, Nguyễn Bích Châu và con, Mỹ Quốc.

-Thủ nam: Đoàn Minh Sơn - Đoàn Tuấn Lộc - Đoàn Hùng Hải, Đức Quốc.

-Trưởng nữ Đoàn Thị Thúy Oanh, Phạm Sĩ Đại và con, Mỹ Quốc.

-Thủ nữ Đoàn Thị Thúy Hạnh, Bùi Khắc Hiếu và con, Đức Quốc.

-Thủ nữ Đoàn Tuyết Anh, Đức Quốc.

-Thủ nữ Đoàn Ngọc Anh, Phạm Đức Tuyền và con, Đức Quốc.

CHIA BUỒN

Được tin buồn

Cụ Bảo Văn BÙI VĂN BẢO

nhà văn hóa, nhà giáo dục đã thất lạc ngày 25.03.1998 tại Toronto, Canada. Thượng thọ 82 tuổi.

Xin thành kính chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu hưởng hồn người quá cố sớm tiêu điều miền Cực Lạc.

- Ông Bà VŨ KÝ

CHIA BUỒN

Được tin trẻ

Thân phụ chị Lê Quang Thông - nhũ danh Lê Thị Mỹ - đã tử trần tại Việt Nam. Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng gia đình Anh Chị, cũng như cầu nguyện linh hồn bác sớm tiêu điều miền Cực Lạc.

- Gđ. Nguyễn Tiến Cường

- Gđ. Nguyễn Hòa (Nhà thờ Tuy Anh)

PHÂN ƯU

Được tin Bác :

**NGUYỄN THỊ VIÊN tự Quang Kính
Pháp danh Viên Mãn**

Thành viên Ban Hộ Trì Tam Bảo

chùa Viên Giác

Tạ thế ngày 6 tháng 6 năm 1998 tại

Hannover - Đức Quốc

Hưởng thọ 73 tuổi

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu hưởng linh Bác Viên Mãn vãng sanh về miền cực lạc

- Ban Hộ Trì Tam Bảo Chùa Viên Giác

- Hội PTVN/ Đức Quốc và các Chi Hội PTVNTN tại địa phương.

- Ban Hưởng Dẫn GDPTVN và các GDPTVN tại Đức Quốc

- Ban Biên Tập Báo Viên Giác



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CÔNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà - Quỳnh
Hoa - Tú Hùng Trần Phong Lưu - Thiện Nghĩa - Phan Ngọc -
Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phú
Văn

Hồ Trường An (Pháp) - Tùy Anh (Đức) - Nguyễn Văn Ba
(Canada) - Tú Xung Roland Berthold (Đức) - Thanh Bình
(Thụy Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý
Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) - S.H. Hà Đầu Đông
(Đức) -- Phương Hà (Bi) - Thái Tú Hạp (Hoa Kỳ) - Nguyễn
Đình Hùng (Hòa Lan) - Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ) - Trần Thị
Nhật Hưng (Thụy Sĩ) - Dr. Thái Văn Kiêm (Pháp) - Nguyễn
Minh Khánh (Canada) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Thiện Hữu Trần
Hữu Lộc (Đức) - Huyền Thanh Lũ (Đức) - Thiện Mẫn (Nga) -
Thiện Xuân - Inna Malkhanova (Nga) - Vũ Nam (Đức) - Lê
Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hưng
Lưu Hồng Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Hoàng Phi
Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hưng Nhơn (Đức) - Nguyễn
Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Văn Nương LNC (Pháp) - G.S. Lê Văn
Quôi (Hòa Lan) - Giang Phúc Đông Sơn (Đức) - T.S. Lâm
Nhu Tạng (Úc) - Phạm Thăng (Canada) - Đoàn Văn Thông
(Hoa Kỳ) - Nguyễn Thủy (Pháp) - Võ Thúc (Ấn Độ) - Hoài
Việt (Pháp) - Yên Tú Cú Sĩ Trần Đại Sỹ (Pháp). Võ Thu Tịnh
(Pháp).

KỸ THUẬT ẤN LOÁT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & ẮN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963
E-Mail pagode-vien-giac @oln.comlink.apc.org

VIÊN GIÁC erscheint 6 mal Jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover

MỤC LỤC

Trang

Thư tòa soạn	1
● TÔN GIÁO	
Luận về đời tiếp nối đời - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn	2 - 4
Tìm hiểu ngày sanh của Đức Phật Thích Ca - Nguyễn Phúc Bửu Tập	5 - 8
Thời điểm trong khoa bói toán - Đoàn Văn Thông	9 - 11
● AUF DEUTSCH	
Buddhismus des Lauteren Landes ... - Tu Xung Roland Berthold	12 - 14
● VĂN HỌC PHẬT GIÁO	
Đóa hoa tâm - Thích Như Điển	15 - 17
Ngày hội quê hương trên đất khách quê người - Ngô Linh Phương	17 - 19
Chùa Hương - Thiện Xuân Inna Malkhanova	20 - 21
Bất tùy phân biệt - Cú sĩ Chánh Trực	22 - 23
Vị sư bà chùa Chanh - Văn Nương	24 - 25
Dưới bóng đa chùa Viên Giác - Trần Trung Đạo	26 - 27
Điểm sách : Vui một ngày vui của nữ sĩ Liên Trang - Hoàng Duy Tú	27 - 28
● TRANG HOA PHƯỢNG :	
Sự tích khăn tang - Hồng Nhiên sưu tầm ■ Trang Gia Đình Phật Tử - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu ■ Việt sử bằng tranh - Bùi Văn Bảo ■ Con thỏ và con hổ - Thanh Bình	29 - 33
● VĂN NGHỆ	
Vườn thơ Viên Giác : Những dòng lục bát - Phú Văn	34 - 40
Tử tưởng Phật Giáo trong thi ca Việt Nam - Thái Tú Hạp	41 - 45
Câu chuyện thơ Đường luật - Vũ Kỳ	46 - 49
Thi tập : Những ngày xưa thân ái của Dư thị Diễm buồn - Thái Văn Kiêm	49 - 51
Phùng Cung (tiếp theo) - Nguyễn Chí Thiện	52 - 56
Bạch Cúc - Giang Phúc Đông Sơn	57 - 62
Đền nợ Ô Ly - Vi Khuê	63 - 67
Tỏi Bắc Kinh (tiếp theo) - Trần Phong Lưu	68 - 71
Thiết lập Di Đà Tịnh Độ nơi thánh địa - T. Hạnh Nguyễn & T. Hạnh Tấn	72 - 74
Một chuyến đi - Đoàn ủy lạo NVĐQ - Nha Trang	75
Kết quả xổ số ngày 16.5.1998 tại chùa Viên Giác	75
Y học thường thức : Lạm dụng thuốc cảm - DS. Bùi Kim Tùng	76
Vitamin Q10 là gì - Quỳnh Hoa sưu tầm . Gia Chánh Chay	76
Giải đáp thắc mắc tỵ nạn - Thiện Hữu	77 - 79
Chân dung cố chủ tịch Hồ Chí Minh - Người tỵ nạn	80 - 83
Thông cáo báo chí - Hợp Thủ Viên Giác	84 - 87
Nhận xét về ý kiến của Trần Độ đối với hiện trạng đất nước - Phan Ngô	88 - 89
Diễn đàn dân chủ : - Nguyễn Văn Đại - Nguyễn Cầu Luyến - Trần Hoài Nam - Nguyễn Việt Cường - Đoàn Thanh Bình - Nguyễn Hồng Vũ	90 - 91
Thời sự thế giới - Phan Ngọc	92 - 98
Tim thân nhân - Phân ưu - Cáo phó - Cảm tạ	98 - 99

● THƠ :

19. Suối Hoa (Tuệ Nga) - Cảm tác về Lục Tổ Huệ Năng (Đặng Đông Mỹ) - 25. Hạnh Từ Bi (Nguyễn Thường Quê) - 45. Thiếu đủ du thừa (Ý Nga) - 51. Tôi làm thơ (Quang Tuấn) - 62. Dưới chiều thanh vắng (Văn Nương) - Nhò Bạch Vân Am (Hà Thượng Nhân) - 79. Cúc Hoa - Hoa Cúc (Nguyễn Châm - Huyền Thanh Lũ) - 83. Nhìn nhau tưởng mộng du (Lê Mỹ Như Ý) - Giác mộng hưởng quang (Đông Châu)

● HÌNH BÌA : Ảnh Huyền Việt

CÁO LỖI

Vi số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến, cũng như mục phượng danh cúng dường không thể đăng hết trong kỳ báo này được. Chúng tôi sẽ tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị

● Ban Biên Tập Viên Giác

Beauty-Center Kosmetik

Thẩm Mỹ Viện

Thị Thanh

Với bằng cấp tại Đức và được tu bổ nghề nghiệp tại Hoa Kỳ "California" đại diện cho Trung Tâm Thẩm Mỹ Giải Phẫu tại Hoa Kỳ và Đức.

Trang điểm vĩnh viễn đẹp tự nhiên, gây tê ít đau, mực tốt không phai xâm viền mắt trên, mắt dưới, viền môi, nguyên đôi môi xăm lông mày tự nhiên, pha màu để hợp với màu tóc, nhận xóa vết xăm hủ và bị phai màu, nhận xăm cho khách hàng ở xa, chỉ cần xăm một lần là hoàn toàn đẹp và bảo đảm.

CHỮA TRỊ CÁC VẾT NHĂN : Trên mặt để kéo lại tuổi xuân từ 10 - 15 tuổi, trị má hóp, hóp 2 bên thái dương, rãnh sâu 2 bên khóe miệng.

CĂM : Chữa cảm lạnh, cảm quá ngắn, làm cảm chề.

MŨI : Làm mũi cao, trị mũi bị nhấn ngay sống mũi, hoặc mũi bị lõm ngay sống, sẽ đẩy đặn và cao tự nhiên.

MÔI : Môi trái tim, và làm môi mỏng đầy đặn quyến rũ đẹp thật tự nhiên bảo đảm không đau không cần giải phẫu.

TRỊ GƯƠNG MẶT QUÁ MẬP : Sau 10 lần massage và chạy máy sẽ đem lại cho các bạn 1 gương mặt thon gọn khả ái.

THÂN HÌNH QUÁ MẬP : Sau 10 - 15 lần chạy máy sẽ đem lại một thân hình rắn chắc hấp dẫn và chỉ dẫn cách thức ăn uống và có các loại thuốc sinh tố "Vitamin" để giữ sự cân bằng cho cơ thể không bị quá mập.

LỘT DA VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC LOẠI DA : Da mụn, mụn cám, mụn bọc, khô nhờn cần côi dị ứng ời mụn thâm đen nám, tàn nhang trong vòng 2 đến 4 tháng kết quả tốt đẹp từ 80% đến 100%.

Có bán nhiều loại mỹ phẩm được chọn lọc kỹ qua nhiều nước : Pháp, Đức, Đại Hàn, Nhật. Đặc biệt độc quyền đại lý mỹ phẩm trộn vàng LAC của Nhật "Mỹ Phẩm Vàng là một kho tàng của sắc đẹp" và mỹ phẩm trộn vàng hiệu Oscar Japan đang được ưa chuộng nhất hiện nay.

Beauty-Center Thị Thanh còn có rất nhiều mỹ phẩm khác để chọn lọc kỹ cho hợp với các loại da người Á Đông. Xin mời các bạn ghé qua để chủ nhân tận tay hướng dẫn các bạn chăm sóc làn da.

Trang điểm cô dâu và dạ hội.

GIÁ BIỂU - GIÁ BIỂU - GIÁ BIỂU - GIÁ BIỂU

Một bộ kem dưỡng da bằng thảo mộc của Pháp "Jean D'arcel"

- Dành cho da khô (4 loại) 179 DM
- Dành cho da dị ứng (5 loại) 199 DM
- Dành cho da bình thường (4 loại) 179 DM
- Dành cho da nhờn mụn cám (5 loại) 199 DM
- Dành cho da mụn mủ, mụn bọc (6 loại) 199 DM
- Dành cho da có tuổi nhăn nhiều (5 loại) 220 DM

Một bộ kem dưỡng da bằng sâm nhung của Đại Hàn "Sami"

- Dành cho da bình thường (4 loại) 180 DM
- Dành cho da khô (4 loại) 180 DM
- Dành cho da có tuổi và khô (4 loại) 220 DM

Vien Giac, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover

PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt H 46298

Một bộ kem nguyên chất "Vitamin "C". Đặc biệt làm khít lỗ chân lông.

- Dành cho da bình thường (4 loại) 170 DM
- Dành cho da khô cần nhiều vết nhăn (5 loại) 200 DM
- Dành cho da nhờn lỗ chân lông to (5 loại) 198 DM

Mỹ phẩm trộn vàng là một kho tàng của sắc đẹp của Oscar Japan dành cho da hơi dị ứng và hơi nhờn ít mụn.

- Gold Skin Lotion "làn khít lỗ chân lông" 180 DM
- Gold Milk Moisturizer (cho da khô & dị ứng) ban ngày 180 DM
- Gold Rejuvenating (ban đêm cho da bình thường & hơi nhờn) 220 DM
- Xà bông trộn vàng (cho da bình thường & nhờn) 50 DM
- Oscar Honey (mật ong chứa trộn vàng ít và nhân sâm) dùng để bồi dưỡng cơ thể, làm hồng làn da giúp tóc óng mượt và trị rụng tóc cho lứa tuổi vừa 75 DM

Cùng là kem vàng hiệu "LAC" được gọi là cải lão hoàn đồng

- Gold Skin Lotion "làm khít lỗ chân lông" 180 DM
- Gold Skin Milk (dành cho da khô bình thường) 180 DM
- Gold Night (cho ban đêm, dành cho da có tuổi và rất khô) 320 DM
- "LAC" mật ong chứa trộn nhiều vàng và nhân sâm dành cho da có tuổi bồi dưỡng khí huyết, sống động của sắc hồng da, tóc ít bạc & trị rụng tóc, kéo lại tuổi xuân 320 DM
- Peeling tẩy trắng mịn da 37 DM
- Thuốc mọc lông mày và lông mi 34 DM
- Sơn môi giữ được 24 tiếng đồng hồ (có 4 màu) 18 DM
- Thuốc lột nhẹ (có 4 loại) 250 DM
- Thuốc lột mạnh (có 6 loại) 580 DM
- Thuốc trị nám, tàn nhang (5 loại) 300 DM

**Nhận gửi hàng đi khắp nơi
Quý vị cần giá biểu xin liên lạc 2 địa chỉ
trên chúng tôi sẽ gửi đến cho quý vị.**



1. Beauty-Cente Thi Thanh.
Voigtstr.40 . 10247 Berlin

2. Kosmetik Thi Thanh
Gross Ziethner Chausee 21 C
12355 Berlin

Tel. : (030) 426 6371.

Tel. & Fax : (030) 663 7874

Thứ Hai đến thứ Sáu : 9:30 giờ đến 18:30 giờ
Thứ Bảy : 9:00 giờ đến 14:30 giờ